



**BẠN CÓ THỂ HIỂU KINH THÁNH!**

***Cựu Ước Lược Khảo***

***Sáng Thế Ký – Ma La Chi***

BOB UTLEY  
GIÁO SƯ VỀ GIẢNG GIẢI KINH  
(GIẢI NGHĨA KINH THÁNH)

BÀI HỌC KINH-THÁNH QUỐC-TẾ, MARSHALL, TEXAS  
2002 (Duyệt Lại 2010)

# CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO SÁNG-THỂ-KÝ – MA-LA-CHI

**DR. BOB UTLEY**  
**Bible Lessons International**

## MỤC LỤC

I.	HƯỚNG DẪN CÁCH ĐỌC TỐT KINH THÁNH	1
II.	MỞ ĐẦU THUYẾT GIẢNG	
A.	THUẬT NGỮ ĐƯỢC DÙNG	8
B.	TAI SAO PHẢI NGHIÊN CỨU CỰU ƯỚC	10
C.	CÁCH NGHIÊN CỨU CỰU ƯỚC	11
D.	BẢN ĐỒ CƠ BẢN	11
E.	DÒNG THỜI GIAN CƠ BẢN	12
III.	SÁCH TÔ-RA	
A.	SÁNG-THỂ KÝ	17
B.	XUẤT-Ê-DÍP TÔ KÝ	29
C.	LÊ-VI KÝ	38
D.	DÂN SỐ KÝ	52
E.	PHỤC-TRUYỀN LUẬT-LỆ KÝ	59
IV.	TIỀN TIÊN TRI	
A.	GIÔ-SUÊ	67
B.	CÁC QUAN XÉT	75
C.	RU-TÔ “(TÁC PHẨM)”	81
D.	SA-MU-ÊN	86
E.	CÁC VUA	95
V.	BIỂU ĐỒ — CÁC VUA CỦA VƯƠNG QUỐC BỊ PHÂN CHIA	
VI.	TÁC-PHẨM	
A.	SỬ KÝ	114
B.	Ê-XO-RA	119
C.	NÊ-HÊ-MI	126
D.	Ê-XO-TÊ	132

VII.	VĂN CHƯƠNG KHÔN NGOAN	138
A.	THƠ VĂN HÊ-BỜ-RỜ	141
B.	CÁC SÁCH	
	GIÓP	143
	THI THIÊN	150
	CHÂM NGÔN	159
	TRUYỀN ĐẠO	165
	NHÃ CA	172
VIII.	ĐẠI TIÊN TRI	
A.	GIỚI THIỆU TIÊN TRI CỰU ƯỚC	179
B.	CÁC SÁCH	
	Ê-SAI	183
	GIÊ-RÊ-MI	202
	CA-THƯƠNG	209
	Ê-XÊ-CHI-ÊN	215
	ĐA-NI-ÊN	222
IX.	TIÊU TIÊN TRI	
	Ô-SÊ	228
	GIÔ-ÊN	234
	A-MỐT	240
	ÁP-ĐIÀ	248
	GIÔ-NA	254
	MI-CHÊ	259
	NA-HUM	265
	HA-BA-CÚC	271
	SÔ-PHÔ-NI	276
	A-GHÊ	281
	XA-CHA-RI	286
	MA-LA-CHI	292

## HƯỚNG DẪN CÁCH ĐỌC TỐT KINH THÁNH: MỘT TÌM KIẾM CÁ NHÂN ĐỂ LẼ THẬT ĐƯỢC XÁC MINH

Chúng ta có thể biết lẽ thật không? Nó được tìm thấy ở đâu? Chúng ta có thể xác minh điều đó một cách hợp lý không? Có một thẩm quyền cuối cùng không? Có phải có những sự tuyệt đối có thể hướng dẫn đời sống, thế giới chúng ta không? Có một ý nghĩa cho đời sống hay không? Tại sao chúng ta ở đây? Chúng ta sẽ đi đâu? Những câu hỏi này - những câu hỏi mà những người duy lý trí luôn suy gẫm - đã ám ảnh trong tâm trí con người từ khi bắt đầu của thời gian (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11).

Tôi có thể nhớ lại sự tìm kiếm cá nhân của tôi một trung tâm hòa nhập của đời sống tôi. Tôi trở thành một tín đồ Đấng Christ lúc còn rất trẻ, dựa chủ yếu trên lời làm chứng của những người quan trọng khác trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên trưởng thành, những câu hỏi về chính tôi và thế giới của tôi cũng lớn theo. Những cái rập khuôn đơn giản của tôn giáo và văn hóa không mang ý nghĩa nào với những trải nghiệm mà tôi đọc hay là đã đụng chạm. Đó là thời điểm của sự bối rối, tìm kiếm, mong đợi và thường là một cảm giác vô vọng trong bộ mặt của một thế giới khó khăn, vô cảm, mà tôi đang sống.

Nhiều người công bố có câu trả lời cho những câu hỏi tối thượng này, nhưng sau khi khảo sát và ngẫm nghĩ, tôi tìm thấy rằng những trả lời của họ dựa trên: (1) những triết lý cá nhân. (2) những thần thoại cổ xưa. (3) Kinh nghiệm cá nhân. hay (4) những suy diễn về tâm lý. Tôi cần vài cấp độ về sự xác minh, vài chứng cứ, một vài sự hợp lý mà qua đó làm nền tảng cho thế giới quan của tôi, cho trung tâm hội nhập của tôi, lý do để sống của tôi.

Những điều này tôi tìm thấy được trong việc nghiên cứu Kinh Thánh của tôi. Tôi bắt đầu tìm kiếm chứng cứ về sự tin cậy của điều đó, qua đó tôi tìm thấy ở trong: (1) Sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh Thánh từ khảo cổ học. (2) Sự chính xác của các lời tiên tri trong Cựu ước. (3) Sự hiệp nhất trong các sứ điệp Kinh Thánh qua hơn một ngàn sáu trăm năm mà Kinh Thánh hình thành. (4) Các bài làm chứng cá nhân của nhiều người mà đời sống của họ đã thường được thay đổi bởi tiếp xúc với Kinh Thánh. Cơ đốc giáo là một hệ thống thống nhất của đức tin và niềm tin, có khả năng xử lý các câu hỏi phức tạp của đời sống con người. Điều này không chỉ cung ứng một khung lý luận, nhưng phương diện trải nghiệm về đức tin Kinh Thánh, mà còn mang đến cho tôi sự ổn định và cảm xúc vui mừng.

Tôi đã nghĩ rằng tôi đã tìm được trung tâm hòa nhập cho đời sống của tôi – Kinh Thánh. Đó là một trải nghiệm nóng bỏng, một sự giải phóng cảm xúc. Tôi vẫn còn nhớ cú sốc và cơn đau khi nó bắt đầu lóe ra cách những sự thông giải khác nhau của sách này đã biện hộ, đôi khi ngay trong cùng những hội thánh và trường phái tư tưởng.

Xác định sự soi dẫn và sự đáng tin cậy của Kinh Thánh chưa phải là chấm dứt, nhưng chỉ là mới bắt đầu. Làm thế nào tôi xác nhận hay từ chối sự những sự thông giải xung đột và khác nhau của nhiều phân đoạn khó trong kinh thánh bởi những người tuyên bố thẩm quyền và sự tin cậy của chúng?

Công tác này trở nên mục đích đời sống tôi và hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin của tôi trong Đấng Christ đã mang cho tôi sự bình an và vui mừng lớn lao. Tâm trí tôi mong tìm vài sự tuyệt đối trong sự tương đối văn hóa của tôi và chủ nghĩa giáo điều của những hệ thống tôn giáo xung đột và sự kiêu ngạo hệ phái. Trong sự tìm kiếm của tôi về những phương pháp giá trị cho sự thông giải các văn hóa cổ xưa, tôi ngạc nhiên khám phá những thành kiến của chính tôi về lịch sử, văn hóa, hệ phái và trải nghiệm. Tôi cũng thường xuyên đọc Kinh Thánh chỉ vì muốn củng cố các quan điểm của tôi. Tôi thường dùng nó làm cơ sở dữ liệu để tấn công người khác trong khi để xác định sự thiếu sót và sự không an toàn của chính tôi. Hiện thực này làm tôi đau đớn biết bao!

Mặc dù tôi không thể nào hoàn toàn khách quan, tôi có thể trở thành một độc giả tốt hơn về kinh thánh, tôi có thể giới hạn thành kiến của tôi bằng cách nhận ra chúng và nhận ra sự hiện diện của chúng. Tôi chưa hoàn toàn tự do khỏi chúng, nhưng tôi phải đối diện bởi chính sự yếu đuối của riêng tôi. Người thông giải thường là kẻ thù tồi tệ nhất của việc đọc tốt Kinh Thánh!

Vì vậy, hãy để tôi đưa ra những giả định mà tôi mang tới trong nghiên cứu Kinh Thánh để bạn, người đọc có thể xem xét chúng cùng với tôi:

- (1) Tôi tin rằng Kinh Thánh là sự tự khai thị soi dẫn độc nhất của một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được thông giải trong ánh sáng chủ định của tác giả thánh nguyên thủy qua một người viết trong một bối cảnh lịch sử đặc biệt.
- (2) Tôi tin rằng Kinh Thánh được viết ra cho con người bình thường - cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời điều chỉnh chính Ngài để nói với chúng ta cách rõ ràng trong một bối cảnh văn hóa và lịch sử. Đức Chúa Trời không dấu kín lẽ thật - và Ngài muốn chúng ta hiểu. Vì vậy, nó phải được thông giải trong ánh sáng của những ngày đó, không phải trong ngày nay của chúng ta. Kinh thánh không thể có ý cho chúng ta điều

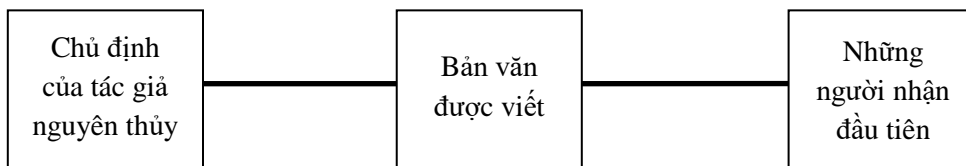
nó không bao giờ có ý cho những người đầu tiên đọc và nghe nó. Nó dễ hiểu cho tâm trí của người trung bình và dùng những kỹ thuật và những hình thức truyền thông của con người bình thường.

- (3) Tôi tin rằng kinh thánh có một mục đích và sứ điệp thống nhất. Nó không mâu thuẫn chính nó, mặc dù nó chứa đựng những phân đoạn nghịch lý và khó. Như vậy, người thông giải tốt nhất của kinh thánh là chính Kinh Thánh.
- (4) Tôi tin rằng mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) chỉ có một và một ý nghĩa mà thôi dựa trên chủ định của tác giả nguyên thủy được soi dẫn. Mặc dầu chúng ta không bao giờ có thể chắc chắn tuyệt đối chúng ta biết chủ định đầu tiên của tác giả nguyên thủy. Có nhiều chỉ dấu, chỉ về chiều hướng của nó:
  - (a) Thể loại (loại văn chương) được chọn để bày tỏ sứ điệp.
  - (b) Bối cảnh lịch sử và/hay trường hợp đặc biệt gọi ra bài viết.
  - (c) Bối cảnh văn chương của toàn bộ quyển sách cũng như mỗi đơn vị văn chương.
  - (d) Thiết kế bản văn (dẫn bài) của các đơn vị văn chương khi chúng liên quan đến cả sứ điệp.
  - (e) Các điểm văn phạm đặc biệt được dùng để truyền tải sứ điệp.
  - (f) Những từ ngữ được chọn để trình bày sứ điệp.

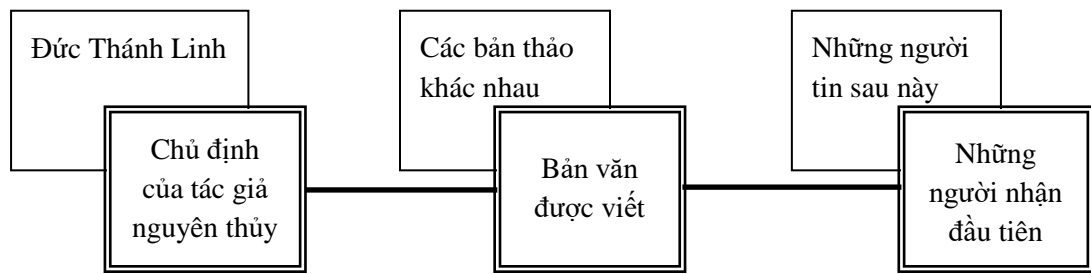
Việc nghiên cứu mỗi một lĩnh vực này trở nên đối tượng của sự nghiên cứu về một bản văn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp của việc đọc tốt Kinh Thánh, hãy để tôi phát họa một vài phương pháp không đúng, được dùng ngày hôm nay đã tạo ra quá nhiều sự đa dạng cho sự thông giải, và hậu quả đó cần phải tránh:

- (1) Bỏ qua bối cảnh văn chương của các sách trong kinh thánh và dùng những câu, mệnh đề, và ngay cả những từ ngữ đơn giản như công bố lẽ thật không liên quan đến chủ định của tác giả hay bối cảnh lớn hơn. Đây thường được gọi là “proof-texting” (dùng một phân đoạn kinh thánh để viện dẫn như là chứng minh cho một giáo lý, niềm tin hay nguyên tắc)
- (2) Bỏ qua bối cảnh lịch sử của các sách trong Kinh Thánh bằng cách thay thế bằng một bối cảnh lịch sử giả định, có rất ít hoặc không hỗ trợ từ chính bản văn.
- (3) Bỏ qua bối cảnh lịch sử của các sách trong Kinh Thánh và đọc nó như là bản tin buổi sáng của khu phố được viết cho cá nhân cơ đốc nhân đương thời.
- (4) Bỏ qua bối cảnh lịch sử của các sách trong Kinh Thánh bằng cách phúng dụ bản văn thành một sứ điệp thần học hay triết lý hoàn toàn không liên quan đến người nghe đầu tiên và chủ định của tác giả nguyên thủy.
- (5) Bỏ qua bản văn nguyên thủy bằng cách thay thế một hệ thống thần học của chính người đó, giáo lý về thú nuôi hay những vấn đề đương thời không liên quan đến mục đích của tác giả và sứ điệp được công bố. Hiện tượng này thường theo sau việc đọc Kinh Thánh như là phương tiện để thiết lập thẩm quyền của người nói. Đây thường liên quan đến như là “Sự đáp ứng của người đọc bản văn” (Sự thông giải: bản văn có nghĩa với tôi là gì?)

Ít nhất ba thành phần liên quan với nhau có thể được tìm thấy trong sự truyền đạt bằng văn viết của con người:



Trong quá khứ những kỹ năng đọc khác nhau đã chú trọng vào một trong ba thành phần. Nhưng để thật sự xác định sự soi dẫn đặc biệt của Kinh Thánh, người ta đưa ra một biểu đồ bổ sung thích hợp hơn.



Thật ra, tất cả ba thành phần phải được bao gồm trong tiến trình thông giải này. Vì mục đích của sự xác minh, sự thông giải của tôi tập chú vào hai thành phần đầu tiên: tác giả nguyên thủy và bản văn. Tôi có thể phản ứng với sự lạm dụng mà tôi đã quan sát. (1) ẩn dụ hóa hay những bản văn được thuộc linh hóa. Và (2) sự thông giải “đáp ứng của người đọc” (điều đó có nghĩa với tôi như thế nào). Sự lạm dụng có thể xuất hiện ở mỗi giai đoạn. Chúng ta phải luôn luôn kiểm tra động cơ, thành kiến, và những áp dụng của chúng ta. Nhưng mà làm thế nào chúng ta có thể kiểm tra chúng, nếu không có phạm trù đối với sự thông giải, không giới hạn, không có tiêu chí? Đây là nơi chủ định của tác giả và cấu trúc bản văn đã cho tôi vài tiêu chí để giới hạn phạm trù những sự thông giải có thể có giá trị.

Trong ánh sáng của những kỹ thuật đọc không tương thích này, đây là phương pháp khả thi cho việc đọc tốt Kinh Thánh và sự thông giải đưa ra một mức độ xác minh và ổn định?

Tại thời điểm này, tôi không thảo luận những kỹ thuật đặc trưng trong việc thông giải những loại văn đặc biệt, nhưng những nguyên tắc giải kinh tổng quát có giá trị cho tất cả bản văn kinh thánh. Một quyển sách tốt cho những phương pháp đặc biệt cho thể loại văn là: *HowTo Read The Bible For All Its Worth*, by Gordon Fee and Douglas Stuart, published by Zondervan.

Phương pháp của tôi tập chú trước tiên vào người đọc cho phép Đức Thánh Linh soi sáng Kinh Thánh qua bốn chu kỳ đọc kinh thánh cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, người đọc, bản văn là chính yếu, chứ không phải thứ yếu. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi bị ảnh hưởng quá mức bởi các nhà bình luận. Tôi nghe người ta nói: “Kinh Thánh soi nhiều ánh sáng trên các sách bình luận”. Điều này không có nghĩa là một lời phê bình xem thường các công cụ giúp đỡ nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khuyên hãy dùng chúng cho đúng thời điểm.

Chúng ta có thể phải có sự hỗ trợ thông giải của chúng ta từ chính bản văn. Năm lãnh vực cung ứng một sự xác minh nhất định:

- (1) Bối cảnh lịch sử
- (2) Bối cảnh văn chương
- (3) Cấu trúc văn phạm (cú pháp)
- (4) Cách dùng từ ngữ đương thời
- (5) Những phân đoạn song song có giá trị

Chúng ta có thể cần cung cấp những lý do và tính hợp lý sau các sự thông giải của chúng ta. Kinh Thánh là nguồn duy nhất cho đức tin và thực hành của chúng ta. Buồn thay, cơ đốc nhân thường bắt đầu về điều Kinh Thánh dạy hay khẳng định.

Bốn chu kỳ đọc được thiết kế để cung ứng những tầm nhìn sâu sắc thông giải sau đây:

- (1) Chu kỳ đọc thứ nhất
  - (a) Đọc cả quyển sách một lần không nghỉ. Đọc nó lần nữa trong bản dịch khác, hy vọng là có các lý thuyết dịch khác nhau:
    - (i) Từng từ ngữ một (NKJV, NASB, NRSV)
    - (ii) Những tương đương năng động (TEV, JB)
    - (iii) Diễn giải (Living Bible, Amplified Bible)
  - (b) Tìm kiếm trọng tâm mục đích của toàn bộ bản văn, Nhận ra chủ đề.
  - (c) Cô lập (nếu có thể) một đơn vị văn chương, một đoạn văn, hay một câu mà nó bày tỏ rõ ràng mục đích trọng tâm hay chủ đề.
  - (d) Nhận ra thể loại văn nổi bật:
    - (i) Cự ước:
      - 1) Chuyện kể Hê bơ rơ
      - 2) Thơ văn Hê bơ rơ (Văn chương khôn ngoan, Thi thiên)
      - 3) Tiên tri Hê bơ rơ (Văn xuôi, thơ văn)

- 4) Các luật pháp.
  - (ii) Tân ước:
    - 1) Chuyện kể (Phúc âm, Công vụ các sứ đồ)
    - 2) Thư/ Thư tín tổng quát
    - 3) Văn chương Khải Huyền
- (2) Chu kỳ đọc thứ hai:
  - (a) Đọc lại toàn bộ sách, tìm nhận ra các đề tài hay chủ đề chính.
  - (b) Làm dàn bài các chủ đề chính và tóm lược các nội dung bằng một câu tuyên bố (*xác định*).
  - (c) Kiểm tra câu tuyên bố về mục đích, và mở rộng dàn bài với sự trợ giúp từ công cụ nghiên cứu.
- (3) Chu kỳ đọc lần ba:
  - (a) Đọc lại toàn bộ sách, tìm nhận ra bối cảnh lịch sử, trường hợp đặc biệt đối với bản văn.
  - (b) Liệt kê dữ kiện lịch sử:
    - (i) Tác giả
    - (ii) Niên đại.
    - (iii) Những người nhận.
    - (iv) Lý do đặc biệt để viết.
    - (v) Các phương diện về bối cảnh văn hóa liên quan đến mục đích của bản văn.
  - (c) Mở rộng dàn bài của bạn tới mức độ các đoạn văn cho phần đó của sách Kinh Thánh bạn đang thông giải. Luôn luôn nhận ra và làm dàn bài đơn vị văn chương. Điều này có thể là vài chương hay vài đoạn. Điều này có thể giúp bạn theo dõi thiết kế bản văn và tính hợp lý của tác giả nguyên thủy.
  - (d) Kiểm tra bối cảnh lịch sử bằng cách dùng các công cụ hỗ trợ học tập.
- (4) Chu kỳ đọc lần bốn:
  - (a) Đọc lại toàn bộ sách trong các bản dịch khác nhau.
  - (b) Tìm kiếm cấu trúc văn phạm và văn chương.
    - (i) Các cụm từ lặp lại.
    - (ii) Các cấu trúc văn phạm lặp lại.
    - (iii) Các quan niệm tương phản.
  - (c) Liệt kê những điều sau đây:
    - (i) Những thuật ngữ ý vị.
    - (ii) Những thuật ngữ bất thường.
    - (iii) Những cấu trúc văn phạm bất thường.
    - (iv) Những câu, mệnh đề hay từ ngữ khó một cách đặc biệt.
  - (d) Tìm kiếm những phân đoạn song song tương ứng:
    - (i) Tìm kiếm sự dạy dỗ rõ ràng trong phân đoạn về chủ đề của bạn bằng cách dùng:
      - a. Những sách “Thần học hệ thống”.
      - b. Kinh Thánh tham khảo.
      - c. Các sách phù dẫn.
    - (ii) Tìm kiếm những cặp đôi nghịch lý trong chủ đề của bạn; nhiều lẽ thật Kinh Thánh được trình bày trong những cặp đôi thuộc ngôn ngữ địa phương; nhiều cuộc xung đột hệ phái đến từ nửa văn bản bằng chứng của một sự căng thẳng về kinh thánh. Tất cả Kinh Thánh đều được soi dẫn, và chúng ta phải tìm kiếm thông điệp hoàn chỉnh của nó để cung cấp một sự cân bằng Kinh thánh cho việc thông giải của chúng ta.
    - (iii) Tìm kiếm những sự song song trong cùng một quyển sách, cùng tác giả, cùng thể loại; Kinh Thánh là người thông giải tốt nhất bởi vì nó có một tác giả, Đức Thánh Linh.
  - (e) Hãy dùng công cụ hỗ trợ nghiên cứu để kiểm tra sự quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và hoàn cảnh.
    - (i) Kinh Thánh nghiên cứu
    - (ii) Bách khoa toàn thư Kinh Thánh, cẩm nang và tự điển.
    - (iii) Giới thiệu Kinh Thánh
    - (iv) Sách bình luận Kinh Thánh (tại thời điểm này trong việc nghiên cứu của bạn, hãy cho phép cộng đồng người tin, quá khứ và hiện tại giúp và sửa sai nghiên cứu cá nhân của bạn.

Tại điểm này, chúng ta chuyển sang áp dụng. Chúng ta phải trả giá để hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ chúng ta phải áp dụng vào đời sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thẩm quyền Kinh

Thánh như “hiểu điều tác giả Kinh Thánh nguyên thủy đang nói trong thời đại của ông ấy và áp dụng lẽ thật đó vào chúng ta ngày hôm nay.”

Sự áp dụng phải đi theo sự thông giải về chủ định của tác giả nguyên thủy cả về thời gian và sự hợp lý. Một người không thể áp dụng một phân đoạn Kinh Thánh cho chính thời đại người ấy mãi đến khi người ấy biết điều đang nói với thời đại của sách ấy. Một phân đoạn Kinh Thánh không thể có ý nghĩa điều mà nó không bao giờ có ý!

Dàn bài chi tiết của bạn, tới cấp độ phân đoạn (chu kỳ đọc #3) sẽ là hướng dẫn của bạn. Sự áp dụng nên được thực hiện ở cấp độ phân đoạn, không phải ở cấp độ từ ngữ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh; mệnh đề chỉ có nghĩa trong bối cảnh. Chỉ người được soi dẫn được tham dự vào tiên trình thông giải là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ đi theo sự hướng dẫn của Ngài bởi sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không là sự soi dẫn. Để nói “Chúa phán như vậy”, chúng ta phải tuân thủ theo chủ định của tác giả nguyên thủy. Sự áp dụng phải liên hệ đặc biệt đến chủ định tổng thể của cả tác phẩm, đến sự phát triển ý tưởng ở cấp độ phân đoạn và đơn vị văn chương.

Đừng để những vấn đề của ngày hôm nay thông giải Kinh Thánh; hãy để Kinh Thánh nói. Điều này có thể đòi hỏi chúng ta phải nguyên tắc hóa bản văn. Điều này có giá trị nếu bản văn hỗ trợ nguyên tắc. Không may mắn, các nguyên tắc của chúng ta chỉ là như vậy, những nguyên tắc “của chúng ta” – chứ không phải nguyên tắc “của bản văn.”

Trong việc áp dụng Kinh Thánh, điều quan trọng phải nhớ rằng (ngoại trừ Tiên tri) một và chỉ một ý nghĩa có thể giá trị cho một bản văn Kinh Thánh nhất định. Ý nghĩa đó liên quan đến chủ ý của tác giả nguyên thủy khi ông trình bày một biến cố hay một nhu cầu của thời đó. Nhiều áp dụng có thể được ra từ ý nghĩa này. Sự áp dụng sẽ được dựa trên nhu cầu của người nhận, nhưng phải liên hệ tới ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

Tới thời điểm này, tôi đã thảo luận tiên trình hợp lý bao gồm trong sự thông giải và áp dụng. Bây giờ, hãy để tôi thảo luận một chút về phương diện thuộc linh của sự thông giải. Danh mục dưới đây có ích cho tôi:

- (1) Cầu nguyện cho sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- (2) Hãy cầu nguyện cho sự tha thứ và rửa sạch tội lỗi đã biết (I Giăng 1:9).
- (3) Hãy cầu nguyện cho ước mong biết Chúa lớn hơn (Thi 19:7-14; 42:1ff.; 119:1ff).
- (4) Áp dụng bất cứ sự hiểu biết sâu sắc nào ngay tức khắc vào chính đời sống của bạn.
- (5) Hãy giữ sự khiêm nhu và dễ dạy dỗ.

Thật là khó để giữ quân bình giữa tiên trình hợp lý và sự lãnh đạo thuộc linh của Đức Thánh Linh.

Những lời chú dẫn sau đây giúp chúng ta quân bình cả hai:

- (1) Từ James W. Sire, *Scripture Twisting*, IVP, p. 17-18:

"Sự soi sáng đến từ tâm trí của dân sự Đức Chúa Trời - không chỉ người trí tuệ thuộc linh. Không có tầng lớp cao cấp trong cơ đốc giáo theo nền tảng Kinh Thánh, không có người được Chúa làm sáng mắt, không có người qua đó sự thông giải thích hợp phải đến. Và như vậy, trong khi Đức Thánh Linh ban cho các ân tứ thuộc linh về sự khôn ngoan, kiến thức và nhận biết thuộc linh. Ngài không giao cho những cơ đốc nhân có ân tứ này mới là người thông giải có thẩm quyền về lời Ngài. Điều đó tùy thuộc vào sự học tập của mỗi dân sự, để đánh giá và nhận biết bằng cách tham khảo Kinh Thánh, tượng trưng cho thẩm quyền ngay cả cho những người Đức Chúa Trời đã ban cho những khả năng đặc biệt. Để tóm tắt, giả định tôi đang làm xuyên suốt quyền Kinh Thánh rằng Kinh Thánh là sự khai thị chân thật đến từ Đức Chúa Trời cho cả nhân loại, đó là thẩm quyền tối hậu của chúng ta trên mọi vấn đề mà Kinh Thánh nói đến, đó không phải là tất cả sự huyền nhiệm, nhưng có thể là được hiểu đầy đủ bởi những người bình thường trong mọi nền văn hóa."

- (2) Về Kierkegaard, được tìm thấy ở trong Bernard Ramm, *Protestant Biblical Interpretation*, (Grand Rapids, Mich.: Baker Book House, 1970), p. 75:

Theo Kierkegaard sự nghiên cứu về văn phạm, từ ngữ, lịch sử của Kinh Thánh là cần thiết nhưng việc đọc kinh thánh thật phải là trước tiên. "Để đọc Kinh thánh như lời Chúa, người ta phải đọc nó với trái tim người ấy trong miệng, trên đầu ngón chân, với sự mong đợi háo hức, trong cuộc trò chuyện với Đức Chúa Trời. Để đọc Kinh Thánh vô tư hoặc bất cần hoặc học tập hoặc chuyên nghiệp thì đó không phải là đọc Kinh Thánh như Lời Chúa. Khi một người đọc nó như một bức thư tình được đọc, thì một người đọc nó như Lời của Đức Chúa Trời."

- (3) H. H. Rowley in *The Relevance of the Bible*, p. 19:



"Không chỉ đơn thuần là sự hiểu biết về Kinh Thánh, tuy nhiên khi hoàn thành, có thể sở hữu tất cả các kho báu của nó. Nó không khinh thường sự hiểu biết như vậy, vì đó là điều cần thiết cho một sự hiểu biết đầy đủ. Nhưng nó phải dẫn tới một sự hiểu biết thuộc linh về kho tàng thuộc linh của cuốn sách này nếu nó được hoàn thành. Và cho rằng hiểu biết thuộc linh về một cái gì đó thì nhiều hơn sự tinh tảo trí tuệ là cần thiết. Những điều thuộc linh là được nhận biết thuộc linh, và người nghiên cứu Kinh Thánh cần có một thái độ của sự tiếp nhận thuộc linh, một sự ham muốn để tìm thấy Đức Chúa Trời, người ấy có thể tự dâng mình cho Ngài, nếu người ấy vượt qua sự nghiên cứu khoa học, để thừa kế sự giàu có hơn của cuốn sách vĩ đại nhất này. "

Sách Hướng dẫn Nghiên cứu Bình luận được thiết kế để hỗ trợ các quy trình diễn giải của bạn theo các cách sau:

1. Một phác thảo lịch sử ngắn gọn giới thiệu từng cuốn sách. Sau khi bạn đã thực hiện "chu kỳ đọc # 3", hãy kiểm tra thông tin.
2. Những ý tưởng sâu sắc theo ngữ cảnh được tìm thấy ở đầu mỗi chương. Điều này sẽ giúp bạn xem cách đơn vị văn chương, được cấu trúc.
3. Các phân chia phân đoạn và chú thích mô tả của chúng được cung cấp từ một số bản dịch hiện đại:
  - a. Văn bản Hy Lạp của Hiệp Hội Kinh Thánh Hoa Kỳ, ấn bản lần thứ tư được sửa đổi (UBS4) (The United Bible Society Greek text, fourth edition revised) (UBS4)
  - b. Bản New American Standard Bible, bản cập nhật năm 1995 (NASB) (The New American Standard Bible, 1995 update) (NASB)
  - c. Bản King James mới (NKJV) (The New King James Version) (NKJV)
  - d. Phiên bản tiêu chuẩn sửa đổi mới (NRSV) (The New Revised Standard Version) (NRSV)
  - e. Phiên bản tiếng Anh ngày nay (TEV) (Today's English Version) (TEV)
  - f. Kinh Thánh Giê-ru-sa-lem (JB) (The Giê-ru-sa-lem Bible) (JB)

Sự Phân chia đoạn văn không được soi dẫn. Chúng phải được xác định chắc chắn từ ngữ cảnh. Bằng cách so sánh một số bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch thuật và quan điểm thần học khác nhau, người ta có thể phân tích cấu trúc giả định của tư tưởng của tác giả nguyên thủy.

Mỗi đoạn có một lễ thật chính. Điều này được gọi là "câu chủ đề" hoặc "ý tưởng trung tâm của bản văn." Tư tưởng thống nhất này là chìa khóa để thông giải lịch sử, ngữ pháp phù hợp. Một người không bao giờ thông giải, rao giảng hay dạy dỗ ít hơn một đoạn văn! Cũng nên nhớ rằng mỗi đoạn có liên quan với các đoạn xung quanh. Đây là lý do tại sao một dàn bài cấp độ đoạn của toàn bộ cuốn sách là rất quan trọng. Người ta phải có khả năng theo dòng chảy hợp lý của chủ đề được trình bày bởi tác giả ban đầu được soi dẫn.
4. Phương pháp thông giải: các ghi chú theo sau: từng câu một - Điều này buộc chúng ta phải làm theo ý nghĩ gốc của tác giả. Các ghi chú cung cấp thông tin từ một số lĩnh vực:
  - a. ngữ cảnh văn học
  - b. thông tin chi tiết về lịch sử, về văn hóa
  - c. thông tin ngữ pháp
  - d. nghiên cứu từ ngữ
  - e. đoạn song song có liên quan
5. Tại một số điểm trong bài bình luận, nội dung của Phiên bản tiêu chuẩn mới của Mỹ (New American Standard Version,) , được cập nhật, sẽ là bổ sung bởi các bản dịch của một số phiên bản hiện đại khác:
  - a. Bản King James mới (NKJV), theo các bản thảo văn bản của "Textus Receptus."
  - b. Phiên bản tiêu chuẩn sửa đổi mới (NRSV), là bản sửa đổi từng từ ngữ, từ Hội đồng quốc gia các nhà thờ của phiên bản tiêu chuẩn sửa đổi.
  - c. Phiên bản tiếng Anh của ngày hôm nay (TEV), một bản dịch tương đương năng động từ Thánh Kinh Hội Hoa Kỳ.
  - d. Kinh Thánh Giê-ru-sa-lem (JB), là bản dịch tiếng Anh dựa trên một bản dịch năng động tương đương Công Giáo Pháp.
6. Đối với những người không đọc tiếng Hy Lạp trôi chảy, so sánh bản dịch tiếng Anh giúp xác định các vấn đề trong văn bản:
  - a. bản thảo biến thể
  - b. ý nghĩa từ ngữ thay thế
  - c. văn bản và cấu trúc ngữ pháp khó

d. văn bản mở hồ

Mặc dù bản dịch tiếng Anh không thể giải quyết được những vấn đề này, nhưng những bản dịch này định hướng chúng như là nơi chốn cho những sự nghiên cứu kỹ và sâu hơn.

7. Vào cuối mỗi chương, các câu hỏi thảo luận liên quan được cung cấp nhằm cố gắng định mục tiêu thông giải các vấn đề chính của chương đó.

*Sách Hướng dẫn nghiên cứu Bình Luận* bây giờ đã có:

Vol. 0	Hội thảo "Bạn có thể hiểu Kinh Thánh"
Vol. 1	Sách vỡ lòng cho Cơ đốc nhân: Ma-thi-ơ
Vol. 2	Tin Lành theo Mác: Mác và I và II Phi-e-rơ
Vol. 3A	Sứ gia Lu-ca: Tin Lành theo Lu-ca (có năm 2003)
Vol. 3B	Sứ gia Lu-ca: Sách Công vụ (có năm 2003)
Vol. 4	Hội ước và thư của các môn đệ yêu dấu: Tin Lành theo Giăng, I, II và III Giăng
Vol. 5	Tin Lành theo Phao-lô: Rô-ma
Vol. 6	Thư của Phao-lô gửi đến một Hội thánh gặp khó khăn: I và II Cô-rinh-tô (có sẵn năm 2002)
Vol. 7	Thư đầu tiên của Phao-lô: Ga-la-ti và I & II Tê-sa-lô-ni-ca
Vol. 8	Thư trong tù của Phao-lô: Cô-lô-se, Ê-phê-sô, Phi-lê-môn và Phi-líp.
Vol. 9	Hành trình truyền giáo thứ tư của Phao-lô: I Ti-mô-thê, Tít, và II Ti-mô-thê
Vol. 10	Ưu việt của Giao ước mới: Hê-bơ-rơ
Vol. 11	Anh em cùng mẹ khác cha nói: Gia cơ và Giu-đe.
Vol. 12	Hy vọng trong thời kỳ khó khăn - Bức màn cuối cùng: Khải huyền
Vol. 1AOT	Mọi thứ bắt đầu như thế nào: Sáng thế ký 1-11

# MỞ ĐẦU THUYẾT GIẢNG

## I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ THƯỜNG DÙNG

### A. DANH XŨNG CỦA CHÚA

1. El
2. E-lo-him
3. YHWH
4. A-don
5. El Sha-ddai

### B. TÊN CÁC BẢN VĂN, BẢN DỊCH:

1. Văn bản Ma-so-re-tic (MT)
2. Bản Sep-tua-gint (LXX)
3. Bản Vul-gate (Vulgate)
4. Bản Mid-rash (Midrash)
  - a. Ha-la-kah - bình luận về Tô-ra
  - b. Hag-ga-da - chuyện kể và dụ ngôn về toàn bộ Cựu Ước
5. Bản Tal-mud (Talmud)
  - a. Bản Mish-nah - truyền thống truyền khẩu về Tô-ra từ những thầy ra-bi nổi tiếng lớn tuổi.
  - b. Bản Ge-ma-ra - bình luận về Mish-nah bởi các thầy ra-bi sau này.
6. Bản Tar-gums (Targums)
7. Những cuộn sách Biển Chết (Dead Sea Rolls)

## II. TẠI SAO NGHIÊN CỨU CỰU ƯỚC

A. Đó là Kinh thánh duy nhất mà Chúa Giê-su và các Sứ đồ đã có. Họ thường trích dẫn từ nó.

B. Đó là sự mặc khải của chính Đức Chúa Trời. Nó được soi dẫn.

- |                          |                         |
|--------------------------|-------------------------|
| 1. Ma-thi-ơ 5: 17ff      | 5. I Phi-e-rơ 1: 23-25  |
| 2. II Ti-mô-thê 3: 15-17 | 6. II Phi-e-rơ 1: 20-21 |
| 3. I Cô-rinh-tô 2: 9-13  | 7. II Phi-e-rơ 3: 15-16 |
| 4. I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13 |                         |

C. Nó được viết cho chúng ta.

1. Rô-ma 4: 23-24; 15: 4
2. I Cô-rinh-tô 9: 9-10; 10: 6, 11

D. Các cơ đốc nhân nên đáp ứng như thế nào?

1. Một số phương pháp lịch sử
2. Giữ nó hoàn toàn
3. Bỏ qua nó hoàn toàn
4. Tôn trọng nó như mặc khải nhưng không ràng buộc
5. Nó không phải là một phương tiện cứu rỗi
  - a. Rô-ma 4
  - b. Công-vụ 15; Ga-la-ti 3
6. Hê-bơ-rơ
7. Đó là sự mặc khải của Đức Chúa Trời cho con người. Nó có một mục đích trong đời sống của chúng ta. Nó tạo nền tảng cho Tân ước. (Lời hứa sẽ hoàn thành.)

### III. LÀM THỂ NÀO ĐỂ CHÚNG TA NGHIÊN CỨU CỰU ƯỚC (KINH THÁNH) Một số nguyên tắc thông giải cơ bản:

- A. Kinh Thánh được viết bằng ngôn ngữ con người bình thường:
  1. Đức Chúa Trời không che giấu sự thật.
  2. Đức Chúa Trời thích hợp chính Ngài với khả năng hiểu của chúng ta
- B. Chìa khóa để thông giải đúng là ý định của tác giả nguyên thủy được soi dẫn. Điều này được tìm thấy ở ý nghĩa đơn giản của các thuật ngữ được sử dụng bởi tác giả và được hiểu bởi những người nghe ban đầu. Do đó, để thông giải đúng một đoạn văn, một người phải tính đến thông tin sau:
  1. Bối cảnh lịch sử;
  2. Bối cảnh văn học;
  3. Thể loại (loại văn học);
  4. Ngữ pháp (cú pháp);
  5. Ý nghĩa đương thời của từ ngữ;
  6. Thiết kế văn bản của tác giả.
- C. Tất cả Kinh Thánh đều được soi dẫn (II Ti-mô-thê 3:16), do đó, thông dịch viên tốt nhất của Kinh Thánh là Kinh Thánh. Chúng ta gọi đây là “sự tương tự của đức tin” hoặc những đoạn song song:
  1. Chúng ta tìm kiếm đoạn văn rõ ràng nhất;
  2. Chúng ta tìm kiếm ý định bao quát của Đức Chúa Trời;
  3. Chúng ta tìm kiếm lẽ thật được trình bày trong các cặp nghịch lý.
- D. Làm cách nào để phân biệt văn hóa và sự tạm thời từ lẽ thật xuyên văn hóa và lẽ thật đời đời?
  1. Có phải lẽ thật Cựu ước đã được một tác giả Tân ước xác nhận?
  2. Sự đồng bộ Kinh Thánh có trình bày lẽ thật này không?
  3. Có phải lẽ thật được bọc trong các thuật ngữ văn hóa rõ ràng không?

### IV. BẢN ĐỒ CƠ BẢN CỦA VÙNG CẬN ĐÔNG CỔ ĐẠI KHI NÓ LIÊN QUAN ĐẾN CỰU ƯỚC

- A. Các nguồn nước (từ Tây sang Đông)
 

1. Biển Địa Trung Hải (Biển to hoặc Biển Thượng)	8. Sông Gia-bốc
2. Sông Nil (Nile)	9. Sông Át-nôn
3. Biển Đỏ	10. Biển Ga-li-lê (Hồ ki-nê-rét)
4. Vịnh A-qa-ba	11. Sông Ô-rơ-phát (Euphrates)
5. Sông (hoặc suối) của Ai Cập	12. Sông Hi-đê-ke (Tigris)
6. Biển Muối (Biển Chết)	13. Vịnh Ba Tư (Biển Hạ)
7. Sông Giô Đan (Jordan)	
- B. Các quốc gia tác động đến dân sự của Chúa trong Cựu Ước (từ Tây sang Đông)
 

1. Rô-ma	6. Phi-li-tin	11. Am-môn
		16. A-sy-ri

- |                   |               |                         |                       |
|-------------------|---------------|-------------------------|-----------------------|
| 2. Hy Lạp         | 7. Giu-đa     | 12. Phê-ni-xi (Li-băng) | 17. Ba-by-lôn         |
| 3. Cáp-tô (Crete) | 8. Y-sơ-ra-ên | 13. Sy-ri               | 18. Phe-sơ-rơ (Ba-tư) |
| 4. Kít-tim (Síp)  | 9. Ê-đôm      | 14. Hê-tít (Anatolia)   | 19. Mê-đi             |
| 5. Ai Cập         | 10. Mô-áp     | 15. Ả rập               | 20. Ê-lam             |

C. Các thủ đô của các nước lớn [thử nghiệm thứ hai]

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Mem-phis (Ai Cập)      | 5. Đa-mách (Syria)       |
| 2. Giê-ru-sa-lem (Giu-đa) | 6. Ni-ni-ve (A-sy-ri)    |
| 3. Sa-ma-ri (Y-sơ-ra-ên)  | 7. Ba-by-lôn (Ba-by-lôn) |
| 4. Ty-rơ (Phê-ni-xi)      | 8. Su-sơ (Ba Tư)         |

D. Các thành phố quan trọng khác [kiểm tra thứ ba]

- |              |                               |
|--------------|-------------------------------|
| 1. U-rơ      | 6. Bết-lê-hem                 |
| 2. Ha-ran    | 7. Hép-rôn                    |
| 3. Mê-ghi-đô | 8. Beer-she-ba                |
| 4. Si-chem   | 9. A-va-ri-s / Xô-an / Ta-nis |
| 5. Giê-ri-cô | 10. Thê-bết                   |

E. Dãy núi [thử nghiệm thứ ba]

- |                                    |                                    |
|------------------------------------|------------------------------------|
| 1. A-ra-rát                        | 5. Cạt-mên                         |
| 2. Hết-môn                         | 6. Nê-bô / Phích-ga                |
| 3. Tha-bô                          | 7. Si-ôn / Mô-ri-a (Giê-ru-sa-lem) |
| 4. Ê-banh hoặc Ga-ri-xim (Si-chem) | 8. Si-nai / Hô-rép                 |

## V. DÒNG THỜI GIAN CƠ BẢN CỦA CỰU ƯỚC

A. Các sự kiện không có niên đại (Sáng thế Ký 1-11)

- |                |                  |
|----------------|------------------|
| 1. Sự sáng tạo | 3. Đại hồng thủy |
| 2. Sa ngã      | 4. Tháp Ba-bên   |

B. Mười niên đại và sự kiện:

1. Thời kỳ gia trưởng (Sáng thế ký 12-50 và Gióp) - 2000 TCN
2. Cuộc di cư (Xuất Ê-díp-tô) - 1445/1290 TCN
3. Cuộc chinh phục (Giô-suê) - 1400/1250 TCN
4. Chế độ quân chủ thống nhất (Sau-lơ, Đa-vít, Sô-lô-môn) - 1000 TCN
5. Chế độ quân chủ bị chia rẽ (Rô-bô-am - Giê-rô-bô-am I) - 922 TCN
6. Sự sụp đổ của Sa-ma-ri (Y-sơ-ra-ên) - 722 TCN
7. Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (Giu-đa) - 586 TCN
8. Sắc lệnh của Si-ru (Phơ-rơ-sơ) - 538 TCN
9. Đền thờ thứ hai - 516 TCN
10. Sự kết thúc của Cựu ước (Ma-la-chi) - 430 TCN

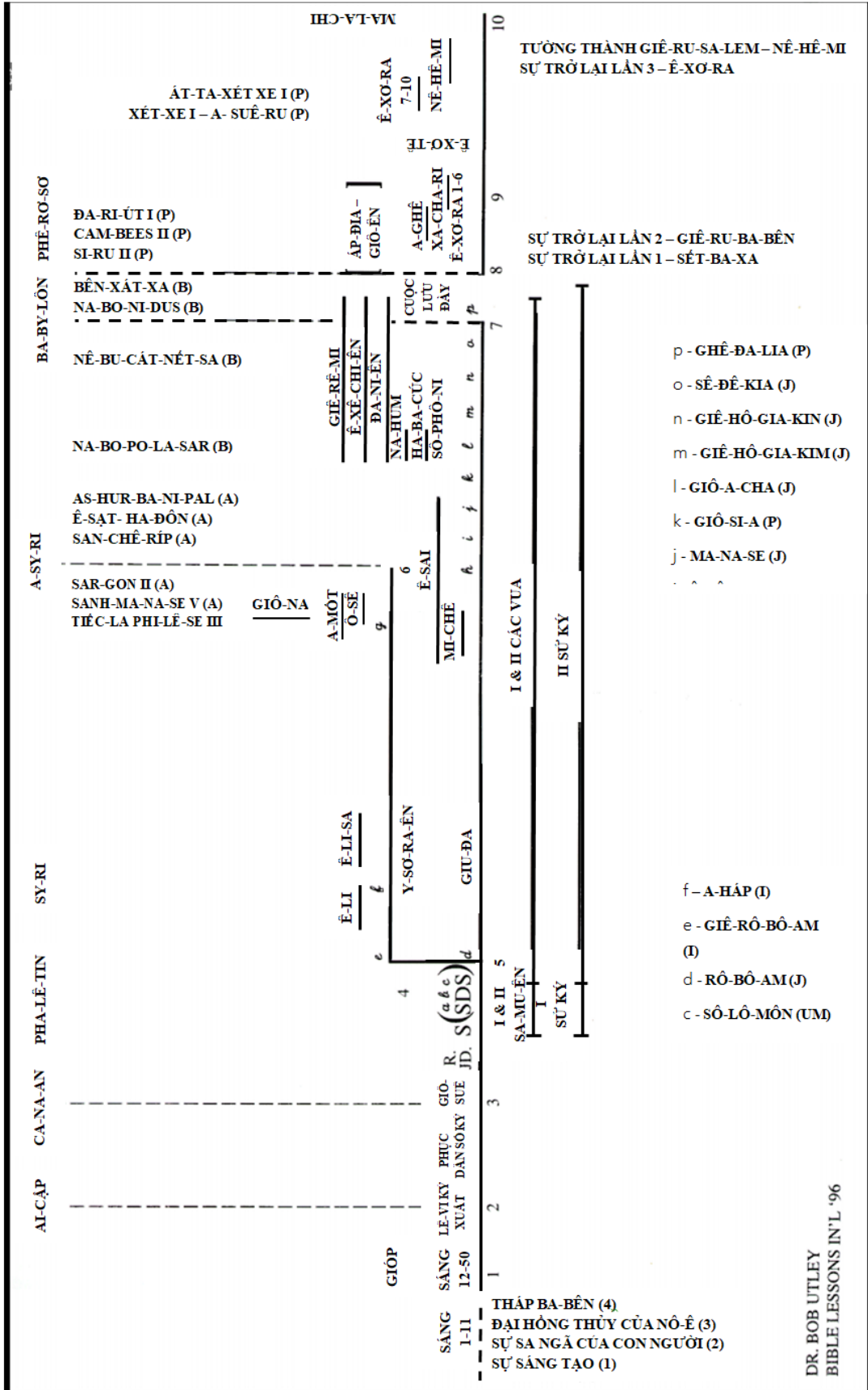
C. Những kẻ thù chính Dân sự của Chúa:

- |                        |                    |
|------------------------|--------------------|
| 1. Ê-díp-tô (Ai cập)   | 6. Ba-by-lôn       |
| 2. Ca-na-an            | 7. Phơ-rơ-sơ       |
| 3. Phi-li-tin          | 8. Gờ-réc (Hy Lạp) |
| 4. Sy-ri (Syria)       | 9. Rô-ma (La Mã)   |
| 5. Ê-xê-chia (A-sy-ri) |                    |

D. Các Vua trên dòng thời gian:

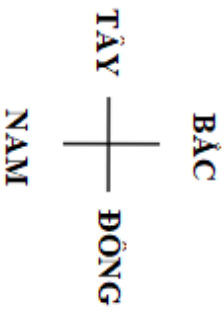
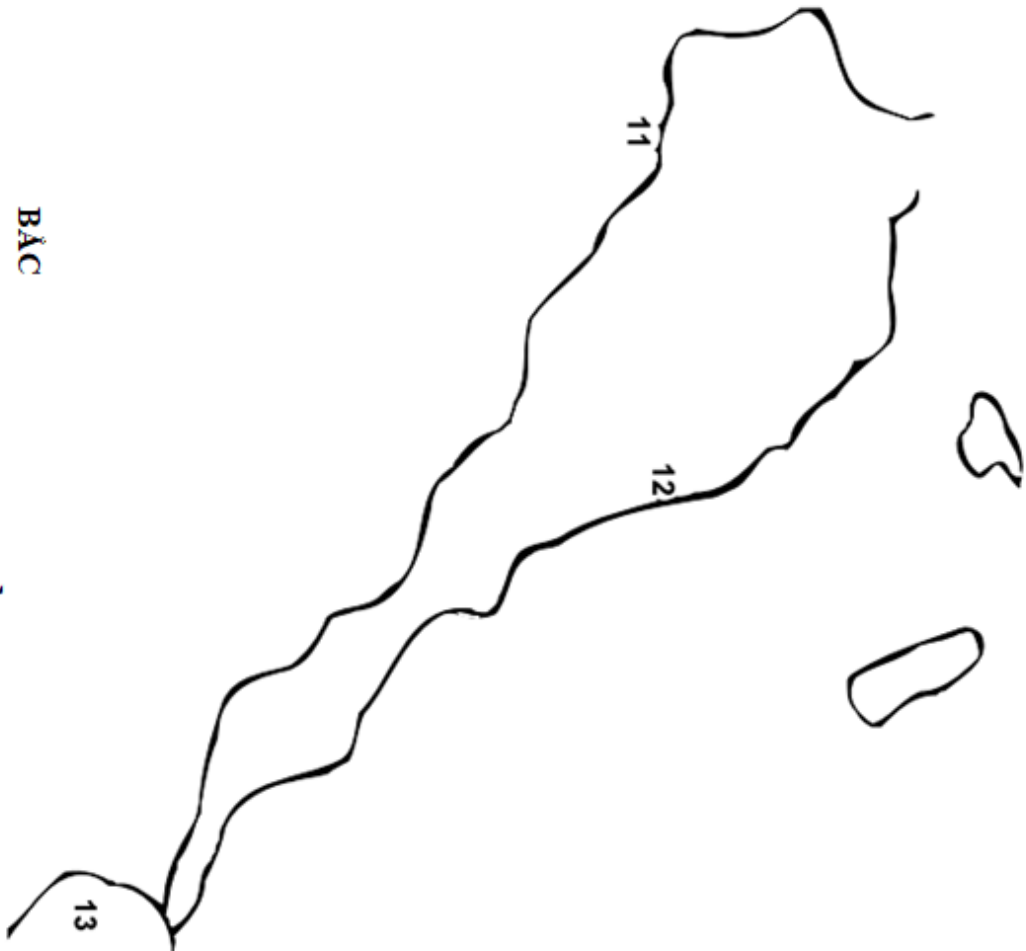
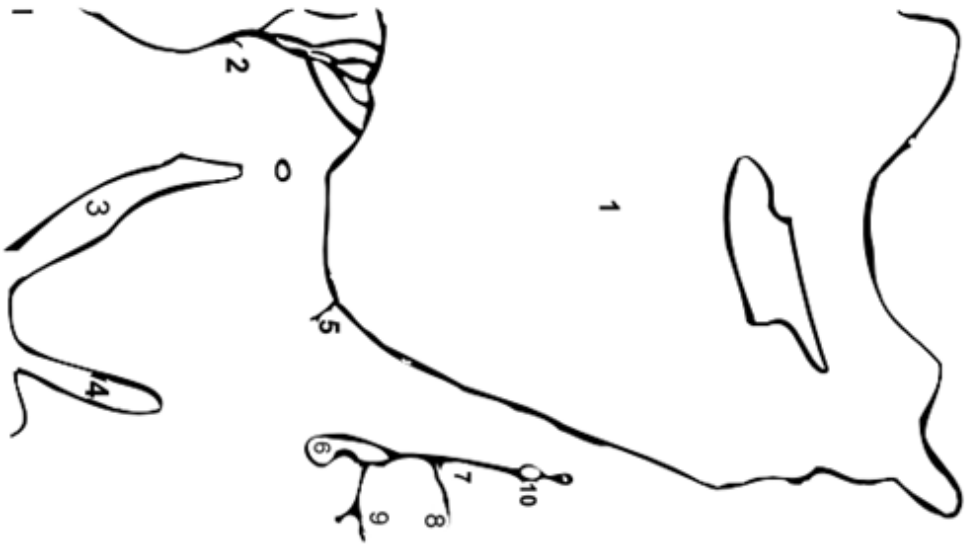
1. Chế độ quân chủ thống nhất:
  - a. Sau-lơ
  - b. Đa-vít

- c. Sô-lô-môn
- 2. Y-sơ-ra-ên
  - a. Giê-rô-bô-am I
  - b. A-háp
  - c. Giê-rô-bô-am II
  - d. Ô-sê
- 3. Giu-đa
  - a. Rô-bô-am
  - b. A-xa-ria
  - c. Ê-xê-chia
  - d. Ma-na-se
  - e. Giô-si-a
  - f. Giô-a-cha (3 tháng)
  - g. Giê-hô-gia-kim
  - h. Giê-hô-gia-kin (3 tháng)
  - i. Sê-đê-kia
  - j. Ghê-đa-lia (Thống đốc Phơ-rơ-sơ)
- 4. Phơ-rơ-sơ (Ba Tư)
  - a. Si-ru II (550-530 TCN)
  - b. Cam-by-ses (530-522 TCN)
  - c. Đa-ri-út I (522-486 TCN)
  - d. Xết-xe I (486-465 TCN)
  - e. Ạt-ta-xết-xe I (465-424 TCN)
- 5. Xem danh sách đầy đủ các vị vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên cũng như các vua của A-sy-ri, Ba-by-lôn, Phơ-rơ-sơ, và Hy Lạp ở cuối sách I và II Các Vua.



DR. BOB UTLEY  
BIBLE LESSONS IN 'L '96

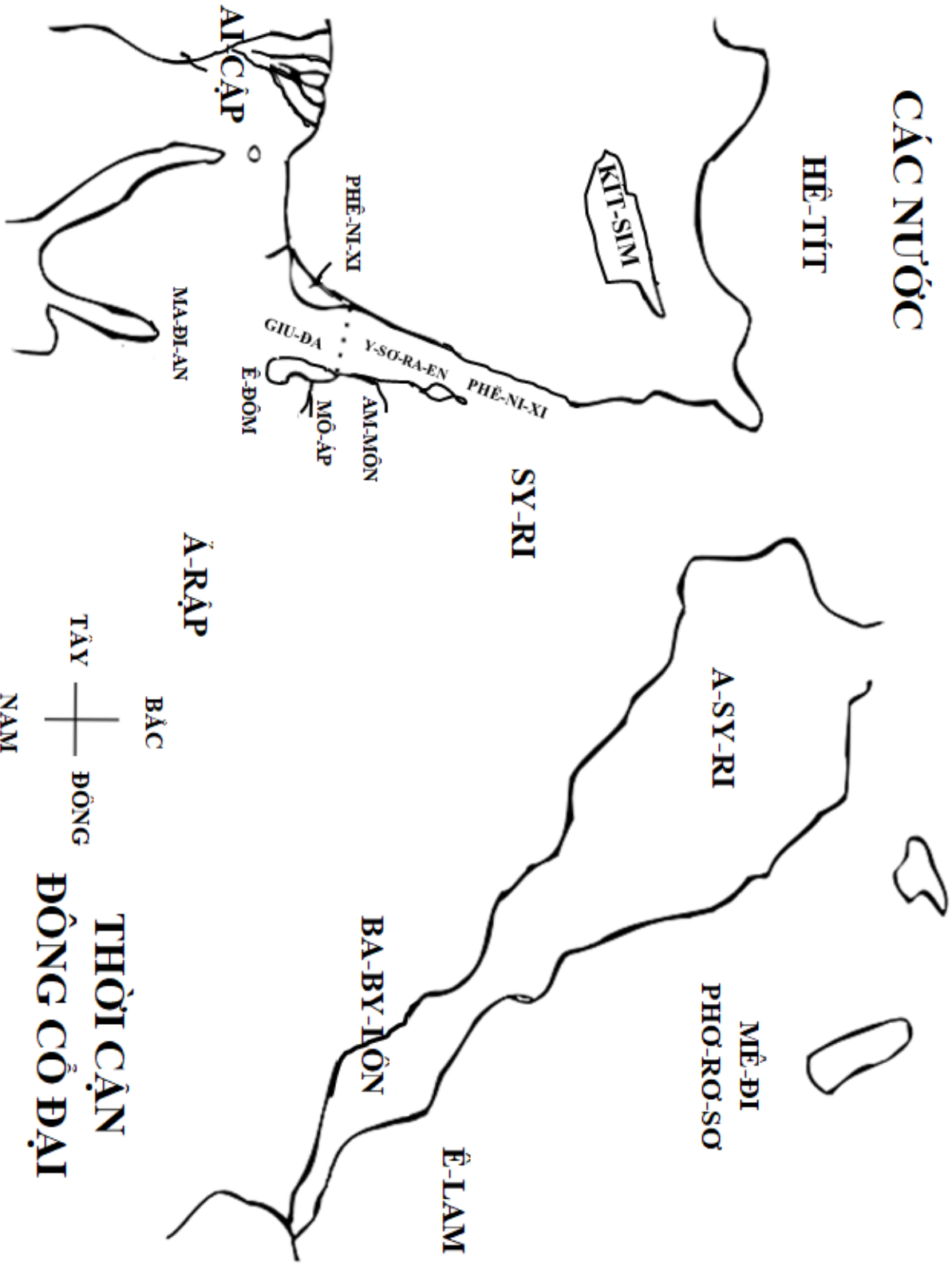
# **DƯỜNG THỦY**



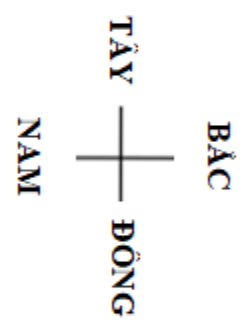
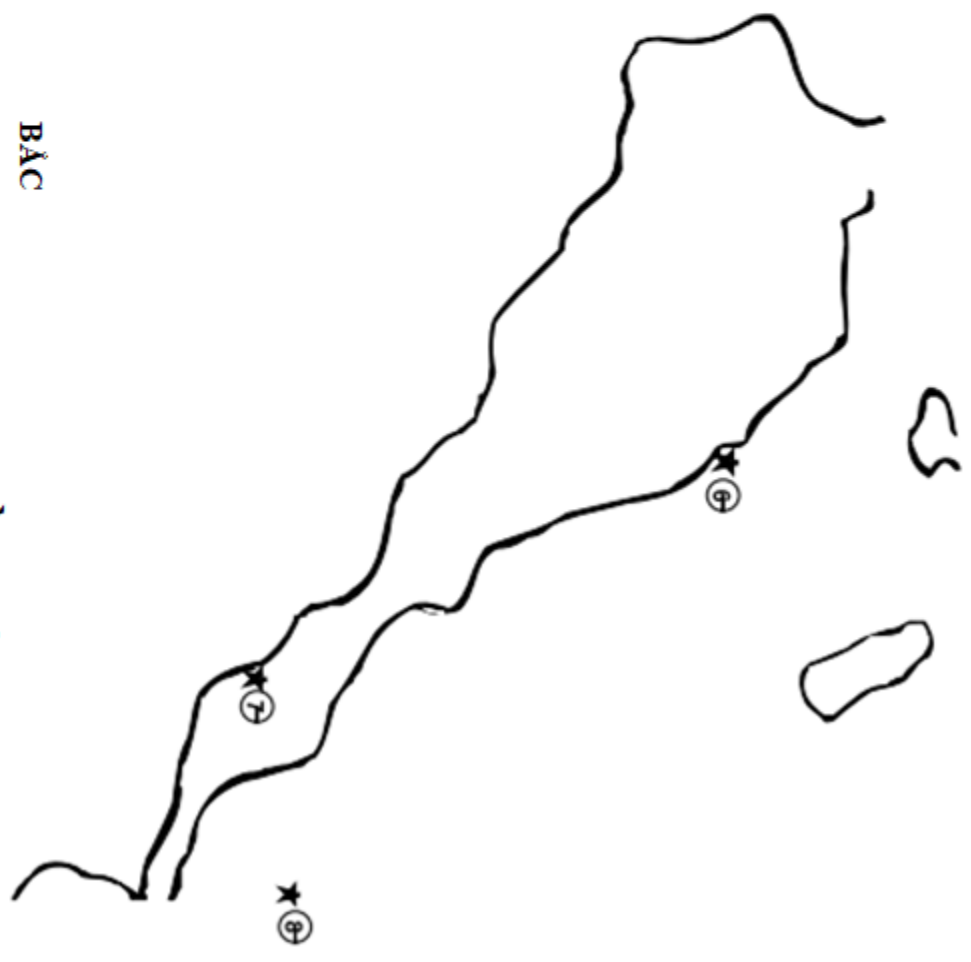
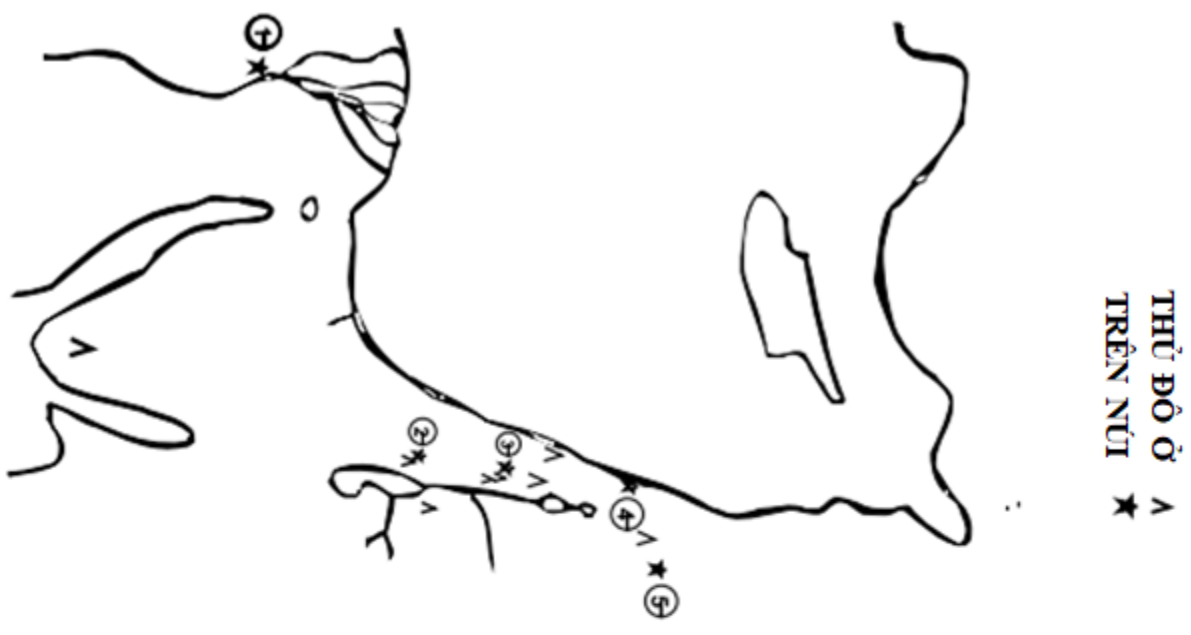
# **THỚI CẠN ĐÔNG CỎ DẠI**



# CÁC NƯỚC

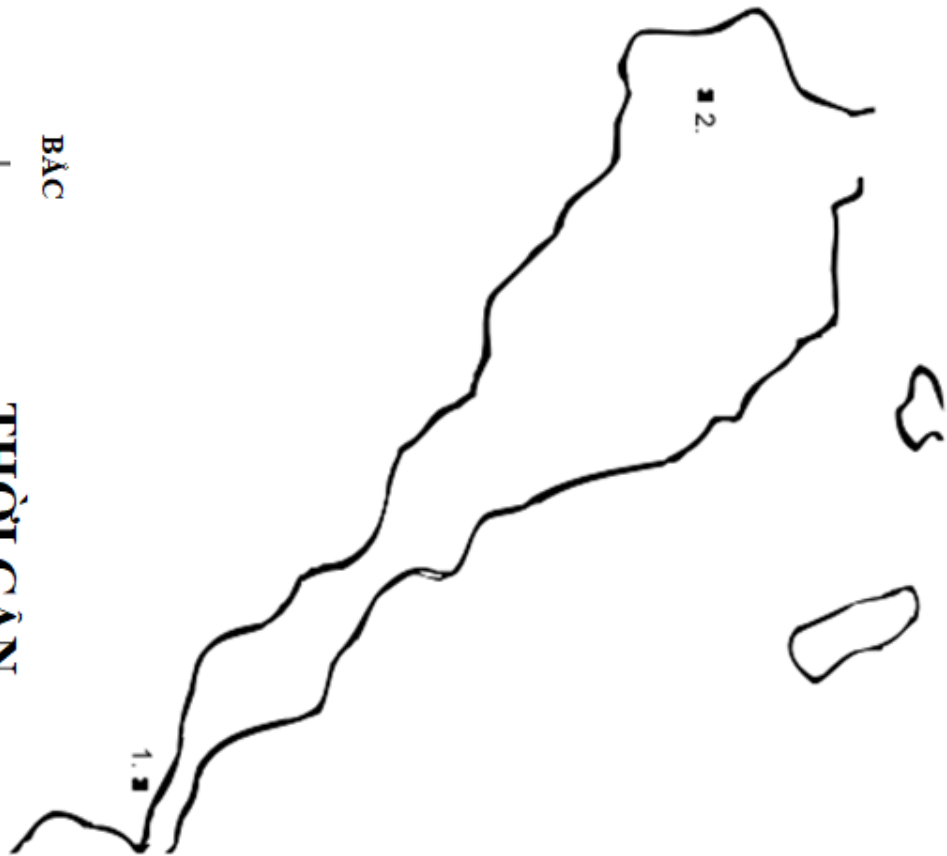
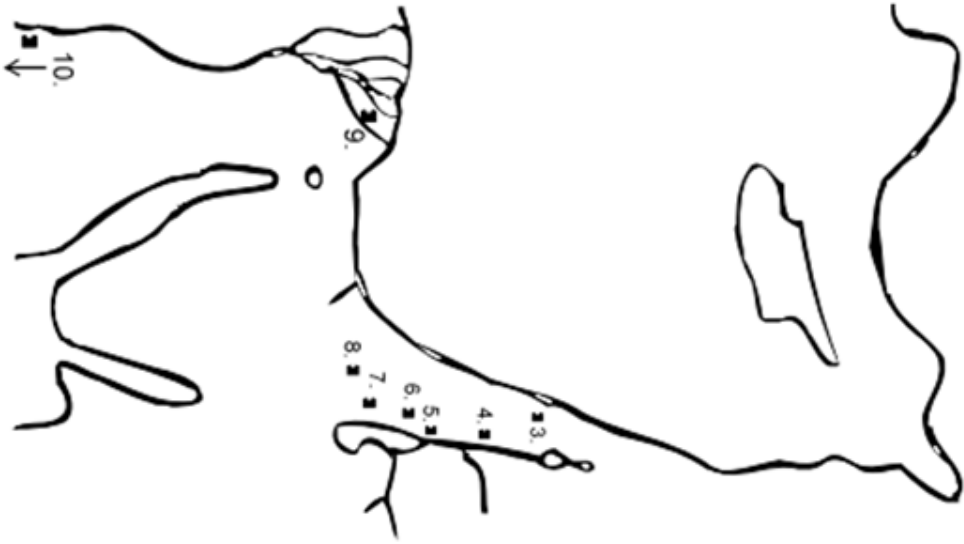


## THỜI CẬN ĐÔNG CỔ ĐẠI



**THỜI CẬN  
ĐÔNG CỎ DẠI**

**NHỮNG THÀNH PHỐ KHÁC**



BẮC  
TÂY —+— ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN  
ĐÔNG CỔ ĐẠI**

# GIỚI THIỆU VỀ SÁNG-THÊ KÝ

## I. TÊN SÁCH

- A. Trong Bản Hê-bơ-rơ (MT) chữ đầu tiên trong sách, *Bereshith*, “Ban đầu” hay “khởi sự ban đầu”.
- B. Từ bản dịch Sep-tua-gint, đó là từ “Genesis” có nghĩa là “ban đầu” hay “khởi nguyên” được lấy ra từ 2:4a. Đây có thể là “cụm từ - dàn bài” chính yếu của tác giả hay là trang cuối cùng để liên kết lại những tiêu sử thần học khác nhau như các người viết chữ hình nêm Ba-by-lôn đã làm. Cụm từ - dàn bài chính yếu nhìn ngược lại hơn là nhìn về phía trước.

## II. KINH-ĐIỂN HÓA

- A. Đây là phần của Phần đầu tiên của Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là Tô-ra “Torah” hay “những sự dạy dỗ” hay “Luật pháp”.
- B. Phần này trong bản Sep-tua-gint được biết như Ngũ kinh (năm cuộn sách).
- C. Đôi khi nó cũng được gọi là “Năm sách của Môi-se” trong Tiếng Anh.
- D. Sáng-thê-ký – Phục-truyền-luật-lệ-ký là dữ kiện liên tục viết bởi Môi-se liên quan đến sự sáng tạo qua đời sống của Môi-se.

## III. THỂ LOẠI – Sách Sáng-thê-ký chủ yếu là chuyện kể lịch-sử, có tính thần học, nhưng nó cũng bao gồm những thể loại văn chương khác:

- A. Thơ văn, thí-dụ, 2:23; 4:23 (có thể 1-2)
- B. Tiên-tri, thí-dụ, 3:15; 49:1ff (cũng là thơ văn)

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Bản thân Kinh Thánh không đặt tên tác giả. Sáng-thê-ký không có những phần “Tôi” như trong sách Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi hay những phần “Chúng tôi” như trong sách Công vụ các sứ đồ.
- B. Truyền thống Do-Thái:
  - 1. Những người viết Do Thái cổ xưa nói rằng Môi-se đã viết nó:
    - a. Ben Si-rah, “Ec-cle-si-as-ti-cus” 24:23, được viết vào khoảng năm 185 TCN.
    - b. Ba-ba Bath-ra 14b, một phần của Tal-mud.
    - c. Phi-lo xứ A-le-xan-dri-a, Ai-cập, một triết gia Do-Thái, viết chỉ trước chức vụ của Chúa Giê-su.
    - d. Fla-vi-us Jose-phus, một sử gia Do Thái, viết chỉ sau chức vụ của Chúa Giê-su.
  - 2. Tô-ra là một dữ kiện lịch sử hiệp nhất. Sau Sáng-thê-ký, mỗi sách bắt đầu với liên từ “Và” (ngoại trừ Dân-số-ký).
  - 3. Đây là một khái thị đối với Môi-se
    - a. Môi-Se được cho là đã viết:
      - (1) Xuất 17:14
      - (2) Xuất 24:4, 7
      - (3) Xuất 34:27, 28
      - (4) Dân số 33:2
      - (5) Phục truyền 31:9, 22, 24-26.
    - b. Đức Chúa Trời được cho là đã phán thông qua Môi-Se:

- (1) Phục truyền 5:4-5, 22
  - (2) Phục truyền 6:1
  - (3) Phục truyền 10:1
  - c. Môi-Se được cho là đã nói những lời của Tô-ra cho dân sự:
    - (1) Phục truyền 1:1, 3
    - (2) Phục truyền 5:1
    - (3) Phục truyền 27:1
    - (4) Phục truyền 29:2
    - (5) Phục truyền 31:1, 30
    - (6) Phục truyền 32:44
    - (7) Phục truyền 33:1
  - 4. Các tác-giả Cựu-ước quy điều đó cho Môi-se:
    - a. Giô-Suê 8:31
    - b. II Các Vua 14:6
    - c. Ê-xơ-ra 6:18
    - d. Nê-hê-mi 8:1; 13:1-2
    - e. II Sử ký 25:4; 34:12; 35:12
    - f. Đa-ni-ên 9:11
    - g. Ma-la-chi 4:4
- C. Truyền thống cơ đốc
- 1. Giê-su quy trích dẫn Tô-ra cho Môi-Se:
    - a. Ma-thi-ơ 8:4; 19:8
    - b. Mác 1:44; 7:10; 10:5; 12:26
    - c. Lu-ca 5:14; 16:31; 20:37; 24:27, 44
    - d. Giảng 5:46-47; 7:19, 23
  - 2. Những tác giả Kinh Thánh Tân-ước quy trích dẫn Tô-ra cho Môi-Se:
    - a. Lu-ca 2:22
    - b. Công vụ 3:22; 13:39; 15:1, 15-21; 26:22; 28:23
    - c. Rô-ma 10:5, 19
    - d. I Cô-rinh-tô 9:9
    - e. II Cô-rinh-tô 3:15
    - f. Hê-bơ-rơ 10:28
    - g. Khải-huyền 15:3
  - 3. Hầu hết các Giáo Phụ Hội Thánh đầu tiên chấp nhận quyền tác giả của Môi-se. I-re-ne-aus, Cle-ment của A-le-xan-dri-a, O-ri-gen và Ter-tul-li-an tất cả đều có các câu hỏi về mối quan hệ của Môi-se với hình-thức kinh-điển của Sáng-thế-ký hiện tại.
- D. Học giả hiện đại
- 1. Rõ ràng có vài phụ bản thêm vào Tô-ra (dường như làm cho công trình cổ điển dễ hiểu với đọc giả đương thời.
    - a. Sáng-thế-ký 12:6; 13:7; 14:14; 21:34; 32:32; 36:31; 47:11
    - b. Xuất 11:3; 16:36
    - c. Dân-số-ký 12:3; 13:22; 15:22-23; 21:14-15; 32:33ff
    - d. Phục-truyền 3:14; 34:6
    - e. Những người chép bản thảo ngày xưa là những người có học thức và được huấn luyện kỹ. Kỹ-thuật của họ khác nhau từ quốc gia này tới quốc gia khác.
      - (1) Ở Mê-sô-bô-ta-mi họ rất cẩn thận không thay đổi bất cứ điều gì, và ngay cả kiểm tra công việc của họ có chính xác không. Đây là một chú thích cuối trang của người chép bản thảo Su-me-ri-an cổ (“công trình đã hoàn thành từ đầu đến cuối, đã được chép lại, duyệt lại, so sánh, và xác minh từng dấu hiệu một” vào khoảng từ năm 1400 TCN)
      - (2) Ở Ai-cập, họ tự do duyệt lại các bản văn cổ đại để cập nhật chúng cho đọc giả đương thời. Các người chép bản thảo tại Qum-ran theo phương pháp này.

2. Những học giả thế kỷ 21 đưa ra lý thuyết rằng Tô-ra là một tài liệu hỗn hợp từ nhiều nguồn khác nhau trải qua một thời gian dài (Graft-Well-hau-sen). Điều này được dựa trên:
  - a. Các danh xưng khác nhau đối với Đức Chúa Trời,
  - b. Các cặp đôi rõ ràng trong bản văn,
  - c. Hình thức của các sự kiện,
  - d. Thần học của các sự kiện
3. Các nguồn tài liệu được đề xuất và niên đại:
  - a. Nguồn J (dùng chữ GIÊ-HÔ-VA, “YHWH”) – năm 950 TCN.
  - b. Nguồn E (dùng chữ E-lo-him “Elohim”) – năm 850 TCN.
  - c. Nguồn hỗn hợp JE – năm 750 TCN.
  - d. Nguồn D (“Sách Luật pháp,” II Các Vua. 22:8, được khám phá trong thời kỳ cải cách của Giô-si-a khi đang tu sửa đền thờ là sách Phục Truyền Luật Lệ ký, được viết bởi một thầy tế lễ không rõ danh tính dưới thời Vua Giô-si-a để ủng hộ việc cải cách của ông) - năm 621 TCN.
  - e. Nguồn P (tất cả tài liệu thuộc thầy tế lễ, đặc biệt thuộc về lễ nghi và thủ tục) – năm 400 TCN.
  - f. Rõ ràng có vài phụ bản thêm vào Tô-ra. Người Do-Thái xác nhận rằng đó là:
    - (1) Thầy Tế lễ thượng phẩm tại thời điểm của tác phẩm
    - (2) Tiên tri Giê-rê-mi,
    - (3) Người chép bản văn Ê-xơ-ra - IV Esd-ras nói rằng ông đã viết lại sách đó bởi vì bản văn gốc đã bị phá hủy trong cuộc sụp đổ của Thành Giê-ru-sa-lem vào năm 586 TCN.
  - g. Tuy nhiên, lý thuyết J. E. D. P. nói nhiều về những lý thuyết và các loại văn chương hiện đại hơn là chứng cứ từ Tô-ra (R.K. Harrison, *Introduction to the Old Testament*, pp. 495-541 and *Tyndale’s Commentaries “Leviticus”*, pp. 15-25).
  - h. Các đặc tính của văn chương Hê-bơ-rơ.
    - (1) Những cặp đôi, như Sáng 1 & 2, là phổ biến trong tiếng Hê-bơ-rơ. Thông thường một miêu tả tổng quát được đưa ra và kể đến theo sau bởi một dữ kiện đặc biệt. Điều này có lẽ là một cách để nhấn mạnh các lễ thật hay giúp thuộc lòng văn nói.
    - (2) Các thầy thông giáo xưa nói rằng hai danh xưng cho Đức Chúa Trời thông dụng nhất có ý nghĩa thần học:
      - a. Giê-hô-va (YHWH) – Danh xưng giao ước cho Đấng Thánh khi Ngài liên hệ với Y-sơ-ra-ên như là Đấng-Cứu-rỗi và Đấng cứu chuộc (xem Thi 103).
      - b. E-lo-him (Elohim) – Đấng Thánh như Đấng Tạo Hóa, Đấng cung ứng, và Đấng duy trì sự sống trên đất (xem Thi 104).
    - (3) Một điều bình thường ở văn chương không có nền tảng Kinh Thánh vùng Cận Đông đối với sự đa dạng của văn phong và từ vựng xuất hiện trong các tác phẩm văn chương hợp nhất. (Harrison, pp. 522-526).

E. Chứng cứ từ văn chương cận đông cổ đại ngụ ý rằng Môi-se đã dùng các tài liệu được viết theo chữ hình nêm hay những truyền thống văn nói theo văn phong Mê-sô-bô-ta-mi để viết Sáng-thế-ký. Điều này không có nghĩa là ngụ ý sự soi dẫn kém hơn, nhưng là một nỗ lực để giải nghĩa hiện tượng văn chương của quyển Sáng-thế-ký. Bắt đầu ở Sáng-thế-ký 37, một ảnh hưởng Ai-cập được đánh dấu về văn phong, hình thức và từ vựng dường như chỉ ra rằng Môi-se đã dùng cả các sản phẩm văn chương hoặc cả truyền thống văn nói từ những ngày dân Y-sơ-ra-ên còn ở Ai-Cập. Nền giáo dục chính quy của Môi-se hoàn toàn thuộc Ai-cập! Sự hình thành văn chương chính xác của Ngũ kinh thì không chắc chắn. Tôi tin rằng Môi-se là người biên tập và tác giả của phần lớn sách Ngũ kinh, mặc dầu ông có thể đã dùng những người chép bản thảo và/hoặc những truyền thống văn nói và văn viết. Tính đáng tin cậy và lịch sử của vài sách đầu tiên của Cựu-ước là chắc chắn.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Sáng-thế-ký trải qua thời kỳ từ lúc sáng tạo vũ trụ tới gia đình Áp-ra-ham. Có thể xác định niên đại cuộc đời của Áp-ra-ham từ văn chương thế tục ở thời điểm đó. Niên đại tương ứng sẽ là năm 2000 TCN, thiên niên kỷ thứ hai TCN. Nền tảng cho việc này là:
  1. Người cha hoạt động như là thầy tế lễ cho gia đình (như Gióp),

2. Cuộc sống du mục cùng với bầy đàn súc vật,
  3. Sự di cư của các dân tộc Xê-mit trong suốt thời kỳ này.
- B. Những sự kiện đầu tiên trong Sáng-thế-kỷ 1-11 là các sự kiện “lịch sử” có thật (có thể là “vỡ kịch về lịch sử”) nhưng không có dữ liệu ở kiên thức có sẵn ngày hôm nay.
- C. Một điều cần nhớ khi nghiên cứu Sáng-thế-kỷ là các sự kiện lịch sử được ghi nhận bởi Môi-se, người đã dẫn dắt dân sự của Đức Chúa Trời ra khỏi Ai-cập có thể là: (1) năm 1445 TCN, dựa trên I Các Vua 6:1; hay (2) Năm 1290 TCN, dựa trên khảo cổ học. Vì vậy, bất kể do truyền thống văn nói, hay nguồn văn viết không rõ nguồn gốc hay sự khai thị thánh trực tiếp, Môi-se đã ghi nhận “cách tất cả đã bắt đầu như thế nào” và “tại sao”.

## VI. NHỮNG NGUỒN TÀI LIỆU ĐỂ LÀM CHỨNG BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Những sách Kinh Thánh khác
1. Sự sáng tạo – Thi 8, 19, 50 & 104
  2. Thời kỳ của Áp-ra-ham – Gióp
- B. Các nguồn khảo cổ thể tục
1. Văn chương được biết xưa nhất song song với bối cảnh văn hóa của Sáng-thế-kỷ 1-11 là bảng chữ hình nêm Eb-la từ miền bắc Sy-ri có niên đại vào khoảng năm 2500 TCN, được viết bằng chữ Ak-ka-di-an.
  2. Sự sáng tạo
    - a. Sự kiện Mê-sô-bô-ta-mi gần nhất xử lý về sự sáng tạo, *E-nu-ma E-lish*, “*Enuma Elish*” có niên đại từ khoảng 1900-1700 TCN, đã được tìm thấy ở thư viện của A-shur-ba-ni-pal tại Ni-ni-ve và năm sáu nơi khác nữa. Có bảy bảng chữ hình nêm được viết bằng chữ Ak-ka-di-an, mô tả sự sáng tạo bởi Mar-duk.
      - (1) Các vị thần, *Ap-su* (thần nước ngọt-nam) và *Tia-mat* (thần nước biển-nữ) có các đứa con ồn ào, ngộ nghịch. Hai vị thần này cố gắng làm yên lặng các vị thần trẻ hơn.
      - (2) Một trong số các con của vị thần, thần *Mar-duk*, đã giúp đánh bại thần *Tia-mat*. Nữ thần đã tạo dựng trái đất từ thân thể của bà.
      - (3) Thần *Mar-duk* đã tạo dựng nhân loại từ một vị thần bị đánh bại khác, thần *Kin-gu*, là nam thần chồng của thần *Tia-mat* sau cái chết của thần *Ap-su*. Nhân loại đến từ huyết của thần *Kin-gu*.
      - (4) Thần *Mar-duk* được làm thần trưởng của bách thần Ba-by-lôn.
    - b. “Dấu ấn sáng tạo” là một bảng chữ hình nêm, đó là một bức tranh về một người nam và một người nữ khỏa thân bên cạnh một cây ăn trái với một con rắn quấn quanh thân cây và ở vị trí phía trên vai người nữ như là đang trò chuyện với người nữ.
  3. Sự sáng tạo và Đại hồng thủy - “*Thiên anh hùng ca A-tra-ha-sis*” (*The Atrahasis Epic*) ghi lại sự nổi loạn của các vị thần kém hơn bởi vì công việc quá sức và sự tạo dựng về bảy cặp đôi con người để thực hiện các nhiệm vụ của những vị thần thấp kém hơn này. Bởi vì: (1) quá tải về dân số, và (2) sự ồn ào. Con người đã bị giảm về số lượng bởi một dịch họa, hai con đôi kém, và cuối cùng một trận hồng thủy dự tính bởi *En-lil* (*Enlil*). Những biến cố chính này được thấy trong cùng một thứ tự như trong Sáng-thế-kỷ 1-8. Tác phẩm chữ hình nêm này có niên đại như *E-nu-ma E-lish* “*Enuma Elish*” và thiên anh hùng ca *Gil-ga-mesh* “*Gilgamesh Epic*” vào khoảng từ năm 1900-1700 TCN. Tất cả được viết bằng ngôn ngữ Ak-ka-di-an.
  4. Đại hồng thủy của Nô-ê
    - a. Một tấm bảng Su-me-ri-an từ Nip-pur, được gọi là *E-ri-du Ge-ne-sis* “*Eridu Genesis*”, có niên đại vào khoảng từ năm 1600 TCN, nói về *Ziv-sud-ra* “*Zivsudra*” và một con hồng thủy sẽ đến.
      - (1) *En-ka* “*Enka*”, thần nước (thủy thần) cảnh báo một con hồng thủy sẽ đến.
      - (2) *Ziv-sud-ra* “*Zivsudra*” thầy tế lễ nhà vua, được cứu trong một thuyền khổng lồ.
      - (3) Con hồng thủy kéo dài bảy ngày.

- (4) *Ziv-sud-ra* “*Zivsudra*” đã mở một cửa sổ trên thuyền và đã thả sáu bảy con chim để xem đất đai đã khô chưa.
- (5) Ông cũng đã dâng một cửa lễ gồm có một con bò đực và các con chiên khi ông rời khỏi thuyền.
- b. Một tổng hợp sự kiện con hồng thủy Ba-by-lôn từ bốn câu chuyện kể Su-me-ri-an, được biết như là thiên anh hùng ca *Gil-ga-mesh* “*Gilgamesh Epic*” nguyên thủy có niên đại vào khoảng từ năm 2500-2400 TCN, mặc dầu hình thức tổng hợp là ngôn ngữ hình nêm Ak-ka-di-an, thì có lâu sau đó. Nó kể về một người sống sót sau lũ lụt, Ông *Ut-na-pish-tim*, “*Utnapishtim*” người kể *Gil-ga-mesh*, vua của xứ *U-ruk* về cách mà ông đã sống sót trong cơn đại hồng thủy và được bảo đảm sự sống đời đời.
- Ea*, thủy thần, báo một cơn đại hồng thủy sẽ đến và bảo *Ut-na-pish-tim* (hình thức Ba-by-lôn của *Ziv-sud-ra*) để đóng một chiếc thuyền.
  - Ut-na-pish-tim* và gia đình của ông, cùng với những cây thuốc chữa lành được tuyển chọn, đã sống sót trong cơn đại hồng thủy.
  - Con hồng thủy kéo dài bảy ngày.
  - Chiếc thuyền đã đến đậu tại miền đông bắc xứ Phơ-rơ-sơ, trên núi Ni-sir.
  - Ông đã thả ba con chim khác nhau để xem đất đai đã khô chưa.
5. Văn chương Mê-sô-bô-ta-mi mô tả cơn hồng thủy xưa, tất cả đều lấy ra từ chung một nguồn. Các danh xưng thường khác nhau, nhưng cốt truyện giống nhau. Một điển hình là *Ziv-sud-ra*, *At-ra-ha-sis* và *Ut-na pish-tim* tất cả đều là các vua của con người.
6. Những dữ liệu lịch sử song song đối với những biến cố đầu tiên của Sáng-thế-ký có thể được giải nghĩa trong ánh sáng kiến thức về sự tiền- phân- tán nhân loại (Sáng 10-11) và sự trải nghiệm về Đức Chúa Trời. Những kỷ niệm nồng cốt lịch sử đã bị thêu dệt và thần thoại hóa để thành những sự kiện về cơn hồng thủy hiện tại phổ biến khắp thế giới. Chuyện như vậy cũng được nói về: sự sáng tạo (Sáng 1-2) và những sự kết hợp giữa con người và thiên sứ (Sáng 6).
7. Thời kỳ Tộc trưởng (thời kỳ đồ đồng Trung cổ)
- Những tấm bảng Ma-ri – luật pháp chữ hình nêm (văn hóa Am-môn) và những bản văn cá nhân được viết bằng ngôn ngữ Ak-ka-di-an vào khoảng năm 1700 TCN.
  - Những bảng Nu-zi – những bản văn lưu trữ chữ hình nêm của một vài gia đình (văn hóa Ho-rite hay Hur-ri-an) được viết bằng ngôn ngữ Ak-ka-di-an ở khoảng 100 dặm Đông Nam của Thành phố Ni-ni-ve vào khoảng năm 1500-1300 TCN. Chúng ghi nhận về gia-đình và các thủ tục kinh doanh. Để tìm hiểu thêm những thí dụ cụ thể, hãy xem Walton, pp. 52-58.
  - Những bảng A-la-lak – bản văn chữ hình nêm từ miền bắc Sy-ri vào khoảng năm 2000 TCN.
  - Một vài danh xưng được tìm thấy trong Sáng-thế-ký được đặt tên như những địa danh trong những bảng Ma-ri: Se-rug, Pe-leg, Te-rah, Na-hor. Những tên Kinh Thánh khác cũng phổ biến: Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, La-ban và Giô-sép.
8. “Các nghiên cứu thuật chép sử đã bày tỏ rằng, cùng với Hê-tít (Huét), người Hê-bơ-rơ cổ đại là người ghi nhận chính xác nhất, khách quan và có trách nhiệm về lịch sử cận đông, “R. K Harrison in *Biblical Criticism*, p 5”.
9. Khảo cổ học đã chứng tỏ có ích lợi nhiều trong việc thiết lập bản chất lịch sử của Kinh Thánh. Tuy nhiên, một lời cảnh báo là cần thiết. Khảo cổ học không là một hướng dẫn đáng tin cậy tuyệt đối bởi vì:
- Những kỹ thuật nghèo nàn ở những lần khai quật đầu tiên,
  - Những sự thông giải rất chủ quan, khác nhau về các mẫu vật được tìm thấy,
  - Bất đồng về niên đại thời Cận đông cổ đại (mặc dầu một phương pháp đang được phát triển dựa trên vân vòng gỗ của cây).
- C. Những sự kiện về sự sáng tạo của người Ai cập có thể được tìm thấy trong tác phẩm *Ancient Israelite Literature in Its Cultural Context* của John H. Walton’s, Grand Rapids, MI: Zondervan, 1990. Pp. 23-34, 32-34.
- Trong văn chương Ai-cập sự sáng tạo bắt đầu với một nguồn nước nguyên sơ, hỗn độn, không có cấu trúc. Sự sáng tạo được xem như là một cấu trúc đang phát triển thoát khỏi trạng thái hỗn độn của nước.



2. Trong văn chương Ai-cập từ Mem-phis, sự sáng tạo xảy ra bởi lời phán của Ptah.

D. Những địa chỉ của những nhóm tin lành về vũ trụ học:

1. Institute for Creation Research (Young Earth)  
P. O. Box 2667  
El Cajon, CA 92021-0667
2. Reasons to Believe (Old Earth)  
P. O. Box 5978  
Pasadena, CA 91117

## VII. NHỮNG ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (BỐI CẢNH)

A. Dẫn bài dựa trên cách dùng cụm từ: “Các dòng dõi của” của Môi-se (*toledoth*):

1. Nguồn gốc của thiên đàng và trái đất, 1:1-2:3
2. Nguồn gốc của nhân loại, 2:4-4:26
3. Dòng-dõi của A-đam, 5:1-6:8
4. Dòng-dõi của Nô-ê, 6:9-9:17
5. Dòng-dõi các con trai của Nô-ê, 10:1-11:9
6. Dòng-dõi của Sem, 11:10-26
7. Dòng-dõi của Tha-rê (Áp-ra-ham), 11:27-25:11
8. Dòng-dõi của Ích-ma-ên, 25:12-18
9. Dòng-dõi của Y-sác, 25:19-35:29
10. Dòng-dõi của Ê-sau, 36:1-8
11. Dòng-dõi các con trai của Ê-sau, 36:9-43
12. Dòng-dõi của Gia-cốp, 37:1-50:26 (#1-11 có bối cảnh văn chương Mê-sô-bô-ta-mi, nhưng #12 có hương vị văn chương Ai-cập).

B. Mục đích dẫn bài:

1. Sự sáng tạo cho con người và thuộc về con người, 1-2
2. Nhân loại và sự sáng tạo sụp đổ, 3:1-11:26
3. Một người vì tất cả mọi người (3:15), 12-50
  - a. Áp-ra-ham (12:1-3), 11:27-23:20
  - b. Y-sác, 24:1-26:35
  - c. Gia-cốp, 27:1-36:4
    - (1) Giu-đa (dòng dõi Đấng Mê-si-a)
    - (2) Giô-sép (thừa kế đất đai gấp đôi), 37:1-50:26

## VIII. CÁC LỄ THẬT CHÍNH

A. Tất cả đã bắt đầu như thế nào?

1. Đức Chúa Trời (1-2). Quan điểm thế giới quan của Kinh Thánh không phải là đa thần thuyết mà là độc thần thuyết. Kinh Thánh không tập chú vào “cách” sáng tạo, nhưng tập chú vào “ai”. Thật là hoàn toàn đặc trưng trong những ngày ấy.
2. Đức Chúa Trời muốn có sự thông công. Sự sáng tạo chỉ là sân khấu để Đức Chúa Trời thông công với con người.
3. Không có thể hiểu được phần còn lại của kinh thánh, nếu không có Sáng-thế-ký 1-3 và 12.
4. Nhân loại phải đáp ứng bằng đức tin về điều mà người ấy hiểu về ý chỉ của Đức Chúa Trời (Sáng 15:6 & Rô-ma 4).

B. Tại sao thế gian quá gian ác và không công bình? Nó “rất là tốt” (1:31), nhưng con người phạm tội (3).

Những kết quả khủng khiếp là rõ ràng:

1. Ca-in giết chết A-bên, (4)
2. Sự trả thù của Lê-méc, (4:23)

3. Sự độc ác của con người, (6:5,11-12; 8:21)
4. Sự say sưa của Nô-ê (9)
5. Tháp Ba-bêl, (11)
6. Thuyết đa thần của U-rơ

C. Đức Chúa Trời sẽ sửa chữa điều đó như thế nào?

1. Đấng Mê-si-a sẽ đến (3:15)
2. Đức Chúa Trời kêu gọi một người để kêu gọi tất cả mọi người (Sáng 12:1-3 & Xuất 19:5-6)
3. Đức Chúa Trời mong muốn làm việc với con người sa ngã (A-đam, Ê-va, Ca-in, Áp-ra-ham, người Do thái và dân ngoại) bởi sự cung ứng ân điển của Ngài:
  - a. Những lời hứa
  - b. Các giao ước (có điều kiện và không điều kiện)
  - c. Dâng của lễ
  - d. Thờ phượng

## IX. THUẬT NGỮ VÀ/HAY CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

A. Thuật ngữ và cụm từ

1. “Đức Chúa Trời phán ...” 1:3,6,9,14,20,24 (NASB & NIV)
2. “Chúng ta hãy ...” 1:26; 3:22; 11:7 (NASB & NIV)
3. “Theo hình ảnh chúng ta” 1:26,27; 5:1,3; 9:6 (NASB & NIV)
4. “Chúa Đức Chúa Trời đi” (thuyết hình người) 3:8 (NASB & NIV)
5. Người cao lớn 6:4 (NASB & NIV)
6. Giao ước 6:18; 9:9-17 (NASB & NIV)
7. “Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, thì Ngài kể sự đó là công bình cho người” 15:6 (NIV, “Áp-ram tin Chúa và Ngài xác tín điều đó vào sự công bình”)
8. Nhân từ yêu thương (*hesed*) 24:12,27; 32:10 (NIV, “nhân từ”)
9. Pho tượng trong nhà (*teraphim*) 31:19,30,34 (NIV, “những thần trong nhà”)
10. Bói toán 44:5 (NASB & NIV)

B. Nhân vật để nhận dạng ngắn gọn

- |                            |  |
|----------------------------|--|
| 1. Sét 4:25                | 11. A-ga, 16:1                         |
| 2. Hê-nóc, 5:21-24         | 12. Ích-ma-ên, 15:15; 25:12-19         |
| 3. Mê-tu-sê la, 5:22,25-27 | 13. Y-sác, 21:3                        |
| 4. Sem, 9:18; 10:27-31     | 14. La-ban, 24:29                      |
| 5. Ca-na-an, 9:20-27       | 15. Kê-tu-ra, 25:1                     |
| 6. Nim-rót, 10:8-10        | 16. Gia-cóp (Y-sơ-ra-ên), 25:26; 32:28 |
| 7. Tha-rê, 11:24-32        | 17. Đì-na, 30:21                       |
| 8. Lót, 11:31              | 18. Phô-ti-pha, 37:36                  |
| 9. Áp-ra-ham, 12:18        | 19. Ta-ma, 38                          |
| 10. Mên-chi-xê-đéc, 14:18  | 20. Ma-na-se & Ép-ra-im, 41:51,52      |

## X. BẢN ĐỒ VỊ TRÍ

A. Bản đồ đầu tiên - Sáng 1-11 (bằng số)

- |                                 |                                      |
|---------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Vườn Ê-đen, 2:8              | 7. Ni-ni-ve, 10:12                   |
| 2. Sông Ti-rít (Hi-đê-ke), 2:14 | 8. Giê-bu-sít, 10:16                 |
| 3. Sông Ô-phơ-rát, 2:14         | 9. Sô-đôm, 10:19; 13:10              |
| 4. Núi A-ra-rát, 8:4            | 10. Xứ U-rơ của người Canh-đê, 11:28 |
| 5. Xứ Si-nê-a, 10:10; 11:2      | 11. Ha-ran, 11:31-32                 |
| 6. Ba-bêl, 10:10; 11:9          |                                      |

B. Bản đồ thứ nhì - Sáng 12-50 (bằng số)

- |   |                                   |
|---|-----------------------------------|
| 1. Si-chem, 12:6; 33:18                 | 12. Mô-áp, 19:37                  |
| 2. Bê-tên, 12:8; 13:3; 35:6             | 13. Am-môn, 19:38                 |
| 3. Nê-gét (Nam phương), 12:9; 13:1      | 14. Bê-e-sê-ba, 21:14; 26:33      |
| 4. Sông Giô-đanh, 13:10-11              | 15. Xứ Phi-li-tin, 21:32          |
| 5. Hép-rôn, 13:18; 23:2                 | 16. Đồng vắng Pha-ran, 21:21      |
| 6. Biên muối, 14:3                      | 17. Xứ Mô-ri-a, 22:2              |
| 7. Suối xử đoán, tức Ca-đê, 14:7; 16:14 | 18. A-ram (Mê-sô-bô-ta-mi), 24:10 |
| 8. Đa-mách, 14:15                       | 19. Ê-đôm, 25:30; 36:1; 8-9, 19   |
| 9. Sa-lem, 14:18                        | 20. Sông Gia-bốc, 32:22           |
| 10. Sông Ê-díp-tô (Ai cập), 15:18       | 21. Bết-lê-hem, 35:19             |
| 11. Đồng vắng Su-rơ, 16:7               | 22. Xứ Gô-sen, 45:10; 46:34       |

## XI. NHỮNG CÂU HỎI VỀ NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

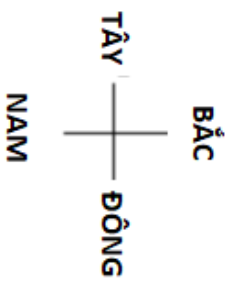
### NHỮNG CÂU HỎI VỀ SÁNG-THẾ-KÝ 1-11

1. Kinh Thánh có thảo luận về nguồn gốc của Đức Chúa Trời không?
2. Kinh Thánh có xung đột với khoa học về sự sáng tạo không?
3. Sáng-thế-ký1 liên quan thế nào với dữ liệu sáng tạo khác trong lịch sử cận đông?
4. Định nghĩa thuật ngữ *fiat* và *ex nihilo*.
5. Tại sao có hai tên khác nhau cho Đấng Thánh ở trong chương 1 & 2?
6. Có phải có hai dữ liệu khác nhau về sự tạo dựng con người?
7. Người nam và người nữ được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời có ý nghĩa gì?
8. Tại sao số nhiều được dùng trong sự liên quan đến chỉ Một Đức Chúa Trời? 1:26, 27; 3:22; 11:7
9. Tại sao chương 3 là cốt yếu trong việc hiểu phần còn lại của Kinh Thánh?
10. Những con thú nói chuyện (3:1) chứng minh việc này là thần thoại phải không?
11. Tại sao câu 3:15 rất quan trọng?
12. Câu 3:16 áp dụng vào đời sống hiện đại như thế nào?
13. Có một hoặc hai cây đặc biệt trong vườn Ê-đen?
14. Liệt kê những sự phát triển trong xã hội đến từ dòng dõi Ca-in, 4:16-24.
15. Mục đích của Con đại hồng thủy là gì?
16. Mục đích xây dựng Tháp Ba-bên của con người là gì?

### NHỮNG CÂU HỎI VỀ SÁNG-THẾ-KÝ 12-50

1. Những giao ước giữa Nô-ê và Áp-ra-ham khác nhau như thế nào?
2. Giao ước của Áp-ra-ham liên quan đến những người không phải Do thái như thế nào?
3. Hai dấu hiệu của sự yếu đuối và thiếu đức tin được thấy trong Áp-ram ở chương 12 là gì?
4. Mên-chi-xê-đéc là ai và tại sao Áp-ram dâng phần mười cho ông?
5. Tại sao phân đoạn 15:12-21 rất ý nghĩa?
6. Ba người trong chương 18 là ai? (tại sao và ở đâu)?
7. Tại sao Áp-ra-ham dối trá về việc kết hôn với Sa-ra? Ông lừa dối ai?
8. Tại sao Rê-be-ca và Gia-cốp lừa gạt Y-sác? (27)
9. Hãy giải thích tại sao Ru-bên, Lê-vi và Si-mê-ôn đã bị từ chối như là dòng dõi của Đấng Mê-si-a? (34 & 49)
10. Hãy mô tả những giấc mơ của Giô-sép bằng ngôn ngữ của bạn? (37)
11. Tại sao Giô-sép giả vờ ông không nhận ra các anh của ông?
12. Tại sao mỗi con trai của Giô-sép thừa kế bằng những đứa con khác của Gia-cốp?

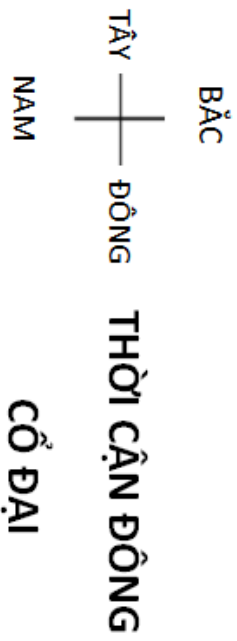
SÀNG THỂ KỶ 1 -11



BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

THỜI CẬN ĐÔNG  
CỔ ĐẠI

**SÁNG THỂ KÝ 12-50**



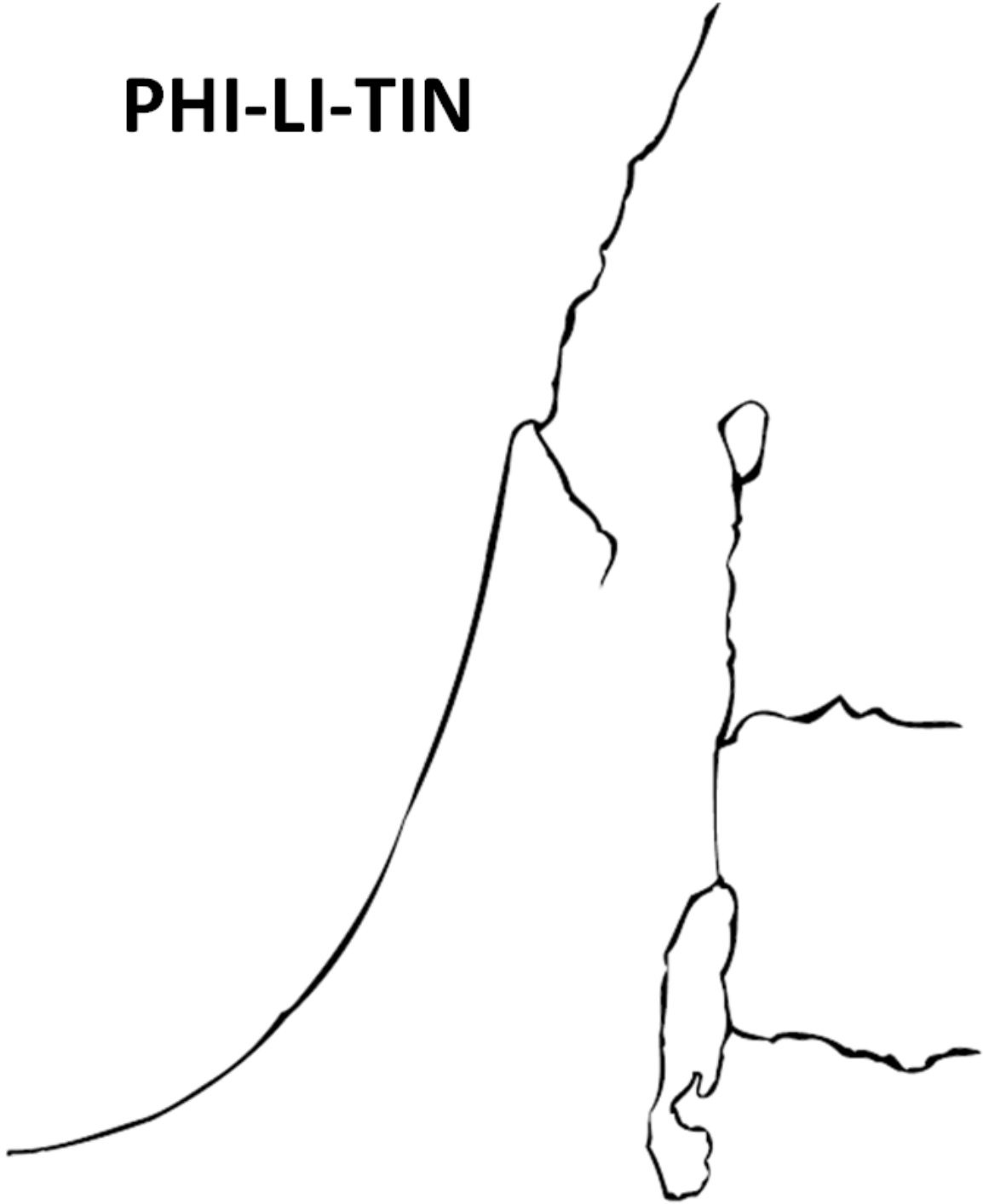


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ

## I. TÊN SÁCH

- A. Trong bản Hê-bơ-rơ (MT) nó là từ đầu tiên của cuốn sách, “và đây là những lời (tên).”
- B. Trong bản dịch LXX nó là *ek 'odos* có nghĩa là “một lối thoát” hoặc “một con đường ra ngoài.”
- C. Trong bản Vul-gate tiếng La-tin của Je-rome, đó là “Xuất Ê-díp-tô” (ra khỏi Ai Cập).

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Nó là một phần của phần đầu tiên của Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là “Sách Tô-ra” hoặc “giáo lý” hoặc “Luật”.
- B. Phần này được gọi là Ngũ Kinh (năm cuốn sách) trong bản LXX.
- C. Đôi khi nó được gọi là “Năm cuốn sách của Môi-se” bằng tiếng Anh.
- D. Nó bao gồm một dữ kiện lịch sử liên tục của Môi-se từ Sự Sáng Tạo qua cuộc đời của Môi-se, Sáng thế ký – Phục Truyền Luật-lệ ký.

## III. THỂ LOẠI - Sách Xuất Ê-díp-tô ký bao gồm ba thể loại văn chương.

- A. Chuyện kể lịch sử, Xuất 1-19; 32-34
- B. Thơ văn, Xuất 15
- C. Thông số kỹ thuật cho Đền tạm, Xuất 25-31, và việc xây dựng nó, 35-40

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Tô-ra là một dữ kiện thống nhất. Xuất-Ê-díp-tô ký bắt đầu với liên từ “và”. Xem bài thảo luận này trong Sáng thế ký.
- B. Có một số nơi trong Xuất-Ê-díp-tô ký nói rằng Môi-Se đã viết:
  - 1. 17:14;            2. 24: 4, 12;        3. 34:27, 28
- C. Giô-suê 8:31 trích dẫn Xuất Ê-díp-tô ký 20:25 và xem nó là của Môi-se. Chúa Giê-su trích dẫn Xuất 20: 12, 17 và xem nó là của Môi-se, Mác 7:10.

## V. NIÊN ĐẠI CỦA XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ

- A. Đã có hai ý kiến học thuật về niên đại của Xuất Ê-díp-tô ký:
  - 1. Từ sách I Các Vua 6:1, nói rằng, “480 năm từ Xuất Ê-díp-tô đến Đền thờ của Sô-lô-môn” :
    - a. Sô-lô-môn bắt đầu trị vì vào năm 970 TCN. Điều này được xác định bằng cách sử dụng trận Qar-qar (853 TCN) như là một ngày khởi đầu chắc chắn.
    - b. Đền thờ được xây dựng vào năm thứ tư của vua (965 TCN), và Xuất Ê-díp-tô đã xảy ra vào khoảng năm 1445/6 TCN.
  - 2. Điều này sẽ xảy ra trong triều đại Ai Cập thứ 18.
    - a. Pha-ra-ôn của sự áp-bức là Thut-mose III (1490-1436 TCN).



- b. Pha-ra-ôn của Xuất Ê-díp-tô là A-men-ho-tep II (1436-1407 TCN).
    - (1) Một số tin rằng chứng cứ từ Giê-ri-cô dựa trên thực tế là không có ngoại giao tương ứng xảy ra giữa Giê-ri-cô và Ai Cập trong thời trị vì *A-men-ho-tep III* (1413-1377 TCN).
    - (2) Bản ghi văn bản của *A-mar-na* được trao đổi bằng thư, được viết trên *os-tra-ca* về *Ha-bi-ru* chạy qua vùng đất Ca-na-an dưới triều đại của *A-men-ho-tep III*. Vì thế, Xuất Ê-díp-tô đã xảy ra trong triều đại của *A-men-ho-tep II*.
    - (3) Thời kỳ của các Quan xét không đủ dài, nếu thế kỷ 13 TCN là ngày Xuất Ê-díp-tô.
  3. Các vấn đề có thể xảy ra với những niên đại này là:
    - a. Bản *Sep-tua-gint (LXX)* có 440 năm, không phải 480 năm.
    - b. Có thể 480 năm đại diện cho 12 thế hệ, mỗi thế hệ 40 năm, do đó, là một con số tương trưng.
    - c. Có 12 thế hệ thầy tế lễ từ A-rôn đến Sa-lô-môn (xem I Sứ ký 6), sau đó là 12 thế hệ từ Sô-lô-môn đến đền thờ thứ hai. Người Do thái, cũng như người Hy Lạp, đã tính một thế hệ là bốn mươi năm. Vì vậy, có một khoảng thời kỳ 480 năm sau và trước (sử dụng biểu tượng của các con số) (xem Bimson's *Redating the Exodus and Conquest*).
  4. Có thể có ba nan đề, đề cập đến niên đại:
    - a. Sáng thế ký 15:13,16 (xem Công-vụ 7: 6), 400 năm nô-lệ;
    - b. Xuất Ê-díp-tô Ký 12: 40-41 (xem Ga-la-ti 3:17);
      - (1) MT - 430 năm lưu trú tại Ai Cập
      - (2) LXX - 215 năm lưu trú tại Ai Cập
    - c. Các Quan xét 11:26 - 300 năm giữa niên đại của *Jeph-thah* và niên đại cuộc chinh phục (ủng hộ năm 1445 TCN)
    - d. Công Vụ Các Sứ Đồ 13:19, di cư, lang thang và chinh phục - 450 năm.
  5. Tác giả của Các Vua đã sử dụng các tài liệu tham khảo lịch sử cụ thể và không làm tròn số (Edwin Thiele, *A Chronology of the Hebrew Kings*, pp. 83-85).
- B. Bằng chứng dự kiến từ khảo cổ học dường như chỉ tới niên đại 1290 TCN, hoặc niên đại thứ 19 các triều đại Ai Cập.
1. Giô-sép đã có thể thăm cha của ông và Pha-ra-ôn trong cùng một ngày. Vị Pha-ra-ôn bản xứ đầu tiên bắt đầu dời thủ đô của Ai Cập từ *The-bes* trở lại đồng bằng sông Nil (*Nile*), đến một nơi được gọi là *A-va-ris / Xô-an / Ta-nis* vốn là thủ đô của *Hyk-sos* cũ, là *Se-ti I* (1309-1290 TCN). Ông phải là Pha-ra-ôn của sự áp-bức.
    - a. Điều này dường như phù hợp với hai mẫu thông tin về triều đại *Hyk-sos* của Ai Cập.
      - (1) Một bia đã được tìm thấy từ thời điểm Ram-se II (*Rameses II*) kỷ niệm thành lập *A-va-ris* cách bốn trăm năm trước (năm 1700 TCN của *Hyk-sos*)
      - (2) Lời tiên tri trong Sáng thế ký 15:13 nói về sự áp-bức 400 năm.
    - b. Điều này ngụ ý rằng sự gia tăng quyền lực của Giô-sép là dưới thời Pha-ra-ôn *Hyk-sos (Se-mi-tic)*. Triều đại mới ở Ai Cập được nhắc đến trong Xuất 1: 8.
  2. *Hyk-sos*, một từ ngữ Ai Cập có nghĩa là “những người cai trị đất nước ngoài”, là một nhóm các nhà cai trị không là người Se-mi-tic Ai Cập, kiểm soát Ai Cập trong các triều đại thứ 15 và thứ 16 (1720-1570 TCN). Một số người muốn liên hệ họ với sự gia tăng quyền lực của Giô-sép. Nếu chúng ta trừ con số 430 năm của Xuất 12:40 với năm 1720 TCN, chúng ta có năm 1290 TCN.
  3. Con trai của *Se-ti I* là *Ram-se II (Rameses II)* (1290-1224 TCN). Tên này được đề cập là một trong những thành phố chứa hàng được xây dựng bởi các nô lệ Hê-bơ-rơ, Xuất 1:11. Cũng chính khu vực này ở Ai Cập gần Gô-sen (*Goshen*) được gọi là Ram-se (*Rameses*), Sáng thế Ký 47:11. *A-va-ris / Xô-an / Ta-nis* được gọi là “Nhà của Ram-se (*Rameses*)” từ 1300-1100 TCN.
  4. Thut-mo-ses III được biết đến như một nhà xây dựng vĩ đại, như Ram-se II.
  5. Ram-se II có 47 cô con gái sống trong các cung điện riêng biệt.
  6. Khảo cổ học đã chỉ ra rằng hầu hết các thành phố lớn có tường bao quanh của Ca-na-an (Hát-so, Đê-bia, Lac-hish) đã bị phá hủy và nhanh chóng được xây dựng lại vào khoảng năm 1250 TCN. Trong việc cho phép thời kỳ 38 năm lang thang trong đồng vắng này phù hợp với niên đại 1290 TCN.
  7. Khảo cổ học đã tìm thấy một tham chiếu nói đến người Y-sơ-ra-ên đang ở miền nam Ca-na-an trên một bia tường niệm người kế nhiệm của Ram-se là *Mer-nep-tah* (1224-1214 TCN) [*cf. The Stele of Merneptah, date 1220 B.C.*].

8. Ê-đôm và Mô-áp dường như đã đạt được danh hiệu quốc gia mạnh mẽ vào cuối niên kỷ 1300 TCN. Những quốc gia này chưa được hình thành trong thế kỷ 15 TCN (*Glueck*).
9. Cuốn sách mang tên *Redating the Exodus and Conquest* by John J. Bimson, được xuất bản bởi Đại học Sheffield, 1978, tranh luận chống lại tất cả các bằng chứng khảo cổ học cho một niên đại sớm hơn.

## VI. NHỮNG VIỆC KHÔNG CHẮC CHẴN LIÊN QUAN ĐẾN XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ

### A. Số người ra đi trong Xuất Ê-díp-tô bị nghi ngờ:

1. Dân Số ký 1:46; 26:51 báo cáo rằng có 600.000 người trong độ tuổi chiến đấu (20-50 tuổi; xem Xuất 38:26). Do đó, nếu người ta ước tính luôn phụ nữ, trẻ em và người già, số người lên tới 1,5 đến 2,5 triệu là có thể.
2. Tuy nhiên, thuật ngữ tiếng Hê-bơ-rơ cho (một) ngàn, *Eleph*, có thể có nghĩa là:
  - a. Một đơn vị gia đình hoặc gia tộc, Giô-suê 22:14; Các Quan xét 6:15; I Sa-mu-ên 23:23, Xa-cha-ri 9: 7
  - b. Một đơn vị quân đội, Xuất. 18: 21,25; Phục 1:15
  - c. Một ngàn, Sáng 20:16; Xuất 32:28
  - d. Được sử dụng tượng trưng, Sáng thế Ký 24:60; Xuất 20: 6 (Phục truyền Luật lệ Ký 7: 9); 34: 7; Giê-rê-mi 32:18
  - e. Từ tiếng U-ga-ri-tic (một ngôn ngữ của ngôn ngữ Se-me-tic), cùng một phụ âm là *alluph* có nghĩa là “thủ lĩnh” (xem Sáng thế Ký 36:15). Điều này có nghĩa là trong Dân số ký 1:39 ở đó có 60 thủ lĩnh và 2700 người nam từ chi phái Đan. Vấn đề xảy ra khi rõ ràng là có quá nhiều thủ lĩnh cho số lượng nam giới trong một số chi phái.
  - f. Có một cuộc thảo luận tốt trong “Kinh Thánh Nghiên cứu NIV, trang. 186.”
3. Khảo cổ học đã ước tính độ lớn của quân đội Ai Cập và A-si-ri trong thời kỳ này là hàng chục ngàn. Một số đoạn trong Giô-suê dường như ngụ ý rằng Y-sơ-ra-ên có một đội quân khoảng 40.000, (xem Giô-suê 4:13; 7:3; 8:3, 11, 12).

### B. Con đường của Xuất Ê-díp-tô bị nghi ngờ:

1. Vị trí của: (1) các thành phố Ai Cập; (2) các nguồn nước; và (3) các điểm cắm trại sớm của người Hê-bơ-rơ đều không chắc chắn.
2. Thuật ngữ “Biển Đỏ” đến từ chữ *Yam Suph*, trong đó:
  - a. Có nghĩa là “biển cỏ dại” hoặc “biển lau sậy”. Nó có thể ám chỉ đến nước muối, Giô-na 2: 5; I Các Vua 9:26; hoặc nước ngọt, Xuất 2: 3; Ê-sai 19:26. Phiên Bản LXX dịch nó là “Biển Đỏ” trước tiên, tiếp theo là Phiên bản Vul-gate và sau đó là Phiên bản King James.
  - b. Gọi là “biển ở phía nam” hoặc “biển ở cuối (của trái đất).” Nó có thể đề cập đến Biển Đỏ hiện đại, Ấn Độ Dương hoặc Vịnh Ba Tư.
  - c. Đã có một số sử dụng trong Cựu Ước (xem Dân số Ký 33: 8,10).
3. Có ba tuyến đường có thể có liên quan đến ba nguồn nước khác nhau:
  - a. Tuyến đường phía bắc - tuyến này dọc theo bờ biển Địa Trung Hải, theo xa lộ thương mại được gọi là “con đường của người Phi-li-tin.” Đây là con đường ngắn nhất đến Đất Hứa. Nguồn nước mà họ sẽ gặp sẽ là một trong những khu vực nông, đầm lầy được gọi là: Hồ Sir-bo-nis hoặc Hồ Men-zalch. Tuy nhiên, người ta phải tính đến Xuất 13:17 dường như phủ nhận lựa chọn này. Ngoài ra, sự hiện diện của các pháo đài Ai Cập dọc theo tuyến đường này đã ngăn chặn sự lựa chọn này.
  - b. Một tuyến đường giữa - điều này sẽ liên quan đến các hồ trung tâm được gọi là: (1) “Hồ Bitter “; (2) “Hồ Balah”; (3) “Hồ Timsah.” Đường này cũng được theo sau bởi một tuyến đường lữ hành qua vùng đồng vắng Su-rơ.
  - c. Tuyến đường phía nam - điều này sẽ liên quan đến nguồn nước muối lớn mà chúng ta gọi là Biển Đỏ hôm nay. Ngoài ra, còn có một tuyến đường lữ hành từ khu vực này liên kết với “Xa lộ của Vua” (đường xuyên Giô-đanh đến Đa-mách) tại Ê-xi-ôn Ghê-be (*Ezion-Geber*).  
(1) Ngăn chặn sự có mặt của cây sậy trong nguồn nước này.

- (2) Chỉ về điều này ở trong I Các Vua 9:26 nói Ê-xi-ôn Ghê-be (Ezion-Geber) ở trên *Yam-Suph*. Đây là Vịnh A-qa-ba hoặc một phần của Biển Đỏ (xem Dân số Ký 21: 4; Phục truyền 27; Các Quan xét 11:16; Giê-rê-mi 49:12).
- d. Dân Số ký 33 cho thấy rõ ràng vấn đề. Trong câu 8a, họ “đi qua biển”, sau đó trong câu 10 họ cắm trại gần “Biển Đỏ”, một nguồn nước khác.
- e. Bất kể nguồn nước nào được vượt qua, đó là một phép lạ của Đức Chúa Trời. Y-sơ-ra-ên đã được cung cấp vũ khí trôi dạt vào từ những người lính Ai Cập đã chết nổi lên trên nguồn nước, đó một phép lạ khác nữa, Xuất 14:30; 15: 4-5.
- f. Có thể từ các tài liệu khác rằng “*yom suph*” không được ghi trên bản đồ, bí ẩn của nguồn nước về phía nam. Trong một số tài liệu: Ấn Độ Dương hoặc vịnh Ben-ge-li được gọi là “*yom suph*.”
4. Vị trí của Núi Si-nai cũng bị nghi ngờ:
- a. Nếu Môi-se nói theo nghĩa đen, không phải là nghĩa bóng về cuộc hành trình ba ngày mà ông đã yêu cầu Pha-ra-ôn (3:18; 5: 3; 8:27), thì đó không phải là một thời gian đủ dài để đến được vùng đất truyền thống ở phía nam bán đảo Si-nai. Do đó, một số học giả đã đặt núi Si-nai gần ốc đảo của Ca-đe-Bê-nê-a (Kadesh-Barnea)
- b. Vùng đất truyền thống được gọi là “Je-bel Mu-sa”, trong vùng Đồng vắng Sin, có một số điều thú vị:
- (1) Một đồng bằng lớn trước núi,
  - (2) Phục truyền 1: 2 nói đó là chuyến hành trình dài 11 ngày từ Núi Si-nai đến Ca-đe-Ba-nê-a (Kadesh-Barnea),
  - (3) Thuật ngữ “Si-nai” không là một thuật ngữ của tiếng Hê-bơ-rơ. Nó có thể được liên kết với vùng Đồng vắng Sin, đó là một đồng vắng nhỏ với những bụi cây. Tên tiếng Hê-bơ-rơ đặt tên núi là Hô-rép (Horeb) (đồng vắng).
  - (4) Núi Si-nai đã được là điểm truyền thống từ thế kỷ thứ 4 SCN. Nó nằm trong “vùng đất của Ma-đi-an” bao gồm một khu vực rộng lớn của bán đảo Si-nai và A-ra-bi.
  - (5) Đường như khảo cổ học đã xác nhận vị trí của một số thành phố được đề cập trong Xuất Ê-díp-tô ký (Ê-lim, Đấp-ca, Rê-phi-đim) như đang ở trên phía tây của bán đảo Si-nai.

## VII. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

- A. Không có bằng chứng bằng văn bản nào từ Ai Cập về Xuất Ê-díp-tô. Đây không phải là bất thường trong ánh sáng của sự đánh bại hoàn toàn của Giê-hô-va (*YHWH*) đối với các vị thần Ai Cập.
- B. Có một số ví dụ văn hóa về luật tương tự như Mười điều răn (*Decalog*):
1. Pháp luật của Li-pit - Ish-tar (Su-me-ri-an), từ vua của I-sin (1934-1924 TCN)
  2. Pháp luật của Esh-nun-na (Ba-by-lôn cũ), có niên đại khoảng 1800 TCN. từ triều đại Da-du-sha, vua của Ash-nun-na.
  3. Bộ luật Ham-mu-ra-bi (Ba-by-lôn cũ) của vua Ba-by-lôn, Ham-mu-ra-bi (1728-1686 TCN)
  4. Luật của các vị vua Hê-tít là Mup-si-lis I hoặc Hat-tu-si-lis I, từ khoảng năm 1650 TCN.
  5. Bộ luật của người Mê-sô-bô-ta-mi, tập trung chủ yếu vào luật dân sự trong khi luật Kinh Thánh tập trung chủ yếu về luật tôn giáo/ngghi lễ. “... chúng ta có thể đề xuất một sự thiên vị về dân sự trong tất cả các luật viết bằng chữ hình nêm và một sự thiên vị về nghi lễ trong luật Y-sơ-ra-ên ... Ở Mê-sô-bô-ta-mi, hành vi phạm tội cuối cùng được xem xét trong mối quan hệ xã hội; trong khi ở Y-sơ-ra-ên, mọi hành vi phạm tội cuối cùng đều chống lại Đức Chúa Trời.” Walton, trang. 80.
  6. Al-brecht Alt trong các bài tiểu luận về Lịch sử và Tôn giáo Cựu Ước, Oxford, 1966, trang 81-132, (*Essays on Old Testament History and Religion*, Oxford, 1966, pp. 81-13), đã xác định hai loại luật:
    - a. *Giả định (casuistic)*, sử dụng mệnh đề có điều kiện. Nó được đặc trưng bởi cấu trúc “nếu... sau đó”. Nó không chống lại các tiêu chuẩn tôn giáo hay xã hội nhưng đưa ra sự cấm đoán và hệ quả.
    - b. *Hiển nhiên (apodictic)*, không sử dụng mệnh đề có điều kiện.
      - (1) Xuất 21 và Phục Truyền 27: 15-26 sử dụng ngôi thứ ba và liên quan đến cá nhân, các trường hợp cụ thể.
      - (2) Lê-vi ký 18: 7-17 và Xuất 20 / Phục Truyền 5 sử dụng ngôi thứ hai và trong phạm vi tổng quát hơn.

- c. Luật Mê-sô-bô-ta-mi chủ yếu là theo giả định (*casuistic*) trong khi luật của Y-sơ-ra-ên chủ yếu là *Hiển nhiên (apodictic)*.
- C. Theo lập luận tự do cũ, theo đó Môi-se có thể không biết viết, khảo cổ học đã xác nhận sự tồn tại của một bảng chữ cái Ca-na-an, sớm được sử dụng ở Ai Cập trong thời của Môi-se.
1. Thư từ đã được tìm thấy liên quan đến các nô lệ Se-mi-tic trong các khu mỏ của Ai Cập ở Si-nai từ 1400 TCN ((cf. Albright, BASOR, #110 [1948], p 12-13).
  2. Các *os-tra-con* (gốm bị vỡ được sử dụng để nhận văn bản) từ Thung lũng các Nữ Hoàng đã được tìm thấy tại The-bes, Albright, BASOR, #110 (1948), p 12.

## VIII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (BỐI CẢNH)

### A. Dàn bài tóm lược:

1. Y-sơ-ra-ên ở Ai Cập, 1-11
2. Y-sơ-ra-ên rời Ai Cập, 12-18
3. Y-sơ-ra-ên tại Núi Si-nai, 19-40
  - a. Luật về đời sống ở Núi Si-nai, 19-24
  - b. Luật về thờ phượng tại Núi Si-nai, 25-40
    - (1) Thiết kế Đền tạm, 25-31
    - (2) Sự nổi loạn và đổi mới giao ước, 32-34
    - (3) Đền tạm được xây dựng, 35-40

### B. Các bệnh dịch

1. Chúng thể hiện sự phán xét của Đức Chúa Trời trên các vị thần của Ai Cập. Chúng dường như đã xảy ra trong thời kỳ hơn 18 tháng. Chúng liên quan đến các sự kiện tự nhiên, nhưng với:
  - a. Thời gian siêu nhiên
  - b. Cường độ siêu nhiên
  - c. Vị trí siêu nhiên
2. Dàn bài tóm lược về 10 bệnh dịch:
  - a. Nước sông Nil chuyển thành huyết, 7: 14-25
  - b. Éch -nhái, 8: 1-15
  - c. Chí rận, muỗi mòng, 8: 16-19
  - d. Ruồi, 8: 20-32
  - e. Bệnh của gia súc, 9: 1-7
  - f. Ghẻ chốc, 9: 8-12
  - g. Mưa đá, 9: 13-35
  - h. Cào cào, 10: 1-20
  - i. Sự tối tăm, 10: 21-29
  - j. Thần chết, cái chết của con đầu lòng, 11: 1-8

### C. Danh sách các ngày lễ/ngày kiêng ăn của chương 23:

1. Sa-bát hàng tuần, 23: 3
2. Lễ Vượt Qua (Thứ 14 của Ni-san), 23: 5; Xuất 12
3. Bánh không men (Thứ 15- Thứ 21 của Ni-san), 23: 6-8; Phục 16: 1-8
4. Trái đầu mùa (Thứ 22 của Nisan), 23: 9-14
5. Lễ Ngũ Tuần hoặc Lễ Tuần (50 ngày sau thứ 21 của Ni-san, si-van thứ 6), 23: 15-21; Phục 16: 9-12
6. Thôi kèn Trum-pét (Tish-ri thứ nhất), 23: 23-25; Dân-số 29: 1-6
7. Ngày Chuộc Tội (Tish-ri thứ 10), 23: 26-32; Dân-Số. 29: 7-11
8. Lễ quán (Tish-ri thứ 15), 23: 33-44; Dân-Số 29: 12-40; Phục 16: 13-17

### D. Dàn bài chi tiết

1. xem R. K. Harrison, *Introduction to the OT*, p 560-562
2. xem E. J. Young, *An Introduction to the OT*, p 63-72

3. xem NIV Study Bible, p 85-87

## IX. LỄ THẬT CHÍNHH:

- A. Nó tiếp tục lịch sử bắt đầu trong Sáng thế ký. Nó ghi lại sự phát triển của gia đình được chọn trở thành một quốc gia được chọn. Mặc dù họ bị nô lệ ở Ai Cập, họ sẽ sở hữu vùng Đất Hứa (Sáng thế Ký 12: 1-3; 15:16).
- B. Nó ghi lại các luật lệ giao ước tại Núi Si-nai (Hô-rép)
  1. Chúng ta nên sống như thế nào! (Mười điều răn và bổ sung)
  2. Chúng ta nên thờ phượng như thế nào! (Đền tạm, thầy tế lễ, thủ tục, thời gian và nghi lễ)
  3. Đó là một sách hướng dẫn “cách làm” đối với Đền tạm (Lê-vi ký)
- C. Nó ghi lại những hành động vĩ đại về sự yêu thương và sự thương xót của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên, được nói tiên tri cho Áp-ra-ham. Sáng thế Ký 15:16.
- D. Sự xử lý của Đức Chúa Trời với Pha-ra-ôn cho thấy sự cân bằng giữa sự tể trị của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người:
  1. Đức Chúa Trời làm cứng lòng Pha-ra-ôn:
    - a. 7: 3, 13
    - b. 9:12
    - c. 10: 1, 20, 27
    - d. 11:10
    - e. 14: 4, 8
  2. Pha-ra-ôn đã làm cứng lòng chính ông
    - a. 8:15, 32
    - b. 9:34

## X. THUẬT NGỮ VÀ/HOẶC CỤM TỪ PHÁP VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và cụm từ
  1. Bê sanh, 1:16 (NIV, bê chuyển giao)
  2. Cởi giày người ra, 3: 5 (NASB & NIV)
  3. “Hành trình ba ngày,” 3:18; 5: 3; 8:27 (NASB & NIV)
  4. “Ta sẽ làm cứng lòng hấn,” 4:21; 7: 3, 13; 9:12, 35; 10: 1, 20, 27 (NASB & NIV)
  5. Thuật sĩ, 7:11, 22 (NASB & NIV)
  6. Không bị tì vết, 12: 5 (NIV, không có khiếm khuyết)
  7. Trụ mây, 13: 21-22 (NASB & NIV)
  8. Nữ tiên tri, 15:20 (NASB & NIV)
  9. Bánh mì (ma-na), 16: 4, 8, 14-15, 31 (NASB & NIV)
  10. Vương quốc của Thầy Tế lễ, 19: 4-6 (NASB & NIV)
  11. Hoàn toàn tiêu diệt (herem), 22:20 (NIV, bị phá hủy)
  12. Cột thánh, 23:24 (NIV, đá thánh)
  13. Ê-phốt, 25: 7 (NASB & NIV)
  14. Nắp Thi ân, 25:17 (NIV, nắp chuộc tội)
  15. U-rim và Thu-min, 28:30 (NASB & NIV)
  16. Cuốn sách, 32: 32-33 (NASB & NIV)
  17. Bánh trần thiết, 35:13 (NASB & NIV)
- B. Nhân vật được nhận dạng ngắn gọn
  1. Hyk-sos, 1: 8
  2. Thiên sứ của Chúa, 3: 1,4
  3. Phi-nê-a, 6:25
  4. Kê hũy diệt, 12:23

- |  |                           |
|--|---------------------------|
| 3. Ta là Giê-hô-va (YHWH), 3:14; 6: 3<br>(NIV, Đấng Tự hữu hằng hữu) | 7. Na-đáp & A-bi-hu, 24:1 |
| 4. Rê-u-ên, 2:18; Giê-trô, 3:1;<br>18: 11-12                         | 8. A-ma-léc, 17: 8-16     |
|  | 9. Tượng Che-rub, 25:19   |

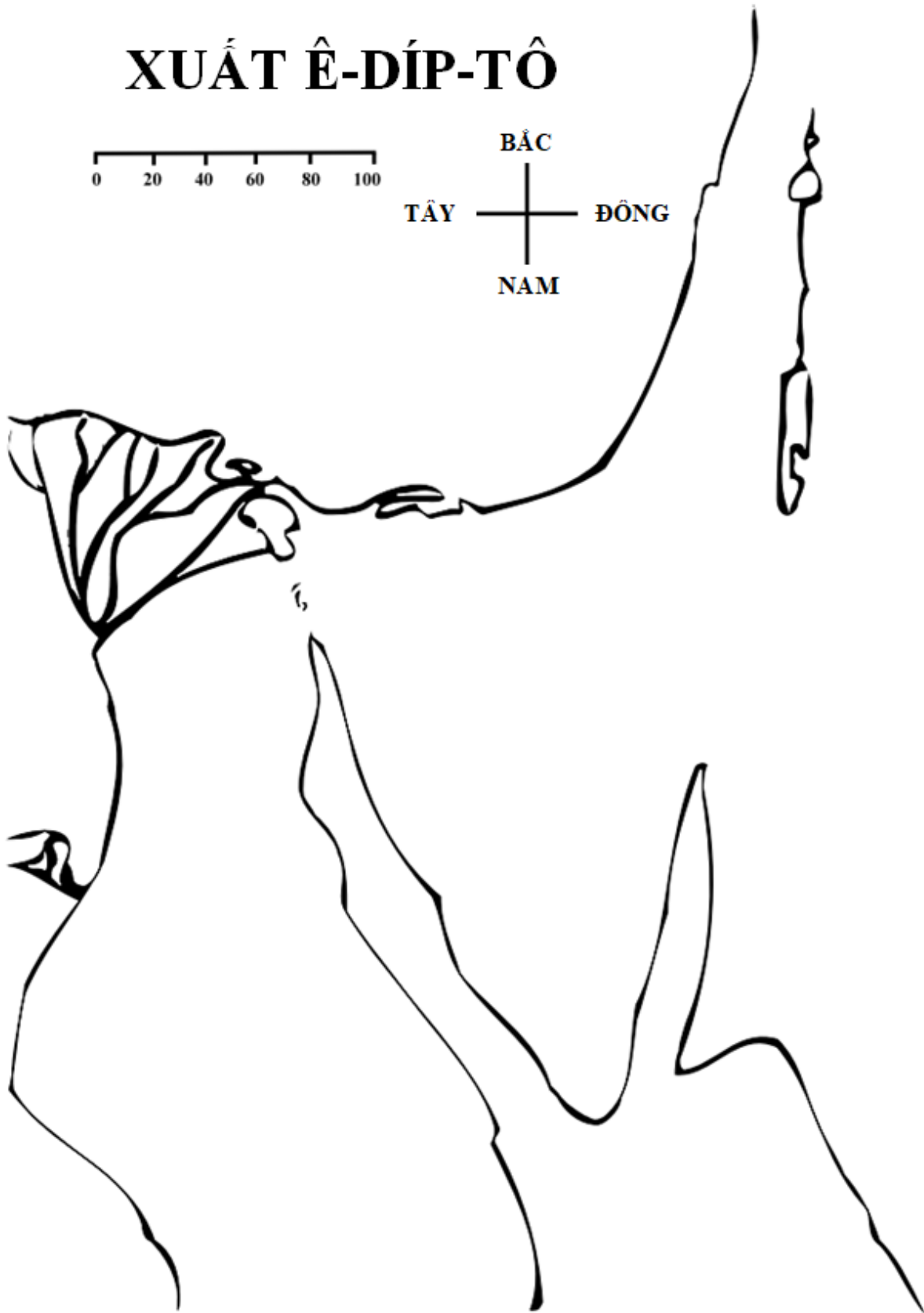
#### XI. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ (theo số)

- |                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| 1. Phi-thom, 1:11                 | 7. Đồng vắng Su-rơ                         |
| 2. Ram-se, 1:11                   | 8. Đồng vắng Sin                           |
| 3. Mê-đi-an, 2:15                 | 9. Đồng vắng Pha-ran                       |
| 4. Núi Hô-rép, 3: 1               | 10. Con đường tới biển (Phi-li-tin), 13:17 |
| 5. Gô-sen, 8:22                   | 11. Vịnh A-ga-ba                           |
| 6. Yam Suph, 10:19 (NIV, Biển Đỏ) |  |

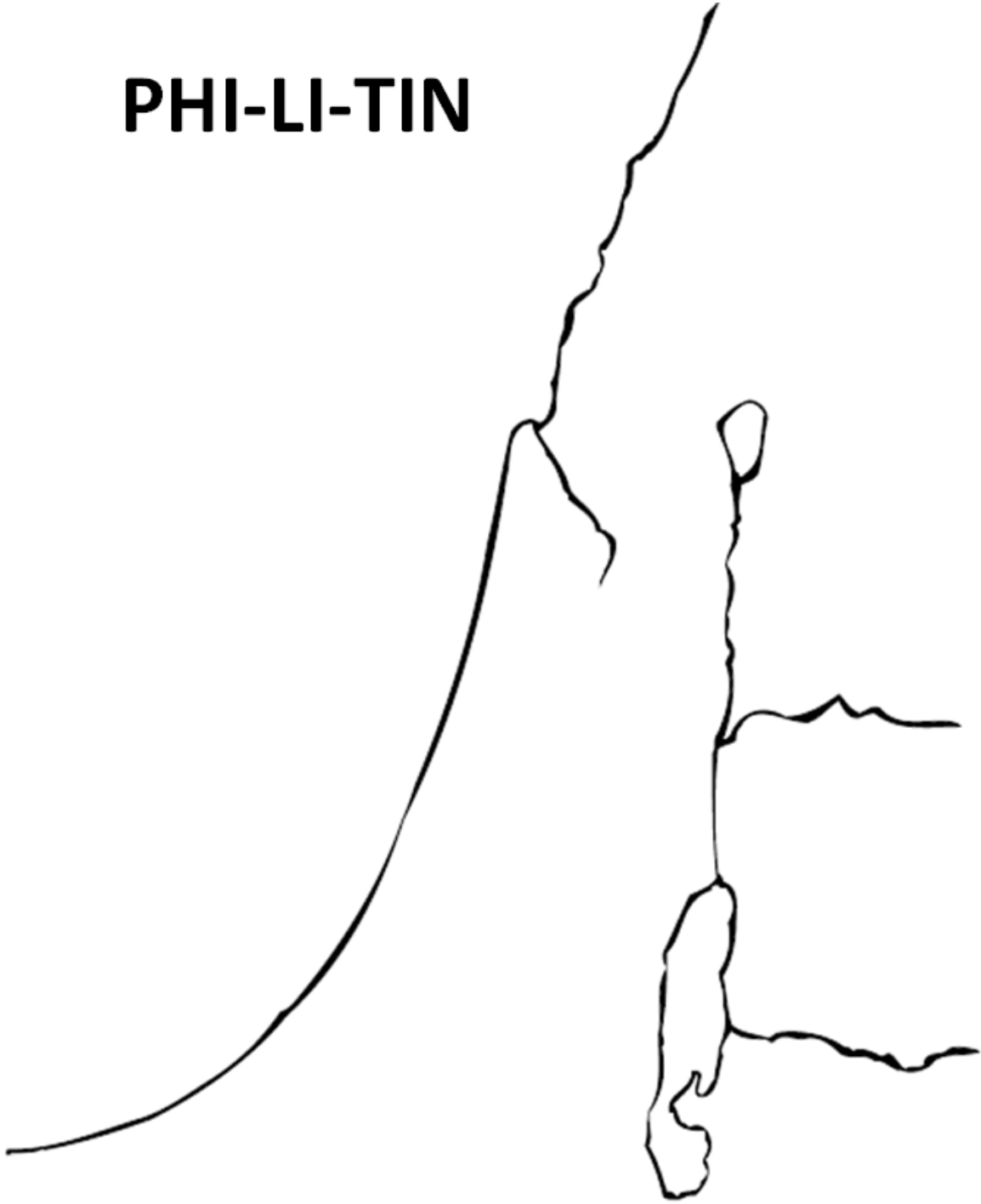
#### XII. CÂU HỎI VỀ NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao Pha-ra-ôn lại sợ người Hê-bơ-rơ? 1: 7-10
2. Tại sao những đứa bé trai bị ném xuống sông Nil? Tại sao gia đình Pha-ra-ôn lại tắm sông Nil? Tại sao nước sông Nil chuyển sang huyết lại quá quan trọng?
3. Tại sao Môi-se chạy trốn đến Mê-đi-an?
4. Tại sao Đức Chúa Trời tiết lộ tên của Ngài cho Môi-se là rất quan trọng? (3: 13-16)
5. Câu 3:22 nói về cuộc xung đột giữa Đức Giê-hô-va và các vị thần Ai Cập về vấn đề gì?
6. Làm thế nào để chúng ta giải thích Xuất 6: 3 trong ánh sáng của Đức Giê-hô-va xuất hiện trong Sáng Thế Ký 4:26?
7. Bệnh dịch ảnh hưởng đến tôn giáo Ai Cập như thế nào?
8. Đức Chúa Trời làm cứng lòng của Pha-ra-ôn có lấy đi sự lựa chọn tự do của Ngài không?
9. Ý nghĩa của cái chết của con sinh đầu lòng là gì?
10. Người Hê-bơ-rơ đã lấy vũ khí quân sự của họ ở đâu?
11. Theo cách nào thì hành động của Môi-se đối với Giê-trô trong chương 18 ám chỉ rằng ông là một tín đồ trong Đức Giê-hô-va?
12. Ý nghĩa của việc Y-sơ-ra-ên là vương quốc của Thầy tế lễ là gì?
13. Liệt kê Mười điều răn.
14. Liệt kê các ngày lễ ở chương 23.
15. Vẽ một bức tranh về Đền tạm và đồ nội thất của nó.
16. Bò con bằng vàng ở chương 32 tượng trưng cho điều gì?

# XUẤT Ê-DÍP-TÔ



# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM



# GIỚI THIỆU LÊ-VI KÝ

## I. TÊN SÁCH

- A. Trong Phiên bản tiếng Hê-bơ-rơ (MT), đó là từ đầu tiên của cuốn sách, “và Đức Giê-hô-va (*YHWH*) đã gọi”.
- B. Phiên bản Tal-mud (Mish-nah) gọi nó là “Luật của Thầy Tế Lễ”.
- C. Từ Phiên bản LXX, nó là “Sách về người Lê-vi”.
- D. Phiên bản Vul-gate tiếng La-tin của Je-rome có tên là “Lê-vi ký”.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Nó là một phần của phần đầu tiên của Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là “Tô-ra” hoặc “giáo lý” hoặc “Luật”.
- B. Phần này được gọi là Ngũ Kinh (năm cuộn) trong bản LXX.
- C. Đôi khi nó được gọi là “Năm cuốn sách của Môi-se” bằng tiếng Anh.
- D. Nó bao gồm một dữ kiện liên tục viết bởi Môi-se từ Sự Sáng tạo qua cuộc đời của Môi-se, Sáng-thế ký - Phục Truyền Luật Lê Ký

III. THỂ LOẠI - Cuốn sách chủ yếu là luật pháp, ngoại trừ văn kể chuyện lịch sử của các chương 8-10.

IV. BẢN QUYỀN - Chương 1: 1 đặt mô hình lặp đi lặp lại thường xuyên (35 lần) “Giê-hô va (*YHWH*) phán với Môi-se”. Xem phần thảo luận chi tiết trong đề cương Sáng thế ký.

V. NIÊN ĐẠI - So sánh Xuất 40: 2, 17 với Dân số ký 1: 1. Điều này cho thấy rằng nó đã được trao cho Môi-se bởi Đức Chúa Trời trong tháng thứ 1 của năm thứ 2 sau cuộc di cư ra khỏi Ai-Cập. Xem các cuộc thảo luận chi tiết trong đề cương Xuất Ê-díp-tô ký.

## VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC VỀ BỐI-CẢNH LỊCH SỬ LÊ-VI-KÝ

- A. Luật nghi lễ ở Mê-sô-bô-ta-mi
  1. Của lễ dâng chủ yếu là một bữa ăn được dâng cho một vị thần. Bàn thờ là một bàn thờ thần mà bữa ăn được đặt lên. Bên cạnh bàn thờ là một lư hương bằng đồng để thu hút sự chú ý của thần. Không có hàm ý nghi lễ trong huyết. Một thanh gươm được dùng để cắt cổ con vật. Thức ăn được chia sẻ giữa các vị thần, vua thầy tế lễ và người tham dự. Người dâng của lễ không nhận gì cả.
  2. Không có của lễ dâng chuộc tội.
  3. Bệnh tật hay đau đớn là hình phạt từ các vị thần. Một con vật được mang đến và bị hủy diệt; điều này đóng vai trò thay thế cho người dâng của lễ.
  4. Nghi lễ của Y-sơ-ra-ên khác biệt và đặc thù. Dường như nó có nguồn gốc là một người trả lại cho Đức Chúa Trời một phần công lao động của người ấy cho thực phẩm cần thiết của chính người đó (xem Sáng thế Ký 4: 1-4; 8: 20-22).
- B. Luật nghi lễ ở Ca-na-an (rất giống với pháp luật của Y-sơ-ra-ên)
  1. Nguồn tài liệu:
    - a. Dữ liệu kinh thánh

- b. Văn học Phô-nê-xi
  - c. Các bảng Ras Sham-ra từ U-ga-rit liên quan đến các vị thần và thần thoại Ca-na-an từ khoảng 1400 TCN.
2. Các của lễ dâng của Y-sơ-ra-ên và Ca-na-an rất giống nhau. Tuy nhiên, trong việc dâng của lễ của Ca-na-an, người ta không nhấn mạnh về huyết của con vật.
- C. Luật nghi lễ ở Ai Cập
- 1. Các của lễ dâng được cung cấp nhưng không được nhấn mạnh.
  - 2. Các của lễ dâng không quan trọng, nhưng nhấn mạnh đến thái độ của sự tế lễ.
  - 3. Các của lễ dâng đã được thực hiện để ngăn chặn cơn thịnh nộ của các vị thần.
  - 4. Người dâng của lễ hy vọng được giải thoát hoặc tha thứ.
- D. Hệ thống Các của lễ dâng của Y-sơ-ra-ên - Các của lễ dâng của Y-sơ-ra-ên gần gũi hơn so với Ca-na-an, mặc dù không nhất thiết liên quan gì đến họ cả.
- 1. Các cụm từ mô tả
    - a. Các của lễ dâng là một biểu hiện tự phát về nhu cầu của nhân loại đối với Đức Chúa Trời.
    - b. Các luật Cựu ước điều chỉnh về Các của lễ dâng không thể được xem như là khởi nguồn của Các của lễ dâng (xem Sáng-thế Ký 7: 8; 8:20)
    - c. Các của lễ dâng là một sự dâng hiến (động vật hoặc thực vật)
    - d. Phải là một sự dâng hiến bị phá hủy toàn bộ hoặc một phần trên bàn thờ trong sự tôn kính Đức Chúa Trời.
    - e. Bàn thờ là nơi dâng của lễ và tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời.
    - f. Dâng của lễ là một hành động của sự thờ phượng bên ngoài (một lời cầu nguyện đã được thực hiện)
    - g. Định nghĩa của dâng của lễ là “những lời cầu nguyện được thực hiện “hay “những lời cầu nguyện được nghi lễ hóa.” Ý nghĩa của nghi lễ và sự thiên vị văn hóa của chúng ta đã chống lại điều nó được bày tỏ trong Gordon J. Wenham (Tyndale, Numbers, p. 25-39). Lê-vi-ký và Dân số ký đều chứa số lượng lớn loại tài liệu này cho thấy tầm quan trọng của nó đối với Môi-se và Y-sơ-ra-ên.
  - 2. Của lễ dâng bao gồm
    - a. Quà tặng cho Chúa
      - (1) Liên quan đến sự thừa nhận rằng tất cả trái đất là của Chúa
      - (2) Tất cả những gì một người có, người đó nợ Chúa
      - (3) Do đó, thật đúng đắn cho con người dâng hiến cho Đức Chúa Trời
      - (4) Đó là một loại quà tặng đặc biệt. Đó là điều mà con người cần làm để duy trì sự tồn tại của chính mình. Nó không chỉ là để dâng hiến một cái gì đó, nhưng đó là điều con người cần. Đó là trao một phần của chính mình cho Đức Chúa Trời.
      - (5) Bằng cách phá hủy món quà, nó không thể được đòi lại.
      - (6) Một của lễ thiêu trở nên vô hình và đi đến vương quốc của Đức Chúa Trời.
      - (7) Các bàn thờ trước đó được dựng lên ở những nơi Đức Chúa Trời xuất hiện. Bàn thờ đã trở thành như là một nơi thánh, do đó, của lễ dâng đã được mang đến đó.
    - b. Thể hiện sự dâng mình trọn đời của một người cho Đức Chúa Trời
      - (1) Việc dâng của lễ thiêu là một trong ba của lễ dâng tự nguyện.
      - (2) Toàn bộ con vật bị thiêu để bày tỏ với Đức Chúa Trời sự tôn kính sâu sắc của chúng ta.
      - (3) Đây là sự dâng biểu cảm đối với Đức Chúa Trời.
    - c. Thông công với Đức Chúa Trời
      - (1) Phương diện hiệp thông của Của lễ dâng
      - (2) Một thí dụ về sự dâng hiến của lễ bình an là tượng trưng cho Đức Chúa Trời và con người trong sự thông công.
      - (3) Của lễ dâng được thực hiện để có được hoặc lấy lại sự thông công này.
    - d. Sự chuộc tội
      - (1) Khi một người phạm tội, người ấy phải cầu xin Chúa phục hồi mối quan hệ (giao ước) người ấy đã bị hỏng.
      - (2) Không có bữa ăn chung trong việc dâng của lễ chuộc tội vì mối quan hệ đã bị gãy đổ.

- (3) Ý nghĩa của huyết:
  - (a) Được đặt trên bàn thờ cho con người
  - (b) Được đặt trên tấm màn che cho thầy tế lễ
  - (c) Được đặt trên nắp thi ân cho Thầy Tế lễ thượng phẩm và quốc gia (Lê-vi ký16)
- (4) Có hai loại dâng của lễ chuộc tội. Lễ thứ hai được gọi là lễ chuộc sự mắc lỗi. Qua đó người phạm tội được khôi phục lại với người Y-sơ-ra-ên của mình bằng cách được lấy đi hoặc bị hư hỏng cùng với của lễ dâng con sinh tế.
- (5) Không có của lễ dâng cho tội lỗi có chủ ý hoặc cố ý, 4: 1, 22, 27; 5: 15-18; 22:14

## E. THỦ TỤC CỦA CÁC CỦA DÂNG KHÁC NHAU

### 1. CHƯƠNG 1

- a. Công thức được giới thiệu, “Chúa phán với Môi-se,” 1: 1-2; 4: 1; 5:14; 6: 1,19; 7:22, 28
  - (1) Từ bầy hoặc đàn (súc vật)
  - (2) “Khi nào,” câu 2, cho thấy rằng điều này không bắt buộc nhưng tự nguyện
- b. Của lễ thiêu, từ câu 3-17 (6: 8-13)
  - (1) Bàn thờ
    - (a) Bàn thờ bằng đồng, còn được gọi là bàn thờ của lễ thiêu, bàn thờ cạnh cửa Đền tạm, hoặc bàn thờ gỗ si-tim, được phủ bằng đồng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 27)
    - (b) Điều này phân biệt nó với bàn thờ xông hương (bàn thờ bằng vàng) tại nơi thánh (Xem Xuất 30)
    - (c) Than đá từ bàn thờ bằng đồng được đưa đến bàn thờ xông hương
    - (d) Bàn thờ bằng đồng nằm ngay giữa lối vào Đền tạm
    - (e) Bàn thờ có sừng, mà sừng là phần thiêng liêng nhất. Huyết được bôi trên sừng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:10).
    - (f) Các sừng có thể là:
      - i. biểu tượng của bàn tay để dâng của lễ lên
      - ii. biểu tượng của sức mạnh hoặc quyền lực hiện hành (Phục truyền Luật lệ Ký 33:17; II Sa-mu-ên 22: 3.)
      - iii. Sau đó, bất cứ ai nắm lấy sừng của bàn thờ đều an toàn cho đến khi vụ án của anh ta đã được tòa án quyết định (I Các vua 1: 50-51; 2:28)
  - (2) Của lễ dâng
    - (a) Bò đực thiến không tì vết đã được đề cập đầu tiên vì tầm quan trọng của nó và chi phí, câu 3
    - (b) dê đực hoặc chiên, câu 10
    - (c) chim cu đất hoặc bồ câu con, câu 14 (đối với người nghèo)
  - (3) Nơi đặt của lễ thiêu là ở cửa lều hội mạc
  - (4) Đặt bàn tay ở trên - điều này chỉ dành cho bò đực, không phải cho dê, cừu hay chim, câu 4
    - (a) Người dâng hiến đã tự làm điều này (không phải là thầy tế lễ)
    - (b) Nhiều người cảm thấy đó là một hành động tượng trưng cho việc chuyển giao tội lỗi
    - (c) Một số người tin rằng điều đó có nghĩa là:
      - i. Con vật này xuất phát từ cá nhân đặc biệt này
      - ii. Lễ dâng hiến được trình bày theo tên của người dâng hiến.
      - iii. Kết quả của lễ dâng hiến này thuộc về người đặt tay lên con sinh tế
  - (5) Giết mổ
    - (a) Bò đực - “trước mặt Chúa” bởi người dâng của lễ. Người dâng của lễ phải giết, lột da và cắt con sinh tế. Vai trò của thầy tế lễ (trừ trường hợp lễ dâng hiến công khai) bắt đầu khi người người đó đưa con vật đến bàn thờ.
    - (b) Chiên hoặc dê, câu 11 - “ở phía bắc của bàn thờ trước mặt Chúa” Đây là một địa điểm cụ thể cho những con vật nhỏ hơn.
    - (c) Chim – Thầy tế lễ sẽ giết và dâng hiến tế lễ này. Người dâng hiến phải dọn của lễ này.
  - (6) Xử lý huyết
    - (a) động vật
      - i. Thầy tế lễ ném huyết vào bàn thờ, và rắc nó quanh bàn thờ.

- ii. Sự sống của con vật ở trong huyết (xem Sáng-thế Ký 9: 4; Lê-vi Ký 17:11). Sự sống đã thuộc về Đức Chúa Trời, do đó, huyết không tượng trưng cho một phần của món quà của con người.
  - iii. Huyết của chim bị vắt ráo ở bên bàn thờ và không bị thiêu bằng lửa.
- (7) Xử lý thịt
- (a) Bò đực, câu 6
    - i. Người dâng lễ lột da con sinh tế. Thầy tế lễ có thể giữ lại bộ da (xem 7: 8).
    - ii. Người dâng lễ cắt nó thành từng miếng
    - iii. Thầy tế lễ đặt của lễ dâng trên bàn thờ trong sự sắp xếp như nó khi còn sống
    - iv. Chân và ruột được rửa bằng nước từ chậu rửa
    - v. Thầy tế lễ thiêu toàn bộ con vật trên bàn thờ
- c. Trường hợp dâng của lễ thiêu
- (1) Lễ lều tạm, lễ quán
  - (2) Ngày Chuộc Tội
  - (3) Lễ Tuần, Lễ Trái đầu mùa hoặc Lễ ngũ tuần
  - (4) Lễ hội kèn Trum-pét
  - (5) Lễ dâng Bó lúa đưa qua đưa lại (Lê-vi ký 23)
  - (6) Lễ bánh mì không men, lễ Vượt qua
  - (7) Bắt đầu các tháng, Lễ trăng mới
  - (8) Ngày Sa-bát
- d. Tầm quan trọng của lễ thiêu
- (1) Một món quà cho Đức Chúa Trời
  - (2) Được xem là loại lễ dâng có giá trị nhất.
  - (3) Dường như liên quan với khái niệm về tội lỗi nói chung hoặc tạ ơn.
  - (4) Tượng trưng hoàn hảo nhất cho ý tưởng dâng của lễ.
  - (5) Cung hiến mang tính biểu tượng của đời người
  - (6) Tượng trưng cho sự dâng hiến trọn vẹn về đời sống của một cá nhân cho sự hầu việc Đức Chúa Trời.
  - (7) Cấp độ giá trị của lễ dâng
    - (a) Bò đực
    - (b) Chiên - dê
    - (c) Chim
  - (8) Điều này cho thấy rằng bất cứ ai ý thức về nhu cầu thuộc linh đều có thể tiếp cận Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã sẵn sàng cho tất cả mọi người.
- e. Hướng dẫn đặc biệt cho thầy tế lễ, 6: 8-12
- (1) Cửa lễ thiêu đốt suốt đêm trên giữa bàn thờ
  - (2) Lửa được giữ cháy liên tục dưới một sự dâng của lễ thiêu
  - (3) Hướng dẫn liên quan đến trang phục của thầy tế lễ
  - (4) Hướng dẫn liên quan đến việc loại bỏ tro
2. CHƯƠNG 2: 1-16 (6: 14-23)
- a. Giới thiệu
- (1) Chương này đề cập đến việc dâng hiến ngũ cốc
  - (2) Dâng hiến ngũ cốc đến từ ngũ cốc có nghĩa là “món quà”. Nó đã trở thành một thuật ngữ cho món quà không phải là con sinh tế, hoặc thực vật.
  - (3) Sau khi bị lưu đầy lễ dâng ngũ cốc xuất hiện như là một bổ sung cho việc dâng của lễ thiêu và dâng của lễ thù ân và những thầy thông giáo nói rằng nó có thể được dâng lễ bởi chính những người nghèo.
  - (4) Giao ước muối cũng được đề cập trong Dân số ký 18:19 và II Sử ký 13: 5. Muối là đối nghịch với men. Nó được sử dụng như một biểu tượng của giao ước của Đức Chúa Trời bởi vì không bị hư hỏng và lâu dài.
- b. Việc dâng hiến ngũ cốc liên quan đến lao động của một người được ban cho bởi Đức Chúa Trời.
- (1) Đó là một món quà dâng cho Đức Chúa Trời từ thức ăn hàng ngày của dân sự.

- (2) Nó thường là một bổ sung (đặc biệt là trong những ngày sau khi bị lưu đày) để làm của lễ thiêu hoặc của lễ thù ân.
  - (3) Dâng của lễ là sự ban cho của Đức Chúa Trời cho Thầy tế lễ. Chỉ một phần nhỏ được thiêu cháy như một tưởng niệm cho toàn thể.
  - (4) Từ ngữ “tưởng niệm” mô tả phần được dâng hiến, hoặc phần đó mang ý nghĩa là dâng trọn vẹn trước Chúa.
  - (5) Khái niệm Tân Ước về Lễ Tiệc Thánh của Chúa là “tưởng niệm” thể hiện Khái niệm Cựu ước này.
  - (6) Sự khác biệt giữa các thuật ngữ “thánh” và “chí thánh” là:
    - (a) “thánh” – Thầy tế lễ và gia đình có thể ăn ở bất cứ nơi nào sạch sẽ.
    - (b) “Chí thánh” - chỉ có thể được ăn bởi các thầy tế lễ và tại phòng chính của hội mạc.
- c. Các loại
- (1) Bột lọc chưa làm bánh (cho người giàu), 2: 1-3
  - (2) Ổ bánh nướng hoặc bánh nướng, 2: 4-11
  - (3) Gié xanh của bắp ngô hoặc gié lúa mì (cho người nghèo), 2: 12-16
    - (a) Bột chưa bóc vỏ là sản phẩm cao nhất. Đó là loại bột mì tốt nhất.
    - (b) Bánh nướng
      - i. Dầu là một thành phần
      - ii. Chuẩn bị trong lò, câu 4.
      - iii. Trong chảo sắt, câu 5.
      - iv. Trong chảo rán đất, câu 7.
    - (c) Gié xanh của bắp ngô hoặc lúa mì
      - i. Phải được làm khô
      - ii. Làm thành bột thô
      - iii. Sắp xếp như một bữa ăn đặt trước khách.
- d. Thành phần
- (1) Bột mịn tương ứng với động vật không tì vết
  - (2) Dầu là biểu tượng của sự thịnh vượng và do đó là biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời.
    - (a) Được sử dụng cho thực phẩm, của lễ dâng, y học và xức dầu.
    - (b) Có thể sử dụng dầu để thay thế việc dâng hiến dầu
  - (3) Trầm hương là từ Ấn Độ hoặc A-ra-bi.
    - (a) Được xem là một thứ rất thuần khiết với hương thơm tuyệt vời
    - (b) Tượng trưng cho lời cầu nguyện và ngợi khen.
  - (4) Muối
    - (a) Truyền tải sự sống cũng như bảo quản chất lượng.
    - (b) Có thể nhiều hơn cho thông công trên bàn, hơn là được dùng cho bảo quản
  - (5) Các yếu tố bị loại trừ
    - (a) Men bị loại trừ, câu 11
      - i. Có thể do lên men
      - ii. Men liên quan đến sự thối rữa
      - iii. Có thể được dâng hiến với trái cây đầu mùa và cho thầy tế lễ.
    - (b) Mật ong bị loại trừ
      - i. xi-rô là từ trái cây không phải mật ong
      - ii. có thể vì việc sử dụng nó trong nghi lễ Ca-na-an
- e. Nghi thức dâng lễ
- (1) Nó được đưa đến thầy tế lễ. Ông ấy điều khiển toàn bộ buổi lễ (2: 2, 9, 16)
  - (2) Một phần của lễ dâng được ăn bởi thầy tế lễ trong nơi thánh. Đó là việc thánh nhất.
- f. Ý nghĩa
- (1) Trình bày từ cấp kém hơn tới cấp cao hơn.
  - (2) Thiêu một phần của nó tượng trưng cho sự dâng hiến một phần lao động của một người tới Đức Chúa Trời.
  - (3) ý nghĩa rõ ràng

- (a) Của lễ thiêu - dâng hiến đời sống của một người
- (b) Lễ dâng bữa ăn - công hiến lao động hàng ngày của một người
- g. Hướng dẫn đặc biệt cho việc Lễ dâng ngũ cốc, 6: 14-23
  - 1. Dâng hiến trước bàn thờ
  - 2. Lao động tặng quà cho Đức Chúa Trời nhưng trong thực tế nó hỗ trợ chức tế lễ.

### 3. CHƯƠNG 3: 1-17 (7: 13-34) CỦA LỄ DÂNG THÙ ÂN ( BÌNH AN)

- a. Giới thiệu
  - (1) Tại sao
    - (a) Lễ dâng hiệp thông
    - (b) Lễ dâng giao ước
    - (c) Lễ dâng hợp tác
    - (d) Lễ dâng kết thúc
  - (2) Nó bày tỏ lòng biết ơn đến Đức Chúa Trời vì sự thông công với Chúa, gia đình và bạn bè.
  - (3) Nó thường là hành động cuối cùng trong một loạt các lễ dâng hiến trong đó sự hòa giải đã được thành lập.
  - (4) Của lễ thiêu thể hiện sự trả giá cho sự vâng lời trong khi của lễ thù ân bày tỏ niềm vui và hạnh phúc của mối tương giao với Đức Chúa Trời.
  - (5) Sinh tế đực hay cái nhưng không tì vết
  - (6) Các loại dâng của lễ
    - (a) Từ đàn; đực hay cái
    - (b) Sự khác biệt giữa chiên và dê là vì mỡ của đuôi chiên.
      - i. Chiên con của đàn chiên - đực hoặc cái
      - ii. Dê của đàn – đực hay cái
- b. Nghi lễ
  - (1) Trình bày cách dâng lễ
    - (a) Đặt tay trên của lễ
    - (b) Giết sinh tế ở cửa hội mạc
    - (c) Nhận dạng của lễ dâng giống như lễ thiêu
    - (d) Rải huyết quanh bàn thờ
    - (e) Thiêu các phần lựa chọn trên bàn thờ cho Đức Chúa Trời
      - i. Mỡ (đuôi chiên béo) tượng trưng cho sự thịnh vượng
      - ii. Thận, thùy gan tượng trưng cho chỗ ngồi của ý chí và cảm xúc
      - iii. Các phần chất béo được đặt trên của lễ thiêu của người dâng hoặc trên lễ thiêu chiên con buổi sáng.
  - (2) Lễ cảm tạ bao gồm (7: 11-14)
    - (a) Bánh không men trộn với dầu
    - (b) Các miếng bánh không men được phủ dầu
    - (c) Bột mịn trộn với dầu
- c. Phần của thầy tế lễ, 7: 28-34
  - (1) Phần Vú thuộc về thầy tế lễ như một lễ dâng đưa qua đưa lại.
  - (2) Đưa tay qua lại liên quan đến việc đặt lễ dâng trên tay của người dâng hiến và tay của thầy tế lễ. Nó cho thấy sự dâng hiến được cung cấp bởi người dâng cho Đức Chúa Trời, và sau đó là sự tiếp nhận nó trở lại bởi thầy tế lễ.
  - (3) Đùi bên phải thuộc về thầy tế lễ.
  - (4) Lễ dâng lên của lễ được dâng lên cho Đức Chúa Trời và được thầy tế lễ tiếp nhận lại
- d. Phần của người dâng, 7: 15-18
  - (1) Lễ cảm tạ, người dâng sẽ được ăn vào ngày dâng, câu 15
  - (2) Một lời cầu nguyện (lời thề) hoặc tự ý sẽ được ăn vào ngày dâng hoặc ngày tiếp theo, câu 16
  - (3) Phần này là tất cả những gì không được dâng cho Đức Chúa Trời và bởi Đức Chúa Trời cho thầy tế lễ.
  - (4) Đức Chúa Trời tượng trưng ăn với người dâng, gia đình và bạn bè của mình trong lễ dâng này
  - (5) Lễ dâng này nhấn mạnh rằng mối quan hệ thông công đã được phục hồi.

#### 4. CHƯƠNG 4: 1-5: 13 (6: 24-30) LỄ CHUỘC TỘI

##### a. Giới thiệu

- (1) Đây là lễ dâng đầu tiên trong đó sự chuộc tội là yếu tố chính.
- (2) Lễ dâng hiến này tái thiết lập giao ước giữa con người và Đức Chúa Trời. Nó phục hồi Sự thông công.
- (3) Lễ dâng hiến này bao gồm:
  - (a) Tội lỗi không nhận biết
  - (b) Tội lỗi vô ý
  - (c) Tội lỗi về đam mê
  - (d) Tội lỗi về sự bỏ sót
  - (e) Nó không chuộc tội cho những tội lỗi cố ý trong cuộc nổi loạn nghịch chống lại Đức Chúa Trời.

Không có Lễ chuộc tội cho lỗi cố chủ ý, hung dữ, được lên kế hoạch trước (xem Dân số ký 15: 27-31).

##### b. Ý nghĩa

- (1) Lời dâng này chuộc tội lỗi và sự trừng phạt tội lỗi.
- (2) Điều này liên quan đến ân điển, phần của Đức Chúa Trời và đức tin, phần của con người.
- (3) Không có của lễ dâng nào đạt được bất cứ điều gì chỉ bằng việc dâng hiến theo nghi lễ. Đó là đức tin của người dâng lễ dâng sau hành động này.
- (4) Tuy nhiên, của lễ dâng không chỉ là biểu hiện của người dâng hiến. Nó đã làm một cái gì đó cho người đó. Nó tái lập lại mối quan hệ với Đức Chúa Trời.
- (5) Nghi lễ là một phương tiện phục hồi được ban cho bởi Đức Chúa Trời, không phải là một sự thay thế cho đức tin cá nhân.
- (6) Đức Chúa Trời ghét bất kỳ hành động tôn giáo nào mà không có đức tin đi kèm, Ê-sai 1: 10-20; A-mốt 5: 21-24; Mi-chê 6: 6-8.

##### c. Nghi lễ

- (1) Đối với thầy tế lễ thượng phẩm, các câu 3-12
  - (a) Thầy tế lễ thượng phẩm – thầy tế lễ được xức dầu
    - i. Tội lỗi, trong việc dẫn dắt dân sự sai lầm
    - ii. Tội lỗi, trong bản chất cá nhân
    - iii. Thầy tế lễ thượng phẩm, là đại diện thuộc linh của cộng đồng. Nếu ông ta phạm lỗi, tất cả đều phạm tội do ông ta. Đây là sự hiểu biết của người Do thái về tính một thân thể (xem Giô-suê 7; Rô-ma 5: 12).
  - (b) Thủ tục
    - i. Vị thầy tế lễ thượng phẩm mang một con bò đực non mà không tì vết đến bàn thờ.
    - ii. Ông ta đặt tay lên đầu con sinh tế
    - iii. Thầy tế lễ thượng phẩm giết con sinh tế.
    - iv. Thầy tế lễ thượng phẩm rảy huyết trước tấm màn che 7 lần
      - a) điều này làm sạch Đền tạm
      - b) tượng trưng mở đường đến Đức Chúa Trời
      - c) huyết bôi trên sừng ở bàn thờ xông hương
      - d) huyết còn lại đổ ra tại chân bàn thờ của lễ thiêu
    - v. Đặt tất cả chất béo thiêu trên bàn thờ
    - vi. Tất cả phần còn lại của sinh tế sẽ được đưa ra ngoài trại đến một nơi sạch sẽ, câu 12, nơi tro được đổ ra từ bàn thờ. Ở đó, phần còn lại của sinh tế được thiêu.
- (2) Đối với quốc gia, các câu 13-21
  - (a) Họ phạm tội khi các lệnh của luật pháp không được đáp ứng, câu 13-21.
  - (b) Thủ tục
    - i. Những Trưởng Lão mang một con bò đực non mà không tì vết đến bàn thờ.
    - ii. Những Trưởng Lão đặt tay lên đầu sinh tế
    - iii. Những Trưởng Lão giết con vật.
    - iv. Thầy tế lễ thượng phẩm rảy huyết trước tấm màn che 7 lần.
      - a) Điều này làm sạch Đền tạm

- b) Tượng trưng mở đường đến Đức Chúa Trời
  - c) Huyết bôi trên sừng ở bàn thờ xông hương
  - d) Huyết còn lại đổ ra tại chân bàn thờ của lễ thiêu
  - v. Tất cả con sinh tế được dâng trên bàn thờ
  - vi. Tất cả phần còn lại của sinh tế sẽ được đưa ra ngoài trại đến một nơi sạch sẽ, câu 12, nơi tro được đổ ra từ bàn thờ. Ở đó, phần còn lại của sinh tế được thiêu.
- (3) Đối với lãnh đạo, các câu 22-26
- (a) Lãnh đạo (người cai trị) vv. 22-26
    - i. Lãnh đạo các chi phái
    - ii. Người chịu trách nhiệm trong cộng đồng
    - iii. Trưởng lão
  - (b) Thủ tục
    - i. Người lãnh đạo mang một con dê đực (dê già, xù xì) đến bàn thờ.
    - ii. Người lãnh đạo đặt tay lên đầu nó.
    - iii. Người lãnh đạo giết con vật.
    - iv. Một thầy tế lễ thượng phẩm bôi huyết lên sừng của bàn thờ của lễ thiêu - phần còn lại của huyết đổ ra tại chân bàn thờ tế lễ.
    - v. Tất cả chất béo được thiêu trên bàn thờ.
    - vi. Các thầy tế lễ ăn phần thịt còn lại.
- (4) Đối với cá nhân, vv. 27-35
- (a) Đối với cá nhân - khi anh ta biết anh ta đã phạm tội, anh ta phải dâng của lễ thiêu này.
  - (b) Thủ tục
    - i. Cá nhân mang một con dê cái hoặc chiên con cái.
    - ii. Cá nhân đặt tay lên đầu sinh tế.
    - iii. Cá nhân giết con sinh tế.
    - iv. Một thầy tế lễ bôi huyết trên sừng ở bàn thờ của lễ thiêu-phần huyết còn lại đổ ra tại chân bàn thờ.
    - v. Tất cả chất béo được đặt trên bàn thờ và thiêu.
    - vi. Các thầy tế lễ ăn phần thịt còn lại.
- (5) Các trường hợp đặc biệt liên quan đến lễ chuộc tội, 5: 1-13 (Những điều này dường như liên quan đến tội cố ý chống lại đòi hỏi của giao ước)
- (a) Nếu một nhân chứng không tiến lên và làm chứng (không cung cấp thông tin), 5: 1
  - (b) Chạm vào động vật ô uế, 5: 2
  - (c) Chạm vào người ô uế, 5: 3
  - (d) Nói một cách vô ý với lời tuyên thệ, 5: 4
  - (e) dâng lễ cho các tội lỗi trên:
    - i. Dê cái hoặc chiên con cái
    - ii. Cặp cu đất hoặc cặp bò câu
    - iii. 1/10 ê-pha bột lọc
- (6) Nghi thức của lễ chuộc tội, 6: 24-30
- (a) Thầy tế lễ có thể ăn những gì còn lại.
  - (b) Nếu huyết dính vào quần áo thì quần áo phải giặt.
  - (c) Nếu huyết trên chậu đất, chậu đất phải bị đập vỡ.
  - (d) Nếu huyết có trên chậu bằng đồng, thì chậu phải được rửa sạch.
  - (e) Nếu huyết của lễ thiêu được đem vào nơi thánh thì phần thịt phải được thiêu và thầy tế lễ không được ăn.
- (7) Ý nghĩa của Lễ chuộc tội
- (a) Không có lễ chuộc tội cho tội lỗi được dự định trước - chỉ có tội lỗi vô ý hoặc tội lỗi không biết, các câu 5:15, 18.
  - (b) Sự tha thứ bao gồm:
    - i. Phần của con người là đức tin
    - ii. Phần của Đức Chúa Trời là sự thương xót



## 5. CHƯƠNG 5: 14-19 PHẠM TỘI HOẶC LỄ CHUỘC XÂM PHẠM

### a. Giới thiệu

- (1) Trong khi Lễ chuộc tội xử lý với tội lỗi đã phạm tội, thì Lễ chuộc vi phạm xử lý với thiệt hại mà đã làm đối với đối tác giao ước và bồi thường nào có thể phải làm.
- (2) Các Lễ chuộc tội và Lễ chuộc xâm phạm rất giống nhau.
- (3) Các quyền của cá nhân được thể hiện trong Mười Điều Răn (Xuất 20; Phục truyền.5).
  - (a) Một ngôi nhà
  - (b) Tích lũy hàng hóa
  - (c) Cuộc sống
- (4) Lễ chuộc xâm phạm này nhấn mạnh đến sự tổn hại của anh em chúng ta trong sự phạm tội và sự bồi thường phí tổn bị hư hại cộng thêm 1/5 nữa.

### b. Tội lỗi đòi hỏi một lễ dâng

- (1) Chống lại Đức Chúa Trời hoặc những gì thuộc về Ngài
  - (a) Trái đầu mùa
  - (b) Con dẫu lòng, 14-16
  - (c) Phần mười
  - (d) Lễ dâng thực hiện không chính xác
  - (e) Cửa dâng có giá trị thấp hơn
- (2) “Nếu một người phạm tội và làm bất cứ điều gì mà Đức Chúa Trời đã truyền lệnh không được phép làm, mặc dù người ấy không biết, người ấy vẫn có tội, và sẽ chịu hình phạt của người ấy.”

### F. Lễ dâng hiến cổ đại được dâng bởi nhiều lý do:

- a. Xoa dịu một vị thần giận dữ
- b. Nuôi một vị thần
- c. Hiệp thông với một vị thần
- d. Một hành động ngợi khen
- e. Cảm thấy cần sự tha thứ hoặc sự hòa giải

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (BỐI CẢNH)

### A. DÀN BÀI TÓM LƯỢC:

1. Chương 1-16 - Làm cách nào để tiếp cận Đức Chúa Trời thánh khiết?
2. Chương 17-26 - Làm sao tiếp tục hiệp thông với Đức Chúa Trời thánh khiết?

### B. Việc sử dụng một công thức giới thiệu của chính tác giả, “Và Chúa phán với Môi-se (hoặc A-rôn) nói ... “

1. Điều này có thể ngụ ý rằng tài liệu mặc khải này đã được đưa ra trong một khoảng thời gian.
2. Những nơi công thức này xảy ra: 1: 1-3; 17; 4: 1-5; 13; 5: 14-19; 5: 20-26; 6: 1-11; 6: 12-16; 6: 17-7; 21; 7: 22-38; 8: 1-10; 20; 11: 1-47; 12: 1-8; 13: 1-59; 14: 1-32; 14: 33-57; 15: 1-33; 16: 1-34; 17: 1-16; 18: 1-3; 19: 1-37; 20: 1-27; 21: 1-24; 22: 1-16; 22: 17-25; 22: 26-33; 23: 1-số 8; 23: 9-22; 23: 26-32; 23: 33-44; 24: 1-23; 25: 1-26; 46; 27: 1-34;

### C. DÀN BÀI MỞ RỘNG:

1. Loại bỏ ô uế, chương 1-16
  - a. Luật về cửa lễ dâng, 1: 1-7; 38
    - (1) Cửa lễ thiêu, chương 1: 3-17 & 6: 8-13
    - (2) Cửa lễ dâng bữa ăn, chương 2: 1-17 & 6: 14-23
    - (3) Cửa lễ thù ân, chương 3: 1-17; 7:33 & 7: 11-21
    - (4) Cửa lễ chuộc tội, chương 4: 1; 5:13 & 6: 24-30
    - (5) Cửa lễ chuộc xâm phạm, chương 5: 14-6: 7; 7: 1-10
      - (a) Tội lỗi không cố ý chống lại giao ước của Đức Giê-hô-va, 4: 1-35; 5: 14-19
      - (b) Tội cố ý chống lại một đối tác giao ước, 5: 1-13; 6: 1-7

(Chương 1-6: 7 cho mọi người; chương 6: 8-7: 36 cho các thầy tế lễ)

- b. Sự dâng hiến của thầy tế lễ, 8: 1-10: 20
  - (1) Chuẩn bị xúc dầu, 8: 1-5
  - (2) Giặt, quần áo và xúc dầu, 8: 6-13
  - (3) Lễ dâng xúc dầu, 8: 14-32
  - (4) Môi-se hướng dẫn A-rôn, 9: 1-7
  - (5) A-rôn và con trai bắt đầu, 9: 8-21
  - (6) A-rôn ban phước cho dân sự và Đức Giê-hô-va
  - (7) Tội lỗi của Na-đáp và A-bi-hu, 10: 1-3
  - (8) Số phận của họ và sự loại bỏ, 10: 4-7
  - (9) Kiêng rượu trong khi làm nhiệm vụ, 10: 8-11
  - (10) Phần của thầy tế lễ trong lễ dâng, 10: 12-20
- c. Sạch sẽ và ô-úế, chương 11-15
  - (1) Động vật, chương 11 (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 14: 6-20)
  - (2) Sinh con, chương 12
  - (3) Bệnh ngoài da, chương 13-14
    - (a) Trong con người, 13: 1-46
    - (b) Trong quần áo, 13: 47-59
    - (c) Thanh lọc, 14: 1-32
    - (d) Trong nhà, 14: 33-53
    - (e) Tắm tãt, 14:54
  - (4) Thanh lọc chất thải cơ thể (nam và nữ), chương 15
- d. Ngày Chuộc Tội (*Yom Kippur*), một ngày làm sạch hàng năm, chương 16 (Điều này dường như là đỉnh điểm của chương 1-16)
  - (1) Chuẩn bị thầy tế lễ, 16: 1-4
  - (2) Dâng lễ chuộc tội cho thầy tế lễ thượng phẩm, 16: 5-10
  - (3) Nghi thức, 16: 23-28
  - (4) Việc ban hành luật hàng năm, 16: 29-34
- 2. Phục hồi sự thánh khiết và thông công với Đức Chúa Trời, chương 17-26
  - a. Huyết dâng của lễ dâng, 17: 1-16
  - b. Các tiêu chuẩn tôn giáo và đạo đức, 18: 1-20: 27
    - (1) Loạn luân
    - (2) Tội tình dục
    - (3) Trừng phạt, chương 20
  - c. Sự thánh khiết của các thầy tế lễ, 21: 1-22: 33
  - d. Sự thánh khiết của những ngày lễ hàng năm, 23: 1-24: 23
    - (1) Ngày Sa-bát, 23: 1-3
    - (2) Lễ Vượt Qua và Bánh mì không Men, 23: 5-8
    - (3) Trái đầu mùa, 23: 9-14
    - (4) Thu hoạch, 23: 15-24
    - (5) Lễ ngũ tuần, 23: 23-25
    - (6) Ngày Chuộc Tội, 23: 26-32 (chỉ ngày kiêng ăn)
    - (7) Đèn tạm (Lễ quán), 23: 33-43
  - e. Những năm đặc biệt, 25: 1-55
    - (1) Sa-bát, câu 2-7
    - (2) Hân hi, câu 8-55
      - (a) Phải làm, câu 8-12
      - (b) Tác động, câu 13-34
      - (c) Giá trị và tự do của mỗi giao ước cá nhân, câu 35-55
  - f. Giao ước Phước lành và rửa sã, 26: 1-46
- 3. Phụ lục (lời thề), 27: 1-34
  - a. Người, câu 1-8
  - b. Động vật, câu 9-13
  - c. Nhà biệt riêng, câu 14-15

- d. Đát đai, câu 16-25
- e. Con đầu lòng, câu 26-27
- f. Vật biệt riêng, câu 28-39
- g. Dâng phần mười, câu 30-34

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Quyển sách Lê-vi-ký có liên quan đến cơ sở pháp lý cho đời sống dân sự và tôn giáo của quốc gia Y-sơ-ra-ên và vai trò của chức tế lễ. Sách đưa ra hướng dẫn cho việc sử dụng Đền tạm được mô tả trong Xuất. 25-40.
- B. Sách mô tả cách một người phạm tội có thể tiếp cận Đức Chúa Trời thánh khiết và cách thế nào người ấy duy trì mối thông công. “Sự thánh khiết” là trọng tâm của cuốn sách (xem 11:44 {Ma-thi-ơ 5:48}).
- C. Kỳ vọng về những điều kỳ diệu, Đức Chúa Trời mong muốn người phạm tội đó đến với Ngài và Ngài đã cung ứng một cách, hệ thống của lễ dâng.
- D. Đặc tính của Đức Giê-hô-va (*YHWH*) được bày tỏ:
  - 1. Trong việc cung cấp một hệ thống của lễ dâng, xem chương 1-7 (Ân điển)
  - 2. Trong các hoạt động lịch sử, xem chương 8-10 (Công bình)
  - 3. Trong sự hiện diện liên tục của Ngài với dân sự (Trung tín)

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

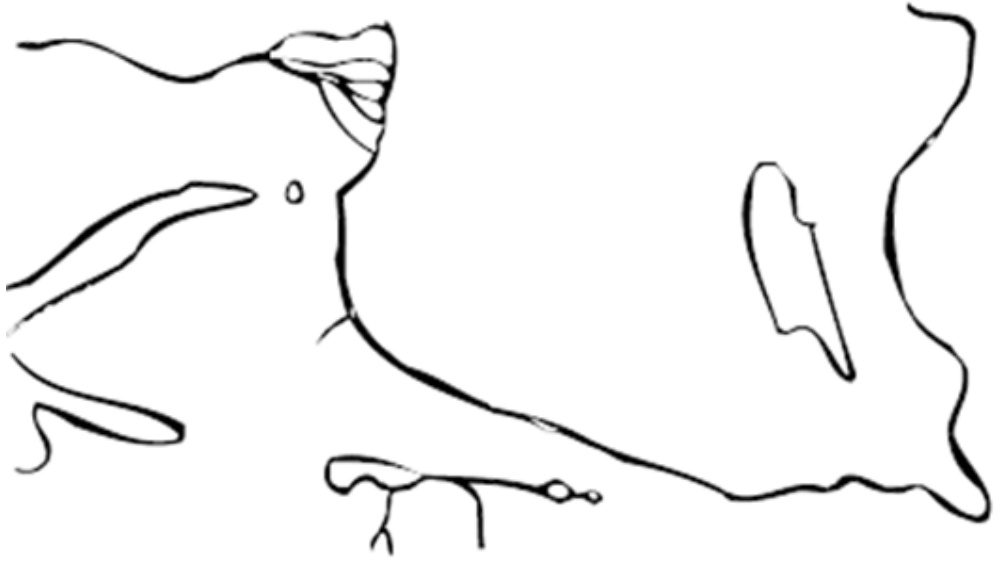
- A. Thuật ngữ và cụm từ
  - 1. Chuộc tội, 1: 4; 4:26 (NASB & NIV)
  - 2. Hương thơm nhẹ nhàng, 1: 9,13, (NIV, Aroma Pleasing)
  - 3. Vô ý, 4: 1,22,27; 5: 15-18; 22:14 (NASB & NIV)
  - 4. Bồi thường, 6: 5 (NASB & NIV)
  - 5. Đưa qua đưa lại, 7:30 (NIV, wave)
  - 6. Thánh khiết (*kadosh*), 11:44 (NASB & NIV)
  - 7. Bệnh phong, 13: 1ff, (NIV, bệnh da nhiễm trùng)
  - 8. Dê tế lễ được thả ra, 16: 8 (NASB & NIV)
  - 9. Dê dâng cho ma quỷ, 17: 7, (NIV, thần tượng dê)
  - 10. Bói khoa, 19:26 (NIV, ma thuật)
  - 11. Năm hân hỉ, 25:30 (NASB & NIV)
- B. Nhân vật để xác định tóm lược
  - 1. Na-đáp và A-bi-hu, 10: 1
  - 2. A-sa-xên, 16: 8, 10 (NIV. Dê tế lễ được thả ra)
  - 3. Mo-lóc, 18:21; 20: 2

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ - KHÔNG CÓ

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

- 1. Hệ thống Của lễ dâng tượng trưng cho điều gì? Tại sao “Huyết” được nhắc đến thường xuyên như vậy, (3:17; 7:26; 17:11)?
- 2. Làm thế nào cái chết của một con vật có thể tha thứ cho tội lỗi của con người?
- 3. Tại sao ba trong năm loại của lễ dâng là tự nguyện?
- 4. Các con trai của A-rôn làm gì mà đáng tội chết?
- 5. Tại sao có sự khác biệt giữa động vật sạch và ô uế?

6. Điều gì là đặc trưng về Ngày Chuộc Tội trong số tất cả các bữa tiệc được thiết lập của Y-sơ-ra-ên?
7. Sự thật đằng sau Năm Sa-bát và Năm hân hỉ là gì?

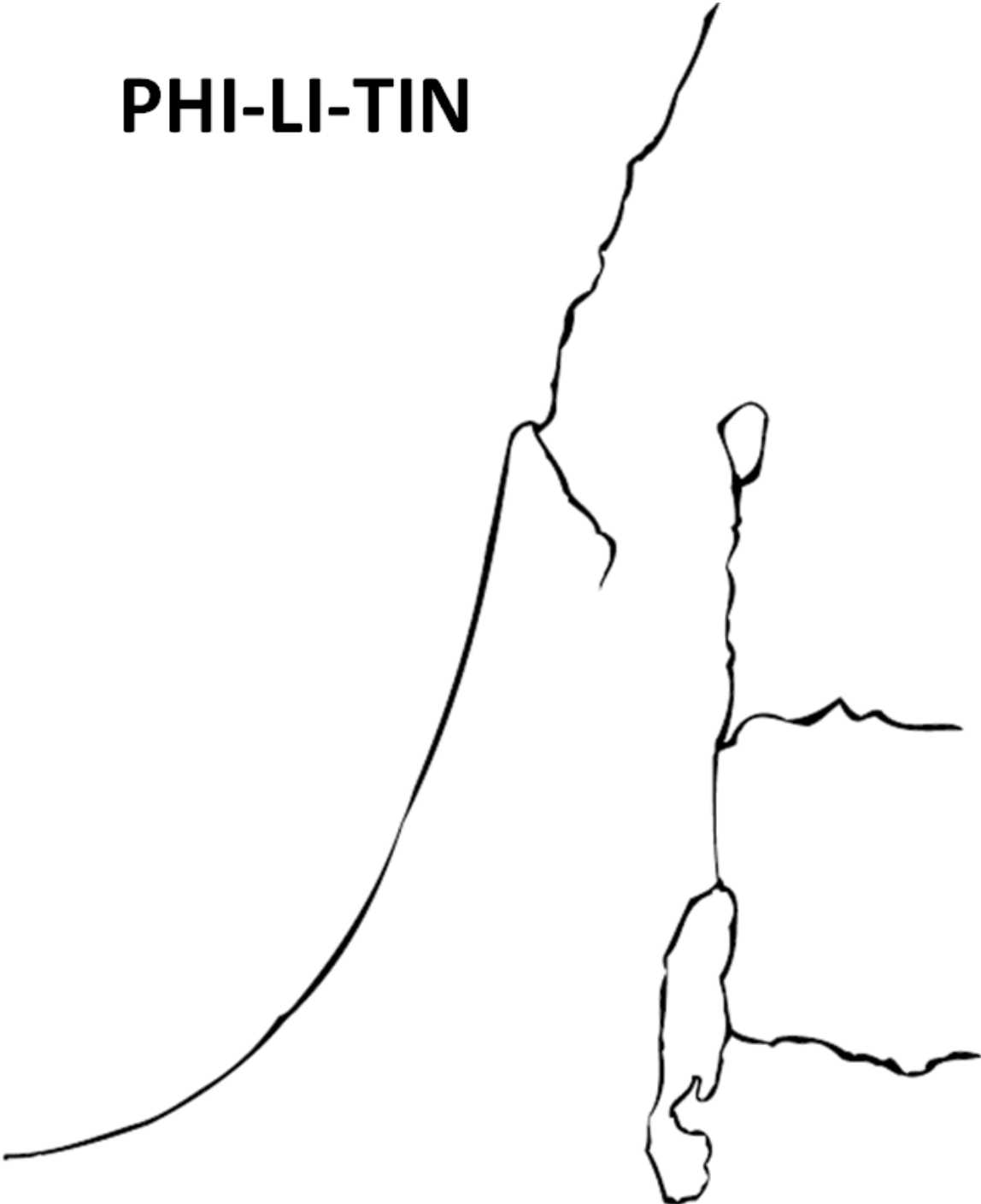


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU DÂN SỐ KÝ

## I. TÊN SÁCH

- A. Trong bản Hê-bơ-rơ (MT), tựa đề là “Trong đồng vắng” Đây không phải là từ ngữ đầu tiên nhưng nó là trong câu đầu tiên, từ ngữ thứ năm.
- B. Trong bản LXX, nó được gọi là “Số” vì cuộc điều tra dân số được làm hai lần trong các chương từ 1- 4 và 26.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Nó là một phần của phần đầu tiên của Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là “Tô-ra” hoặc “Giáo lý” hoặc “Luật”.
- B. Phần này được gọi là Ngũ Kinh (năm cuộn) trong bản LXX.
- C. Đôi khi nó được gọi là “Năm cuốn sách của Môi-se” bằng tiếng Anh.
- D. Sách bao gồm một dữ liệu liên tục của Môi-se từ thời điểm sáng tạo qua cuộc đời của Môi-se, Sáng-thế ký – Phục Truyền Luật lệ ký.

III. THỂ LOẠI: Cuốn sách này rất giống với cuốn Xuất Ê-díp-tô ký. Nó là sự kết hợp của câu chuyện lịch sử và luật pháp cũng như những lời tiên tri thơ mộng cổ xưa của Ba-la-am (xem Dân số Ký 23-24).

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Đây là cuốn sách đầu tiên của Tô-ra đặt tên cho một nguồn văn bản, “Cuốn sách của các cuộc chiến tranh của Đức Giê-hô-va,” 21: 14-15. Điều này cho thấy rõ ràng rằng Môi-se đã sử dụng các tài liệu bằng văn bản khác.
- B. Cuốn sách này nói rằng Môi-se có thể và đã ghi lại các sự kiện của Thời kỳ lang thang trong đồng vắng.
- C. Dân Số ký cũng cung cấp một số ví dụ về bổ sung biên tập rõ ràng (có thể là Giô-suê hoặc Sa-mu-ên):  
1. 12: 1,3      2. 13:22      3. 15: 22-23      4. 21: 14-15      5. 32: 33ff      6. 32: 33ff
- D. Trong hầu hết các trường hợp, Môi-se được nhắc đến trong ngôi thứ ba ngoại trừ trong các trích dẫn trực tiếp. Điều này nghĩa là Môi-se đã sử dụng sự giúp đỡ của người chép bản thảo trong việc biên soạn những tài liệu này.
- E. Thật thú vị khi nhận thấy rằng Dân số ký bao gồm hai tác phẩm văn học không phải của Y-sơ-ra-ên: (1) Bài thơ khiêu khích A-mô-rít trong 21: 27-30 (có thể câu 30 là bổ sung của Y-sơ-ra-ên); và (2) Cuộc trò chuyện của Ba-la-am với Ba-lác, Vua Mô-áp trong 23-24. Họ cho thấy việc sử dụng tài liệu bằng văn bản hoặc bằng truyền khẩu bao gồm trong việc biên soạn cuốn sách (xem Sách về Các cuộc chiến tranh của Chúa.) (*The Book of the Wars of the Lord.*).

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Bản thân cuốn sách cho chúng ta biết niên đại:
  - 1. Câu 1: 1; 10:10 nói đó là tháng thứ 2 của năm thứ 2 sau khi ra khỏi Ai cập. Sau này có một Thời kỳ lang thang 38 năm.

2. Câu 9: 1 nói đó là tháng thứ nhất của năm thứ 2 sau khi ra khỏi Ai Cập.

B. Thời gian của cuộc ra khỏi Ai Cập là không chắc chắn. Đó là 1445 TCN hoặc 1290 TCN

## VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ

A. Có bốn điều từ cuốn sách Dân số ký phản ánh những đặc trưng của nền văn hóa Ai Cập:

1. Cách bố trí trại của người Hê-bơ-rơ bởi các chi phái (Dân số Ký 2: 1-31; 10: 11-33 và sự sắp xếp trong di hành của các chi phái (Dân số ký 1-7). Điều này phù hợp với thứ tự được sử dụng bởi Ra-me-ses II trong Chiến dịch Sy-ri-a được biết đến từ các bản văn Ar-mar-na. Những tài liệu Ca-na-an này, từ thời kỳ 1300 TCN, mô tả tương tác xã hội, chính trị và tôn giáo giữa Ca-na-an và Ai Cập. Điều này cũng quan trọng là bố trí và sắp đặt của Ai Cập này thay đổi khi chúng ta học được từ những bức phù điêu của A-sy-ri trong thiên niên kỷ đầu tiên trước Công Nguyên. Người A-sy-ri cắm trại trong một vòng tròn.
2. Các kèn trum-pét bằng bạc trong Dân số ký 10 phản ánh một nguồn Ai Cập. Khảo cổ học đặc biệt tìm thấy chúng được đề cập trong triều đại của Tu-tan-kha-men, vào khoảng năm 1350 TCN. Những kèn bạc này, được sử dụng cho mục đích tôn giáo và dân sự là phổ biến trong các tài liệu Ar-mar-na.
3. Những xe được ngựa kéo được giới thiệu cho Ai cập bởi những người Hyk-sos, là các nhà cai trị Se-mi-tic ở triều đại thứ 15 và 16. Những chiếc xe bò kéo cũng là đặc trưng đối với Ai Cập. Chúng được nhìn thấy ở Sy-ri-a trong chiến dịch của Tuth-mose III vào 1470 TCN. Người dân Ca-na-an không quen thuộc với những toa xe, có lẽ vì Ca-na-an rất gồ ghề và đồi núi. Những chiếc xe này đã được gửi đến Gia-cốp (Sáng 45:19, 21, 27). Họ cũng được người Hê-bơ-rơ sử dụng trong Xuất Ê-díp-tô (Dân số Ký 7: 3, 6, 7).
4. Một yếu tố Ai Cập duy nhất cuối cùng được sao chép bởi người Hê-bơ-rơ là các thầy tế lễ được cạo da sạch hoàn toàn (8: 7).

B. Hai cuộc tổng điều tra dân số được tìm thấy trong các chương 1-4 và 26 được song song trong:

1. Các bản Ma-ri từ năm 1700 TCN
2. Một tài liệu từ vương quốc cổ đại Ai Cập, thời kỳ 2900 - 2300 TCN.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (BỐI CẢNH)

A. Dàn bài tóm lược dựa trên bối cảnh địa lý:

1. Chuẩn bị tại Núi Si-nai cho cuộc hành trình đến Đất Hứa, 1: 1-10: 10.
2. Cuộc hành trình đến Đất Hứa, 10:11 - 21:35
  - a. Đến Ca-đe, 10: 11-12: 16
  - b. Tại Ca-đe, 13: 1-20: 13
  - c. Từ Ca-đe, 20: 14-21: 35
3. Các sự kiện trên vùng đồng bằng Mô-áp, 22: 1-36: 13

B. Dàn bài chi tiết:

1. R.K. Harrison, *Introduction to the Old Testament*, pp. 614-615.
2. J. Young, *An Introduction to the Old Testament*, pp. 84-90.
3. NIV Study Bible, pp. 187-188.

C. Một trong những khó khăn của việc phân tích Dân số ký là tổ chức tài liệu khá bất thường của nó; ví dụ: hỗn hợp của pháp luật và chuyện kể và sự bao gồm các tài liệu linh tinh. Một số lý thuyết về cấu trúc của nó là:

1. Điều này rõ ràng được sử dụng bởi những người ủng hộ của “giả thuyết tài liệu”, J.E.D.P. để chia sách thành nhiều nguồn; phi lịch sử, không phải Môi-se.
2. J.S. Wright đề xuất việc biên soạn các tài liệu Môi-se vào cuối cuộc đời của ông trong tư vấn với người ghi chép bản thảo. Đặc tính từng phần của Dân số ký được ghi nhận nhưng biệt riêng ra về cuộc đời của Môi-se.



3. Gor-don J. Wen-ham (*Tyndale Commentary on Numbers*, p. 14-18) đề xuất một tam giác ba chiều bằng cách sử dụng các tài liệu Kinh Thánh từ Xuất Ê-díp-tô ký, Lê-vi-ký và Dân-số ký, và liên hệ chúng với ba hành trình: (1) Biển Đỏ đến Si-nai; (2) Si-nai đến Ca-đê; và (3) Ca-đê đến Mô-áp. Bằng cách làm điều này cho cả tài liệu liên quan đến “hành trình” và “chặn dừng” một sự song song đáng chú ý trở thành hiển nhiên. Ông tiếp tục liên hệ đến sự song đối ba bên này với Sáng-thê Ký 1-11; Sáng thế Ký 12-50 và Phục-Truyền Luật-Lệ ký. Điều này có vẻ rất hứa hẹn. Nó cho chúng ta thấy rằng các tác giả Cận Đông cổ đại có các cấu trúc văn chương hoặc các mô hình kiểm soát các hình thức văn chương của họ nhưng không quen thuộc với chúng ta là người phương Tây.

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Đó là sự tiếp nối của câu chuyện lịch sử bắt đầu trong Sáng thế ký. Nhưng phải nhớ rằng đây không phải là “lịch sử phương Tây” mà là một lịch sử thần học cận đông. Những sự kiện không đầy đủ được ghi lại theo trình tự thời gian nhưng được chọn để bày tỏ Đức Chúa Trời và đặc tính của Y-sơ-ra-ên.
- B. Nó thể hiện đặc tính của Đức Chúa Trời:
  1. Sự hiện diện của Ngài được thấy trong đám mây:
    - a. Đám mây đã ngự chỗ “Chí Thánh” của Đền tạm, 9:15. Đức Chúa Trời chấp nhận điều đó và các thủ tục như là cách và địa điểm cho Đức Chúa Trời và con người gặp gỡ!
    - b. Đám mây dẫn dắt dân sự, 9: 17-23. Đức Chúa Trời ở với họ, và dẫn dắt họ bởi chính sự hiện diện của Ngài.
    - c. Đám mây thể hiện sự hiện diện của Đức Chúa Trời, bày tỏ chính Ngài cho Môi-se, 11:17, 25; 16: 42-43.
    - d. Đám mây trở thành biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong sự phán xét cũng như sự mặc khải, 12: 1-8; 14:10.
    - e. Đám mây là biểu tượng hiển nhiên về sự hiện diện của Đức Chúa Trời không chỉ đối với Y-sơ-ra-ên mà còn cho các quốc gia xung quanh, 14:14; 23:21.
    - f. Sự hiện diện của Đức Chúa Trời tượng trưng trong đám mây trong Xuất Ê-díp-tô và thời kỳ lang thang đồng vắng bị tạm ngưng khi dân Y-sơ-ra-ên tiến vào Đất Hứa nhưng Đức Chúa Trời vẫn là tượng trưng ở với họ bằng phương tiện là Hòm Giao ước, 35:34.
  2. Ân điển và lòng thương xót của Ngài trong:
    - a. Sự hiện diện liên tục của Ngài với họ giữa sự lầm bầm của họ và chối bỏ của các lãnh đạo của Ngài, 11: 1; 14: 2,27,29,36; 16: 11,42; 17: 5; 20: 2; 21: 5.
    - b. Những cung ứng của Ngài cho họ trong đồng vắng:
      - (1) Nước
      - (2) Thực phẩm
        - (a) Ma-na (hàng ngày, trừ ngày Sa-bát)
        - (b) Chim cút (hai lần)
      - (3) Quần áo không rách
      - (4) Đám mây:
        - (a) Bóng râm
        - (b) Ánh sáng
        - (c) Sự hướng dẫn
        - (d) Sự mặc khải
    - c. Sự Ngài lắng nghe lời cầu thay của Môi-se:
      - (1) 11: 2
      - (2) 12:13
      - (3) 14: 13-20
      - (4) 16: 20-24
      - (5) 21: 7
  3. Sự công bình của Đức Chúa Trời (Sự Thánh khiết) ở trong:
    - a. Sự trừng phạt Y-sơ-ra-ên trong thời kỳ lang thang đồng vắng 38 năm (14).

- b. Sự trừng phạt của Môi-se về việc không thể vào Đất Hứa (20: 1-13; 27:14; Phục Truyền 3: 23-29).
- c. Cái chết của Cô-rê và các nhà lãnh đạo của Ru-bên, (16: 1-40).
- d. Tai vạ cho dân sự khi từ chối sự lãnh đạo của Môi-se và A-rôn, (16: 41-50).
- e. Sự thờ thần tượng tại Si-tim được Đức Chúa Trời phán xét bởi cái chết của những kẻ phạm tội dưới bàn tay của người Lê-vi, (25).

C. Khi Y-sơ-ra-ên định cư theo thỏa thuận của Giao ước tại Núi Si-nai, tin cậy vào Đức Giê-hô-va (*YHWH*) và sự vâng lời nghiêm túc để Lời Ngài trở thành vấn đề trọng tâm.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

A. Thuật ngữ và cụm từ (NASB):

1. Lều hóp hay hội mạc, 1: 1 (NASB & NIV)
2. Sự chuộc, 3:46 (NIV, chuộc lại)
3. Hứa nguyện Na-xi-rê, 6: 2 (NASB & NIV)
4. Người nước ngoài, 9:14 (NIV, người ngoại bang)
5. Đám mây, 9:15 (NASB & NIV)
6. “Dân tạp ở giữa họ” 11: 4 (NASB & NIV)
7. “xé quần áo của họ” 14: 6 (NASB & NIV)
8. Tua, 15:38 (NASB & NIV)
9. Âm phủ (*Sheol*), 16:30 (NIV, mộ)
10. Bò cái tơ đỏ, 19: 2 (NASB & NIV)
11. Rắn lửa, 21: 6 (NIV, rắn độc)
12. Thành ấn nấu (tị nạn), 35: 6 (NASB & NIV)
13. Kẻ báo thù huyết, 35: 19,21 (NASB & NIV)

B. Nhân vật để xác định tóm lược:

1. Người nữ Ê-thi-ô-pi (*Cushite*), 12: 1 (NIV, “người vợ Cu-shite của ông)
2. A-nác, 13: 28,33
3. Giê-bu-sít, 13:29
4. Cô-rê, 16: 1 (NIV, “*Korath*”)
5. Ba-la-am, 22: 5
6. Ba-anh, 22:41

X. VỊ TRÍ BẢN ĐỒ (theo số):

1. Thung lũng Éch-côn, 13:23 (phía bắc Hép-rôn)
2. Đường cái của Vua, 20:17
3. Núi Phích-ga, 21:20
4. Sông Át-nôn, 21:24
5. Sông Gia-bốc, 21:24
6. A-su-rơ, 24:22
7. Si-tim, 25: 1
8. Biển Ki-nơ-rết, 34:11 (NIV, “Biển Kin-ne-reth”)

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao người Lê-vi không được kiểm kê cùng với các chi phái khác, 1:49?
2. Những người Lê-vi có liên hệ như thế nào đến con đầu lòng, 3: 12-13?
3. Mô tả cách kiểm tra phạm tội tà dâm, 5: 16ff.
4. Liệt kê các yêu cầu của lời thề Na-xi-rê, 6: 1ff.
5. Bạn giải thích chương 4: 3 với 8:24 thế nào?
6. Môi-se có viết câu 12: 3 không?
7. Tại sao Đức Chúa Trời chỉ định một khoảng thời kỳ lang thang 40 năm?
8. Thuật ngữ “vô ý” có ý nghĩa gì liên quan đến tội lỗi và của lễ dâng như được tìm thấy trong chương 15?
9. Tội lỗi của Môi-se trong chương 20 là gì? Hậu quả của nó là gì?
10. Con lừa của Ba-la-am có thực sự nói không? 22:28. Ba-la-am đã đề nghị Ba-lác đánh bại Y-sơ-ra-ên như thế nào?

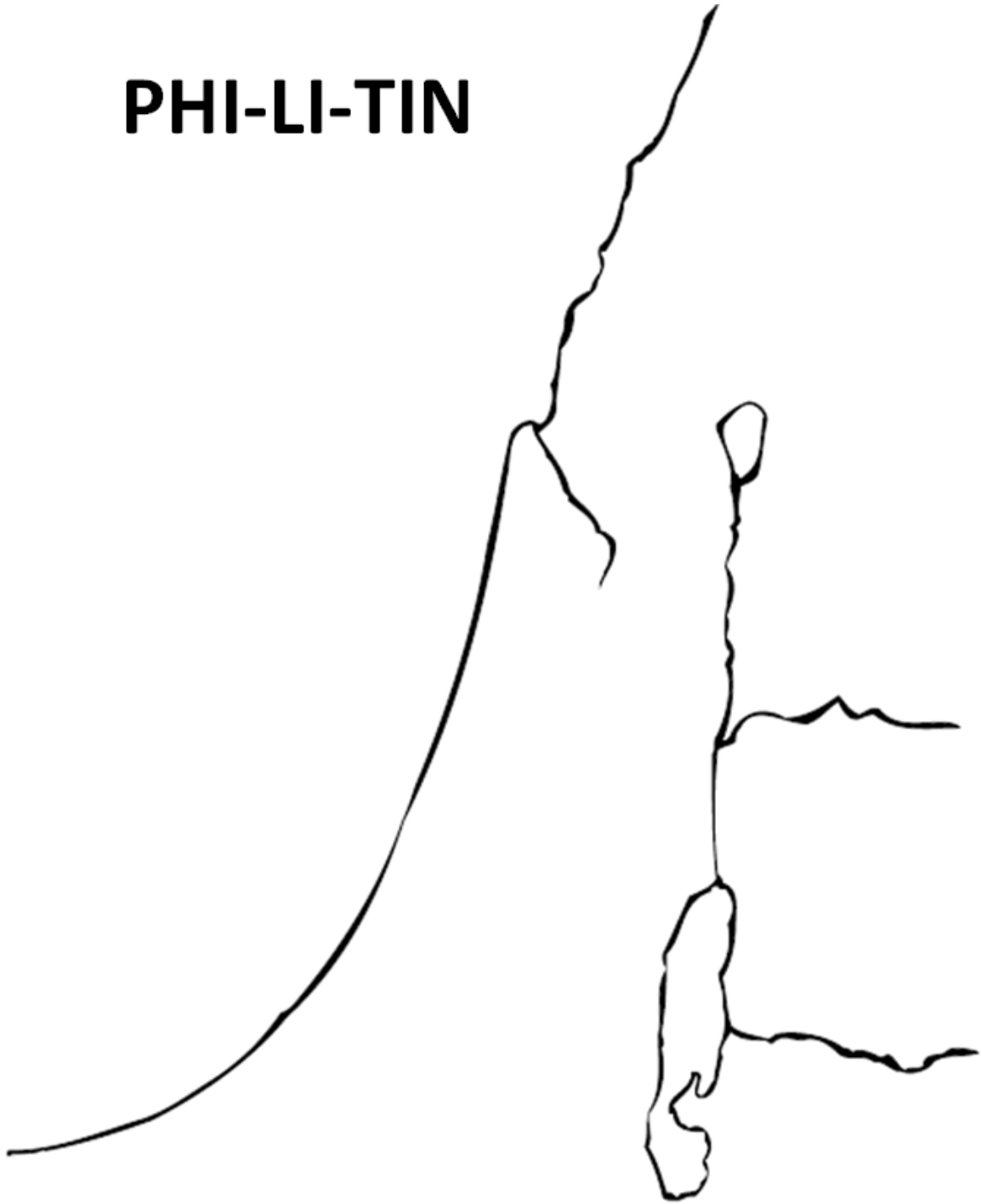


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ

## I. TẦM QUAN TRỌNG

- A. Đây là một trong bốn cuốn sách trong Cựu Ước được trích dẫn thường xuyên nhất trong Tân ước (Sáng thế ký, Phục Truyền Luật Lệ Ký, Thi-Thiên, và Ê-sai). Phục-Truyền được trích dẫn 83 lần.
- B. Đây hẳn là một trong những cuốn sách yêu thích của Đức Chúa Giê-xu:
1. Ngài trích dẫn nhiều lần từ sách này khi Ngài bị cám dỗ bởi Sa-tan trong đồng vắng (Ma-thi-ơ 4: 1-16; Lu Ca 4: 1-13).
  2. Sách này có thể là phác thảo cho Bài Giảng trên Núi, Ma-thi-ơ 5-7.
  3. Chúa Giê-su trích dẫn Phục Truyền 6: 5 là điều răn lớn nhất, Ma-thi-ơ 22: 34-40; Mác 12: 28-34; Lu-ca 10: 25-28.
  4. Chúa Giê-su trích dẫn phần này của Cựu Ước (Sáng thế ký - Phục Truyền) thường xuyên nhất bởi vì người Do Thái trong thời của Ngài coi đó là phần cốt lõi của kinh điển.
- C. Đây là ví dụ chính của chúng ta trong Kinh Thánh về việc diễn giải lại một sự mặc khải trước đây của Đức Chúa Trời cho một tình hình mới. Một ví dụ về điều này sẽ là sự khác biệt nhỏ giữa Mười điều răn trong Xuất 20 so với Phục Truyền 5, Xuất 20 là trong thời kỳ lang thang đồng vắng trong khi Phục Truyền 5 là chuẩn bị mọi người cho một cuộc sống ổn định ở Ca-na-an.
- D. Phục Truyền Luật Lệ ký, theo tuyên bố riêng của nó, là một loạt các thông điệp của Môi-se để:
1. Kể lại những hành động thành tín của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên;
  2. Tái nhấn mạnh Luật được đưa ra tại Núi Si-nai;
  3. Giải thích lại ý nghĩa của nó đối với một đời sống nông nghiệp ở Ca-na-an;
  4. Chuẩn bị cho buổi lễ gia hạn Giao Ước trong Đất Hứa (Giô-suê);
  5. Tư liệu về cái chết của Môi-se và sự chuyển giao quyền lực cho Giô-suê.
- E. Phục Truyền Luật Lệ ký cũng là trung tâm đối thoại ngày nay giữa các nhà thần học liên quan đến sự hình thành văn học của nó. Các nhà học giả hiện đại bị phân chia dựa trên lý thuyết về các tác phẩm phục truyền.

## II. TÊN SÁCH

- A. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, tên các sách của Ngũ kinh thường là một trong mười từ đầu tiên của nó, thường là chữ đầu tiên của chúng:
1. Sáng thế ký, “Ban đầu”
  2. Xuất Ê-díp-tô ký, “Và đây là những cái tên”
  3. Lê-vi-ký, “Và Ngài đã gọi”
  4. Dân-Số ký, “Trong đồng vắng”
  5. Phục Truyền Luật Lệ ký, “Và đây là những lời”
- B. Trong Kinh Tal-mud (Mish-nah Hat-tô-ra 17:18) nó được gọi là “sự lặp lại của luật pháp.”
- C. Trong bản dịch tiếng Hy Lạp của Cựu Ước, được gọi là bản Sep-tua-gint (LXX), được viết vào khoảng năm 250 TCN, nó được gọi là “luật thứ hai” vì một sự dịch sai của 17:18.
- D. Chúng ta nhận được tựa sách bằng tiếng Anh từ phiên bản Vul-gate tiếng La-tin của Je-rome, gọi đó là “luật thứ hai” (Deutro-nomian).

III. KINH ĐIỂN HÓA - Đây là cuốn sách kết thúc của Tô-ra, hình thành đầu tiên ba sự phân chia của kinh điển Hê-bơ-rơ.

- A. Tô-ra hoặc Luật – Sáng-thể ký - Phục Truyền Luật Lệ ký.
- B. Các Vị Tiên Tri:
  - 1. Tiên tiên tri – Giô-suê – Các Vua (ngoại trừ Ru-tơ)
  - 2. Hậu Tiên Tri - Ê-sai – Ma-la-chi (Ngoại trừ Đa-ni-ên và Ca Thương)
- C. Các tác phẩm:
  - 1. Me-gel-loth (5 cuộn):
    - a. Nhã ca
    - b. Truyền đạo
    - c. Ru-tơ
    - d. Ca Thương
    - e. Ê-xơ-tê
  - 2. Đa-ni-ên
  - 3. Văn chương khôn ngoan:
    - a. Gióp
    - b. Thi-thiên
    - c. Châm ngôn
    - d. Sử ký I & II

#### IV. THỂ LOẠI

- A. Phục Truyền Luật Lệ ký là một loạt các thông điệp, với phần giới thiệu chung và kết thúc với phần mô tả cái chết của Môi-se, mà Môi-se đã đưa ra ở phía đông của sông Giô-đanh trước khi Y-sơ-ra-ên băng qua Miền đất hứa.
- B. Cuốn sách này cũng chứa một bài hát cổ / thi-thiên của Môi-se, chương 3:30-32:43
- C. Giống như Sáng thể Ký 49, Phục 33 là lời tiên tri về con cái của Gia cốp.
- D. Cuốn sách này cũng có một phần về cái chết của Môi-se, chương 34.

#### V. BẢN QUYỀN

- A. Truyền thống Do Thái:
  - 1. Truyền thống cổ xưa nhất trí rằng tác giả là Môi-se.
  - 2. Điều này được nêu trong:
    - a. Tal-mud – Ba-ba Bath-ra 14b
    - b. Mish-nah
    - c. Ec-cle-si-as-ti-cus 24:23 của Ben Si-ra (viết khoảng 185 TCN)
    - d. Phi-lo của A-le-xand-ri-a
    - e. Fla-vi-us Jo-sep-hus
  - 3. Kinh thánh:
    - a. Các Quan xét 3: 4 và Giô-suê 8:31
    - b. “Môi-se đã nói”:
      - (1) Phục 1: 1, 3
      - (2) Phục 5: 1
      - (3) Phục 27: 1
      - (4) Phục 29: 2
      - (5) Phục 31: 1, 30

- (6) Phục 32:44
- (7) Phục 33: 1
- c. “Đức Giê-hô-va (*YHWH*) đã nói chuyện với Môi-se”:
  - (1) Phục 5: 4-5, 22
  - (2) Phục 6: 1
  - (3) Phục 10: 1
- d. “Môi-se đã viết”:
  - (1) Phục 31: 9, 22, 24
  - (2) Xuất 17:14
  - (3) Xuất 24: 4, 12
  - (4) Xuất 34: 27-28
  - (5) Dân Số ký 33: 2
- e. Chúa Giê-su trích dẫn từ hoặc ám chỉ đến Phục truyền luật lệ ký và nói “Môi-se nói” / “Môi-se viết”:
  - (1) Ma-thi-ơ 19: 7-9; Mác 10: 4-5 – Phục 24: 1-4
  - (2) Mác 7:10 – Phục 5:16
  - (3) Lu-ca 16:31; 24:27, 44; Giảng 5: 46-47; 7:19, 23
- f. Phao-lô khẳng định Môi-se là tác giả:
  - (1) Rô-ma 10:19 – Phục 32:21
  - (2) I Cô-rinh-tô 9: 9 – Phục 25: 4
  - (3) Ga-la-ti 3:10 – Phục 27:26
  - (4) Công-vụ 26:22; 28:23
- g. Phi-e-rơ khẳng định Môi-se là tác giả trong bài giảng lễ Ngũ Tuần của mình - Công vụ 3:22.
- h. Tác giả của Hê-bơ-rơ khẳng định Môi-se là tác giả - Hê-bơ-rơ 10:28; Phục 17: 2-6

## B. Học giả hiện đại

1. Nhiều nhà thần học thế kỷ 18 và 19, theo lý thuyết Graf-Well-hau-sen về nhiều quyền tác giả (J.E.D.P.), khẳng định rằng Phục Truyền Luật Lệ ký được viết bởi một thầy tế lễ / tiên tri trong triều đại của Vua Giô-si-a ở Giu-đa để ủng hộ cải cách tâm linh của ông. Điều này có nghĩa là cuốn sách được viết bằng tên của Môi-se vào khoảng năm 621 TCN.
2. Họ dựa điều này trên:
  - a. II Các Vua 22: 8; II Sứ Ký 34: 14-15. “Tôi đã tìm thấy cuốn sách của luật pháp trong nhà của CHÚA.
  - b. Chương 12 đã thảo luận một địa điểm duy nhất cho Đền tạm và sau này là Đền Thờ;
  - c. Chương 17 thảo luận về vị Vua sau đó;
  - d. Đúng là viết một cuốn sách trong tên của một người nổi tiếng trong quá khứ là phổ biến trong thời Cận Đông Cổ đại và trong vòng người Do Thái;
  - e. Có những điểm tương đồng về văn phong, từ vựng và ngữ pháp giữa Phục Truyền Luật Lệ ký và Giô-suê, Các Vua và Giê-rê-mi;
  - f. Phục truyền Luật lệ Ký ghi lại cái chết của Môi-se, chương 34;
  - g. Có những bổ sung biên tập rõ ràng sau này trong Ngũ Kinh:
    - (1) Phục truyền luật lệ Ký 3:14
    - (2) Phục truyền Luật lệ Ký 34: 6
  - h. Sự đa dạng đôi khi không thể giải thích trong việc sử dụng tên của vị Thánh: *El, El Sha-ddai, E-lo-him, YHWH*, trong bối cảnh dường như thống nhất và thời kỳ lịch sử.

## VI. NIÊN ĐẠI

- A. Nếu được viết bởi Môi-se thì vẫn còn có hai khả năng liên quan đến thời gian và khoảng thời gian của Xuất Ê-díp-tô từ Ai Cập:
  1. Nếu I Các Vua 6: 1 có nghĩa và lấy theo nghĩa đen thì khoảng 1445 TCN. (Triều đại thứ 18 của Thutmose III và A-men-ho-tep II):
    - a. LXX có 440 năm thay vì 480 năm.



- b. Con số này có thể phản ánh thể hệ, chứ không phải năm (trọng trung).
- 2. Chứng cứ khảo cổ học năm 1290 TCN cho Xuất Ê-díp tô ký (triều đại Ai Cập thứ 19):
  - a. Se-ti I (1390-1290) đã chuyển thủ đô Ai Cập từ The-bes đến vùng đồng bằng – Xô-an / Ta-nis.
  - b. Ram-se II (1290-1224):
    - (1) Tên của ông xuất hiện trong một thành phố được xây dựng bởi những nô lệ Hê-bo-rơ, Sáng thế Ký 47:11; Xuất 1:11;
    - (2) Ông có 47 con gái;
    - (3) Ông không thành công với con trai lớn nhất của ông.
  - c. Tất cả các thành lớn có tường bao của Phi-li-tin bị phá hủy và được xây dựng lại nhanh chóng vào khoảng năm 1250 TCN.

B. Lý thuyết học giả hiện đại về nhiều tác giả:

- |                               |         |
|-------------------------------|---------|
| 1. J ( <i>YHWH</i> )          | 950 TCN |
| 2. E ( <i>E-lo-him</i> )      | 850 TCN |
| 3. JE (kết hợp)               | 750 TCN |
| 4. D (Phục truyền Luật lệ Ký) | 621 TCN |
| 5. P (Các thầy Tế lễ)         | 400 TCN |

## VII. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC LỊCH SỬ

- A. Các hiệp ước Hê-tít của thiên niên kỷ thứ 2 trước Công Nguyên cung cấp cho chúng ta một lịch sử đương đại cổ xưa song song với cấu trúc của Phục Truyền Luật Lệ ký (cũng như Xuất Ê-díp tô ký – Lê-vi-ký và Giô-suê 24). Mẫu hiệp ước này được thay đổi vào thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Điều này cho chúng ta bằng chứng về tính lịch sử của Phục truyền Luật lệ ký. Để đọc thêm trong lĩnh vực này, (xem G.E. Mendenhall's *Law and Covenants in Israel and the Ancient Near East*.)
- B. Mô hình Hê-tít và Phục Truyền Luật Lệ ký là song song:
  - 1. Lời mở đầu (Phục 1:1-5, giới thiệu về người nói, Đức Giê-hô-va *YHWH*)
  - 2. Ôn lại những hành động trong quá khứ của Đức vua (Phục truyền Luật lệ Ký 1: 6 - 4: 49 những hành động trong quá khứ của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên)
  - 3. Thuật ngữ hiệp ước (Phục 5-26):
    - a. Tổng quát (Phục 5-11)
    - b. Cụ thể (Phục 12-26)
  - 4. Kết quả của hiệp ước (Phục 27-29):
    - a. Lợi ích (Phục 28)
    - b. Hậu quả (Phục 27)
  - 5. Nhân chứng của vị Thánh (Phục 30:19; 31:19, và 32, bài hát của Môi-se có chức năng như một nhân chứng):
    - a. Một bản sao trong đền thờ của vị thần;
    - b. Một bản sao với chư hầu được đọc hàng năm;
    - c. Sự độc đáo của các hiệp ước Hê-tít từ các hiệp ước sau này của A-sy-ri và Sy-ri-a là:
      - (1) Sự xem xét lịch sử về các hành động trong quá khứ của nhà vua;
      - (2) Phần nguyên rủa được công bố.

## VIII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (BỐI CẢNH)

- A. Giới thiệu về cuốn sách, 1: 1-5
- B. Bài giảng đầu tiên, 1: 6-4: 43 (Các hành động trong quá khứ của Đức Giê-hô-va cho ngày nay):
- C. Bài giảng thứ hai, 4: 44-26: 19 (Luật Đức Giê-hô-va (*YHWH*) cho ngày hôm nay và cho mọi thời đại):
  - 1. Tổng quát - Mười điều răn (5-11)
  - 2. Các ví dụ cụ thể và ứng dụng (12-26)

- D. Bài giảng thứ ba, 27-30 (Luật của Đức Giê-hô-va (*YHWH*) cho tương lai 27-29):
  - 1. Các sự nguyên rủa (27)
  - 2. Các ơn phước (28)
  - 3. Gia hạn giao ước (29-30)
- E. Lời cuối cùng của Môi-se, 31-33:
  - 1. Bài giảng “Tạm biệt”, 31: 1-29
  - 2. Bài hát của Môi-se, 31: 30-32: 52
  - 3. Các ơn phước của Môi-se 33: 1-29.
- F. Cái chết của Môi-se, 34

## IX. LỄ THẬTCHÍNH

- A. Chuẩn bị cuối cùng trước khi vào Đất Hứa. Giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham (Sáng thế Ký 12: 1-3) đã hứa một vùng đất và một hạt giống. Cự ước tập trung vào đất đai.
- B. Môi-se chuẩn bị dân sự cho một cuộc sống nông nghiệp định cư và một đời sống du mục. Ông áp dụng Giao ước Si-na-i cho Vùng Đất Hứa.
- C. Cuốn sách nhấn mạnh sự thành tín của Đức Chúa Trời trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, Giao ước có điều kiện! Y-sơ-ra-ên phải đáp ứng và tiếp tục trong đức tin, ăn năn và vâng phục. Nếu Y-sơ-ra-ên không thực hiện, thì lời nguyên của các chương 27-29 sẽ trở thành hiện thực.

## X. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và cụm từ:
  - 1. “Ta gọi trời và đất để làm chúng,” 4:26 (NASB & NIV)
  - 2. “thăm viếng sự gian ác của những người cha trên con cái ...”, 5: 9 (NIV, “ta sẽ nhơn tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời”)
  - 3. “... nhưng sự yêu thương với hàng ngàn...”, 5:10 (NIV, “nhưng thể hiện tình yêu đến một nghìn các thế hệ”)
  - 4. “Nghe” (She-ma) 6: 4 (NASB & NIV)
  - 5. “Phản trán, trên trán của bạn,” (*phylacteries*) 6: 8 (NIV, “như biểu tượng trên ...”)
  - 6. “Viết chúng trên cửa của bạn,” (*mezuzah*) 6: 9 (NIV, “khung cửa”)
  - 7. “Dưới lệnh cấm” *herem*, 13:17 (NIV, “những điều bị lên án”)
  - 8. “Thiên binh,” 17: 3 (NIV, “sao trên trời”)
  - 9. “ngang qua lửa,” 18:10 (NIV, “dâng của lễ”)
  - 10. người trung bảo, 18:11 (NASB & NIV)
  - 11. đã chuộc, 21: 8 (NASB & NIV)
  - 12. “không được yêu thương,” 21:15 (NIV, “không phải cho người khác”)
  - 13. “treo trên cây,” 21:23 (NASB & NIV)
  - 14. “tiền lương của một con chó”, 23:18 (NIV, “thu nhập của một ... mại dâm nam”)
  - 15. “Giấy chứng nhận ly dị,” 24: 1 (NASB & NIV)
  - 16. “xức dầu chính bạn bằng dầu,” 28:40 (NIV, “đùng dầu”)
- B. Nhân vật để xác định tóm lược:
  - 1. A-na-kim, 1:28 (NIV, “*Anakites*”)
  - 2. Rê-pha-im, 3:11 (NIV, “*Rephaites*”)
  - 3. Hê-tít, 7: 1
  - 4. Cột A-sê-ra, 7: 5 (NIV, “*asherah poles*”)
  - 5. Vị Tiên Tri, 18: 15-22

6. Giê-su-run, 32:15; 33: 5, 26

## XI. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ (theo số)

1. Núi Hô-rép, 1: 2,6,19; 4: 10,15
2. Núi Se-i-rơ, 1: 2,44; 2: 1,4,5,8,12,22 (dãy núi)
3. Ca-đe Ba-nê-a, 1:46; 32:51 (NIV, “Kadesh”)
4. Ba-san, 1: 4; 3: 1,3,4,10,11,13; 4: 43,47
5. Ê-lát, 2: 8 (Ê-xi-ôn-Ghê-be)
6. Núi Hết-môn, 3: 8,9; 4:48
7. Núi Ê-banh, 11:29; 27: 4,13
8. Núi Ga-ri-xim, 11:29; 27:12
9. Núi Hô-rơ, 32:50 (*Jebel Harun*)

## XII. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Phục Truyền Luật lệ ký khác nhau thế nào so với Xuất Ê-díp tô-ký và Dân số ký (Thẻ loại)?
2. Tại sao Môi-se lặp lại lịch sử của Xuất Ê-díp-tô ký?
3. Tại sao có rất nhiều tài liệu tham khảo để dạy con cái của bạn, (4: 9; 6: 7, 20-25; 11:19; 32:46)?
4. Phiên bản Phục Truyền 5 về Mười điều răn khác với Xuất 20 như thế nào?
5. Tại sao họ được yêu cầu đập vỡ các trụ cột thiêng liêng và đánh hạ thần A-sê-ra của họ (7: 5)?
6. Các câu 10:12-21 mô tả đặc tính Phục truyền Luật lệ ký thế nào?
7. Tại sao các chương 27-29 lại quan trọng đến vậy trong việc giải thích toàn bộ Cựu Ước?
8. Ai đã ghi lại cái chết của Môi-se (34)?

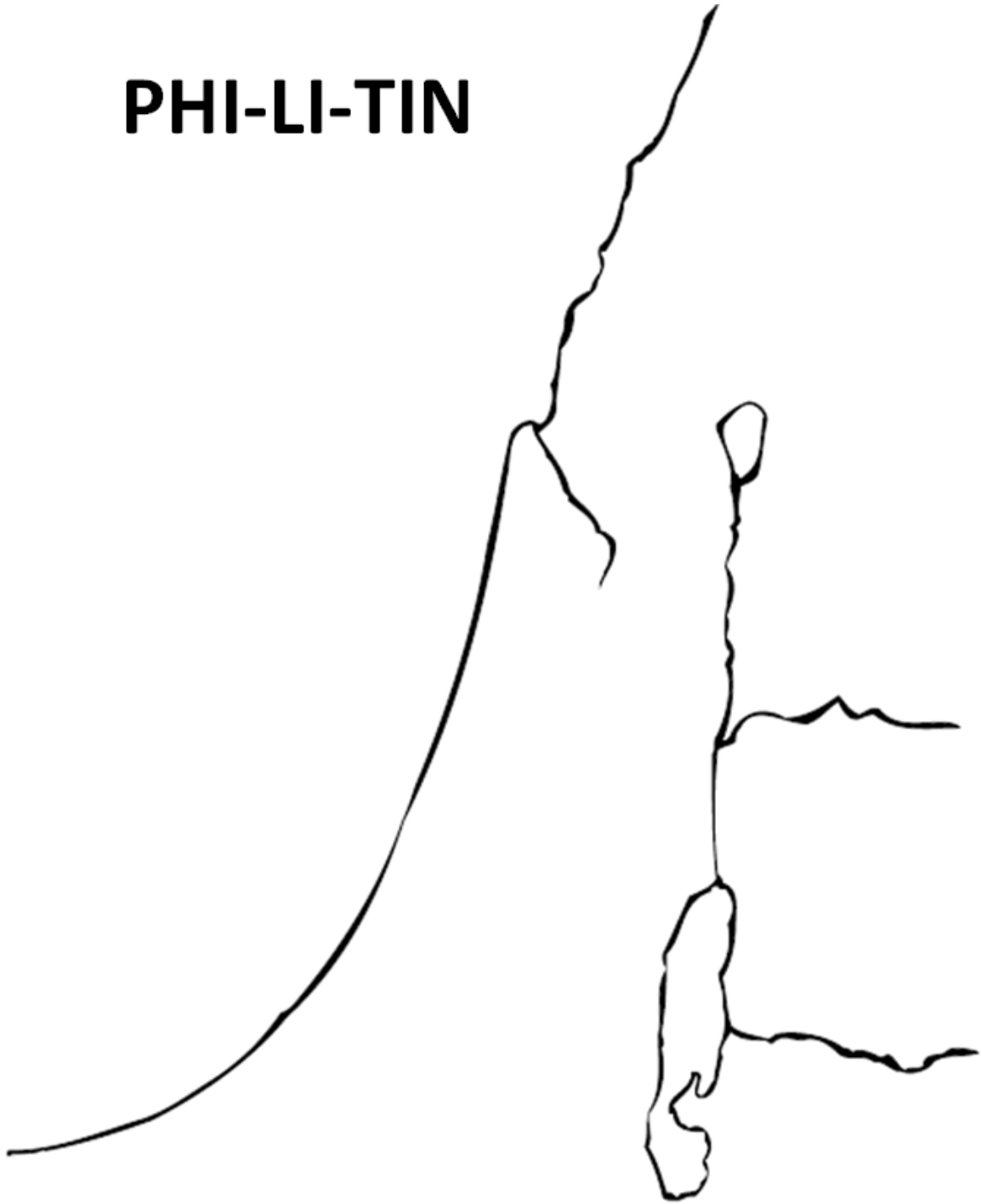


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ GIÔ-SUÊ

## I. TÊN SÁCH

- A. Tên của cuốn sách xuất phát từ người kế thừa Môi-se và là nhân vật chính của cuốn sách.
- B. Tên của ông được tạo thành từ hai thuật ngữ tiếng Hê-bơ-rơ:
  - 1. YHWH (J cộng với nguyên âm)
  - 2. Sự cứu rỗi (Hoshea)
- C. Đây chính là tên Hê-bơ-rơ giống như Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 1:21).

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Giô-suê là cuốn sách đầu tiên trong phần của kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là “Các Tiên Tri.”
- B. Phần này được chia thành hai phần:
  - 1. Tiên tiên-tri bao gồm Giô-suê – Các Vua (trừ Ru-tơ).
  - 2. Hậu tiên-tri bao gồm Ê-sai – Ma-la-chi (trừ Đa-ni-ên và Ca-thương).

## III. THỂ LOẠI

- A. Những sách lịch sử này tiếp tục lịch sử của dân sự Đức Chúa Trời đã bắt đầu trong Sáng Thế Ký. Nó không phải là lịch sử phương Tây theo thời gian, nhưng là một lịch sử thần học chọn lọc. Điều này không có nghĩa là hàm ý rằng điều đó không đúng hoặc không chính xác, nhưng điều đó có nghĩa là các tác giả đã chọn một số sự kiện để dạy các lễ thật thần học về Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi, v.v... Trong ý nghĩa này, chúng giống như các sách Phúc âm và Công Vụ các sứ đồ trong Tân Ước.
- B. Lịch sử cho người Do Thái không theo chu kỳ giống như những người lân cận xung quanh dựa trên các chu kỳ của thiên nhiên, nhưng nó “có mục đích”. Nó có một mục đích, một mục tiêu. Đức Chúa Trời đang tiến về phía một mục tiêu định trước, tức là sự cứu chuộc một thế giới sa ngã (Sáng thế Ký 3:15).

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Tác giả truyền thống là Giô-suê:
  - 1. Tên của ông ban đầu là *Hoshea* (sự cứu rỗi), Dân số ký 13:8.
  - 2. Môi-se đổi tên ông thành Giô-suê (*Joshua*) (Đức Giê-Hô-va (YHWH) “là Sự cứu rỗi”), Dân số ký 13:16.
  - 3. Bởi một vài lý do không rõ, tên của ông được đánh vần theo bốn cách khác nhau:
    - a. *yeshoshu'a*, (thông thường) Giô-suê 1: 1
    - b. *yehoshu'a*, Phục 3:21
    - c. *hoshe'a*, Phục 32:44
    - d. *yeshu'a*, Nê-hê-mi 8:17
- B. Ba-ba Bath-ra 14b nói rằng Giô-suê đã viết cuốn sách này, ngoại trừ dữ liệu về cái chết của ông do thầy tế lễ Ê-lê-a-sa ghi lại, 24: 29-30 và rằng con trai ông, Phi-nê-a (Dân số Ký 25: 7-13; 31: 6-8; Giô-suê 22: 10-34), hoàn thành cuốn sách có ghi lại cái chết của Ê-lê-a-sa, 24: 31-33.
- C. Giô-suê, người đàn ông:
  - 1. Được sinh ra trong chế độ nô lệ ở Ai Cập

2. Một trong mười hai thám tử; chỉ có ông và Ca-lép mang về một báo cáo đức tin (Dân số Ký 14: 26-34)
3. Người trợ giúp trung thành của Môi-se trong suốt kỳ trải nghiệm Xuất Ê-díp-tô. Ông là người duy nhất đi lên đến Núi Si-nai với Môi-se (nửa đường – Xuất 24: 13-14).
4. Tư lệnh quân đội Y-sơ-ra-ên (Xuất 17: 8-13)
5. Dẫn đầu cuộc chinh phục Ca-na-an, và là người kế vị Môi-se (Phục 31:23)

D. Một số bằng chứng về bản quyền là của Giô-suê:

1. Cuốn sách nói rằng Giô-suê ghi lại giao ước của Đức Chúa Trời với dân chúng, 24:26, do đó chúng ta biết ông có thể viết.
  - a. Nó rõ ràng là tài liệu được trực tiếp chứng kiến:
  - b. “Chúng tôi,” 5: 1 (biến thể MSS)
  - c. “Giô-suê cất bì cho họ,” 5: 7-8
  - d. Cuộc gặp gỡ riêng giữa Giô-suê với Thiên sứ của Chúa, 5: 13-15
  - e. “Cô ấy (Ra-háp) đã sống ở giữa Y-sơ-ra-ên cho đến ngày nay,” 6:25 (Đây không phải là một biên tập viên sau này, nhưng một người chứng kiến đương thời)
2. Ông đã sử dụng một số nguồn văn bản:
  - a. Sách Gia-sa, 10:13 (II Sa-mu-ên 1:18)
  - b. “Trong một quyển sách”, 18: 9
3. Danh sách chính xác tên các thành phố cổ phù hợp với một tác giả đương thời không phải là người biên tập sau này:
  - a. Giê-ru-sa-lem còn gọi là Giê-hu, 15: 8; 18:16, 28
  - b. Hép-rôn gọi là Ki-ri-át-a-ra-ba, 14:15; 15: 13,54; 20: 7; 21:11
  - c. Ki-ri-át-Giê-a-rim được gọi là Ba-la 15: 9, 10
  - d. Si-đôn được gọi là thành phố Phê-ni-xi chính, không phải Ty-rơ, 11: 8; 19:28, sau này trở thành thành phố chính.
4. Sách Giô-suê, giống như Ngũ kinh, có một số biên tập bổ sung:
  - a. Cái chết của Giô-suê
  - b. Cuộc chinh phục sau này của Hép-rôn, 14: 6-15; 15: 13-14
  - c. Cuộc chinh phục sau này của Đê-bia, 15: 15,49
  - d. Di cư ở phía bắc của người Đan, 19:47
  - e. Cụm từ “cho đến ngày này” xảy ra nhiều lần cho thấy một phiên bản sau, 4: 9; 5: 9; (6:25); 7:26 (hai lần); 8: 28-29; 9:27; 10:27; 13:13; 14:14; 15:63; 16:10; 22: 3

E. Học giả hiện đại:

1. Lưu ý những điểm tương đồng giữa Ngũ kinh và Giô-suê:
  - a. Văn phong
  - b. Từ vựng
2. Các giả thuyết tài liệu của J, E, D, P xem cuốn sách được viết trong một thời gian dài bằng nhiều bàn tay:
  - a. Nguồn J đã viết các phần của chương 1-12 tập trung vào các trận đánh cá nhân (950-850 TCN)
  - b. Nguồn E đã viết các phần của chương 1-12 tập trung vào chiến dịch hợp nhất (750 TCN).
  - c. Sự kết hợp giữa J & E xảy ra vào khoảng 650 TCN, trong đó hầu hết J bị loại trừ.
  - d. Cuốn sách được viết lại bởi thầy tế lễ / tiên tri của thời Giô-si-a, người đã viết cuốn Phục truyền Luật lệ ký. Người hoặc nhóm này được gọi là nguồn Phục truyền luật lệ ký. Nguồn này cũng viết Phục truyền Luật lệ ký để tăng cường cuộc cải cách Giô-si-a vào năm 621 TCN bằng cách tập trung vào Giê-ru-sa-lem là Thánh địa chân thật duy nhất.
  - e. Nguồn P là một nhóm các thầy tế lễ đã viết các chương từ 13-21 vào thời kỳ 400 TCN.
  - f. Một sự bổ sung thêm được thực hiện trong thế kỷ thứ 3 TCN.
3. Hãy lưu ý giả định của giả thuyết này! Lưu ý cách nó cất văn bản khỏi bối cảnh lịch sử của nó và tác giả. Đó là một nỗ lực hiện đại để phân tích các văn bản cổ đại dưới ánh sáng của lý thuyết văn học hiện đại. Tuy nhiên, nó phải được công bố:
  - a. Tác giả của cuốn sách là Giô-suê không được nêu ra.

- b. Cái chết của Giô-suê, giống như Môi-se, được ghi lại trong cuốn sách.
- c. Đã có một số chỉnh sửa đang diễn ra trong các sách Cựu ước.
- d. Chúng ta chấp nhận tiến trình hình thành tạo ra Cựu Ước như được soi dẫn.
- e. Bằng chứng chống lại Lục kinh (Hexateuch). (Sáng thế ký - Giô-suê):
  - (1) Trong truyền thống Do Thái có sự phân biệt rõ ràng giữa năm cuốn sách của Môi-se (Ngũ kinh) và Giô-suê bắt đầu phần “Các Tiên Tri” của kinh điển Hê-bơ-rơ:
    - (a) Ben Si-ra, tác giả của *Ec-cle-si-as-ti-cus*, viết khoảng 185 TCN, làm một sự phân biệt, 48: 22-45: 12.
    - (b) Fal-vi-us Jo-seph-us trong cuốn sách *Contra Apioness* 1: 7ff của ông tạo nên sự khác biệt.
    - (c) Bản ghi chép đóng góp của Văn bản Ma-so-re-tic (MT) của Ngũ kinh đã làm một sự phân biệt.
    - (d) Các bài đọc Kinh Thánh hàng tuần của nhà hội Do Thái được gọi là “Haph-ta-roth” đã làm một sự phân biệt.
    - (e) Người Sa-ma-ri lấy Ngũ Kinh như Kinh thánh nhưng không chấp nhận sách Giô-suê.
  - (2) Bằng chứng nội tại (Young, p.158):
    - (a) Có một sự sử dụng đặc biệt của đại từ trong Giô-suê mà không có trong Ngũ kinh.
    - (b) Thành phố Giê-ri-cô được viết khác nhau.
    - (c) Danh hiệu cho Đấng Thánh, “Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên”, xảy ra trong Giô-suê 14 lần nhưng không bao giờ có trong Ngũ Kinh.
- f. Chúng ta phải thừa nhận rằng có nhiều điều chúng ta không biết về sự hình thành những quyển sách Cựu ước này vào trạng thái hiện tại của chúng như thế nào.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Cuốn sách này đề cập đến cuộc chinh phục Đất Hứa. Vì chúng ta không chắc chắn về ngày Xuất Ê-díp-tô và Thời kỳ lang thang trong đồng vắng, do đó chúng ta không chắc chắn về ngày chinh phục:
  - 1. 1445 - 40 - khoảng 1400 TCN (I Các vua 6: 1)
  - 2. 1290 - 40 - khoảng 1250 TCN (khảo cổ học)
- B. Giô-suê được viết hoặc chỉnh sửa trong thời kỳ của Các Quan xét; một số thành phố đã được thay đổi tên sau cuộc chinh phục của Y-sơ-ra-ên. Một ví dụ là thành phố Xê-phát của Ca-na-an, sau này được đổi thành Họt-ma, Các quan xét 1: 16-17. Tuy nhiên, tên sau này được đọc lại trong Giô-suê, 12:14; 15:30; 19: 4.
- C. R. K. Harrison suy đoán rằng nó được viết trong triều đại của Đa-vít bởi Sa-mu-ên và Sa-mu-ên có thể là nguồn gốc của truyền thống từ Si-lô (xem *Introduction to the Old Testament*, p. 673).

## VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Khảo cổ học đã chỉ ra rằng hầu hết các thành phố lớn có tường bao quanh của Ca-na-an đã bị phá hủy và nhanh chóng xây dựng lại khoảng 1250 TCN:
  - 1. Hát-so
  - 2. La-ki
  - 3. Bê-tên
  - 4. Đê-bia (trước đây gọi là Kê-ri-át Sê-phe phe hoặc Kirath Sepher, 15:15)
- B. Khảo cổ học đã không thể xác nhận hoặc từ chối dữ liệu kinh thánh về sự sụp đổ của thành Giê-ri-cô. Điều này là do địa điểm đó ở trong tình trạng kém như vậy:
  - 1. Thời tiết / địa điểm
  - 2. Sau này xây dựng lại trên các địa điểm cũ bằng cách sử dụng vật liệu cũ hơn.
  - 3. Không chắc chắn về niên đại của các lớp xây dựng.



- C. Khảo cổ học đã tìm thấy một bàn thờ trên Núi Ê-ban có thể được kết nối với Giô-suê 8: 30-31 (Phục.27: 2-9). Nó rất giống với một mô tả được tìm thấy trong Mish-nah (Tal-mud).
- D. Các bản văn Ras Sham-ra được tìm thấy tại U-ga-rit cho thấy đời sống và tôn giáo của Ca-na-an vào năm 1400 TCN:
1. Thờ phượng đa thần thiên nhiên (giáo phái sinh sản)
  2. El là vị thần trưởng
  3. Chồng của El là A-xê-ra (sau này bà ta lại phối ngẫu với Ba-anh)
  4. Con trai của họ là Ba anh (Had-dad), thần bão
  5. Ba-anh trở thành “vị thần cao” trong các vị thần Ca-na-an. A-nat là người phối ngẫu của ông ta.
  6. Nghi lễ tương tự như Isis và O-si-ris của Ai Cập
  7. Thờ phượng Ba-anh được tập trung vào “địa điểm cao” ở địa phương hoặc nền các tảng đá (nghi lễ mai dâm).
  8. Ba-anh được tượng trưng bởi một cột đá nổi lên (biểu tượng dương vật), trong khi A-xê-ra hoặc As-tar-te là tượng trưng bởi một cốc gỗ được chạm khắc, hoặc cây sồi, tượng trưng cho “cây sự sống”.
- E. Khảo cổ học đã xác nhận rằng các đế chế lớn của khu vực (Hê-tít, Ai Cập và Mê-sô-bô-ta-mi) đã không thể thực hiện ảnh hưởng ở Phi-li-tin trong thời gian này được gọi là Thời kỳ đồ đồng muộn (1550 - 1200 TCN).
- F. Việc liệt kê chính xác tên của các thành phố cổ phù hợp với một tác giả đương thời, không phải là một biên tập viên sau này:
1. Giê-ru-sa-lem được gọi là Giê-bu, 15: 8; 18: 16,28 (15:28 nói rằng Giê-bu-sít vẫn còn là một phần của Giê-ru-sa-lem)
  2. Hép-rôn gọi là Ki-ri-át-a-ra-ba, 14:15; 15: 13,54; 20: 7; 21:11
  3. Ki-ri-át-Giê-a-rim được gọi là Ba-la, 15: 9,10
  4. Đê-bia gọi là Ki-ri-át-Sa-na, 15:49
  5. Si-đôn được gọi là thành phố Phô-nê-xi chính, chứ không phải Ty-rơ, 11: 8; 13: 6; 19:28, sau này trở thành, thành phố chính.
- G. Joshua 24 chính xác phù hợp với mô hình hiệp ước Hê-tít (như Phục Truyền Luật lệ ký) của thiên niên kỷ thứ hai TCN.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (Bối cảnh)

- A. Các phong trào địa lý tạo thành một dàn bài cho cuốn sách:
1. Bắt đầu trên vùng đồng bằng Mô-áp, 1-2
  2. Băng qua Sông Giô-đanh đến Ghinh-ganh gần Giê-ri-cô, 3-4
  3. Chiến dịch quân sự của miền Trung Ca-na-an, 5: 1-10: 15
  4. Chiến dịch quân sự miền Nam Ca-na-an, 10: 16-43
  5. Chiến dịch quân sự miền bắc Ca-na-an, 11: 1-23
  6. Phân chia địa lý vùng đất giữa các chi-phái, 12-21
- B. Dàn bài sơ lược:
1. Cuộc chinh phục Ca-na-an, 1-11
  2. Sự phân chia đất hứa trong các chi-phái, 12-21
  3. Những lời cuối cùng và cái chết của Giô-suê, 22-24

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Để chứng minh khả năng và sự thành tín của Đức Chúa Trời đối với lời hứa của Ngài đối với Áp-ra-ham (Sáng-thể Ký 12: 1-3) về đất đai (Sáng thể Ký 15:16).

- B. Nó tiếp tục lịch sử bắt đầu trong Sáng thế ký và đưa nó vào một thời kỳ mới. Trong thời gian này, các hiệp hội chi phái tự nguyện là yếu tố hiệp một chính. Không có chính phủ trung ương.
- C. Khái niệm “Thánh chiến (“herem” - “dưới lệnh cấm”) có vẻ tàn nhẫn với chúng ta nhưng Đức Chúa Trời đã cảnh báo Y-sơ-ra-ên chống lại tội lỗi của dân Ca-na-an. Khi Đức Chúa Trời loại bỏ họ khỏi đất vì tội lỗi của họ, Ngài cũng sẽ loại bỏ những người Do Thái cho cùng một tội lỗi (sự lưu đày, bởi A-sy-ri và Ba-by-lôn).

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

### A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ:

1. Khúc sông cạn 2: 7 (NASB & NIV)
2. Dao bằng đá lửa, 5: 2 (NASB & NIV)
3. “Một vùng đất đượm sữa và mật,” 5: 6 (NASB & NIV)
4. “Lột bỏ đôi giày của bạn,” 5:15 (NIV, “cởi bỏ đôi giày của bạn”)
5. “Thánh khiết” (*kadosh*), 5:15
6. “Theo lệnh cấm,” (herem), 6:17 (NIV, “hiến dâng”)
7. “Mặt trời đứng yên tại Ga-ba-ôn,” 10:12 (NASB & NIV)
8. “Đạp chân lên cổ của những vị vua này,” 10:24 (NASB & NIV)
9. (Các thành phố của người Lê-vi), 21: 1-3 (NIV, “Môi-se ra lệnh các người phải giao cho chúng ta các thành phố để sống”)
10. “Tôi tớ của Chúa,” 24:29 (NASB & NIV)

### B. Nhân vật nhận dạng ngắn gọn:

1. Ra-háp, 2: 1
2. “tướng đạo binh của Chúa”, 5:14 (NIV, “chỉ huy quân đội của Chúa,”)
3. A-can, 7: 1
4. Xê-lô-phát, 17: 3
5. Phi-nê-a, 22:13

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ (theo số)

1. Biên lớn, 1: 4
2. Si-tim, 2: 1
3. A-đam, 3:16
4. A-hi, 7: 2
5. Ga-ba-ôn, 9: 3
6. Nam phương (Negev), 11:16
7. Ả-rập, 11:16
8. Hết-bôn, 12: 5
9. Suối của Ai Cập, (wadi al ‘arish), 15: 4 (NIV, “wadi của Ai Cập”)
10. Thung lũng Hi-nôm, 15: 8 (NIV, “Thung lũng Ben Hi-nôm”)
11. Si-chem, 17: 7
12. Mê-ghi-đô, 17:11
13. Si-lô, 18: 1
14. Bê-e-sê-ba, 19: 2

## XI. NHỮNG CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Cách Đức Chúa Trời khuyến khích Giô-suê như thế nào như Ngài đã làm với Môi-se (1: 1ff; 5: 13-15)?
2. Hãy giải thích cách người Y-sơ-ra-ên phải vượt qua sông Giô-đanh bằng đức tin (3).

3. Tại sao ma-na ngừng lại?
4. Tại sao quân đội Y-sơ-ra-ên lại bị đánh bại tại thành A-hi?
5. Ga-ba-ôn lừa Giô-suê như thế nào?
6. Người ta cho rằng chương 10 là một phép lạ? Tại sao? / Tại sao không?
7. Giải thích mối quan hệ giữa các thành phố người Lê-vi và thành ả náo?
8. Nan đề gì đã xảy ra trong chương 22?

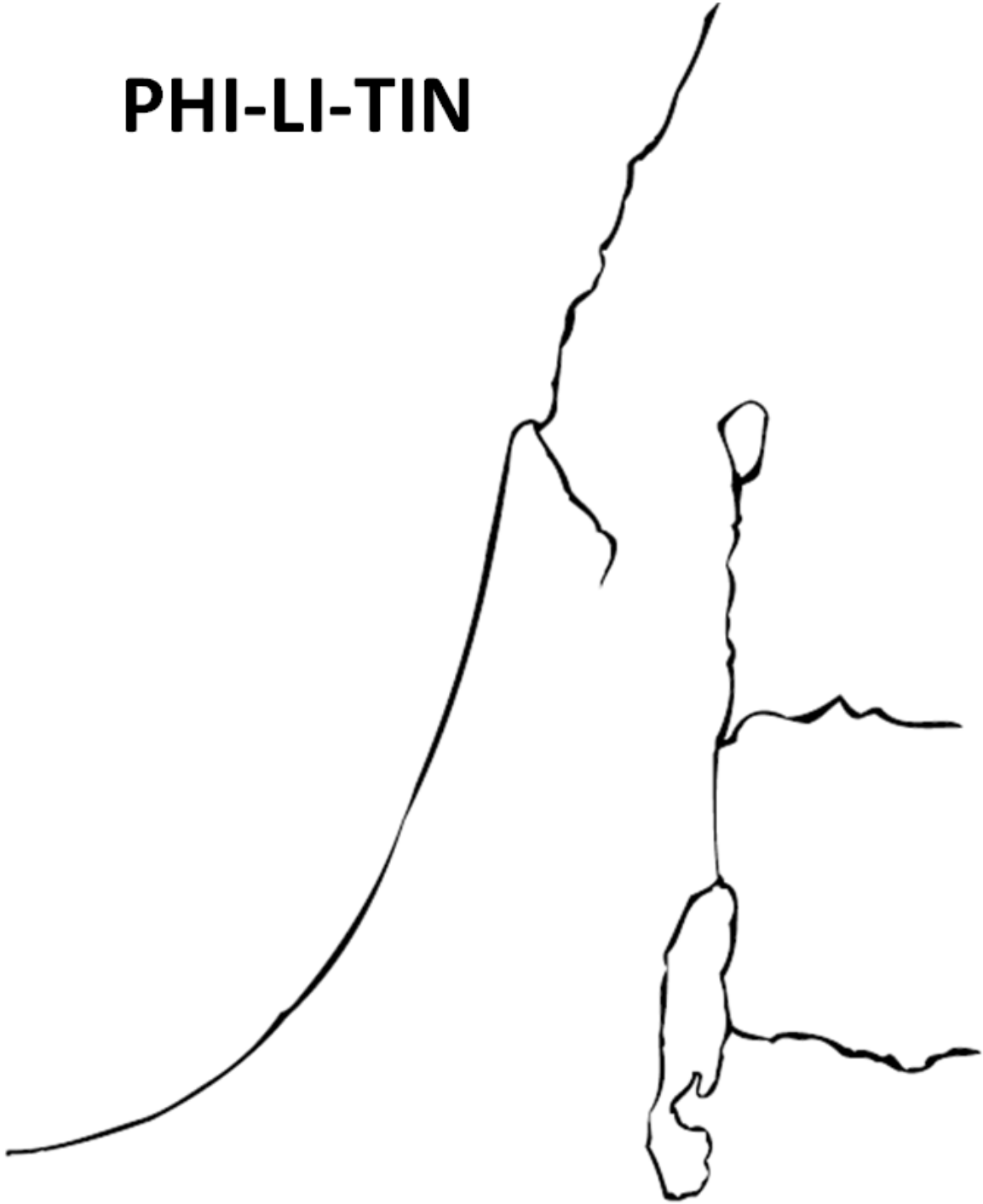


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU CÁC QUAN XÉT

## I. TÊN SÁCH

- A. Tựa sách xuất phát từ thuật ngữ Hê-bơ-rơ "*shophetim*" có nghĩa là "giải quyết tranh chấp". Thuật ngữ Hê-bơ-rơ tương tự như:
  - 1. Thuật ngữ Phê-ni-xi cho "nhiếp chính"
  - 2. Thuật ngữ Ak-ka-di-an cho "người cai trị"
  - 3. Thuật ngữ Car-thage, "chánh thẩm phán"
- B. Nó được dịch trong bản LXX là "*kritai*" hoặc Các Quan-xét.
- C. Tựa đề tiếng Anh của chúng ta xuất phát từ bản Vul-gate "*judicum*".
- D. Tựa đề tiếng Anh đã gây hiểu lầm bởi vì những người này không hành động theo cách tư pháp nhưng là các nhà lãnh đạo địa phương năng động được Đức Chúa Trời gây dựng, nhận quyền năng bởi Đức Thánh Linh của Ngài (3:10; 6:34; 11:29; 14: 6, 19; 15:14), đáp ứng mục đích cụ thể của việc giải cứu dân sự của Ngài khỏi kẻ áp bức ngoại quốc (xem 2:16). Tựa đề tốt hơn có thể là "Người giải cứu".

## II. KINH ĐIỂN HÓA:

- A. Đây là cuốn sách thứ hai của phần thứ hai của kinh điển Hê-bơ-rơ. Nó được gọi là các Tiên Tri.
- B. Phần thứ hai này có hai đơn vị:
  - 1. Các Tiên tiên tri mà chúng ta gọi là những cuốn sách lịch sử: Giô-suê – Các Vua (trừ Ru-tơ)
  - 2. Các Hậu tiên tri mà chúng ta gọi là các tiên tri: Ê-sai. – Ma-la-chi. (trừ Đa-ni-ên và Ca-thương.)

## III. THỂ LOẠI - Đây là chủ yếu câu chuyện lịch sử

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Bản thân Kinh Thánh là im lặng
- B. Ba-ba Bath-ra 14b nói Sa-mu-ên viết cuốn sách mang tên ông và Các Quan xét và Ru-tơ.
- C. Cuốn sách bao gồm một khoảng thời gian nhiều năm, do đó, không thể có một tác giả trực tiếp chứng kiến.
- D. Cuốn sách được biên dịch có thể từ:
  - 1. Một số nguồn chưa được đặt tên bằng văn bản như:
    - a. " Sách về các cuộc chiến tranh của Chúa" là một nguồn lịch sử được đề cập trong Dân số ký 21:14
    - b. "Sách Kể công bình" (*Jashar*) là một nguồn lịch sử khác được đề cập trong Giô-suê 10:13 và II Sa-mu-ên 1:18
  - 2. Một số nguồn truyền khẩu có thể khác. Lịch sử truyền khẩu chính xác rất phổ biến ở vùng Cận Đông cổ đại, vì lúc đó viết tài liệu rất tốn kém và khó mang theo. Một ví dụ sẽ là:
    - a. "Sử ký của Tiên kiến Sa-mu-ên, ... Tiên tri Na-than, ... Tiên kiến Gát" trong I Sử ký 29:29
- E. Có vẻ như người biên tập nguyên thủy đã viết trong thời kỳ quân chủ hợp nhất đầu tiên:
  - 1. Bết-lê-hem được đề cập thường xuyên có thể phản ánh thời đại của Đa-vít (xem 17: 7, 8, 9; 19: 1,2,18 [hai lần]).

2. Một số văn bản phản ánh một thời kỳ quân chủ bằng cụm từ "trong những ngày đó không có vua trong Y-sơ-ra-ên "(xem 17: 6; 18: 1; 19: 1; 21:25). Có những vị vua ở tất cả các quốc gia lân cận, mặc dù không có ở Y-sơ-ra-ên.

F. Có bằng chứng của một biên tập viên sau này:

1. 18:30 phản ánh:
  - a. Sự lưu đầy A-sy-ri của mười chi phái phía Bắc vào năm 722 TCN.
  - b. Có thể việc bắt giữ Hòm giao ước của người Phi-li-tin trong thời kỳ của Hê-li, I Sa-mu-ên 1-7.
2. Truyền thống Do Thái khẳng định rằng Giê-rê-mi và / hoặc Ê-xơ- ra là những người ghi chép bản thảo những phần của Cựu Ước. Sự hình thành của Cựu Ước trong hình thức hiện tại của nó đã bị mất đối với chúng ta. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng đến sự soi dẫn Thánh của những quyển sách Cựu ước này.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Mặc dù được viết bởi một người biên soạn có lẽ trong triều đại của Đa-vít, nhưng điều này không ngụ ý rằng tài liệu lịch sử này không phải từ nguồn nhân chứng trực tiếp chứng kiến. Có hai ví dụ điển hình về điều này:
  1. Trong 1:21, dân Giê-bu-sít vẫn giữ pháo đài bên trong Giê-bu (sau này là Giê-ru-sa-lem). Đa-vít không chinh phục được pháo đài này cho đến khi II Sa-mu-ên 5: 6ff.
  2. Trong 3: 3 Si-đôn, không phải Ty-rơ, được liệt kê là thành phố chính của Phê-ni-xi.
- B. Cuốn sách bao gồm khoảng thời gian từ ngay sau cuộc chinh phục của Giô-suê cho đến khi có sự sinh ra Sa-mu-ên. Niên đại bắt đầu tùy thuộc vào ngày Xuất Ê-díp-tô (1445 TCN hoặc 1290 TCN), 1350 TCN hoặc 1200 TCN. Niên đại cuối cùng sẽ vào khoảng 1020TCN, đó là sự khởi đầu của triều đại Sau-lo (Bright).
- C. Nếu người ta cộng tất cả các niên đại được đưa ra trong Các Quan-xét, thì có khoảng từ 390-410 năm. Điều này không thể được thực hiện theo thứ tự thời gian bởi vì từ I Các Vua 6: 1, Kinh Thánh nói có 480 năm giữa cuộc Xuất Ê-díp-tô và việc xây dựng đền thờ của Sô-lô-môn, 965 TCN. Điều này có nghĩa là Các Quan xét phải là chính những người lãnh đạo địa phương, và niên đại của họ phải trùng nhau.

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Các chương bắt đầu của Các Quan xét cho chúng ta thấy sự hạn chế của cuộc chinh phục Giô-suê như thế nào. Giô-suê về cơ bản đã đánh bại các thành phố lớn có tường bao quanh Ca-na-an và tiềm năng quân sự của họ. Đức Chúa Trời đã đặt công việc khó khăn của việc chiếm lĩnh cho mỗi chi phái trong mỗi khu vực của họ, 2: 6. Chiến lược này là để kiểm tra thể hệ mới của Y-sơ-ra-ên chưa từng thấy phép lạ của Đức Chúa Trời về cuộc Xuất Ê-díp-tô và sự chinh phục, 2: 1- 10; 3: 1.
- B. Thế hệ mới đã thất bại trong bài kiểm tra, 2: 11ff; 3: 7, 12; 4: 1; 6: 1; 10: 6; 13: 1. Chúa đáp trả lại tội lỗi của họ bằng cách gửi những kẻ áp bức nước ngoài để trừng phạt dân sự của Ngài. Dân sự ăn năn và kêu cầu Chúa giúp đỡ. Đức Chúa Trời đã gửi một "người giải cứu." Sau đó, trong một khoảng thời gian nhiều năm, vùng đất này yên bình. Đây là về cơ bản mô hình mô tả sách của Các quan xét, 2: 6-16: 31. ("Tội lỗi, đau khổ, sự cầu khẩn, Sự cứu rỗi. ")

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Đường như thời gian của Các Quan xét được mô tả về mặt thần học theo ba cách khác nhau. Ba quan điểm này tạo thành dàn bài của cuốn sách:
  1. Những kết quả cuộc chinh phục của Giô-suê
  2. Sự cần thiết đối với người giải cứu
  3. Ví dụ về sự bội đạo

B. Giới thiệu tóm tắt cuốn sách:

1. Tóm tắt về cuộc chinh phục, 1: 1-2: 5
2. Tội lỗi, sự phán xét và sự giải cứu dân sự của Đức Chúa Trời, 2: 6-16: 31
3. Ba ví dụ về tội lỗi của dân sự Đức Chúa Trời bày tỏ tình trạng đạo đức trong thời ấy:
  - a. Thờ thần tượng của Mi-ca, 17
  - b. Sự di cư của Đan, 18
  - c. Tội lỗi tình dục của Ghi-bê-a, 19-21

C. Các Quan xét lớn và kẻ thù của họ:

<u>Tên</u>	<u>Văn bản</u>	<u>Kẻ thù</u>	<u>Thời gian hòa bình (1) hay Thời gian phán xét (2)</u>
1. Oát-ni-ên	3: 7-11	Mê-sô-bô-ta-mi (Cu-san-Ri-sa-tha-im)	40 năm (1)
2. Ê-hút	3: 12-30	Mô-áp (Éc-lôn)	80 năm (1)
3. Đê-bô-ra (Ba-rác)	4: 1-24 (văn xuôi) 5: 1-31 (thơ ca)	Ca-na-an (Gia-bin và Si-sê-ra)	40 năm (1)
4. Ghê-đê-ôn	6 – 8	Ma-đi-an & A-mê-léc	40 năm (1)
5. Giép-thê	10: 17-12: 7	Am-môm (& Ép-ra-im)	6 năm (2)
6. Sam-sôn	13 – 16	Phi-li-tin	20 năm (2)

D. Các quan xét nhỏ:

<u>Tên</u>	<u>Văn bản</u>	<u>Kẻ thù</u>	<u>Thời gian phán xét</u>
1. Sam-ga	3:31	Phi-li-tin	?
2. Thô-la	10: 1-2	?	23 năm
3. Gai-rơ	10: 3-5?	?	22 năm
4. Lép-san	12: 8-10	?	7 năm
5. Ê-lôn	12: 11-12	?	10 năm
6. Áp-đôn	12: 13-15	?	8 năm

E. A-bi-mê-léc, 9: 1-57:

1. Đây là con trai của Ghê-đê-ôn với một vợ lẽ
2. Ông ta chỉ ảnh hưởng một thành phố, Si-chem
3. Ông ta khác biệt với các quan xét khác

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

A. Cuốn sách này cho thấy rõ ràng các kết quả tiếp theo của sự sa ngã:

1. Mỗi thế hệ kế tiếp đều vi phạm Giao ước và đi theo các vị thần sinh sản của Ca-na-an.
2. Ngay cả trong Đất Hứa, với sự phân bổ chỗ định cư cho mỗi chi phái được đưa ra bởi Đức Chúa Trời, chi phái Đan đã chọn để di chuyển đến cực bắc thay vì tin cậy vào Đức Chúa Trời để đánh bại Phi-li-tin.

B. Đức Chúa Trời đã dùng những người ngoại giáo để phán xét dân sự của Ngài (sau này là Sy-ri, A-sy-ri và Ba-by-lôn). Điều này phản ánh các phân nguyên rủa ở Phục-truyền 27-29.

C. Cuốn sách này cho thấy sự cần thiết của một vị vua công chính để lãnh đạo các chi phái thống nhất.



D. Cuốn sách này tiếp tục lịch sử của những người Do Thái bắt đầu trong Sáng thế ký.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

### A. Thuật ngữ và cụm từ:

1. Chặt ngón tay cái và ngón chân cái, 1: 7 (NASB & NIV)
2. Thổi kèn, 3:27 (NIV, "... trumpet")
3. Cây đót bò, 3:31 (NASB & NIV)
4. Nữ tiên tri, 4: 4 (NASB & NIV)
5. Lượm lật, mót 8: 2 (NASB & NIV)
6. "Cây dê bộp thuật sĩ" (cây thông), 9:37 (NIV, "Cây thầy bói")
7. Si-bô-lết, 12: 6 (NASB & NIV)
8. "Mỗi người làm điều đúng theo mắt mình" 17: 6; 18: 1; 19: 1; 21:25 (NIV, "mọi người làm khi người ấy thấy phù hợp")
9. "Thờ thần tượng trong gia đình" (*teraphim*), 18:17 (NIV, "các vị thần của gia đình")
10. "Những người vô giá trị" (*ma qui*), 19:22 (NIV, "những người gian ác")

### B. Nhân vật được xác định một cách ngắn gọn:

- |  |                      |
|--|----------------------|
| 1. Si-sê-ra, 4:2   | 5. A-bi-mê-léc, 9: 1 |
| 2. Ba-rác, 4:6   | 6. Kê-mốt, 11:24     |
| 3. Gia-ên, 4:17  | 7. Đa-gôn, 16:23     |
| 4. Giê-ru-ba-anh, 6:32; 7:1 (NIV, " <i>Jerub-baal</i> ") |                      |

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ (theo số)

- |                                     |                         |
|-------------------------------------|-------------------------|
| 1. Thành phố cây chà là, 1:16; 3:13 | 12. Si-chem, 9:1        |
| 2. A-rát, 1:16                      | 13. Mích-ba, 10:17      |
| 3. Bê-tên, 1:22                     | 14. Sông Át-nôn, 11:13  |
| 4. Mê-ghi-đô, 1:27                  | 15. Sông Gia-bốc, 11:13 |
| 5. Ghê-xe, 1:29                     | 16. Thim-na, 14:1       |
| 6. A-cô, 1:31                       | 17. Ách-ca-lôn, 14:19   |
| 7. Hát-so, 4:2                      | 18. Ga-xa, 16:1         |
| 8. Ra-ma, 4:5                       | 19. Si-lô, 18:31        |
| 9. Núi Tha-bô, 4:6                  | 20. Giê-bu, 19:10       |
| 10. Sông Ki-sôn, 4:7                | 21. Ghi-bê-a, 19:12     |
| 11. Thung lũng Gít-rê-ên, 6:33      |                         |

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao dữ liệu về Cuộc chinh phục trong Giô-suê 1-12 quá khác biệt so với Các Quan xét 1-2?
2. Tại sao các chi-phái Y-sơ-ra-ên phải giết tất cả các dân Ca-na-an và không lập giao ước với họ?
3. Tại sao một số các quan xét được gọi là lớn và nhỏ?
4. Chương 4 - 5 nói gì về Đức Chúa Trời khi sử dụng sự lãnh đạo nữ?
5. Tại sao Chúa muốn Ghê-đê-ôn giảm quân đội của mình trong chương 7?
6. Giép-thê có dâng con gái của mình làm của lễ cho Đức Chúa Trời không (11: 30-40)?
7. Làm sao Đức Chúa Trời có thể sử dụng một người dâm dục như Sam-sôn?
8. Việc chi phái Đan chuyển đi, tại sao lại quá tội lỗi?

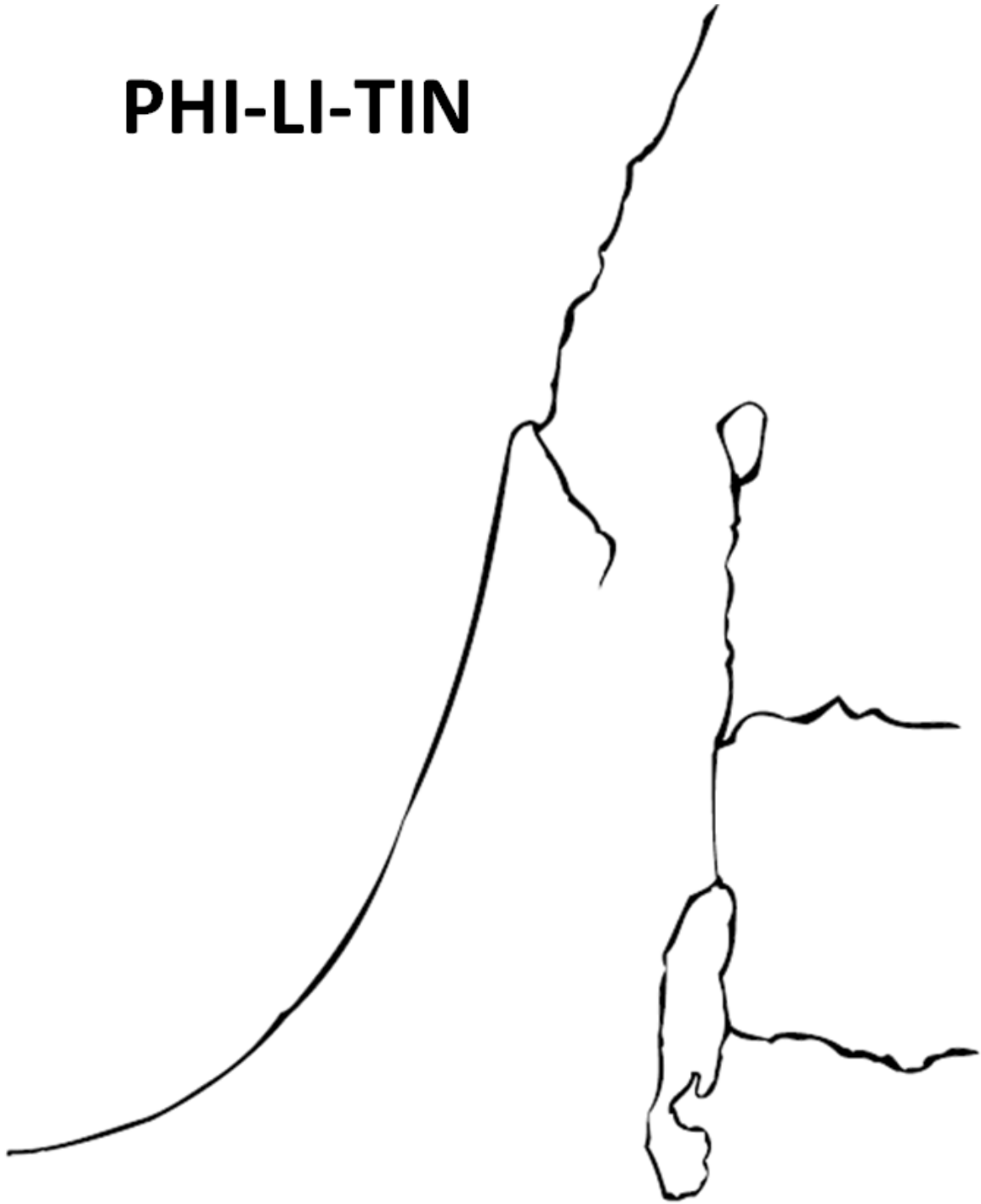


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ RU-TƠ

## I. TÊN SÁCH

Cuốn sách được đặt tên theo một trong những nhân vật chính của nó, Ru-tơ, người Mô-áp, tổ tiên của Đa-vít và Chúa Giê-su, Ma-thi-ơ 1: 5.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của phần thứ ba Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các tác phẩm".
- B. Nó cũng là một phần của một nhóm đặc biệt gồm năm cuốn sách nhỏ được gọi là *Me-gil-loth* hoặc "Năm cuộn sách". Mỗi một trong năm cuốn sách nhỏ này là: Ru-tơ, Ê-xơ-tê, Truyền-đạo, Nhã-ca và Ca-thương được đọc vào các ngày lễ khác nhau. Ru-tơ được đọc vào Lễ Ngũ tuần hoặc Lễ Tuần.
- C. Phiên bản LXX đặt Ru-tơ sau Sách Các Quan xét. Jose-phas trong *Contra Apion*, 1: 8, nói rằng chỉ có 22 sách trong Cựu ước. Điều này cho thấy rằng Các Quan xét và Ru-tơ được tính là một cuốn sách. Do đó, sách Ru-tơ được bao gồm trong "Các tác phẩm" có thể được tính vào sau này (Je-rome).

## III. THỂ LOẠI

- A. Cuốn sách này là chuyện kể lịch sử rõ ràng, được kể qua dạng đối thoại. Cuốn sách được xây dựng gồm 85 câu; trong số này, có 50 là đối thoại. Tác giả này là một người kể chuyện tuyệt vời.
- B. Một số học giả cảm thấy cuốn sách này là một vở kịch, chứ không phải lịch sử vì:
  - 1. Ý- nghĩa tượng trưng của các tên nhân vật
    - a. Mạc-lôn = bệnh tật
    - b. Ki-li-ôn = lãng phí
    - c. Ot-ba = cổ bị tê cứng
    - d. Na-ô-mi = vị ngọt của tôi
  - 2. Tính cách không đặc biệt làm cho tất cả các nhân vật rất cao quý
  - 3. Đức tin tôn giáo mạnh mẽ được thể hiện bởi các nhân vật trong thời kỳ của các quan-xét, 1: 1

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Giống như rất nhiều sách Cựu Ước, nó là vô danh.
- B. Ba-ba Bath-ra 14b đã nói Sa-mu-ên đã viết cuốn sách của ông, Các Quan-xét và Ru-tơ. Vì Ru-tơ 4: 17, 22 ngụ ý rằng Đa-vít nổi tiếng, điều này dường như không chắc nhưng không hẳn là không thể.
- C. Ru-tơ 4: 7 bày tỏ một tác giả hay người biên tập sau này bởi cụm từ "đây là phong tục ở trong thời kỳ trước".

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Các sự kiện của câu chuyện xảy ra trong Thời kỳ của các Quan-xét, 1: 1 (1350 hoặc 1200 TCN đến 1020 TCN). Đây có lẽ là lý do tại sao phiên bản LXX đặt cuốn sách này sau Các Quan-xét.
- B. Nó phải xảy ra trong thời kỳ hòa bình giữa Y-sơ-ra-ên và Mô-áp:
  - 1. Điều này là ngạc nhiên trong ánh sáng của Các Quan-xét 3: 12-30
  - 2. Tuy nhiên, phải có hòa bình trong thời kỳ này, I Sa-mu-ên 22: 3-4 (tức là Sau-Lơ).

C. Khi nào cuốn sách được viết?

1. Ngày viết là rõ ràng trong triều đại của Đa-vít, 4: 17, 22. Tính lịch sử của dữ liệu được xác nhận bởi thực tế rằng một người Mô-áp trong dòng dõi của Đa-vít không phải là một lời khen cho ông! (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 23: 3)
2. Văn-phong và từ vựng của Ru-tơ tương tự như Sa-mu-ên nhưng không giống đối với Sử-ký.

VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ - phương diện duy nhất của cuốn sách này đã được tìm thấy trong các khám phá khảo cổ học là việc chuyển giao các đôi giày như là một dấu hiệu pháp lý của việc chuyển giao quyền thừa kế. Một phong tục tương tự cũng được tìm thấy trong các bảng Nuzi. Đây là bảng chữ hình nêm Ak-ka-di-an từ thiên niên kỷ thứ hai trước công nguyên, thời kỳ mà chúng ta gọi là Giai đoạn Gia Trưởng.

VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (Bối cảnh)

- A. Gia đình Na-ô-mi chạy trốn sự phán xét của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên và chuyển đến Mô-áp, nơi tất cả những người nam đều chết, 1: 1-5
- B. Na-ô-mi trở lại Bết ê-hem với con dâu Mô-áp, 1: 6-22
- C. Ru-tơ gặp Bô-ô trong vụ thu hoạch lúa mạch. Anh ấy rất nhân từ với cô ấy, 2: 1-23
- D. Na-ô-mi và Ru-tơ có kế hoạch dụ dỗ Bô-ô và họ đã thành công, 3: 1-18.
- E. Bô-ô chủ động trở thành thân nhân, đại diện cho Na-ô-mi, Ru-tơ 4: 1-22.

VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Đặc tính tin kính của một người ngoại bang tin Chúa, 1: 16-17;
- B. Đặc tính tin kính của người phụ nữ, cả người Do Thái và người ngoại;
- C. Dòng dõi của Vua Đa-vít và Vua Mê-si-a bao gồm phụ nữ nước ngoài, Ma-thi-ơ 1: 5; Lu-ca. 3:32, và đó là kế hoạch của Đức Chúa Trời.

IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

A. Thuật ngữ và cụm từ:

1. Ê-phơ-rát, 1: 2; 4:11 (NASB & NIV)
2. Ma-ra, 1:20 (NASB & NIV)
3. Đấng Toàn Năng (El Sha-ddai), 1:20 (NASB & NIV)
4. "Dưới cánh mà người đã đến để trú ẩn," 2:12 (NASB & NIV)
5. Ê-pha, 2:17 (NASB & NIV)
6. Thân nhân gần nhất (go'el), 2:20; 3: 9; 4:14, (NIV, "thân nhân")
7. (Hôn nhân lê-vi), Phục 25: 5-10
8. "Dở mềm dưới chân của anh ấy," 3: 4,7-8,14 (NASB & NIV)
9. "Một người tháo giày của mình và đưa nó cho người khác," 4: 7 (NASB & NIV)

B. Nhân vật được xác định một cách ngắn gọn:

1. Ê-li-mê-léc, 1: 2
2. Gie-se, (*Jesse*), 4:22

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ (theo số)

1. Mô-áp, 1: 1
2. Bê-tên, 1: 2

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Mục đích của cuốn sách này trong Kinh điển Hê-bơ-rơ là gì?
2. Tại sao gia đình này bỏ chạy khỏi Y-sơ-ra-ên?
3. Giải thích cách mà thuật ngữ *go'el* liên quan đến phong tục hôn nhân người lê-vi ?
4. Tại sao cuốn sách này lại là một sự xấu hổ đối với Đa-vít?

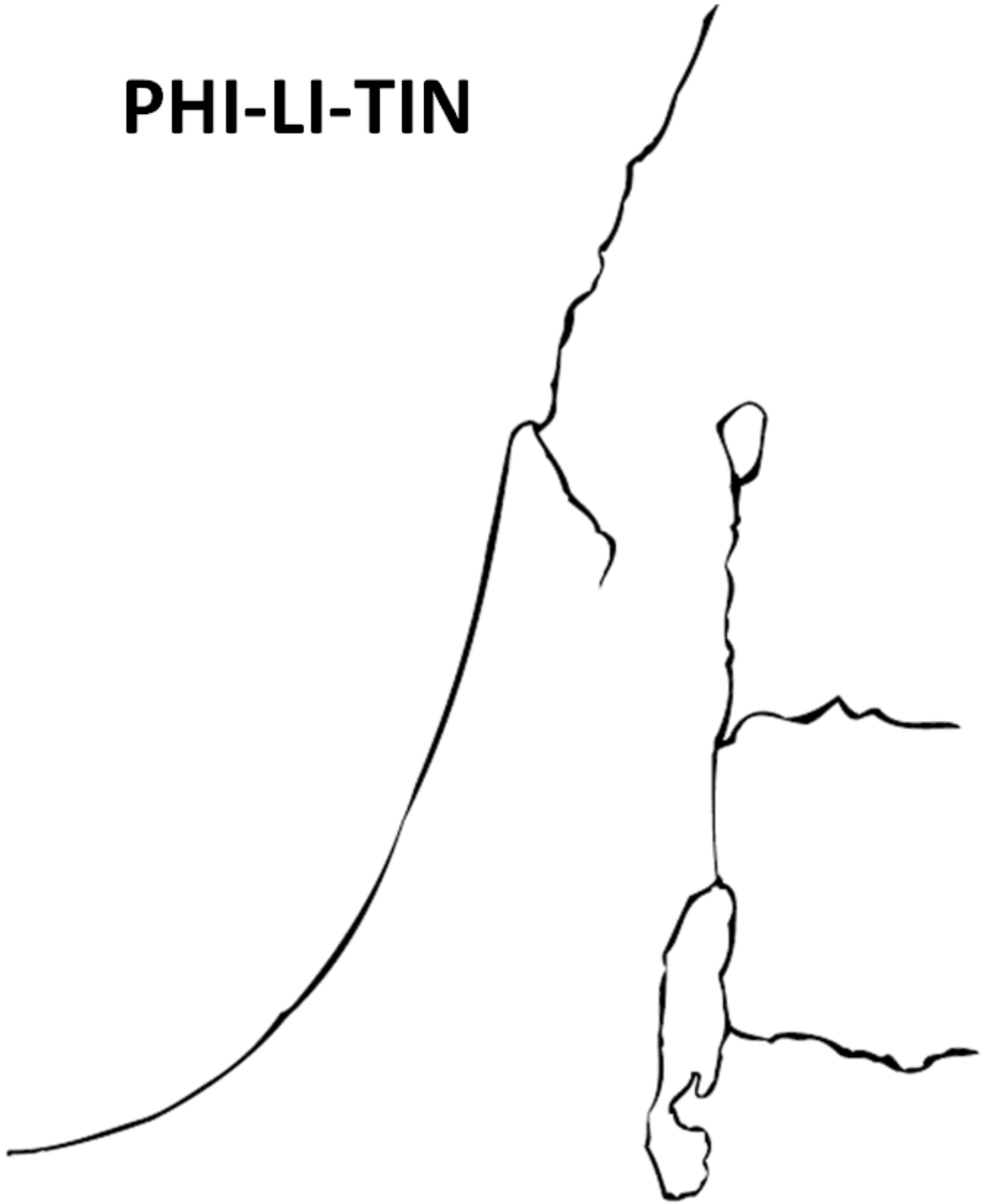


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM



# GIỚI THIỆU VỀ I & II SA-MU-ÊN

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt tên theo nhân vật chính đầu tiên của nó, Sa-mu-ên. Tên của ông có nghĩa là:
1. "Tên của ông ấy là El", quay trở lại Shem,
  2. " cầu khẩn El," (xem I Sa-mu-ên 1:20)
- B. Ông ấy là:
1. Một quan xét - I Sa-mu-ên 7: 6, 15-17
  2. Một tiên tri - I Sa-mu-ên. 3:20 (các tiên tri ban đầu được gọi là "các tiên kiến", I Sa-mu-ên 9: 9; I Sử-ký 29:29
  3. Một thầy tế lễ - I Sa-mu-ên 10: 8; 16: 5

## II. KINH-ĐIỂN HÓA

- A. Đây là một phần của phần thứ hai của Kinh điển Hê-bơ-rơ, được gọi là các Tiên Tri. Phần này được chia làm hai phần:
1. Tiên tiên tri, trong đó bao gồm Giô-suê – các Vua (trừ Ru-tơ)
  2. Hậu tiên tri bao gồm Ê-sai – Ma-la-chi (ngoại trừ Đa-ni-ên và Ca-thương)
- B. Nguyên thủy I & II Sa-mu-ên là một cuốn sách trong Kinh điển Hê-bơ-rơ:
1. Ba-ba Bath-ra 14b (Ghi chú kết thúc trong Phiên bản MT chỉ xảy ra vào cuối II Sa-mu-ên)
  2. *Ecclesiastical History*. VII: 25:2 của Eu-se-bi-us
- C. Phiên bản LXX đã chia sách thành hai phần, có lẽ là do độ dài. Phiên bản này cũng đặt tên các sách lịch sử như sau:
1. I Sa-mu-ên - I Sách của các Vương quốc (trong Vul-gate, I Các Vua)
  2. II Sa-mu-ên - II Sách của các Vương quốc (trong Vul-gate, II Các Vua)
  3. I Các Vua - III Sách của các Vương quốc (trong Vul-gate, III Các Vua)
  4. II Các Vua - IV Sách của các Vương quốc (trong Vul-gate, IV Các Vua)

## III. THỂ LOẠI

- A. Điều này chủ yếu tập trung vào tiểu sử, câu chuyện lịch sử.
- B. Điều này có nghĩa là nó ghi lại các phong tục và sự kiện lịch sử không nhất thiết phải ủng hộ cho tất cả các tín đồ!
- C. Đây không phải là một lịch sử phương Tây hiện đại mà là một lịch sử cận đồng cổ đại. Nó tập trung vào sự kiện được lựa chọn để truyền đạt các lẽ thật thần học. Vì vậy, nó tương tự như các sách Phúc âm và Công Vụ các Sứ đồ của Tân-ước. Nó phải được thông giải bằng ánh sáng: (1) Sự tuyển chọn; (2) Sự thích nghi; (3) Sự sắp xếp và (4) theo sự soi dẫn.
- Tuy nhiên, cũng phải nói rằng người Hê-bơ-rơ và người Hê-tít là những sử gia chính xác nhất. Những người cổ đại khác có khuynh hướng phóng đại những chiến thắng và loại ra những thất bại.
- D. Sự giàu có của văn học cận đồng hiện có sẵn cho các học giả thông qua khảo cổ học hiện đại đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc có thể vào thể loại của Sa-mu-ên, đặc biệt là I Sa-mu-ên 15 - II Sa-mu-ên 8. Đặc biệt là năm 1200 TCN, tài liệu Hê-tít có tên là "*Apology of Hallusitis*" có nhiều điểm tương đồng với Sa-mu-ên. Nó cơ bản là một cuộc phòng thủ của một triều đại mới, để người cai trị mới sẽ không bị tấn công với việc chiếm đoạt sự hợp pháp của người khác, (*Zondervan Pictorial Encyclopedia*, vol. 5 p. 259-260):

1. Nhấn mạnh các sự kiện dẫn đến vị vua mới.
2. Thường chứa tóm tắt các sự kiện thay vì các niên đại nghiêm ngặt
3. Cho thấy sự thiếu phẩm chất của những người cai trị trước đó rõ ràng
4. Bày tỏ chiến thắng quân sự của người cai trị mới
5. Bày tỏ tình đại chúng ngày càng tăng của người cai trị mới
6. Dẫn chứng kết nối chính trị quan trọng của người cai trị mới
7. Nhấn mạnh sự nhiệt tình tôn giáo và ý thức dân tộc của người cai trị mới
8. Tóm tắt về triều đại của vị vua mới với phước lành thiêng liêng và thành công hành chính

#### IV. BẢN QUYỀN

##### A. Truyền thống Do thái đã luôn khẳng định rằng Sa-mu-ên là tác giả:

1. Ba-ba Bath-ra 14b nói rằng Sa-mu-ên đã viết cuốn sách mang tên của mình và các sách Các Quan xét và Ru-tơ.
2. Bản thân quyền sách nói rằng Sa-mu-ên đã viết nó (xem I Sa-mu-ên 10:25 [điều này thường được cho từ 12 chương đầu tiên đến chương 15]).
3. Các học giả Do Thái sau này cũng nhận ra rằng, giống như Phục truyền Luật lệ ký và Giô-suê, sách này ghi lại cái chết của nhân vật chính của nó, I Sa-mu-ên 25: 1; 28: 3, và cũng ghi lại các sự kiện lâu dài sau cái chết. Do đó, họ đề nghị rằng:
  - a. Có lẽ Se-ra-gia là người ghi chép, II Sa-mu-ên 8:17, đã hoàn thành cuốn sách.
  - b. Có lẽ A-bia-tha là thầy tế lễ đã hoàn thành cuốn sách
  - c. Có thể là Xa-bút, con trai của Tiên tri Na-than, (NIV), đã biên soạn nó (xem I Các Vua 4: 5).

##### B. Học giả hiện đại:

1. Nó được công nhận rằng nội dung của cuốn sách là từ nhân chứng trực tiếp các sự kiện (Bright).
2. Nó cũng được công nhận rằng các nguồn tài liệu đã được sử dụng:
  - a. "Sách của Kẻ công bình (*Jashar*)," II Sa-mu-ên 1:18
  - b. Các biên niên sử của Sa-mu-ên, I Sa-mu-ên 10:25; I Sử ký. 29:29
  - c. Các biên niên sử của các tiên tri Na-than và Gát, I Sử ký. 29:29
  - d. Các biên niên sử khác, I Sử ký. 27:24
  - e. nhiều học giả hiện đại thích cho rằng Sa-mu-ên, Na-than và Gát (I Sử ký 29:29) là những tác giả của ba câu chuyện được kết hợp bởi Xa-bút, con trai của Na-than (I Các Vua 4: 5), người cũng có quyền truy cập vào các tài liệu tòa án.
3. Cũng có chứng cứ của các người biên tập sau này sau thời kỳ của Sa-mu-ên minh họa trong cụm từ "mãi đến ngày này" (xem I Sa-mu-ên 5:5; 6:18; 27:6; 30:25; II Sa-mu-ên 4:3; 6:8; 18:18).
4. Cũng có bằng chứng về người biên tập này hay các người biên tập đã sống và làm việc sau khi nền quân chủ thống nhất đã bị phân chia vào năm 922 TCN (Bright) hoặc 930 TCN (Harrison & NIV) hoặc 933 TCN (Young) thành mười chi phái phương bắc gọi là Y-sơ-ra-ên, Ép-ra-im hay Sa-ma-ri và ba chi phái phương nam được gọi là Giu-đa (xem I Sa-mu-ên 11:8; 17:52; 18:16; 27:6; II Sa-mu-ên 5:5; 24:1).
5. Sách Sa-mu-ên là một gương mẫu tốt về những gì mà các học giả quan trọng hiện đại xem như là dấu hiệu của văn chương tổng hợp:
  - a. Kết thúc gia đình của Hê-li như là Thầy tế lễ:
    - (1) I Sa-mu-ên 2: 31ff
    - (2) I Sa-mu-ên 3: 1ff
  - b. Sự xúc dầu của Sau-lơ:
    - (1) Bí mật, I Sa-mu-ên 9: 26-10: 1
    - (2) Công khai (hai lần), I Sa-mu-ên 13:14; 15:23
  - c. Giới thiệu Đa-vít với Sau-lơ:
    - (1) I Sa-mu-ên 16:21
    - (2) I Sa-mu-ên 17:58
  - d. Đa-vít thoát khỏi tòa án của Sau-lơ:
    - (1) I Sa-mu-ên 24: 3

- (2) I Sa-mu-ên 26: 5
  - e. Các giao ước giữa Đa-vít và Giô-na-than:
    - (1) I Sa-mu-ên 18: 3
    - (2) I Sa-mu-ên 20:16, 42
    - (3) I Sa-mu-ên 23:18
  - f. Đa-vít đến với Gát:
    - (1) I Sa-mu-ên 21:10
    - (2) I Sa-mu-ên 27: 1
  - g. Người giết Gô-li-át:
    - (1) Đa-vít - I Sa-mu-ên 17:51
    - (2) Ên-cha-nan - II Sa-mu-ên 21:19
    - (3) I Sử ký 20: 5 dường như cho thấy Gô-li-át và em trai của ông (Lác-mi) đã được giới thiệu cùng một lúc.
  - h. Sự dung thứ, miễn cho Sau-lơ:
    - (1) I Sa-mu-ên 24: 3ff
    - (2) I Sa-mu-ên 26: 5ff
  - i. Đối với các cặp song song và / hoặc cặp đôi, R.K. Har-ri-son nói, "Phải ghi nhận một lần nữa rằng nhiều sự khác biệt bị cáo buộc trong chuyện kể kinh thánh là kết quả đọc sách trực tiếp bất cẩn hoặc đôi khi cố ý xuyên tạc về văn bản tiếng Hê-bơ-rơ... mà trên thực tế chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng chỉ trích, "Introduction to the Old Testament, p.703.
6. Chúng ta phải thừa nhận rằng bản quyền tác giả không rõ (E.J. Young) và cũng là quá trình biên soạn những cuốn sách này trong Cựu ước chưa được biết rõ. Tuy nhiên, chúng ta vẫn khẳng định rằng:
- a. Quá trình được dẫn dắt bởi Đức Chúa Trời;
  - b. Các sự kiện thật sự là lịch sử và không hư cấu;
  - c. Các sự kiện có một lực đẩy thần học.

## V. NIÊN ĐẠI

### A. Khi sự kiện xảy ra

1. I Sa-mu-ên bao gồm khoảng thời gian từ khi Sa-mu-ên ra đời, 1105 TCN. (NIV) cho đến cái chết của Sau-lơ vào khoảng (1011/10 Harrison & NIV; 1013 Young; 1000 Bright).
2. II Sa-mu-ên bao gồm khoảng thời gian từ cái chết của Sau-lơ khoảng 1011 TCN, đến cuối Triều đại của Đa-vít (971/70 Harrison; 973 Young; 961 Bright). Sô-lô-môn bắt đầu cai trị khoảng 969 TCN.

### B. Khi sách được viết

1. I Sa-mu-ên 11: 8; 27: 6 cho thấy ít nhất một số cuốn sách được viết dưới dạng hiện tại của nó sau chế độ quân chủ thống nhất được tách ra vào năm 922 TCN hoặc 930 TCN.
2. Cụm từ lặp lại, "cho đến ngày nay", cho thấy rằng:
  - a. Một số cuốn sách đã được viết một thời gian dài sau khi các sự kiện: I Sa-mu-ên 5: 5; 6:18; 27: 6; 30:25; II Sa-mu-ên 4: 3; 6: 8; 18:18.
  - b. Các nguồn đã được sử dụng đã bao gồm cụm từ này.
3. Một trong những vấn đề niên đại trong giai đoạn này là văn bản của I Sa-mu-ên 13: 1 đưa ra niên đại của triều đại Sau-lơ nhưng nó đã bị hư hại trong sự truyền tải. Một con số rõ ràng là bị mất.

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

### A. I Sa-mu-ên tiếp tục lịch sử của tình trạng hỗn loạn và suy đồi đạo đức của thời kỳ Các Quan xét:

1. Tội lỗi, xâm lược, cầu nguyện cho sự tha thứ, và người giải cứu của Đức Chúa Trời đặc trưng cho Các Quan xét 1-17
2. Ba ví dụ về sự suy đồi đạo đức được liệt kê trong các Các Quan xét 18-21

### B. Đó là thời kỳ khi các đế quốc chính Mê-sô-bô-ta-mi và Ai Cập chưa mở rộng:

1. Ai Cập:
    - a. vị vua Ai Cập cuối cùng của triều đại XX (1180-1065 TCN, *Bright*) là Ram-se XI
    - b. Triều đại XXI (không phải Ai Cập) được gọi là "Tanite" khoảng 1065 - 935 TCN. (*Bright*)
  2. A-sy-ri bị suy tàn sau Tiêc-la Phi-lê-se I trị vì (1118-1078 TCN, *Bright*)
- C. Người Phi-li-tin, với số lượng lớn (dân tộc vùng biển Ae-gean), đã cố gắng xâm chiếm Ai Cập khoảng 1300 TCN, nhưng đã bị đánh bại. Họ định cư ở phía tây nam của Phi-li-tin khoảng 1250 TCN. Họ đã phát triển công nghệ đồ sắt từ người Hê-tít và có thể tự thiết lập một vòng tròn gồm năm thành phố: Ách-ca-lôn, Ách-đốt, Êc-rôn, Gát và Ga-za. Chúng được tổ chức giống như thành phố Hy Lạp, mỗi thành phố đều có vị vua riêng. Họ đã trở thành kẻ thù chính của người Y-sơ-ra-ên ở thời kỳ vương quốc đầu tiên.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (Bối cảnh)

- A. Giới thiệu tóm tắt các nhân vật chính:
1. Hê-li và Sa-mu-ên, I Sa-mu-ên 1-7
  2. Sa-mu-ên và Sau-lơ, I Sa-mu-ên 8-15
  3. Sau-lơ và Đa-vít, I Sa-mu-ên 16 - II Sa-mu-ên 1
  4. Triều đại của Đa-vít, II Sa-mu-ên 2-12
  5. Đa-vít và người kế vị, II Sa-mu-ên 13-20
  6. Những điều linh tinh về Đa-vít và triều đại của ông, II Sa-mu-ên 21-24
- B. I & II Sa-mu-ên dường như được dàn bài theo tác giả / người biên tập bao gồm đưa ra các tuyên bố tóm tắt:
1. I Sa-mu-ên 7: 15-17
  2. I Sa-mu-ên 14: 49-51
  3. II Sa-mu-ên 8: 15-18
  4. II Sa-mu-ên 20: 23-26
- C. Dàn bài chi tiết:
1. xem R.K. Harrison, *Introduction to the Old Testament*, p. 695-696
  2. xem E.J. Young, *An Introduction to the Old Testament*, p. 180-187
  3. xem NIV Study Bible, p. 373 and 422

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Sa-mu-ên thiết lập giai đoạn cho việc hình thành chế độ quân chủ trong khi Môi-se thiết lập giai đoạn cho sự hình thành một quốc gia:
1. Môi-se dự đoán Y-sơ-ra-ên sẽ có một vị vua trong Phục 17: 14-20, nơi ông mô tả những gì một vua công bình nên và không nên làm.
  2. Có một sự căng thẳng trong I Sa-mu-ên về nhà vua:
    - a. Những mặt tiêu cực:
      - (1) Họ đã từ chối Đức Giê-hô-va làm Vua, I Sa-mu-ên 8: 7; 10:19
      - (2) Họ yêu cầu một vị vua "giống như các quốc gia lân cận," I Sa-mu-ên 8: 5; 12: 19-20
      - (3) Điều đó không hài lòng với Sa-mu-ên; ông cảm thấy cá nhân bị từ chối, I Sa-mu-ên 8: 6
    - b. Khía cạnh tích cực:
      - (1) Đức Giê-hô-va đã làm trọn lời tiên tri của Ngài trong Phục truyền Luật lệ bằng cách ban cho họ một vị vua, I Sa-mu-ên.8: 7,9,22, "lắng nghe tiếng nói của dân sự"
      - (2) Nói với vị vua mới những nguyên tắc thánh, I Sa-mu-ên. 8: 9 (Phục truyền 17: 14-20)
      - (3) Nhà vua sẽ giải cứu cho mọi người, I Sa-mu-ên 9:16 (như các quan xét để đáp lại lời cầu nguyện của mọi người, xem I Sa-mu-ên. 12:13)
- B. Sa-mu-ên ghi nhận sự chuyển tiếp quyền năng thuộc linh từ Thầy Tế lễ thượng phẩm và Đền tạm cho người phát ngôn nói tiên tri đang nổi lên. Điều này có thể đáp ứng:

1. Sự phán xét của Đức Chúa Trời về Hê-li và gia đình của ông, I Sa-mu-ên. 2: 22-3: 18
2. Sự cần thiết cho một sự cân bằng giữa hình thức và nghi lễ của các thầy tế lễ và đức tin cá nhân chân thành chú trọng vào các vị tiên tri.
3. Thầy tế lễ và tiên tri, cả hai đều là những người trung bảo hòa giải giao ước cho mọi người nói chung.
4. Sau-lơ trông cậy vào Sa-mu-ên trong khi Đa-vít trông cậy vào Na-than và Gát để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời.

C. II Sa-mu-ên chứng thực:

1. Lòng tốt của Đức Chúa Trời đối với Đa-vít
2. Điểm mạnh và điểm yếu của Đa-vít
3. Sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với Đa-vít vì tội lỗi của ông và những ảnh hưởng của nó trên:
  - a. Quốc gia
  - b. Gia đình của U-ri
  - c. Con của Bát-sê-ba
  - d. Con cái của Đa-vít

D. I & II Sa-mu-ên tiếp tục lịch sử của dân sự của Đức Chúa Trời đã bắt đầu trong Sáng Thế Ký.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

A. Thuật ngữ và cụm từ:

1. I Sa-mu-ên:

- a. Ê-phót bằng vải gai, 2: 18,28 (NASB & NIV)
- b. "Sùng của tôi được tôn cao," 2: 1, 10 (NASB & NIV)
- c. "Từ Đan đến Bê-e-sê-ba," 3:20 (NASB & NIV)
- d. "CHÚA của vạn quân ngồi trên Chê-ru-bin" 4: 4, (NIV, "Đức Giê-hô-va toàn năng, ngồi trên ngai giữa Chê-ru-bin ")
- e. "Mọi người vào lều của mình," 4:10 (NASB & NIV)
- f. Trĩ vàng, 6: 4 (NIV, "khôi u vàng")
- g. Ê-bên-Ê-xe, 7:12 (NASB & NIV)
- h. "Một người theo lòng Ngài," 13:14 (NASB & NIV)
- i. "không thợ rèn nào có thể được tìm thấy trong các vùng đất của Y-so-ra-ên," 13:19 (NASB & NIV)
- j. "Vâng lời tốt hơn là của lễ," 15:22 (NASB & NIV)
- k. "Đức Giê-hô-va hối hận ..." 15:35 (NIV, "... đau buồn")
- l. "Một Linh tà ác từ Đức Giê-hô-va đã dày vò anh ta," 16:14 (NIV, " làm đau khổ")
- m. "Để nước miếng chảy xuống râu," 21:13 (NASB & NIV)

2. II Sa-mu-ên:

- a. Sách của kẻ công bình (*Jashar*), 1:18 (NASB & NIV)
- b. Mi-lô, 5: 9 (NIV, "từ sân hiên được chống đỡ")
- c. Cắt nhượng (ngựa), 8: 4 (NASB & NIV)

B. Nhân vật xác định tóm lược:

1. I Sa-mu-ên:

- a. An-ne, 1: 2
- b. Hóp-ni & Phi-nê-a, 1: 3
- c. Y-ca-bốt, 4:21
- d. Kích, 9: 1
- e. Giô-na-than, 14: 1; 19: 1
- f. Mi-canh, 14:49
- g. Áp-ne, 14:50
- h. Gô-li-át, 17: 4

- i. Đô-ê, 21: 7
  - j. A-bia-tha, 22:20
  - k. phù thủy của En-đô-rơ, 28: 7 (NIV, "trung bảo ... ở En-đô-rơ")
  - l. A-bi-ga-in, 30: 5
2. II Sa-mu-ên:
- a. Ích-bô-sét, 2: 8
  - b. Giô-áp, 2:13
  - c. Am-nôn, 3: 2
  - d. Áp-ra-lôn, 3: 3
  - e. A-đô-ni-gia, 3: 4
  - f. Mê-phi-bô-sét, 4: 4
  - g. U-xa, 6: 3
  - h. U-ri, 11: 3
  - i. Ta-ma, 13: 5
  - j. Xa-đốc, 15:24
  - k. Si-mê-i, 16: 5

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ (theo số)

### A. I Sa-mu-ên:

- 1. Ki-ri-át-Giê-a-rim, 6:21
- 2. Ra-ma, 7:17
- 3. Bê-e-Sê-ba, 8: 2
- 4. Gia-be - Ga-la-át, 11: 1
- 5. Hang đá A-đu-lam, 22: 1
- 6. Nóp, 21: 1
- 7. En-ghê-đi, 23:29
- 8. Xiéc-lác, 30: 1
- 9. Núi Ghinh-bô-a, 31: 8

### B. II Sa-mu-ên:

- 1. Ách-ca-lôn, 1:20
- 2. Hép-rôn, 2: 3
- 3. Ga-la-át, 2: 9
- 4. Ghê-xe, 5:25
- 5. Đa-mách, 8: 5
- 6. Ráp-ba, 12:27
- 7. Thê-cô-a, 14: 2
- 8. Sân đập lúa của A-rau-na, người Giê-bu-sít, 24:16 (Giê-ru-sa-lem)

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

### A. I SA-MU-ÊN:

- 1. Tại sao sự ra đời của Sa-mu-ên được ghi lại, mà không phải là của Sau-lơ hay Đa-vít?
- 2. Tại sao Đức Chúa Trời từ chối Hê-li và gia đình của ông?
- 3. Tại sao Phi-nê-a & Hóp-ni đưa Hòm giao ước vào trận chiến?
- 4. Tại sao Sa-mu-ên lại giận dữ khi mọi người yêu cầu một vị vua?
- 5. Tại sao Sau-lơ từ chối làm vua?
- 6. Giải thích "một linh tà ác từ Đức Giê-hô-va".
- 7. Tại sao Sau-lơ lại cố giết Đa-vít?
- 8. Tại sao Sau-lơ đến thăm phù thủy En-đô-rơ?

9. Sau-ơ chết như thế nào?

B. II SA-MU-ÊN:

1. Tại sao Đa-vít giận dữ về cái chết của Ích-bô-sét?
2. Tại sao Đa-vít giận dữ về cái chết của Áp-ne?
3. Tại sao Đa-vít giúp Mê-phi-bô-sét?
4. Tại sao Chúa giết U-xa?
5. Tại sao lời hứa của Đức Chúa Trời đối với Đa-vít trong chương 7 rất quan trọng?
6. Làm thế nào mà tội lỗi của Đa-vít với Bát-sê-ba ảnh hưởng đến gia đình ông?
7. Giải thích sự khác biệt giữa Xa-đốc và A-bia-tha.
8. Tại sao Chúa lại giận Đa-vít vì điều tra dân số?



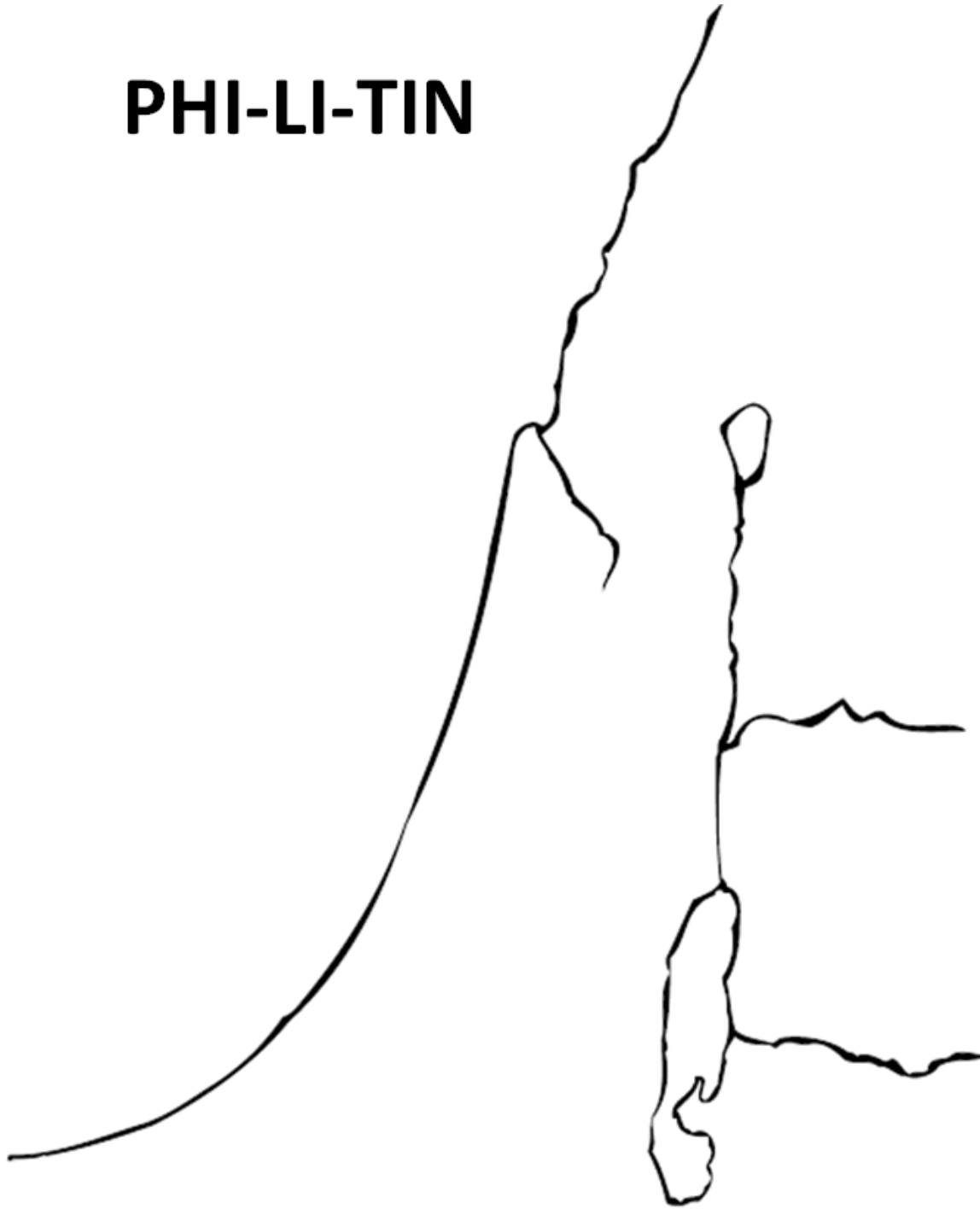
BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**



# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ I & II CÁC VUA

## I. TÊN SÁCH

- A. Giống như I & II Sa-mu-ên, I & II Sử ký, I & II Các Vua ban đầu chỉ là một cuốn sách bằng tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được gọi là "*Melakim*" hoặc Các Vua. Nó có danh hiệu này từ thực tế vì sách bao gồm lịch sử các vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.
- B. Giống như I & II Sa-mu-ên và I & II Sử ký, I & II Các Vua lúc đầu được chia thành hai cuốn sách theo LXX. Rõ ràng, điều này đã được thực hiện vì độ dài của những cuốn sách này. Chúng chỉ đơn giản là không phù hợp trên một cuộn giấy da vì trọng lượng và số lượng lớn của da. Văn bản tiếng Hê-bơ-rơ đầu tiên để chia sách không xuất hiện cho mãi đến năm 1448 SCN.
- C. Tựa đề của hai cuốn sách này là:
  - 1. Bằng tiếng Hê-bơ-rơ - "Các vua"
  - 2. Trong bản LXX - III & IV Các Vương quốc
  - 3. Trong bản Vul-gate - III & IV Các Vua (I & II Sa-mu-ên là I & II Các Vương quốc và Các vua)

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Những cuốn sách này là một phần của phần thứ hai Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các Tiên Tri."
- B. Phần này được chia thành hai phần:
  - 1. Tiên tiên tri bao gồm Giô-suê – Các Vua, ngoại trừ Ru-tơ,
  - 2. Hậu tiên tri bao gồm Ê-sai - Ma-la-chi, ngoại trừ Đa-ni-ên và Ca-thương.
- C. Danh sách các cuốn sách trong Cựu Ước Hê-bơ-rơ có thể đã bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa thần bí Hê-bơ-rơ. Có 22 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Hê-bơ-rơ. Bằng cách kết hợp một số sách có 22 cuốn:
  - 1. Các quan xét và Ru-tơ
  - 2. Sa-mu-ên
  - 3. Các Vua
  - 4. Sử ký
  - 5. Ê-xơ-ra – Nê-hê-mi
  - 6. Giê-rê-mi và Ca-thương
  - 7. Mười hai Tiểu Tiên Tri.

## III. THỂ LOẠI

- A. Những cuốn sách này về cơ bản là câu chuyện lịch sử với những trích dẫn thường xuyên từ:
  - 1. Hồ sơ tòa án
  - 2. Các tiên tri
- B. Khi so sánh ba cuốn sách của Sa-mu-ên, Các Vua và Sử ký, ta thấy có ba loại khác nhau về chuyện kể lịch sử:
  - 1. Sa-mu-ên về cơ bản là tiểu sử. Nó tập trung vào các nhân vật chính:
    - a. Sa-mu-ên
    - b. Sau-lơ
    - c. Đa-vít
  - 2. Các Vua về cơ bản là một biên tập:
    - a. Hồ sơ tòa án hoàng gia:
      - (1) "Cuốn sách sử- ký về Sô-lô-môn," I Các Vua 11:41

- (2) "Cuốn sách sử ký về các vua Giu-đa," I Các Vua. 14:29; 15: 7,23  
 (3) "Cuốn sách sử ký về các vua Y-sơ-ra-ên," I Các Vua 14:19; 15:31.
- b. Tài liệu tiên tri:
- (1) Ê-li  
 (2) Ê-li-sê  
 (3) Ê-sai (chương 36-39)  
 (4) Bảng chứng cho các hồ sơ tiên tri và lịch sử có thể được nhìn thấy rõ ràng trong Sử- ký:  
 (a) I Sử-ký 29:29  
 (b) II Sử-ký 9:29  
 (c) II Sử-ký 12:15  
 (d) II Sử-ký 13:22  
 (e) II Sử-ký 26:22
3. Sử-ký về cơ bản là một bài thuyết trình tích cực thần học được chọn lọc về các vị vua của:
- a. Chế độ quân chủ thống nhất.  
 b. Các vị vua của Giu-đa.

#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Kinh Thánh thì im lặng về quyền tác giả của I & II Các Vua, như nó im lặng trên hầu hết các sách trong Tiên tiên tri.
- B. Ba-ba Bath-ra 15a nói Giê-rê-mi đã viết cuốn sách của ông, sách của các vị vua và Ca-thương:
- Điều này là có thể bởi vì kết thúc của II Các Vua, 24: 18-25: 30 là rất giống nhau, bằng tiếng Hê-bơ-rơ, với Giê-rê-mi 52.
  - Rõ ràng là tác giả là một người chứng kiến sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem.
- C. Trong thực tế những cuốn sách này là công việc của một người biên soạn chứ không phải là tác giả.
- D. Chúng ta cũng phải được lưu ý rằng người biên soạn đã sử dụng một số nguồn:
- Nguồn đầu tiên là Kinh thánh. Ông thường trích dẫn hoặc ám chỉ đến Phục truyền luật lệ ký và một số sách tiên tri.
  - Có một số nguồn văn bản được đặt tên cụ thể:
    - "Quyển sách Công vụ Sô-lô-môn," I Các Vua 11:41
    - "Cuốn Sử ký của các vị Vua Giu-đa," I Các Vua 14:29; 15: 7, 23.
    - "Cuốn Sử ký của các vị vua Y-sơ-ra-ên", I Các Vua 14:19; 15:31
    - Ngoài ra còn có đề cập đến trong I Sử-ký 29:29 các dữ liệu bằng văn bản của các tiên tri: Sa-mu-ên, Na-than và Gát. Điều này cho thấy rằng truyền thống truyền khẩu đã được viết xuống.
- E. Có một số bổ sung biên soạn trong I & II Các Vua hoặc người biên soạn trích dẫn cụm từ "cho tới ngày này" từ nguồn của ông ấy:
- I Các Vua 8: 8
  - I Các Vua 9:21
  - I Các Vua 12:19
  - II Các vua 8:22

#### V. NIÊN ĐẠI

- A. Các sự kiện của cuốn sách bao gồm trong một khoảng thời gian:
- Từ cái chết của Đa-vít và sự khởi đầu của triều đại Vua Sô-lô-môn:
    - Bright - 961 TCN
    - Harrison - 971/970 TCN
    - Young - 973 TCN
    - NIV - 970 TCN

2. Đến triều đại của vua Ba-by-lôn, Ê-vinh Mê-rô-đác, còn được gọi là A-mel-Mar-duk, 562-560 TCN (Bright)
3. Nhưng sách II Các Vua không đề cập đến vua của Mê-đi-Phơ-rơ-sơ, Si-ru "Đại đế" mà quân đội của ông đã phá hủy thành phố Ba-by-lôn năm 539 TCN.

B. Cuốn sách được viết hoặc biên soạn ngay trong khi hoặc ít lâu sau cuộc lưu đày Ba-by-lôn.

C. Độ dài của các triều đại các vị vua khi được cộng lại thì quá dài để tương thích với khung thời gian của các sách. Đã có một số giải pháp được cho là:

1. Các số được liệt kê không tính đến việc cùng trị vì.
2. Có hai lịch được sử dụng:
  - a. Lịch thánh bắt đầu vào mùa thu.
  - b. Lịch tôn giáo bắt đầu vào mùa xuân.
3. Khi các con số trong sách Các Vua và Sử-ký được so sánh, rõ ràng có một số lỗi do các người ghi chép đã phạm.

## VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ

A. Chứng cứ khảo cổ học:

1. Các bia đá Me-sha, còn được gọi là đá Mô-áp, ghi lại sự nổi loạn của Me-sha, vua của Mô-áp, chống lại Y-sơ-ra-ên ngay sau Vua Ôm-ri (876-869 TCN, Bright, 874/3 TCN, Harrison [xem II Các Vua 3: 4]).
2. Đài kỷ niệm đen của vua A-sy-ri, Sanh-ma-na-se III (859-824 TCN, Bright & Harrison):
  - a. Trận Qar-qar năm 853 TCN đã diễn ra trên sông O-ron-tes. Thông tin từ Đài kỷ niệm đen của vua A-sy-ri, Sanh-ma-na-se III đặt tên cho A-háp, vua Y-sơ-ra-ên và gán cho ông ta lực lượng quân sự mạnh mẽ (cùng với Sy-ri, xem I Các Vua 22: 1). Trận chiến này không được ghi lại trong Cựu ước.
  - b. Nó cho thấy vị vua kế tiếp của Y-sơ-ra-ên, Giê-hu (842-815 TCN, Bright [xem II Các Vua 9-10]), tỏ lòng tôn kính và trung thành với A-sy-ri. Điều này cũng không được ghi lại trong Cựu Ước.
3. Một con dấu bằng bích ngọc tìm thấy tại Mê-giê-đô từ thời Giê-rô-bô-am II (786-746 TCN, Bright, 782-753) TCN, Harrison) có tên là Giê-rô-bô-am.
4. Sử-ký Khor-sa-bad mô tả sự cai trị và sụp đổ của Sa-ma-ri đối với Sa-gôn II (722-705 TCN) trong năm 722 TCN (xem II Các Vua 17).
5. Dữ liệu của San-chê-ríp về cuộc bao vây Giê-ru-sa-lem vào năm 701 TCN, trong triều đại Ê-xê-chia (715 - 687 TCN), Bright [xem II Các Vua 18: 13-19: 37, Ê-sai 36-39]).
6. Bằng cách sử dụng niên đại được chứng thực (tài liệu A-sy-ri và Cựu-ước) của: (1) Trận Qar-qar (Sanh-ma-na-se III chống lại Y-sơ-ra-ên và Sy-ri) 853 TCN; và (2) nhật thực (A-sy-ri) (Assyrian Eponym list Ishdî-Sagale 763 B.C.); (3) việc trả tiền cống nạp bởi Giê-hu cho Sanh-ma-na-se III (841) TCN; niên đại của các sự kiện trong Các Vua có thể được xác nhận.

B. Một khảo sát lịch sử ngắn gọn về quyền lực của Mê-sô-bô-ta-mi (sử dụng niên đại dựa chủ yếu vào John Bright's *A History of Israel*, p. 462ff.):

1. Đế quốc A-sy-ri (Sáng10: 11):
  - a. Tôn giáo và văn hóa bị ảnh hưởng rất nhiều bởi Đế quốc Su-me-ri-an / Ba-by-lôn.
  - b. Danh sách tương đối về những người cai trị và những niên đại gần đúng:
    - (1) 1354-1318 A-shu-U-bal-lit I:
      - (a) Chinh phục Cạt-kê-mít là một thành phố Hê-tít.
      - (b) Bắt đầu loại bỏ ảnh hưởng của Hê-tít và cho phép A-sy-ri phát triển
    - (2) 1297-1266 A-dad-Ni-ra-ri I (vị vua mạnh mẽ)
    - (3) 1265-1235 Sanh-ma-na-se I (vị vua mạnh mẽ)
    - (4) 1234-1197 Tu-kul-ti-Ni-nur-ta I
      - lần đầu tiên chinh phục đế quốc Ba-by-lôn ở miền Nam
    - (5) 1118-1078 Tiếc-la-Phi-lê-se I

- A-sy-ri trở thành một cường quốc lớn ở Mê-sô-bô-ta-mi
- (6) 1012- 972 A-shur-Ra-bi II
- (7) 972- 967 As-hur-Resh-I-sui II
- (8) 966- 934 Tiếc-la-Phi-lê-se II
- (9) 934- 912 As-hur-Dan II
- (10) 912- 890 A-dad-Ni-ra-ri II
- (11) 890-884 Tu-kul-ti-Ni-nur-ta II
- (12) 883-859 As-shur-Na-sir-A-pal II
- (13) 859- 824 Sanh-ma-na-se III  
Trận Qar-qar năm 853
- (14) 824-811 Sha-ma-shi-A-dad V
- (15) 811-783 A-dad-Ni-ra-ri III
- (16) 781-772 Sanh-ma-na-se IV
- (17) 772-754 As-hur-Dan III
- (18) 754-745 As-hur-Ni-ra-ri V
- (19) 745-727 Tiếc-la-Phi-lê-se III:
  - a. Được gọi bằng tên ngôi vua Ba-by-lôn của ông, Phun, trong II Các Vua 15:19
  - b. Vua rất mạnh
  - c. Bắt đầu chính sách trục xuất các sắc dân bị chinh phục.
  - d. Năm 735 TCN đã có sự hình thành của "Liên-minh Sy-ro-Eph-ra-ma-tic" một nỗ lực để thống nhất tất cả các nguồn lực quân sự sẵn có của các quốc gia xuyên vùng Giô-đanh từ vùng nước đầu nguồn của sông Ô-phơ-rát đến Ai Cập với mục đích trung hòa tăng sức mạnh quân sự của A-sy-ri. Vua A-cha của Giu-đa từ chối tham gia và bị xâm lược bởi Y-sơ-ra-ên và Sy-ri. Ông viết thư cho Tiếc-la-Phi-lê-se III để giúp chống lại sự tư vấn của Ê-sai (xem II Các vua 16; Ê-sai 7-12).
  - e. Năm 732 Tiếc-la-Phi-lê-se III xâm lược và chinh phục Sy-ri và Y-sơ-ra-ên và đặt một vua chư hầu trên ngai vàng của Y-sơ-ra-ên, Ô-xia (732-722). Hàng ngàn người Do Thái từ Vương quốc phía Bắc đã bị lưu đày sang Mê-đi (xem II Các vua 15).
- (20) 727-722 Sanh-ma-na-se V
  - a. Ô-xia hình thành một liên minh với Ai Cập và bị xâm lược bởi A-sy-ri (xem II Các Vua 18)
  - b. Đã bao vây Sa-ma-ri vào năm 724TCN
- (21) 722-705 Sa-gôn II:
  - a. Sau một cuộc vây hãm kéo dài ba năm do Sanh-ma-na-se V bắt đầu, người kế nhiệm ông Sa-gôn II chinh phục thủ đô của Y-sơ-ra-ên, Sa-ma-ri. Hơn 27.000 người bị trục xuất đến Mê-đi.
  - b. Đế quốc Hê-tít cũng bị chinh phục.
  - c. Trong 714-711 một liên minh khác của các quốc gia trong khu vực Giô-đanh và Ai Cập nổi dậy chống lại A-sy-ri. Liên minh này được gọi là "Cuộc nổi loạn Ash-dad". Ngay cả Ê-xê-chia của Giu-đa nguyên thủy đã tham gia. A-sy-ri xâm chiếm và phá hủy một số thành phố Phi-li-tin.
- (22) 705-681 San-chê-ríp:
  - a. Vào năm 705 một liên minh các quốc gia vùng sông Giô-đanh khác và Ai Cập nổi loạn sau cái chết của Sa-gôn II. Ê-xê-chia ủng hộ hoàn toàn cuộc nổi dậy này. San-chê-ríp xâm lược năm 701. Cuộc nổi dậy đã bị nghiền nát nhưng Giê-ru-sa-lem đã được miễn trừ bởi một hành động của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 36-39 và II Các Vua 18-19).
  - b. San-chê-ríp cũng hạ gục cuộc nổi dậy ở Ê-lam và Ba-by-lôn.
- (23) 681-669 Ê-sac-ha-đôn:
  - a. Người cai trị đầu tiên của A-sy-ri tấn công và chinh phục Ai Cập
  - b. Có thiện cảm với Ba-by-lôn và xây dựng lại thủ đô của nó.
- (24) 669-663 A-shur-ba-ni-pal:
  - a. Cũng được gọi là Ô-náp-ba trong Ê-xơ-ra 4:10.

- b. Anh trai Sha-mash-shu-mu-kin của ông đã được làm vua của Ba-by-lôn. Điều này mang lại vài năm hòa bình giữa A-sy-ri và Ba-by-lôn, nhưng có một sự độc lập ngầm đã xảy ra vào năm 652 do anh trai của ông dẫn đầu.
  - c. Sự sụp đổ của The-bes, 663 TCN
  - d. Đánh bại Ê-lam, 653, 645 TCN.
- (25) 633-629 As-shur-E-til-I-la-ni  
 (26) 629-612 Sin-Shar-Ish-kun  
 (27) 612-609 As-shur-U-bal-lit II:
- Vua được tấn phong bị lưu đày ở Ha-ran sau sự sụp đổ của As-sheer năm 614 TCN và Ni-ne-ve vào năm 612 TCN.
2. Đế quốc Ba-by-lôn Mới:
- a. 703-? Me-ro-dach-Ba-la-dan
    - Bắt đầu một số cuộc nổi dậy chống lại sự cai trị của A-sy-ri
  - b. 652 Sha-mash-shum-ukin:
    - (1) Con trai của Ê-sac ha-đôn và anh trai của As-shur-ba-ni-pal
    - (2) ông bắt đầu một cuộc nổi dậy chống lại A-sy-ri nhưng đã bị đánh bại
  - c. 626-605 Na-bo-po-las-sar:
    - (1) Là vị vua đầu tiên của Đế quốc Ba-by-lôn mới.
    - (2) Ông tấn công A-sy-ri từ phía nam trong khi Cy-a-xa-res của Mê-đi tấn công từ phía đông bắc
    - (3) Thủ đô A-sy-ri cũ, As-shur sụp đổ vào năm 614 và thủ đô mới mạnh mẽ của Ni-ni-ve sụp đổ vào năm 612 TCN.
    - (4) Phần còn lại của quân đội A-sy-ri rút về Ha-ran. Họ thậm chí còn tôn một vị vua.
    - (5) Năm 608 Pha-ra-ôn Nê-cô II (xem II Các vua 23:29) hành quân về phía bắc để giúp phần còn lại của Quân đội A-sy-ri với mục đích tạo thành một vùng đệm chống lại sức mạnh ngày càng tăng của Ba-by-lôn. Giô-si-a, vị vua tin kính của Giu-đa (xem II Các Vua 23), phản đối sự di chuyển của Quân đội Ai Cập qua Phi-li-tin. Có một cuộc giao tranh nhỏ ở Mê-ghi-đô. Giô-si-a bị thương và chết (II Các vua 23: 29-30). Con trai ông, Giô-a-cha, được làm vua. Pha-ra-ôn Nê-cô II đã đến quá muộn để ngăn chặn sự tàn phá của lực lượng A-sy-ri tại Ha-ran. Ông ấy tham gia lực lượng Ba-by-lôn do hoàng tử Nê-bu-cát-nát-xe II chỉ huy và đã bị đánh bại, thiệt hại nặng nề vào năm 605 TCN tại Car-che-mesh trên sông Ơ-phơ-rát.  
 Trên đường trở về Ai Cập, ông dừng lại ở Giê-ru-sa-lem và chiếm đóng thành phố. Ông đã thay thế và trục xuất Giô-a-cha chỉ sau ba tháng. Ông đặt một con trai khác của Giô-si-a, Giê-hô-Gia-kim, lên ngôi vua (xem II Các Vua 23: 31-35).
    - (6) Nê-bu-cát-nét sa II truy đuổi quân đội Ai Cập về phía nam qua Phi-li-tin nhưng ông đã nhận được tin cái chết của cha mình và trở về Ba-by-lôn.  
 Sau đó cùng năm đó ông trở lại Phi-li-tin. Ông đặt Giê-hô-Gia-kim làm Vua Giu-đa. nhưng đã lưu đày hàng nghìn lãnh đạo hàng đầu và một số thành viên của gia đình hoàng gia. Đa-ni-ên và bạn bè của ông là một phần của sự trục xuất này.
  - d. 605-562 Nê-bu-chát-nét-sa II:
    - (1) Từ 597-538 Ba-by-lôn đã hoàn toàn kiểm soát Phi-li-tin.
    - (2) Năm 597 một trục xuất khác từ Giê-ru-sa-lem xảy ra vì liên minh của Giê-hô-Gia-kim với Ai Cập (II Các Vua 24). Ông đã chết trước khi Nê-bu-cát-nét-sa II đến. Con trai Giê-hô-Gia-kim chỉ làm vua trong ba tháng khi ông bị lưu đày đến Ba-by-lôn. Mười ngàn công dân, bao gồm cả Ê-xê-chi-ên, đã được tái định cư gần thành phố Ba-by-lôn bên cạnh kênh đào Ke-bar.
    - (3) Năm 586, sau khi tiếp tục ve vãn Ai Cập, thành phố Giê-ru-sa-lem đã hoàn toàn bị phá hủy (II Các Vua 25) và một sự trục xuất hàng loạt xảy ra. Sê-đi-a-kia, người được thay thế Giê-hô-gia-kim, bị lưu đày và Ghê-đa-lia được bổ nhiệm làm thống đốc.
    - (4) Ghê-đa-lia bị lực lượng nổi loạn Do Thái giết hại. Những lực lượng này đã trốn sang Ai Cập và buộc Giê-rê-mi đi với họ. Nê-bu-cát-nét-sa xâm chiếm lần thứ tư (605, 596, 586, 582) và trục xuất tất cả những người Do Thái còn lại mà ông có thể tìm thấy.
  - e. 562-560 Ê-vin-Mê-rô-đác, còn được gọi là A-mel-Mar-duk

- Ông thả Giê-hô-gia-kim ra khỏi nhà tù nhưng ông ấy phải ở lại Ba-by-lôn (xem II Các vua 25: 27- 30; Giê-rê-mi 52:31).
  - f. 560-556 Ne-rig-lis-sar
    - Ông ta là tướng của Nê-bu-cát-nét-sa, đã phá hủy Giê-ru-sa-lem.
  - g. 556- La-bas-ki-Mar-duk
    - Anh ta là con trai của Ne-rig-lis-sar nhưng bị ám sát chỉ sau chín tháng.
  - h. 556-539 Na-bo-ni-dus:
    - (1) Na-bo-ni-dus không liên quan đến hoàng gia nên ông kết hôn với con gái của Nê-bu-cát-nét-sa II.
    - (2) Ông đã dành phần lớn thời gian xây dựng một ngôi đền cho thần mặt trăng "Sin" ở Te-ma. Ông ấy là con trai của nữ tế lễ thượng phẩm của nữ thần này. Điều này khiến ông ta trở nên kẻ thù của các thầy tế lễ của Mar-duk, vị thần chính của Ba-by-lôn.
    - (3) Ông đã dành phần lớn thời gian của mình để cố gắng dập tắt những cuộc nổi dậy và ổn định vương quốc.
    - (4) Ông chuyển đến Te-ma và để lại công việc của nhà nước cho con trai ông, Bên-xát-xa, ở thủ đô, Ba-by-lôn (xem Đa-ni-ên 5).
  - i. ? - 539 Bên-xát-xa (đồng cai trị)
    - Thành phố Ba-by-lôn đã sụp đổ rất nhanh dưới quân đội Phơ-rơ-sơ dưới quyền của Gob-ry-as của Gu-ti-um chỉ huy bằng cách chuyển hướng nước dòng sông Ô-phơ-rát và đi vào thành phố không bị cản trở. Các Thầy tế lễ và người dân thành phố xem người Phơ-rơ-sơ là những người giải phóng và phục hồi thần Mar-duk. Gob-ry-as được phong làm Thống đốc Ba-by-lôn bởi Si-ru II. Gob-ry-as có thể là Đa-ri-út người Mê-đi ở trong Đa-ni-ên 5:31; 6: 1. "*Darius*" có nghĩa là "một người hoàng gia".
3. Đế chế Mê-đi-Phơ-rơ-sơ: Khảo sát sự nổi lên của Si-ru II (Ê-sai 44:28; 45: 1-7):
- a. 625-585 Cy-a-xa-res là vua Mê-đi giúp Ba-by-lôn đánh bại A-sy-ri.
  - b. 585-550 As-ty-a-ges là vua Mê-đi. Si-ru là cháu của Man-dane.
  - c. 550-530 Si-ru II của An-sham là một vị vua chư hầu nổi dậy:
    - (1) Na-bo-ni-dus, vua Ba-by-lôn, ủng hộ Si-ru.
    - (2) Si-ru II truất ngôi As-ty-a-ges.
    - (3) Na-bo-ni-dus, để khôi phục lại sự cân bằng quyền lực, đã liên minh với:
      - (a) Ai Cập
      - (b) Cro-e-sus, Vua của Ly-di-a (Tiểu Á)
    - (4) 547- Si-ru II hành quân chống lại Sar-dis (thủ đô của Ly-di-a).
    - (5) 539- Vào 2 tháng 11, Gob-ry-as của Gu-ti-um, với quân đội Si-ru, chiếm Ba-by-lôn mà không gặp kháng cự nào. Gob-ry-as được làm thống đốc Ba-by-lôn.
    - (6) 539- Vào tháng 10, Si-ru II "Đại đế" đã tự mình đi vào trở thành người giải phóng. Chính sách của ông về lòng tốt với các nhóm quốc gia, đã đảo ngược nhiều năm trục xuất như một chính sách quốc gia.
    - (7) 538- Người Do thái và những người khác được phép trở về nhà và xây dựng lại các đền thờ của họ.
    - (8) 530- Con trai của Si-ru, Cam-by-ses II, đã nối ngôi ông.
  - d. 530-522 Triều đại của Cam-by-ses II
    - (1) Thêm đế quốc Ai Cập vào năm 525 TCN đến đế chế Mê-đô - Phơ-rơ-sơ;
    - (2) Ông có một triều đại ngắn:
      - (a) Một số nói rằng ông đã tự sát;
      - (b) He-ro-di-tus nói ông tự cắt mình bằng thanh kiếm của chính ông khi ông lên ngựa và kết quả chết do nhiễm trùng.
    - (3) Triều đại ngắn ngủi của Pseu-do-smer-dis - 522
  - e. 522-486 Đa-ri-út I (Hys-ta-pis) lên ngôi cai trị
    - (1) Ông không thuộc dòng hoàng gia mà là một tướng quân.
    - (2) Ông đã tổ chức Đế chế Phơ-rơ-sơ bằng cách sử dụng các kế hoạch của Sa-traps (xem Ê-xơ-ra 1-6; A-ghê; Xa-cha-ri).
    - (3) Ông thiết lập tiền xu như Ly-di-a.

- f. 486-465 Triều đại của Xéc-xe I:
- (1) Dập tắt cuộc nổi dậy của Ai Cập
  - (2) Dự định xâm chiếm Hy Lạp và hoàn thành giấc mơ Phơ-rơ-sơ nhưng đã bị đánh bại trong trận chiến Ther-mo-po-ly năm 480 TCN và Sa-la-mis vào năm 479 TCN.
  - (3) Chồng của Ê-xơ-tê người được gọi là A-suê-ru trong Kinh Thánh, bị ám sát năm 465 TCN.
- g. 465-424 Át-ta-xét-xe I (Lon-gi-ma-nus) trị vì (xem Ê-xơ-ra 7-10; Nê-hê-mi; Ma-la-chi):
- (1) Hy Lạp tiếp tục phát triển cho đến khi đối đầu với cuộc nội chiến Pe-lo-pa-ni-sian
  - (2) Hy Lạp chia đôi (Athenian - Peloponisian)
  - (3) Cuộc nội chiến Hy Lạp kéo dài khoảng 20 năm
  - (4) trong thời kỳ này cộng đồng Do Thái được củng cố vững mạnh
  - (5) triều đại ngắn ngủi của Xéc-xe II và Se-ky-di-a-nos – 423
- h. 423-404 Đa-ri-út II (No-thos) trị vì
- i. 404-358 Át-ta-xét-xe II (Mne-mon) trị vì
- j. 358-338 Át-ta-xét-xe III (Oc-hos) trị vì
- k. 338-336 As-ses trị vì
- l. 336-331 Đa-ri-út III (Co-do-man-nus) trị vì
4. Khảo sát Ai Cập:
- a. Hyk-sos (Các vị vua chặn bầy - nhà cai trị Se-mi-tic) -1720 / 10-1550
  - b. Triều đại thứ 18 (1570-1310):
    - (1) 1570-1546 A-mo-sis
      - (a) Đã làm cho The-bes trở thành thủ đô
      - (b) Xâm chiếm miền nam Ca-na-an
    - (2) 1546-1525 A-me-no-phis I (A-men-ho-tep I)
    - (3) 1525-1494 Thut-mo-sis I
    - (4) 1494-1490 Thut-mo-sis II - kết hôn Con gái Thut-mo-sis, Hat-shep-sut
    - (5) 1490-1435 Thut-mo-sis III (cháu trai của Hat-shep-sut)
    - (6) 1435-1414 A-me-no-phis II (A-men-ho-tep II)
    - (7) 1414-1406 Thut-mo-sis IV
    - (8) 1406-1370 A-me-no-phis III (A-men-ho-tep III)
    - (9) 1370-1353 A-me-no-phis IV (A-khe-na-ten)
      - (a). Thờ phượng mặt trời, A-ten
      - (b). Thành lập một hình thức thờ phượng thần cao cấp (chủ nghĩa độc thần)
      - (c). Các chữ cái A-mar-na Tel-El ở trong giai đoạn này
    - (10) ? Smen-khare
    - (11) ? Tu-tan-kha-mun (Tutankhaten)
    - (12) ? Ay (Aye-mắt)
    - (13) 1340-1310 Ha-rem-hab
  - c. Triều đại thứ 19 (1310-1200):
    - (1) ? Ra-me-ses I (Ram-se)
    - (2) 1309-1290 Se-ti I (Se-thos)
    - (3) 1290-1224 Ra-me-ses II (Ram-se II)
      - (a) Từ bằng chứng khảo cổ học nhiều khả năng là Pha-ra-ôn của Xuất Ê-díp-tô-ký
      - (b) Xây dựng các thành phố A-va-ris, Pi-thom và Ram-se bởi các nô-lệ Ha-ba-ru (có thể là tiếng Se-mites hoặc tiếng Hê-bơ-rơ)
    - (4) 1224-1216 Mar-nip-tah (Me-renp-tah)
    - (5) ? A-men-mes-ses
    - (6) ? Se-ti II
    - (7) ? Sip-tah
    - (8) ? Te-wos-ret
  - d. Triều đại thứ 20 (1180-1065):
    - (1) 1175-1144 Ram-se III
    - (2) 1144-1065 Ram-se IV – XI
  - e. Triều đại thứ 21 (1065-935):



- (1) ? Smen-des  
 (2) ? He-ri-hor
- f. Triều đại thứ 22 (935-725 – Li-by-a):  
 (1) 935-914 Shi-shak (Sho-senk I hoặc She-shong I)  
 (a) Bảo vệ Giê-rô-bô-am I cho đến khi Sô-lô-môn chết  
 (b) Chinh phục Phi-li-tin khoảng 925 (xem I Các vua 14-25; II Sử ký 12)  
 (2) 914-874 O-sor-kon I  
 (3) ? O-sor-kon II  
 (4) ? Shosh-nek II
- g. Triều đại thứ 23 (759-715 – Li-by-a)  
 h. Triều đại thứ 24 (725-709)  
 i. Triều đại thứ 25 (716 / 15-663 – Ê-thi-ô-pi-a / Nu-bi-an):  
 (1) 710 / 09-696 / 95 Sha-ba-ko (Sha-ba-ku)  
 (2) 696 / 95-685 / 84 Sheb-te-ko (She-bit-ku)  
 (3) 690/689, 685 / 84-664 Tir-ha-kah (Ta-har-qa)  
 (4) ? Tan-ta-mun
- j. Triều đại thứ 26 (663-525 – Sai-tic):  
 (1) 663-609 Psam-me-ti-chus I (Psam-tik)  
 (2) 609-593 Nê cô II (Ne-cho)  
 (3) 593-588 Psam-me-ti-chus II (Psam-tik)  
 (4) 588-569 Ap-ries (Hoph-ra)  
 (5) 569-525 A-ma-sis  
 (6) ? Psam-me-ti-chus III (Psam-tik)
- k. Triều đại thứ 27 (525-401 – Phơ-rơ-sơ):  
 (1) 530-522 Cam-by-ses II (con trai của Si-ru II)  
 (2) 522-486 Đa-ri-út I  
 (3) 486-465 Xéc-xe I  
 (4) 465-424 Át-ta-xết-xe I  
 (5) 423-404 Đa-ri-út II

\* cho một thứ tự thời gian khác nhau, xem *Zondervan's Pictorial Bible Encyclopedia*, vol. 2 p. 231.

#### 5. Khảo sát Hy Lạp:

- a. 359-336 Phi-lip II của Ma-xê-đoan:  
 (1) Xây dựng Hy Lạp  
 (2) Bị ám sát năm 336 TCN
- b. 336-323 A-le-xan-der II "Đại đế" (con trai của Phi-lip):  
 (1) Theo đường vua Đa-ri-út II, vua Phơ-rơ-sơ, trong trận I-sus  
 Đã chết vào năm 323 TCN ở Ba-by-lôn do bị sốt ở tuổi 32/33.  
 (2) Các tướng lĩnh của A-le-xan-der đã phân chia đế chế của ông khi ông qua đời:  
 (a) Cas-sen-der - Ma-xê-đoan và Hy Lạp  
 (b) Ly-si-mi-cus - Thrace  
 (c) Se-leu-cus I - Sy-ri và Ba-by-lôn  
 (d) Pto-le-my - Ai Cập và Phi-li-tin  
 (e) An-ti-go-nus - Tiểu Á (Ông không trụ được lâu)
- c. Se-leu-cids tranh với Pto-le-mies để kiểm soát Phi-li-tin:  
 (1) Sy-ri (các nhà cai trị Se-leu-cid):  
 (a) 312-280 Se-leu-cus I  
 (b) 280-261 An-tio-chus I So-ter  
 (c) 261-146 An-tio-chus II The-us  
 (d) 246-226 Se-leu-cus II Cal-li-ni-cus  
 (e) 226-223 Se-leu-cus III Ce-rau-nus  
 (f) 223-187 An-tio-chus III Đại đế

- (g) 187-175 Se-leu-cus IV Phi-lo-pa-tor
- (h) 175-163 An-tio-chus IV E-pi-phanes
- (i) 163-162 An-tio-chus V
- (j) 162-150 De-me-tri-us I
- (2) Ai Cập (người cai trị Pto-le-maic):
  - (a) 327-285 Pto-le-my I So-ter
  - (b) 285-246 Pto-le-my II Phi-la-del-phas
  - (c) 246-221 Pto-le-my III E-ve-getes
  - (d) 221-203 Pto-le-my IV Phi-lo-pa-tor
  - (e) 203-181 Pto-le-my V E-pi-phanes
  - (f) 181-146 Pto-le-my VI Phi-lo-me-tor
- (3) Khảo sát ngắn gọn:
  - (a) 301- Phi-li-tin dưới sự cai trị của Pto-le-my trong 181 năm.
  - (b) 175-163 An-tio-chus IV E-pi-phanes, vị vua thứ tám Se-leu-cid, muốn Hy Lạp hóa người Do Thái, nếu cần thiết.
    - 1. Xây dựng phòng tập thể dục thể thao
    - 2. Xây dựng các bàn thờ ngoại đạo của thần Ze-us O-lym-pi-us trong Đền thờ
  - (c) 168 - 13 tháng 12 - con heo bị giết trên bàn thờ ở Giê-ru-sa-lem bởi An-ti-o-chus IV E-pi-phanes. Một số người coi đây là "sự ghê tởm của sự hoang vắng" trong Đa-ni-ên 8.
  - (d) 167 - Mat-ta-thi-as, thầy tế lễ ở Mo-din, và các con trai nổi dậy. Nổi tiếng nhất về con trai của ông là Ju-das Mac-ca-be-as, "Ju-das the Ham-mer."
  - (e) 165 - 25 tháng 12 - Đền thờ được tái dâng hiến. Điều này được gọi là *Hanukkah* hoặc "Lễ hội của Ánh sáng."
- 6. Để có một cuộc thảo luận tốt về các vấn đề về niên đại, thủ tục và các giả định xem *The Expositors Bible Commentary*, vol. 4 pp. 10-17.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (Bối cảnh)

- A. Có một khuôn mẫu thông tin rõ ràng mà tác giả đưa ra cho mỗi vị vua của miền bắc và miền Nam. Thông thường, thông tin về các vị vua của Giu-đa thì đầy đủ hơn (được lấy từ ghi chú ở lớp của Tiến sĩ Huey của SWBTS)):
 

<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Niên đại về các triều đại của vua là một cặp đối xứng ở phía bắc và nam.</li> <li>2. Tên của nhà vua;</li> <li>3. Tên của cha vua;</li> <li>4. Tuổi của vua khi lên ngôi;</li> <li>5. Thời gian triều đại của ông;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>6. Nơi cư trú</li> <li>7. Tên của mẹ vua;</li> <li>8. Một số thông tin về triều đại của ông;</li> <li>9. Một tuyên bố tóm tắt về đời sống của vua;</li> <li>10. Một dữ liệu về cái chết của ông và chôn cất;</li> <li>11. Thường # 4 &amp; # 7 bị bỏ qua đối với các vị vua của Y-sơ-ra-ên</li> </ul>
---	--
- B. Có năm sáu cách khác nhau để phác thảo ngắn gọn tài liệu lịch sử lâu dài này:
  - 1. Bối nhân vật chính:
    - a. Đa-vít / Sô-lô-môn
    - b. Rô-bô-am / Giê-rô-bô-am I
    - c. A-háp (Giê-sa-bên) / Ê-li
    - d. Ê-li / Ê-li-sê
    - e. Ê-xê-chia / Ê-sai
    - f. Giô-si-a / Pha-ra-ôn Nê-cô
    - g. Giê-hô-Gia-kim / Giê-hô-Gia-kin / Nê-bu-cát-nét-sa
  - 2. Bối các quốc gia liên quan:
    - a. Chế độ quân chủ thống nhất
    - b. Y-sơ-ra-ên / Giu-đa
    - c. Sy-ri

- d. A-sy-ri
- e. Ba-by-lôn

C. Để xem chi tiết, xem:

1. E.J. Young, *An Introduction to the Old Testament*, pp.190-200
2. R.K. Harrison, *Introduction to the Old Testament*, pp.720-721
3. NIV Study Bible, pp. 468-469

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

A. Đây không phải là một lịch sử phương Tây mà là một lịch sử thần học cận đông cổ đại:

1. Tất cả các vị vua của miền Bắc đều bị kết án vì những bò con bằng vàng được thiết lập bởi Giê-rô-bô-am I để tượng trưng cho Đức Giê-hô-va.
2. Hai nhà lãnh đạo mạnh nhất miền Bắc, Ôm-ri và Giê-rô-bô-am II được giới thiệu một cách ngắn gọn và không có thành tựu chính trị và quân sự nào được đề cập đến.
3. Hai vị vua miền Nam được trình bày một cách chi tiết nhất là Ê-xê-chia và Giô-si-a. Họ được tán dương vì lòng trung thành của họ đối với Giao ước Môi-se và nỗ lực cải cách thuộc linh của họ.
4. Vị vua khác duy nhất khác được trình bày một cách chi tiết nữa là Ma-na-se, con trai của Ê-xê-chia. Nhưng điều này là vì ông vua này làm hoàn toàn ngược lại với cha mình và đưa quốc gia này vào tội lỗi to lớn.

B. Sách Các Vua tiếp tục chủ đề của Sa-mu-ên. Chúng tạo thành một lịch sử duy nhất của thời kỳ này. Sự nổi lên của chủ nghĩa tiên tri về chức thầy tế lễ được tiếp tục. Các tiên tri Ê-li và Ê-li-sê không viết sách, chiếm trọn một phần ba trong các sách I & II Các Vua!

C. Các vị vua bày tỏ sự xa rời dần dần của Dân sự Chúa khỏi Giao ước Môi-se. Điều này cuối cùng là sự sụp đổ của Sa-ma-ri (722 TCN) và sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (586 TCN). Đây là không phải do sự yếu đuối của Đức Giê-hô-va (*YHWH*) mà là do tội lỗi của dân sự và những người lãnh đạo của họ! Sự trung thành với Giao ước là vấn đề chính. Đức Giê-hô-va (*YHWH*) là thành tín! Sô-lô-môn, Giu-đa và Y-sơ-ra-ên thì không!

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

A. I CÁC VUA:

1. Thuật ngữ và cụm từ:

- a. "Như CHÚA hằng sống," 1:29 (NASB & NIV)
- b. "Cưỡi trên con la của ta," 1:33 (NASB & NIV)
- c. "Năm các sừng của bàn thờ," 1:50; 2:28 (NASB & NIV)
- d. Gia-kin và Bô-ách, 7:21 (NASB & NIV)
- e. "Dang tay ra đưa lên trời," 8:22 (NASB & NIV)
- f. "Ngón tay út của tôi lớn hơn những thớ thịt lưng của cha tôi" 12:10 (NIV, "... lớn hơn lưng của cha tôi ")
- g. Các bò con bằng vàng, 12:28 (NASB & NIV)
- h. "Nhảy chung quanh bàn thờ ... tự cắt chúng" 18: 26,28 (NIV, "nhảy múa ... và chém ...")
- i. "Thời gian dâng của lễ ban chiều," 18:36 (NIV, "tại thời điểm dâng của lễ")
- j. "Một tiếng êm dịu nhỏ nhẹ " 19:12 (NIV, "một tiếng thì thầm nhẹ nhàng")

2. Nhân vật xác định một cách ngắn gọn:

- a. A-bi-sác, 1: 3
- b. Si-mê-i, 2: 8
- c. Hi-ram, 5: 1, 7:13
- d. Nữ vương nước Sê-ba, 10:10
- e. Át-tạt-tê, 11: 5

- f. Mo-lóc, 11: 7
- g. Si-sắc, 11:40
- h. Ôm-ri, 16:16
- i. Na-bốt, 21: 1
- j. Mi-chê, 22:24

## B. II CÁC VUA

1. Thuật ngữ và cụm từ:
  - a. "Xe ngựa và các con ngựa lửa", 2:11; 6:17 (NASB & NIV)
  - b. "Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va," 3: 2 (NIV, "... mắt của ...")
  - c. "Hãy thắt lưng người" 4:29 (NIV, "kéo áo choàng của bạn vào dây nịch lưng")
  - d. "Một góc tư ô phần chim bồ câu 6:25 (NIV, "một rỗ hạt giống ")
  - e. "Con rắn bằng đồng mà Môi-se đã làm," (*nehshstan*) 18: 4 (NASB & NIV)
  - f. "Người xây hồ chứa nước và kinh dẫn nước" 20:20 (NIV, "... một đường hầm")
  - g. "Cơ binh trên trời " 21: 3 (NIV, "binh lính trên cao")
  - h. "Sách Luật pháp," 22: 8 (NASB & NIV)
  - i. Tô-phết, 23:10 (NASB & NIV)
  - j. "Cái biển bằng đồng", 25:13 (NASB & NIV)
2. Nhân vật xác định một cách ngắn gọn:
  - a. Ghê-ha-xi, 4:12
  - b. Na-a-man, 5: 1
  - c. A-tha-li, 11: 1, 3
  - d. Phun, 15:19
  - e. San-chê-ríp, 18:13
  - f. Ma-na-se, 21: 1
  - g. Hun-đa, 22:14
  - h. Nê-cô, 23:29
  - i. Giê-hô-Gia-kin, 24: 8
  - j. Sê-ra-gia, 25:18
  - k. Ghê-đa-lia, 25:22

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ (theo số)

### A. I Các Vua:

1. Ên-rô-ghên, 1: 9 (Giê-ru-sa-lem)
2. Ghi-hôn, 1:33 (Giê-ru-sa-lem)
3. A-na-tốt, 2:26
4. Khe suối của Ai Cập, 8:65 (NIV, "suối cạn của Ai Cập")
5. Mê-ghi-đô, 9:15
6. Ê-xi-ôn-ghê-be, 9:26
7. Si-chem, 12: 1
8. Phê-nu-ên, 12:25
9. Khe suối của Xết-rôn, 15:13 (NIV, "Thung lũng Xết-rôn")
10. Ki-nê-rôt, 15:20 (NIV, "*Kinnereth*")
11. Sa-ma-ri, 16:24
12. Núi Cạt-mên, 18:20
13. Suối của Ki-sôn, 18:40 (NIV, "Thung lũng Ki-sôn")
14. Gít-rê-en, 18:45

### B. II Các Vua:

1. Éc-rôn, 1: 2
2. Sông A-ba-na và Bạt-Ba, 5:12
3. Đô-than, 6:13
4. Sê-la, 14: 7
5. Ê-lát, 14:22
6. La-ki, 18:14
7. Thung lũng của các con trai của Hi-nôm, 23:10 (NIV, "... của Ben Hi-nôm")
8. Mê-ghi-đô, 23:30
9. Ríp-la, 25: 6

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

### A. I CÁC VUA:

1. Liệt kê một số lý do tại sao có quá nhiều bất ổn trong gia đình của Đa-vít.
2. Tại sao Sô-lô-môn lại có quá nhiều vợ? Họ đã ảnh hưởng đến ông ở tuổi già như thế nào?
3. Tại sao có quá nhiều không gian và chi tiết cho đền thờ?
4. Tại sao chế độ quân chủ thống nhất tan vỡ?
5. Mô tả sự thờ phượng Ba-anh / A-sê-ra.
6. Ngụ ý thần học của 22: 18-23 là gì?

### B. II CÁC VUA:

1. Giải thích ngụ ý của 5: 15-18.
2. Giải thích các ngụ ý của 19:19.
3. Liệt kê những điểm mạnh của Ê-xê-chia và tội lỗi của Ma-na se.
4. Cụm từ (22: 8), "Tôi đã tìm thấy cuốn sách của Luật" liên quan tới điều gì?
5. Giao ước của Đức Giê-hô-va (*YHWH*) có điều kiện hay vô điều kiện?

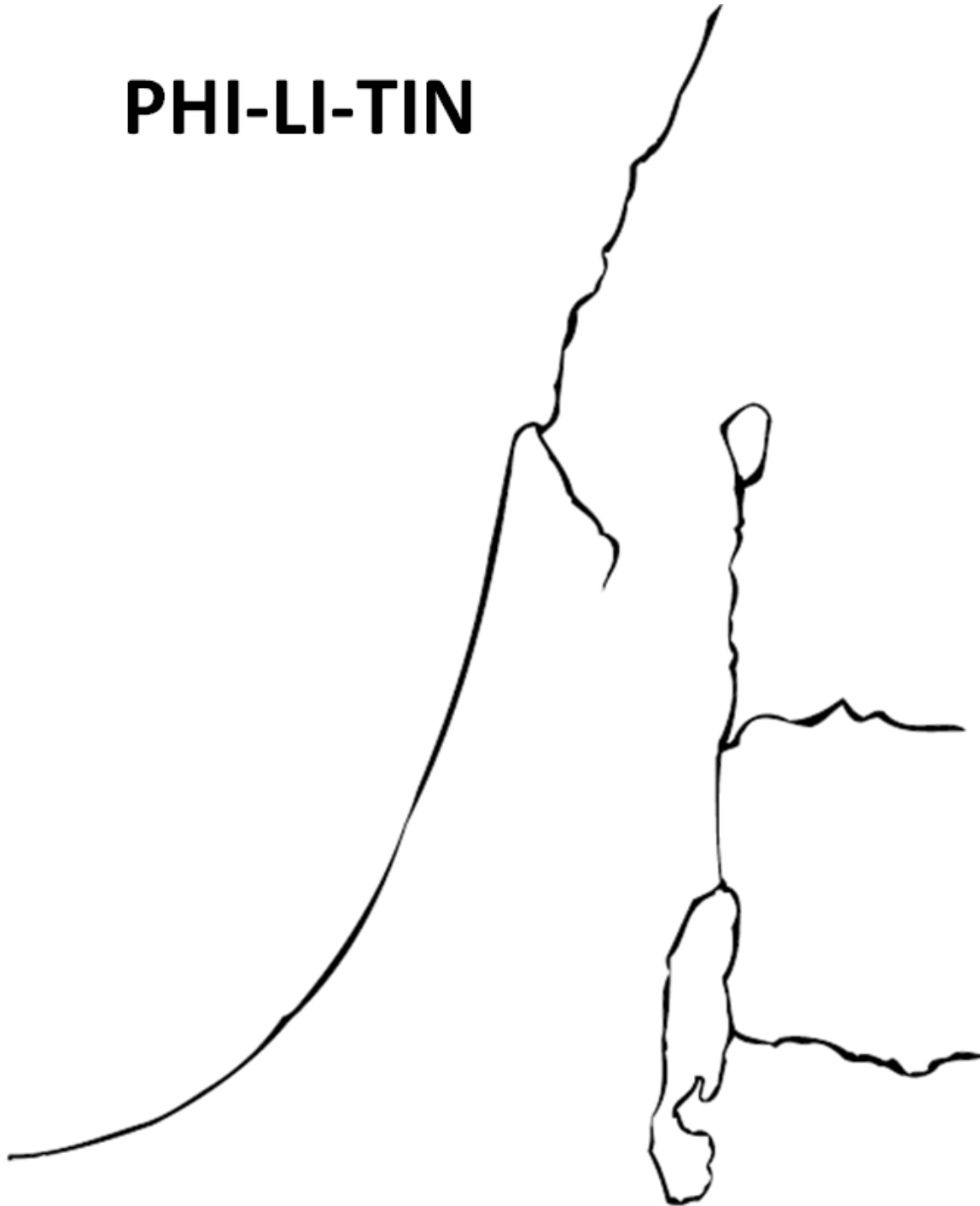


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

THỜI CẬN ĐÔNG

CỔ ĐẠI

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

CÁC VUA CỦA VƯƠNG QUỐC BỊ CHIA ĐỐI

CÁC VUA GIU-ĐA (I Sứ ký 3:1-16; Ma-thi-ơ 1:6-11)					CÁC VUA Y-SƠ-RA-ÊN				
Tên & Niên đại	Bright	Young	Harrison	Bản văn Kinh Thánh	Tên & Niên đại	Bright	Young	Harrison	Bản văn Kinh Thánh
<b>Rô-bô-am</b>	922-915	933-917	931/30-913	I Các Vua 11:43-12:27; 14:21-31 II Sứ-ký 9:31-12:16	<b>Giê-rô-bô-am I</b>	922-901	933-912	931/30-910/09 I	I Các Vua 11:26-40; 12:12-14:20
<b>A-bi-gia (Abijam)</b>	915-914	916-914	913-911/10	I Các Vua 14:31-15:8 II Sứ-ký 11:20,22					
<b>A-sa</b>	913-873	913-873	911/10-870/69	I Các Vua 15:8-30; 16:8,10,23,29; 22:41,43,46 Giê-rê-mi 41:9	<b>Na-đáp</b>	901-900	912-911	910/09-909/08	I Các Vua 14:20; 15:25-31
					<b>Ba-ê-sa</b>	900-877	911-888	909/08-886/85	I Các Vua 15:16-16:7; II Các Vua 9:9 II Sứ-ký 16:1-6 Giê-rê-mi 41:9
<b>Giô-sa-phát</b>	873-849	873-849	870/69-848	I Các Vua 15:24; 22:1-51 II Các Vua 3:1-12; 8:16-19 I Sứ-ký 3:10 II Sứ-ký 17:1-21:1	<b>Ê-la</b>	877-876	888-887	886/85-885/84	I Các Vua 16:8-14
<b>(Giô-ram đồng nhiếp chính)</b>	-----	-----	853-848	I Các Vua 22:50 II Các Vua 1:17; 8:16; 12:18	<b>Xim-ri (Tướng quân)</b>	876	887	885/84	I Các Vua 16:9-20 II Các Vua 9:31
					<b>Ôm-ri (Tướng quân)</b>	876-869	887-877	885/84-874/73	I Các Vua 16:15-28 II Các Vua 8:26 Mi-chê 6:16
<b>Giô-ram (Joram)</b>	849-842	849-842	848-841	I Sứ-ký 22:1-20 Ma-thi-ơ 1:8					
<b>A-cha-xia</b>	842	842	-----	II Các Vua 8:24-9:29 II Sứ-ký 22:1-9	<b>A-háp</b>	869-850	876-854	874/73-853	I Các Vua 16:29-22:40
					<b>A-cha-xia</b>	850-849	854-853	853-852	I Các Vua 22:40, 41, 49, 51-53 II Sứ-ký 18:1-3,19
<b>A-tha-li (Nữ hoàng)</b>	842-337	842-836	841-835	II Các Vua 8:26; 11:1-20 II Sứ-ký 22:2-23:21	<b>Giô-ram (Joram)</b>	849-842	853-842	852-841	II Các Vua 1:17; 3:1-27; 8:16-9:29
<b>Giô-ách (Jehoash)</b>	837-800	836-797	835-796	II Các Vua 11:2-3; 12:1-21 II Sứ-ký 22:11-12; 24:1-27	<b>Giê-hu (Tướng quân)</b>	842-815	842-815	841-814/13	I Các Vua 19:16-17 II Các Vua 9:1-10:36; 15:12 II Sứ-ký 22:7-9 Ô-sê 1:4



CAC VUA GIU-ĐA (I Sử ký 3:1-16; Ma-thi-ơ 1:6-11) (tiếp theo)					CAC VUA Y-SO-RA-EN (tiếp theo)				
Tên & Niên đại	Bright	Young	Harrison	Bản văn Kinh Thánh	Tên & Niên đại	Bright	Young	Harrison	Bản văn Kinh Thánh
A-ma-xia	800-783	797-779	796-767	II Các Vua 12:21; 14:1-22 II Sử ký 25:1-28					
(O-xia, Đồng nghiệp chính)	-----	-----	791.90-767	II Các Vua 14:21; 15:1-7	Giô-a-cha	815-801	814-798	814/13-798	II Các Vua 10:35; 13:1-9
O-xia (A-xa-ria)	783-742	779-740	767-740/39	II Sử ký 26:1-23 O-sê 1:1; A-môt 1:1 Xa-cha-ri 14:5	Giô-ách	801-786	798-783	798-782/81	II Các Vua 13:9-13,25 II Sử ký 25:17-25 O-sê 1:1; A-môt 1:1
(Giô-tham Đồng nghiệp chính)	750-742	-----	750-740/39	II Các Vua 15:7,32-38	(Giê-rô-bô-am II đồng nghiệp chính)	-----	-----	793/92-782/81	II Các Vua 13:13; 14:16,23-29 O-sê 1:1
Giô-tham	742-735	740-736	740/39-732/31	I Sử ký 5:17 II Sử ký 26:23-27:9 E-sai 1:1; 7:1 O-sê 1:1; Mi-chê 1:1	Giê-rô-bô-am II Xa-cha-ri	786-746 746-745	783-743 743	782/81-753 753-752	A-môt 1:1; 7:9-11 II Các Vua 15:8-12
(A-háp đồng nghiệp chính)	-----	-----	744/43-732/31	II Các Vua 15:30-16:20 II Sử ký 27:9-28:27	Sa-lum	745	743	752	II Các Vua 15:10,13-15
A-háp	735-715	736-728	732/31-716/15	E-sai 1:1; 7:1ff; 14:28; 38:8 O-sê 1:1; Mi-chê 1:1	Mê-na-hem	745-738	743-737	752-742/41	II Các Vua 15:14,16-22
(E-xê-chia Đồng nghiệp chính)	-----	-----	729-716/15	II Các Vua 16:20; 18:1-20,21 II Sử ký 28:27-32:33 Châm ngôn 25:1	Phê-ca-hia	738-737	737-736	742/41-740/39	II Các Vua 15:23-26
E-xê-chia	715-687	727-699	716/15-687/86	E-sai 1:1; 36:1-39:8 O-sê 1:1; Mi-chê 1:1 Ma-thi-ơ 1:9-10	Phê-ca	737-732	736-730	740/39-732/31	II Các Vua 15:27-31; 16:5 II Sử ký 28:6; E-sai 7:1
(Ma-na-se đồng nghiệp chính)	-----	-----	696/95-687/86	II Các Vua 20:21-21:18; 23:12,26; 24:2	O-sê	732-724	730-722	732/31-723/22	II Các Vua 17:1-18
Ma-na-se	687/86-642	698-643	687/86-642/41	II Sử ký 32:33-33:20 Giê-rê-mi 15:4ff; II Các Vua 21:18-26	Sự sụp đổ của Sa-ma-ri về A-sy-ri	724 TCN	722 TCN	722 TCN	
A-môn	642-640	643-641	642/41-640/39	II Sử ký 33:20-25 Giê-rê-mi 1:2; Sô-phô-ni 1:1 I Các Vua 13:2-3					

CÁC VUA GIU-ĐA (I Sứ ký 3:1-16; Ma-thi-ơ 1:6-11) (tiếp theo)					CÁC VUA Y-SƠ-RA-EN (tiếp theo)				
Tên & Niên đại	Bright	Young	Harrison	Bản văn Kinh Thánh	Tên & Niên đại	Bright	Young	Harrison	Bản văn Kinh Thánh
<b>Giô-si-a</b>	610-609	640-609	640/39-609	II Các Vua 21:24; 22:1-23:30 II Sứ ký 33:25-35:27 Giê-rê-mi 1:2; Sê-phô-ni 1:1 Ma-thi-ơ 1:10-11					
<b>Giô-a-cha</b>	609 (3 tháng)	609	609	II Các Vua 23:30-34 II Sứ ký 36:1-4					
<b>Giê-hô-Gia-kim</b>	609-598	609-598	609-597	II Các Vua 23:34-24:6,19 II Sứ ký 36:4-8 Giê-rê-mi 1:3; 22:18-23; 25:1ff; 26:1ff; 27:1ff; 35:1ff; 36:1ff Đa-ni-ên 1:1-2					
<b>Giê-hô-Gia-kim</b>	598/97 (3 tháng)	598	597	II Các Vua 24:6, 8-17; 25:27-30 II Sứ ký 36:8-9 Giê-rê-mi 52:31; E-xê-chi-ên 1:2					
<b>Sê-đê-ki-a</b>	597-586	598-587	597-587	II Các Vua 24:17-25:7 II Sứ ký 36:10-11 Giê-rê-mi 1:3; 21:1-7; 24:8-10; 27:1ff; 32:4-5; 34:1-22; 37:1-39:7; 52:1-11					
<b>Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem về Ba-by-lôn</b>	586 TCN	587 TCN	587 TCN	Ca-thuong					

\*Để tham khảo một cuộc thảo luận tốt về vấn đề niên đại, xem E. R. Thiele, The Mysterious Numbers of the Hebrew Kings.

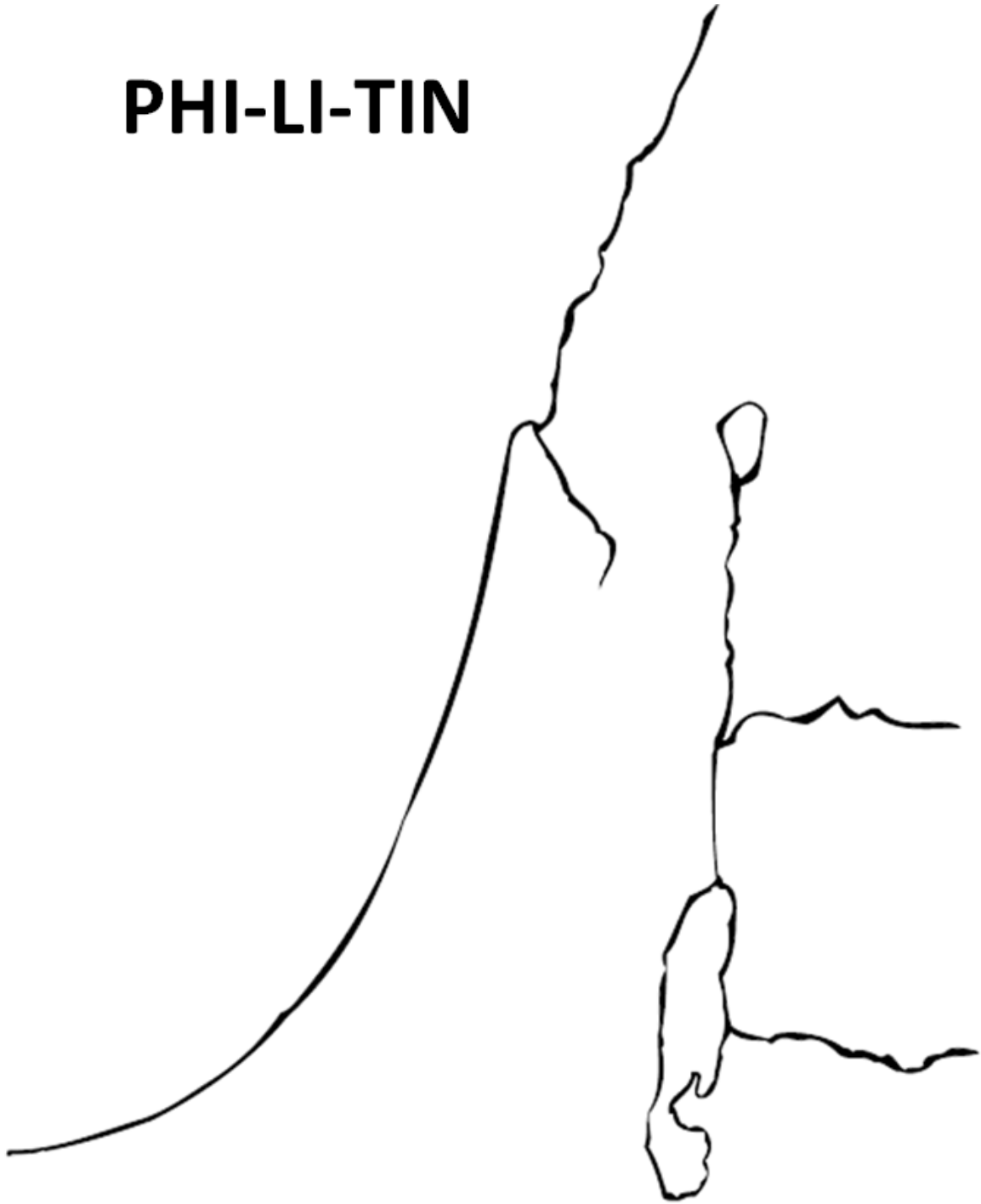


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ I & II SỬ KÝ

## I. TÊN SÁCH

- A. Tên của cuốn sách bằng tiếng Hê-bơ-rơ là "các từ (sự kiện) trong những ngày (năm)". Điều này có vẻ như được sử dụng trong ý nghĩa là biên niên sử. Những từ tương tự cũng thể hiện trong tựa đề của một số sách được đề cập đến như những nguồn văn bản trong I Các Vua, 14: 19,29; 15: 7,23,31; 16: 5,14,20,27; 22:46. Các cụm từ này được sử dụng hơn ba mươi lần trong I & II Các Vua và thường được dịch là "biên niên sử" hay "Sử ký".
- B. Bản LXX mang tên "những điều bị bỏ sót (liên quan đến các vị vua của Giu-đa)". Điều này ngụ ý rằng Biên niên sử là đối với sách Sa-mu-ên và Các Vua và cũng như Phúc âm theo Giảng đối với Các sách Phúc âm cộng quan.
- C. Je-rome, trong bản dịch tiếng La-tin của ông, Vul-gate, đã gọi nó là "Biên niên sử của toàn bộ lịch sử thánh" bởi vì gia phả của nó quay lại A-đam và những cuốn sách đồng hành của Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi liên quan đến Thời kỳ hậu lưu đày.
- D. I & II Sử ký ban đầu là một cuốn sách bằng tiếng Hê-bơ-rơ được phân chia bởi phiên bản LXX, giống như Sa-mu-ên và Các Vua.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Đây là cuốn sách cuối cùng của phần "Các tác phẩm" của Kinh điển Hê-bơ-rơ. Điều này có nghĩa nó là sách cuối cùng của Kinh thánh Hê-bơ-rơ.
- B. Vị trí của nó trong Kinh điển Hê-bơ-rơ ngụ ý rằng:
  - 1. Việc biên tập (trễ) muộn của nó;
  - 2. Bản chất tóm tắt của nó;
  - 3. Nó được xem như là một phụ lục;
  - 4. Nó được chấp nhận vào Kinh điển (trễ) muộn.
- C. Phiên bản LXX đặt nó sau Các Vua và trước Ê-xơ-ra. Điều ngạc nhiên là Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi được đặt trước Sử ký, có thể là do bản chất tóm tắt của Sử ký hoặc nó kết thúc bằng một chú thích tích cực.

## III. THỂ LOẠI

- A. Cuốn sách này là câu chuyện lịch sử nhưng theo một nghĩa thần học chọn lọc đặc biệt.
- B. Nó loại bỏ hầu hết các phương diện tiêu cực của các triều đại của:
  - 1. Đa-vít
  - 2. Sô-lô-môn
  - 3. Các Vua Giu-đa "tin kính":
    - a. A-sa
    - b. Giê-hô-sô-phát
    - c. Ô-xia
    - d. Ê-xê-chia
    - e. Giô-si-a

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Kinh thánh im lặng về quyền tác giả của sách này.
- B. Ba-ba Ba-thra 15a nói rằng Ê-xơ-ra đã viết gia-phổ của sách Sử ký về chính ông. Điều này được diễn giải theo hai cách:
1. Ê-xơ-ra đã viết Sử ký.
  2. Ê-xơ-ra viết hoàn thành lịch sử bắt đầu trong Sử ký cho đến thời đại của ông.
- C. Ê-xơ-ra 1: 1-4 và II Sử ký 36: 22-23 rất giống nhau trong tiếng Hê-bơ-rơ. Cả Young và Har-ri-son đều nói Sử ký được viết đầu tiên. Điều này một phần được xác nhận bởi một kỹ thuật ghi chép được những người ghi chép Ba-by-lon sử dụng liên kết hai tác phẩm với nhau bằng phương tiện của một "dòng ghi chú đầu trang" hoặc lời ghi cuối sách. Kỹ thuật này không thấy trong các tác phẩm Do Thái giáo. Điều này có nghĩa là Ê-xơ-ra đã sử dụng Sử ký như một sự giới thiệu lịch sử cho công việc của ông để viết tiếp tục lịch sử của người Do Thái.
- D. Tác giả của Sử ký và Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi có cùng sở thích thần học và quan điểm:
1. Tập trung vào Đền Thờ và chức tế lễ (đặc biệt là danh sách những người Lê-vi)
  2. Sử dụng rộng rãi các hồ sơ thống kê và gia-phổ.
  3. Các từ vựng và văn phong là tương tự
  4. Nó phải được nói ra, chúng cũng khác nhau:
    - a. Cách đánh vần các tên khác nhau.
    - b. Sử ký tập trung vào dòng dõi hoàng gia của Đa-vít trong khi Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi tập trung vào Giao ước Môi-se.
- E. Ông Wil-li-am Al-bright phân bổ quyền tác giả cho Ê-xơ-ra từ 428 đến 397 TCN. Việc Cải cách của Ê-xơ-ra được tìm thấy trong Ê-xơ-ra 7-10 xảy ra vào năm 458-457 TCN dưới thời Át-ta-xét-xe I.
- F. Sử ký sử dụng nhiều nguồn:
1. Kinh thánh đã viết trước đây:
    - a. Sử-ký sử dụng khoảng một nửa Sa-mu-ên và Các Vua hoặc ít nhất là cùng một nguồn.
    - b. I Sử ký dường như biết một số văn bản Cựu ước cụ thể:
      - (1) Sáng thế Ký 35:22 - 5: 1
      - (2) Sáng thế Ký 38: 7 - 2: 3
      - (3) Sáng thế Ký 38:30 - 2: 4,6
      - (4) Sáng thế Ký 46:10 - 4:24
      - (5) Sáng thế Ký 46:11 - 6:16
      - (6) Sáng thế Ký 46:13 - 7: 1
      - (7) Sáng thế Ký 46:21 - 7: 6,12
      - (8) Sáng thế Ký 46:24 - 7:13
      - (9) Ru-tơ 4: 18-21 - 2: 11-13
      - (10) I Sa-mu-ên 27:10 - 2: 9, 25-26
      - (11) I Sa-mu-ên 31: 1-6 - 10: 1-12
    - c. Phần Giới thiệu của Kinh Thánh nghiên cứu NIV về Sử ký bao gồm các nguồn:
      - (1) Ngũ Kinh
      - (2) Các Quan xét
      - (3) Ru-tơ
      - (4) I Sa-mu-ên
      - (5) Các Vua
      - (6) Thi-thiên
      - (7) Ê-sai
      - (8) Giê-rê-mi
      - (9) Ca-thương
      - (10) Xa-cha-ri

2. Những tài liệu lịch sử được viết từ vương quốc bị phân chia.
    - a. Có thể là tài liệu tòa án chính thức:
      - (1) Sử ký về Vua Đa-vít, I Sử ký 27:24
      - (2) Sách về các vị vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên, II Sử ký 16:11; 25:26; 28:26; 32:32
      - (3) Sách của các vua của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, II Sử ký 27: 7; 35:27; 36: 8
      - (4) Sách của các vị vua Y-sơ-ra-ên, I Sử-ký 9: 1; II Sử-ký 20:34
      - (5) Lời của các vị vua Y-sơ-ra-ên, II Sử-ký 24:27; 33:18
    - b. Tiên tri:
      - (1) Công vụ của Vua Đa-vít, I Sử-ký 29:29:
        - (a) Sử-ký của Sa-mu-ên, người tiên kiến
        - (b) Sử-ký của Na-than, vị tiên tri
        - (c) Sử-ký của Gát, người tiên kiến.
      - (2) Công vụ của Sô-lô-môn, II Sử-ký 9:29:
        - (a) Bản ghi của Tiên tri Na-than
        - (b) Lời tiên tri của A-hi-gia Shi-lo-nite
      - (3) Công vụ của Giê-rô-bô-am I trong sách Khải tượng của Giê-đô, người tiên kiến, II Sử-ký 9:29
      - (4) Công vụ của Rô-bô-am trong II Sử-ký 12:15:
        - (a) Bản ghi về tiên tri Sê-ma-gia
        - (b) Người Tiên kiến Giê-đô
      - (5) Công vụ của A-bi-gia trong II Sử-ký 13:22 bởi nhà tiên tri Giê-đô
      - (6) Công vụ của Giê-hu trong II Sử-ký 20: 34 bởi con trai của Ha-na-ni
      - (7) Công vụ của Ma-na-se trong II Sử-ký 33:19 bởi Hô-xai (LXX "người tiên kiến")
    - c. Bản ghi gia-phổ các chi phái:
      - (1) Si-mê-ôn, I Sử-ký 4:33
      - (2) Gát, I Sử-ký 5:17
      - (3) Bên-gia-min, I Sử-ký 7: 9
      - (4) A-se, I Sử-ký 7:40
      - (5) Tất cả Y-sơ-ra-ên, I Sử-ký 9: 1
      - (6) Những người gác cổng Lê-vi, 9:22 (ngụ ý là mỗi bộ phận Lê-vi cũng có bản ghi [xem I Sử-ký 23: 1ff; 28:13; II Sử-ký 35: 4]).
    - d. Nguồn nước ngoài:
      - (1) Thư của San-chê-ríp, II Sử-ký 32: 17-70
      - (2) Sắc lệnh của Si-ru, II Sử-ký 36: 22-23
- G. Giống như Ê-xơ-ra – Nê-hê-mi, Sử-ký liệt kê các gia phả của năm sáu người. Một số trong những người này mở rộng trong tương lai đến bốn, tới sáu thế hệ. Đã có hai cách để giải quyết vấn đề này:
1. Đây là những biên tập bổ sung;
  2. Đây là những gia đình đương thời, không phải là thế hệ.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Có hai văn bản trong Sử ký ngụ ý có một thời kỳ sau khi trở lại từ lưu đày đối với văn bản của Sử ký:
  1. I Sử-ký 3: 19-21. Đây là danh sách các dòng dõi của Giê-ru-ba-bên:
    - a. Một số người nói đến thế hệ thứ sáu.
    - b. Những người khác chỉ nói đến hai thế hệ, tiếp theo là danh sách bốn gia đình của Đa-vít là người đương thời với hai dòng dõi của Giê-ru-ba-bên – Phi-li-tin và Ê-sai (Young & Har-ri-son)
    - c. Phiên bản LXX mở rộng danh sách các dòng dõi của Giê-ru-ba-bên đến thế hệ thứ mười một (Điều này bày tỏ biên tập được cập nhật)
  2. I Sử-ký 3: 22-24 - đây là danh sách các dòng dõi của Sê-ca-nia được đề cập trong câu 21:
    - a. Một số người nói rằng danh sách là bốn thế hệ (Kinh Thánh nghiên cứu NIV)
    - b. Nếu điều này đúng thì niên đại của tác giả (người biên tập) được mở rộng từ gia phả của Giê-ru-ba-bên trong 3: 19-21

3. II Sử-ký 36: 22-23:
  - a. Điều này đề cập đến Si-ru II và sắc lệnh của ông cho phép tất cả những người bị chinh phục trở về nhà, kể cả người Do thái.
  - b. Si-ru II đã ban hành sắc lệnh của ông vào năm 538 TCN. Sự trở lại đầu tiên được thực hiện ngay lập tức bởi một hoàng tử Giu-đa được bổ nhiệm làm quan trưởng, Sét-ba-xa. Ông bắt đầu xây dựng lại Đền-thờ nhưng không hoàn thành. Sau đó, dưới thời vua Phơ-rơ-sơ, Đa-ri-út I, những người khác bắt đầu trở lại dưới Giê-ru-ba-bên của dòng dõi Đa-vít và Giô-suê là dòng dõi của thầy tế lễ thượng phẩm. Họ đã hoàn thành việc xây dựng lại đền thờ vào năm 516 TCN với sự khích lệ của A-ghê và Xa-cha-ri.
- B. Từ gia phả của cuốn sách, niên đại của tập biên soạn dường như nằm trong khoảng từ 500-423 TCN. Niên đại kết thúc này được bao gồm bởi vì nó dường như là sự ám chỉ lịch sử mới nhất trong Kinh thánh Cựu Ước. Đa-ri-út II được trao vương miện khoảng 428 TCN. Ông được đề cập trong Nê-hê-mi 12:22. Cũng thế, truyền thống nói rằng Kinh điển Cựu ước đã được hoàn thành vào khoảng thời gian này.
- C. I Sử-ký bao phủ cùng thời kỳ như I & II Sa-mu-ên, tuy nhiên, các gia phả của nó quay trở lại từ A-đam. II Sử-ký bao gồm cùng giai đoạn như I & II Các Vua nhưng mở rộng nó ra, gần như cho đến khi thời kỳ của Si-ru II.

## VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Có một số khác biệt thực sự giữa bản trình bày lịch sử của Sa-mu-ên và Các Vua so với của Sử-ký:
  1. Các con số trong Sử ký lớn hơn (Young, trang 394-400)
    - a. Điều này thường đúng, so sánh I Sử-ký 21: 5 với II Sa-mu-ên 24: 9
    - b. Thường Sử-ký có số lượng nhỏ hơn, so sánh I Các Vua 4:26 với II Sử-ký 9:29
    - c. Hầu hết các vấn đề về số cũng được tìm thấy trong phiên bản LXX có nghĩa là chúng ghi trước 250 TCN.
    - d. E. R. Thi-e-le, trong cuốn sách đột phá của ông, *The Mysterious Numbers of the Hebrew Kings, 1954, 1965*, giải thích sự khác biệt bằng cách:
      - (1) Hai hệ thống niên đại cho các triều đại:
        - (a) Năm lên ngôi;
        - (b) Các năm không lên ngôi.
      - (2) Đồng cai trị
  2. Sử ký nhấn mạnh những khía cạnh tích cực của các vị vua Giu-đa theo dòng dõi của Đa-vít.
  3. Sử-ký bỏ qua nhiều tài liệu tiêu cực về Đa-vít và Sô-lô-môn. Tuy nhiên, như Young chỉ ra (trang 395-398), nó cũng bỏ qua hầu như tất cả mọi thứ về cuộc sống riêng tư của họ, không chỉ tiêu cực mà còn một số phương diện tích cực.
  4. Sử-ký cũng bỏ qua tất cả các tham chiếu đến vương quốc phương Bắc. Lý do thì không chắc chắn. Nhiều người cho rằng đó là vì tất cả các vị vua phương Bắc bị lên án vì bỏ con vàng được dựng lên ở Đan và Bê-tên. Phương Nam được xem là dòng dõi Đa-vít thật sự duy nhất, trung thành (Mê-si)
- B. Tính giá trị lịch sử của Sử ký có xu hướng được hỗ trợ bởi:
  1. Trong các tài liệu gia-phả được song song bởi:
    - a. Sa-mu-ên
    - b. Các cuộn sách Biển Chết
    - c. Phiên bản LXX
  2. Khi tài liệu gia-phả của Sử ký được song song trong Sáng thế ký và Dân số ký trong Phiên bản Ma-so-re-tic và Ngũ kinh Sa-ma-ri, giá trị lịch sử của nó được hỗ trợ.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (Bối cảnh)

- A. Giới thiệu tóm tắt:
  1. Tài liệu gia-phả từ A-đam đến Sau-lơ, I Sử-ký 1: 1-9: 44



2. Triều đại của Đa-vít, I Sứ-ký 10: 1-29: 30
3. Triều đại của Sô-lô-môn, II Sứ-ký 1: 1-9: 31
4. Sự cai trị của các vua Giu-đa khác đến khi bị lưu đày và Si-ru, II Sứ-ký 10: 1-36: 23

B. Để biết phác thảo chi tiết, hãy xem:

1. E.J. Young, *An Introduction to the Old Testament*, pp. 401-402
2. R.K. Harrison, *Introduction to the Old Testament*, pp. 1152-1153
3. NIV Study Bible, pp. 581-582

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Đây là sử dụng một lịch sử thần học chọn lọc của Giu-đa nhưng mở rộng các dữ liệu song song trong I & II Sa-mu-ên và I & II Các Vua.
- B. Điều này được viết cho một cộng đồng sau thời kỳ lưu đày, đó là những người rất cần biết rằng Giao ước Đức Chúa Trời vẫn là Đức Chúa Trời của họ. Đền thờ (vì không có vua) là trọng tâm của sự đổi mới của Giao ước của Đức Chúa Trời. Giao ước vẫn còn có điều kiện về sự vâng phục các quy định của Đức Chúa Trời với Môi-se.
- C. Nó chủ yếu tập trung vào lời hứa của Đức Chúa Trời đối với Đa-vít và các con trai của ông được tìm thấy trong II Sa-mu-ên 7:
  1. Xử lý chỉ với các con trai của Đa-vít và cuối cùng là Vua Mê-si.
  2. Cho một dữ liệu tích cực về triều đại của Đa-vít, Sô-lô-môn và các vị vua "tin kính" của Giu-đa.
  3. Ghi lại sự phục hưng của người Hê-bơ-rơ đến Giê-ru-sa-lem bởi Si-ru II, 36: 22-23
  4. Nhấn mạnh một vị vua tương lai dòng dõi Đa-vít (Mê-si). Việc này được thực hiện qua sự ghi lại những triều đại "tin kính" của Đa-vít, Sô-lô-môn và các vị vua tin kính của Giu-đa. Điều hy vọng về Đấng Mê-si này cũng được bày tỏ trong Xa-cha-ri và – Ma-la-chi.
- D. Cũng có một sự nhấn mạnh vào tất cả mọi dân sự của Đức Chúa Trời được hiệp một. Điều này được nhìn thấy bằng cách sử dụng cụm từ tập thể "tất cả Y-sơ-ra-ên" (xem I Sứ-ký 9: 1; 11: 1-3,4; 12:38; 16: 3; 18:14; 21: 1-5; 28: 1-8; 29: 21,23,25; II Chron. 1: 2; 2: 8; 9:30; 10: 1,16; 12: 1; 18:16; 28:23; 29:24; 30: 1,6,25-26; 34: 7, 9, 33).
- E. Gia-phô được sử dụng:
  1. Giống như những dân sự ở Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi, để cho thấy rằng Y-sơ-ra-ên được khôi phục là sự hợp pháp của Y-sơ-ra-ên cũ.
  2. Để tóm tắt lịch sử của người Do Thái từ thời của A-đam.

\*Bởi vì I & II Sứ ký về cơ bản là các sự kiện tương tự như I & II Sa-mu-ên và I & II Các Vua, sẽ không có thuật ngữ, bản đồ hoặc câu hỏi cho hai cuốn sách này!

# GIỚI THIỆU VỀ Ê-XƠ-RA

## I. TÊN SÁCH

- A. Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi là một cuốn sách trong Kinh điển Hê-bơ-rơ (MT). Ba-ba Bath-ra 15a. gọi nó là Ê-xơ-ra.
- Điều này là không bình thường vì rõ ràng cả hai đều chứa cùng một danh sách gia phả: Ê-xơ-ra 2: 1ff và Nê-hê-mi 7: 6-20.
  - Bởi vì các danh sách, mặc dù hơi khác nhau, về cơ bản giống nhau, ngụ ý ban đầu đây là hai cuốn sách.
  - Điều này được xác nhận bằng cách sử dụng từ ngữ "Tôi" trong các phần ở cả Ê-xơ-ra 7-10 và Nê-hê-mi.
- B. Chúng có thể được kết hợp bởi vì chức vụ của Ê-xơ-ra (Ê-xơ-ra 7-10) được tiếp tục trong Nê-hê-mi 8-10.
- C. Các tựa đề của Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi khác nhau giữa các bản dịch cổ xưa:

LXX	Vul-gate	Wyc-liffe & Tiếng Anh Co- ver-dal	Tiếng Anh hiện đại
Esd-ra B (Be-ta)	Esd-ras I	I Ê-xơ-ra	Ê-xơ-ra
Esd-ra C (Gam-ma)	Esd-ras II	II Ê-xơ-ra	Nê-hê-mi
Esd-ra A (Al-pha)	Esd-ras III	---	I Esd-ras (không-kinh điển)
---	Esd-ras IV	---	II Esd-ras (không-kinh điển)

- D. Bản văn tiếng Hê-bơ-rơ đầu tiên phân chia những cuốn sách này là ấn bản năm 1448 SCN của MT.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Sách Ê-xơ-ra là một phần của phần thứ ba của kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các Tác phẩm".
- B. Nó được đặt trong phiên bản MT trước Sử ký. Đây là một sự sắp xếp bất thường. Theo thứ tự thời gian nên là Sử ký, sau đó là Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi. Có một số lý thuyết (xem Nê-hê-mi, II. B).

## III. THỂ LOẠI

- A. Chuyện kể lịch sử trong văn xuôi.
- B. Sách bao gồm nhiều trích dẫn từ các tài liệu khác:
- Tiếng Phơ-rơ-sơ
  - Tiếng Do Thái

## IV. BẢN QUYỀN:

- A. Ba-ba Bath-ra 15a nói rằng Ê-xơ-ra đã viết cuốn sách của ông nhưng điều này không ngụ ý rằng ông cũng đã viết Nê-hê-mi. Như một vấn đề thực tế, các nguồn Do Thái khác (Gemara) nói rằng Nê-hê-mi đã hoàn thành nó (Ê-xơ-ra – Nê-he-mi). Ghi chú cuối của phiên bản MT chỉ được tìm thấy ở cuối sách Nê-hê-mi.

- B. Jo-seph-us trong *Contra Apion*, 1: 8, và Me-li-to của Sar-dis được trích dẫn bởi Eu-se-bi-us' *Ecclesiastical History* IV: 26, cả hai đều khẳng định quyền tác giả của Ê-xơ-ra.
- C. Một phần của Ê-xơ-ra đề cập đến cuộc đời của Ê-xơ-ra, người ghi chép (chương 7-10) được viết theo ngôi thứ nhất, 7: 27-28; 8: 1-34; 9: 1ff. Ê-xơ-ra là một thầy tế lễ dòng dõi Xa-đốc và là một người ghi chép ở tòa án Phơ-rơ-sơ của Át-tê-xét-xê I (465-424 TCN).
- D. Có nhiều điểm tương đồng giữa Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi và Sử-ký:
1. Sự kết thúc của II Sử-ký 36: 22-23 gần như chính xác như Ê-xơ-ra 1: 1-4 trong tiếng Hê-bơ-rơ
  2. Cả hai đều có cùng quan điểm thần học:
    - a. Tập trung vào Đền Thờ và chức tế lễ (đặc biệt là danh sách những người Lê-vi)
    - b. Sử dụng rộng rãi các hồ sơ thống kê và gia-phổ.
  3. Từ vựng và văn phong của chúng cũng tương tự
  4. Cả hai đều sử dụng tiếng Hê-bơ-rơ muộn
  5. Tuy nhiên, thật sự cần phải được nêu rõ rằng có sự khác biệt đáng chú ý:
    - a. Trong sự đánh vần các tên hoàng gia;
    - b. Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi tập trung vào giao ước với Môi-se trong khi I & II Sử-ký tập trung vào giao ước với Đa-vít.
- E. O-ri-gen (185-253 SCN), học giả Cơ đốc giáo của A-le-xand-ria, là người đầu tiên chia sách thành ra hai cuốn sách Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi. Je-rome cũng làm như vậy trong phiên bản Vul-gate tiếng La-tin của ông ấy.
- F. Bản thảo tiếng Hê-bơ-rơ đầu tiên để chia sách là vào năm 1448 SCN. Rõ ràng vào thời điểm này, người Do Thái chỉ mong ước có 22 cuốn sách trong Cựu ước để phù hợp với 22 chữ cái trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ không còn nữa.
- G. Tác giả / người biên soạn sử dụng nhiều nguồn:
1. Tài liệu tiếng Phơ-rơ-sơ
  2. Hồ sơ Do Thái:
    - a. Danh sách các chậu từ ngôi đền của Đức Giê-hô-va ở Ba-by-lôn, 1: 9-11; 7: 19-20
    - b. Danh sách những người lưu đày trở về, 2: 1-70; 8: 1-20
    - c. Gia phả của Ê-xơ-ra, 7: 1-5
    - d. Danh sách những người liên quan đến hôn nhân hỗn hợp, 10: 18-43

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Ê-xơ-ra là một thầy tế lễ thuộc dòng dõi Xa-đốc (7: 2) và là một người ghi chép vào thời trị vì của Át-ta-xét-xê I (465-424 TCN):
1. Ê-xơ-ra đến Giê-ru-sa-lem vào năm thứ 7 của Át-ta-xét-xê I, 458 TCN, với làn sóng thứ ba trở về của những người Do Thái bị lưu đày.
  2. Nê-hê-mi đến Giê-ru-sa-lem trong năm thứ hai mươi năm của Át-ta-xét-xê I, 445 TCN, như một thống đốc Phơ-rơ-sơ.
- B. Có vẻ như các gia phả của Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi đặt tác giả hoặc người biên soạn vào cuối Thế kỷ 5 TCN:
1. Đây cho là I Sử-ký. 3: 15-24 liệt kê bốn thế hệ sau Xô-rô-ba-bên, không phải sáu;
  2. Đây cho là Gia-đưa của Nê-hê-mi. 12: 10-11 là:
    - a. Không giống như Gia-đưa mà Jo-seph-us đặt trong thời đại A-le-xan-der Đại đế (336- 323 TCN);
    - b. Hoặc rằng gia-phả này đã được thêm vào bởi một biên tập viên, sau khi bản gốc được viết, để nâng cấp thông tin;
    - c. Hoặc rằng ông ấy còn rất trẻ trong thời kỳ của Nê-hê-mi và sống đến rất già trong thời kỳ của A-le-xan-der.

- C. Điều này sẽ đặt quyền tác giả của những lịch sử liên quan này về:
1. 440 TCN cho Ê-xơ-ra
  2. 430 TCN cho Nê-hê-mi
  3. 400 TCN cho Sứ-ký

## VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Hình thức tài liệu ở trong Ê-xơ-ra theo mẫu và phong cách của các tài liệu chính thức của Thời kỳ Phơ-rơ-sơ:
1. Sắc lệnh của Si-ru (bản dịch tiếng Hê-bơ-rơ), 1: 2-4. (về việc trở về Giê-ru-sa-lem và đền thờ)
  2. Biểu tấu pháp lý của Rê-hum dâng lên Át-ta-xét-xe I, 4: 7-16. (về các bức tường của Giê-ru-sa-lem)
  3. Sự phản ứng của Át-ta-xét-xe I, 4: 17-22
  4. Biểu tấu pháp lý của Tát-tê-nai dâng lên Đa-ri-út I, 5: 6-17
  5. Đáp ứng của Đa-ri-út I (về đền thờ):
    - a. Trích dẫn sắc lệnh của Si-ru, 6: 2-5
    - b. Đáp ứng riêng của Đa-ri-út đối với Tát-tê-nai, 6: 6-12,13
  6. Sắc lệnh của Át-ta-xét-xe I cho Ê-xơ-ra, 7: 12-26
- B. Tờ giấy E-le-phan-tine (408 TCN) đã thiết lập tính lịch sử của Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi bằng cách nhắc đến San-ba-lát (Sin-U-bal-lit ở Ba-by-lon), Nê-hê-mi 2: 10,19; 4: 1. Nó cũng thể hiện phong cách của tiếng A-ram hoàng gia.
- C. Một số bát bạc đã được tìm thấy ở Su-cốt đã được ghi "cho con trai Qai-nu của Gê-sem," cho thấy tính lịch sử của Ge-shim người Ả Rập ở trong Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi, người cai trị vương quốc Kê-đa (xem Nê-hê-mi 2:19; 6: 1,6).

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (bối cảnh)

- A. Sự trở về Giê-ru-sa-lem sớm, 1: 1-2: 70
1. Trong triều đại Si-ru (550-530 TCN) Sét-ba-xa được bổ nhiệm làm thống đốc, 5:14. Ông là một hoàng tử Giu-đa, 1: 8, có thể là con trai của Giê-hô-gia-kin. Ông trở về Giê-ru-sa-lem với kho báu Đền thờ, 1: 1-11. Ông đặt nền móng của Đền thờ nhưng không thể hoàn thành nó, 5: 13-17.
  2. Trong triều đại của Si-ru và Đa-ri-út I (4: 5, 522-486 TCN). Xô-rô-ba-bên thuộc dòng dõi Đa-vít được bổ nhiệm thống đốc. Ông trở lại cùng với Giô-suê (hoặc Giê-sua) của dòng dõi cuối cùng thầy tế lễ thượng phẩm, đến Giê-ru-sa-lem, 2: 1-70.
- B. Sự tái lập sự thờ phượng Đức Giê-hô-va theo Môi-se tại Giê-ru-sa-lem bởi Xô-rô-ba-bên và Giô-suê, 3: 1-6: 22
1. Lễ hàng quán và dâng của lễ thiêu bắt đầu thường xuyên, 3: 1-13
  2. Các vấn đề chính trị trong việc hoàn thành các dự án xây dựng, 4: 1-24:
    - a. Đền thờ, 1-5, 24
    - b. Tường thành Giê-ru-sa-lem, 6-23
  3. Các tiên tri khuyến khích xây dựng lại nhưng phải đợi sự chấp thuận chính thức của Phơ-rơ-sơ, 5: 1-17
  4. Sắc lệnh của Si-ru đã được tìm thấy và được chính thức cho phép xây dựng lại Đền Thờ, 6: 1-22
- C. Sự trở về thứ ba dưới quyền Ê-xơ-ra, người ghi chép, 7: 1-10: 44
1. Gia phổ của Ê-xơ-ra và trở về Giê-ru-sa-lem, 7: 1-10
  2. Thư của Át-ta-xét-xe I gửi cho Ê-xơ-ra, 7: 11-26, và lời cầu nguyện cảm tạ, 7: 27-28
  3. Sự trở về, 8: 1-36
  4. Vấn đề hôn nhân hỗn hợp, 9: 1-10: 44

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi tiếp tục lịch sử của thời kỳ Phơ-rơ-sơ hậu lưu đày, nơi II Sử ký kết thúc
- B. Nó cho thấy giá trị chủng tộc của những người lưu đày trở về bằng cách:
  - 1. Gia phò chi phái mở rộng;
  - 2. Các bộ phận người Lê-vi mở rộng;
  - 3. Độc quyền tôn giáo của những người trở về liên quan đến các quốc gia xung quanh.
- C. Đức Chúa Trời đã tái lập giao ước với con cháu của Gia-cốp.
- D. Nó cho thấy sự phát triển của một mô hình thờ phượng mới tập trung vào nhà hội Do Thái địa phương và người ghi chép. Điều này, tất nhiên, không phải là loại trừ việc thờ phượng đền thờ ở Giê-ru-sa-lem.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT XÁC ĐỊNH TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ:
  - 1. "Để hoàn thành lời của Chúa bởi môi miệng của Giê-rê-mi," 1: 1 (NIV, "phán về ...")
  - 2. "Đức Chúa Trời của thiên đàng," 1: 2 (NASB & NIV)
  - 3. "Linh của mọi người được Đức Chúa Trời khuấy lên," 1: 5 (NIV, "... tấm lòng được Chúa cảm động")
  - 4. "Các vật trong nhà của Chúa," 1: 7 (NIV, "... thuộc đền thờ ...")
  - 5. U-rim và Thu-mim, 2:63 (NASB & NIV)
  - 6. "Các vùng bên kia sông", 4:16 (NIV, "khắp vùng Ô-phơ-rát")
  - 7. Thước đo, 6: 3 (NIV, "bộ anh")
  - 8. Sách Môi-se, 6:18 (NASB & NIV)
  - 9. Người ghi chép, 7: 6 (NIV, "giáo viên")
  - 10. Nê-thi-nim, 7:24 (NIV, "giúp việc đền thờ")
- B. Nhân vật nhận dạng ngắn gọn:
  - 1. Si-ru, 1: 1
  - 2. Mít-rê-đát, 1: 8; 4:17
  - 3. Sét-ba-xa, 1: 8,11; 5:14
  - 4. Xô-rô-ba-bên, 2: 2
  - 5. Giê-sua, 2: 2
  - 6. A-xuê-ru, 4: 6 (NIV, Xéc xe)
  - 7. Ô-náp-ba, 4:10 (NIV, A-shur-ba-ni-pal)

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ (theo số)

- 1. Sông Ô-phơ-rát
- 2. Giê-ru-sa-lem
- 3. Sa-ma-ri
- 4. Éc-ba-tan, 6: 2

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

- 1. Sét-ba-xa và Xô-rô-ba-bên liên quan như thế nào?
- 2. Câu 3: 6 có mâu thuẫn với câu 5:16?
- 3. Tại sao danh sách trong Ê-xơ-ra 2 lại xuất hiện trong Nê-hê-mi 7?
- 4. Danh hiệu Phơ-rơ-sơ đặc trưng cho vị thần được sử dụng thường xuyên như thế nào trong các cuốn sách sau lưu-đày cho Đức Giê-hô-va (*YHWH*)?

5. Các tiên tri A-ghê và Xa-cha-ri, được đề cập trong 5: 1, khuyến khích dân sự làm gì?
6. Tại sao Sắc lệnh của Si-ru lại quá quan trọng đối với người Do Thái?
7. "Hôn nhân hỗn hợp" là gì? Tại sao chúng lại quan trọng đối với Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi?

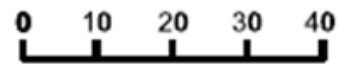
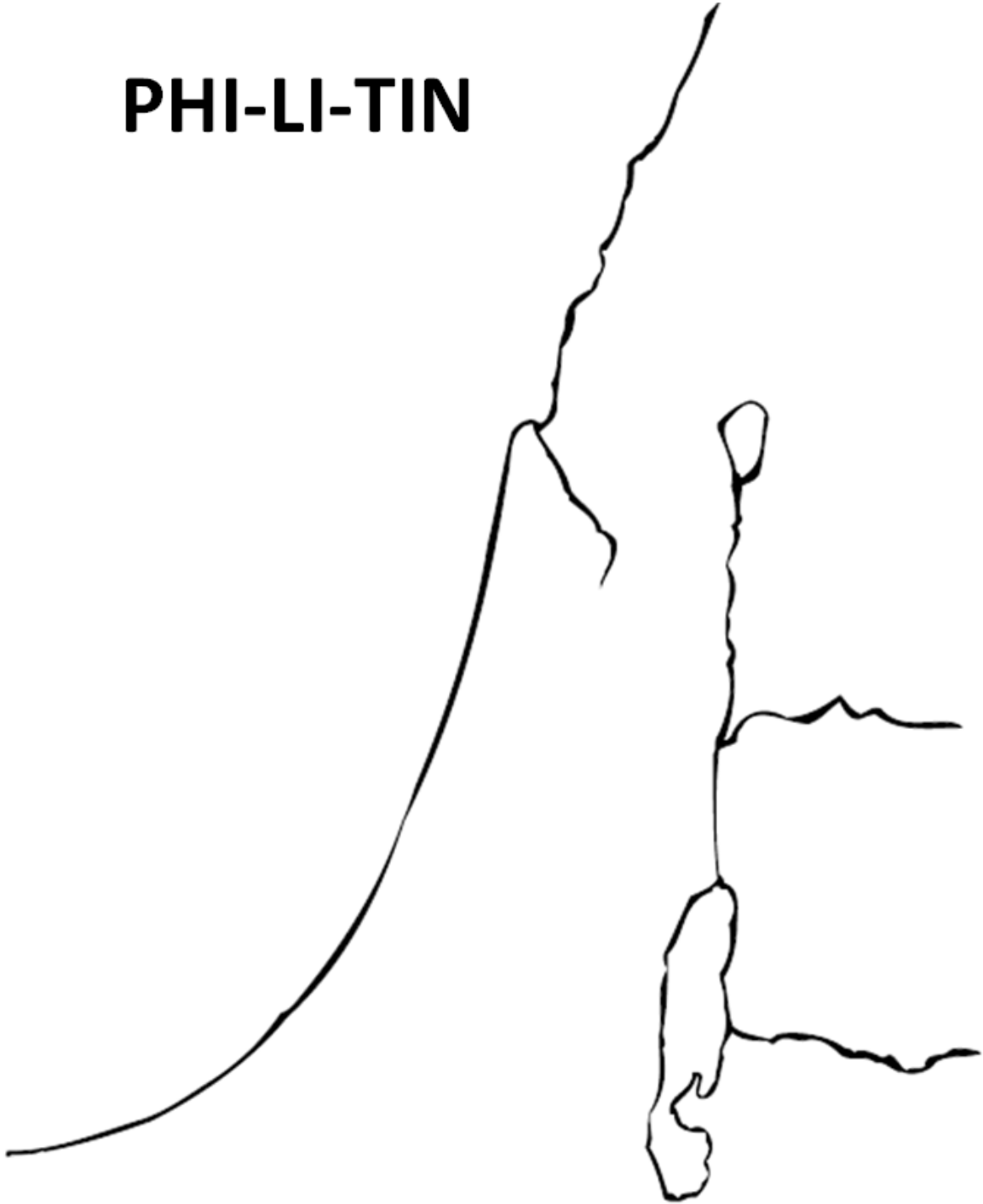


BẮC  
TÂY ————— ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ ĐẠI**

# PHI-LI-TIN



TỈ LỆ THEO DẶM



# GIỚI THIỆU VỀ NÊ-HÊ-MI

## I. TÊN SÁCH

- A. Ê-xơ-ra - Nê-hê-mi là một cuốn sách trong phiên bản MT có tên là Ê-xơ-ra. Các ghi chú cuối cùng của MT chỉ xuất hiện ở cuối sách Nê-hê-mi.
- B. Trong một cuộc thảo luận đầy đủ các tên khác nhau, cuốn sách này đã được gọi trong Phiên bản LXX và Vul-gate (cf. Giới thiệu về Ê-xơ-ra, I.)
- C. Danh xưng Nê-hê-mi có nghĩa là "Đức Giê-hô-va đã an ủi."

## II. KINH-ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách Ê-xơ-ra –Nê-hê-mi là một phần của phần thứ ba trong Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các tác phẩm".
- B. Sách xuất hiện trước "Sử ký", điều đáng ngạc nhiên từ lịch sử và theo thứ tự thời gian thì nó là tài liệu lịch sử tiếp theo của Sử ký. Một số người đã cố giải thích điều này bằng cách:
  - 1. Sử-ký là một bản tóm tắt từ A-đam đến Si-ru.
  - 2. Ê-xơ-ra –Nê-hê-mi được chấp nhận như là kinh điển trước tiên.
  - 3. Sử ký được đặt cuối cùng bởi vì người Do Thái muốn các Kinh-điển kết thúc bằng một ghi chú tích cực (sắc lệnh của Si-ru).
  - 4. Không ai thực sự biết các tiêu chí hoặc tính hợp lý của sự hình thành "các tác phẩm" phần của Kinh điển Hê-bơ-rơ.
- C. Phiên bản tiếng Hê-bơ-rơ đầu tiên MT chia chúng ra là vào năm 1448 SCN.
- D. Tuy nhiên, thật là hiển nhiên từ bằng chứng nội bộ rằng chúng ban đầu là hai cuốn sách:
  - 1. Danh sách gia-phổ rộng rãi của Ê-xơ-ra 2 được lặp lại ở Nê-hê-mi 7: 6-70. Các tên được viết hơi khác một chút;
  - 2. Có các phần "Tôi" trong Ê-xơ-ra 7: 27-28; 8: 1-34; 9: 1ff và các phần "Tôi" ở Nê-hê-mi.
- E. Tại sao chúng được kết hợp?
  - 1. Chúng tạo thành một lịch sử.
  - 2. Điều đã được khẳng định rằng lý do mà Ê-xơ-ra –Nê-hê-mi được kết hợp trong Kinh điển Hê-bơ-rơ là để có số lượng sách trong Cựu ước phù hợp với số phụ âm trong bảng chữ cái tiếng Hê-bơ-rơ. Điều này có nghĩa là các sách sau đây được kết hợp:
    - a. Các Quan xét và Ru-tơ
    - b. Sa-mu-ên
    - c. Các Vua
    - d. Sử ký
    - e. Ê-xơ-ra –Nê-hê-mi
    - f. Giê-rê-mi – Ca-thương
    - g. Mười hai Tiểu Tiên Tri
  - 3. Chức vụ của Ê-xơ-ra bắt đầu trong Ê-xơ-ra 7-10, và được tiếp tục trong Nê-hê-mi 8-10.
- F. Phiên bản tiếng Hê-bơ-rơ đầu tiên MT để phân chia chúng là vào năm 1448 SCN.

- G. Điều thú vị là kinh điển đầu tiên của Sy-ri và The-o-dore của Mop-su-es-ti-a (một lãnh đạo của Trường phái thông giải An-ti-o-chean) đã bỏ qua Sứ-ký, Ê-xơ-ra –Nê-hê-mi khỏi danh sách các cuốn sách được soi dẫn.

### III. THỂ LOẠI

- A. Xem Ê-xơ-ra IV, D (tương đồng giữa Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi, và Sứ-ký)  
B. Xem Ê-xơ-ra IV, G (sử dụng tài liệu)

### IV. BẢN QUYỀN

- A. Ba-ba Bath-ra 15a nói Ê-xơ-ra –Nê-hê-mi là một cuốn sách được viết bởi Ê-xơ-ra.  
B. Ge-ma-ra nói rằng Nê-hê-mi đã giúp viết sách (Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi).

### V. NIÊN-ĐẠI

- A. Các học giả của thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 SCN tin những cuốn sách của Ê-xơ-ra –Nê-hê-mi và Sứ-ký đã được viết trong thời kỳ thế kỷ thứ tư TCN vì:
1. Dòng dõi của Giô-suê, thầy tế lễ thượng phẩm đi cùng Xô-rô-ba-bên trong lần trở về thứ hai (dưới thời Si-ru) là Gia-đua; ông ta được liệt kê trong Nê-hê-mi 12: 10-11, 22.
  2. Họ khẳng định rằng Gia-đua này đã được Jo-seph-us nhắc đến (*Antiquities, XI: 302-7*) là thầy tế lễ thượng phẩm (351-331 TCN) tại thời điểm A-le-xan-der Đại-đế xâm lược Phi-li-tin năm 333-332 TCN;
  3. Điều này liên kết với sáu thế hệ của Xô-rô-ba-bên được liệt kê trong I Sứ-ký 3: 19-24;
  4. Hầu hết các học giả này cũng ủng hộ ý kiến cho rằng Ê-xơ-ra đã trở về trong triều đại Át-ta-xét-xe II (404-358 TCN) trong khi Nê-hê-mi trở về dưới triều đại của Át-ta-xét-xe I (465- 424 TCN);
  5. Nê-hê-mi 12:26, 47 bày tỏ người biên tập / biên soạn sau này.
- B. Các học giả bảo thủ thế kỷ 20 đã khẳng định một niên đại cho ba cuốn sách này trong thời kỳ Thế kỷ thứ 5 TCN vì:
1. Gia-đua của Nê-hê-mi 12: 10-11, 22 có thể là:
    - a. Rất trẻ khi được đề cập và sống một cuộc đời rất dài. Ông ta không được liệt kê là Thầy Tế lễ thượng phẩm ở trong Nê-hê-mi;
    - b. Không phải cùng một Gia-đua, mà là cháu trai cùng tên (cf. the *Expositor's Bible Commentary*, vol. 4 p. 596-586);
    - c. Jo-seph-us đã rút ngắn thời kỳ của Phơ-rơ-sơ một cách sai lầm bởi vì tên của những người cai trị Phơ-rơ-sơ được lặp đi lặp lại trong thế kỷ thứ năm và thứ tư TCN:
      - (1) Át-ta-xét-xe
      - (2) Đa-ri-út
  2. Gia phổ của Xô-rô-ba-bên trong I Sứ-ký 3: 19-24 chỉ đi tới:
    - a. Hai thế hệ (Young & Har-ri-son)
    - b. Bốn thế hệ
  3. Không có sự ám chỉ lịch sử cho các sự kiện lớn ảnh hưởng đến Phi-li-tin trong Thế kỷ thứ tư TCN:
    - a. Cuộc xâm lăng của A-le-xan-der Đại đế (333-332 TCN)
    - b. Cuộc nổi dậy đã bị đập tan bởi Át-ta-xét-xe III (358-338 TCN)
  4. Có thể là ngay cả khi Gia-đua là đương thời với A-le-xan-der Đại đế thì danh sách người Lê-vi này đã được thêm vào bởi một người biên tập sau này cho cuốn sách nhằm cố gắng đề cập nhật nó (Young). Có thể có bằng chứng về một người biên tập trong cụm từ "những ngày của Nê-hê-mi," Nê-hê-mi 12: 26, 47.
  5. Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi được trình bày như là cùng nhau ở Giê-ru-sa-lem; không bị phân cách bởi vua chúa khác nhau:

- a. Đọc về luật, Nê-hê-mi 8: 9;
- b. Sự cung hiến tường thành Giê-ru-sa-lem, Nê-hê-mi 12: 26, 36.

## VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Tờ giấy E-le-phan-tine (408 TCN) liệt kê tên của một số người được đề cập trong Ê-xơ-ra / Nê-hê-mi:
  1. San-ba-lát, thống đốc của Sa-ma-ri, Nê-hê-mi 2: 10,19; 4: 1;
  2. Giô-na-than, cháu trai của thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp, Nê-hê-mi 12: 10-11, 22, 23;
  3. Việc đề cập cụ thể những người này xác nhận rằng Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi sống và hoạt động trong thời gian trị vì của Át-ta-xét-xe I (464-424 TCN).
- B. Các tờ giấy Sa-ma-ri cung cấp cho chúng ta danh sách các thống đốc của Sa-ma-ri từ San-ba-lát, người Hô-rôn đến sự tàn phá của thành phố bởi A-le-xan-der Đại đế vào năm 332 TCN. Chúng cũng cho thấy rằng các sự kiện của Nê-hê-mi 13:28 và những sự kiện tương tự được Jo-seph-us ghi lại trong thời gian San-ba-lát III không giống nhau.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (bối cảnh)

- A. Nê-hê-mi xây dựng lại các tường thành của Giê-ru-sa-lem (làm thành phố nhỏ hơn), 1: 1-7: 73:
  1. Giới thiệu bằng ngôi thứ nhất, 1: 1-2: 20;
  2. Tường được xây dựng lại trong 52 ngày, 3: 1-6: 19;
  3. Em trai của Nê-hê-mi, Ha-na-ni, phụ trách thành phố, 7: 1-73.
- B. Những cải cách thuộc linh của Ê-xơ-ra (sự tiếp nối của Ê-xơ-ra 7-10), 8: 1-10: 39:
  1. Ê-xơ-ra đọc Luật và dân sự trả lời, 8: 1-9: 4;
  2. Ôn lại các hành vi của Đức Giê-hô-va thay mặt cho người Do thái, 9: 5-31;
  3. Dân sự tự ràng buộc mình bằng lời thề thờ phượng Đức Giê-hô-va (*YHWH*) và ủng hộ Đền thờ của Ngài, (giao ước đổi mới) 9: 32-10: 39.
- C. Cải cách hành chính của Nê-hê-mi, 11-13:
  1. Nê-hê-mi trở về Giê-ru-sa-lem lần đầu tiên, 11-12:
    - a. Thiết lập dân số Giê-ru-sa-lem, 11: 1-36;
    - b. Danh sách các thầy tế lễ và người Lê-vi, 12: 1-26, 44-47;
    - c. Sự cung hiến tường thành Giê-ru-sa-lem, 12: 27-43.
  2. Nê-hê-mi trở về Giê-ru-sa-lem lần thứ hai, 13: 1-31
    - a. Vi phạm giao ước, 13: 1-5
    - b. Cải cách, 13: 6-31:
      - (1) Tô-bi-gia bị đuổi khỏi các phòng của đền thờ, 13: 4-5, 8-9;
      - (2) Dâng hiến ở đền thờ, 13: 10-14;
      - (3) Các cuộc hôn nhân hỗn hợp, 13: 1-3, 23-29;
      - (4) Sự chu cấp cho Đền Thờ, 13: 30-31.

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Cuốn sách này tiếp tục lịch sử bắt đầu ở Ê-xơ-ra. Cả hai sách đều ghi lại sự tái lập Giao Ước của cộng đồng trong Đất Hứa.
- B. Vì Ê-xơ-ra quan tâm đến đời sống thuộc linh, giao ước của cộng đồng mới, còn Nê-hê-mi lại quan tâm đến:
  1. Tường thành bảo vệ xung quanh thành phố;
  2. Phương diện hành chính của thành phố.

- C. Cả Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi đều quan tâm đến sự trung thành với giao ước (Mô-se). Tội lỗi của dân sự Chúa, ngoại trừ thần tượng, được tiếp tục trong cộng đồng hậu lưu đày.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

### A. Thuật ngữ và cụm từ:

1. Quan tử chánh, 1:11 (NASB & NIV)
2. Tháng Ni-san, 2: 1
3. "Nếu một con chồn leo lên đó, anh ta sẽ đánh nó sập xuống liền," 4: 3 (NIV, "nếu ngay cả một con cáo leo lên trên nó, anh ta sẽ phá vỡ bức tường đá của họ")
4. "Con gái chúng ta bị buộc làm tôi mọi," 5: 5 (NIV, "... đã bị nô lệ")
5. "Tôi cũng giữ vạt áo tôi," 5:13 (NIV, "... nếp gấp áo choàng của tôi")
6. Một trụ mây, 9:12 (NASB & NIV)
7. Bánh trần thiết, 10:33 (NIV, "bánh mì đặt trên bàn")
8. Liên tục ..., 10:33 (NIV, "thường lệ")
9. Trái đầu tiên, 10:35 (NIV, "trái đầu mùa")
10. Bắt thăm để một trong số mười người được sống ở Giê-ru-sa-lem, 11: 1 (NASB & NIV)
11. "Sách của Môi-se," 13: 1 (NASB & NIV)

### B. Nhân vật xác định một cách ngắn gọn:

1. Ha-na-ni, 1: 2
2. Tô-bi-gia, người Am-môn, 2: 10,19
3. San-ba-lát, người Hô-rôn, 2: 10,19
4. Giê-sem, người Ả Rập, 2:19
5. A-saph, 11:17
6. Giê-đu-thun, 11:17
7. Át-ta-xét-xe I, 13: 6

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Su-sơ, 1: 1
2. Ách-đốt, 4: 7
3. "Chep-hi-rim, trong đồng bằng Ô-nô," 6: 2 (NIV, "những ngôi làng trên đồng bằng của Ô-nô")

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao Nê-hê-mi lại quá buồn bã?
2. Ông ấy thể hiện nỗi buồn của mình như thế nào?
3. Tại sao Nê-hê-mi lấy lính Phơ-rơ-sơ (2: 9) nhưng Ê-xơ-ra thì không?
4. Nhiệm vụ chính của Nê-hê-mi là gì?
5. Tại sao những người Do Thái nghèo lại giận dữ với những người Do Thái giàu có (chương 5)?
6. Làm dàn bài chương 9 theo các hành động của Đức Chúa Trời đối với người Do thái.
7. Liệt kê các đặc điểm của Đức Chúa Trời trong 9:17 và giải thích ngắn gọn về chúng.
8. Tại sao không ai muốn sống ở Giê-ru-sa-lem (chương 11)?
9. Tại sao Nê-hê-mi lại quá buồn bã về các cuộc hôn nhân hỗn hợp?

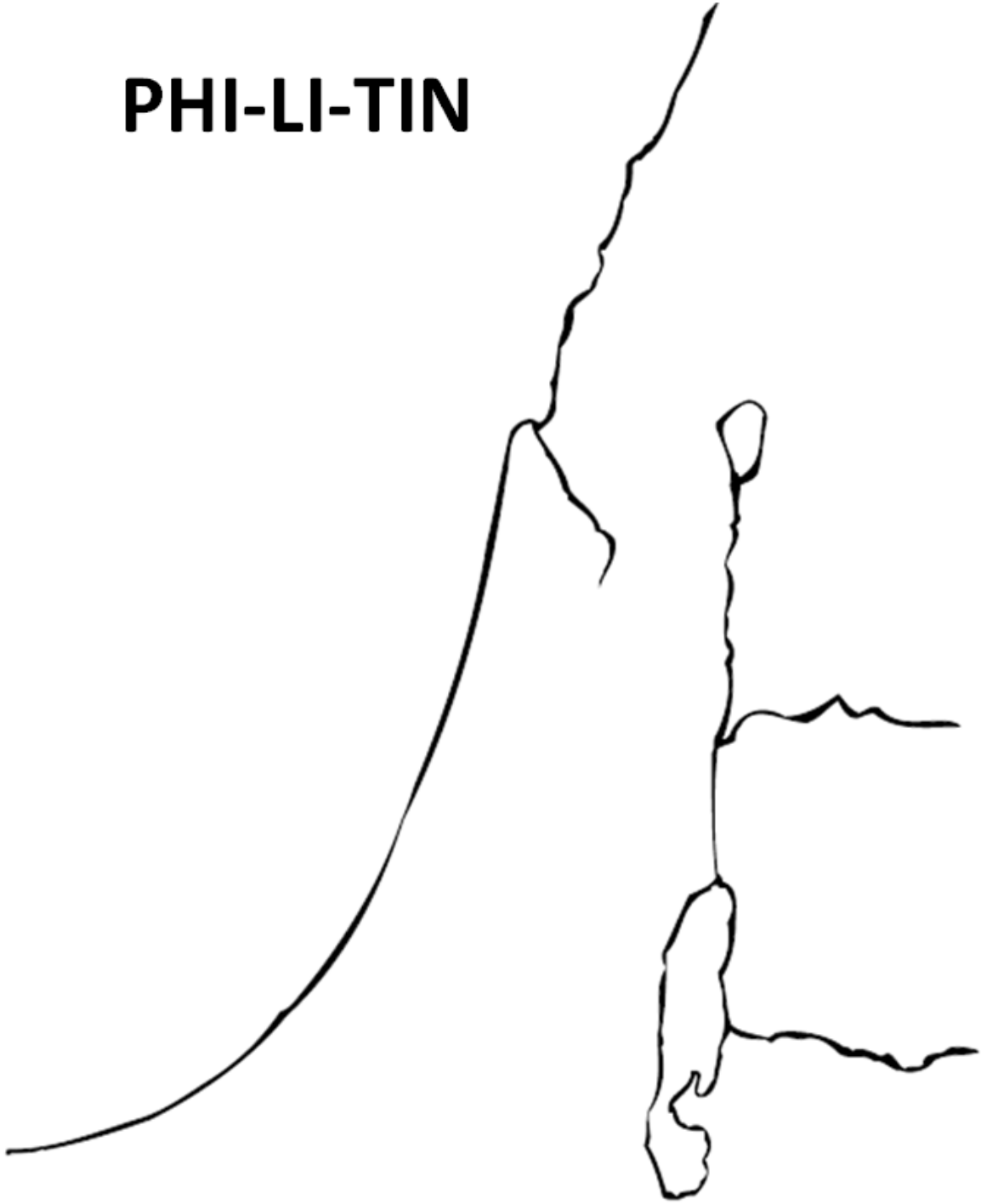


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ Ê-XƠ-TÊ

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt theo tên của Nữ hoàng Phơ-rơ-sơ.
- B. Tên của Bà ấy bằng tiếng Hê-bơ-rơ là Ha-đa-xa có nghĩa là cây sim (2: 7). Thuật ngữ này là biểu tượng cho sự vui mừng giữa người Do thái (Xa-cha-ri 1: 8).
- C. Tên của bà ấy bằng tiếng Phơ-rơ-sơ có nghĩa là "ngôi sao".

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này gặp khó khăn khi được sắp xếp ở trong Kinh điển Hê-bơ-rơ
  - 1. Có lẽ bởi vì nó không đề cập đến:
    - a. Bất kỳ danh nào của Đức Chúa Trời;
    - b. Đền thờ;
    - c. Luật Môi-se;
    - d. Dâng của lễ;
    - e. Giê-ru-sa-lem;
    - f. Lời cầu nguyện (mặc dù ngụ ý).
  - 2. Cuốn sách Biền Chết được tìm thấy vào năm 1947 có các bản sao (toàn bộ hoặc một phần) của mỗi sách trong Cựu ước ngoại trừ Ê-xơ-tê.
  - 3. Ê-xơ-tê, giống như Ru-tơ, không được trích dẫn trong Tân Ước.
  - 4. Nó đã nhận được đánh giá hỗn hợp từ các nhà bình luận:
    - a. Kinh Tal-mud Giê-ru-sa-lem (Me-gil-la 7a) nói rằng phần "Tiên Tri" của tiếng Kinh điển Hê-bơ-rơ và phần "Các Tác phẩm" có thể kết thúc nhưng không kết thúc đối với Tô-ra và Ê-xơ-tê. Chúng sẽ không bao giờ bị hư mất (ý từ E. J. Young);
    - b. Mai-mo-nides, một nhà bình luận Do Thái thời Trung cổ (1204 SCN) nói rằng nó có tầm quan trọng sau Luật Môi-se;
    - c. Mar-tin Lu-ther, nhà cải cách Tin Lành, nói rằng cần phải loại trừ khỏi kinh điển bởi vì nó quá Do Thái giáo (ông cũng nói điều này với Gia-cơ và Khải Huyền).
  - 5. Đó là một trong những cuốn sách bị tranh chấp được thảo luận tại Jam-nia bởi người Pha-ri-si vào năm 70 SCN.
  - 6. Tác giả của "Ec-cle-si-as-ti-cus", còn được gọi là "Sự khôn ngoan của Ben Si-rah", người đã viết khoảng 180 TCN, không bao giờ nói về Ê-xơ-tê cả.
  - 7. Nó dường như đã được bao gồm trong kinh điển Hê-bơ-rơ để giải thích nguồn gốc của lễ hội không có ở giao ước Môi-se, lễ Phu-rim (9: 28-31). Trong II Mac-ca-bees 15:36 Phu-rim được gọi là "Ngày của Mạc-đô-chê".
- B. Sách Ê-xơ-tê là một phần của danh sách đặc biệt năm cuộn được gọi là Me-gil-loth (*Megilloth*). Năm sách nhỏ: Ru-tơ, Truyền-đạo, Nhã ca, Ca-thương và Ê-xơ-tê, là một phần của "Các tác phẩm" của Kinh điển Hê-bơ-rơ. Mỗi sách được đọc vào những ngày lễ riêng biệt hàng năm. Ê-xơ-tê được đọc tại lễ Phu-rim.
- C. Các văn bản của Ê-xơ-tê thay đổi rất nhiều giữa các phiên bản MT và LXX. Phiên bản LXX dài hơn nhiều và bao gồm những lời cầu nguyện của Mạc-đô-chê và Ê-xơ-tê. Những điều này được thêm vào làm trợ giúp cho sách được chấp nhận trong kinh điển của người Do Thái.
- D. Hội đồng Hội thánh của Hip-po (393 SCN) và Car-thage (397 SCN) khẳng định vị trí của Ê-xơ-tê trong Kinh Thánh Cơ đốc giáo.

### III. THỂ LOẠI

- A. Đó là câu chuyện lịch sử (Trong 10: 2 người đọc được khuyến khích đọc cho chính mình dữ liệu về Mạc-đô-chê trong hồ sơ tòa án Phơ-rơ-sơ.)
- B. Một số sẽ nói tiểu thuyết lịch sử (tiểu thuyết) để bày tỏ lẽ thật thuộc linh
  - 1. Sử dụng sự trở trêu
  - 2. Cốt truyện cẩn thận
  - 3. Nhân vật chính không được biết đến từ lịch sử

### IV. BẢN QUYỀN

- A. Đã có nhiều giả thuyết về tác giả của cuốn sách ẩn danh này:
  - 1. Thầy thông giáo Ra-bi A-za-ri-as nói rằng thầy tế lễ thượng phẩm Joi-a-kim trong triều đại của Đa-ri-út I, vào cuối thế kỷ thứ sáu TCN, đã viết nó;
  - 2. Kinh Tal-mud, Ba-ba Bath-ra 15a, nói rằng những người của Nhà hội lớn Do Thái đã viết vai trò của Ê-xơ-tê. Đây rõ ràng là một nhóm các nhà lãnh đạo ở Giê-ru-sa-lem khởi đầu bởi Ê-xơ-ra mà sau này trở thành San-he-drin. Mặc dù cụm từ "đã viết" được sử dụng nhưng dường như có nghĩa là: "đã chỉnh sửa" "được biên soạn" hoặc "được thu thập";
  - 3. I-ben Es-ra, Cle-ment of A-le-xan-dri-a và Jo-seph-us (*Antiquities*, 11: 6: 1) nói rằng Mạc-đô-chê đã viết nhưng Ê-xơ-tê 10: 3 dường như mâu thuẫn với điều này (trừ khi nó được thêm vào bởi một người biên tập sau này);
  - 4. I-si-dore và Au-gus-tine nói rằng Ê-xơ-ra đã viết nó.
- B. Rõ ràng là không ai biết. Có vẻ như chắc chắn rằng đó là một người Do Thái bị lưu đày ở Phơ-rơ-sơ, quen thuộc với tòa án Phơ-rơ-sơ.
- C. Tác giả không xác định này đã sử dụng các nguồn:
  - 1. Hồi ký của Mạc-đô-chê, 9:20;
  - 2. Các tài liệu lịch sử Phơ-rơ-sơ, 2:23; 3:14; 4: 8; 6: 1; 8:13; 10: 2;
  - 3. Có thể truyền thống truyền khẩu, đặc biệt là những gì đã xảy ra ở các tỉnh;
  - 4. Điều mà trong 9:32 nói về "cuốn sách" là không chắc chắn.

### V. NIÊN-ĐẠI

- A. Cuốn sách này đề cập đến một vị vua Phơ-rơ-sơ tên là A-xuê-ru, trong tiếng Phơ-rơ-sơ có nghĩa là "người hùng vĩ đại". Hầu hết các học giả đều đồng ý rằng đây là vị vua được biết đến trong lịch sử bởi tước hiệu Hy Lạp Xết-xe I (486-465 TCN)
- B. Phiên bản LXX và Jo-seph-us, tuy nhiên, gọi ông ta là "Át-ta-xét-xe" là danh hiệu của người kế nhiệm Xết-xe, là Át-ta-xét-xe I (465-424 TCN)
- C. Ê-xơ-tê, chương 1, có thể phản ánh một phần kế hoạch của Phơ-rơ-sơ để xâm lược Hy Lạp. Chúng ta biết từ sử gia, He-ro-di-tus, (2: 8) rằng Phơ-rơ-sơ xâm lược Hy Lạp và bị đẩy lui vào năm 480 TCN. Ông ta nói rằng nhà vua Phơ-rơ-sơ trở về nhà và dành nhiều thời gian hơn với hậu cung của mình (9:108).
- D. Theo niên đại Kinh thánh, điều này sẽ đặt cuốn sách giữa Ê-xơ-ra chương 6 và 7. Có khoảng cách 57 năm trong dữ liệu của Ê-xơ-ra tại thời điểm này. Người đàn ông Ê-xơ-ra không được giới thiệu mãi khi cho đến chương 7.
- E. Ê-xơ-tê 10:1-3 ám chỉ một thời gian sau cái chết của Xết-xe I. Ông bị ám sát năm 465 TCN.
- F. Một niên đại vào cuối thế kỷ thứ 5 TCN có vẻ thuyết phục vì:



1. Hình thức của tiếng Hê-bơ-rơ trong Ê-xơ-tê giống như của Sứ-ký, Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi;
2. Sự hiện diện của các từ vay mượn Phơ-rơ-sơ;
3. Kiến thức của tác giả về phong tục Phơ-rơ-sơ và đời sống tòa án. Một ví dụ sẽ là 1: 6-8,10.

## VI. NGUỒN TÀI LIỆU CHỨNG THỰC BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Các bảng đá có chữ dạng nêm từ Nip-pur được viết trong thời trị vì của Át-ta-xét-xe I (465-424 TCN) xác nhận sự hiện diện của một dân số Do Thái lớn ở Mê-sô-bô-ta-mi sau khi sự trở về được cho phép bởi Si-ru II năm 538 TCN.
- B. Lịch sử của He-ro-di-tus:
  1. Lịch sử của He-ro-di-tus về Xét-xe I dường như phù hợp với câu chuyện của Ê-xơ-tê:
    - a. Kêu gọi một hội đồng để lên kế hoạch xâm lược Hy Lạp;
    - b. Sau thất bại của ông, ông đã dành nhiều thời gian hơn với hậu cung của ông;
    - c. Mô tả Xét-xe là một người thất thường, bạo ngược, và là một người đam mê.
  2. Tuy nhiên điều này cắt giảm cả hai cách. He-ro-di-tus cũng đặt tên và mô tả vợ của Xét-xe I. Bà ấy tên là A-mes-tris, và bà ấy phải là từ "gia đình có bảy người." Vua Phơ-rơ-sơ có bảy cố vấn thân cận (1:14). He-ro-di-tus đề cập rằng A-mes-tris đã đi cùng Vua Xét-xe I trong chiến dịch Hy Lạp.
- C. Các bảng E-la-mite của Per-se-po-lis (trong thời gian trị vì của Đa-ri-út I và Xét-xe I) liệt kê tên Mạc-đô-chê là một quan chức của công thành.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (bối cảnh)

- A. Dàn bài của Kinh Thánh nghiên cứu NIV (*NIV study Bible*) rất hữu ích. Nó sử dụng ba bữa tiệc trong Ê-xơ-tê như là cấu trúc để theo dõi câu chuyện:
  1. Lễ của vua, 1: 1-2: 18;
  2. Lễ Ê-xơ-tê, 2: 19-7: 10;
  3. Lễ Phu-rim, 8-10.
- B. Đối với một dàn bài chi tiết:
  1. NIV Study Bible, p. 719
  2. *Expositor's Bible Commentary*, vol. 4, p. 796

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Rõ ràng cuốn sách giải thích nguồn gốc của lễ hội Phu-rim hàng năm không phải là của Môi-se (9: 28-32). Lễ hội Do Thái không phải là của người Do Thái (Môi-se) hàng năm khác là Ha-nuk-kah. Có một biểu đồ tốt trên trang 176 của Kinh Thánh nghiên cứu NIV.
- B. Đó là một sự động viên lòng trung thành với Đức Chúa Trời trong thời gian bị bắt bớ (đặc biệt là dân sự còn bị lưu đày).
- C. Nó thể hiện rõ ràng bàn tay hướng dẫn của Đức Chúa Trời trong lịch sử, không chỉ đối với Y-sơ-ra-ên mà còn đối với Phơ-rơ-sơ. Các sự vắng mặt của bất kỳ danh xưng nào của Đức Chúa Trời và bất kỳ tham chiếu đến các thực hành thuộc linh Do Thái bình thường (ngoại trừ kiêng ăn) là một lá thư văn học để nhấn mạnh ảnh hưởng huyền diệu của Đức Chúa Trời và sự hướng dẫn lịch sử của tất cả nhân loại (4:14).
- D. Một số xem cuốn sách này là một nỗ lực khác của Sa-tan để tiêu diệt cộng đồng Giao Ước và do đó Đấng Mê-si-a:
  1. Sự sa ngã của A-đam;
  2. Thiên sứ trộn lẫn với con người (Sáng 6);
  3. Áp-ra-ham và Y-sác từ bỏ vợ của họ;

4. Tiêu diệt người Do Thái ở trong Ê-xơ-tê.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

### A. Thuật ngữ và cụm từ:

1. "Bảy hoạn quan", 1:10 (NASB & NIV)
2. "Bảy hoàng tử của Phơ-rơ-sơ và Mê-đi," 1:14 (NIV, "bảy quý tộc ...")
3. "Luật của Phơ-rơ-sơ và Mê-đi để nó không thể bị bãi bỏ," 1:19 (NASB & NIV)
4. Vợ bé (nhỏ), 2:14 (NASB & NIV)
5. Người A-gát, 3: 1, 10; 8: 5 (NASB & NIV)
6. Phu-rơ=Bồ thăm, 3: 7; 9:24 (NASB & NIV)
7. Chiếc nhẫn dấu ấn, 3:10; 8: 2 (NASB & NIV)
8. Phó vương, 3:12 (NASB & NIV)
9. "Vương trượng vàng", "cây phủ việt vàng", 4:11; 5: 2 (NASB & NIV)
10. "Một giá treo cổ cao hơn năm mươi thước," 5:14; 7: 9-10 (NIV, "cao bảy mươi lăm bộ Anh")
11. "Những ngày này của Phu-rim," 9: 28-32 (NASB & NIV)

### B. Nhân vật nhận dạng ngắn gọn:

1. A-xuê-ru, 1: 1 (NIV, "Xét-xe")
2. Vả-thi, 1: 9
3. Mạc-đô-chê, 2: 5
4. Ha-man, người A-gát, 3: 1

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ - không có bản đồ

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao các cố vấn của nhà vua lại buồn bã về sự từ chối của Vả-thi (1: 16-22)?
2. Tại sao Mạc-đô-chê không cúi xuống trước Ha-man?
3. Tại sao Ha-man muốn tiêu diệt tất cả người Do Thái bởi vì một người Do Thái không cúi chào ông ta?
4. Ha-man đưa ra lý do gì cho vua để tiêu diệt người Do Thái (chương 3)?
5. Liệt kê các nghi thức tang lễ đặc trưng của người Do Thái được ghi lại trong 4: 1-3.
6. Học thuyết thần học về sự tiếp trợ liên quan đến 4:14 như thế nào?
7. Làm thế nào để 8:17 có thể phù hợp với mục đích của cuốn sách?

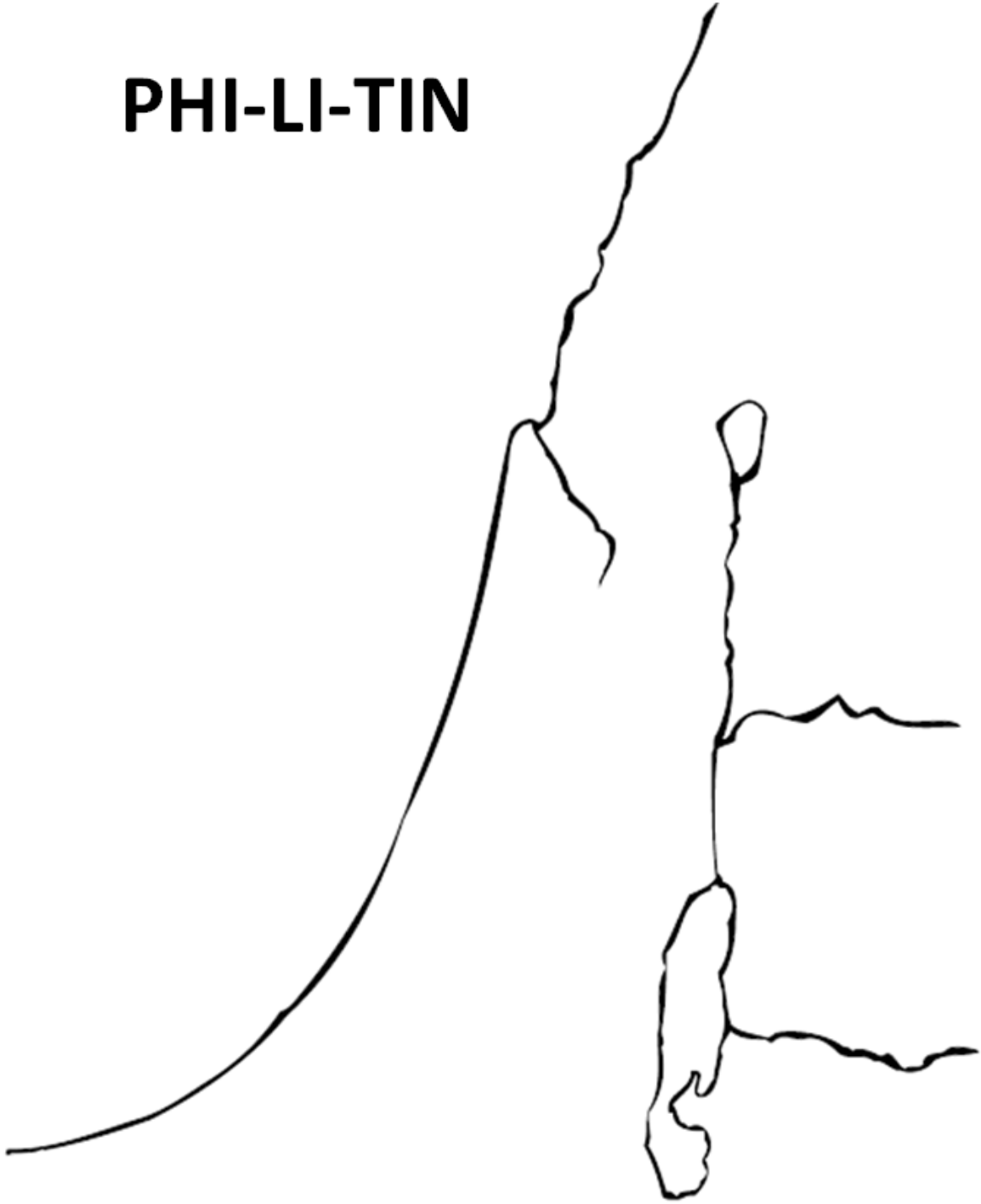


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ VĂN CHƯƠNG KHÔN NGOAN

## I. THỂ LOẠI

### A. Loại văn học phổ biến ở vùng Cận Đông cổ đại

1. Mê-sô-bô-ta-mi (I Các vua 4:30; Ê-sai 47:10; Đa-ni-ên 2: 2)
  - a. Su-me-ri-a có truyền thống khôn ngoan phát triển cả về ngôn ngữ và sử thi (NIP-PUR).
  - b. Sự khôn ngoan ngôn ngữ của Ba-by-lôn được kết nối với thầy tế-lễ / pháp sư. Nó không tập chú về đạo đức. Nó không phải là một thể loại được phát triển như ở Y-sơ-ra-ên.
  - c. A-sy-ri cũng có truyền thống khôn ngoan, những sự dạy dỗ của A-hi-qar. Ông là cố vấn cho San-chê-ríp (704-681 TCN).
2. Ai Cập (I Các vua 4:30)
  - a. "Sự dạy dỗ dành cho Vi-zi-er Ptah-ho-tep" được viết khoảng 2450 TCN. Những lời dạy của ông không phải dạng châm ngôn, mà ở trong các phân đoạn. Chúng đã được cấu trúc như một người cha đối với các con của mình. "Sự dạy dỗ cho vua Me-ri-ka-re", khoảng 2200 TCN cũng như vậy.
  - b. Sự khôn ngoan của A-me-ne-mo-pet, viết khoảng 1200 TC, rất giống với Chân ngôn 22: 17-24: 22.
3. Phê-ni-si
  - a. Những khám phá tại U-ga-rit đã cho thấy sự kết nối chặt chẽ giữa Phê-nê-si và Sự khôn ngoan của người Hê-bơ-rơ, đặc biệt là nhịp thơ. Nhiều hình thức bất thường và những từ hiếm hoi trong Văn chương về sự khôn ngoan trong Kinh Thánh hiện nay có thể hiểu được từ những khám phá khảo cổ học tại Ras Sham-ra (U-ga-rit).
  - b. Sách Nhã ca rất giống những bài hát đám cưới Phê-nê-si được gọi là *wasps* viết khoảng 600 TCN.
4. Ca-na an (Giê-rê-mi 49:7; Áp-đi-a 8) – Al-bright đã cho biết sự giống nhau giữa tiếng Hê-Bơ-rơ và Văn chương khôn ngoan Ca-na-an, đặc biệt là văn bản Ras Sham-ra từ U-ga-rit, được viết vào khoảng Thế kỷ 15 TCN.
  - a. Thường những từ giống nhau xuất hiện ở trong một cặp
  - b. Sự hiện diện của các câu đảo ngược
  - c. Có chữ viết lên trên một vật (*như trên bì thư*)
  - d. Có ký hiệu âm nhạc
5. Văn chương khôn ngoan Kinh thánh bao gồm các tác phẩm của một số người không phải là người Do Thái:
  - a. Gióp từ Ê-đôm
  - b. A-gur từ Ma-sa (một vương quốc Y-sơ-ra-ên ở Ả-rập Xê-út (xem Sáng thế ký 25:14 và I Sứ ký 1:30)
  - c. Lê-mu-ên từ Ma-sa

### B. Đặc điểm văn chương

1. Chủ yếu là hai loại riêng biệt
  - a. Châm ngôn (khởi đầu là truyền khẩu)
    - (1) Ngắn
    - (2) Dễ hiểu về văn hóa (kinh nghiệm chung)
    - (3) Tư tưởng kích thích – nắm bắt phát biểu lẽ thật
    - (4) Thường sử dụng độ tương phản
    - (5) Nói chung là đúng nhưng không phải lúc nào cũng áp dụng cụ thể được
  - b. Các tác phẩm văn học, chủ đề đặc biệt được phát triển lâu hơn (thường được viết) như Gióp, Truyền-đạo và Giô-na ...
    - (1) Độc thoại
    - (2) Đối thoại
    - (3) Tiểu luận
    - (4) Chúng đối phó với những nan đề chính yếu và bí ẩn của đời sống
    - (5) Các hiện triết sẵn sàng thách thức hiện trạng thần học!

- c. Nhân cách hóa sự khôn ngoan (luôn luôn giống cái). Thuật ngữ khôn ngoan là giống cái.
- (1) Thường trong sự khôn ngoan, châm ngôn được mô tả như một người phụ nữ
    - (a) Tích cực:
      - 1) 1: 20-33
      - 2) 8: 1-36
      - 3) 9: 1-6
    - (b) Tiêu cực:
      - 1) 7: 6-27
      - 2) 9: 13-18
  - (2) Trong Châm Ngôn 8: 22-31 sự khôn ngoan được nhân cách hóa như là sự ra đời đầu tiên của sự sáng tạo mà Đức Chúa Trời dựng nên mọi thứ khác (3: 19-20). Điều này có vẻ là nền tảng của việc Giảng sử dụng "ngôi lời" trong Giảng 1:1 để chỉ Đức Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a.
  - (3) Điều này cũng có thể được nhìn thấy trong *Ec-cle-si-as-ti-cus* 24.
2. Tài liệu này đặc trưng so với Luật pháp và sách Tiên Tri ở chỗ nó đề cập đến cá nhân chứ không phải quốc gia. Không có ám chỉ về nghi lễ hoặc lịch sử. Nó chủ yếu tập trung vào đời sống đạo đức, vui vẻ, thành công hàng ngày.
  3. Văn chương khôn ngoan Kinh Thánh tương tự như văn chương láng giềng của nó về cấu trúc, nhưng không về nội dung. Một Đức Chúa Trời chân thật là nền tảng mà tất cả sự khôn ngoan Kinh thánh đều dựa vào (xem Gióp 12:13; 28:28; Châm ngôn. 1: 7; 9:10; Thi-thiên 111: 10). (Trong Ba-by-lôn, đó là Ap su, Ea hoặc Mar-duk. Ở Hy Lạp, đó là Thoth).
  4. Sự khôn ngoan Hê-bơ-rơ rất thực tế. Nó dựa trên kinh nghiệm, không phải là mặc khải đặc biệt. Nó tập trung vào một cá nhân thành công trong cuộc sống (tất cả cuộc sống: thiêng liêng và thế tục). Nó là "luong tri chất phác" thiêng liêng.
  5. Bởi vì văn chương khôn ngoan sử dụng sự lý luận của con người, kinh nghiệm và quan sát có tính cách quốc tế, xuyên văn hóa. Đó là thế giới quan về tôn giáo độc thần thường không công bố, làm cho sự khôn ngoan của Y-sơ-ra-ên là mặc khải.

## II. NHỮNG NGUỒN GỐC CÓ THỂ

- A. Văn chương khôn ngoan được phát triển ở Y-sơ-ra-ên như là sự thay thế hoặc cân bằng với các hình thức mặc khải khác. (Giê-rê-mi 18:18; Ê-xê-chi-ên 7:26)
  1. Thầy tế lễ - luật - hình thức (tập-thể)
  2. Tiên tri - lời tiên tri - động cơ (tập-thể)
  3. Hiền triết - khôn ngoan - cuộc sống hàng ngày thực tế thành công (cá nhân)
  4. Vì có những nữ tiên tri ở Y-sơ-ra-ên nên cũng có những nữ hiền nhân (xem II Sa-mu-ên 14: 1-21; 20: 14-22).
- B. Loại tài liệu này dường như đã phát triển:
  1. Như những câu chuyện dân gian xung quanh lửa trại
  2. Như truyền thống gia đình truyền cho các con trai
  3. Được viết và hỗ trợ bởi Cung điện Hoàng gia:
    - a. Đa-vít được kết nối với Thi-thiên.
    - b. Sô-lô-môn được kết nối với Châm ngôn (I Các vua 4: 29-34; Thi thiên 72 & 127)
    - c. Ê-xê-chia được kết nối để chỉnh sửa văn chương khôn ngoan.

## III. MỤC ĐÍCH

- A. Về cơ bản, đó là "cách" tập trung vào hạnh phúc và thành công. Nó chủ yếu tập trung vào cá nhân. Nó được dựa trên:
  1. Kinh nghiệm của các thế hệ trước,
  2. Nguyên nhân và hệ quả các mối quan hệ trong cuộc sống.
- B. Đó là cách của xã hội để truyền đạt lẽ thật và đào tạo thế hệ lãnh đạo và công dân tiếp theo.

- C. Sự khôn ngoan Cựu ước luôn nhìn thấy Đức Chúa Trời của giao ước đằng sau tất cả đời sống, mặc dù không phải lúc nào nó cũng được bày tỏ.
- D. Đó là một cách để thách thức và cân bằng thần học truyền thống. Các nhà hiền triết là những nhà tư tưởng tự do không bị ràng buộc bởi Lễ thật trong sách giáo khoa. Họ dám hỏi, "Tại sao", "Làm thế nào," "Nếu như thế nào?"

#### IV. CHÌA KHÓA CHO SỰ THÔNG GIẢI

- A. Các câu châm ngôn ngắn
  1. Tìm kiếm các yếu tố chung của cuộc sống được sử dụng để thể hiện lễ thật.
  2. Thể hiện lễ thật trọng tâm trong một câu công bố đơn giản.
  3. Vì bối cảnh sẽ không giúp tìm kiếm các đoạn song song trên cùng một chủ đề.
- B. Các tác phẩm văn học dài hơn
  1. Hãy chắc chắn để thể hiện lễ thật trọng tâm cho toàn bộ tác phẩm.
  2. Không lấy các câu ra khỏi ngữ cảnh.
  3. Kiểm tra các hoàn cảnh lịch sử hoặc lý do để viết văn bản.
- C. Một số điển giải sai phổ biến (Fee & Stuart, *How to Read the Bible for All It Is Worth*, p. 207))
  1. Mọi người không đọc toàn bộ cuốn sách về Sự khôn ngoan (như Gióp và Truyền đạo) và tìm kiếm lễ thật trọng tâm của nó nhưng kéo các phần của cuốn sách ra khỏi bối cảnh của nó và áp dụng nó theo nghĩa đen với cuộc sống hiện đại.
  2. Mọi người không hiểu tính độc đáo của thể loại văn chương. Đây là một văn học cận đông cổ đại rất ngắn gọn và tượng hình.
  3. Châm ngôn là những công bố về lễ thật tổng quát. Chúng là những công bố lễ thật có tầm quét rộng của một ngòi bút, nhưng không hoàn toàn đúng trong mọi lúc, mọi trường hợp.

#### V. CÁC GƯƠNG MẪU TRONG KINH THÁNH

- A. Cựu ước
  1. Gióp
  2. Thi Thiên 1, 19, 32, 34, 37, 49, 73, 104, 107, 110, 112, 127-128, 133, 147, 148
  3. Châm ngôn
  4. Truyền đạo
  5. Nhã ca
  6. Ca-thương
  7. Giô-na
- B. Các kinh điển khác
  1. To-bit
  2. Sự không ngoan của Ben Si-rah (*Ec-cle-si-as-ti-cus*)
  3. Sự khôn ngoan của Sô-lô-môn (Sách về Sự khôn ngoan)
  4. IV Mac-ca-bees
- C. Tân Ước
  1. Các câu châm ngôn và dụ ngôn của Chúa Giê-su.
  2. Sách của Gia-cơ

# THƠ VĂN HÊ-BƠ-RƠ

## I. GIỚI THIỆU

- A. Loại tài liệu này chiếm 1/3 Cựu Ước. Nó đặc biệt phổ biến trong phần "Tiên tri" và "Các Tác phẩm" của Kinh điển Hê-bơ-rơ.
- B. Nó rất khác với thơ văn tiếng Anh. Thơ tiếng Anh được phát triển từ Thơ văn Hy Lạp và La-tinh. Thơ văn Hê-bơ-rơ có nhiều điểm chung với thơ văn Ca-na-an. Không có dòng thơ, nhịp điệu hoặc vần điệu được nhấn mạnh trong thơ văn Cận Đông.
- C. Khám phá khảo cổ học về phía bắc Y-sơ-ra-ên tại U-ga-rit (Ras Sham-ra) đã giúp các học giả hiểu thơ văn Cựu-ước. Thơ văn từ thế kỷ 15 TCN có kết nối văn học rõ ràng với thơ văn Kinh Thánh.

## II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THƠ VĂN

- A. Nó rất gọn, cô đọng.
- B. Nó cố gắng thể hiện trong hình ảnh về lẽ thật, cảm xúc hoặc trải nghiệm.
- C. Nó chủ yếu được viết, không phải truyền khẩu. Nó có cấu trúc cao. Cấu trúc này được thể hiện bằng:
  - 1. Các dòng thơ cân bằng (song song)
  - 2. Từ ngữ vận hành

## III. CẤU TRÚC

- A. Giám mục Robert Lowth trong cuốn sách của ông, các bài giảng về thơ thánh của người Hê-bơ-rơ (1753) *Lectures on the Sacred Poetry of the Hebrews* (1753) là người đầu tiên đặc tả thơ văn Kinh Thánh như những dòng suy nghĩ cân đối. Các bản dịch tiếng Anh hiện đại nhất được định dạng để hiển thị các dòng thơ.
  - 1. Đồng nghĩa - các dòng thể hiện cùng suy nghĩ theo các từ khác nhau:
    - a. Thi thiên 3: 1; 49: 1; 83:14; 103: 3
    - b. Châm ngôn 20: 1
    - c. Ê-sai 1: 3
    - d. A-mốt 5:24
  - 2. Phép đối nhau - các dòng thể hiện suy nghĩ ngược lại bằng phương tiện tương phản hoặc nêu rõ tích cực và tiêu cực:
    - a. Thi thiên 1: 6; 90: 6
    - b. Châm ngôn 1: 6, 29; 10: 1,12; 15: 1; 19: 4
  - 3. Tổng hợp - hai hoặc ba dòng tiếp theo phát triển tư tưởng – Thi-thiên 1: 1-2; 19: 7-9; 29: 1-2
- B. A Briggs trong cuốn sách của ông, Giới thiệu chung về Nghiên cứu Thánh Kinh (1899) *General Introduction to the Study of Holy Scripture* (1899) đã phát triển giai đoạn tiếp theo của phân tích thơ văn Hê-bơ-rơ:
  - 1. Biểu tượng - một mệnh đề nghĩa đen và mệnh đề thứ hai ẩn dụ, Thi-thiên 42: 1; 103: 3.
  - 2. Hướng lên đỉnh điểm hoặc như lên cầu thang - các mệnh đề bày tỏ lẽ thật theo cách tăng dần, Thi-thiên 19: 7-14; 29: 1-2; 103: 20-22.
  - 3. Hướng nội hoặc *chiastic* - một loạt các mệnh đề, thường ít nhất bốn câu được liên kết bởi cấu trúc nội bộ của dòng 1 đến dòng 4, và dòng 2 đến dòng 3 – Thi-thiên 30: 8-10a



- C. G.B. Gray trong cuốn sách của ông, Các hình thức thơ văn Hê-bơ-rơ (1915) *The Forms of Hebrew Poetry* (1915) đã phát triển khái niệm mệnh đề cân bằng bằng cách:
1. Cân bằng hoàn chỉnh - nơi mỗi từ trong dòng một được lặp lại hoặc cân bằng bởi một từ trong dòng hai - Thi thiên 83:14 và Ê-sai 1: 3
  2. Cân bằng không hoàn chỉnh, trong đó các mệnh đề không bằng nhau về chiều dài – Thi-thiên 59:16; 75:6)
- D. Loại khuôn mẫu âm thanh:
1. Chơi trên bảng chữ cái (acrostic)
  2. Chơi trên phụ âm (alliteration)
  3. Chơi trên nguyên âm (trùng âm) (assonance)
  4. Chơi trên lặp lại các từ (sự chơi chữ) (paronomasia)
  5. Chơi trên các từ tương tự như âm thanh (bắt chước âm thanh) (onomatopocia)
  6. Sự mở đầu và kết thúc đặc biệt (bao gồm từ đầu đến cuối) (inclusive)
- E. Có năm sáu loại thơ văn trong Cựu Ước. Một số thì liên quan chủ đề và một số thì liên quan hình thức:
1. Bài ca cung hiến – Dân số 21: 17-18
  2. Bài ca công việc - (ám chỉ đến nhưng không được ghi trong Các Quan xét 9:27); Ê-sai 16:10; Giê-rê-mi 25:30; 48:33
  3. Bản ba-lad – Dân số 21: 27-30; Ê-sai 23:16
  4. Bài ca uống nước - tiêu cực, Ê-sai 5: 11-13; A-mốt 6: 4-7 và tích cực, Ê-sai 22:13
  5. Những bài thơ tình yêu – Nhã ca, câu đố đám cưới – Các Quan xét 14: 10-18, bài ca đám cưới – Thi-thiên 45
  6. Than vãn / bài ca buồn - (ám chỉ nhưng không được ghi lại trong II Sa-mu-ên 1:17 và II Sử ký 35:25) II Sa-mu-ên 3:33; Thi-thiên 27, 28; Giê-rê-mi 9: 17-22; Ca-thương; Ê-xê-chi-ên 19: 1-14; 26: 17-18; Na-hum 3: 15-19
  7. Bài ca chiến tranh - Sáng thế Ký 4: 23-24; Xuất 15: 1-18; Dân số 16: 35-36; Giô-suê 10:13; Các quan xét 5: 1-31; 11:34; I Sa-mu-ên 18: 6; II Sa-mu-ên 1:18; Ê-sai 47: 1-15; 37:21
  8. Sự dâng lời tạ ơn hoặc ban phước đặc biệt của lãnh đạo - Sáng thế ký 49; Dân số 6: 24-26; Phục 32; II Sa-mu-ên 23: 1-7
  9. Văn bản ma thuật – Ba-la-am, Dân-số 24: 3-9
  10. Bài thơ thánh – Thi thiên
  11. Bài thơ nhấn mạnh chữ đầu tiên - Thi thiên 9,34,37,119; Châm ngôn 31: 10ff và Ca-thương 1-4
  12. Lời nguyện rửa – Dân số 21: 22-30
  13. Những bài thơ chế nhạo – Ê-sai 14: 1-22; 47: 1-15; Ê-xê-chi-ên 28: 1-23

#### IV. HƯỚNG DẪN ĐỂ THÔNG GIẢI THƠ VĂN HÊ-BƠ-RƠ

- A. Hãy tìm lẽ thật trọng tâm của đoạn thơ hoặc khổ thơ (điều này giống như một đoạn văn trong văn xuôi). RSV là bản dịch đầu tiên hiện đại để xác định thơ văn bằng những khổ thơ. Hãy so sánh bản dịch hiện đại để biết thông tin chi tiết hữu ích.
- B. Xác định ngôn ngữ tượng trưng và diễn tả nó trong văn xuôi. Hãy nhớ loại tài liệu này rất gọn, cô đọng - nhiều thứ còn thiếu để người đọc điền vào.
- C. Hãy chắc chắn xem xét các bài thơ định hướng dài hơn với bối cảnh văn học và bối cảnh lịch sử của chúng.
- D. Các quan xét 4 & 5 rất hữu ích khi nhìn thấy thơ văn biểu lộ lịch sử như thế nào. Các Quan xét 4 là văn xuôi và Các Quan xét 5 là thơ của cùng một sự kiện.
- E. Cố gắng xác định loại song song có liên quan, cho dù đồng nghĩa, đối nhau hay tổng hợp. Điều này rất quan trọng.

# GIỚI THIỆU VỀ GIÓP

## I. TÊN SÁCH

- A. Cuốn sách được đặt tên theo nhân vật chính của nó. Gióp là một tên rất phổ biến. Ý nghĩa của nó đã được dịch là:
1. "Cha ở đâu?"
  2. "Một kẻ thù"
  3. "Một người ăn năn"
- B. Đây là một cuốn sách mạnh mẽ, nghệ thuật và có ý nghĩa:
1. Lu-ther nói rằng nó là "tuyệt vời và cao cả mà không có sách khác nào của Kinh Thánh sánh bằng."
  2. Ten-ny-son nói rằng đó là "bài thơ vĩ đại nhất cho mọi thời đại: cổ xưa hay hiện đại."
  3. Car-ly-le nói, "Không có gì được viết trong và ngoài Kinh Thánh có thể sánh bằng."

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Nó nằm trong phần Các Tác phẩm của Kinh điển Hê-bơ-rơ.
- B. Nó xuất hiện trong một số bản Hê-bơ-rơ MSS sau Phục truyền Luật lệ Ký vì cả hai Gióp và Á-ra-ham phù hợp với nhau vào cùng một thời kỳ lịch sử.
- C. Vị trí hiện tại của Gióp trong số những cuốn sách thơ văn của Kinh Thánh được bắt đầu bởi Vul-gate và cố định bởi Hội đồng Trent.

## III. THỂ LOẠI

- A. Gióp là một phần của một thể loại văn chương rất phổ biến ở vùng Cận Đông cổ đại được gọi là "văn chương khôn ngoan".
- B. Bởi vì cuốn sách chủ yếu là thơ với phần giới thiệu (1-2) và phần kết bằng văn xuôi (42), đã có nhiều cuộc thảo luận giữa các học giả về thể loại của nó:
1. Tường thuật lịch sử
  2. Một bài thuyết trình kịch tính về một chủ đề triết học / thần học
  3. Một dụ ngôn
- C. Gióp có một số điểm tương đồng về văn học (nhưng không phải là thần học) để:
1. Một văn bản Su-me-ri được gọi là "Gióp của Su-me-ri" có niên đại từ khoảng năm 2000 TCN
    - a. Ngôi thứ nhất phản nản.
    - b. Về việc không đáng bị đau khổ.
    - c. Bị bỏ rơi bởi thần
    - d. Yêu cầu phiên tòa lắng nghe
    - e. Tội lỗi được bày tỏ
  2. Một văn bản Ba-by-lôn được gọi là "Tôi sẽ ca ngợi Chúa của sự khôn ngoan." Nó đôi khi được gọi là "Gióp của Ba-by-lôn" có niên đại từ khoảng 1300-1100 TCN.
    - a. Ngôi thứ nhất độc thoại
    - b. Bị cách biệt bởi các thần và bị bạn bè bỏ rơi.
    - c. Sự phục hồi cuối cùng về sức khỏe và sự giàu có.

3. Một văn bản Ba-by-lôn được gọi là "Đôi thoại về sự đau khổ của con người." Nó đôi khi được gọi là "*Babylonian Theodicy*" có niên đại khoảng 1000 TCN (một sự xác tính về sự công bình của Đức Chúa Trời về sự cho phép gian ác về đạo đức hay tự nhiên)
  - a. Một châm ngôn về sự đau khổ
  - b. Giữa người đau khổ và bạn bè
  - c. Người bạn bảo vệ quan điểm truyền thống và người bị đau khổ chỉ ra những vấn đề rõ ràng, như sự thịnh vượng của kẻ ác
  - d. Tất cả các nan đề xảy ra đều do thất bại của con người ở một mức độ nào đó
4. Một văn bản Ai Cập được gọi là "sự phản kháng của nông dân hùng hồn."
5. Một văn bản Ai Cập được gọi là "Tranh chấp với linh hồn của một người mệt mỏi về cuộc sống." Nó cũng là được gọi là "Tranh chấp về sự tự sát".

D. Cuốn sách chứa năm sáu thể loại. Nó không phù hợp với bất kỳ danh mục nào.

1. Độc thoại / lời độc thoại
2. Đôi thoại
  - a. Bạn bè
  - b. Giê-hô-va (*YHWH*)
3. Văn xuôi mở đầu và kết thúc.

#### IV. BẢN QUYỀN

A. Cuốn sách là vô danh.

B. Ba-ba Bath-ra 14b khẳng định rằng Môi-se đã viết cuốn sách. Một số bản thảo Hê-bơ-rơ và bản dịch Syri, Pes-hi-ta, đặt nó sau Phục Truyền Luật lệ ký.

C. Có thể là một triết gia Do Thái đã lấy đời sống lịch sử của Gióp và sửa đổi nó để dạy một triết lý, lẽ thật thần học.

D. Một số học giả khẳng định rằng bài thơ, chương 3-41, được viết bởi một tác giả cổ đại trong khi đoạn mở đầu (1-2) và phần kết văn xuôi (42) được thêm vào bởi một người biên soạn sau này.

Tuy nhiên, cần phải được nhớ rằng chúng ta trong thời hiện đại phương Tây không hoàn toàn hiểu các mẫu viết và kỹ thuật của thời cận đông cổ đại. Bộ luật Ham-mu-ra-bi mở đầu và kết thúc bằng thơ mà ở giữa là văn xuôi.

E. Gióp, một con người

1. Gióp là một nhân vật lịch sử rất sớm vì:

- a. Ông được đề cập trong Ê-xê-chi-ên 14:14, 20 và Gia-cơ 5: 1.
- b. Tên của ông, mặc dù không phải là cùng một người, xuất hiện trong các bản văn Ar-mar-na; Văn bản lãng mạ (*Execration*) của người Ai Cập; Văn bản Ma-ri, và văn bản U-ga-ri-tic.
- c. Đơn vị tiền tệ *kesitah* được tìm thấy trong 42:11, chỉ xảy ra ở nơi khác trong Sáng thế Ký 33:19 & Giô-suê 24: 32

2. Gióp rõ ràng không phải là người Do Thái

- a. Sử dụng danh xưng chung cho Đức Chúa Trời bởi Gióp và bạn bè của ông trong cuộc trò chuyện của họ
  1. *E-lo-him* (Đức Chúa Trời) chương 1-2 và 20, 28, 32, 34, 38
  2. *El* (Đức Chúa Trời) nhiều lần
  3. *Sha-ddai* (Quyền năng) nhiều lần
- b. Đường như là một người khôn ngoan từ Ê-đôm
  1. Út-xơ (Sáng thế Ký 36:28; Giê-rê-mi 25:20; Ca-thương. 4:21)
  2. Thê-ma (Sáng thế Ký 36:11)
  3. So sánh với "người của phương đông" (Gióp 1: 3; Các quan xét 6: 3, 33; Ê-sai 11:14; Ê-xê-chi-ên 25: 4,10)

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Các bối cảnh lịch sử của cuốn sách phù hợp với thời kỳ gia trưởng của thiên niên kỷ thứ hai TCN. Một số ví dụ sẽ là:
1. Công việc của Gióp như là thầy tế lễ cho gia đình (1: 5)
  2. Cuộc sống lâu dài của Gióp - 140+ năm (42:16)
  3. Phong cách sống bán du mục, chăn gia súc.
  4. Nhóm dân lưu động Sê-ba và những tên cướp Canh-đê (1: 15,17)
  5. Gióp sống ở thành phố nửa năm và sống với đàn bò của ông nửa năm.
- B. Thể loại cho biết niên đại cuốn sách trong thời kỳ sản sinh văn chương khôn ngoan. Điều này là từ thời của Đa-vít qua các vua Giu-đa, đặc biệt là Ê-xê-chia.
- C. R.K. Har-ri-son tin rằng niên đại của cuốn sách không muộn hơn cuối thế kỷ thứ 5 TCN, phù hợp với bằng chứng tốt nhất.

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Vị trí của U-xơ là không chắc chắn. Đã có hai lý thuyết chính:
1. Trong vùng đất của Ê-đôm
    - a. Được biết đến với những người thông minh, Giê-rê-mi 49: 7
    - b. Một trong ba người bạn đến từ Thê-man, một thành phố ở Ê-đôm. Nó được đặt theo tên một dòng dõi của Ê-sai, Sáng thế Ký 36:15.
    - c. U-xơ được đề cập đến như là dòng dõi của Sê-i-rơ người Hô-rít, xem Sáng thế Ký 36:20-30. Những người này liên quan đến khu vực của Ê-đôm.
    - d. U-xơ được xác định với Ê-đôm ở Ca-thương 4:21
  2. Trong khu vực A-ram
    - a. Phong cách văn học A-ram và các thuật ngữ phổ biến trong Gióp.
    - b. Sự hiện diện của những tên cướp Canh-đê 1:17.
    - c. Sáng thế Ký 10:23 liên kết U-xơ với A-ram, xem Sáng thế Ký 22: 20-22.
  3. Có thể tên U-xơ bao gồm một số bộ lạc phía đông của Phi-li-tin từ A-ram trong phía bắc đến Ê-đôm ở phía nam.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Lời mở đầu văn xuôi (hội đồng thiên đàng), 1-2

- B. Bạn của Gióp, 3-37

1. Lời than thở của Gióp, 3
2. Ba chu kỳ đối thoại, 4-31
  - a. Chu kỳ đầu tiên, 4-14
    - (1) Ê-li-pha, 4-5
    - (2) Gióp, 6-7
    - (3) Binh-đát, 8
  - b. Chu kỳ thứ hai, 15-21
    - (1) Ê-li-pha, 15
    - (2) Gióp, 16-17
    - (3) Binh-đát, 18
  - c. Chu kỳ thứ ba, 22-31
    - (1) Ê-li-pha, 22

- (4) Gióp, 9-10
- (5) Sô-pha, 11
- (6) Gióp, 12-14

- (4) Gióp, 19
- (5) Sô-pha, 20
- (6) Gióp, 21

- (2) Gióp, 23-24
  - (3) Binh-đát, 25
  - (4) Gióp, 26
  - (5) Kết luận của Gióp, 27
  - (6) Bình luận của tác giả (lời khen ngợi và bí ẩn của trí tuệ), 28
  - (7) Độc thoại của Gióp, 29-31
3. Nhận xét của Ê-li-hu, 32-37
- a. Văn xuôi, 32: 1-5
  - b. Thơ ca, 32: 6-37: 24
- C. Đức Chúa Trời đáp ứng với Gióp, 38: 1-42: 6
- 1. Đức Chúa Trời đáp ứng như Đấng Sáng tạo, 38-39
  - 2. Đức Chúa Trời đáp ứng như là Quan xét, 40: 1-2,6-41: 34
  - 3. Gióp ăn năn, 40: 3-5 và 42: 1-6
- D. Lời kết văn xuôi, 42: 7-17

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Cuốn sách này được viết để cân bằng thần học giao ước truyền thống (Phục truyền Luật lệ Ký 27-29) rằng người công bình được ban phước trong đời này và kẻ ác bị trừng phạt trong đời này. Thần học Do Thái truyền thống này được truyền đạt bằng những bài phát biểu của ba người bạn của Gióp. Thật cũng thú vị để lưu ý thách thức cụ thể đối với truyền thống đền từ chàng trai trẻ như Ê-li-hu, người đã bác bỏ công khai và sửa cả hai Gióp và ba người bạn cũ của mình.
- B. Cuốn sách này khẳng định rằng Đức Chúa Trời là công bình và cuối cùng sẽ thiết lập những điều ngay thẳng, hoặc trong đời sống này (sự hồi phục của Gióp, 42: 10-17) hoặc kế tiếp (14: 7-17; 19: 23-27.)
- C. Tất cả đau khổ không phải là kết quả của tội lỗi cá nhân. Đây là điều mà ba người bạn đã khẳng định (xem 4: 7-11; 8: 3-7; 11: 13-15; 15: 12-16; 22: 21-30). Đây là một thế giới không công bằng, sa ngã. Đôi khi kẻ ác thịnh vượng (Thi thiên 73). Thường thì người công bình chịu khổ. Sa-tan cáo buộc Gióp về đức tin theo ân huệ.
- D. Cuốn sách này cho chúng ta cái nhìn sâu sắc về thế giới thuộc linh. Có một kẻ tổ cáo, một đối thủ được chỉ định của con người. Sa-tan là một đầy tớ của Đức Chúa Trời, một thiên sứ truy tố trong Cựu ước (xem A.B. Davidson, *An Old Testament Theology*, được xuất bản bởi T & T Clark trang 300-306.) Rất khó để giải thích tại sao thuật ngữ Sa-tan có bài báo xác định. Nó có thể biểu thị một chức năng nhiều hơn một tên. Một số nhân vật khác nhau được mô tả là "đối thủ".
- 1. Con người
    - a. I Sa-mu-ên 29: 4
    - b. II Sa-mu-ên 19:22
    - c. I Các Vua 5: 4
    - d. I Các Vua. 11: 14-22, 23-25
    - e. Thi thiên 71:13
    - f. Thi thiên 109: 6, 20, 29
  - 2. Thiên sứ
    - a. Thiên sứ của Chúa – Dân số 22:21
    - b. Sa-tan - Gióp 1-2, I Sử ký. 21:13; Xa cha ri 3: 1-2
- E. Đức Chúa Trời không bao giờ tiết lộ cho Gióp lý do đằng sau những đau khổ của ông. Cuộc sống là một điều bí ẩn. Tin cậy vào Đức Chúa Trời thì quan trọng hơn là thông tin!

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NHĨA TÓM LƯỢC

A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ

1. Vô tội, 1: 1; 2: 3 (NASB & NIV)
2. Con trai của Đức Chúa Trời, 1: 6; 2: 1 (NIV, "thiên sứ")
3. Miếng sành, 2: 8 (NIV, "mảnh gốm vỡ")
4. Âm phủ, 7: 9; 11: 8 (NIV, "ngôi mộ")
5. Giấy cối, 8:11 (NASB & NIV)
6. Ra-háp, 9:13; 26: 12-13 (NASB & NIV)
7. Vực sâu, địa ngục, 26: 6; 28:22; 31:12 (NIV, "Huyền diệt")
8. Tiền chuộc, 33:24; 36:18 (NASB & NIV)
9. Thủy quái, 3: 8; 41: 1 (NASB & NIV)
10. Trâu nước, Hà mã, 40:15 (NASB & NIV)
11. Thần chính luận (*sự xác tính công bình của Đức Chúa trời cho phép việc trái đạo đức xảy ra*)

B. Nhân vật:

1. "Những người ở phía đông," NASB, (NIV, "tất cả mọi người ở phía đông") 1: 3
2. Sa-tan, 1: 6
3. Sê-ba, 1:15
4. Canh-đê, 1:17
5. Đấng Toàn Năng (*Shaddai*), 6: 4,14; 13: 3; 22: 3,26
6. Ê-li-hu, 32: 2

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. U-xơ, 1: 1
2. Thê-man, 4: 1
3. Ê-đôm

XI. NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN CHO SINH VIÊN

1. Kính sợ Đức Chúa Trời có nghĩa là gì? 1: 1,9; 28:28
2. Gióp có tội không (trơn vẹn)? 1: 1, 8, 22
3. Ai là "những người phương Đông"? 1: 3
4. Dữ kiện nào bày tỏ Gióp hành động như là một thầy tế lễ cho gia đình ông ghi ở trong sách? 1: 5
5. Ý nghĩa của Sa-tan ở trên thiên đàng trước mặt Đức Chúa Trời là gì? 1: 6-12
6. Trong những cách nào Satan cáo buộc Gióp trước Đức Chúa Trời?
7. Có phải 14: 7-17 và 19: 23-29 dạy một sự sống lại thân thể, tại sao có hay tại sao không?
8. Đức Chúa Trời có bao giờ trả lời các câu hỏi của Gióp không?
9. Gióp có bao giờ thừa nhận ông ta phạm tội không? 40: 3-5; 42: 1-6
10. Đức Chúa Trời bảo ba người bạn của Gióp phải làm gì? (42)
11. Gióp khẳng định sự vô tội của mình ảnh hưởng thế nào đến tính cách của Đức Chúa Trời? 40: 8

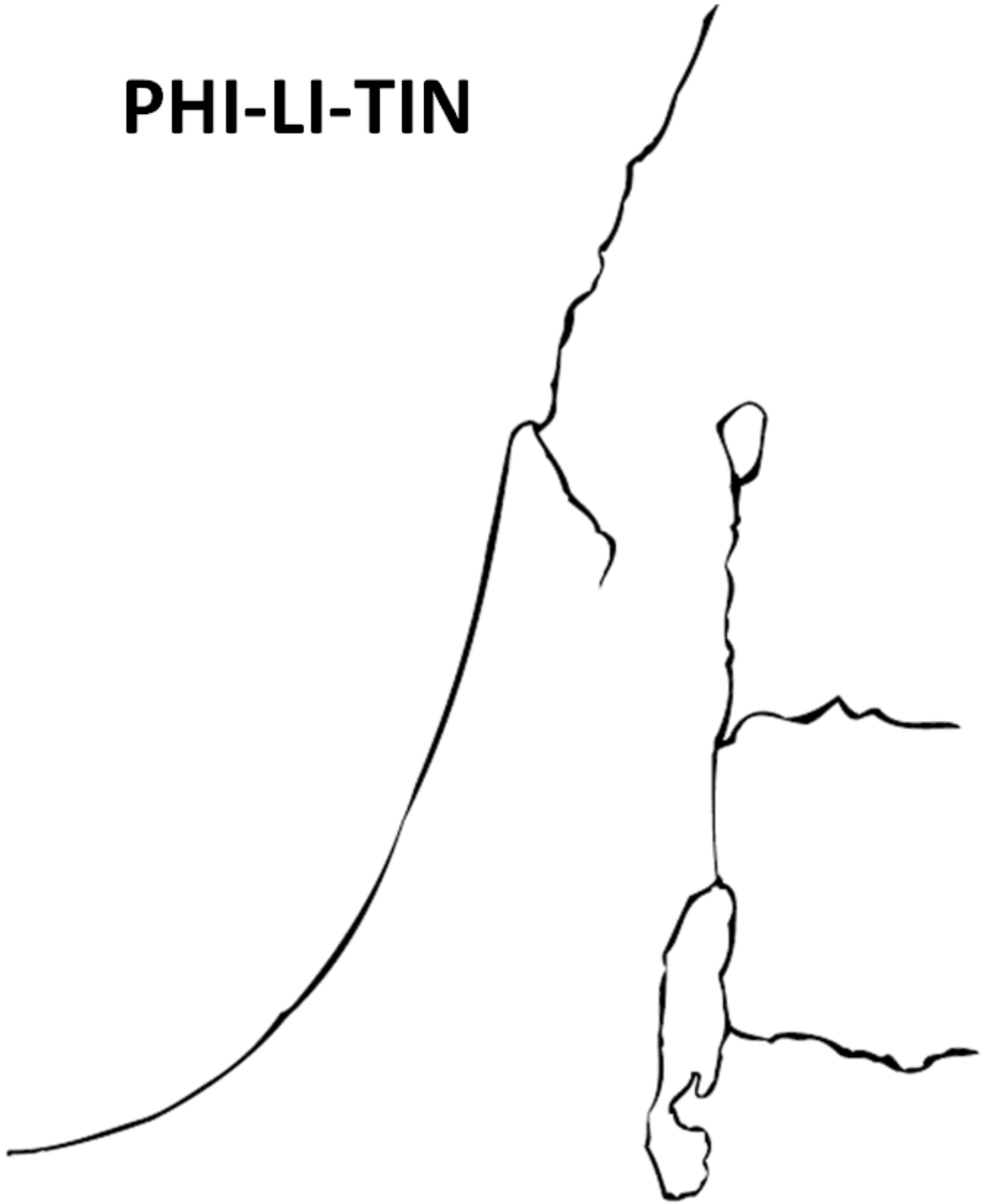


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẶN ĐÔNG**

**CỔ DÀI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM



# GIỚI THIỆU VỀ THI THIÊN

## I. TÊN SÁCH

- A. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, tựa đề là "Những bài ca ngợi" hay "Ngợi khen" (*Tehillim*). Điều này thật đáng ngạc nhiên vì nhiều Thi Thiên là những lời than khóc hoặc phàn nàn.
- B. Trong bản LXX, tựa đề là "*psalmos*" có nghĩa là "*chộp lấy*". Chữ Hy Lạp gốc này được dùng trong Thi Thiên trong Lu-ca 20:42; 24:44 và Công vụ 1:20. Không phải tất cả các Thi Thiên đều được hát với âm nhạc đệm, nhưng điều này đã trở thành tựa đề của toàn bộ cuốn sách trong LXX.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Thi thiên là một phần của Phần thứ ba trong Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các Tác phẩm". Phần này của Kinh điển Hê-bơ-rơ được tạo thành từ:
  - 1. Văn học khôn ngoan
    - a. Gióp
    - b. Thi thiên
    - c. Châm ngôn
  - 2. Sách lễ hội (*Megilloth*)
    - a. Ru-tơ
    - b. Truyền Đạo
    - c. Nhã-ca
    - d. Ca-thương
    - e. Ê-xơ-tê
  - 3. Sách lịch sử
    - a. Đa-ni-ên
    - b. Ê-xơ-ra
    - c. Nê-hê-mi
    - d. Sử ký
- B. Thi-thiên như một bộ sưu tập được tìm thấy trong LXX và Cuộn Biển Chết.
- C. Các Thi-thiên được trích dẫn thường xuyên trong Tân ước hơn bất kỳ cuốn sách nào khác trong Cựu Ước.

## III. THỂ LOẠI

- A. Hình thức văn học này là phổ biến đối với vùng Cận Đông Cổ đại. Các Thi-thiên Kinh Thánh chia sẻ hình thức bài thánh ca từ Ba-by-lôn, Ai Cập và Ca-na-an. Các học giả đã thấy sự liên kết chặt chẽ giữa:
  - 1. Thi-thiên 104:20-30 và Bài thánh ca Ai Cập cho A-ton (thế kỷ 14 TCN)
  - 2. Thi thiên 29 gần như giống hệt với một bài thơ U-ga-ri-tic cho Ba-anh, ngoại trừ tên của vị thần.
- B. Khám phá khảo cổ học của các bản văn Ras Sham-ra từ thành phố U-ga-rit cho thấy sự giống nhau giữa thơ Ca-na-an và Thi thiên.
- C. Hình thức văn học là một thể loại cổ xưa trong Y-sơ-ra-ên:
  - 1. Bài hát của Môi-se, Xuất 15: 1-17
  - 2. Bài hát của Mi-ri-am, Xuất 15:21
  - 3. Một bài hát của Y-sơ-ra-ên, Dân-số-ký 21: 17-18
  - 4. Bài hát của Đê-bô-ra, Các Quan xét 5
  - 5. Bài hát của An-ne, I Sa-mu-ên 2: 1-10

6. Bài hát về cây Cung từ cuốn sách kể Công Bình, II Sa-mu-ên 1: 17-27

D. Ba hình thức chính:

1. Thi-thiên ngợi khen - đặc trưng bằng cách bắt đầu với câu mệnh lệnh cách như "Ngợi khen Chúa", "Hãy hát cho Chúa," v.v...
2. Thi-thiên than khóc - đặc trưng bằng cách bắt đầu với một lời xưng hô như "Oh! Lạy Chúa", theo sau là phần nài hoặc lời cầu xin.
3. Thi-thiên khôn ngoan - tương tự như các loại văn chương khôn ngoan.

#### IV. BẢN QUYỀN

A. Quyền tác giả truyền thống của nhiều Thi-thiên được đưa ra trong các tựa đề hoặc được viết lên trên. Có hai cách để xem các tựa đề này:

1. Chúng là một phần của văn bản tiếng Hê-bơ-rơ và do đó thuộc kinh điển. Tuy nhiên, Thi-thiên được tìm thấy trong Cuộn Biển Chết không có các tựa đề và phần viết lên trên này.
2. Chúng không phải là bản gốc với các tác giả được soi dẫn và nên được xem như là truyền thống cổ xưa và là lẽ thật không được soi dẫn. Dường như ít nhất hai trong số chúng không tương thích với các văn bản kinh điển khác:
  - a. Tựa đề của Thi-thiên 34 so với I Sa-mu-ên 21: 10ff
  - b. Tựa đề của Thi-thiên 56 so với I Sa-mu-ên 21:10
3. Một vấn đề khác là giới từ "của" trong tiếng Hê-bơ-rơ có thể được hiểu theo nhiều cách:
  - a. "được viết bởi"
  - b. "được viết cho"
  - c. "được viết đến"
  - d. "thuộc về thời điểm của"
  - e. "dưới sự chỉ đạo của"

B. Chỉ định tác giả của tựa đề MT:

1. Đa-vít, (I Sa-mu-ên 16: 16-18), (MT) tác giả của 73; (LXX) tác giả của 84; (Vul-gate) tác giả của 53.
2. Ẩn danh - 50 Thi-thiên: 1, 2, 10, 33, 43, 71, 91, 93-97, 104-107, 118-119, 135, 137, 146-150.
3. A-sáp, nhà lãnh đạo hợp xướng của Đa-vít (I Sử-ký 15: 16-17; 16: 5) 12 Thi-thiên: 50, 73-83
4. Con trai của Cô-ra, một gia đình các nhạc sĩ Lê-vi (I Sử-ký 9:19; 15:17) 11 Thi-thiên: 42-49 ngoại trừ 43, 84-88 ngoại trừ 86
5. Giê-đu-thun, nhạc trưởng Lê-vi, (I Sử-ký 16: 41-42; 25: 1-3; II Sử-ký 5:12) 3 Thi-thiên: 39, 62, 77.
6. Sô-lô-môn, 2 Thi-thiên: 72, 127. "Được viết bởi," "được viết cho," "được ghi vào," "thuộc về," "trong thời gian của "hoặc" theo chỉ đạo của ".
7. Môi-se, 1 Thi-thiên: 90
8. Êt-ra-hít (I Sử-ký 6:33; 15:17)
  - a. Ê-than, Thi thiên 89 (một số nghĩ Áp-ra-ham) I Sử-ký 15: 17,19
  - b. Hê-man, Thi Thiên 88 (cũng là con trai của Cô-ra) I Các Vua. 4:31; I Sử-ký 4:31; 15:19

C. Truyền thống Quyền tác giả từ các tác phẩm của người Do Thái

1. Ba-ba Bath-ra 14b - "Đa-vít đã viết cuốn sách Thi-thiên với sự giúp đỡ của mười trưởng lão, với giúp đỡ của A-đam, người đầu tiên, Mên-chi-xê-đéc, Áp-ra-ham, Môi-se, Hê-man, Giê-đu-thun, A-sáp và ba người con trai của Cô-ra "
2. San-he-drin 38b (Tal-mud) gán Thi-thiên 139 cho A-đam và Thi-thiên 110 cho Mên-chi-xê-đéc.

D. Bản LXX đặt các Thi-thiên cho Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, A-ghe và Xa-cha-ri (112, 126, 127, 137, 146-149)

#### V. NIÊN ĐẠI

A. Niên đại của Thi-thiên là khó vì hai lý do:

1. Các Thi-thiên do cá nhân có một dịp đặc biệt khiến chúng được viết ra.
  2. Các Thi-thiên được thu thập thông qua một quá trình biên tập thành năm cuốn sách
- B. Thi-thiên bao gồm những bài thơ từ mọi thời đại của đời sống của Y-sơ-ra-ên:
1. Truyền thông Do Thái nói:
    - a. A-đam đã viết Thi-thiên 139
    - b. Mên-chi-xê-đéc viết Thi-thiên 110
    - c. Áp-ra-ham đã viết Thi-thiên 89
    - d. Môi-se đã viết Thi-thiên 90
  2. Các học giả hiện đại đã chia các Thi-thiên thành ba giai đoạn chính:
    - a. Tiền lưu đày (sách, I, II, & IV)
    - b. Lưu đày (cuốn sách III)
    - c. Hậu Lưu đày (cuốn sách V)
- C. Rõ ràng là nhiều Thi-thiên được quy cho Đa-vít:
1. Đa-vít là một nhà soạn nhạc, người chơi đàn và ca sĩ, I Sa-mu-ên 16: 16-18
  2. Ông khởi đầu và tổ chức các nhóm nhạc Lê-vi, hoặc các ca sĩ đền thờ, I Sử ký 15: 1-16:43, 25: 1-31; II Sử ký 29: 25-30.
  3. Hai cuốn sách đầu tiên của Thi-thiên được quy cho ông, Thi-thiên 72:20
  4. Thi thiên của ông xuất hiện trong tất cả năm cuốn sách Thi-thiên.

## VI. CẤU TRÚC CỦA THI-THIÊN

- A. Không có chủ đề hoặc mô hình chung. Có:
1. Một giới thiệu chung (đặc trưng của một người công chính) - Thi. 1 và có thể là Thi. 2
  2. Mỗi một trong năm bộ phận của sách cũng kết thúc bằng một kết thúc ngợi khen, 41:13; 72: 18-19; 89:52; 106: 48
  3. Một kết thúc chung (doxology) - Thi thiên 150
- B. Đặc điểm của năm cuốn sách
1. Sách 1- Thi-thiên 1-41
    - a. Tất cả nhưng quy 4 cho Đa-vít (1, 2, 10, 33)
    - b. Đức Giê-hô-va làm tước hiệu cho Đức Chúa Trời chiếm ưu thế, *YHWH* 273 lần so với *Elohim* 151 lần.
    - c. Có thể là những ngày xung đột của Đa-vít với Sau-lơ.
  2. Sách 2 - Thi thiên 42-72 (72:20 bày tỏ biên tập viên)
    - a. Thi-thiên 42-49 cho con trai của Cô-ra (ngoại trừ 43)
    - b. E-lo-him là danh hiệu cho Đức Chúa Trời chiếm ưu thế, *E-lo-him* 164 lần, đến *YHWH* 30 lần.
    - c. Có thể là những ngày Đa-vít làm Vua
  3. Sách 3 - Thi thiên 73-89
    - a. Thi-thiên 73-83, A-sáp
    - b. Thi-thiên 84-88, các con trai của Cô-ra (ngoại trừ 86)
    - c. 26 Thi-thiên qui cho Đa-vít.
    - d. Đức Giê-hô-va là tước hiệu cho Đức Chúa Trời; *YHWH* 44 lần; *E-lo-him* 43 lần
    - e. Có thể là cuộc khủng hoảng của người A-sy-ri
  4. Sách 4 - Thi-thiên 90-106
    - a. Thi thiên 101, 103 do Đa-vít
    - b. Thi-thiên 90 do Môi-se
    - c. Tất cả những thi-thiên khác ẩn danh
    - d. *YHWH* được sử dụng 104 lần; *E-lo-him* 7 lần
    - e. Có thể là cuộc khủng hoảng Ba-by-lôn.
  5. Sách 5 - Thi-thiên 107-150
    - a. Thi-thiên 119 là một chữ viết hoa mở rộng trên Lời Đức Chúa Trời.

- b. *YHWH* 236 lần; *E-lo-him* 7 lần
  - c. Thi-thiên 146-150 là những Thi-thiên ngợi khen, tất cả bắt đầu bằng "Ngợi khen Chúa"
  - d. Có thể hy vọng trong các phước lành tương lai của Đức Chúa Trời.
- C. Số lượng Thi-thiên Khác nhau
- 1. MT MSS
    - a. Be-ra-choth 9b - Thi-thiên 1 và 2 được tính là 1.
    - b. Shab-bath 16 - tổng số Thi-thiên là 147 để phù hợp với những năm của đời Gia-cốp.
  - 2. LXX
    - a. Thi thiên 9 và 10 cùng nhau làm một Thi-thiên
    - b. Thi thiên 114 và 115 cùng nhau là những Thi-thiên Hal-lel
    - c. Thi thiên 116 và 147 được chia thành 2 cho mỗi thi thiên
  - 3. Số Thi-thiên có thể liên quan đến chu kỳ đọc Kinh Thánh hàng năm của nhà hội Do Thái đầu tiên.
- D. Một mẫu các cách để tạo nhóm Thi-thiên:
- 1. Theo chủ đề hoặc tựa đề
    - a. Thánh ca ngợi khen
      - (1) Cho Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo, 8, 19, 104, 139, 148
      - (2) Cho Đức Chúa Trời nói chung, 33, 103, 113, 117, 134-136, 145-147
    - b. Thánh ca tạ ơn, 9-10, 11, 16, 30, 32, 34, 92, 116, 138
    - c. Than khóc / buồn thảm / phán nàn
      - (1) Tập thể, 12, 14, 44, 53, 58, 60, 74, 49, 80, 83, 85, 89, 90, 94, 106, 123, 126, 137.
      - (2) Cá nhân, 3-7, 13, 17, 22, 25-28, 31, 35, 38-43, 69-71, 86, 88, 102, 109, 120, 130, 139-143
    - d. Thánh ca của vương quyền
      - (1) Đức Chúa Trời là vua, 47, 93, 96-99
      - (2) Vua Y-sơ-ra-ên hoặc Đấng Mê-si, 2, 18, 20, 21, 45, 72, 89, 101, 110
    - e. Thánh ca về Si-ôn, 46, 48, 76, 84, 87, 122
    - f. Thánh ca lễ nghi
      - (1) Gia hạn giao ước, 50, 81
      - (2) Các phước lành thuộc thầy tế lễ, 134
      - (3) Về Đền Thờ, 15, 24, 68
    - g. Bài thánh ca về sự khôn ngoan, 36, 37, 49, 73, 111, 112, 127, 128, 133
    - h. Những bài thánh ca về đức tin vào sự thành tín của Đức Giê-hô-va, 11, 16, 23, 62, 63, 91, 121, 131.
    - i. Lên án các vị thần giả và thần tượng, 82, 115
  - 2. Bối tác giả hoặc diễn giả.
    - a. Thánh ca của Đa-vít sử dụng chủ yếu là *YHWH* như tên của Đức Chúa Trời, Thi thiên. 1-41
    - b. Thánh ca của Đa-vít sử dụng chủ yếu là *E-lo-him* như tên của Đức Chúa Trời, Thi-thiên. 51-72
    - c. Bài thánh ca của các ca sĩ và nhạc sĩ Lê-vi của Đa-vít
      - 1. Cô-ra và các con trai, Thi-thiên 42-49, 84-88
      - 2. A-sáp và các con trai, Thi-thiên 73-83
    - d. Bài thánh ca của những người ca ngợi, Thi-thiên 111-118, 140-150
    - e. Bài thánh ca của những người hành hương đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng tại một ngày lễ hội, Thi-thiên 120-134
  - 3. Bối các sự kiện lịch sử trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên dựa trên tựa được viết ở trên hoặc nội dung, Thi-thiên 14, 44, 46-48, 53, 66, 68, 74, 76, 79, 80, 83, 85, 87, 108, 122, 124-126 và 129
- E. Thi thiên liên quan
- 1. Thi thiên 14 và 53 đều giống nhau, ngoại trừ Danh của Đức Chúa Trời.
    - a. Thi Thiên 14 có *YHWH*
    - b. Thi thiên 104 có *Elohim*
  - 2. Thi thiên 103 và 104 được liên kết:
    - a. Mở và kết thúc giống nhau.

- b. Thi-thiên 103 có *YHWH* là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc.
- c. Thi-thiên 104 có *Elohim* là Đấng Sáng tạo và Đấng bảo dưỡng.
- 3. Thi thiên 32 và 51 đều liên quan đến tội lỗi của Đa-vít với Bát-sê-ba.
- 4. Thi thiên 57: 7-11 và 60: 5-12 được kết hợp thành Thi-thiên 108
- 5. Thi thiên 18 được lập lại trong II Sa-mu-ên 21: 1-51

F. Tại sao 150 Thi-thiên trong 5 cuốn sách

- 1. Có thể 150 Thi-thiên song song với 150 đơn vị nhà hội Do Thái về luật đọc sách công khai trong ngày sa-bát.
- 2. Có thể năm cuốn sách song song với năm cuốn sách của Môi-se.

## VII. THUẬT NGỮ ÂM NHẠC TRONG THI-THIÊN

A. Các thuật ngữ âm nhạc trong các tựa đề được viết lên trên được sử dụng để mô tả các loại Thi-thiên khác nhau

- 1. *MIZMOR* có nghĩa là "chộp lấy". Đây là những Thi-thiên có nghĩa là được hát và đệm theo bằng nhạc cụ. Có 57 Thi thiên như vậy.
- 2. *SHIR* đề cập đến các bài hát của tất cả các loại. Có 30 Thi thiên như vậy.
- 3. *MASCHIL* hoặc *MASKIL* biểu thị các bài hát về kỹ năng đặc biệt hoặc các bài thánh ca về dạy dỗ. Có 30 Thi thiên như vậy.
- 4. *MITCHTAM* hoặc *MITKHTAM* - ý nghĩa của thuật ngữ này là không chắc chắn. Từ một khả năng gốc tiếng Hê-bơ-rơ, nó có thể có nghĩa là "vàng" hay "quý giá"; từ một gốc *Ak-ka-di-an* nó có thể có nghĩa là "ân" hoặc "không công khai"; từ một gốc A-rập nó có thể có nghĩa là "*chuộc lỗi*" hoặc "*tha thứ*". Có 6 Thi thiên như vậy.
- 5. *PALAL* có nghĩa là cầu nguyện. Nó được sử dụng để mô tả các Thi-thiên của Đa-vít trong sách I & II (cf. Thi thiên 72:20). Nó cũng được tìm thấy trong phần ghi tựa đề lên trên của Thi-thiên 17, 86, 90, 102, 142 và có thể là 122.

B. Các thuật ngữ âm nhạc mô tả việc chơi đàn hoặc hát Thi-thiên

- 1. *SELAH* được sử dụng 71 lần trong 39 Thi-thiên và Ha-ba-cúc 3: 3, 9, 13. Ý nghĩa của chúng là không chắc chắn. Đã có năm sáu giả thuyết:
  - a. Từ bản LXX "thời gian tạm nghỉ" cho suy gẫm hoặc hiệu ứng ấn tượng
  - b. Từ gốc Hê-bơ-rơ "nhắc lên", do đó, là cao độ hoặc nhấn mạnh
  - c. Thầy giáo ra-bi nói đó là một sự khẳng định như "A men" có nghĩa là "mãi mãi".
- 2. *SHIGGAION* hoặc *SHIGIONOTH* được sử dụng trong Thi-thiên 7 và Ha-ba-cúc 3. Đó là một than thở hoặc buồn thảm bày tỏ nỗi buồn. Nó có một hình thức thơ đầy cảm xúc.
- 3. *NEGINOTH* được sử dụng 6 lần và Ha-ba-cúc 3:19. Nó có nghĩa là "trên các nhạc cụ có dây".
- 4. *SHEMINITH* được sử dụng hai lần. Nó có thể có nghĩa là "trên quãng tám" hoặc "trên tám." Nó ngược lại của *Alamoth*, do đó, có thể cho giọng nam (xem I Sử ký 15:21).
- 5. *ALAMOTH* được sử dụng 4 lần. Nó ám chỉ đến giọng nữ cao (xem I Sử ký 15:20).
- 6. *MECHILOTH* được sử dụng một lần. Nó có nghĩa là "trên nhạc cụ gió."
- 7. *GITTITH* được sử dụng 3 lần. Nó có nghĩa là "trên đàn hạc."
- 8. Có một số tham chiếu đến các giai điệu được đặt tên cụ thể, Thi-thiên 9, 22, 45, 53, 56, 57-59, 60, 62, 69, 75, 77, 80 & 88

## VIII. MỤC ĐÍCH CỦA THI-THIÊN

- A. Y-sơ-ra-ên tin rằng mọi sự sống đều liên quan đến Đức Chúa Trời bởi giao ước. Thi-thiên là sự phóng thích của con người đến Đức Chúa Trời những cảm xúc sâu sắc nhất của cuộc sống.
- B. Y-sơ-ra-ên tin vào một và chỉ riêng một Đức Chúa Trời chăm sóc. Đức tin không phải là lễ nghi hay tín điều nhưng cá nhân và hàng ngày. Hình thức thi ca của Thi-thiên giúp chúng ta thể hiện bản thân tôn giáo của mình với Đức Chúa Trời. Nhân vật chính của Cựu Ước là Đức Chúa Trời!

- C. Thi-thiên có thể bắt đầu như là những biểu hiện cá nhân của đức tin cá nhân mà sau này được sử dụng bởi cộng đồng đức tin (xem Thi thiên 23; 139, v.v.).

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

### A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ

1. "Biệt riêng" (*kadosh*) 4: 3 (NASB & NIV)
2. "Tin cậy" (*emeth*) 4: 5 (NASB & NIV)
3. "Làm cho con đường Ngài bằng thẳng" 5: 8 (NASB & NIV)
4. "Sự nhơn từ" (*hesed*) 6: 4 (NIV, "tình yêu không đổi đời")
5. "Ăn năn" 7:12 (NIV, "địu đi")
6. "Con loài người," 8: 4 (NASB & NIV)
7. "Sự cứu rỗi," 9:14 (NASB & NIV)
8. "Cái hồ," 9:15 (NASB & NIV)
9. "Chén", 11: 6; 75: 8 (NIV, "số phận")
10. "Sự công bình," 15: 2 (NIV, "công bình")
11. "Chê-ru-bin," 18:10 (NIV, "*cherubim*")
12. "Giống như chân nai cái," 18:33 (NIV, "chân của con nai")
13. "Đáng chuộc tội", 19:14 (NASB & NIV)
14. "Bắt thăm ", 22:18 (NASB & NIV)
15. "Trùng bóng chết," 23: 4 (NASB & NIV)
16. "Dưới bóng cánh của Chúa " 57: 1; 91: 4 (NASB & NIV)
17. "Bao gai," 69:11 (NASB & NIV)
18. "Sách sự sống", 69:28; 139: 16 (NASB & NIV)
19. "Những nơi trơn trượt," 73:18 (NIV, "mặt đất trơn")
20. "Sùng kẻ ác," 75:10 (NASB & NIV)
21. "Các nơi cao", 78:58 (NASB & NIV)
22. "Ra-háp," 89:10 (NASB & NIV)
23. "Hủy diệt", 118: 10,11,12 (NASB & NIV)
24. "Đá góc nhà," 118: 22 (NIV, "capstone")
25. "Sùng của bàn thờ," 118: 27 (NASB & NIV)

### B. Nhân vật

1. Đức Chúa Trời vạn quân (*YHWH Sab-both*) NASB, 24:10 (NIV, "Chúa toàn năng")
2. Giê-đu-thun, 62 phần giới thiệu (NASB & NIV)
3. Ích-ma-ên, 83: 6 (NASB & NIV)
4. Mên-chi-xê-đéc, 110: 4 (NASB & NIV)

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Si-ôn, Thi-thiên 2: 6
2. Ba-san, 22:12
3. Ca-đe Ba-nê-a, 29: 8 (NIV, "Ca-đe")
4. Núi Hết-môn, 42: 6 (NIV, "Cao nguyên của Hết-môn")
5. Si-lô, 78:60
6. Núi Tha-ô, 89:12
7. Ba-anh-Phê-rô, 106: 28 (NIV, "Ba-anh của Phê-rô")

## XI. CÂU HỎI THẢO LUẬN NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao là Thi Thiên 2 được xem là một Thi-thiên phổ thông, và về Đấng Mê-si-a?
2. Mô tả các phép ẩn dụ khác nhau được sử dụng để mô tả Đức Chúa Trời trong Thi thiên 18: 1-2
3. Liệt kê hai loại mặc khải được tìm thấy trong Thi-thiên 19 và giải thích.

4. Thi-thiên 22 mô tả gì theo ý nghĩa tiên tri?
5. Giải thích bối cảnh lịch sử đối với Thi-thiên 32 & 51.
6. Thi-thiên 38 nói về điều gì? (theo từ ngữ của bạn)
7. Giải thích ẩn dụ của Thi-thiên 42: 1.
8. Giải thích điều 51: 11-12 đang nói đến điều gì.
9. Kính sợ Chúa là có ý nghĩa như thế nào? 67: 7
10. Vấn đề của cuộc sống là gì mà Thi-thiên 73 đang đấu tranh với?
11. Điều bất thường về Cấu trúc của Thi-thiên 119 là gì? Chủ đề chung của nó là gì?
12. Vấn đề của cuộc sống là gì mà Thi-thiên 139 xử lý?



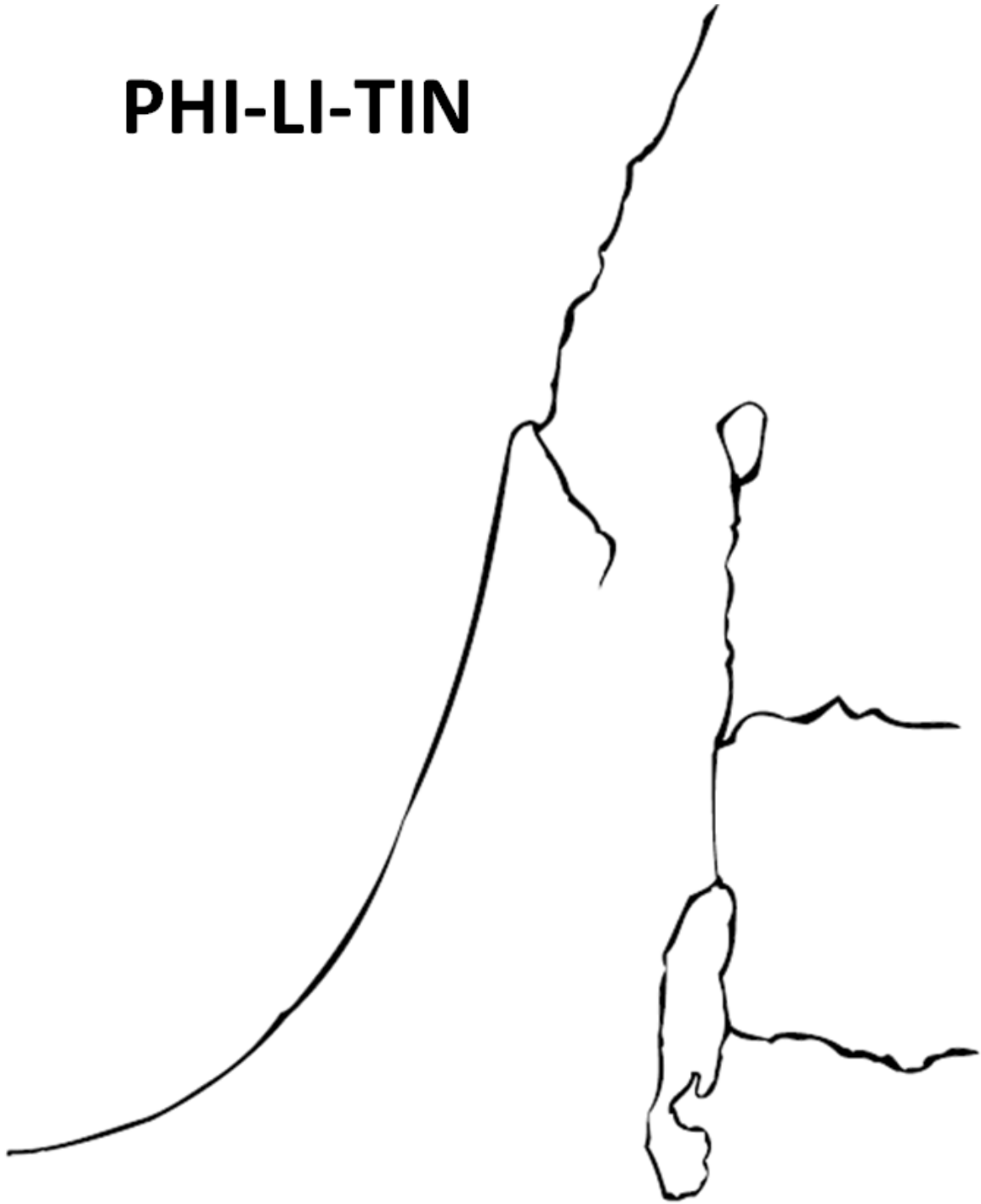
BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

THỜI CẬN ĐÔNG

CỔ DẠI



# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ CHÂM-NGÔN

## I. TÊN SÁCH

- A. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, tựa đề là bảy câu đầu tiên và chủ đề là câu 7.
- B. Trong LXX nó được gọi là "Châm- ngôn của Sô-lô-môn."
- C. Trong Vul-gate nó được gọi là "sách châm-ngôn"
- D. Tựa đề tiếng Anh xuất phát từ chữ Hê-bơ-rơ *mashal* có nghĩa là "giống như". Châm ngôn thường ngắn, suy nghĩ gợi ý, phát biểu, thường là hai dòng.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Nó là một phần của phần thứ ba của Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các tác phẩm".
- B. Kinh Tal-mud, Ba-ba Bath-ra 14b, nói thứ tự của những cuốn sách khôn ngoan là Thi-thiên, Gióp và Châm ngôn. Nó qui tác giả của:
  - 1. Gióp cho Môi-se.
  - 2. Thi-thiên cho Đa-vít.
  - 3. Châm ngôn cho Ê-xê-chia.
- C. Các thầy Ra-bi khẳng định rằng Sô-lô-môn, người nổi tiếng vì sự khôn ngoan của ông, đã viết ba cuốn sách:
  - 1. Nhã-ca khi ông còn trẻ,
  - 2. Châm-ngôn khi ông ở tuổi trung niên,
  - 3. Truyền-đạo khi ông già và cay đắng. Truyền thống này được thể hiện bằng cách gom nhóm ba cuốn sách này cùng nhau trong bản LXX.

## III. THỂ LOẠI

- A. Châm ngôn là một loại văn chương khôn ngoan chuyên biệt.
- B. Có một số loại câu châm-ngôn (xem Clyde Francisco, *Introducing the Old Testament*, p. 265).
  - 1. Châm-ngôn lịch sử - đây là những câu nói nổi tiếng và phổ biến của quá khứ mà trở thành hiện thực.
  - 2. Châm-ngôn ẩn dụ - đây là hai câu nói song song so sánh mọi thứ:
    - a. Sử dụng so sánh, "giống như" hoặc "như"
    - b. Sử dụng độ tương phản
  - 3. Bí ẩn - đây là những câu đố hoặc những lời trêu ghẹo.
  - 4. Châm-ngôn ngụ ngôn - đây là những so sánh hoặc tương phản dài hơn, phát triển hơn.
  - 5. Châm-ngôn mô-phạm - đây là những lễ thật hướng đến đào tạo thanh niên cho sự phục vụ của chính quyền hoặc lãnh đạo.
- C. Châm ngôn có những song song như Thi-thiên:
  - 1. Song song đồng nghĩa – Châm ngôn 8: 1
  - 2. Song song đối nhau – Châm ngôn 28: 1
  - 3. Song song tổng hợp – Châm ngôn 26: 1

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Châm ngôn đã được truyền thống kết nối với Sô-lô-môn, như các Thi-thiên đã được kết nối với Đa-vít. Điều này là vì Sô-lô-môn nổi tiếng vì sự khôn ngoan của ông (xem I Các vua 3:12; 4: 29-34; 10: 1), và bởi vì tên của Sô-lô-môn được đề cập trong Châm-ngôn 1: 1; 10: 1 và 25: 1.
- B. Châm ngôn là kết quả của việc biên tập như Thi-thiên. Có một số tác giả được đề cập:
  - 1. Sô-lô-môn - 1: 1; 10: 1; 25: 1
  - 2. Những người khôn ngoan (hiền triết) - 22:17; 24:23
  - 3. A-gu-rơ - 30: 1
  - 4. Lê-mu-ên - 31: 1
- C. Quá trình biên tập trong Châm ngôn có thể được nhìn thấy trong 25: 1, ở đó nói rằng những người đàn ông của tòa án Ê-xê-chia đã biên tập các châm ngôn của Sô-lô-môn. Có thể nhiều châm ngôn đã được truyền khẩu trước thời gian này.
- D. Chương 30 và 31 là bởi những người đàn ông từ Ma-sa. Có một số bất đồng giữa các dịch giả về thuật ngữ này. Nhiều phiên bản tiếng Anh hiện đại dịch thuật ngữ này bằng "lời sấm" hoặc "gánh nặng". Hiệp hội Xuất bản Do Thái của Mỹ dịch nó như là tên một địa điểm. Thuật ngữ MASSA này là ám chỉ đến vương quốc Ích-ma-ên ở Ả-rập Xê-út (xem Sáng thế Ký 25:14 và I Sử ký 1:30).
- E. Có sự tương đồng rõ ràng giữa "Lời của sự khôn ngoan" 22: 17-24: 22 và "Huấn thị của A-me-ne-mope ", có niên đại từ Ai Cập khoảng 1200 TCN. Để có một cuộc thảo luận đầy đủ, hãy xem John H. Walton, *Ancient Israelite Literature in Its Cultural Context*, Grand Rapids: Zondervan, 1990. pp. 192-197.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Niên đại của cuốn sách này có cùng một vấn đề như Thi-thiên. Có hai niên đại để xem xét:
  - 1. Niên đại của các câu châm ngôn riêng biệt,
  - 2. Niên đại chúng được thu thập vào kinh điển của chúng ta.
- B. Nhiều câu trong số các câu Châm-ngôn trở lại thời đại của Sô-lô-môn, đặc biệt là 10:1-22:16 và 25:1-29:27.
- C. Có nhiều điểm giống nhau giữa những lời của A-gu-rơ trong chương 30 và các bản văn Ras Sham-ra từ U-ga-rit. Những văn bản này là từ thế kỷ 15 TCN.
- D. Sách Kinh điển Châm-ngôn, chương 1-29, được biên soạn trong thời Ê-xê-chia (710-687 TCN). Hai chương cuối cùng được thêm vào sau.

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Tựa đề của cuốn sách, 1: 1-6
- B. Tuyên bố chủ đề, 1: 7
- C. Ngợi khen sự khôn ngoan (nhân cách hóa), 1: 8 - 9: 18
- D. Châm ngôn của Sô-lô-môn (cặp đối lập tương phản), 10: 1 - 22: 16
- E. Lời nói khôn ngoan (tương tự như sự khôn ngoan Ai Cập), 22: 17 - 24: 22
- F. Nhiều lời hơn của người khôn ngoan, 24: 23-34

- G. Châm ngôn của Sô-lô-môn (chuyên đề), 25: 1-29: 27
- H. Lời của A-gu-rô (đáp ứng với thuyết bất khả tri), 30: 1-33
- I. Lời của Lê-mu-ên (từ mẹ ông), 31: 1-9
- J. Khen ngợi một phụ nữ tin kính (thể thơ chữ đầu), 31: 10-31

### VIII. LỄ-THẬT CHÍNH:

- A. Mặc dù không được tuyên bố thường xuyên, Châm ngôn được dựa trên sự giả định một Đức Chúa Trời riêng biệt, có một, hoạt động trong cả sự sáng tạo và trong đời sống của những tín đồ cá nhân (xem 1: 7; 3: 5 - 6; 9:10; 14: 26 - 27;19:23).
- B. Loại văn chương này là sự cân bằng đối với (xem Giê-rê-mi 18:18; Ê-xê-chi-ên 7:26):
  1. "Luật-pháp" (các thầy tế lễ)
  2. "Các sách Tiên Tri" (các tiên tri)  
Nó không hướng đến lịch sử hay lễ nghi của Y-sơ-ra-ên mà là hạnh phúc, đạo đức và đời sống thành công của những người Y-sơ-ra-ên.
- C. Ban đầu nó được thiết kế để đào tạo những người đàn ông trẻ giàu có cho sự phục vụ của chính quyền hoặc sự lãnh đạo cộng đồng (xem 1: 8-9).
- D. Đó là sự thấu hiểu đầy cảm hứng cho cuộc sống hằng ngày, thực tế, thánh thiện. Nó có thể được đặc trưng là "giác quan con ngựa thiêng liêng."
- E. Phải nhớ rằng Châm ngôn là những phát biểu chung của lẽ thật. Chúng không luôn luôn giải thích hoặc đưa ra chi tiết các nan đề hoặc hoàn cảnh của cá nhân.

### IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH-NHĨA NGẮN GỌN:

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ
  1. Châm ngôn (*mashal*), 1: 1 (NASB & NIV)
  2. Sự khôn ngoan (*hokmah*), 1: 2 (NASB & NIV)
  3. Kính sợ Chúa, 1: 7 (NASB & NIV)
  4. "Hô lên sự khôn ngoan ngoài đường," 1:20 (NIV, "sự khôn ngoan gọi lớn tiếng trên đường phố")
  5. "Những người ngây thơ ... những kẻ lừa gạt ... kẻ ngu," 1:22 (NIV, "những người đơn sơ ... người nhạo báng ... kẻ ngu")
  6. Người phụ nữ lạ, 2:16 (NIV, "dâm phụ")
  7. "Nó là cây sự sống," 3:18 (NASB & NIV)
  8. "Một sự ghê tởm với Chúa," 3:32; 17:15 (NIV, "Chúa ghét")
  9. "Hãy uống nước từ hồ con chúa," 5:15 (NASB & NIV)
  10. "Một cam kết," 6: 1 (NIV, "an ninh")
  11. Người vô giá trị (*belial*), 6:12 (NIV, "đồ vô loại")
  12. "Chúa đã chiếm hữu tôi lúc bắt đầu con đường của Ngài," 8:22 (NIV, "Chúa đã mang tôi ra như là tác phẩm đầu tiên của Ngài ")
  13. "Âm-phủ và địa ngục nói dối trước mặt Chúa," 15:11; 27:20 (NIV, "Cái chết và Sự hủy diệt nói dối trước mặt Chúa ")
  14. Đấng cứu chuộc (*Go'el*), 23:11 (NIV, "người bệnh vực")
  15. Cho vay nặng lãi, 28: 8 (NIV, "lãi suất cắt cổ")
  16. Lời sấm (*massa*), 30: 1; 31: 1 (NASB & NIV)

B. Nhân vật:

1. Người của Ê-xê-chia, 25: 1
2. A-gu-rơ, 30: 1
3. Y-thi-ên và U-canh, 30: 1
4. Lê-mu-ên, 31: 1

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ - không có

XI. CÂU HỎI THẢO LUẬN NỘI DUNG CHO SINH VIÊN:

1. Sự khác biệt giữa các từ tiếng Hê-bơ-rơ cho "sự khôn ngoan" và "kiến thức" là gì?
2. Tại sao 1: 7 lại quan trọng như vậy?
3. Tại sao sự khôn ngoan được nhân cách hóa như một người phụ nữ?
4. Phần khôn ngoan trong sự sáng tạo là gì? (xem 3:19; 8:27)
5. Giải thích "hai con đường" (4: 10-19).
6. Giải thích lời cầu nguyện của 30: 7-9.
7. Liệt kê các thuộc tính của người vợ tin kính trong 31: 10-31.

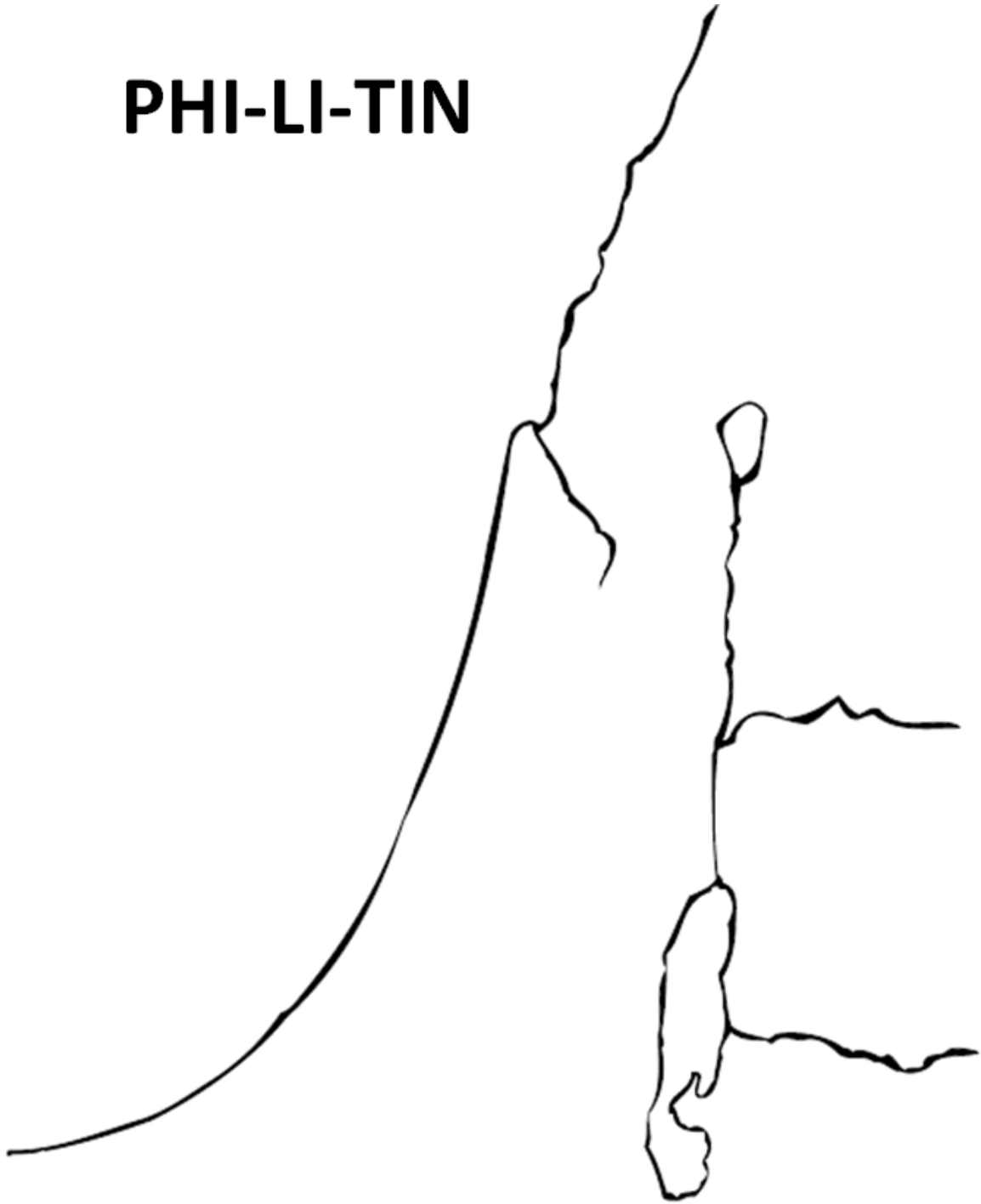


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

THỜI CẬN ĐÔNG

CỔ DẠI

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ TRUYỀN ĐẠO

## I. TÊN SÁCH

- A. Tên Hê-bơ-rơ là cụm từ "Lời của *Qoheleth*, con trai của Đa-vít, vua ở Giê-ru-sa-lem" từ 1: 1. Tên gọi ngắn của nó là *Qoheleth*, được sử dụng cho *Sô-lô-môn* trong I Các Vua 8: 1. Nó là một phân từ giống cái từ tiếng Hê-bơ-rơ *Qahal*, "hội chúng" hay "hội đồng".
- B. Cuốn sách được gọi là "*Ecclesiastes*" là một dạng La-tin hóa từ bản LXX. Đây là thuật ngữ Hy Lạp cho "một người tập hợp", từ gốc "gọi ra".
- C. Thuật ngữ *Qoheleth* có thể có nghĩa là:
  - 1. Một người tập hợp một số khán thính giả, do đó là một giáo viên, giảng viên, thảo luận viên, v.v...
  - 2. Có thể ẩn dụ cho một người tập hợp lẽ thật, một nhà triết học hay hiền triết.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Truyền Đạo là một ví dụ về một loại văn chương khôn ngoan. Nó là một sự xử lý mở rộng của một chủ đề giống như sách Gióp.
- B. Nó là một phần của phần thứ ba của Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các tác phẩm".
- C. Nó cũng là một phần của một nhóm năm cuốn sách nhỏ được gọi là *Megilloth* hoặc "năm cuộn". Mỗi trong số này được đọc vào một ngày lễ hàng năm. Truyền Đạo được đọc tại Lễ Quán hoặc Lễ Lều Tam.
- D. Bởi vì bản chất cực đoan của cuốn sách này, nó đã bị từ chối bởi các trường phái Do Thái bảo thủ Sham-mai, nhưng được ủng hộ bởi trường phái tự do của Hil-lel. Cuộc tranh luận này tiếp tục cho đến thời điểm Jam-nia sau sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (70-90 SCN).
- E. Một số sách kinh điển của Cựu Ước đã gặp khó khăn khi được chấp nhận:
  - 1. Truyền Đạo - tinh thần cay đắng, tiêu cực, phi truyền thống
  - 2. Nhã-Ca - khẳng định tình yêu thuộc thể
  - 3. Ê-xơ-tê - không đề cập đến Đức Chúa Trời hoặc Đền thờ hoặc các địa điểm.
  - 4. Ê-xê-chi-ên - Đền thờ của ông khác với đền thờ của Môi-se
  - 5. Và ở một mức độ nào đó, Đa-ni-ên - những lời tiên tri khải huyền của các chương 7-12
- F. Cuối cùng, Truyền Đạo đã được chấp nhận vì:
  - 1. Nó được quy cho *Sô-lô-môn*,
  - 2. Nó có một kết luận truyền thống,
  - 3. Nó bày tỏ đúng với kinh nghiệm của con người và cho thấy sự bối rối của cộng đồng người Do Thái sau thời kỳ lưu đày.

## III. THỂ LOẠI

- A. Truyền Đạo cũng như Gióp phải được thông giải như một tổng thể. Nó là một sự chiêm biếm liên tục suốt đến chương 12.
- B. Đó là một cái nhìn mỉa mai chiêm biếm trong cuộc sống mà không có Đức Chúa Trời. Cụm từ chính là "dưới ánh mặt trời", 1: 3, 9, 14; 2:11, 17, 18, 19, 20, 22; 3:16; 4: 1, 3, 7, 15; 5:13, 18; 6: 1, 5, 12; 7:11; 8: 9, 15, 17; 9: 3, 6, 9, 11, 13; 10: 5; 11: 7; 12: 2 (31 lần).



#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Cuốn sách là vô danh.
- B. Truyền thống Do thái cho biết đó là một trong ba cuốn sách do Sô-lô-môn viết: (*Midrash Shir hasharem, Rabbah I, 1, phần 10*)
1. Nhã-ca khi ông còn trẻ,
  2. Châm ngôn khi ông ở tuổi trung niên,
  3. Truyền-Đạo khi ông già và cay đắng.
- C. Sô-lô-môn chắc chắn là lá thư văn học của các chương 1-2, vì sự khôn ngoan, sự giàu có và địa vị của ông. Nhưng có những gợi ý rằng ông không phải là tác giả thực sự:
1. Trong 1:12, "Tôi là vua trên Y-sơ-ra-ên ở Giê-ru-sa-lem" (NIV) - quá khứ
  2. Trong 1:16, "... nhiều hơn tất cả những ai ở trên Giê-ru-sa-lem trước tôi" (NASB) - chỉ có Đa-vít là trước Sô-lô-môn
  3. Trong 4: 1-3, 5: 8 và 8: 9 lạm dụng của chính phủ được thảo luận nhưng là vô vọng.
  4. Tên Sô-lô-môn không xuất hiện trong cuốn sách.
- D. Đối với một lập luận học thuật về quyền tác giả của Sô-lô-môn (xem *Introduction to the Old Testament*, by C. F. Keil, vol. 1, pp. 516-529).
- E. Ba-ba Bath-ra 15a nói rằng những người của Ê-xê-chia đã viết Châm ngôn, Truyền Đạo và Nhã ca, nhưng điều này rõ ràng có nghĩa là họ đã chỉnh sửa hoặc biên soạn các cuốn sách khôn ngoan.
- F. Thuật ngữ *Qoheleth* có thể là một tên riêng hay một danh hiệu. Nó trông giống như một danh hiệu vì:
1. Nó có bài báo xác định trong 7:27 và 12: 8,
  2. Nó là một hình thức giống cái, ngụ ý một chức vụ nhưng sử dụng động từ giống đực,
  3. Đó là một thuật ngữ hiếm, được tìm thấy 7 lần chỉ trong cuốn sách này.
- G. Phần duy nhất của cuốn sách cho thấy tác giả hoặc biên tập viên sau này là 12: 9-14. Ông rõ ràng là một hiền nhân, một vị thầy khôn ngoan.
- H. Những nghịch lý hoặc mâu thuẫn rõ ràng đã được giải thích là:
1. Mía mai, cuộc sống không có Đức Chúa Trời ("dưới ánh mặt trời")
  2. Sự khôn ngoan truyền thống của người Do Thái và những thách thức đối với nó (được trích dẫn để được bác bỏ)
  3. Một giáo viên khôn ngoan và học viên trẻ nhiệt tình của ông và một người kể chuyện (đối thoại)
  4. Cuộc xung đột bên trong người đàn ông sa ngã (nhật ký của cuộc sống)
  5. Biên tập viên sau này, ví dụ, 12: 9-12 (tích cực đối với *Qoheleth*) và 12: 13-14 (tiêu cực đối với *Qoheleth*).

#### V. NIÊN ĐẠI

- A. Có hai vấn đề liên quan đến niên-đại của Truyền Đạo:
1. Khi cuốn sách được sáng tác,
  2. Khi nó được đặt trong hình thức kinh điển cuối cùng của nó.
- B. Bối cảnh lịch sử phải sau niên đại của Sô-lô-môn. Ông được sử dụng như một nền tảng văn học trong chương 1-2.
- C. Hình thức cuối cùng của cuốn sách chỉ vào một niên đại sau này:
1. Hình thức phong cách của tiếng Hê-bơ-rơ là hậu lưu-đầy nhưng trước niên đại 400-300 TCN.
    - a. Từ và biểu thức của tiếng A-ram

b. Hình thức của tiếng Hê-bơ-rơ.

2. Có hình thức song song văn học trong văn học khôn ngoan Phô-ni-xi khoảng 600-400 TCN.
3. Âm chỉ đến Truyền đạo xuất hiện trong văn bản của Ben Si-rah, *Ec-cle-si-as-ti-cus*, được viết khoảng 180 TCN.
4. Đã có năm sáu phần nhỏ của Truyền Đạo được tìm thấy trong Cuộn Biển Chết (4Q). Những phần này đã được ghi niên đại vào cuối thế kỷ thứ hai TCN.

## VI. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Cuốn sách này khó làm dần bài. Nó giống như một tạp chí của cuộc sống hơn là một tác phẩm văn học có cấu trúc. Nó là tương tự như sự giảng dạy của các thầy ra-bi, được gọi là "ngọc trai trên một chuỗi." Tuy nhiên, có các họa tiết hợp nhất, nếu không phải là một chủ đề thống nhất.
- B. Có thể đã có các biên tập bổ sung:
1. Phần mở đầu, 1: 1
  2. Bao gồm 1: 2 và 12: 8 ngụ ý 1: 1 và 12: 9-14 là bổ sung
  3. Thêm hai phần kết:
    - a. 12: 9-12 (ở ngôi thứ ba)
    - b. 12: 13-14 (thần học truyền thống)
- C. Rõ ràng là các chương 1-2 sử dụng Sô-lô-môn như một nền tảng văn học.
- D. Chương 3 là một bài thơ tuyệt vời về những kinh nghiệm chung của cuộc sống con người.
- E. Phần còn lại không phác thảo dễ dàng!

## VII. CÁC VẤN ĐỀ THẦN HỌC

- A. Sự thật về sự hiện diện của cuốn sách này trong Kinh điển dường như ngụ ý rằng Đức Chúa Trời không từ chối người tìm kiếm nghi ngờ chân thành.
- B. Việc đặt câu hỏi tối thượng không được nãn lòng.
- C. Truyền Đạo thừa nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời và được viết trong dòng của đức tin Cựu Ước.
- D. Gian ác là kết quả của con người, không phải là Đức Chúa Trời (xem 7:29; 9: 3).
- E. Những cách của Đức Chúa Trời không thể được biết đến. Con người phải đấu tranh cho ý nghĩa trong cuộc sống!
- F. Nghi ngờ về quan điểm chính thống về cuộc sống ngày sau và nghi ngờ về khả năng của con người để biết đầy đủ về Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời vẫn ân điển.
- G. Thế giới, như nó là, là không công bằng và độc ác, phải có một cái gì đó nhiều hơn nữa!
- H. Hãy hài lòng với cuộc sống - đó là từ Đức Chúa Trời. Hãy tận hưởng nó bất cứ khi nào và ở đâu bạn có thể. (2:24)
- I. Các câu trả lời đơn giản không phù hợp với trải nghiệm cuộc sống là những câu trả lời "không". Chúng ta phải đối mặt với thực tế của sự vô nghĩa của cuộc sống nếu không có Đức Chúa Trời.

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Mục đích chính của Truyền đạo là để cho thấy sự vô ích của sự tồn tại của con người ngoài Đức Chúa Trời. Nó là một con đường để biến đổi các nhà duy vật tự cung tự cấp hoặc các nhà duy tâm. B. H. Carroll nói rằng trong những ngày bội đạo của ông, Truyền Đạo và Gióp đã thực hiện một sức mạnh phi thường trên ông ta, thể hiện sự trống rỗng của cuộc sống và chỉ về phía Đức Chúa Trời.
- B. Hạnh phúc và sự thỏa lòng được tìm thấy trong (2:24; 3: 12-13,22; 5: 18-20; 8:15; 9: 7-9; 12: 13-14):
1. Tin và vâng phục đối với Đức Chúa Trời,
  2. Niềm vui ở nhà và gia đình,
  3. Công việc của một người.
- C. Cuốn sách này là bất khả tri về Đức Chúa Trời và sự sống sau này. Nó không trả lời các câu hỏi cuối cùng thực tế, nhưng nó hỏi những câu hỏi của thực tế hiện tại:
1. Đối với người Do Thái, nó cho thấy lỗi của các tuyên bố đơn giản được thực hiện bởi các nhà thần học truyền thống ("hai cách").
  2. Đối với người ngoại bang, nó cho thấy sự phá sản của đời sống trần tục không có Đức Chúa Trời.
  3. Câu trả lời dễ dàng cho các câu hỏi của cuộc sống thường sai. Có bí ẩn ngay cả đối với đức tin! Khải Huyền không tiết lộ tất cả!
- D. Tác giả này đang sử dụng mặc khải tự nhiên, không phải là mặc khải đặc biệt, để kiểm tra cuộc sống. Tên giao ước cho Đức Chúa Trời, Đức Giê-hô-va *YHWH*, không xuất hiện trong sách. Giống như tất cả các tài liệu khôn ngoan, tên chung cho Đức Chúa Trời, *E-lo-him*, được sử dụng.
- E. Cuốn sách này tạo thành một sự cân bằng để tối ưu hóa Châm ngôn nhằm cung cấp thành công trong cuộc sống. Có bí ẩn trong cuộc sống, trong tự nhiên, trong con người, trong Đức Chúa Trời. Chìa khóa được tìm thấy trong đức tin, không phải tri thức; trong gia đình chứ phải không tài sản, và trong Đức Chúa Trời chứ không phải con người. Những niềm vui đơn giản của cuộc sống: gia đình, công việc, bạn bè, thực phẩm cung cấp hạnh phúc trong cuộc đời này. Cuộc sống tiếp theo bị che đậy, nhưng Đức Chúa Trời ở đó!

## IX. THUẬT NGỮ / CỤM TỪ, NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN

- A. Thuật ngữ / cụm từ
1. "Hư không của sự hư không" 1: 2 (NIV, "vô nghĩa! Vô nghĩa!")
  2. "Dưới mặt trời" 1: 3 (NASB & NIV)
  3. "Vì nếu sự khôn ngoan nhiều, sự phiền não cũng nhiều" 1:18 (NIV, "với nhiều khôn ngoan, đến nhiều nỗi buồn ")
  4. "Tôi biết rằng hai đàng cùng gặp một số phận về sau" 2:14 (NASB & NIV)
  5. "Ngài cũng đã đặt sự đời đời ở trong lòng họ" 3:11 (NASB & NIV)
  6. "Đức Chúa Trời chắc chắn đã thử thách chúng ..." 3:18 (NASB & NIV)
  7. "... nhưng tốt hơn cả hai người là người chưa bao giờ tồn tại ..." 4: 2-3 (NIV, "tốt hơn, hơn cả hai là người chưa từng tồn tại ")
  8. "Kính sợ Đức Chúa Trời" 5: 7 (NIV, "đứng trong sự kính sợ Đức Chúa Trời")
  9. "Người yêu tiền sẽ không thỏa lòng với tiền" 5:10 (NASB & NIV)
  10. "Đừng quá công bình, và đừng quá khôn ngoan" 7:16 (NASB & NIV)
  11. "Người nào đào hố có thể rơi vào hố" 10: 8 (NASB & NIV)
  12. "Hãy liệng bánh ngươi nơi mặt nước, vì khối lâu ngày ngươi sẽ tìm nó lại" 11: 1 (NASB & NIV)
- B. Nhân vật
1. Qoheleth 1: 1
  2. Người canh gác 12: 3-4 (NIV, "người giữ nhà")
  3. Một Đấng chặn chiên 12:11
  4. Con trai tôi 12:12

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ - không có

XI. NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN CHO SINH VIÊN

1. Mục đích chung của cuốn sách này là gì?
2. Tại sao Sô-lô-môn là nền tảng văn học của các chương 1-2?
3. Con người như thế nào là giống và khác với động vật? 3: 12-22
4. Chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời không?
5. Hạnh phúc được tìm thấy ở đâu?
6. Cuốn sách này được viết cho ai và tại sao?

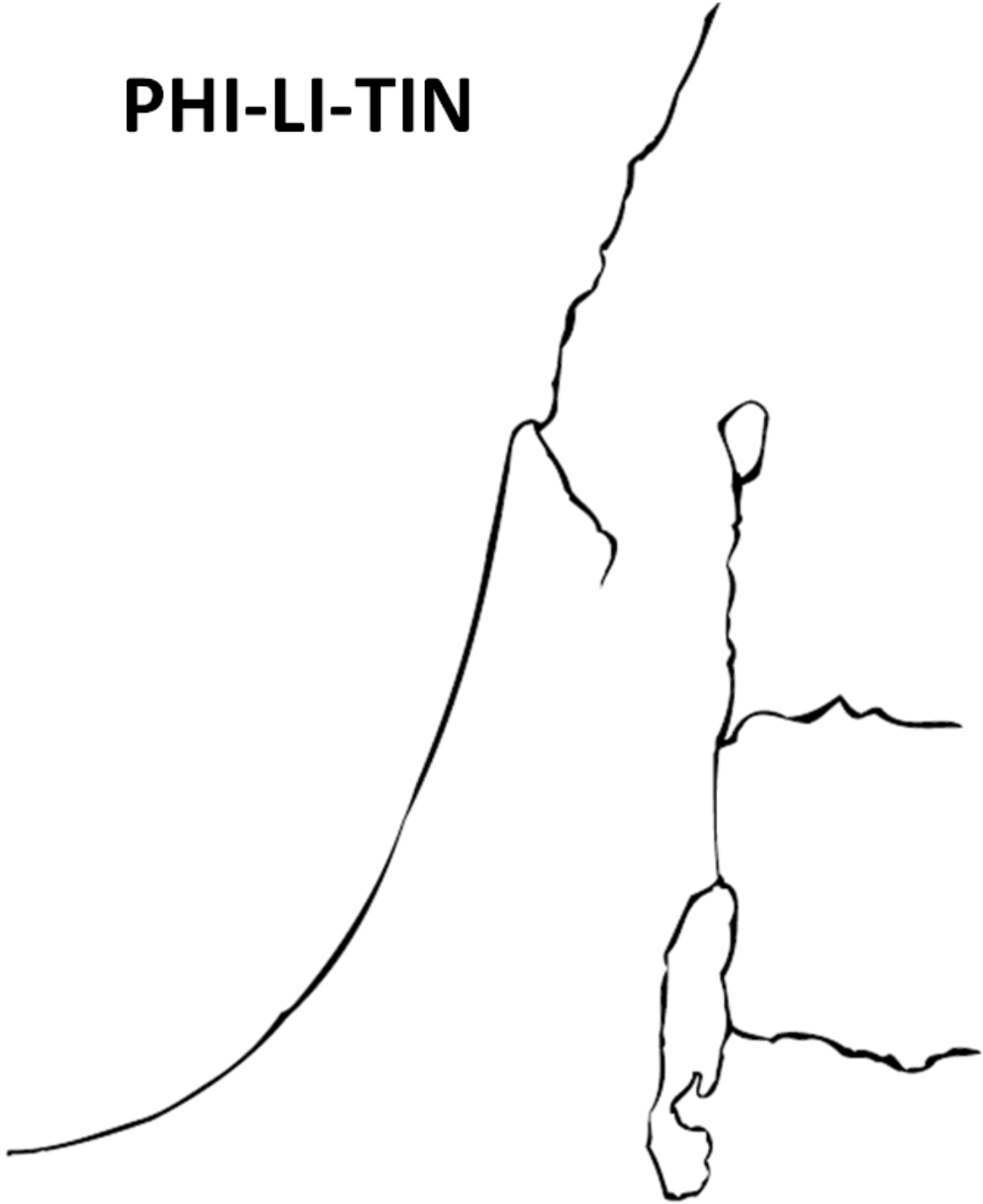


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ NHÃ CA

## I. TÊN SÁCH

- A. Cuốn sách này, giống như tất cả các cuốn sách của Cựu ước ban đầu được đặt tên sau vài từ đầu tiên của sách. Trong tiếng Hê-bơ-rơ những từ đầu tiên là "bài hát của những bài hát là của Sô-lô-môn", là một tiếng Hê-bơ-rơ dạng so sánh tuyệt đối. Điều này có nghĩa là các bài hát tình yêu hoàng gia tốt nhất.
- B. Cuốn sách này còn được gọi là "thánh ca" trong Vul-gate. (*canticum canticorum*)

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Vì nội dung bất thường của cuốn sách này, nó gặp khó khăn trong việc đạt được trạng thái kinh điển:
1. Trường phái ra-bi của Sham-mai (bảo thủ) phản đối cuốn sách
  2. Trường phái Do Thái của Hil-lel (tự do) đã xác nhận cuốn sách.
  3. Tại Hội đồng ra-bi của Jam-nia (90 SCN) cuốn sách vẫn đang được thảo luận và đặt câu hỏi có phải kinh điển hay không.
  4. Dưới sự lãnh đạo của Ra-bi A-ki-ba (Aqiba) Nhã ca cuối cùng đã được chấp nhận là kinh điển. Ông ấy nói về cuốn sách này, "đối với cả thế giới không xứng đáng như ngày mà Nhã ca đã được trao cho Y-sơ-ra-ên, vì tất cả các tác phẩm đều là thánh, nhưng Nhã-ca là chí thánh."
- B. Đây là sách đầu tiên của một danh sách sách đặc biệt từ phần các tác phẩm của Kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là *Me-gil-loth* (năm cuộn). Mỗi sách được đọc vào một ngày lễ hàng năm. Nhã-ca được đọc tại Lễ Vượt Qua:
1. Nhã-ca - Lễ Vượt Qua
  2. Ru-tơ - Lễ ngũ tuần
  3. Truyền-đạo - Lễ Quán hoặc Lễ Lều Tạm
  4. Ê-xơ-tê - Lễ Phu-rim
  5. Ca-Thương - sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem và phá hủy Đền thờ Sô-lô-môn
- C. Phần Văn bản của Kinh điển Hê-bơ-rơ đặt Nhã-ca sau Thi-thiên, Châm ngôn và Gióp và trước Ru-tơ, Ca-thương, Truyền-đạo và Ê-xơ-tê. Kinh Thánh tiếng Anh theo thứ tự bản LXX.

## III. THỂ LOẠI

- A. Thể loại là vấn đề chính trong việc thông giải về cuốn sách. Thể loại thì rất quan trọng trong việc xác định ý định của mục đích của tác giả nguyên thủy. Cuốn sách được viết hoàn toàn bằng thơ ca.
- B. Các lý thuyết là:
1. Câu chuyện ngụ ngôn Do Thái – Mish-nah, Tal-mud và Tar-gums, tất cả đều khẳng định rằng cuốn sách này mô tả Lịch sử Do Thái về tình yêu của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên. Y-sơ-ra-ên là cô dâu của Đức Giê-hô-va (xem Xuất 34: 15-16; Lê-vi-ký 17: 7; 20: 5-6 và Dân-số 14:33).
  2. Câu chuyện ngụ ngôn Cơ đốc giáo – O-ri-gen, Je-rome, A-tha-na-si-us, Au-gus-tine, Tho-mas A-qui-nas và Lu-ther, tất cả đều khẳng định rằng cuốn sách này mô tả Hội thánh về tình yêu của Đấng Christ. Thường thì Ê-phê-sô 5: 21-31 được cho là song song.
  3. Bài hát kết hôn truyền thống - Có sự tương đồng đáng kể giữa cuốn sách này và những bài thơ tình yêu của Sy-ri, từ khoảng 600 TCN, được biết đến như là những *wasfs*. Cô dâu chú rể trao đổi lời khen, gọi nhau "vua" và "hoàng-hậu". Ngoài ra còn có một số cặp song song với những bài thơ tình yêu Ai Cập, trong đó người yêu được gọi là "chị em" (4: 9-10,12; 5: 1-2).  
Loại văn học này ca ngợi tình yêu chung thủy của con người đương thời đã nổi tiếng trong thời cận đông cổ đại.
  4. Vỡ Kịch
    - a. Cuốn sách là một vở kịch được thực hiện giữa một số diễn viên:

- (1) Nhà Vua
  - (2) Một cô gái quê miền bắc,
  - (3) Một người yêu quê miền bắc,
  - (4) Ban hát hay hậu cung ("các con gái của Giê-ru-sa-lem").
- b. Một ví dụ về dàn dựng này có thể được minh họa trong chương 1:
- (1) Câu 2-4b, cô dâu
  - (2) Câu 4c-e, ban hát (cf. 2: 7; 3: 6-11; 5: 9; 6: 1,13; 8: 5,8)
  - (3) Câu 5-7, cô dâu
  - (4) câu 8, ban hát
  - (5) Câu 9-10, chú rể
  - (6) Câu 11, ban hát
  - (7) Câu 12-14, cô dâu
  - (8) Câu 15, chú rể
  - (9) Câu 16-17, cô dâu
- c. Lý thuyết về một người bạn trai bắc được dựa trên:
- (1) Người yêu được gọi là người chăn chiên, người theo chiên.
  - (2) Cuốn sách kết thúc ở phía bắc không phải là Giê-ru-sa-lem.
  - (3) Hậu cung bị chỉ trích, 6: 8-9.
- d. Bản thảo tiếng Hy Lạp *Sinaiticus* có tiêu đề cho mỗi phần liên quan đến cô dâu và chú rể.
5. Dụ ngôn - Lý thuyết này cố gắng kết hợp nghĩa đen và nghĩa bóng. Nó bày tỏ niềm vui của tình dục con người và hàm ý của việc một vợ một chồng. và, nó thấy mục đích có hình tượng liên quan đến Y-sơ-ra-ên.
  6. Nghĩa đen - Lý thuyết này khẳng định Đức Chúa Trời đã đưa ra các khía cạnh của tình dục con người. Nó xem cuốn sách theo giá trị bề mặt. Quan điểm này được The-o-dore của Mo-su-es-tia tán thành, một trong các ánh sáng của trường phái thông giải An-ti-o-chan.
- C. Cuốn sách này không phải là văn học khôn ngoan điển hình, nhưng nó có thể có chức năng theo cùng một cách, để đào tạo thanh niên. Nó dường như có một khía cạnh đạo đức liên quan đến thuyết một vợ một chồng và sự tinh khiết và vẻ đẹp của tình dục con người vào thời điểm thích hợp, và với con người thích hợp.

#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Ba-ba Bath-ra 15a nói Ê-xê-chia và người của ông đã viết cuốn sách. Rõ ràng là "đã viết" có nghĩa là: được thu thập hoặc chỉnh sửa và không có tác giả (xem Châm-ngôn 25: 1).
- B. Truyền thống Do thái đã luôn khẳng định rằng Sô-lô-môn đã viết cuốn sách này:
1. Tên của ông xuất hiện trong 1: 1, 5; 3: 7, 9, 11; 8:11, 12.
  2. Chữ "vua" có ở trong 1: 4, 12; 7: 5.
  3. Các ngựa Ai Cập được đề cập trong 1: 9 phù hợp với triều đại của Sô-lô-môn (xem I Các vua 10:28).
  4. Tác giả đã đề cập đến các địa điểm địa lý khắp Phi-li-tin, Sy-ri và khu vực xuyên Giô-đanh thậm chí xuống đến A-ra-bah. Điều này phản ánh các giới hạn địa lý của Vương quốc Sô-lô-môn.
  5. Các thầy ra-bi nói rằng khi Sô-lô-môn còn trẻ, ông ấy đã viết những bài hát tình yêu (Nhã ca), khi ông là một người lớn ông đã viết châm ngôn (Châm ngôn) và khi ông già ông đã viết của sự hư không của tất cả mọi thứ (Truyền đạo).
- C. Một số lý do chống lại tác giả là Sô-lô-môn:
1. Tiêu đề trong tiếng Hê-bơ-rơ, "Bài hát của Sô-lô-môn" có thể có nghĩa là:
    - a. Bởi Sô-lô-môn,
    - b. Cho Sô-lô-môn,
    - c. Về Sô-lô-môn,
    - d. Trong ngày của Sa-lô-môn,
    - e. Theo phong cách của Sô-lô-môn.



2. Cuốn sách kết thúc ở miền bắc Y-sơ-ra-ên (7: 10-13) và không phải trong hậu cung ở Giê-ru-sa-lem.
3. Cuốn sách dường như để khẳng định sự tốt lành, sự trọn vẹn và niềm vui của tình dục một vợ một chồng. Điều này không phù hợp với cuộc sống của Sô-lô-môn.
4. Sô-lô-môn có thể là nền tảng văn chương cho Nhã-ca như khi ông đối với Truyền-đạo 1-2 (E. J. Young, *An Introduction to the Old Testament*, p. 268)

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Giống như nhiều sách khôn ngoan của Cựu ước, có hai khía cạnh cho đến nay:
  1. Bối cảnh lịch sử ban đầu,
  2. Niên đại và hình thức của cuốn sách như nó xuất hiện trong kinh điển.
- B. Bối cảnh lịch sử:
  1. Thời kỳ của Sô-lô-môn:
    - a. Sức mạnh của nhà vua để có nhiều người vợ,
    - b. Sự hiện diện của một hậu cung như một ban hát,
    - c. Kiến thức về các địa điểm phân tán rộng rãi (cũng như động vật và thực vật).
    - d. Giê-ru-sa-lem song song với Thiệt-sa, vốn là thủ đô của Y-sơ-ra-ên trước Sa-ma-ri (Om-ri), 6: 4.
  2. Hình thức cuối cùng của cuốn sách:
    - a. Hình thức phân từ tương quan giống cái là tiếng Hê-bơ-rơ muộn (xem 1:12; 2: 7)
    - b. Việc sử dụng các từ vay mượn của tiếng A-ram và Hy Lạp
      - (1) Thiên đàng
      - (2) Vườn cây ăn quả
      - (3) Giường
      - (4) Trường kỹ
- C. Học giả hiện đại không đồng ý:
  1. E. J. Young — Ngày của Sô-lô-môn
  2. W. F. Albright — Thế kỷ thứ năm-thứ tư TCN
  3. R. K. Harrison — Hình thức cuối cùng ngay trước khi lưu đày

## VI. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Có một số khía cạnh khó khăn đối với cuốn sách. Người ta tự hỏi liệu có một chủ đề thống nhất hay mục đích hoặc chỉ là một loạt các bài thơ tình yêu.
- B. Những câu sau đây rất khó để giải thích theo ánh sáng của một chủ đề thống nhất:
 

1. 2:15	3. 8:5b-e
2. 5:7	4. 8:8-9
- C. Cách duy nhất để diễn giải cuốn sách với một chủ đề thống nhất là đưa ra một kịch bản kịch tính ba người và một ban hát:
  1. Nhà vua
  2. Một cô gái miền bắc
  3. Một người yêu đất nước phía bắc
  4. Hậu cung như ban hát
- D. Cuốn sách này, giống như Ê-xơ-ra, không chứa bất kỳ tên nào của Đức Chúa Trời (8: 6 được dịch là "ngọn lửa rực lửa" trong Hiệp hội Xuất bản Do Thái bản dịch của Mỹ).

## VII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Đây rõ ràng là một sự khẳng định về sự thuần khiết và vẻ đẹp của tình dục con người, 8: 6-7. Điều này có thể dường như là một sự khẳng định rõ ràng nhưng trong ánh sáng: (1) tội lỗi tình dục của Đa-vít và hậu quả của nó trong gia đình ông, và (2) sự thờ thần tượng của Sô-lô-môn ở tuổi già vì các vợ ngoại quốc của ông và tôn giáo của họ, đây là một tuyên bố cần thiết.

Trong ánh sáng của thuyết nhị nguyên trong tôn giáo Hy Lạp, lẽ thật này chắc chắn là cần thiết cho ngày nay. Sự thuộc linh không phải là có điều kiện về khổ hạnh! Thuộc thể không phải là bản chất tà ác.

- B. Nhiều người đã thấy cuốn sách này trong ánh sáng tương tự Cựu Ước về Đức Chúa Trời như là chồng và Y-sơ-ra-ên là vợ (ví dụ về sự thông giải của các thầy ra-bi về xuất Ê-díp-tô và Ô-sê 1-3).
- C. Khó khăn trong việc xác định cả thể loại và mục đích trọng tâm khiến người ta phải thận trọng trong việc thông giải giáo điều.
- D. Cuốn sách không có gợi ý về một chủ đề tôn giáo hay quốc gia. Điều này thật bất thường đối với một cuốn sách kinh điển.

## VIII. THUẬT NGỮ / CỤM TỪ, NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN

### A. Thuật ngữ / cụm từ

1. Một được 1:13; 3: 6; 4: 6,14; 5: 1,5,13 (NASB & NIV)
2. "Những con chồn nhỏ," 2:15 (NASB & NIV)
3. "Sự khùng khiếp của đêm," 3: 8 (NASB & NIV)
4. "Hoàng hậu... cung phi," 6: 8,9 (NASB & NIV)
5. Trái phong, 7:13 (NASB & NIV)
6. Cái ấn, 8: 6 (NASB & NIV)
7. Cô ấy là một bức tường, 8: 9 (4:12) (NASB & NIV)

### B. Nhân vật

1. "Vua", 1: 4b, 12
2. "Tôi đen nhưng xinh đẹp," 1: 5 (NIV, "Tôi thì đen, nhưng đáng yêu")
3. "Chàng chẵn bầy ở đâu ..." "1: 7 (NIV, " ... gặm cỏ ... ")
4. "Ta là hoa hồng của Sa-rôn, hoa huệ của các thung lũng," 2: 1
5. "Con gái của Giê-ru-sa-lem," 2: 7
6. Người canh gác, 3: 3; 5: 7
7. "Hỡi Su-la-mít," 6:13

## IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. En-gê-đi, 1:14
2. Sa-rôn, 2: 1
3. Li-băng, 4: 8
4. Núi Hết-môn, 4: 8
5. Thiệt-sa, 6: 4
6. Ga-la-át, 6: 5 (Ga-la-át, 4: 1)
7. Đa-mách, 7: 4
8. Núi Cạt-mên, 7: 5

## X. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao là cuốn sách trong kinh điển?
2. Bản thân người Do thái giải thích chính Sách này là gì? và tại sao?

3. Loại văn chương này là gì? Tại sao điều này tạo nên sự khác biệt?
4. Tại sao tên của Đức Chúa Trời hoặc lịch sử của Y-sơ-ra-ên không bao giờ ám chỉ đến trong sách?
5. Cuốn sách có chủ đề hợp nhất không?
6. Ai là "con gái của Giê-ru-sa-lem"?
7. Liệt kê các địa điểm khác nhau mà câu chuyện xảy ra.

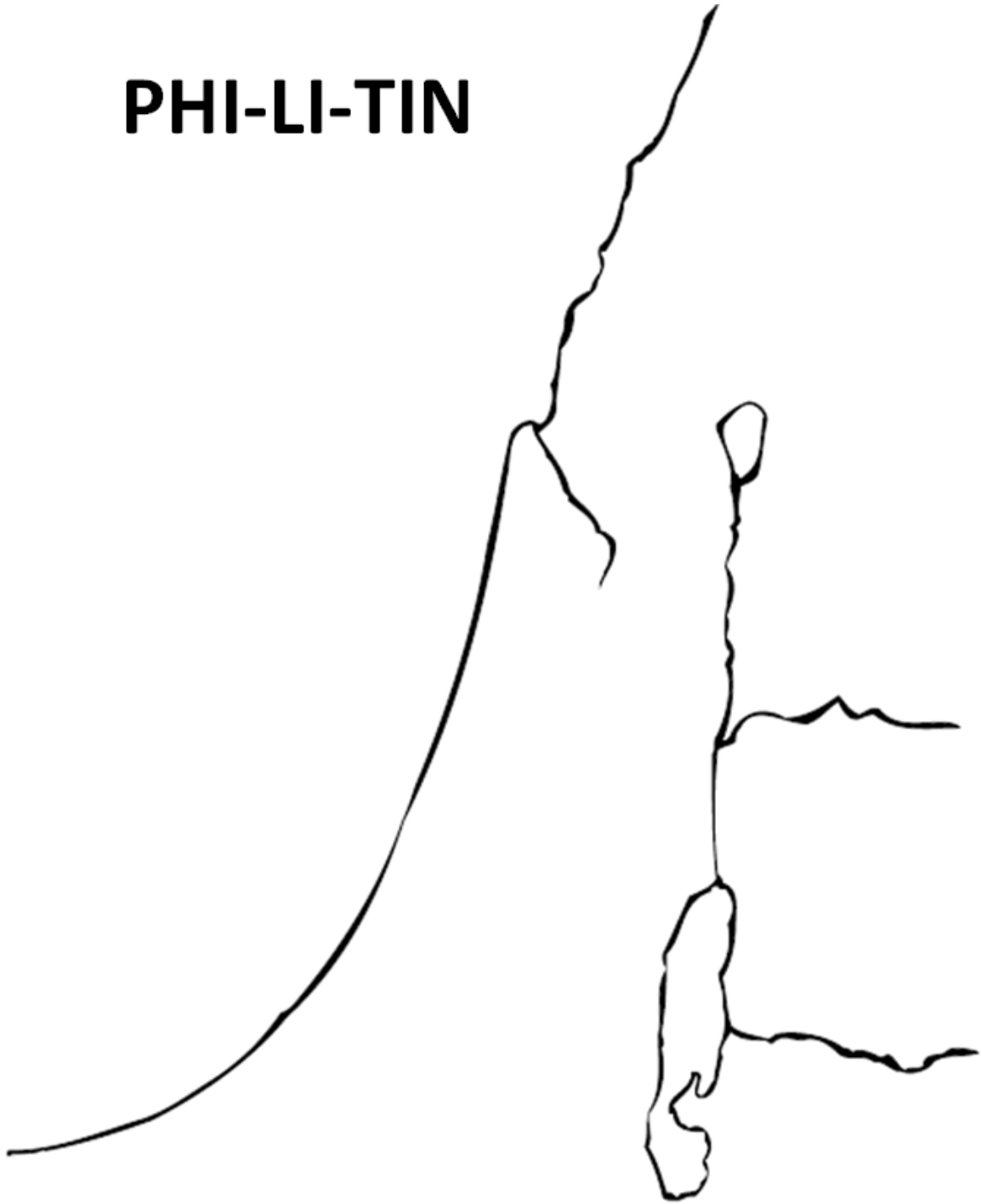


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

THỜI CẬN ĐÔNG

CỔ DẠI

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ TIÊN TRI CỤ ƯỚC

## I. GIỚI THIỆU

### A. Lời mở đầu:

1. Cộng đồng tín ngưỡng không đồng ý về cách thông giải lời tiên tri. Các lễ thật khác được thành lập như một sự định vị chính thống trong suốt nhiều thế kỷ, nhưng không phải là vấn đề này.
2. Có một số giai đoạn được xác định rõ ràng của lời tiên tri trong Cựu ước:
  - a. Tiền quân chủ:
    - (1) Cá nhân được gọi là tiên tri
      - (a) Áp-ra-ham - Sáng thế Ký 20: 7
      - (b) Môi-se. 12: 6-8; Phục 18:15; 34:10
      - (c) A-rôn – Xuất 7: 1 (người phát ngôn của Môi-se)
      - (d) Mi-ri-am – Xuất 15:20
      - (e) Mên-đát và Ên-đát – Dân số 11: 24-30
      - (f) Đê-bô-ra – Các Quan xét 4: 4
      - (g) Chưa được đặt tên – Các Quan xét 6: 7-10
      - (h) Sa-mu-ên – I Sa-mu-ên 3:20
    - (2) Tham chiếu đến các vị tiên tri như một nhóm – Phục 13: 1-5; 18: 20-22
    - (3) Nhóm tiên tri hay hội đoàn - I Sa-mu-ên 10: 5-13; 19:20; I Các Vua. 20: 35,41; 22: 6,10-13; II Các Vua 2: 3,7; 4: 1,38; 5:22; 6: 1, v.v.
    - (4) Đấng Mê-si-a gọi là Tiên tri – Phục 18: 15-18
  - b. Tác phẩm không thuộc quân chủ (họ trình nhà vua):
    - (1) Gát – I Sa-mu-ên 22: 5; II Sa-mu-ên 24:11; I Sứ-ký 29:29
    - (2) Na-than - II Sa-mu-ên 7: 2; 12:25; I Các Vua 1:22
    - (3) A-hi-gia - I Các Vua 11:29
    - (4) Giê-hu – I Các Vua 16: 1,7,12
    - (5) Không tên - I Các Vua. 18: 4,13; 20: 13,22
    - (6) Ê-li - I Các Vua. 18-II Các Vua 2
    - (7) Mi-chê - I Các Vua 22
    - (8) Ê-li-sê - II Các Vua 2: 8,13
  - c. Các tác phẩm tiên tri cổ điển (họ nói về quốc gia cũng như nhà vua): - Ê-sai – Ma-la-chi (trừ Đa-ni-ên)

### B. Thuật ngữ Kinh Thánh

1. *Ro'eh* = "người tiên kiến", I Sa-mu-ên 9: 9. Bản thân tham chiếu này cho thấy sự chuyển tiếp sang thuật ngữ *Nabi*.  
*Ro'eh* là từ thuật ngữ tổng quát "thấy." Người này hiểu những phương cách và kế hoạch của Đức Chúa Trời và được tư vấn để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời trong một vấn đề.
2. *Hozeh* = "người tiên kiến," II Sa-mu-ên 24:11. Về cơ bản nó là một từ đồng nghĩa của *Ro'eh*. Đó là từ một thuật ngữ hiếm có "thấy." Dạng phân từ được sử dụng thường xuyên nhất để chỉ các vị tiên tri.
3. *Nabi* = "tiên tri," cùng nguồn gốc trong tiếng Ak-ka-dian của động từ *Nabu* = "gọi" và tiếng Ả Rập *Naba'a* = "thông báo". Đây là thuật ngữ phổ biến nhất trong Cựu Ước để chỉ định một vị tiên tri. Nó được sử dụng hơn 300 lần. Từ nguyên chính xác là không chắc chắn nhưng "gọi" đến hiện tại dường như sự lựa chọn tốt nhất. Có thể sự hiểu biết tốt nhất đến từ sự mô tả của Đức Giê-hô-va về Mối quan hệ của Môi-se với Pha-ra-ôn qua A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 4: 10-16; 7: 1; Phục 5: 5, một Tiên tri là người nói cho Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài (A-môt 3: 8; Giê-rê-mi 1: 7,17; Ê-xê-chi-ên 3: 4.)
4. Cả ba chữ đều được sử dụng trong văn phòng tiên tri trong I Sứ-ký 29:29; Sa-mu-ên - *Ro'eh*; Na-than - *Nabi* 'và Gát - *Hozeh*.
5. Cụm từ, '*ish ha -' elohim*, "Người của Đức Chúa Trời," cũng là một chỉ định rộng hơn cho một người nói cho Đức Chúa Trời. Nó được sử dụng khoảng 76 lần trong Cựu ước theo nghĩa "tiên tri".

6. Thuật ngữ "tiên tri" là nguồn gốc Hy Lạp. Nó xuất phát từ: (1) *pro* = "trước" hoặc "đối với"; (2) *phemi* = "để nói."

## II. ĐỊNH NGHĨA VỀ TIÊN TRI

- A. Thuật ngữ "lời tiên tri" có một lĩnh vực ngữ nghĩa rộng hơn trong tiếng Hê-bơ-rơ hơn là bằng tiếng Anh. Sách lịch sử về Giô-suê qua sách Các Vua (trừ Ru-tơ) được những người Do thái gọi là "các tiên tri". Cả hai Áp-ra-ham (Sáng thế Ký 20: 7; Thi thiên 105: 5) và Môi-se (Phục truyền Luật lệ Ký 18:18) được chỉ định làm tiên tri (cũng như Mi-ri-am, Xuất 15:20). Vì vậy, hãy cẩn thận với một định nghĩa tiếng Anh già định!
- B. "Tiên tri có thể được định nghĩa một cách hợp pháp như là sự hiểu biết về lịch sử chấp nhận chi ý nghĩa trong sự quan tâm thiêng liêng, mục đích thiêng liêng, sự tham gia thiêng liêng, *"Interpreter's Dictionary of the Bible, vol. 3, p. 896"*
- C. "Vị tiên tri không phải là triết gia hay nhà thần học hệ thống, nhưng là người trung bảo giao ước phân phát lời của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài để định hình tương lai của họ bằng cách cải cách hiện tại của họ, *"Prophets and Prophecy," Encyclopedia Judaica vol. 13 p. 1152*

## III. MỤC ĐÍCH CỦA TIÊN TRI:

- A. Lời tiên tri là một cách để Đức Chúa Trời phán với dân sự của Ngài, cung cấp sự hướng dẫn trong bối cảnh hiện tại của họ và hy vọng trong sự kiểm soát của Ngài về cuộc sống của họ và các sự kiện thế giới. Thông điệp của họ về cơ bản là sự hợp tác. Nó có nghĩa là quở trách, khuyến khích, tạo niềm tin và ăn năn, và thông báo cho người dân của Đức Chúa Trời về chính Ngài và các kế hoạch của Ngài. Điều này phải được thêm vào thường xuyên nó được sử dụng để làm rõ sự lựa chọn của Đức Chúa Trời về một người phát ngôn (Phục truyền Luật lệ Ký 13: 1-3; 18: 20-22). Điều này, được thực hiện cuối cùng, sẽ đề cập đến Đấng Mê-si-a-a.
- B. Thông thường, vị tiên tri lấy một cuộc khủng hoảng lịch sử hoặc thần học trong thời của ông và chiếu điều này vào bối cảnh tận thế. Quan điểm lịch sử về tận thế này là đặc trưng ở trong Y-sơ-ra-ên và ý nghĩa của sự chọn lựa thánh và các lời hứa của giao ước.
- C. Chức vụ của vị tiên tri dường như cân bằng (Giê-rê-mi 18:18) và chiếm đoạt chức vụ của Thầy Tế lễ thượng phẩm như một cách để biết ý muốn của Đức Chúa Trời. Các U-rim và Thu-mim vượt qua vào thông điệp bằng lời nói của người phát ngôn của Đức Chúa Trời. Chức vụ tiên tri dường như cũng đã mất đi tại Y-sơ-ra-ên sau Ma-la-chi. Nó không xuất hiện trở lại cho đến 400 năm sau đó với Giảng Báp-Tít. Thật không chắc chắn như thế nào món quà Tân ước về "lời tiên tri" liên quan đến Cựu Ước. Tiên tri Tân Ước (Công vụ 11: 27-28; 13: 1; 14: 29,32,37; 15:32; I Cô-rinh-tô. 12: 10,28-29; Ê-phê-sô 4:11) không phải là những người tiết lộ sự mặc khải mới về Kinh thánh nhưng là những người nói trước về ý muốn của Đức Chúa Trời trong các tình huống giao ước.
- D. Lời tiên tri không phải là độc quyền hoặc chủ yếu tiên đoán theo bản chất. Dự đoán là một cách để xác nhận chức vụ của ông và thông điệp của ông, nhưng nó phải được lưu ý "Ít hơn 2% lời tiên tri trong Cựu ước về Đấng Mê-si-a-a. Ít hơn 5% mô tả cụ thể về Thời kỳ Giao ước mới. Ít hơn 1% sự kiện liên quan sẽ đến" (Fee & Stuart, *How to Read the Bible for All Its Worth*, p. 166)
- E. Các vị tiên tri đại diện Đức Chúa Trời cho dân sự trong khi các Thầy Tế lễ đại diện cho dân sự của Đức Chúa Trời. Đây là một tuyên bố chung. Có những ngoại lệ như Ha-ba-cúc, người trình bày các câu hỏi cho Đức Chúa Trời.
- F. Một lý do rất khó hiểu các vị tiên tri là vì chúng ta không biết sách của họ được cấu trúc như thế nào. Chúng không phải theo thứ tự thời gian. Chúng dường như có tính chuyên đề nhưng không phải lúc nào

cũng theo cách người ta mong đợi. Thường thì không có bối cảnh lịch sử, khung thời gian hoặc phân chia rõ ràng giữa các lời tiên tri. Những cuốn sách này rất khó: (1) để đọc qua hết trong một lần; (2) để phác thảo theo chủ đề; và (3) để xác định lẽ thật trọng tâm hoặc ý định của tác giả trong mỗi lời tiên tri.

#### IV. ĐẶC ĐIỂM CỦA LỜI TIÊN TRI:

- A. Trong Cựu Ước, dường như có một sự phát triển khái niệm “tiên tri” và “lời tiên tri”. Vào thời kỳ đầu Y-sơ-ra-ên đã phát triển một nhóm thông công của các vị tiên tri, dẫn đầu bởi một nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn mạnh mẽ như Ê-li hoặc Ê-li-sê. Đôi khi cụm từ, “các con trai của các tiên tri” được sử dụng để chỉ định nhóm này (II Các vua 2). Các tiên tri được đặc trưng bởi các hình thức của thần cảm (I Sa-mu-ên 10: 10-13; 19: 18-24).
- B. Tuy nhiên, thời kỳ này trôi qua nhanh chóng thành các tiên tri cá nhân. Có những tiên tri (thật và giả) được xác định với nhà vua, và sống tại cung điện (Gát, Na-than). Ngoài ra, đã có những người độc lập, đôi khi hoàn toàn không liên kết với hiện trạng của xã hội Y-sơ-ra-ên (A-mốt) Họ đều là nam và nữ (II Các vua 22:14.)
- C. Vị tiên tri thường là một người tiết lộ về tương lai, nhận được phản ứng tức khắc của con người. Thường thì nhiệm vụ của vị tiên tri là mở ra một kế hoạch phổ quát của Đức Chúa Trời cho sự sáng tạo của Ngài mà không bị ảnh hưởng bởi phản ứng của con người. Kế hoạch tổng quát về thời kỳ cuối cùng này là đặc trưng trong vòng các vị tiên tri của thời cận đông cổ đại. Dự đoán và sự trung thành với Giao Ước là hai mặt của các thông điệp tiên tri (xem Fee và Stuart, p. 150). Điều này ngụ ý rằng các tiên tri chủ yếu tập trung vào sự hợp tác. Họ thường, nhưng không chỉ có vậy, trình bày về quốc gia.
- D. Hầu hết các tài liệu tiên tri đã được trình bày bằng miệng. Sau đó nó được kết hợp bằng các phương tiện: chủ đề, niên đại hoặc các hình thức khác của văn học Cận Đông cổ đại mà đã bị mất đối với chúng ta. Bởi vì nó là truyền khẩu, nó không được cấu trúc như văn xuôi. Điều này làm cho những cuốn sách khó đọc trực tiếp và khó hiểu vì không có một bối cảnh lịch sử cụ thể.
- E. Các vị tiên tri sử dụng một số mẫu để truyền tải thông điệp của họ:
  - 1. Cảnh Tòa án - Đức Chúa Trời đưa Dân sự Ngài ra tòa, thường là một trường hợp ly hôn mà Đức Giê-hô-va từ chối vợ của Ngài (Y-sơ-ra-ên) vì sự không chung thủy của bà (Ô-sê 4; Mi-chê 6).
  - 2. Nhạc buồn tang lễ - âm tiết đặc biệt của loại thông điệp này và đặc điểm "buồn thảm" của nó đặt nó tách biệt thành dạng đặc biệt (Ê-sai 5; Ha-ba-cúc 2).
  - 3. Tuyên bố Phước lành giao ước - bản chất có điều kiện của Giao ước được nhấn mạnh và hậu quả, cả tích cực và tiêu cực, được nói ra cho tương lai (Phục truyền Luật lệ Ký 27- 28).

#### V. TIÊU CHUẨN KINH THÁNH ĐỂ XÁC MINH MỘT TIÊN TRI THẬT

- A. Phục truyền Luật lệ Ký 13: 1-5 (dự đoán / dấu hiệu)
- B. Phục truyền Luật lệ Ký 18: 9-22 (tiên tri giả / tiên tri thật)
- C. Ma-thi-ơ 7 (lời sống)
- D. I Giăng 4: 1-6 (tập trung vào giáo lý)
- E. Cả nam và nữ đều được gọi và được chỉ định làm tiên tri hoặc nữ tiên tri
  - 1. Mi-ri-am – Xuất 15
  - 2. Ê-bô-ra – Các Quan xét. 4: 4-6
  - 3. Hun-đa – II Các Vua 22:14-20; II Sử ký 34: 22-28



- F. Trong các nền văn hóa xung quanh, các vị tiên tri đã được xác minh bằng phương tiện bói toán. Ở Y-sơ-ra-ên, đó là:
1. Một bài kiểm tra thần học - danh của Đức Giê-hô-va (*YHWH*)
  2. Thử nghiệm lịch sử - một dự đoán chính xác.

## VI. HƯỚNG DẪN CÓ ÍCH CHO SỰ THÔNG GIẢI LỜI TIÊN TRI

- A. Tìm ý định của vị tiên tri (biên tập viên) ban đầu bằng cách ghi nhận bối cảnh lịch sử và ngữ cảnh văn chương của mỗi lời tiên tri. Thông thường nó sẽ liên quan đến việc Y-sơ-ra-ên phá vỡ Giao Ước Môi-se bằng cách nào đó.
- B. Đọc và giải thích toàn bộ lời tiên tri, không chỉ là một phần; phác thảo dàn bài nó theo nội dung. Xem cách nó liên quan đến các lời tiên tri xung quanh. Cố gắng phác thảo dàn bài toàn bộ cuốn sách.
- C. Giả sử một cách diễn giải theo nghĩa đen của đoạn văn cho đến khi một điều gì đó trong văn bản tự nó chỉ cho bạn sử dụng hình tượng; sau đó đặt ngôn ngữ tượng hình vào văn xuôi.
- D. Phân tích hành động tượng trưng theo ánh sáng của bối cảnh lịch sử và các đoạn song song. Hãy nhớ ghi nhớ văn học cận đông cổ đại này không phải là văn học phương Tây hay hiện đại.
- E. Xem xét dự đoán cẩn thận:
1. Chúng có dành riêng cho thời kỳ của tác giả không?
  2. Sau đó chúng có được hoàn thành trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên không?
  3. Chúng có phải là sự kiện trong tương lai không?
  4. Chúng có một sự hoàn thành hiện đại và một sự hoàn thành trong tương lai không?
  5. Cho phép các tác giả của Kinh Thánh, không phải tác giả hiện đại, để hướng dẫn câu trả lời của bạn.
- F. Những lo ngại đặc biệt
1. Dự đoán có đủ điều kiện bằng phản hồi có điều kiện không?
  2. Có chắc chắn là ai mà lời tiên tri được bày tỏ (và tại sao)?
  3. Có khả năng cả về mặt Kinh Thánh và / hoặc lịch sử cho nhiều lần làm trọn không?
  4. Các tác giả Tân Ước dưới sự soi dẫn đã có thể thấy Đấng Mê-si-a ở nhiều nơi trong Cựu ước nhưng không rõ ràng với chúng ta. Họ dường như sử dụng nhiều hình tượng hoặc chơi chữ. Bởi vì chúng ta không được soi dẫn, tốt nhất chúng ta nên để cách tiếp cận này cho họ.

## VII. CÁC SÁCH CÓ ÍCH

- A. *A Guide to Biblical Prophecy* by Carl E. Armerding and W. Ward Gasque
- B. *How to Read the Bible for All It Is Worth* by Gordon Fee and Douglas Stuart
- C. *My Servants the Prophets* by Edward J. Young
- D. *The Expositor's Bible Commentary*, vol. 6 "Isaiah - Ezekiel," Zondervan
- E. *The Prophecies of Isaiah* by J. A. Alexander, 1976, Zondervan
- F. *Exposition of Isaiah* by H. C. Leupold, 1971, Baker
- G. *A Study Guide Commentary, "Isaiah"* by D. David Garland, 1978, Zondervan

# GIỚI THIỆU VỀ Ê-SAI

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Ê-sai được trích dẫn thường xuyên hơn trong Tân ước hơn bất kỳ vị tiên tri nào khác (trên 411 lượt). Thông điệp của ông là:
1. Một Đức Chúa Trời,
  2. Một thế giới,
  3. Một đức tin.
- B. Sách Ê-sai là về Đấng Mê-si-a tuyệt vời:
1. Những đứa trẻ đặc biệt, chương 7-14,
  2. Các Bài Ca phục vụ, Các Chương 42: 1-9; 49: 1-7; 50: 4-11; 52: 13-53: 12,
  3. Vương quốc Mê-si-a tương lai (Thời đại mới), chương 56-66
- C. E. J. Young, trong phần Giới thiệu Cựu ước (*An Introduction to the Old Testament*) đã nói:
1. "Sách Ê-sai được xem là đúng đắn nhất trong những lời tiên tri trong Cựu ước" p. 168
  2. "Trong tất cả các tiên tri của Y-sơ-ra-ên, Ê-sai hiểu rõ nhất tâm trí của Đức Chúa Trời và kế hoạch của Ngài. cho các thời đại" p. 171
  3. "Trong cái nhìn sâu sắc thuộc linh, ông ta vượt trội trong tất cả Cựu ước" p. 172

## II. TÊN SÁCH

- A. Cuốn sách được đặt tên theo người phát ngôn tiên tri của nó.
- B. Tên có nghĩa là "Sự cứu rỗi của Đức Giê-hô-va (YHWH)" hoặc "Đức Giê-hô-va cứu." Những cái tên Hê-bơ-rơ kết thúc bằng "iah" là chữ viết tắt của YHWH, cũng như các tên bắt đầu bằng tiếng Anh có chữ "j" và nguyên âm, ví dụ: Giô-suê (*Joshua*) và Giô-ên (*Joel*).

## III. KINH-ĐIỂN HÓA

- A. Đây là cuộn đầu tiên trong bốn cuộn sách của các Hậu Tiên Tri:
1. Ê-sai
  2. Giê-rê-mi
  3. Ê-xê-chi-ên
  4. Mười hai (tiểu tiên tri)
- B. Nó được chấp nhận sớm và hoàn toàn vào các tác phẩm thánh của dân Y-sơ-ra-ên.

## IV. THỂ LOẠI

- A. Các kỹ năng văn chương của Ê-sai vượt qua tất cả các tiên tri Cựu ước. Từ ngữ và thơ ca của ông là hùng vĩ và hấp dẫn. Cuốn sách chủ yếu là thơ ca.
- B. Thật khó để ngồi xuống và đọc tất cả Ê-sai cùng một lúc. Rất khó để làm dàn bài cuốn sách. Điều này là bởi vì Ê-sai là một người giảng, không phải là tác giả hay biên tập viên. Cuốn sách của ông ghi lại những lời nói của ông ấy. Ở đó chúng được liên kết với nhau, đôi khi:
1. Theo chủ đề,
  2. Theo niên đại,
  3. Theo các tiêu chuẩn văn hóa của Cận Đông cổ đại, quá khác biệt với chính chúng ta.

## V. BẢN QUYỀN

- A. Quan điểm của người Do Thái về quyền tác giả
1. Ba-ba Bath-ra 15a của Tal-mud nói rằng Ê-xê-chia và những người của ông đã viết (tức là biên tập hay biên soạn) Ê-sai, Châm ngôn, Truyền-đạo và Nhã-ca. Điều này ngụ ý toàn bộ cuốn sách là từ vị tiên tri.
  2. Ben Si-rah, trong "Ec-cle-si-as-ti-cus 49: 17-25, viết khoảng 185 TCN, nói "Ê-sai, con trai của A-môt", đã viết cuốn sách (1: 1; 12: 1; 13: 1).
  3. II Sử-ký 32:32 chứng thực cho khái tượng của Ê-sai và sự tương đương trong các vị vua (II Các vua 18: 19-20: 19)
    - a. Từ gia đình quý tộc giàu có ở Giê-ru-sa-lem, thậm chí có thể là một người anh em họ với Vua Ô-xia.
      - (1) Một số bằng chứng cho thấy "iah", viết tắt của Đức Giê-hô-va (*YHWH*), được thực hành gần như độc quyền trong hoàng gia Giu-đa.
      - (2) Sự tiếp cận của Ê-sai đối với nhà vua cũng hỗ trợ cho sự kết nối gia đình có thể của ông ta.
      - (3) Xem Ta-lmud, "Meg." 10b
    - b. Kết hôn với một nữ tiên tri (8: 3)
      - (1) Con trai đầu tiên, "*Shear-Ja-shub*", có nghĩa là "một con sót sẽ trở lại"
      - (2) Con trai thứ hai, "*Ma-he-Sa-la-Hát-Bát*" (8: 3) có nghĩa là "làm tăng tốc độ hư hỏng, chiến lợi phẩm vội vàng "
    - c. Ê-sai có một chức vụ tiên tri dài nhất hơn bất kỳ vị tiên tri Cựu ước nào. Ông là người phát ngôn của Đức Chúa Trời ở Giu-đa từ triều đại của Giô-tham (742-735 TCN) cho đến thời Ê-xê-chia (715-687 TCN) với khả năng vào triều đại của Ma-na-se (687-642 TCN); Ma-na-se là có thể là đồng nghiệp chính từ 696 TCN.
    - d. Nếu II Sử-ký 26:22 ám chỉ đến Ê-sai, sau đó ông là người ghi chép chính thức và là người giữ chức vụ chính thức viết sử của nhà vua.
    - e. Truyền thống cho biết ông đã được nhìn thấy trong hai trong triều đại của Ma-na-se.
  4. Moses ben Sa-mu-ên Ibn Ge-ka-til-la, khoảng 110 SCN, nói rằng các chương 1-39 là các chương của Ê-sai, nhưng 40-66 được viết trong thời kỳ Đền thờ thứ hai (Thời kỳ Phơ-rơ-sơ, 538-430 TCN)
  5. Ibn Ez-ra (1092-1167 SCN) theo sau sự dẫn dắt của Ge-ka-til-la, đã phủ nhận các chương 40-66 cho Ê-sai.
- B. Quan điểm của học giả hiện đại về quyền tác giả
1. Một bản tóm tắt lịch sử tốt được tìm thấy trong Lời giới thiệu Cựu Ước của R. K. Har-ri-son, Eerdmans, 1969. (*Introduction to the Old Testament*)
  2. Một cuộc thảo luận tốt về các lý do kỹ thuật để khẳng định hai tác giả có thể được tìm thấy trong "Giới thiệu về Văn học Cựu Ước", tái bản năm 1972 của S.R Drivers. (*Drivers' Introduction to the Literature of the Old Testament*, reprint 1972.)
  3. Không có bản thảo tiếng Hê-bơ-rơ hoặc tiếng Hy Lạp (LXX) nào từng được tìm thấy cho thấy sự phân chia giữa các chương 1-39 và 40-66.
    - a. Có một khoảng trống hai dòng ở cuối chương 33 trong Cuộn Biển Chết. Điều này ngụ ý một phân chia tại điểm này, không phải chương 39.
    - b. Đường như có một cấu trúc song song giữa 1-33 và 34-66. Cấu trúc kép này vào thời kỳ của tác giả và sau đó là tương lai, là phổ biến trong các tiên tri Hê-bơ-rơ (xem Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên và Xa-cha-ri).
  4. Học giả hiện đại không nhất trí với số lượng tác giả hoặc chỗ sách bị chia.
- C. Một số lý do cho sự thống nhất của Ê-sai
1. Hai mươi lăm thuật ngữ được tìm thấy trong cả hai phần của Ê-sai mà không được tìm thấy ở đâu đó trong Cựu ước. (*NIV, Intro. to Isaiah*, p. 1014).
  2. Tựa đề "Đấng thánh Y-sơ-ra-ên" xảy ra 13 lần trong các chương 1-39 và 14 lần trong các chương 40-66 và chỉ sáu lần trong tất cả các sách Cựu Ước khác.

3. Giê-su, trong Giảng 12: 38,40, trích dẫn từ cả Ê-sai 53: 1 và 6:10 và thuộc tính cho cả Ê-sai.
4. Các đoạn từ Ê-sai 40-66 là thuộc tính của Ê-sai trong Ma-thi-ơ 3: 3; 8:17; 12:17; Lu-ca 3: 4; 4:17; Giảng 1:23; Công-vụ 8:28 và Rô-ma 10: 16-20
5. Không có bằng chứng bản thảo nào về việc phân chia sách ở chương 39 (MT hoặc DSS).
6. Không có đề cập lịch sử của một vị tiên tri vĩ đại (Diedre-Ê-sai) trong thế kỷ thứ 6. R. K. Har-ri-son, trong Giới thiệu về Cựu Ước, (*Introduction to the Old Testament*) thêm về chủ đề này.

“Các lập luận từ phong cách văn học rất thịnh hành vào cuối thế kỷ XIX, nhưng trong ánh sáng của một kiến thức rộng lớn hơn về các ngôn ngữ Cận Đông cổ đại mà họ có, bây giờ giả định một vị trí kém quan trọng hơn nhiều. Tính chủ quan của những cân nhắc về phong cách có một sự hấp dẫn tuyệt vời cho các học giả của lý thuyết phân tích văn học Graf-Well-hau-sen, người nói không mâu thuẫn trong bất kỳ tài liệu nào được dùng cho một tác giả Kinh Thánh, và sau đó phủ nhận các phần của chính cái đó cho anh ta vì hình thức văn học và từ vựng của mỗi chương không xảy ra giống hệt nhau. Đường như nó không xảy ra với những nhà điều tra ban đầu rằng nó chỉ là có thể lấy được một số khái niệm về phong cách của một tác giả cổ đại như là kết quả của nghiên cứu cẩn thận về tất cả các tài liệu được gán cho anh ta, và việc từ chối tiếp theo một phần hoặc toàn bộ tài liệu đó có thể chỉ được xác nhận trên cơ sở của một số kiểm soát bên ngoài nghiêm ngặt” p. 776

D. Một số lý do cho nhiều quyền tác giả của Ê-sai.

1. Trong các chương 40-66, tên "Ê-sai" không được đề cập đến.
2. Chương 40-66 không phù hợp với bối cảnh lịch sử của Ê-sai.
3. Có vẻ như là sự pha trộn các tham chiếu của Ê-sai đối với:
  - a. Sự xâm lược của As-sy-ria, lưu đày và sự phán xét của họ
  - b. Cuộc xâm lược của Ba-by-lon, lưu đày và sự phán xét của họ.
4. Rõ ràng là một số lý do cho việc giả thuyết nhiều tác giả:
  - a. Thay đổi bối cảnh lịch sử
    - (1) Tiên xâm lược Giu-đa, 1-39
    - (2) Lưu đày, 40-55
    - (3) Hậu lưu đày của Giu-đa, 56-66
    - (4) Trong Ê-sai 1-39 ngôi đền sẽ không bao giờ sụp đổ, trong khi trong 40-66 nó dường như đã sụp đổ. Tác giả dường như là một người lưu vong.
  - b. Thay đổi các thuật-ngữ để mô tả sự chọn lựa của Đức Chúa Trời:
    - (1) Đứa trẻ Mê-si-a
    - (2) Tôi tớ chịu khổ
    - (3) Y-sơ-ra-ên là:
      - (a) Vợ (50: 1)
      - (b) Tôi tớ của Đức Giê-hô-va (54:17)
5. Học giả bảo thủ hiện đại:
  - a. Tuyên bố của E. J. Young về các chương 56-66 là hữu ích, "biên tập viên được Thánh Linh dẫn dắt thu thập các lời tiên tri từ các vị tiên tri khác nhau của trường phái Ê-sai xung quanh chủ đề cơ bản của phần này." trang 188.
  - b. Tuyên bố của G. R. K. Har-ri-son, "Nhà văn hiện tại giữ quan điểm rằng Ê-sai, giống như phần lớn các tác phẩm tiên tri khác còn tồn tại, đại diện cho một tuyển tập các bài phát biểu được đưa ra vào những thời điểm khác nhau, và như vậy công trình không có sự đối xử khác với các lời tiên tri trong Cựu Ước lớn khác. Trong kết nối này, điều quan trọng cần lưu ý là các lập luận dựa trên sự khác biệt về phong cách hoặc diễn đạt văn học bị suy giảm ngay lập tức theo cách tiếp cận này, vì một tuyển tập có thể được thực hiện khá công bằng khi đại diện cho toàn bộ phong cách của tác giả trong các giai đoạn khác nhau của hoạt động sáng tạo của người ấy. Sự biện minh cho mô tả công việc như một tuyển tập theo nghĩa tốt nhất của thuật ngữ đó được trang bị bởi câu mở đầu của lời tiên tri, tạo thành một nhóm cho tác phẩm và nói cụ thể về tài liệu mặc khải rằng Ê-sai, con trai của A-mốt đã nhận được những khái niệm liên quan đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trong những ngày của Ô-xia, Giô-tham, A-háp, và Ê-xê-chia. Như với tất cả các tuyển tập, nó là khá hiển nhiên rằng cuốn sách chỉ chứa một sự lựa chọn của những lời tiên tri có sẵn và bài giảng, và rất có thể là Ê-sai đã tạo ra nhiều tài liệu hơn đáng kể so với những gì còn lại trong cuốn

sách của ông. Bản chất của lời tiên tri như một tuyển tập được chỉ định thêm bởi sự hiện diện của lời viết lên trên trong Ê-sai 2: 1 và 13: 1, có thể được biểu diễn hoặc chỉ ra sự hiện diện của những bộ sưu tập trước đây của những lời tiên tri. "trang 780

6. Phong cách văn chương của các chương 40-66 khác với chương 1-39.

E. Kết luận ý kiến về quyền tác giả

1. Các học giả tin kính tiếp tục không đồng ý về cách sách Ê-sai trong Cựu ước đã đến trong dạng hiện tại của nó (xem DSS và MT). Sự nhấn mạnh chính phải được đặt trên sự mặc khải và sự tin cậy của nó trong việc bày tỏ phẩm cách và mục đích của Đức Giê-hô-va.
2. Chúng ta phải từ chối bất kỳ sự giả định nào từ chối sự mặc khải thành tín của Đức Chúa Trời qua Ê-sai. Điều này cũng bao gồm việc từ chối ưu tiên lời tiên tri và làm giảm bớt Cựu Ước thành một vấn đề lịch sử của con người đương đại.

## VI. NIÊN ĐẠI

A. Ê-sai là một phần của các tiên tri thế kỷ thứ 8

1. Giô-na, A-môt và Ô-sê ở phía bắc, dưới thời trị vì của Giê-rô-bô-am II (786-640 TCN)
2. Ê-sai và Mi-chê ở phía nam

B. Ông sinh năm 760 TCN và được gọi vào chức vụ tiên tri vào khoảng năm 742 TCN trong năm Ô-xia đã chết (6: 1). Ô-xia cũng được gọi là A-xa-ria (783-742 TCN).

C. Ê-sai có một chức vụ lâu dài từ những năm cuối của Ô-xia (783-742 TCN) qua Giô-tham (742-735 TCN), A-cha (735-715 TCN), Ê-xê-chia (715-687 TCN) và có thể là Ma-na-se (687-642 TCN).

D. D. R. K Har-ri-son nói rằng cuốn sách là một tuyển tập các tác phẩm và bài giảng của vị tiên tri trong nhiều năm, qua nhiều vị vua Giu-đa. Cuối cùng, nó được biên soạn và chỉnh sửa sau cái chết của vị tiên tri, khoảng 630 TCN.

## VII. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

A. Các nhà tiên tri thế kỷ thứ tám

1. Tài liệu Kinh Thánh được tìm thấy trong:

- |                       |           |
|-----------------------|-----------|
| a. II Vua 14: 3-17: 6 | e. Ô-sê   |
| b. II Sứ-ký 25-28     | f. Ê-sai  |
| c. A-môt              | g. Mi-chê |
| d. Giô-na             |           |

2. Bản tóm tắt đơn giản nhất về trạng thái thờ thần tượng trong số những dân sự của Đức Chúa Trời có thể được thấy trong Ô-sê:

- a. 2:16, "sẽ không còn gọi ta là Ba-anh"
- b. 4: 12-13, "... con gái chơi đàn hạc ..."
- c. 4:17, "Ép-ra-im say mê thần tượng; hãy để mặc nó"
- d. 13: 2 "những đàn ông hôn hò con!" (Nghĩ lễ)

3. Bối cảnh xã hội

- a. Đó là thời kỳ thịnh vượng kinh tế và mở rộng quân sự cho cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Tuy nhiên, sự thịnh vượng này chỉ mang lại lợi ích cho tầng lớp giàu có. Người nghèo đã bị khai thác và bị lạm dụng. Nó gần như có vẻ là "đô-la và súng" đã trở thành thần tượng bổ sung!
- b. Sự ổn định xã hội và tài sản của cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa liên quan đến nhiều nguyên nhân:
  - (1) Sự cai trị lâu dài và thịnh vượng của Giê-rô-bô-am II (786-746 TCN) ở miền Bắc và Ô-xia (783-742 TC) ở miền Nam.
  - (2) Sự đánh bại A-sy-ria của Sy-ria bởi Adad-Ni-ra-ri III năm 802 TCN
  - (3) Sự thiếu xung đột giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

- (4) Việc đánh thuế và khai thác các tuyến thương mại từ bắc xuống nam qua cây cầu đất liền của Phi-li-tin gây ra tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, thậm chí lãng phí cho những lớp người giàu có.
- c. "Os-tra-ca của Sa-ma-ria" được đề ngày trong triều đại của Giê-rô-bô-am II dường như chỉ ra một tổ chức hành chính giống như của Sô-lô-môn. Điều này dường như xác nhận việc mở rộng khoảng cách giữa những người "có" và "không có."
- d. Sự không trung thực của người giàu được mô tả rõ ràng trong A-môt, người được gọi là "vị tiên tri của công bằng xã hội". Sự hời hợt của tư pháp và sự giả mạo của trọng lượng trong thương mại là hai ví dụ rõ ràng về sự ngược đãi thường thấy ở cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.
4. Bối cảnh tôn giáo
- a. Đó là thời gian của nhiều hoạt động tôn giáo bên ngoài nhưng rất ít đức tin thực sự. Các giáo phái sinh sản của Ca-na-an đã được hòa nhập vào tôn giáo của Y-sơ-ra-ên. Họ là những người tôn thờ thần tượng nhưng họ gọi nó là chủ nghĩa Đức Giê-hô-va. Xu hướng của dân sự Chúa đối với các liên minh chính trị là đã tham gia với họ trong sự thờ phượng và thực hành ngoại giáo.
- b. Sự thờ thần tượng của Y-sơ-ra-ên được viết ra trong II Các Vua 17: 7-18.
- (1) Trong câu 8, họ tuân theo các thực hành thờ phượng của dân Ca-na-an.
- (a) thờ phượng sinh sản (xem Lê-vi Ký 18: 22-23)
- Những nơi cao, câu 9,10,11
  - Trụ cột thánh (Ba-anh), câu 10,16
  - A-sê-ra, câu 16, đây là những biểu tượng bằng gỗ của nữ phối ngẫu Ba-anh. Họ là một trong hai: cọc được chạm khắc hoặc cây sồng.
- (b) Bói toán, câu 17. Điều này đã bị lên án ở Lê-vi-ký 19-20 và Phục 18.
- (2) Trong câu 16 họ tiếp tục thờ phượng của hai bò con vàng, tượng trưng cho Đức Giê-hô-va, thiết lập tại Đan và Bê-tên bởi Giê-rô-bô-am I (I Các vua 12: 28-29).
- (3) Trong câu 16, họ tôn thờ các vị thần thiên văn của Ba-by-lon: mặt trời, mặt trăng, các vì sao và chòm sao.
- (4) Trong câu 18, họ thờ phượng thần lửa Phê-ni-xi, Mo-lóc, bằng cách dâng trẻ em (xem Lê-vi Ký 18:21; 20: 2-5). Thực hành này được gọi là "mo-lóc". Nó không phải là tên của thần.
- c. Tôn giáo thần Ba-anh (xem W.F. Khảo cổ học của Albright và Tôn giáo của Y-sơ-ra-ên trang 82ff) (cf. W.F. Albright's *Archaeology and the Religion of Israel* p. 82ff).
- (1) Nguồn khảo cổ học tốt nhất của chúng ta là "Baal Epic of Ugarit".
- (a) Nó mô tả Ba-anh là một vị thần sắp chết và đang trở dậy. Ông ta đã bị đánh bại bởi *Mot* và bị giới hạn trong âm phủ. Tất cả cuộc sống trên trái đất đã chấm dứt. Nhưng, được giúp đỡ bởi nữ thần (Anat), ông ta trở dậy và đánh bại *Mot* mỗi mùa xuân. Ông là một vị thần sinh sản được tôn thờ bởi những ma thuật giả.
- (b) Ông còn được gọi là Ha-dad.
- (2) El là vị thần chính của thần Ca-na-an, nhưng sự nổi tiếng của Ba-anh đã chiếm đoạt vị trí của ông.
- (3) Y-sơ-ra-ên bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi chủ nghĩa thần Ba-anh của dân Ty-rơ qua Giê-sa-bên, là vua của con gái của Ty-rơ. Cô được Ôm-ri chọn cho con trai mình, A-háp.
- (4) Tại Y-sơ-ra-ên Ba-anh được tôn thờ ở những nơi cao địa phương. Thần được tượng trưng bởi một cục đá được nâng cao. Người phối ngẫu của thần là A-sê-ra, tượng trưng bởi một cọc được chạm khắc tượng trưng cho cây của sự sống.
- d. Một số nguồn và các loại thần tượng được đề cập.
- (1) Những con bê vàng ở Bê-tên và Đan được thiết lập bởi Giê-rô-bô-am I để thờ phượng Đức Giê-hô-va.
- (2) Sự thờ phượng của nam thần và nữ thần sinh sản của Ty-rơ ở những nơi cao địa phương.
- (3) Sự thờ thần tượng cần thiết liên quan đến các liên minh chính trị của thời kỳ đó.
5. Tóm tắt ngắn về các cuộc xâm lược của A-sy-ri và Ba-by-lon trong thế kỷ thứ tám đã ảnh hưởng Phi-li-tin:
- a. Bốn vị tiên tri trong thế kỷ thứ tám đã hoạt động trong sự nổi lên của đế chế Ti-rít-O-pho-rát của A-sy-ri. Đức Chúa Trời sử dụng quốc gia độc ác này để phán xét dân sự Ngài, đặc biệt là Y-sơ-ra-ên.

- (1) Sự cố cụ thể là sự hình thành của một liên minh chính trị và quân sự xuyên Giô-đanh được gọi là "*Syro-Ephramatic League*" (735 TCN). Sy-ria và Y-sơ-ra-ên đã cố gắng để buộc Giu-đa tham gia họ chống lại A-sy-ri. Thay vào đó, A-háp đã gửi một lá thư đến A-sy-ri nhờ trợ giúp. Vị vua A-sy-ri để quốc đầu tiên mạnh mẽ, Tiếc-la-Phi-lê-se III (745-727 TCN), đã đáp lại thách thức quân sự và xâm chiếm Sy-ria.
  - (2) Sau đó, vua bù nhìn của A-sy-ria, Hô-sê (732-722 TCN), ở Y-sơ-ra-ên, cũng nổi loạn, làm hấp dẫn đến Ai Cập. Sanh-ma-na-sa V (727-722 trước Công nguyên) xâm lược Y-sơ-ra-ên lần nữa. Ông ta chết trước Y-sơ-ra-ên đã bị chinh phục, nhưng người kế nhiệm ông, Sa-gôn II (722-705 TCN), chiếm được thủ đô của Y-sơ-ra-ên Sa-ma-ria vào năm 722 TCN. A-sy-ria đã lưu đày hơn 27.000 người Y-sơ-ra-ên trong dịp này trong khi Tiếc-la-Phi-lê-se đã lưu đày hàng ngàn người vào năm 732 TCN.
- b. Sau cái chết của A-háp (735-715 TCN), một liên minh quân sự khác được thành lập bởi Các nước Vùng Giô-đanh và Ai Cập chống lại A-sy-ria (714-711 TCN). Nó được gọi là "Cuộc nổi loạn *Ash-dod*". "Nhiều thành phố Giu-đa đã bị phá hủy khi A-si-ri xâm chiếm lần nữa. Ê-xê-chia ủng hộ liên minh này nhưng sau đó rút lại sự ủng hộ của ông.
  - c. Tuy nhiên, một lần nữa, một liên minh khác đã cố gắng tận dụng cái chết của quyền lực của A-si-ri vua, Sa-gôn II, vào năm 705 TCN cùng với nhiều cuộc nổi loạn khác đã xảy ra khắp đế quốc A-si-ri.
    - (1) Ê-xê-chia hoàn toàn tham gia vào cuộc nổi loạn này. Trong ánh sáng của thách thức này San-chê-ríp (705-681 TC) xâm lược (701 TCN) Phi-li-tin và cắm trại gần thành phố Giê-ru-sa-lem (II Các vua 18-19; Ê-sai 36-39) nhưng quân đội của ông đã bị Chúa hủy diệt một cách kỳ diệu.
    - (2) Có một số câu hỏi trong các học giả về việc San-chê-ríp xâm chiếm bao nhiêu lần Phi-li-tin. (Ví dụ: John Bright ghi có một cuộc xâm lược vào năm 701 TCN và một lần khác có thể vào năm 688 TCN, trang 270.)
    - (3) Ê-xê-chia đáng lẽ được tiếp quản kho tàng A-si-ri, nhưng vì triển lãm kiêu ngạo của ông về kho báu của Giu-đa cho phái đoàn Ba-by-lôn, Ê-sai dự đoán sự sụp đổ của Giu-đa về Ba-by-lôn (39: 1-8). Giê-ru-sa-lem rơi về tay Nê-bu-cát-nét-sa năm 587-586 TCN
  - d. Ê-sai cũng dự đoán sự phục hồi của dân sự của Chúa dưới thời Si-ru II, người cai trị Mê-đô-Pê-ơ-sơ. (41: 2-4; 44:28; 45: 1; 56:11). Ni-ni-ve rơi vào năm 612 TCN về Ba-by-lôn, nhưng thành phố Ba-by-lôn rơi vào năm 539 TCN cho quân đội của Si-ru. Năm 538 TCN Si-ru đã ban hành một nghị định rằng tất cả những người lưu vong, kể cả người Do thái, có thể trở về nhà. Ông thậm chí còn cung cấp tiền từ kho bạc của mình cho xây dựng lại các đền thờ quốc gia.
- B. Một cuộc khảo sát lịch sử ngắn gọn về sức mạnh của Mê-sô-pô-ta-mi (sử dụng ngày tháng chủ yếu dựa trên John Bright Lịch sử Y-sơ-ra-ên, trang. 462ff) *A History of Israel, p. 462ff*):
1. Đế quốc A-si-ri (Sáng thế Ký 10:11):
    - a. Tôn giáo và văn hóa bị ảnh hưởng rất nhiều bởi Đế quốc Su-me-ri / Ba-by-lôn.
    - b. Danh sách dự kiến của những người cai trị và những niên đại gần đúng:
      - (1) 1354-1318 A-sự-ro-U-bal-lit I:
        - (a) Đã chinh phục thành phố Cạt-kê-mít của Hê-tít.
        - (b) Bắt đầu loại bỏ ảnh hưởng của Hê-tít và cho phép A-si-ri phát triển.
      - (2) 1297-1266 A-dad Ni-ra-ri I (vị vua mạnh mẽ).
      - (3) 1265-1235 Sanh-ma-na-sa I (vị vua mạnh mẽ).
      - (4) 1234-1197 Tu-kul-ti-Ni-nu-rta I - đầu tiên chinh phục đế quốc Ba-by-lôn ở phía nam.
      - (5) 1118-1078 Tiếc-la-Phi-lê-se I - A-si-ri trở thành một cường quốc lớn ở Mê-sô-pô-ta-mi.
      - (6) 1012- 972 As-hur-Ra-bi II
      - (7) 972- 967 As-hur-Resh-I-sui II.
      - (8) 966-934 Tiếc-la-Phi-lê-se II.
      - (9) 934- 912 As-hur-Dan II.
      - (10) 912- 890 A-dad-Ni-ra-ri II.

- (11) 890-884 Tu-kul-ti-Ni-nur-ta II.  
(12) 890-859 As-shur-Na-sir-A-pal II.  
(13) 859- 824 Sanh-ma-na-sa III. Trận Qar-qar năm 853  
(14) 824- 811 Sha-ma-shi-A-dad V.  
(15) 811- 783 A-dad-Ni-ra-ri III.  
(16) 781- 772 Sanh-ma-na-sa IV.  
(17) 772-754 As-hur-Dan III.  
(18) 754- 745 As-hur-Ni-ra-ri V.  
(19) 745- 727 Tiéc-la-Phi-lê-se III:  
(a) Được gọi bằng tên ngai vàng Ba-by-lôn, Phun, trong II Các Vua. 15:19.  
(b) Vua rất mạnh.  
(c) Bắt đầu chính sách trục xuất dân tộc bị chinh phục.  
(d) Năm 735 TCN đã có sự hình thành của "Liên minh Syro-Eph-ra-ma-tic" một nỗ lực để thống nhất tất cả các nguồn lực quân sự sẵn có của các quốc gia xuyên Giô-đanh từ vùng biên đầu nguồn của O-rơ-phát đến Ai Cập với mục đích trung hòa sức mạnh quân sự gia tăng của A-si-ri. Vua A-háp của Giu-đa từ chối tham gia và bị xâm lược bởi Y-sơ-ra-ên và Sy-ria. Ông viết thư cho Tiéc-la-Phi-lê-se III để xin trợ giúp, chống lại lời khuyên của Ê-sai (xem 7-12).  
(e) Năm 732 Tiéc-la-Phi-lê-se III xâm chiếm và chinh phục Sy-ria và Y-sơ-ra-ên, và đặt một vua chư hầu trên ngai vàng của Y-sơ-ra-ên, Hô-sê (732-722 TCN). Hàng ngàn người Do Thái đã bị lưu đày sang Mê-đi (xem II Các vua 15-16).
- (20) 727- 722 Sanh-ma-na-sa V- Hô-sê hình thành một liên minh với Ai Cập và bị xâm lược bởi A-sy-ri (xem II Các vua 17).
- (21) 722-705 Sa-gôn II:  
(a) Sau một cuộc vây hãm kéo dài ba năm, bắt đầu bởi Sanh-ma-na-sa V, tướng quân và người kế nhiệm của ông Sa-gôn II, chinh phục thủ đô của Y-sơ-ra-ên, Sa-ma-ria. Hơn 27.000 bị lưu đày sang Mê-đi.  
(b) Đế quốc Hê-tít cũng bị chinh phục.  
(c) Trong 714-711 một liên minh khác của các quốc gia xuyên Giô-đanh và Ai Cập nổi dậy chống lại A-si-ri. Liên minh này được gọi là "Cuộc nổi loạn Ash-dod." Ban đầu, ngay cả Ê-xê-chia của Giu-đa cũng tham gia. A-si-ri xâm chiếm và phá hủy một số thành phố Phi-li-tin.
- (22) 705- 681 San-chê-ríp:  
(a) Vào năm 705 một liên minh khác của các quốc gia xuyên Giô-đanh và Ai Cập nổi loạn sau cái chết của cha mình, Sa-gôn II. Ê-xê-chia ủng hộ hoàn toàn cuộc nổi dậy này. San-chê-ríp xâm lược vào năm 701. Cuộc nổi loạn đã bị nghiền nát nhưng Giê-ru-sa-lem lại được tha thứ bởi một hành động của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 36-39 và II Các vua 18-19.)  
(b) San-chê-ríp cũng dập tắt các cuộc nổi dậy ở Ê-lam và Ba-by-lôn.
- (23) 681- 669 Ê-sac Ha-đôn:  
(a) Người cai trị đầu tiên của A-si-ri tấn công và chinh phục Ai Cập.  
(b) Ông có sự cảm thông lớn đối với Ba-by-lôn và xây dựng lại thành phố thủ đô của nó.
- (24) 669- 663 As-shur-ba-ni-pal:  
(a) Cũng được gọi là Ô-náp-ba trong Ê-xơ-ra 4:10.  
(b) Anh trai Shamash-shum-ukin của ông đã được làm vua của Ba-by-lôn. Điều này mang lại vài năm hòa bình giữa A-si-ri và Ba-by-lôn, nhưng có một sự độc lập ngầm đã nở ra vào năm 652, do anh trai của ông dẫn đầu.  
(c) Sự sụp đổ của The-bes (Nô), 663  
(d) Đánh bại Ê-lam, 653, 645
- (25) 633- 629 As-shur-Etil-I-la-ni.  
(26) 629- 612 Sin-Shar-Ish-kun.  
(27) 612- 609 As-shur-U-bal-lit II: - vị vua được phong chức lưu vong ở Ha-ran sau sự sụp đổ của As-shur năm 614 và Ni-ni-ve trong 612.



2. Đế quốc Tân-Ba-by-lôn:
- a. 703- ? Mê-rô-đác-Ba-la-dan:  
bắt đầu một số cuộc nổi loạn chống lại quy tắc A-si-ri.
  - b. 652 Sha-mash-Shum-U-kin:  
(1) Con trai của Ê-Sạt Ha-đôn và anh trai của As-shur-ba-ni-pal.  
(2) Ông bắt đầu một cuộc nổi dậy chống lại A-si-ri nhưng đã bị đánh bại.
  - c. 626- 605 Na-bo-po-las-sar:  
(1) Ông là vị vua đầu tiên của Đế quốc Tân-Ba-by-lôn.  
(2) Ông tấn công A-si-ri từ phía nam trong khi Cy-a-xa-res của Mê-đi tấn công từ phía đông bắc.  
(3) Thủ đô cũ của A-si-ri sụp đổ vào năm 614 và thủ đô mới của Ni-ni-ve sụp đổ vào năm 612.  
(4) Phần còn lại của quân đội A-si-ri rút về Ha-ran. Họ thậm chí còn sắp đặt một vị vua.  
(5) Năm 608 Pha-ra-ôn Nê-cô II (xem II Các vua 23:29) hành quân về phía bắc để giúp phần còn lại của Quân đội A-si-ri với mục đích tạo thành một vùng đệm chống lại sức mạnh ngày càng tăng của Ba-by-lôn. Giô-si-a, vị vua tin kính của Giu-đa (xem II Các vua 23), phản đối sự di chuyển của quân đội Ai Cập qua Phi-li-tin. Có một cuộc giao tranh nhỏ ở Mêghi-đô. Giô-si-a đã bị thương và chết (II Các vua 23: 29-30). Con trai ông, Giô-a -cha, được làm vua. Pha-ra-ôn Nê-cô II đã đến quá muộn để ngăn chặn sự tàn phá của lực lượng A-si-ri tại Ha-ran. Ông tham gia lực lượng Ba-by-lôn do hoàng tử ngôi vương Nê-bu-cát-nết-sa II chỉ huy và đã bị đánh bại thảm hại năm 605 tại Cạt-kê-mít trên sông Ô-phơ-rát. Trên đường trở về Ai Cập, ông dừng lại ở Giê-ru-sa-lem và đánh bại thành phố. Ông ấy đã thay thế và trục xuất Giô-a-cha chỉ sau ba tháng. Ông ta đặt một người con trai khác của Giô-si-a lên ngai vàng, Giê-hô-Gia-kim (xem II Các vua 23: 31-35).  
(6) Nê-bu-cát-nết-sa II truy đuổi quân đội Ai Cập về phía nam qua Phi-li-tin nhưng ông khi nhận được tin cái chết của cha, ông trở về Ba-by-lôn. Sau đó cùng năm, ông trở lại Phi-li-tin. Ông ta để Giê-hô-Gia-kim trên ngai vàng Giu-đa, nhưng đã lưu đầy hàng ngàn công dân hàng đầu và một số thành viên của gia đình hoàng gia. Đa-ni-ên và bạn bè của ông là một phần trong sự lưu đầy này.
  - d. 605-562 Nê-bu-cát-nết-sa II:  
(1) Từ 597-538 Ba-by-lôn bị kiểm soát hoàn toàn bởi Phi-li-tin.  
(2) Năm 597 một trục xuất khác từ Giê-ru-sa-lem xảy ra vì liên minh của Giê-hô-Gia-kim với Ai Cập (II Các vua 24). Ông đã chết trước khi Nê-bu-cát-nết-sa II đến. Con trai Giê-hô-Gia-kim chỉ là vua trong ba tháng cho đến khi ông được lưu đầy đến Ba-by-lôn. Mười ngàn công dân, bao gồm cả Ê-xê-chi-ên, đã được tái định cư gần thành phố Ba-by-lôn gần kênh Ke-bar.  
(3) Năm 586, sau khi tiếp tục làm quen với Ai Cập, thành phố Giê-ru-sa-lem đã hoàn toàn bị phá hủy (II Các vua 25) và một sự trục xuất hàng loạt xảy ra. Sê-đê-kia, người được thay thế Giê-hô-Gia-kim, bị lưu đầy và Ghê-đa-lia được bổ nhiệm làm thống đốc.  
(4) Ghê-li-lia bị quân đội Do Thái giết hại. Những lực lượng này chạy trốn sang Ai Cập và buộc Giê-rê-mi đi với họ. Nê-bu-cát-nết-sa xâm chiếm lần thứ tư (605, 596, 586, 582) và trục xuất tất cả những người Do Thái còn lại mà ông ta có thể tìm thấy.
  - e. 562-560 E-vil-Mê-rô đác, còn được gọi là A-mel-Mar-duk - ông ta thả Giê-hô-Gia-kim ra khỏi tù nhưng ông ấy phải ở lại Ba-by-lôn (xem II Các vua 25: 27- 30; Jer. 52:31).
  - f. 560-556 Ne-rig-lis-sar. - ông ta là tướng của Nê-bu-cát-nết-sa đã phá hủy Giê-ru-sa-lem.
  - g. 556- La-bas-ki-Mar-duk. - ông ta là con trai của Ne-rig-lis-sar nhưng bị ám sát chỉ sau chín tháng.
  - h. 556-539 Na-bo-ni-dus:  
(1) Na-bo-ni-dus không liên quan đến hoàng gia, nên ông kết hôn với con gái của Nê-bu-cát-nết-sa II.  
(2) Đã dành hầu hết thời gian xây dựng một đền thờ cho thần mặt trăng "Sin" ở Thê-ma. Ông ấy là con trai của thầy tế lễ cả nữ của nữ thần này. Điều này khiến ông ta trở nên ghê tởm các thầy tế lễ của Mar-duk, thần chính của Ba-by-lôn.  
(3) Đã dành hầu hết thời gian của ông để cố gắng dập tắt các cuộc nổi dậy và ổn định vương quốc.

- (4) Ông chuyển đến Thê-ma và để lại công việc của nhà nước cho con trai ông, Bê-n-xát-xa, ở thủ đô Ba-by-lôn (xem Đa-ni-ên 5)
- i. ? - 539 Bê-n-xát-sa (đồng cai trị) - Thành phố Ba-by-lôn đã sụp đổ rất nhanh bởi quân đội Mê-đi-Phơ-rơ-sơ, dưới quyền Gob-ry-as của Gu-ti-um bằng cách chuyển hướng dòng nước của O-rơ-phát và đi vào thành phố không bị cản trở. Các thầy tế lễ và người dân thành phố đã xem người Phơ-rơ-sơ là những người giải phóng và phục hồi lại Mê-rô-đác. Gob-ry-as đã được phong làm Thống đốc Ba-by-lôn bởi Si-ru II. Hoặc Si-ru II hoặc Gob-ry-as là "Đa-ri-út là người Mê-đi" xem Đa-ni-ên 5:31 và 6: 1. Đa-ri-út có nghĩa là "Đấng Trung Thành".
3. Đế quốc Mê-đi-Phơ-rơ-sơ: Khảo sát sự nổi lên của Si-ru II (Ê-sai 44:28; 45: 1-7):
    - a. 625-585 Cy-a-xa-res là vua Mê-đi, người đã giúp Ba-by-lôn đánh bại A-si-ri.
    - b. 585-550 As-ty-ages là vua Mê-đi. Si-ru là cháu của Man-dane.
    - c. 550-530 Si-ru II của An-sham là một vị vua chư hầu nổi loạn.
      - (1) Na-bo-ni-dus, vua Ba-by-lôn, ủng hộ Si-ru.
      - (2) Si-ru II truất ngôi As-ty-ages.
      - (3) Na-bo-ni-dus, để khôi phục lại sự cân bằng quyền lực, đã liên minh với:
        - (a) Ai Cập.
        - (b) Cro-e-sus, Vua của Ly-dia (Tiểu Á).
    - d. 547- Si-ru II hành quân chống lại Sạt-đe (thủ đô của Ly-dia).
    - e. Ngày 2 tháng 11 năm 539, Gob-ry-as của Gu-ti-um, với quân đội của Si-ru, chiếm Ba-by-lôn mà không có kháng cự. Gob-ry-as đã được phong làm thống đốc Ba-by-lôn.
    - f. 539- Vào tháng Mười, Si-ru II "vĩ đại" đích thân tham gia giải phóng. Chính sách nhân đạo của ông đối với các nhóm quốc gia đã đảo ngược nhiều năm bị trục xuất như một chính sách quốc gia.
    - g. 538- Người Do Thái và những người khác được phép trở về nhà và xây dựng lại các đền thờ của họ.
    - h. 530- Con trai của Si-ru, Cam-by-ses II, đã kế vị ông.
    - i. 530-522 Triều đại của Cam-by-ses II
      - thêm đế chế Ai Cập vào năm 525 cho đế chế Mê-đi-Phơ-rơ-sơ.
      - có thể tự sát.
    - j. 522-486 Đa-ri-út I đã cai trị.
      - (1) Ông không thuộc dòng hoàng gia mà là một tướng quân.
      - (2) Ông đã tổ chức Đế chế Phơ-rơ-sơ bằng cách sử dụng các kế hoạch của Si-ru cho Sa-traps (xem Ê-xơ-ra 1-6; A-ghê; Xa-cha-ri).
      - (3) Ông ta thiết lập tiên xu như Ly-dia.
    - k. 486-465 Xéc-xe I đã trị vì:
      - (1) Dập-tắt của nổi loạn Ai-cập.
      - (2) Dự định xâm chiếm Hy-Lạp và làm trợn giấc mơ Phơ-rơ-sơ, nhưng bị đánh bại trong trận đánh tại Ther-mo-po-ly vào năm 480 và tại Sa-la-mis vào năm 479.
      - (3) Chồng của Bà Ê-xơ-tê, được gọi là A-xuê-ru trong Kinh Thánh đã bị ám sát vào năm 465.
    - l. 465-424 Át-ta-xét-xe I trị vì (xem Ê-xơ-ra 7-10; Nê-hê-mi; Ma-la-chi):
      - (1) Hy Lạp tiếp tục tấn công mãi khi đối đầu với cuộc nội chiến Pe-lo-pa-ni-si-an.
      - (2) Hy Lạp chia đôi (A-then – Pe-lo-pa-ni-si-an).
      - (3) Những cuộc nội chiến Hy Lạp kéo dài khoảng 20 năm
      - (4) Trong thời kỳ này, cộng đồng Do Thái đã được vững mạnh
    - m. 423-404 Đa-ri-út II trị vì.
    - n. 404-358 Át-ta-xét-xe II trị-vì
    - o. 358-338 Át-ta-xét-xe III trị-vì.
    - p. 338-336 Ar-ses trị-vì.
    - q. 336-331 Đa-ri-ut III trị-vì.
  4. Khảo sát Ai-cập:
    - a. Hyk-sos (Các Vua chăn chiên – Những nhà cai trị Se-mi-tic)-1720/10-1550 TCN
    - b. Triều đại thứ 18 (1570-1310 TCN)
      - (1) 1570-1546 A-mo-sis
      - (2) 1546-1525 A-me-no-phis I (A-men-ho-tep I).

- (3) 1525-1494 Thut-mo-sis I
- (4) ? Thut-mo-sis II
- (5) ? Hat-shep-sut
- (6) 1490-1435 Thut-mo-sis III
- (7) 1435-1414 A-me-no-phis II.
- (8) 1414-1406 Thut-mo-sis IV
- (9) 1406-1370 A-me-no-phis III
- (10) 1370-1353 A-me-no-phis IV (A-khe-na-ten)
- (11) ? Smen-khare
- (12) ? Tu-tan-kha-mun
- (13) ? Ay
- (14) 1340-1310 Haremhab
- c. Triều đại thứ 19 (1310-1200 TCN):
  - (1) ? Ram-se I
  - (2) 1309-1290 Se-ti I
  - (3) 1290-1224 Ram-se (Ram-se II)
  - (4) 1224-1216 Mar-ni-ptah (Me-ren-ptah)
  - (5) ? A-men-mes-ses
  - (6) ? Se-ti II
  - (7) ? Sip-tah
  - (8) ? Te-wos-ret
- d. Triều đại thứ 20 (1180-1065 TCN):
  - (1) 1175-1144 Ram-se III
  - (2) 1144-1065 Ram-se IV – XI
- e. Triều đại thứ 21 (1065-935 TCN):
  - (1) ? Smen-des
  - (2) ? He-ri-hor
- f. Triều đại thứ 22 (935-725 TCN – Li-by):
  - (1) 935-914 Shi-shak (Sho-senk I or She-shong I)
  - (2) 914-874 O-sor-kon I
  - (3) ? Osorkon II
  - (4) ? Sho-shnek II
- g. Triều đại thứ 23 (759-715 TCN – Li-by)
- h. Triều đại thứ 24 (725-709 TCN)
- i. Triều đại thứ 25 (716/15-663 TCN – Ê-thi-ô-pi/Nu-bi):
  - (1) 710/09-696/95 Sha-ba-ko (Sha-ba-ku)
  - (2) 696/95-685/84 Sheb-te-ko (She-bit-ku)
  - (3) 690/89, 685/84- 664 Tir-ha-kah (Ta-har-qa)
  - (4) ? Tan-ta-mun
- j. Triều đại thứ 26 (663-525 TCN – Sai-tic):
  - (1) 663-609 Psam-me-ti-chus I (Psam-tik)
  - (2) 609-593 Nê-cô II (Ne-cho)
  - (3) 593-588 Psam-me-ti-chus II (Psam-tik)
  - (4) 588-569 Ap-ries (Hoph-ra)
  - (5) 569-525 A-ma-sis
  - (6) ? Psam-me-ti-chus III (Psam-tik)
- k. Triều đại thứ 27 (525-401 TCN - Phơ-rơ-sơ):
  - (1) 530-522 Cam-by-ses II (con trai Si-ru II)
  - (2) 522-486 Đa-ri-út I
  - (3) 486-465 Xéc-xe I
  - (4) 465-424 Át-ta-xét-xe I
  - (5) 423-404 Đa-ri-út II

\*một sự sắp xếp theo niên đại khác, hãy xem *Zondervan's Pictorial Bible Encyclopedia*, vol. 2 p. 231.

5. Khảo sát Hy Lạp:

- a. 359-336 Phi-líp II xứ Ma-xê-đoan:
  - (1) Xây dựng Hy Lạp.
  - (2) Bị ám-sát vào năm 336.
- b. 336-323 A-le-xan-der II "Vĩ-đại" (con trai của Philip):
  - (1) Đánh bại Đa-ri-út II, Vua Phơ-rơ-sơ, ở trận đánh I-sus.
  - (2) Mất năm 323 ở Ba-by-lôn vì bệnh sốt ở tuổi 32/33
  - (3) Các tướng lĩnh của A-le-xan-der đã phân chia đế quốc của ông khi ông mất:
    - (a) Cas-sen-der – Ma-xê-đoan và Hy-lạp
    - (b) Ly-si-mi-cus – Thrace
    - (c) Se-leu-cus I - Sy-ria và Ba-by-lôn
    - (d) Pto-le-my – Ai-cập và Phi-li-tin
    - (e) An-ti-go-nus – Tiểu Á (Ông không tồn tại lâu)
- c. Se-leu-cids đấu với Pto-le-mies để kiểm soát Phi-li-tin
  - (1) Sy-ria (các nhà cai trị Se-leu-cid):
    - (a) 312-280 Se-leu-cus I
    - (b) 280-261 An-ti-o-chus I Sos-ter
    - (c) 261-246 An-ti-o-chus II The-us
    - (d) 246-226 Se-leu-cus II Cal-li-ni-cus
    - (e) 226-223 Se-leu-cus III Cē-rau-nus
    - (f) 223-187 An-ti-o-chus III vĩ đại
    - (g) 187-175 Se-leu-cus IV Phi-lo-pa-tor
    - (h) 175-163 An-ti-o-chus IV E-pip-hanes
    - (i) 163-162 An-ti-o-chus V
    - (j) 162-150 De-me-tri-us I
  - (2) Người cai trị Ai Cập (Pto-le-ma-ic):
    - (a) 327-285 Pto-le-my I So-ter
    - (b) 285-246 Pto-le-my II Phi-la-del-phi-us
    - (c) 246-221 Pto-le-my III E-ve-getes
    - (d) 221-203 Pto-le-my IV Phi-lo-pa-tor
    - (e) 203-181 Pto-le-my V E-pi-phanes
    - (f) 181-146 Pto-le-my VI Phi-lo-me-tor
  - (3) Khảo sát ngắn gọn:
    - (a) 301- Phi-li-tin dưới sự cai trị của Pto-le-my trong nhiều năm
    - (b) 175-163 An-ti-o-chus IV E-pi-phanes, người cai trị Se-leu-cid thứ 8, muốn Hy-lạp hóa Người Do Thái bằng vũ lực, nếu cần:
      - i) Xây dựng phòng tập thể dục.
      - ii) Xây dựng bàn thờ ngoại giáo cho thần Ze-us O-lym-pi-us trong đền thờ.

## VIII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

A. Giới thiệu tóm tắt

1. Chương 1-39 - vị tiên tri và thời kỳ của ông
2. Chương 40-66 (hoặc có thể 40-55 và 56-60) – thời đại mới

B. Chương 1-39, bối cảnh lịch sử trong thời kỳ của Ê-sai (trước khi lưu vong)

1. Chương 1-6, dưới thời vua Ô-xia và Giô-tham
2. Chương 7-14, dưới thời vua A-háp
3. Chương 15-39, dưới thời vua Ê-xê-chia (chương 36-39 song song với II Các vua 18: 13-20: 19).

C. Chương 40-66, thời kỳ lưu đày và hậu lưu đày là các loại hình của vương quốc tương lai.

1. Như chương 1-39 phản ánh sự giảng dạy của Ê-sai và rõ ràng là những bài thuyết trình bằng miệng, chương 40-55 phản ánh một bối cảnh mới. Sự phán xét của Đức Chúa Trời đã đến và sự phục hồi là chủ đề chính. Ở đó cũng là gợi ý khuôn mẫu rằng các chương này không phải là quá nhiều bằng truyền khẩu, cũng như bằng văn bản.
2. Chương 1-39 rõ ràng đối phó với mối đe dọa của người A-si-ri và mối đe dọa của người Ba-by-lôn, cụ thể trong các chương 13-14, 21 và 39. Chương 40-55 đối phó với thời kỳ Phơ-rơ-sơ và sự phục hồi của dân sự Chúa đến Đất Hứa.
3. Các chương sau của Ê-sai, 56-66, về thời kỳ cuối cùng, sử dụng những ẩn dụ lịch sử từ cận đông cổ đại để báo trước sự thờ phượng độc thần phổ quát của thế giới về Đức Giê-hô-va.

D. Khó khăn trong việc phác họa Ê-sai

1. Hầu hết các học giả hiện đại chia sách thành ít nhất hai phần: chương 1-39 và 40-66. R. K. Harrison: chương 1-33 và 34-66 vì một khoảng trống trong văn bản DSS. Sự phân chia rõ ràng này trong DSS giữa các chương 33 và 34 đã đưa ra gợi ý rằng Ê-sai được tạo ra bởi những người theo ông trong hai tập. W.H. Brown-lee đã đề xuất rằng hai tập phản chiếu với nhau trong cấu trúc:

Tập 1		Tập 2
Chương 1-5	- hủy hoại và phục hồi	Chương 34-35
Chương 6-8	- tài liệu tiểu sử	Chương 36-40
Chương 9-12	- tác nhân của các phước lành thiêng liêng và phán xét	Chương 41-45
Chương 13-23	- những lời tiên tri chống lại quyền lực nước ngoài	Chương 46-48
Chương 24-27	- sự cứu chuộc toàn cầu và giải phóng Y-sơ-ra-ên	Chương 49-55
Chương 28-31	- bài giảng đạo đức	Chương 56-59
Chương 32-33	- sự phục hồi của quốc gia	Chương 60-66

2. Một số dàn bài tập trung vào bối cảnh lịch sử trong khi những người khác tập trung vào nội dung Mê-si-a.

	<u>NIV</u>	<u>Leu-pold</u>
Chương 7-12	"Lời tiên tri phát ra bởi mối đe dọa của A-ram và Y-sơ-ra-ên chống lại Giu-đa "	" Sách Im-ma-nu-ên "
Chương 28-33	"Sáu sự khốn khổ: Năm không trung thành ở Y-sơ-ra-ên và một ở A-si-ri "	" Cuốn sách của Si-ôn" (Nền Tảng)

3. Một số ví dụ về sự không chắc chắn của các đơn vị văn học (chương 1-12)

- a. Dàn bài các chương 1-12 của E. Y. Young, trang 211-214:
  - (1) 1: 1-12: 6 Lời tiên tri liên quan đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem
  - (a) 1: 1-31 Sự buộc tội tuyệt vời
  - (b) 2: 1-4: 6 Sự cai trị và phán xét của Đấng Mê-ti-a trên dân chúng
  - (c) 3: 5-30 Sự gian ác phổ biến của Giu-đa
  - (d) 6: 1-13 Khải tượng của Ê-sai về Chúa
  - (e) 7: 1-12: 6 Lời tiên tri được nói ra trong triều đại của A-háp.
- b. Dàn bài các chương 1-2 của R.K. Harrison, trang. 764:
  - (1) Lời tiên tri về sự hủy hoại và phục hồi của Giu-đa, các chương 1-5
  - (2) Lời kêu gọi của Ê-sai; tài liệu tiểu sử, chương 6-8
  - (3) Giới thiệu các đế chế thế giới và vai trò của họ, các chương 9-12
- c. Dàn bài các chương 1-12 của Kinh Thánh Nghiên cứu NIV, trang 1016
  - (1) chương 1-6

- (a) Giới thiệu: các cáo buộc chống lại Giu-đa vì vi phạm Giao ước, ch.1
  - (b) Kỷ luật và vinh quang trong tương lai của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, ch. 2-4
    - i) Các phước lành tương lai của Giê-ru-sa-lem (2: 1-5)
    - ii) Kỷ luật của Chúa về Giu-đa (2:6 - 4:1)
    - iii) Phục hồi của Si-ôn (4: 2-6)
  - (c) Sự phán xét và lưu vong của dân tộc (ch. 5)
  - (d) Nhiệm vụ độc đáo của Ê-sai (ch. 6)
- (2) Chương 7-12
- (a) A-háp cảnh báo không nên sợ liên minh A-ram và Y-sơ-ra-ên (ch. 7)
  - (b) Con trai của Ê-sai và con trai của Đa-vít (8:1 - 9:7)
  - (c) Phán quyết chống lại Y-sơ-ra-ên (9:8 - 10:4)
  - (d) Đế quốc A-si-ri và Vương quốc Đa-vít (10: 5-12: 6)
    - i) Sự hủy diệt A-si-ri (10: 5-34)
    - ii) Thành lập vua Đa-vít và vương quốc của ông (ch.11)
    - iii) Những bài ca vui mừng cho sự giải thoát (ch.12)
- d. Dàn bài các chương 1-12 của H.C. Leupold, trang 38-40:
- (1) Lời tiên tri liên quan đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Chương 1-12)
- (a) Lời giới thiệu: một sứ điệp tiêu biểu của Ê-sai (ch.1)
    - i Tiêu đề, câu 1
    - ii Bản cáo trạng thiêng liêng, câu 2-4
    - iii Trạng thái bên ngoài hoang vắng của dân tộc, câu 5-9
    - iv Loại thờ phượng hiện tại không hiệu quả như một biện pháp khắc phục, câu 10-15
    - v Kêu gọi ăn năn, câu 16-20
    - vi Sự biểu lộ ra sự đòi truy ở Giê-ru-sa-lem, câu 21-33
    - vii Y-sơ-ra-ên được cứu chuộc bởi sự phán xét, câu 24-31
  - (b) Thông qua sự phán xét để thực hiện những lời hứa ân điển của Chúa, chương. 2-6
    - i Tương lai vinh quang của Si-ôn trong thời đại Đấng Mê-si-a, 2: 2-5
    - ii Hiện tại không vinh quang của Si-ôn, 2:6-4:1
      - a) Mô tả các giá trị không xác thực hiện tại, câu 6-9
      - b) Dấu hiệu của một bản án khủng khiếp sắp xảy ra, câu 10-11
      - c) Ngày của Chúa sẽ làm gì với tất cả các giá trị không xác thực, câu 12-17
      - d) Số phận của các thần tượng, câu 18-21
      - e) Bản cáo trạng của Chúa về những người lãnh đạo vô trách nhiệm, 2: 22-3: 15
        - i) Tình trạng hỗn loạn kết quả khi Chúa lấy đi tất cả sự hỗ trợ, 3: 1-12
        - ii) Cảm giác tội lỗi của những người lãnh đạo đã mang đến tai họa này, 3: 13-15
      - f) Bản cáo trạng của Chúa về những người phụ nữ vô dụng và phù phiếm của Giê-ru-sa-lem, 3: 16-4: 1
      - g) Si-ôn được thanh tẩy, 4: 2-6
      - h) Sự phán xét của Chúa đối với những người có tội của Ngài, ch. 5
        - i) Dụ ngôn vườn nho, câu 1-7
        - ii) Nho chua được sản xuất bởi Y-Sơ-ra-ên, câu 8-23
        - iii) Phán quyết sắp xảy ra do A-si-ri đưa ra, câu 24-30
    - i) Sự phán xét của Y-Lát-ra-ên liên quan đến lời kêu gọi ban đầu của tiên tri, ch. 6
      - i) Khải tượng của nhà tiên tri, câu 1-3
      - ii) Phản ứng của nhà tiên tri đối với Khải tượng, câu 4-5
      - iii) Sự xá tội của ông ấy, câu 6-7
      - iv) Sứ mạng của ông, câu 8-9a
      - v) Sứ điệp của ông ấy, câu 9b-13
  - (c) Sách Im-ma-nu-ên (chương 7-12)
    - i Dấu hiệu Im-ma-nu-ên, ch. 7
      - a) Sự cố tại hồ trên cao, câu 1-9
      - b) Hậu quả của vụ việc đó, Lời nói liên quan đến Im-ma-nu-ên, câu 10-17
      - c) Hậu quả xa hơn, dự đoán sự tàn phá của vùng đất, câu 18-25

- ii Thời gian không yên lảng (734-732 TCN) và cách gặp họ, ch. 8
  - a) Sự cướp bóc của Đa-mách và Sy-ri, câu 1-4
  - b) Cuộc xâm lược A-si-ri về Giu-đa, câu 5-8
  - c) Sự an toàn mà Im-ma-nu-ên có thể mang lại, câu 9-10
  - d) Ai và điều gì phải sợ, câu 11-15
  - e) Sự chờ đợi kiên nhẫn của đức tin, câu 16-18
  - f) Khẩu hiệu đúng trong ngày, câu 19-22
- iii Đứa trẻ có bốn tên, 9: 1-7
  - a) Tóm tắt, câu 1
  - b) Niềm hạnh phúc lớn, câu 2-3
  - c) Những gì được lấy đi? câu 4-5
  - d) Tác giả của niềm hạnh phúc lớn, câu 6-7
- iv "Bàn tay của Ngài vẫn đưa ra", 9: 8-10: 4
  - a) Bởi vì niềm kiêu hãnh không thánh sẽ có kẻ thù đánh bại, câu 8-12
  - b) Bởi vì sự tiếp tục không hối cải sẽ có cuộc lật đổ lãnh đạo, câu 13-17
  - c) Bởi vì sự gian ác thịnh hành sẽ có nội chiến, câu 18-21
  - d) Vì sự bất công trong xã hội sẽ có một ngày đền tội, 10: 1-4
- v Khôn cho A-si-ri, 10: 5-34
  - a) A-si-ri khoe khoang đã hiểu sai nhiệm vụ đặc biệt của mình từ Chúa, câu 5-11
  - b) Sự phán xét chậm trễ sẽ tấn công kẻ chinh phục kiêu hãnh này, câu 12-14
  - c) Vì sự kiêu ngạo của nó, A-si-ri sẽ bị thiêu rụi như một đám cháy rừng, câu 15-19
  - d) Sau thảm họa của sự phán xét từ Chúa, dân sót của Y-sơ-ra-ên sẽ trở lại với Ngài, câu 20-23
  - e) Si-ôn sẽ được giải thoát khi A-si-ri ngã đổ, câu 24-27
  - f) Sự tấn công chiến lược của A-si-ri gần như đã chiếm được Si-ôn, được mô tả trong các bản tin từ mặt trận, câu 28-32
  - g) Đức Giê-hô-va sẽ chặt phá rừng kiêu hãnh của A-si-ri, câu 33-34
  - h) Đấng Mê-si-a của dòng Đa-vít và công trình cứu rỗi vĩ đại của Ngài, ch. 11
    - i. Thiết bị của Đấng Mê-si-a, câu 1-3a
    - ii. Cách làm việc của Ngài, câu 3b-5
    - iii. Sự biến đổi sẽ được thực hiện ngay cả trong tự nhiên, câu 6-9
    - iv. Một mô tả về công việc của Ngài về những gì Ngài có thể làm cho Y-sơ-ra-ên, câu 10-16
  - i) Khen ngợi cho ngày tuyệt vời đó sẽ đến, ch. 12
    - i) Một quyết tâm về phần của Y-sơ-ra-ên để khen ngợi như vậy, câu 1-2
    - ii) Một mô tả tóm tắt về các phước lành của ngày hôm đó, câu 3
    - iii) Một lời cổ vũ để dâng lời khen ngợi như vậy, câu 4-6

## IX. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Ê-sai giữ Giu-đa để trung thành với giao ước Đa-vít (II Sa-mu-ên 7) nhưng ông cũng quay trở lại mục đích ban đầu của giao ước Áp-ra-ham (Sáng thế 12: 1-3), đó là Đức Chúa Trời chọn Y-sơ-ra-ên để chọn thế giới. Thật là một sự tương phản về sự tôn trọng của Đức Giê-hô-va hằng có. Đức Chúa Trời sẽ không chỉ khôi phục Y-sơ-ra-ên mà còn mở rộng ảnh hưởng của nó ra toàn thế giới!
- B. Ê-sai dự đoán cụ thể sự chuyển động của các sự kiện thế giới trong thời đại của chính ông và trong tương lai, dẫn đến sự phục hồi của Vương quốc Đa-vít thông qua Đấng Mê-si-a, (Mi-chê cũng vậy). Vương quốc này rất đẹp và phổ quát, (Mi-chê cũng vậy). Đây là hai phương diện của Đấng cứu chuộc thánh, thần duy nhất của Ê-sai.
- C. Ê-sai cho thấy rõ sự vô ích của dân sự Chúa tin vào nguồn nhân lực trần tục, sa ngã. Sự giải thoát sẽ chỉ đến từ Đức Giê-hô-va!

- D. Ê-sai bày tỏ ba đặc điểm mạnh mẽ nhất của kế hoạch cứu chuộc của Chúa:
1. Đáng cứu thế sắp đến
  2. Đáng Mê-si-a như là Tôi tớ chịu khổ
  3. Sự tôn trọng phổ quát của Đáng Mê-si-a

## X. THUẬT-NGỮ/CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN.

### A. Thuật ngữ và cụm từ:

1. "Hỡi các tầng trời, hãy lắng nghe; hỡi đất, hãy lắng tai nghe", 1:2 (NASB & NIV)
2. "Như một lều người canh chừng trong vườn dưa chuột. . .", 1:8 (NIV, "như một lều trong ruộng dưa . . .")
3. "Muôn vàn của lễ các ngươi có can hệ gì đến Ta? . . .", 1:10-15 (NIV, " Muôn vàn của lễ các ngươi ")
4. "Bây giờ hãy đến, để chúng ta biện luận cùng nhau . . .", 1:18 (NASB & NIV)
5. Trong những ngày sau rốt . . .", 2:2 (NASB & NIV)
6. "Tất cả các quốc gia sẽ chuyển hướng về nó ...", 2: 2-4 (NASB & NIV)
7. "Khoen đeo mũi", 3:21 (NASB & NIV)
8. "Đám mây", 4: 5 (NASB & NIV)
9. "Ai sẽ đi cho chúng ta?", 6: 8 (NASB & NIV)
10. "Trình nữ", 7:14 (NIV, " nữ đồng trinh ")
11. "Tại thời điểm Ngài biết đủ để từ chối cái ác và chọn tốt", 7: 15,16 (NASB & NIV)
12. "Một hòn đá để tấn công và một tảng đá để vấp ngã", 8:14 (28:16) (NASB & NIV)
13. "Đồng bóng và pháp sư thì thâm và lảm bảm", 8:19 (NASB & NIV)
14. "A-si-ri, cái gậy của sự tức giận của Ta", 10: 5 (NASB & NIV)
15. "Chỉ một phần sót lại trong đó sẽ trở lại ...", 10:22 (NASB & NIV)
16. "Có một chồi sẽ nứt lên từ gốc Y-sai", 11: 1,10 (NIV, "... từ gốc cây")
17. "Ê-xu-xi", 13:21; 34:14 (NIV, "thú rừng hoang dã")
18. "Núi hội về cuối cùng phương bắc", 14:13 (NIV, "Núi hội nghị, trên đỉnh cao nhất của ngọn núi thiêng liêng")
19. "Một bàn thờ cho Chúa ở giữa đất Ai Cập", 19:19 (NIV, "... ở trung tâm của Ai Cập")
20. A-ri-ên, 29: 1-2, 7 (NASB & NIV)
21. "Tiêu diệt chúng hoàn toàn", 34: 2 (NIV, "tiêu diệt chúng hoàn toàn")
22. "Móc treo trong mũi của ngươi", 37:29 (NASB & NIV)
23. "Đã ném tất cả tội lỗi tôi ra sau lưng Ngài", 38:17 (NASB & NIV)
24. "Lời của Đức Chúa Trời chúng ta còn mãi đời đời", 40: 8 (NASB & NIV)
25. "Người ngồi trên vòm của trái đất", 40:22 (NIV, "Người ngồi lên trên vòng tròn của trái đất ")
26. "Ta, Chúa, là người đầu tiên và sẽ ở với người cuối cùng. Ta là Đáng đó", 41: 4; 44: 6 (NASB & NIV)
27. "Ta sẽ không nhớ tội lỗi của ngươi nữa", 43:25 (NASB & NIV)
28. "Ngoài ta có Đức Chúa Trời nào khác không? Thật, chẳng có Vàng Đá nào khác", 44: 8; 45: 5 (NIV, "Có Chúa nào khác bên cạnh Ta không? Không, không có vàng đá nào khác; Ta không biết một ai ")
29. "Đáng hình thành ánh sáng và tạo ra bóng tối, làm ra hạnh phúc và tạo ra thiên tai" 45: 7 (NIV, "Ta tạo thành ánh sáng và tạo ra bóng tối, ta mang lại thịnh vượng và tạo ra thảm họa")
30. "Hãy trở lại cùng ta, và được cứu, tất cả các nơi đầu cùng đất ...", 45:22 (NASB & NIV)
31. "Mỗi đầu gối sẽ quỳ trước mặt ta, mỗi lưỡi sẽ thề trung thành", 45:23 (NASB & NIV)
32. " Ấy là vì ta, vì một mình ta, mà ta sẽ làm điều đó..." , 48:11 (NASB & NIV)
33. "Đàn bà há để quên con mình cho bú ... ngay cả những điều này có thể quên, nhưng ta sẽ không quên ngươi", 49:15 (NASB & NIV)
34. "Chén giận dữ của Ngài", 51:17 (NIV, "chén thịnh nộ của Ngài")
35. "Bị Đức Chúa Trời đánh đập, và làm cho khốn khổ ...", 53: 4 (NASB & NIV)
36. "... Chúa vui lòng mà làm tôn thương Ngài, đặt Ngài vào đau buồn", 53:10 (NIV, "nhưng đó là của ý Chúa sẽ đè nát Người và khiến Người đau khổ ")
37. "Vì Chúa sẽ cho ngươi một sự sáng đời đời ", 60: 19-20 (NASB & NIV)



## B. Nhân vật

1. "Đấng thánh của Y-sơ-ra-ên" 1: 4; 41: 8-9; 42: 1,19; 43:10
2. "Con gái của Si-ôn" 1: 8
3. "Giê-hô-va vạn quân" 1: 9 (NIV, "Chúa toàn năng")
4. "Chòi của Chúa" 4: 2
5. Sê-ra-phia 6: 2 (NIV, "se-raphs")
6. Sê-a-Gia-rúp 7: 3
7. Im-ma-nu-ên 7:14
8. Ma-he-Sa-la-Hát-bát 8: 3
9. "Đấng Toàn Năng" (El Sha-dai) 13: 6
10. Hoạn quan 56: 3
11. "Hỡi Sao mai, con trai của bình minh" 14:12
12. "một người từ phương đông" 41: 2, 25 (44:28; 45: 1)
13. "Tôi tớ của ta" 41: 8,9; 42: 1,19; 43:10; 52:13
14. Bên ... Nê-bô 46: 1
15. Kẻ canh 52: 8

## XI. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Ta-rê-si 2:16 (NIV, "tàu buôn")
2. Chi phái Ép-ra-im 7: 2
3. Núi Si-ôn 8:18
4. Chi phái Sa-bu-lôn 9: 1
5. Ga-li-lê 9: 1
6. Cạt-kê-mít 10: 9
7. Sê-la 16: 1; 42:11
8. Xô-an 19:13
9. Mem-phis 19:13
10. Nam phương 21: 1 (NIV, "NE-GEV")
11. Thê-ma 21:14
12. Ty-rơ 23: 1
13. Si-đôn 23: 2
14. A-ra-ba 35: 1 (NIV, "vùng hoang dã")
15. Núi Cạt mên 35: 2
16. Sa-rôn 35: 2
17. A-ra-rát 37:38
18. Tu-banh 66:19
19. Gia-van 66:19 (NIV, Hy Lạp)

## XII. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao Đức Chúa Trời đưa dân sự Ngài ra tòa? Họ đã làm gì? (ch. 1)
2. Chúa có chống lại sự dâng hiến không? (1: 10-15)
3. Giải thích lý do tại sao 5: 1-7 quá mạnh mẽ và cảm động?
4. Tại sao sự kêu gọi của Ê-sai không được ghi lại, mãi cho đến chương 6?
5. Tại sao Ê-sai không sử dụng chữ Hê-bơ-rơ "đồng trinh" trong 7:14?
6. Liệt kê các địa điểm trong chương 7-12, nơi một đứa trẻ được sử dụng để mô tả tuổi mới.

7. Giải thích ba danh hiệu cho các chi phái miền Bắc được sử dụng trong 9: 8-9.
8. Tại sao sự sụp đổ của Ba-by-lôn được đề cập trong chương 13, khi nó là A-sy-ri mà Ê-sai bàn luận trong chương 10?
9. Cách nào mà Ê-sai 14 và Ê-xê-chi-ên 28 liên quan đến Sa-tan?
10. Giải thích bối cảnh lịch sử của các chương 36-39
11. Có phải 40: 1-2 ngụ ý rằng dân sự của Đức Chúa Trời lưu vong không? Nếu vậy, điều này liên quan đến quyền tác giả như thế nào?
12. Người Tôi tớ 42: 1 có liên hệ như thế nào với Chúa Giê-su nhưng không liên quan đến 19?
13. Làm thế nào để 52: 13-53: 12 liên quan đến Chúa Giê-su? đến Y-sơ-ra-ên?
14. Bối cảnh địa lý của các chương 56-66 là gì?

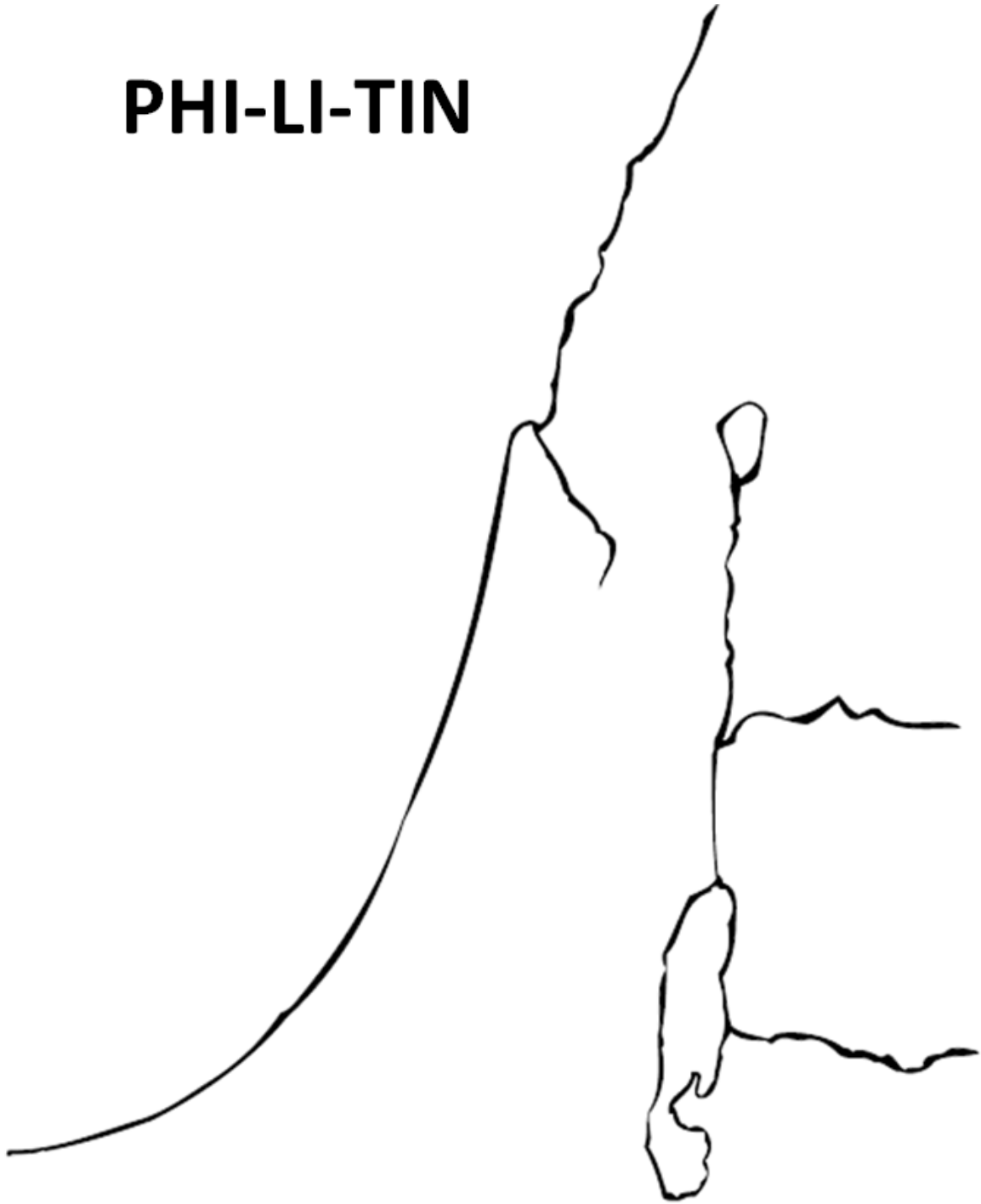


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ GIÊ-RÊ-MI

## I. TÊN SÁCH

- A. Nó được đặt theo tên của nhà tiên tri.
- B. Tên của ông ấy có nghĩa là:
  1. "Đức Giê-hô-va phóng lao".
  2. "Đức Giê-hô-va thành lập"

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Đó là một phần của phần "Tiên tri" trong kinh điển Hê-bơ-rơ.
- B. Trong văn học Do Thái, ông thường được coi là người đầu tiên trong các tiên tri (xem Ma-thi-ơ 27: 9).

## III. THỂ LOẠI

- A. Cuốn sách này được tạo thành từ nhiều thể loại:
  1. Thơ ca tiếng Hê-bơ-rơ cổ điển (Lời tiên tri của Giê-rê-mi)
  2. Văn xuôi tiếng Do Thái (được viết bởi Ba-rúc ở ngôi thứ ba)
  3. Tóm tắt các bài giảng của Giê-rê-mi thường trong văn xuôi (cũng từ Ba-rúc)
  4. Phần nài nỉ truyện với Đức Chúa Trời ở dạng thơ ca (Sự xưng tội Giê-rê-mi)
- B. Rõ ràng Giê-rê-mi bao gồm cả những lời tiên tri bằng truyền khẩu và bằng văn bản. Cũng từ chương 36 chúng ta học được rằng một số phần ắt phải được chỉnh sửa lại / viết lại.

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Rõ ràng là Giê-rê-mi không viết chương 52 vì câu 31-34 ghi lại các sự kiện đã xảy ra ở Ba-by-lôn. Giê-rê-mi bị mang đến Ai Cập bởi các đơn vị quân đội Do Thái phản loạn sau cái chết của Ghê-đa-lia, thống đốc Ba-by-lôn.
- B. Các tác giả / biên tập viên có thể là:
  1. Giê-rê-mi
  2. Ba-rúc - người ghi chép của ông ấy
  3. Biên tập viên sau này (Ê-xơ-ra hoặc những người của Nhà Hội lớn)
- C. Chúng ta biết nhiều về Giê-rê-mi hơn bất kỳ nhà tiên tri nào khác:
  1. Từ dòng thầy tế lễ (khi bị lưu đày) của A-bia-tha, I Các Vua 2: 26-27.
  2. Lớn lên gần Giê-ru-sa-lem ở A-na-tốt.
  3. Được Đức Chúa Trời kêu gọi khi còn trẻ, 1: 2; 25: 3 (627 TCN).
  4. Chịu ảnh hưởng của các tác phẩm Ô-sê và Phục-truyền luật-lệ ký.
  5. Cùng thời với:
    - a. Đa-ni-ên
    - b. Ê-xê-chi-ên
    - c. Ha-ba-cúc
    - d. Sô-phô-ni
    - e. Na-hum
  6. Năm năm sau khi ông gọi "Sách pháp luật" đã được tìm thấy trong Đền thờ trong thời cải cách của Giô-si-a. Thật đáng ngạc nhiên khi mối quan hệ của họ không bao giờ được đề cập trong Kinh thánh. Khi cuốn sách Luật được tìm thấy, nhà vua đã hỏi ý kiến một nữ tiên tri tên là Hun-đa (II Các vua 22: 14-20), chứ không phải Giê-rê-mi.

7. Cảm xúc của ông ấy có thể được thấy rõ trong những lời thú nhận hoặc phàn nàn của ông ấy:
  - a. 11: 18-12: 6
  - b. 15: 10-21
  - c. 17: 14-18
  - d. 18: 18-23
  - e. 20: 7-18
8. Ông ấy bị bắt buộc đến Ai Cập, nơi ông bị giết bởi những người tị nạn Do Thái, 43: 6.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Giê-rê-mi được sinh ra ở A-na-tốt khoảng năm 640 TCN.
- B. Sách Giê-rê-mi được ghi niên đại trong câu 1: 2 và bao gồm thời gian từ năm thứ mười ba của Giô-si-a đến thời Sê-đê-kia, 627 TCN - 582 TCN. Giê-rê-mi sống ở Ai Cập bao lâu với người tị nạn là không chắc chắn.
- C. Văn bản 05-tri-ca được tìm thấy tại Lach-nish mô tả cuộc bao vây nó vào năm 587 TCN. Hình thức của văn bản tiếng Hê-bơ-rơ của nó là tương đương với Giê-rê-mi.
- D. Sứ điệp của Giê-rê-mi tập trung vào các sự kiện từ sự sụp đổ của Sa-ma-ri (722 TCN) đến sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (586 TCN).

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. 686 TCN - Ma-na-se (686-641 TCN) trở thành vua của Giu-đa. Ông là vị vua độc ác nhất của Giu-đa.
- B. 664 TCN - Đế chế Ai Cập có được sức mạnh dưới thời Psam-me-ti-chus (664-610 TCN)
- C. 648 TCN - Sự ra đời của Giô-si-a.
- D. 642 TCN - A-môn, vua của Giu-đa đã bị giết bởi những người hầu của mình (II Các vua 21: 19-26).
- E. 640 TCN - Người cai trị A-sy-ri hiệu quả cuối cùng, A-shur-ba-ni-pal chết.
- F. 640 TCN - Giô-si-a trở thành vua khi 8 tuổi (II Các vua 22: 1).
- G. 628 TCN - Giô-si-a khởi xướng cải cách (II Sứ ký 34: 3ff; II Các vua 23).
- H. 626 TCN - Lời kêu gọi của Giê-rê-mi (Giê-rê-mi 1: 2).
- I. 626 TCN - Na-bo-po-las-sar (626-605 TCN) trở thành vua của Ba-by-lôn mới.
- J. 621 TCN - Sách Luật được tìm thấy bởi những người thợ đang tu sửa Đền thờ (II Sứ ký 34: 8ff; II Các Vua 22).
- K. 614 TCN - A-shur, Thủ phủ khu vực của A-sy-ri, rơi vào tay Ba-by-lôn mới.
- L. 612 TCN - Ni-ni-ve, thủ đô chính của A-sy-ri đã bị Ba-by-lôn mới và Mê-đi phá hủy.
- M. 609 TCN - Giô-si-a bị giết tại Mê-gi-đô, chống lại Pha-ra-ôn Nê-cô II (610-594 TCN), người cố gắng giúp đỡ tàn quân bỏ chạy của quân đội A-sy-ri (II Sứ ký 35: 20-24; II Các vua 23: 28-30).
  - Giô-a-cha II (609 TCN), con trai của Giô-si-a, được phong làm vua ở vị trí của cha mình nhưng chỉ được ba tháng. Pha-ra-ôn Nê-cô đã đày ông ta đến Ai Cập.
  - Giê-hô-gia-kim (609-598 TCN) được đặt trên ngai vàng của Giu-đa bởi Pha-ra-ôn Nê-cô. Ông ấy được đặt lại lên ngai của Giu-đa bởi Nê-bu-cát-nết-sa II năm 605TCN. Sau đó, ông nổi loạn bằng cách liên minh với Ai Cập. Con trai của ông, Giê-hô-gia-kin, đã kế vị chỉ trong ba tháng và được thay thế bởi Nê-bu-cát-nết-sa với Sê-đê-kia năm 597 TCN
- N. 605 TCN - Ba-by-lôn mới đánh bại người Ai Cập và phần còn lại của quân đội A-sy-ri tại Cạt-kê-mít
- O. 605 TCN - Nê-bu-cát-nết-sa II di chuyển qua Phi-li-tin yêu cầu thanh toán cống nạp (bắt lấy Đa-ni-ên và lưu đày đầu tiên.) Có bốn cuộc xâm lược ảnh hưởng đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, 605, 597, 586 và 582 TCN
- P. 601 TCN - Nê-bu-cát-nết-sa II đã thua trận chiến giành quyền kiểm soát Ai Cập (bế tắc).

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG:

- A. Cấu trúc của cuốn sách là chuyên đề hoặc theo chủ đề, không theo trình tự thời gian. Nó có lẽ là một bộ sưu tập của một số các cuộn / sứ điệp khác nhau của Giê-rê-mi, 1-25, 30-33 và 46-51.
- B. LXX và MT khác nhau rất nhiều. Gần 3000 từ của MT bị thiếu trong LXX. Cũng thế, thứ tự của các quốc gia trong chương 46-51 là khác nhau, cũng như vị trí của chúng trong cuốn sách sau chương 25. Cả hai truyền thống MSS đã được tìm thấy trong Cuộn Biên Chết.
- C. Dàn bài dự kiến (về cơ bản theo Har-ri-son và Young):
1. Chương 1 - Lời kêu gọi và cung cấp của Giê-rê-mi.
  2. Chương 2-25 - Tội lỗi của Giu-đa từ những năm đầu của chức vụ Giê-rê-mi.
  3. Chương 26-29; 34-35 - Cuộc sống cá nhân của nhà tiên tri.
    - a. Thông điệp của Đức Giê-hô-va cho phản ứng của Sê-đê-kia và Ha-na-nia, 26-29.
    - b. Rê-cáp 34-35
    - c. Các sự kiện lịch sử từ triều đại của Giê-hô-gia-kim - Sê-đê-kia, và Ghê-đa-lia đến Ai Cập, 36-45
  4. Chương 30-33 - lời hứa phục hồi Dân sự Chúa:
    - a. Thuộc-thể
    - b. Thuộc linh
  5. Chương 46-51 - những lời tiên tri chống lại các quốc gia xung quanh (cũng là chương 25: 12-38):
    - a. Ai Cập - 46 (Ê-sai 19; Ê-xê-chi-ên. 29-32)
    - b. Phi-li-tin - 47 (A-mốt 1: 6-8; Ê-sai 14: 29-32; Ê-xê-chi-ên. 25: 15-17)
    - c. Mô-áp - 48 (A-mốt 2: 1-3; Ê-sai 15-16; Ê-xê-chi-ên. 25: 8-11)
    - d. Am-môn - 49: 1-6 (A-mốt 1: 13-15; Ê-xê-chi-ên 25: 1-7)
    - e. Ê-đôm - 49: 7-22 (A-mốt 1: 11-12; Ê-sai 21: 11-12; Ê-xê-chi-ên 25: 12-14; Áp-đi-a)
    - f. Sy-ria - 49: 23-27 (A-mốt 1: 3-5; Ê-sai 17: 1-3)
    - g. Ả Rập - 49: 28-33
    - h. Ê-lam - 49: 34-38
    - i. Ba-by-lôn - 50-51 (Ê-sai 13: 1-14; Ha-ba-cúc 2: 6-17)
  6. Chương 52 - Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (II Các vua 24: 18-25: 30)
- D. Thật thú vị khi lưu ý rằng trong các chương 1-25, sứ điệp của Giê-rê-mi được giới thiệu với cụm từ “Lời của Đức Giê-hô-va đã đến với tôi”, trong khi trong các chương 26-51, chúng được giới thiệu với “Lời của Đức Giê-hô-va đã đến Giê-rê-mi”.
- E. Biểu đồ tiên tri của Giê-rê-mi bởi các vua trị vì:

E. J. Young:	R. K. Har-ri-son:
1. Dưới thời Giô-si-a (640 TCN) 1:1-19; 2:1-3:5; 3:6-6:30; 7:1-10:25; 11:1-13:27; 14:1-15:21; 16:1-17:27; 18:1-20:18	1:1-19; 2:1-3:5; 3:6-6:30; 7:1-10:25; 18:1-20:18
2. Dưới thời Giô-a-cha (609 TCN)	
3. Dưới thời Giê-hô-gia-kim (609 TCN) 25; 26; 27; 35; 36; 45 46-49	11:1-13:14; 14:1-15:21; 16:1-17:27; 22; 23; 25; 26; 35; 36; 45; 46-48
4. Dưới thời Giê-hô-gia-kim (598 - 596 TCN)	31: 15-27
5. Sê-đê-kia (597 TCN) 21:1-22:30; 23; 24; 27 28; 29; 30-31; 32; 34; 37; 38; 39	21:1-22:30; 24:1-10; 27; 28; 29; 30-31; 32; 33; 34; 37; 38; 39; 49; 50:1-51:64

- |    |  |                            |
|----|--|----------------------------|
| 6. | Dưới thời Ghê-đa-lia<br>40; 41; 42; 43-44:30;<br>50-52 | 40:1-42:22; 43:1-44:30     |
| 7. |  | Phụ lục Lịch sử<br>52:1-34 |

### VIII. CHỦ ĐỀ CHÍNH:

- A. Thời điểm phán xét là bây giờ vì Giu-đa sẽ không ăn năn! Giê-rê-mi nhấn mạnh đến tội lỗi, sự phán xét sau đó phục hồi; 1: 4-10.
- B. Tôn giáo phụng vụ hoặc nghi lễ mà không có lỗi sống cá nhân đức tin vào Đức Chúa Trời là một thảm họa! (chương 7; Ê-sai 29:13).
- C. Giu-đa đã vô vọng lạc lối trong nghi thức, thờ hình tượng và tội lỗi! Nó đã phá vỡ giao ước của Chúa, tượng trưng như một giao ước hôn nhân (xem 2: 1-3: 5).
- D. Sự ăn năn cá nhân và đức tin là nền tảng của giao ước mới của Chúa (31: 31-34) chứ không phải đức tin gia đình (31:29; Ê-xê-chi-ên 18).
- E. Giao ước mới là vĩnh viễn (31: 35-37) vì nó không dựa trên hiệu suất của con người mà là về ân điển và quyền năng của Chúa (Ê-xê-chi-ên 36: 26-27).

### IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC (NASB)

#### A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ

1. Tiên tri, 1: 5 (NASB & NIV)
2. Cây hạnh nhân, 1:11 (NASB & NIV)
3. Phương bắc, 1:13 (NASB & NIV)
4. Thắt dây lưng của bạn, 1: 17 (NIV, "Chuẩn bị sẵn sàng!")
5. Văn bản ly hôn, 3: 8 (NIV, "giấy chứng nhận ly hôn")
6. "Ngoại tình với đá và cây", 3: 9 (NASB & NIV)
7. "Bao quy đầu của trái tim bạn", 4: 4 (NIV, "cắt bao quy đầu của trái tim bạn")
8. "Nhũ hương của Ga-la-át", 8:22 (NASB & NIV)
9. "Kẹp tóc trên thái dương của họ", 9:26 (NIV, "ở những nơi xa xôi")
10. "Như Chúa sống", 12:16 (NASB & NIV)
11. "Kẻ hủy diệt vào giữa trưa", 15: 8 (NIV, "vào giữa trưa tôi sẽ mang theo kẻ hủy diệt")
12. "Tất cả các cơ binh trên trời", 19:13 (NIV, "tất cả các cơ binh trên cao")
13. Hủy diệt hoàn toàn, 25: 9 (NIV, "hủy diệt hoàn toàn")
14. "Các kim khí của nhà Chúa," 27:16 (NIV, "các vật phẩm ...")
15. "Thời gian đau khổ của Gia-cốp", 30: 7 (NIV, "thời gian rắc rối cho Gia-cốp")
16. Giao ước mới, 31:31 (NASB & NIV)
17. "Khi chúng mổ bò con làm đôi và đi qua giữa hai phần của nó", 34:18 (NIV, " họ cắt bò con làm hai và sau đó đi giữa các phần của nó ")

#### B. Nhân vật:

- |   |                          |    |   |
|---|--------------------------|----|---|
| 1 | Giô-si-a, 1: 2,3         | 9  | Người Rê-cáp 35: (NIV, gia đình Rê-cáp) |
| 2 | Giê-hô-gia-kim, 1: 3     | 10 | Ê-bê-t-Mê-lét, 38: 7                    |
| 3 | Ba-anh, 2: 8             | 11 | Ghê-đa-lia, 39:14 & 40-41               |
| 4 | Ma-na-se, 15: 4          | 12 | Pha-ra-ôn Nê-cô, 46: 2 (NIV, Nê-cô)     |
| 5 | Nê-bu-cát-nét-sa 21: 2,7 | 13 | Kê-môt, 48: 7,13,46                     |
| 6 | Ha-na-nia 28:1           | 14 | Bên-Ha-đát, 49:27                       |



7 Ba-rúc, 32: 12,13,16  
8 Mô-lóc 32: 35

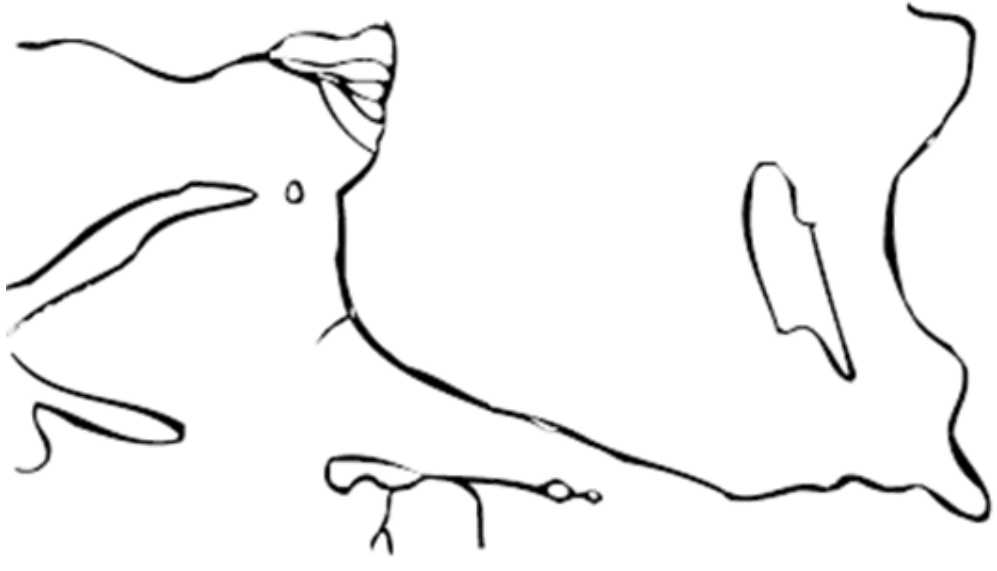
15 Bên, 50: 2; 51:44  
16 Mê-rô-đác 50: 2

## X. VỊ TRÍ BẢN ĐỒ

- |  |                      |
|--|----------------------|
| 1. A-na-tốt, 1: 1 9                      | 9. Mích-ba 40: 6     |
| 2. Kít-sim                               | 10. Ga-ba-ôn 41: 12  |
| 3. Mem-phis                              | 11. Bết-lê-hem 41:17 |
| 4. Si-lô 7: 12                           | 12. Cạt-kê-mít 46: 2 |
| 5. Trong trứng các con trai Hi-nôm 7: 31 | 13. Bê-tên 48: 13    |
| 6. Sô-đôm và Gô-mô-rơ, 23:14             | 14. Hát-so 49: 28    |
| 7. Ty-rơ, 25:22                          | 15. Ê-lam 49: 34     |
| 8. La-ki 34: 7                           |                      |

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao Giê-rê-mi rất khó để làm dàn bài?
2. Giê-rê-mi đã giảng bao lâu?
3. Giải thích hai khái tượng trong 1: 11-16.
4. Tại sao chương 2 được trình bày như một trường hợp pháp luật? (xem 4-8, 9, 29)
5. Tại sao chương này được trình bày như một trường hợp ly hôn?
6. Liệt kê bốn điều kiện Chúa yêu cầu thể hiện sự ăn năn trong 4: 1-2.
7. Chương 7 và 26 liên quan như thế nào?
8. Giê-rê-mi có lên án hệ thống dân của lễ trong chương 7 không?
9. Tại sao những người đàn ông ở quê nhà của Giê-rê-mi lại cố giết ông ta? (chương 11-12)
10. Tại sao 12: 14-17 và 16: 19-21 lại có ý nghĩa như vậy?
11. Giải thích các tội lỗi của tập thể và cá nhân có liên quan như thế nào trong 16: 10-13
12. 7:10 liên quan đến như thế nào với Ga-la-ti 6: 7?
13. Mô tả những cách khác nhau Giê-rê-mi đã sử dụng phép ẩn dụ về người thợ gốm trong chương 18 và 19.

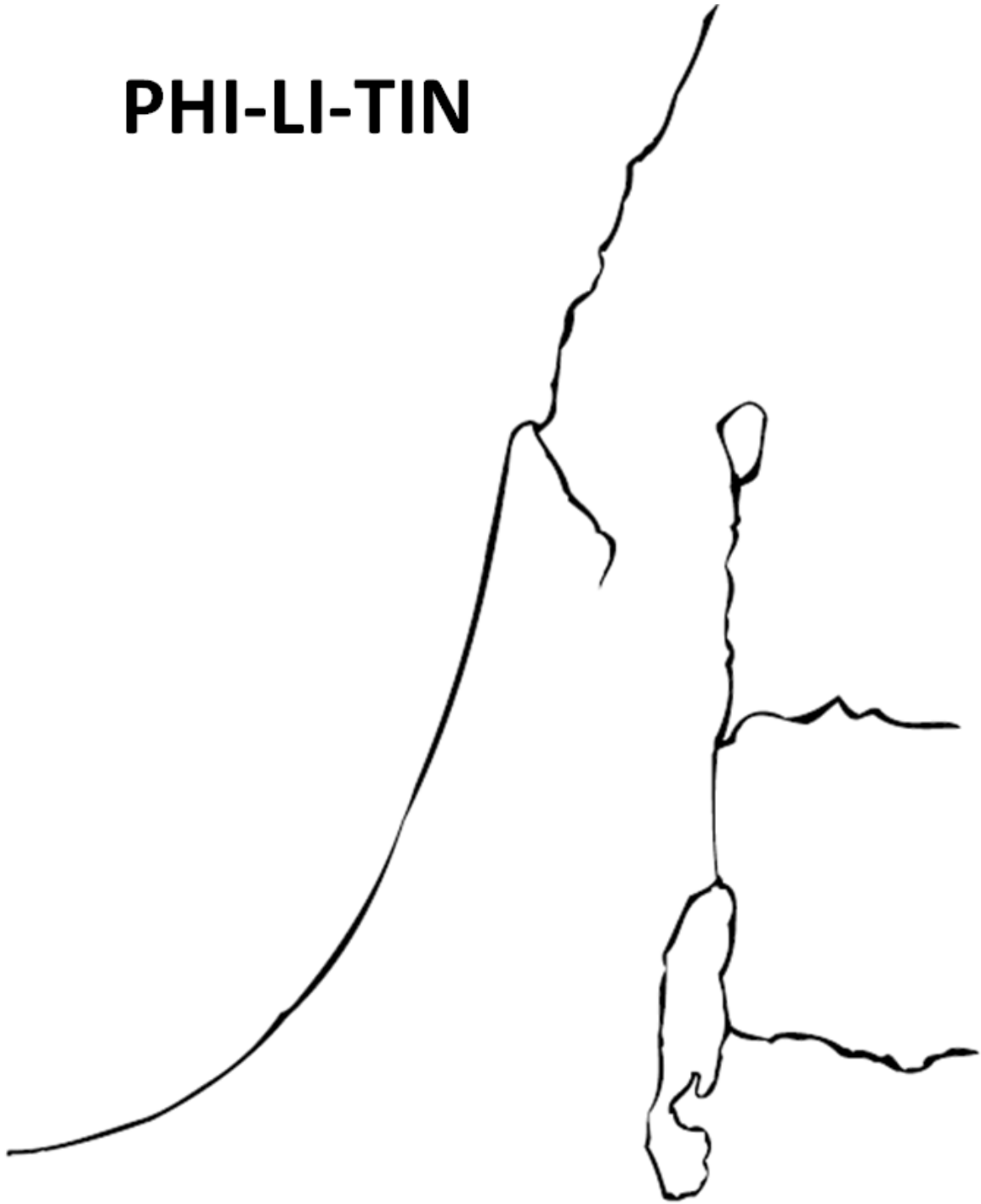


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ CA THƯƠNG

## I. TÊN SÁCH

- A. Trong tiếng Hê-bơ-rơ (MT), tựa đề là từ đầu tiên của cuốn sách là "A! Thế nào" [*'echah*] (xem 1: 1, 2: 1, 4: 1). Đây là một thuật ngữ phổ biến được sử dụng tại các đám tang.
- B. Trong bản Sep-tua-gint (LXX) nó là tựa đề "khóc thét" từ gốc Hy Lạp "khóc to."
- C. Bản Tal-mud gọi nó là "than thở".
- D. Bản Vul-gate gọi nó là "Nó bao gồm những lời than thở của Tiên Tri Giê-rê-mi."

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Đó là trong danh sách sách đặc biệt từ phần Tác phẩm của kinh điển Hê-bơ-rơ gọi là Me-gil-loth (năm cuộn). Mỗi cuộn được đọc vào một ngày lễ hàng năm:
  - 1. Nhã ca - Lễ Vượt Qua
  - 2. Ru-tơ - Lễ ngũ tuần
  - 3. Truyền đạo - Lễ Lều tạm
  - 4. Ê-xơ-tê - Phu-rim
  - 5. Ca Thương - sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem và phá hủy Đền thờ Sô-lô-môn
- B. Phần Tác phẩm của Kinh điển Hê-bơ-rơ đặt Nhã ca sau Thi-Thiên, Châm ngôn và Gióp và trước Ru-tơ, Ca-thương, Truyền -đạo và Ê-xơ-tê. Kinh Thánh tiếng Anh theo thứ tự của LXX.
- C. Ca-thương được đọc vào ngày 9 của Ab (giữa tháng 7) để tưởng niệm sự hủy diệt Đền thờ của Sô-lô-môn bởi quân đội Nê-bu-cát-nét-sa II năm 586 TCN. Sau này Do Thái giáo cũng kỷ niệm sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem bởi vị tướng La mã, Ti-tus vào năm 70 SCN.

## III. THỂ LOẠI

- A. Mỗi trong năm chương là một lời than riêng biệt / tang lễ. Những loại thơ này phổ biến ở vùng cận đông cổ đại, trở lại với Su-mer. Đối với Y-sơ-ra-ên, họ bày tỏ nỗi buồn về điều kiện hiện tại nhưng hy vọng cho tương lai.
- B. Bốn bài thơ đầu tiên là theo thể thơ chữ đầu. Mỗi dòng bắt đầu bằng chữ cái tiếp theo của bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Điều này có thể là một cách tượng trưng để thể hiện sự đau buồn hoàn toàn.
- C. Thơ ca Hê-bơ-rơ được dựa trên sự suy nghĩ song song, không phải vần điệu.
  - 1. Dòng, không phải từ, là chìa khóa văn học.
  - 2. Song song thường là hai hoặc ba dòng.
    - a. Đồng nghĩa song song - các dòng thể hiện cùng suy nghĩ theo các từ khác nhau
      - (1) Thi-thiên 3: 1; 8:40; 83:14; 103: 3
      - (2) Châm ngôn 20: 1
      - (3) Ca-thương 1: 2, 3
      - (4) Ê-sai 1: 3
      - (5) A-môt 5:24
    - b. Thuyết song song đối lập - các dòng thể hiện suy nghĩ ngược lại bằng cách sử dụng độ tương phản hoặc nêu rõ sự tích cực và tiêu cực của một vấn đề.
      - (1) Thi-thiên 1: 6; 90: 6

- (2) Châm ngôn 1:29; 10: 1, 12; 15: 1; 19: 4
- c. Tổng hợp song song - các dòng phát triển tư tưởng
- (1) Thi-thiên 1: 1-2; 19: 7-9
- (2) Ca-thương 1: 4

#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Bản thân cuốn sách không ghi tác giả. Rõ ràng là nó được viết bởi một nhân chứng bằng mắt cho cuộc bao vây và sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem năm 586 TCN.
- B. Ba-ba Bath-ra 15a và Tar-gums trong Giê-rê-mi 1: 1 gán quyền tác giả cho Giê-rê-mi.
- C. Bản Sep-tua-gint mở đầu cuốn sách với "và nó đã được thông qua sau khi Y-sơ-ra-ên đã bị bắt làm phu tù, và Giê-ru-sa-lem đã bị bỏ trống, rằng Giê-rê-mi ngồi khóc lóc và sáng tác Ca thương này trên Giê-ru-sa-lem và nói ... ". Sách này được đặt sau sách Giê-rê-mi.
- D. Bản Vul-gate mở đầu cuốn sách với, "Nó bao gồm sự than thở của tiên tri Giê-rê-mi."
- E. Bản Pe-shit-ta (bản dịch Sy-ria, thế kỷ thứ 5 SCN) đặt tựa sách "Sách Ca-thương của Tiên tri Giê-rê-mi".
- F. Bằng chứng về quyền tác giả:
1. Cho Giê-rê-mi:
    - a. Giê-rê-mi được cho là tác giả vì II Sứ-ký 35:25. Nhưng hãy chú ý, điều này đề cập đến sự than thở cho Giô-si-a, không phải cho Giê-ru-sa-lem.
    - b. Nhiều đoạn trong Giê-rê-mi nói về sự đau buồn của ông về tình hình trong thời kỳ của ông, 7:29; 8:21; 9: 1, 10, 20 (xem Ca-thương 3: 48-51).
    - c. Có sự giống nhau về từ vựng.
    - d. Chữ "Ta" của 3: 1 có thể ám chỉ đến Giê-rê-mi.
    - e. Tác giả rõ ràng là một nhân chứng cho sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem.
  2. Chống lại Giê-rê-mi:
    - a. Giê-rê-mi nói Đức Chúa Trời sai Ba-by-lôn để phán xét nhưng 3: 59-66 có vẻ khác.
    - b. Giê-rê-mi sẽ không nói những lời tiên tri đã chấm dứt rồi, 2: 9c.
    - c. Giê-rê-mi sẽ không có sự ủng hộ từ Ai Cập, 4:17.
    - d. Giê-rê-mi sẽ không hy vọng vào Sê-đê-kia, 4:20.
    - e. Những bài thơ thể chữ đầu có cấu trúc rất cao, rất khác với cấu trúc không gò bó của Giê-rê-mi.
    - f. Phong cách cấu trúc của mỗi bài trong số 5 bài thơ cũng khác nhau. Một số có dòng dài, một số có dòng ngắn. Số lượng các dòng bắt đầu bằng cùng một chữ cái khác nhau. Những ẩn dụ thay đổi từ thơ này sang bài thơ khác. Tất cả điều này chỉ ra có nhiều hơn một tác giả.

#### V./VI. NIÊN ĐẠY/ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Tình hình lịch sử là sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem đối với quân đội Ba-by-lôn năm 586 TCN.
- B. Đối với bối cảnh lịch sử, hãy đọc II Các vua 25: 8-12 và Giê-rê-mi 52.
- C. Một số người xem cuốn sách này liên quan đến người Do Thái ở lại Giu-đa và hàng năm nhớ về sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem, Giê-rê-mi. 41: 4-5.

#### VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Giê-ru-sa-lem được nhân cách hóa, người vợ làm nô lệ, chương 1
- B. Đặc quyền mang lại trách nhiệm, cơn thịnh nộ trong giao ước của Đức Giê-hô-va, chương 2.

- C. Đau buồn cá nhân, chương 3.
- D. Đặc quyền mang lại trách nhiệm, dân sự giao ước phạm tội, chương 4
- E. Tin cậy và hy vọng vào Đức Chúa Trời giao ước, chương 5.

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Những bài thơ này thể hiện sự đau buồn và cảm giác mất mát mà dân sự Chúa cảm thấy tại:
  - 1. Sự mất Giê-ru-sa-lem,
  - 2. Sự phá hủy của Đền thờ,
  - 3. Đức Giê-hô-va giải tán Giao ước Môi-se. Những điều này đã được cảm thấy rất mạnh mẽ vì lời hứa của Chúa trong:
    - (a) II Sa-mu-ên 7: 10-16
    - (b) Ê-sai 37: 30-35
- B. Những bài thơ này nhấn mạnh:
  - 1. Sự tể trị của Đức Chúa Trời,
  - 2. Sự công bình của Đức Chúa Trời,
  - 3. Sự phán xét của Đức Chúa Trời,
  - 4. Lời hứa phục hồi của Đức Chúa Trời.
- C. Giu-đa bị hủy diệt vì nó đã phá vỡ Giao ước Môi-se (Phục-truyền 27-28). Sự thất bại bởi Ba-by-lôn là không phải là sự yếu đuối của Đức Giê-hô-va, nhưng là tội lỗi của dân sự Ngài. Đức Giê-hô-va sẽ mang lại chiến thắng từ quyền năng của Ngài trong một thời điểm trong tương lai (3: 22-23, 25).
- D. Lời hứa của Chúa là có cả điều kiện và vô điều kiện. Khái niệm giao ước đòi hỏi một đáp ứng thích hợp.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC:

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ:
  - 1. "Mọi kẻ yêu mến nó" 1: 2, 19 (NASB & NIV)
  - 2. "Con gái đồng trinh của Giu-đa" 1:15 (NASB & NIV)
  - 3. "Bệ chân của Ngài" 2: 1 (NASB & NIV)
  - 4. "CHÚA đã trở thành kẻ thù" 2: 5 (NIV, "Chúa giống như kẻ thù")
  - 5. "Vỗ tay ... hôn ... lắc đầu" 2:15 (NIV, "vỗ tay ... chế giễu ... lắc")
  - 6. "Giơ tay lên về Ngài" 2:19; 3:41 (NASB & NIV)
  - 7. "Đàn bà há ăn con cái ằm trong tay của họ" 2:20; 4:10 (NASB & NIV)
- B. Nhân vật:
  - 1. "Ta là người " 3: 1

## X. VỊ TRÍ BẢN ĐỒ

- 1. Giu-đa, 1: 3
- 2. Si-ôn, 1: 4
- 3. Giê-ru-sa-lem, 1: 7
- 4. U-xơ, 4:21

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN:

- 1. Giải thích cấu trúc văn học của Ca thương.

2. Cuốn sách Kinh thánh này giúp chúng ta đối phó với đau khổ và hoang mang như thế nào?
3. Cuốn sách đóng góp như thế nào về nguyên nhân của sự lưu đày? (1: 5, 18)
4. 2:17 liên quan đến Phục truyền luật lệ ký 27-28 như thế nào?
5. Tại sao 3: 19-38 lại quá quan trọng như vậy?



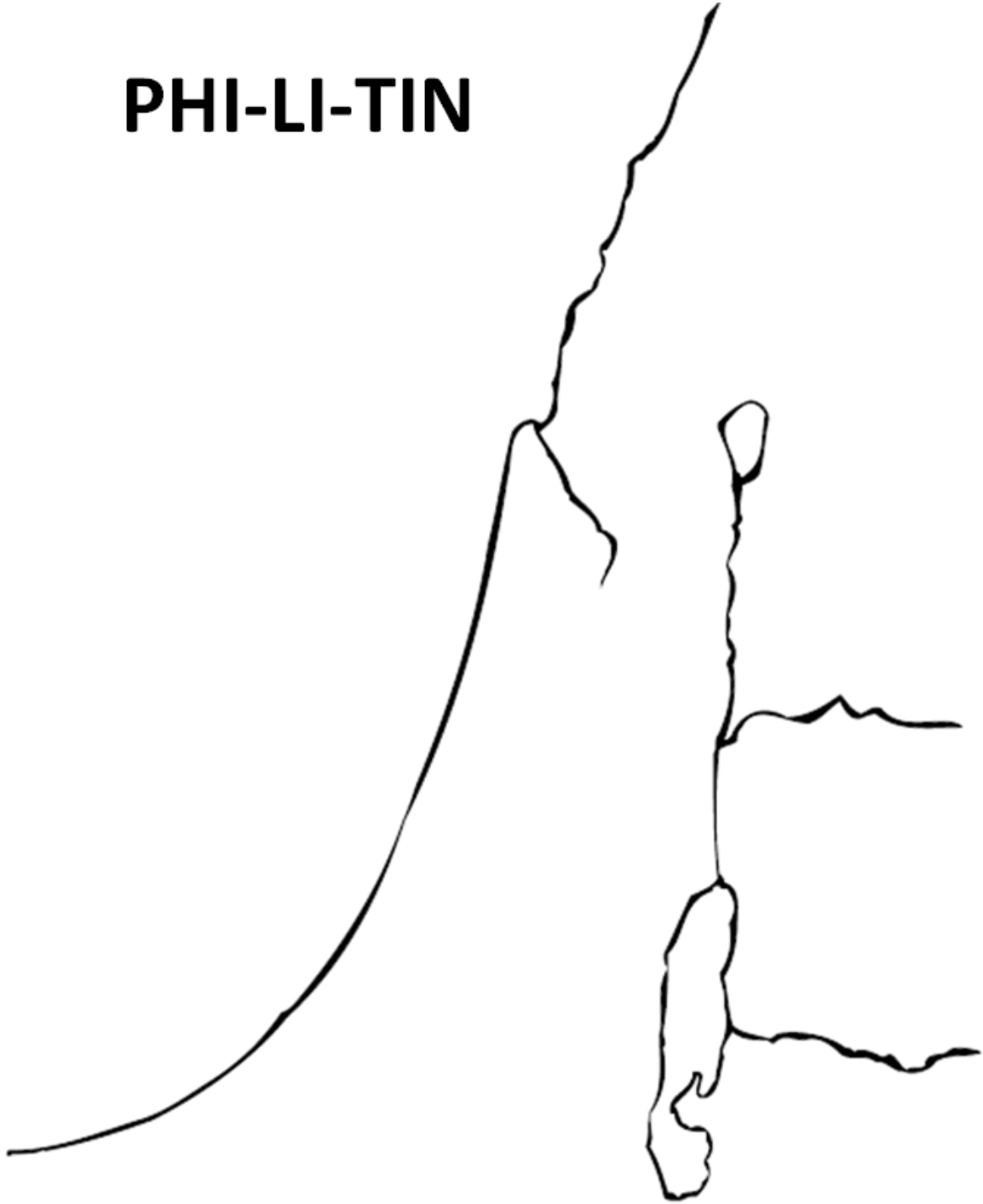
BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**



# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ Ê-XÊ-CHI-ÊN

## I. TÊN SÁCH

- A. Nó được đặt tên theo người phát ngôn chính của nó, tiên tri Ê-xê-chi-ên.
- B. Tên của ông có nghĩa là "Đức Chúa Trời thêm sức," hoặc "Nguyện xin Đức Chúa Trời làm cho mạnh mẽ."

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này có một số khó khăn khi được chấp nhận vào kinh điển Hê-bơ-rơ:
  - 1. Đền thờ và thủ tục của Ê-xê-chi-ên khác với Môi-se.
  - 2. Ngôn ngữ có tính khái tượng sâu sắc, đặc biệt là các chương 1, 8 & 10.
- B. Thầy thông giáo Ha-na-nia ben He-ze-kiah của trường thầy thông giáo Sham-mai, được cho là đã sử dụng 300 lọ dầu hòa giải Ê-xê-chi-ên với Môi-se (xem Shabb. 14b; Menahuth 45a; Hagigah 13a).
- C. Truyền thống Do Thái nói rằng khi Ê-li trở về trước Đấng Mê-si-a, Ngài sẽ giải quyết các vấn đề giữa Ê-xê-chi-ên và Môi-se.

## III. THỂ LOẠI

- A. Cuốn sách này chứa nhiều thể loại:
  - 1. Lời tiên tri (chương 37)
  - 2. Khái huyền (chương 1, 8-10, 38-39, 40-48)
  - 3. Thơ
  - 4. Văn xuôi
  - 5. Dụ ngôn ẩn tượng (chương 4-7, 12)
  - 6. Các loại hình thể (chương 16)
- B. Cách diễn giải chương 40-48
  - 1. Lời mở đầu:
    - a. Ngữ cảnh văn chương của các chương 40-48 là lời hứa phục hồi như được ghi lại trong chương 33-39.
    - b. Phần này là một mô hình kiến trúc chi tiết của Đền thờ thời kỳ cuối cùng như trong Xuất 25-27 là của Đền tạm.
    - c. Dàn bài ngắn gọn:
      - 1) Chương 40-43 - Đền thờ được phục hồi
      - 2) Chương 44-46 - Nghi lễ được phục hồi
      - 3) Chương 47-48 - Đất đai được phân bổ lại
    - d. Lời tiên tri này sử dụng giao ước cổ xưa giữa Đức Chúa Trời và Áp-ra-ham và hạt giống của Ngài cho hình ảnh sự phục hồi thời kỳ cuối cùng của dân sự Chúa.
    - e. Theo lịch sử các chương này phải liên quan đến sự trở lại từ lưu đày (43: 2). Tuy nhiên, nó là rõ ràng là về thời kỳ cuối cùng theo một số cách, vì nó không phù hợp với giai đoạn hậu lưu đày.
  - 2. Một số cách thông giải có thể có:
    - a. Nó không bao giờ có nghĩa là được thực hiện theo nghĩa đen;
    - b. Đó là lời tiên tri có điều kiện mà người Do thái không đáp ứng một cách thích hợp;
    - c. Nó được hoàn thành một phần trong sự trở lại từ lưu đày dưới thời Xô-rô-ba-bên và Giô-suê;
    - d. Nó được hoàn thành trong đền thờ của Hê-rốt;
    - e. Nó luôn luôn có nghĩa là biểu tượng (xem *Prophecy Interpreted* by John Milton);

- f. Nó sẽ được hoàn thành trong một đền thờ ở thời kỳ cuối cùng.
3. Các vấn đề trong thông giải văn bản này:
- a. Không có bối cảnh lịch sử cụ thể cho các chương 38 và 39 hoặc 40-48. Bởi vì không có bối cảnh lịch sử, hoặc trong văn bản hoặc trong lịch sử, hầu hết các người thông giải làm cho nó là ở thời kỳ cuối cùng;
  - b. Tân ước:
    - (1) Dường như loại trừ một hệ thống dâng của lễ cuối cùng trong Hê-bơ-rơ 9 và 10;
    - (2) Dường như bao gồm người ngoại bang trong khi Ê-xê-chi-ên 40-48 rất có tính quốc gia.
  - c. Chúa Giê-su dường như đã từ chối người Do Thái như công cụ cứu chuộc của Đức Chúa Trời trong câu chuyện ngụ ngôn về những người thuê nhà độc ác (xem Ma-thi-ơ 21: 33-46; Mác 12: 1-12; Lu-ca 20: 9-19);
  - d. Mặc dù tôi tin rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng quốc gia Y-sơ-ra-ên trong thời kỳ cuối cùng (xem Rô-ma 9-11), tôi tin rằng Hội Thánh là người Do Thái thuộc linh (xem Rô-ma 2: 28-29; Ga-la-ti 3: 1ff; 6:16; Ê-phê-sô 2-3).
- C. Ê-xê-chi-ên sáng tác hầu hết các sứ điệp của mình dưới dạng văn bản. Chúng không được cung cấp bằng miệng như của Ê-sai và của Giê-rê-mi. Chúng có cấu trúc chặt chẽ.

#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Tác giả của cuốn sách chưa bao giờ bị nghi ngờ. Toàn bộ cuốn sách ngoại trừ 1: 2-3 được viết bằng ngôi thứ nhất, số ít (tự truyện.)
- B. Truyền thống Do Thái, Ba-ba Bath-ra 15a, nói "những người đàn ông của Nhà hội vĩ đại đã viết Ê-xê-chi-ên và Mười hai người. Như chúng ta đã thấy từ "đã viết" có nghĩa là đã chỉnh sửa hoặc biên soạn.
- C. Jo-sep-hus' *The Antiquities of the Jews*, 10: 5: 1, nói rằng Ê-xê-chi-ên đã viết hai cuốn sách. Điều này có thể ám chỉ đến cấu trúc đặc trưng của nhiều tiên tri Do Thái vì sách của họ dễ dàng chia thành hai một nửa. Trong phần đầu tiên, bối cảnh lịch sử là thời kỳ của riêng ông. Trong phần thứ hai của cuốn sách, bối cảnh là tương lai (xem Ê-sai 1-39 & 40-66; Dân 1-6 & 7-12; Xa-cha-ri 1-8 & 9-14 và Ê-xê-chi-ên 1-32 & 33-48). Điều này có thể là lý do tại sao Je-rome bày tỏ nghi ngờ về sự thống nhất của sách Ê-xê-chi-ên. Cũng tại sao Jo-sep-hus đã nghĩ ông đã viết hai cuốn sách.
- D. Tất cả những gì chúng ta biết về Tiên tri Ê-xê-chi-ên là từ sách của ông. Ông ta không được đề cập đến bất cứ nơi nào khác trong Cựu ước:
  1. Ông là một thầy tế lễ dòng dõi Xa-đốc, 1: 3,
  2. Ông đã kết hôn nhưng không có con, 24: 16-18,
  3. Ông bị bắt phu tù khi ông hai mươi lăm tuổi vào năm 597 TCN bởi Nê-bu-cát-nét-sa II cùng với Vua Giê-hô-gia-kin, 1: 1; I Các Vua. 24: 14-16,
  4. Ông đã bị đày đến một khu định cư Do Thái không xa Ba-by-lôn trên một kênh thủy lợi nhân tạo Kê-ba, 1: 1,3, được gọi là Tê-n-A-bíp, 3:15,
  5. Ông đã giảng ít nhất hai mươi hai năm, 1: 1-2; 29:17,
  6. Ông là một tiên tri mạnh mẽ nhưng có lòng thương xót, 9: 8; 11:13.

#### V. NIÊN ĐẠI

- A. Ông sinh khoảng 623 TCN ở Giê-ru-sa-lem.
- B. Ê-xê-chi-ên là một trong những tiên tri thế kỷ thứ bảy: Giê-rê-mi, Đa-ni-ên, Na-hum, Ha-ba-cúc và Sô-phô-ni.

- C. Trong thời kỳ gia tăng quyền lực của nước Ba-by-lôn Mới dưới quyền Na-bo-po-las-sar và hoàng tử vương miện Nê-bu-cát-nét-sa II, Đức Chúa Trời đã nói qua những tiên tri này ở những địa phương khác nhau:
1. Đa-ni-ên bị bắt giữ bởi Nê-bu-cát-nét-sa vào năm 605 TCN. Ông đã bị lưu đày đến cung điện ở Ba-by-lôn, Đa-ni-ên 1: 1.
  2. Ê-xê-chi-ên bị Nê-bu-cát-nét-sa bắt giữ vào năm 597 TCN cùng với 10.000 thợ thủ công và Vua Giê-hô-gia-kin, II Các Vua. 24: 14-16.
  3. Giê-rê-mi vẫn ở Giê-ru-sa-lem cho đến khi Ghê-đa-lia chết.
- D. Ê-xê-chi-ên ghi ngày những lời tiên tri của ông. Những ngày này cho thấy rằng cuốn sách không theo thứ tự thời gian:

	Ngày	Tháng	Năm lưu đày của Giê-hô-gia-kin
1. Một khái tượng 1:1	5	4	13
2. Một khái tượng 1:2	5	4	5
3. Một khái tượng 8:1	5	6	6
4. Câu hỏi của trưởng lão 20:1	10	5	7
5. Cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem bắt đầu, 24: 1	10	10	9
6. Lời tiên tri chống lại Ty-rơ 26: 1	1	?	11
7. Lời tiên tri chống lại Ai-cập 29:1	12	10	10
8. Lời tiên tri chống lại Ai-cập 29:17	1	1	27
9. Lời tiên tri chống lại Ai-cập 30:20	7	1	11
10. Lời tiên tri chống lại Ai-cập 31:1	1	3	11
11. Lời tiên tri chống lại Ai-cập 32:1	1	12	12
12. Lời tiên tri chống lại Ai-cập 32:17	15	(12)	12
13. Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem, 33:21	5	10	12
14. Khái tượng về Giê-ru-sa-lem mới 40:1	10	1	25

- E. Vì vậy, chức vụ của Ê-xê-chi-ên bắt đầu khoảng 592 và tiếp tục ít nhất là cho đến 570 TCN, có thể lâu hơn.

## VI. BÔI CẢNH LỊCH SỬ

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Lời tiên tri của Ê-xê-chi-ên có thể được chia thành hai thông điệp hoàn toàn khác nhau:
1. Trước khi sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem năm 586 TCN, những bài giảng của ông được đặc trưng cho một cuộc kêu gọi ăn năn vì sự phán xét sắp tới của Đức Chúa Trời. (1-32)
  2. Sau sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem, bài giảng của ông chuyển sang hy vọng, phục hồi, tha thứ. (33-48)
- B. Dàn bài tóm tắt:
1. Sự kêu gọi của ông vào chức vụ, 1-3.
  2. Tội lỗi của dân sự giao ước và sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem, 4-24.
  3. Sự phán xét của Đức Chúa Trời về các quốc gia xung quanh, 25-32
  4. Lời hứa phục hồi của Đức Chúa Trời về dân sự, thành phố và đền thờ của Ngài, 33-37.
  5. Cuộc xâm lược khai huyền từ miền Bắc, 38-39.
  6. Một khái tượng về đền thờ được phục hồi, 40-48.

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Người Do Thái đang chịu đau khổ vì tội lỗi của chính mình, chứ không phải sự yếu đuối của Đức Giê-hô-va.
- B. Đức tin giao ước có cả khía cạnh tập thể và cá nhân. Giao ước mới được đề cập trong Giê-rê-mi 31: 31-34 về cơ bản là cá nhân, cũng như các chương 18 và 33. Nó cũng được đảm bảo bởi hành động của Đức Chúa Trời (chương 36-37). Đây là sự cân bằng tương tự giữa sự tể trị của Đức Chúa Trời và trách nhiệm giao ước của con người tìm thấy trong Tân ước.
- C. Đức Chúa Trời trung thành với hạt giống của Áp-ra-ham và Đa-vít. Giao ước sẽ được tái lập, chương 37, 40-48. Lưu đây là một hành động của tình yêu!
- D. Các vấn đề cho người Do thái không kết thúc, chương 38-39 (xem Dân số 7-12). Có một cuộc đấu tranh đang diễn ra giữa dân sự của Đức Chúa Trời và sự sa ngã của nhân loại bị cám dỗ thuộc linh (Thi thiên 2).

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

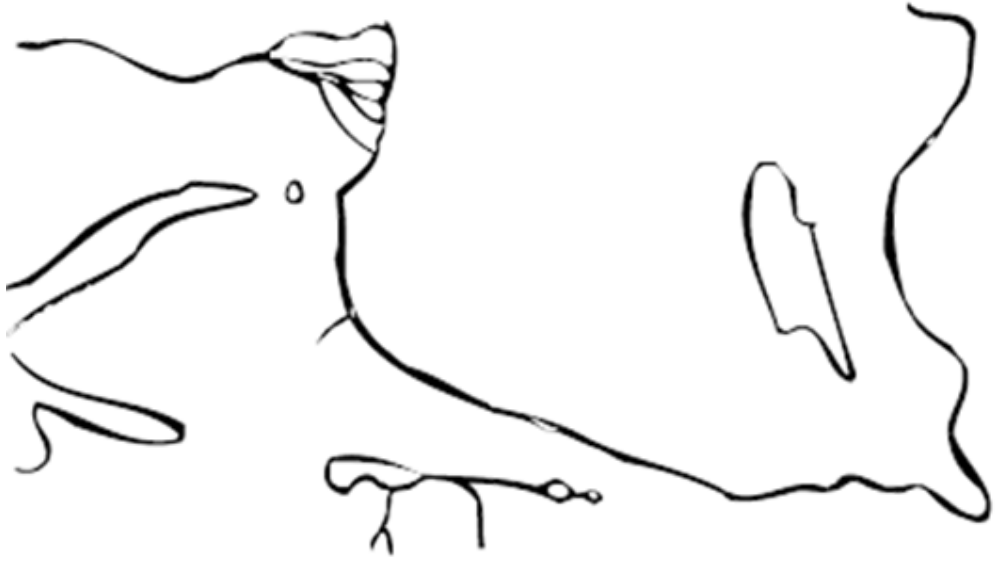
- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ:
  - 1. Siéc-lơ, 4:10
  - 2. Bích ngọc, 10: 9 (NIV, "*chrysolite*")
  - 3. "Cũng ở trước mắt chúng nó, người khác soi một cái lỗ qua tường, rồi từ lỗ đó đem đồ vật ra," 12: 5
  - 4. Các băng ma thuật, 13:18 (NIV, "sự quyến rũ ma thuật")
  - 5. "Làm cho mình một trái tim mới và một tinh thần mới," 18:31 (NIV, "có được một trái tim mới và một tinh thần mới")
  - 6. "Vượt qua ngọn lửa", 20:26 và 31
  - 7. Ba-ma, 20:29
  - 8. "Vượt qua dưới gậy," 20:37
  - 9. Thần tượng gia đình, 21:21 (NIV "thần tượng")
  - 10. "Họ sẽ cắt bỏ mũi và tai của người," 23:25
  - 11. "Bạn đang ở trong Ê-đen, vườn của Đức Chúa Trời," 28:13
  - 12. *Handbreadth* Đơn vị chiều dài biến đổi từ 63,5 đến 102 milimet (căn cứ trên chiều rộng của bàn tay).
  - 13. Liên tục, 46:15 (NIV, "buổi sáng này, tới buổi sáng cho của lễ thiêu")
- B. Nhân vật:
  - 1. "Bốn bản thể sống," 1: 5 (NIV, "bốn sinh vật sống")
  - 2. Con người, 2: 1
  - 3. Tham-mu, 8:14
  - 4. Chê-ru-bin, 10: 6
  - 5. Đa-ni-ên, 14:14, 20
  - 6. Ô-hô-la và Ô-hô-li-ba, 23: 4
  - 7. Con trai của Xa-đốc, 40:46

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

- |   |  |   |                                |
|---|--|---|--------------------------------|
| 1 | Sông Kê-ba, 1: 1 (NIV, "Sông Kê-ba")                   | 4 | Gia-van, 27:13 (NIV, "Hy Lạp") |
| 2 | Xứ Canh-đê, 1: 3 (NIV, "vùng đất của người Ba-by-lôn") | 5 | Tu-banh, 27:13                 |
| 3 | Ty-rơ, 26: 2   | 6 | Mê-siéc, 27:13                 |
|   |  | 7 | Xô-an 30:14                    |

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Ê-xê-chi-ên đã thấy gì trong chương 1? Tại sao nó lại khác thường ở Ba-by-lôn?
2. Cuộn sách ở chương 2 đại diện cho điều gì?
3. Các hoạt động tượng trưng của các chương 4 & 5 đại diện cho điều gì?
4. Tại sao chương 8 lại gây sốc? Nó có thật hay tượng trưng?
5. Chương 1 & 11 có liên quan như thế nào?
6. Tại sao chương 18 lại bất thường trong Cựu ước?
7. Sa-tan liên quan đến Vua Ty-rơ như thế nào (28)? Tại sao chương 28 lại mô tả về Sa-tan?
8. Các chương 36-39 liên quan đến thời kỳ của Ê-xê-chi-ên như thế nào?
9. Làm thế nào để 18: 30-32 liên quan đến 36: 26-27?
10. Đền thờ của Ê-xê-chi-ên là biểu tượng hay nghĩa đen?

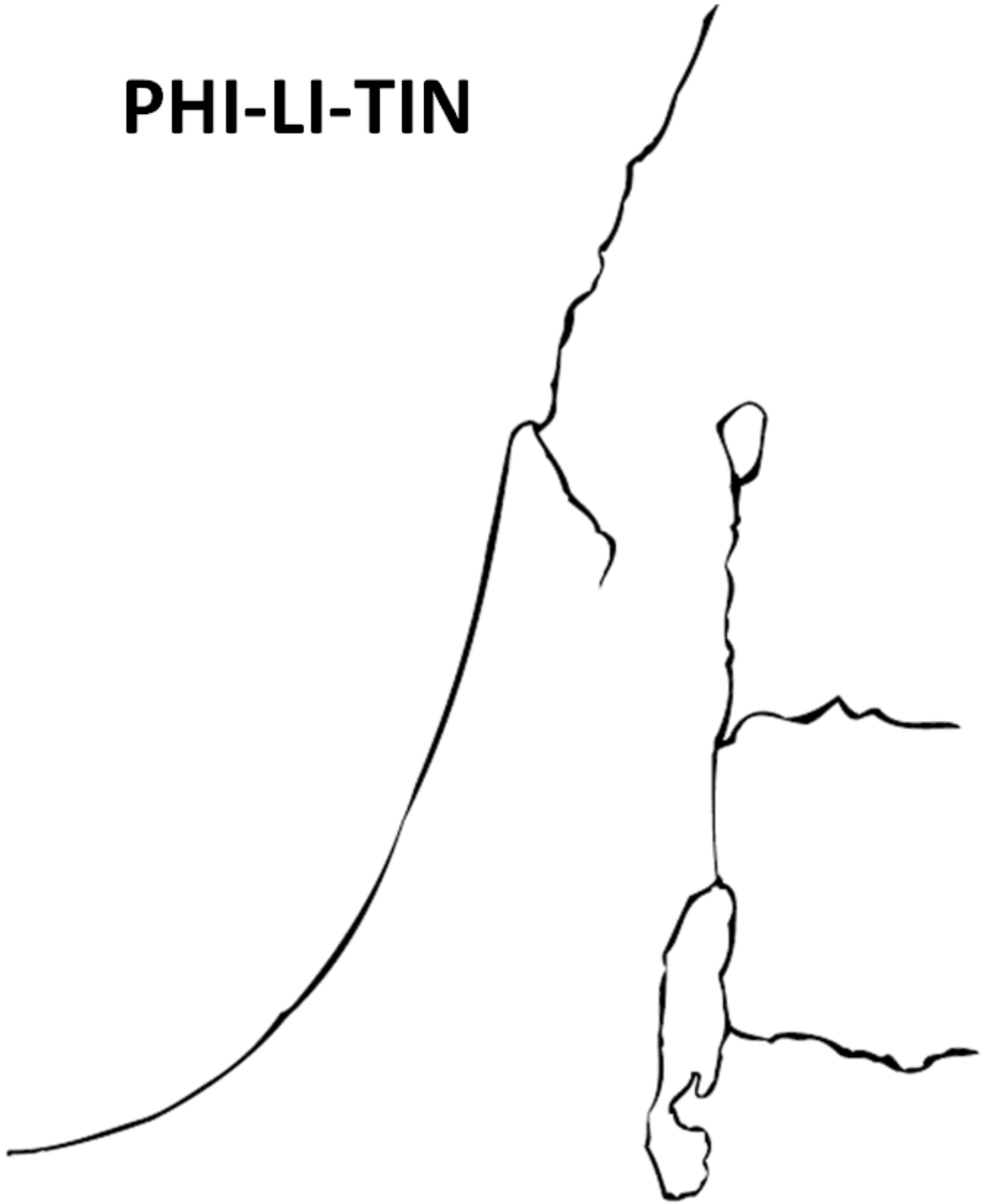


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DÀI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM



# GIỚI THIỆU VỀ ĐA-NI-ÊN

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt tên theo người phát ngôn và vị tiên tri chính của nó.
- B. Tên của ông có nghĩa là "Đức Chúa Trời là quan xét của tôi."

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Đa-ni-ên là một phần của bộ phận thứ ba và cuối cùng của kinh điển Hê-bơ-rơ, "Các tác phẩm".
- B. Điều này là do:
  - 1. Ông được coi là một chính khách, không phải là một nhà tiên tri, bởi người Do Thái.
  - 2. Nó phản ánh ngày biên soạn sau này của tác phẩm (chỉnh sửa).
  - 3. Nó chứa các phân tiếng A-ram (2: 4b-7: 28), giống như Ê-xơ-ra.

## III. THỂ LOẠI

- A. Giống như nhiều tiên tri Hê-bơ-rơ, nó là sự kết hợp của các thể loại:
  - 1. Chương 1-6 là những câu chuyện lịch sử được viết ở ngôi thứ ba. Chúng phản ánh cuộc đời của Đa-ni-ên và thời điểm.
  - 2. Chương 7-12 là các sự kiện trong tương lai thường được thể hiện trong hình ảnh Khải Huyền ở ngôi thứ nhất (xem 7: 1, 9; 8: 1; 9: 2).
- B. Mô hình cụ thể của lịch sử sau đó tương lai cũng được tìm thấy trong:
  - 1. Ê-sai, 1-39 và 40-66
  - 2. Ê-xê-chi-ên 1-32; 33-48
  - 3. Xa-cha-ri 1-8 & 9-14.
- C. Văn học Khải Huyền là một thể loại độc đáo của người Do Thái. Nó được sử dụng trong những thời điểm căng thẳng nhiều để đảm bảo trung thành với sự kiểm soát của Đức Chúa Trời về lịch sử và những lời hứa về sự giải thoát và ban phước trong tương lai.
- D. Nó được đặc trưng bởi việc sử dụng ngôn ngữ mang tính biểu tượng cao:
  - 1. Màu sắc,
  - 2. Động vật,
  - 3. Các số,
  - 4. Khải tượng / ước mơ,
  - 5. Sự hòa giải thiên thượng,
  - 6. Các từ mã bí mật,
  - 7. Thuyết nhị nguyên sắc nét - giữa thiện và ác.

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Cuốn sách không nêu rõ tác giả của nó. Chương 1-6 được viết ở ngôi thứ ba, trong khi 7-12 được viết ở ngôi thứ nhất 7: 1,9; 8: 1; 9: 1.
- B. Truyền thống Do Thái, Ba-ba Bath-ra 15a nói, "những người của Nhà hội vĩ đại đã viết Đa-ni-ên." Điều này có nghĩa là họ đã chỉnh sửa hoặc sao chép nó. Đây có thể là lý do cho những đặc điểm Hê-bơ-rơ muộn của nó.

C. Những lý do sau đây được đưa ra để hỗ trợ cho một niên đại sớm hoặc muộn:

1. Niên đại sớm (thế kỷ thứ 7- thứ 6 TCN):

- a. Cuốn sách tuyên bố về những khái tượng của Đa-ni-ên, 7: 2, 4, 6ff, 28; 8: 1, 15; 9: 1-2; 10: 2ff; 12: 4 - 8.
- b. Chúa Giê-su cho là quyền tác giả của Đa-ni-ên, Ma-thi-ơ 24:15.
- c. Sự hiện diện của các từ ngữ tiếng Phơ-rơ-sơ và Hy Lạp không hiển thị niên đại muộn vì đã có hợp đồng giao dịch kinh doanh giữa các quốc gia này trong thời kỳ của Đa-ni-ên.
- d. Thần học của một thế giới sau sự sống cũng có thể được thấy trong Gióp và một số Thi thiên. Phát triển thần học về các thiên sứ có thể được thấy trong Xa-cha-ri.
- e. Sách Đa-ni-ên phù hợp với hiểu biết khảo cổ học hiện tại của chúng ta về Tòa án hoàng gia của Ba-by-lôn và Phơ-rơ-sơ.

2. Niên đại muộn (thế kỷ thứ 2 TCN):

- a. Vị trí trong kinh điển tiếng Hê-bơ-rơ.
- b. Sự hiện diện của các thuật ngữ Phơ-rơ-sơ và Hy Lạp.
- c. Các thần học phát triển về thế giới sau sự sống và thiên sứ.
- d. Tính đặc hiệu của các dự đoán đặc biệt là chương 11, liên quan đến Se-leu-cid và cuộc đấu tranh của Pto-lo-mies để kiểm soát Phi-li-tin.
- e. Sự giống nhau giữa Đa-ni-ên và những cuốn sách khái huyền khác của thời kỳ Mac-ca-bean.
- f. Một số được cho là "sai lầm" trong cuốn sách:
  - (1) Sử dụng thuật ngữ "canh-đê".
  - (2) Đa-ni-ên là người canh-đê (người khôn ngoan).
  - (3) Bên-xát-sa được gọi là "vua của Ba-by-lôn".
  - (4) Nê-bu-cát-nét-sa được gọi là cha của Bên-xát-sa.
  - (5) Đề cập đến "Đa-ri-út của Mê-đi".
  - (6) Sử dụng thuật ngữ hành chính Phơ-rơ-sơ, *satrap*.

D. Sự thống nhất của sách Đa-ni-ên có thể được thấy trong:

1. Mối quan hệ giữa chương 2, 7 & 8.

<u>Chương 2</u>	<u>Chương 7</u>	<u>Chương 8</u>
Vàng (Ba-by-lôn)	Sư tử	
Bạc	Gấu	Chiên đực (Phơ-rơ-sơ)
Đồng	Báo	Đê (Hy-lạp)
Sắt/đất sét	Quái thú	

2. Phần tiếng A-ram chạy từ 2: 4b-7: 28.

E. Kinh Thánh xác định những đế quốc này:

1. Vàng của chương 2 như là Ba-by-lôn, 2:38.
2. Chiên đực của chương 8 là Phơ-rơ-sơ, 8:20.
3. Con đê của chương 8 là Hy Lạp, 8:21.
4. Do đó, vương quốc thứ tư phải là Rô-ma. Đây là vương quốc mà Đấng Mê-si-a sẽ đến (2: 34-35,44; 8:35.)

F. Những gì chúng ta biết về con người Đa-ni-ên:

1. Bị lưu đày vào năm 605 TCN, 1: 1.
2. Từ một gia đình quan trọng và giàu có ở Giê-ru-sa-lem, 1: 3.
3. Thông minh, 1: 4.
4. Ân tứ đặc biệt của việc thông giải giấc mơ và kiến thức, 5:12, 14.
5. Đầy tớ trung thành cả hai:
  - a. Với Đức Chúa Trời, 6: 5.
  - b. Với vua, 6: 4.

- G. Đa-ni-ên của cuốn sách của Đa-ni-ên trong Cựu Ước không giống như Đa-ni-ên của Ê-xê-chi-ên 14:14, 20 và 28: 3. Các tên được viết khác nhau bằng tiếng Hê-bơ-rơ.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Đa-ni-ên bị Nê-bu-cát-nết-sa II lưu đày vào năm 605 TCN (xem 1: 1).
- B. Đa-ni-ên là người thông giải của những giấc mơ và cố vấn cho các vị vua của Ba-by-lôn và Phơ-rơ-sơ cho đến thời điểm Si-ru II, "vĩ đại" (xem 1:21; 6:28; 10: 1).
- C. Một số học giả bác bỏ lời tiên tri tiên đoán đang gặp rắc rối bởi tính chính xác của các chi tiết lịch sử của Đa-ni-ên chương 11. Họ ghi niên đại cuốn sách ngay sau khi dự đoán cụ thể cuối cùng của nó, về An-ti-o-chus IV E-pi-phanes (175-164 TCN).
- D. Bởi vì đại từ ngôi thứ nhất được sử dụng thường xuyên trong sách (xem 7: 1, 9; 8: 1; 9: 1), điều này ngụ ý Đa-ni-ên là tác giả của cuốn sách mang tên của ông, và ghi niên đại cuốn sách trong thời gian cuộc đời của ông.

## VI. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Dàn bài tóm tắt
1. Cuộc đời của Đa-ni-ên, 1-6.
  2. Các khái tượng của Đa-ni-ên, 7-12.
- B. Dàn bài theo nội dung
1. Đa-ni-ên tại tòa án của Nê-bu-cát-nết-sa, chương 1.
  2. Giấc mơ của Nê-bu-cát-nết-sa và sự thông giải, chương 2.
  3. Hình ảnh vàng của Nê-bu-cát-nết-sa và ba người bạn của Đa-ni-ên, chương 3.
  4. Giấc mơ thứ hai của Nê-bu-cát-nết-sa và cách thông giải của nó, chương 4.
  5. Lễ hội của Bên-xát-sa và sự sụp đổ của thành Ba-by-lôn, chương 5.
  6. Đa-ri-út của Mê-đi và Đa-ni-ên trong chuồng sư tử, chương 6.
  7. Khái tượng về bốn con thú, chương 7.
  8. Khái tượng của chương 7, giải thích và mở rộng, chương 8.
  9. Mối quan tâm của Đa-ni-ên đối với sự phục hồi của Giê-ru-sa-lem nhưng được cho thấy những nan đề trong tương lai đối với người Do Thái, chương 9.
  10. Giới thiệu về thông điệp của chương 11-12, chương 10
  11. Cuộc đấu tranh tương lai giữa Se-leu-cids và Pto-lo-mies trên Phi-li-tin, chương 11-12.

## VII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Đức Chúa Trời đã / đang kiểm soát lịch sử; tin cậy nơi Ngài và vẫn trung tín trong những lúc khó khăn.
- B. Sự đau khổ của Dân sự Chúa (người Do thái) là / chưa đầy đủ.
- C. Đức Chúa Trời sẽ dựng nên một vương quốc đời đời qua Đấng Mê-si-a của Ngài.
- D. Sẽ có sự sống lại của cả người công bình và người độc ác.

## VIII. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ

1. "Ngôn ngữ của Canh đê" (hình nê), 1: 4 (NIV, "ngôn ngữ và văn học của Người Ba-by-lôn")
2. "Người thứ tư giống như con trai của các vị thần," 3:25 (NASB & NIV)
3. Mê-nê, Mê-nê, Tê-ken U-phác-sin, 5:25 (NIV, "... *parsin*")
4. "Bốn con gió của trời," 7: 2 (NASB & NIV)
5. "Bốn con thú lớn đã ra khỏi biển," 7: 3 (NASB & NIV)
6. "Những cuốn sách được mở ra," 7:10 (NASB & NIV)
7. "Một kỳ, những kỳ và nửa kỳ," 7:25 (NASB & NIV)
8. Bảy mươi tuần lễ, 9:24 (NIV, "bảy mươi bảy")
9. "Dân của Hoàng tử", 9:26 (NIV, "dân của người cai trị")
10. "Cánh góm ghiếc," 9:27 (NIV, "cánh của ngôi đền, người sẽ thiết lập một sự góm ghiếc")
11. "Sự góm ghiếc làm ra sự hoang vu," 11:31 (NIV, "Sự góm ghiếc gây ra sự hoang vắng")

#### B. Nhân vật:

1. Giê-hô-gia-kim, 1: 1
2. Người canh đê, 2: 2 (NIV, "chiêm tinh gia")
3. Bên-xơ-xát-sa, 2:26
4. Người canh giữ thiên sứ, 4:13 (NIV, "sứ giả")
5. Bên-xát-sa, 5: 1
6. Đa-ri-út của Mê-đi, 5: 31-6: 1
7. Cái sừng nhỏ, 7: 8
8. Ngày xưa, 7: 9
9. Con người, 7:13
10. Cái sừng nhỏ, 8: 9
11. Gáp-ri-ên, 8:16
12. Mi-ca-ên, 10:13
13. "Hoàng tử của miền nam", 11: 5 (NIV, "Vua phương Nam")
14. "Vua phương bắc," 11: 6 (NIV, "Vua miền Bắc")

### IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Si-nê-a, 1: 2 (NIV, Ba-by-lôn")
2. Mê-đi, 8:20
3. Su-sơ, 8: 2
4. E-lam, 8: 2
5. Hy Lạp, 8:21

### X. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Thuật ngữ canh-đê được sử dụng trong ba cách nào?
2. Khải tượng của các chương 2, 7 và 8 có liên quan như thế nào?
3. "Những cuốn sách" được đề cập trong 7:10 và 12: 1 là gì?
4. Tại sao 9: 24-27 khó giải thích?
5. Hai quốc gia ở chương 11 là về điều gì?
6. Có hai sừng nhỏ trong Đa-ni-ên (7: 8 và 8: 9), chúng đại diện cho ai?
7. Nơi nào trong cuốn sách là chủ đề của sự phục sinh chung của người chết, được đề cập?

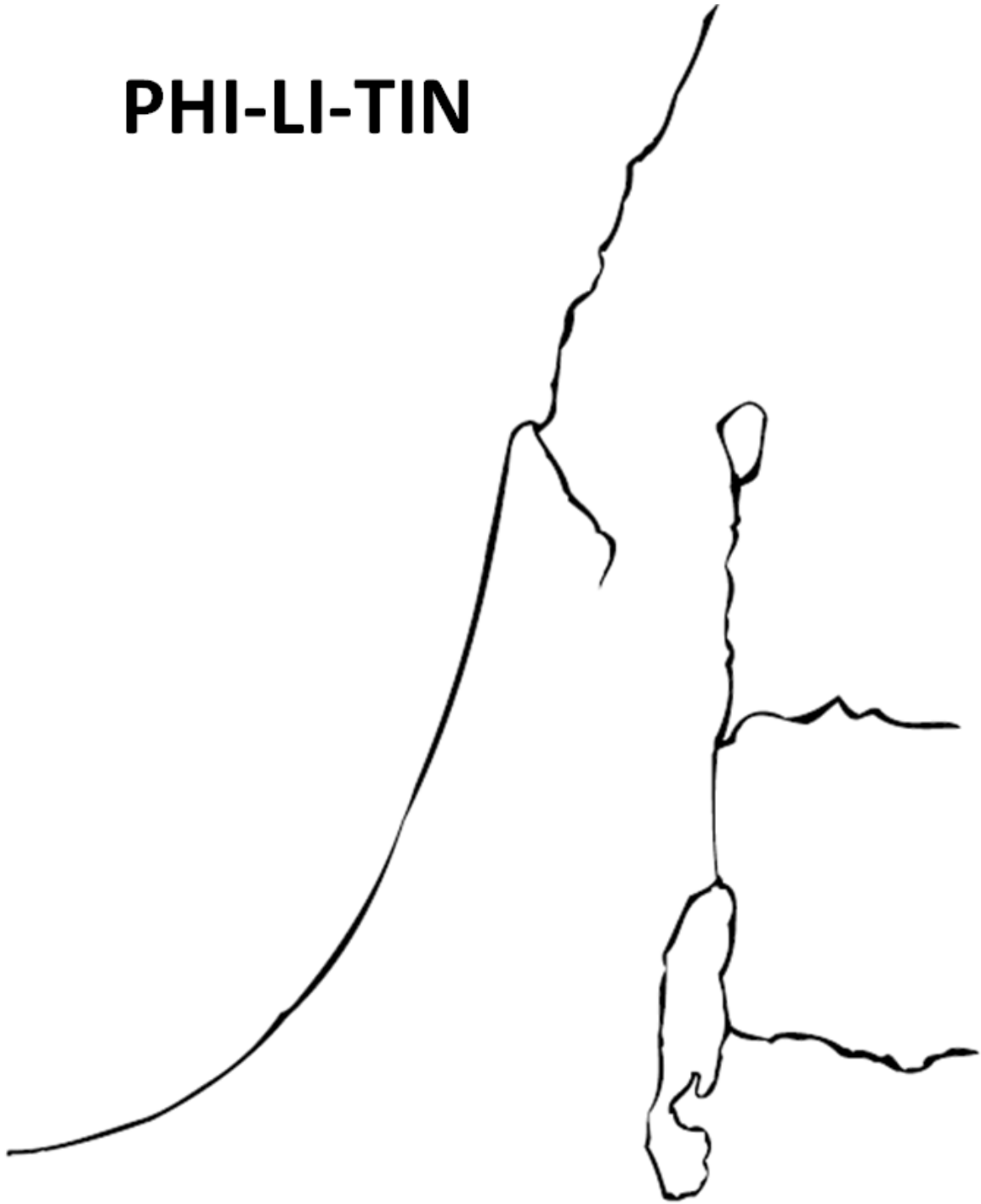


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ Ô-SÊ

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt theo tên của nhà tiên tri.
- B. Tên của ông ấy có nghĩa là "sự cứu rỗi." Ban đầu nó là tên của Giô-suê, Dân số 13:16. Nó cùng tên với Ô-sê (II Các vua 17: 1).
- C. Người đàn ông:
  1. Con trai của Bê-ê-ri (1: 1),
  2. Một công dân Y-sơ-ra-ên (7: 5) nhưng ở thành phố nào không rõ,
  3. Như A-môt nói về sự cần thiết của sự công bằng xã hội, Ô-sê nói về sự cần thiết phải trung thành theo giao ước,
  4. Ông ấy đã được gọi là:
    - (a) "Giê-rê-mi của Y-sơ-ra-ên"
    - (b) "Sứ đồ Giảng của Cựu ước"
    - (c) "Nhà truyền giáo đầu tiên của Y-sơ-ra-ên"

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của "các hậu tiên tri" (Truyền đạo 49:10)
- B. Đây là người đầu tiên trong số Mười Hai, một nhóm các tiên tri nhỏ (Ba-ba Bath-ra 14b)
  1. Giống như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp với một cuộn.
  2. Đại diện cho mười hai chi phái hoặc số lượng biểu tượng của tổ chức.
  3. Phản ánh quan điểm truyền thống về niên đại của cuốn sách.
- C. Thứ tự của "Mười hai" hoặc các tiểu tiên tri đã được nhiều học giả liên kết với một thứ tự thời gian trình tự. Tuy nhiên, có vấn đề với quan điểm này:
  1. Sáu sách đầu tiên khác nhau giữa MT và LXX.

<u>MT</u>	<u>LXX</u>
Ô-sê	Ô-sê
Giô-ên	A-môt
A-môt	Mi-chê
Áp-đi-a	Giô-ên
Giô-na	Áp-đi-a
Mi-chê	Giô-na
  2. Bảng chứng nội bộ đặt A-môt theo trình tự thời gian trước Ô-sê.
  3. Niên đại dành cho Giô-ên thì được tranh luận nhiều. Tôi liệt kê ông ta như một nhà hậu tiên tri xuất hiện sớm cùng với Áp-đi-a.
- D. Văn bản của Ô-sê có lẽ là khó nhất trong bất kỳ sách nào trong Cựu ước.
  1. Một phần của điều này là do bản chất cảm xúc của cuốn sách.
  2. Một phần là do người sao chép, MT và LXX là khác nhau.
  3. Một phần là do sự khác biệt trong tiếng Hê-bơ-ơ được nói giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đá.

## III. THỂ LOẠI

- A. Đây là câu chuyện lịch sử về cuộc đời và thời đại của một nhà tiên tri Y-sơ-ra-ên thế kỷ thứ tám (đặc biệt là các chương 1-3).

- B. Cuộc sống của ông được sử dụng theo cách tương tự để chứng minh tình yêu của Đức Chúa Trời:
  1. Đức Chúa Trời là người tình trẻ trung thành (1-3)
  2. Đức Chúa Trời là cha mẹ yêu thương (11)
  3. Những ẩn dụ này dựa trên sự nhầm lẫn của Y-sơ-ra-ên về Ba-anh là "chồng" và "chúa".
- C. Được viết bằng thơ đẹp, mạnh mẽ và giàu cảm xúc, nhưng các đơn vị không liên kết (chương 4-14)

#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Sự đồng thuận luôn luôn là Ô-sê, mặc dù chúng ta biết rất ít về ông ta.
- B. Ba-ba Bath-ra 15a cho biết những người đàn ông của Nhà hội vĩ đại đã viết "Mười hai". Điều này phải ở trong ý nghĩa biên soạn hoặc chỉnh sửa.
- C. Một số người đã đặt câu hỏi:
  1. Các tham chiếu đến Giu-đa, 1: 1; 4:15; 5: 5,10,12-14; 6: 4,11; 8:14; 11:12,
  2. Các đoạn của sự thịnh vượng và giải thoát trong tương lai,
  3. Hôn nhân của Ô-sê được mô tả ở ngôi thứ ba trong chương 1-2, nhưng ngôi thứ hai ở chương 3.
- D. Đáp án cho sự phản đối:
  1. Tất cả các tiên tri đều coi sự chia rẽ giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa là sai. Giu-đa luôn được xem là người thừa kế hợp pháp của lời hứa giao ước với Áp-ra-ham và Đa-vít.
  2. Nhà tiên tri kết hợp sự phán xét và lời tiên tri. Chúng đi cùng nhau như một thông điệp thánh.
  3. Ô-sê có thể là một tập hợp các bài giảng của ông.

#### V. NIÊN ĐẠI

- A. Ô-sê là một tiên tri ở thế kỷ thứ tám TCN.
  1. Ê-sai và Mi-chê ở Giu-đa
  2. Giô-na, A-mốt và Ô-sê ở Y-sơ-ra-ên
- B. Ô-sê theo sau và chồng chéo chức vụ của A-mốt
- C. Ngày rao giảng của ông sẽ là ngày của các vị vua được đề cập trong 1: 1:
  1. Ô-xia (của Giu-đa)
  2. Giô-tham (của Giu-đa)
  3. A-háp (của Giu-đa)
  4. Ê-xê-chia (của Giu-đa)
  5. Giê-rô-bô-am II (của Y-sơ-ra-ên)
- D. Một số gợi ý học thuật:
  1. Ke-il, 790-725 TCN
    - a. 1: 4, bắt đầu trước khi triều đại Giê-hu sụp đổ
    - b. 10:14, có mặt tại cuộc xâm lược của Sanh-ma-na-se V
  2. Fran-cis-co, 750-735 TCN.
    - a. Muộn hơn một chút so với A-mốt
    - b. Những ngày cuối cùng của Giê-rô-bô-am II
    - c. Không muộn hơn 735 TCN vì A-sy-ri chiếm khu vực của Ga-la-át.
  3. Har-ri-on, trước 722 TCN
    - a. Giê-rô-bô-am II chết năm 753 TCN
    - b. Công nạp của Mê-na-hem cho Tiếc-la-Phi-lê-sê III (8: 9) khoảng 739 TCN
    - c. Các sự kiện của Chiến tranh Sy-ro-Eph-ra-ma-tic 735-734 TCN, được đề cập trong 5: 8-6: 6 (cũng là Ê-sai 7-14).



- d. Niên đại của Ô-sê giải thích các tham chiếu đến Ai Cập trong 7:11; 9: 6 và 12: 2.
- 4. La Sor, Hub-bard và Bush, 753 - cho đến sau 722 TCN.
  - a. Bắt đầu trước cái chết của Giê-rô-bô-am II, 753 TCN.
  - b. Kéo dài đến triều đại của Ê-xê-chia
    - (1) Đồng nghiệp từ 728 TCN.
    - (2) Vua từ 715 TCN.
  - c. Được thuyết giảng trong triều đại của Tiếc-la-Phi-lê-sê III, 745-727 TCN.

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Xem “Bối cảnh lịch sử tới các tiên tri thế kỷ thứ 8” bắt đầu ở sách Ê-sai.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. (Trích giới thiệu về Cựu ước “*Introduction to the Old Testament*” của Clyde Fran-cis-co, trang 150-163)
  - 1. Giới thiệu, 1: 1
  - 2. Con khủng hoảng gia đình của Ô-sê, 1: 2-3: 5
  - 3. Sự tranh chiến của Đức Chúa Trời và Y-sơ-ra-ên, 4: 1-10: 15
  - 4. Đức Chúa Cha và đứa con ương ngạnh của Ngài, 11: 1-12
  - 5. Có điều gì trong một Danh (Gia-côp so với Y-sơ-ra-ên) 12: 1-15
  - 6. Cái chết của một quốc gia, 13: 1-16
  - 7. Cách thay thế cho sự Phán xét 14: 1-9
- B. (Trích từ Giới thiệu về Cựu ước “*Introduction to the Old Testament*” bởi E. J. Young, pp. 252-254)
  - 1. Những mối quan hệ của Đức Chúa Trời với Dân sự của Ngài, 1: 1-3: 5
  - 2. Những bài diễn thuyết khác nhau của Tiên Tri, 4: 1-14: 9
    - a. Tội lỗi của các chi phái phương bắc, 4-8
    - b. Sự trừng phạt của các chi phái phương bắc, 9: 1-11: 11
    - c. Các ơn phước trong tương lai cho một dân sự ăn năn, 11: 12-14: 9

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Đức Giê-hô-va (*YHWH*) là một Đức Chúa Trời cá nhân. Tội lỗi chống lại một Đức Chúa Trời yêu thương, không chỉ là sự vi phạm các qui tắc của giao ước (A-môt)
- B. Đức tin Kinh Thánh tốt nhất có thể được đặc trưng trong các ẩn dụ về các quan hệ giữa các cá nhân trong gia đình.
  - 1. Chồng (Đức Chúa Trời) – Vợ (Y-sơ-ra-ên)
  - 2. Cha mẹ (Đức Chúa Trời) – Con cái (Y-sơ-ra-ên)
- C. Đức Giê-hô-va và chọn lựa đối xử với con người sa ngã qua lời hứa, dăng của lễ, và giao ước. Việc này bao gồm sự tin cậy cá nhân và sự vâng phục giao ước.
- D. Sự không vâng phục giao ước sẽ chịu sự phán xét. Sự phán xét luôn luôn cho mục đích phục hồi. Kỷ luật là tình yêu của cha mẹ (Ê-bơ-rơ 12:5). Các ơn phước tương lai của Y-sơ-ra-ên có điều kiện tùy thuộc vào sự vâng phục của họ ngay thời điểm hiện tại.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ/ HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và/ hoặc cụm từ:
  - 1. Nghề làm gái mại dâm, 1: 2 (NIV, "một người vợ gian dâm")
  - 2. Tranh luận, 2: 2 (NIV, "quở trách")
  - 3. Bánh nho khô, 3: 1 (NIV, "thánh khiết ...")

4. Hô-me, 3: 2 (NASB & NIV)
5. Trụ thánh 3:4 (NIV, "đá thánh ")
6. Thê-ra-phim, 3: 4 (NIV, "thần tượng")
7. "Họ không biết Chúa," 5: 4, (NIV, "họ không nhận ra Đức Giê-hô-va")
8. "Đi đời một lần ranh giới," 5:10 (NIV, "trụ đá ranh giới")
9. "Ép-ra-im xen lộn với các dân khác," 7: 8 (NASB & NIV)
10. "Hỡi Sa-ma-ri, bò con của ngươi," 8: 5 (NIV, "Hỡi Sa-ma-ri, bò con-thần tượng của ngươi,"
11. "Gieo gió, gặt bão," 8: 7 (NASB & NIV)
12. "Bánh của kẻ có tang," 9: 4 (NASB & NIV)
13. "Ta đã dạy Ép-ra-im bước đi," 11: 3 (NASB & NIV)
14. Sự nhơn từ [*hesed*] 4: 1; 6: 6; 10:12; 12: 6 (NIV, "không trung tín")

#### B. Nhân vật:

1. Ê-sai, 1: 1
2. A-háp, 1: 1
3. Ê-xê-chia, 1: 1
4. Giê-rô-bô-am, con trai của Giô-ách (II), 1: 1
5. Gô-me, 1: 3
6. Gít-rê-ên, 1: 4
7. Lô-ru-ha-ma, 1: 6
8. Lô-am-mi, 1: 9
9. Ba-anh, 2:16 (NIV, "chồng tôi ")
10. Vua Gia-rép, 5:13; 10: 6 (NIV, "Vị vua vĩ đại")

### X. VỊ-TRÍ BẢN ĐỒ

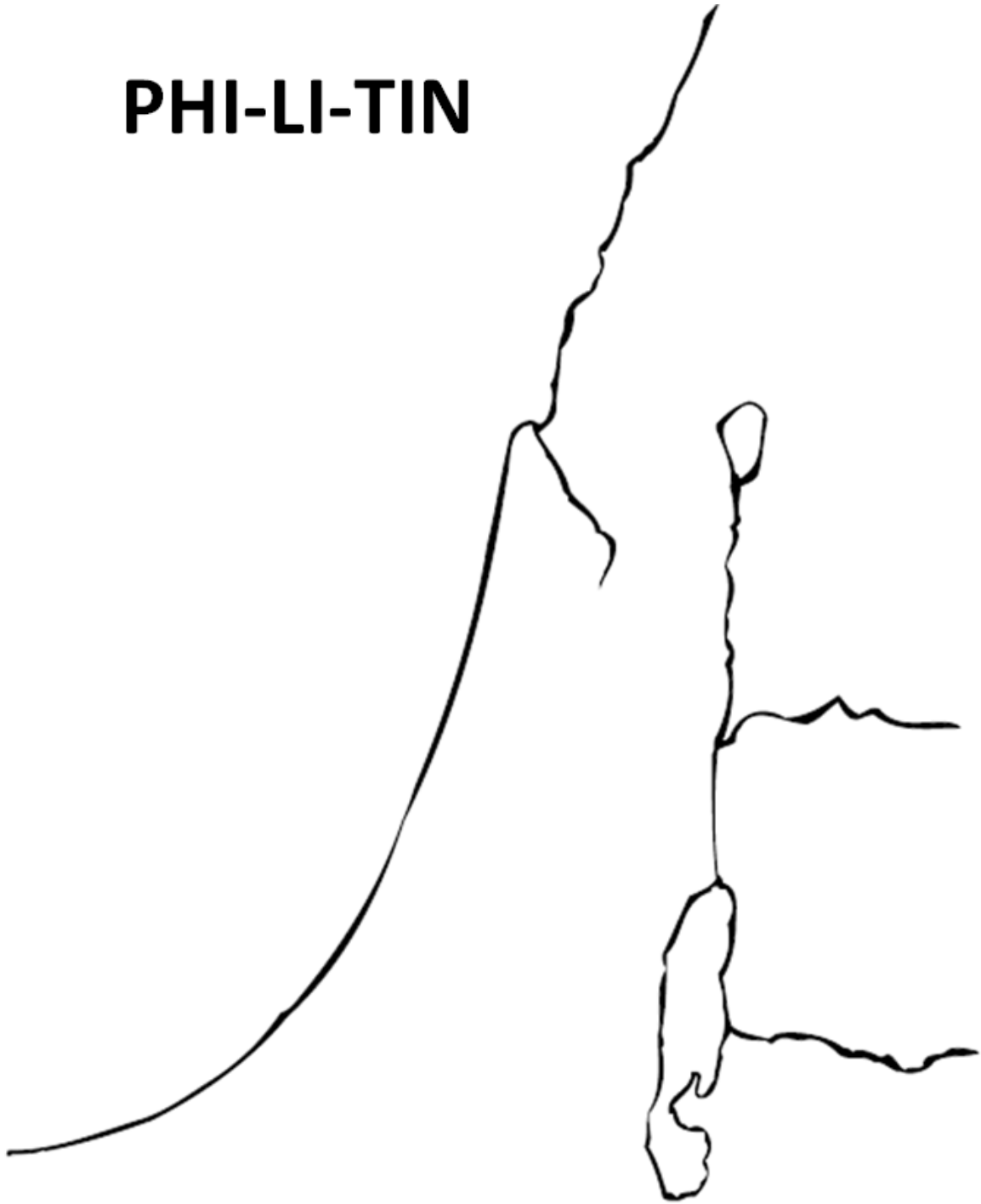
1. Thung lũng A-Cô, 2:15 (Giô-suê 7:26)
2. Ghinh-ganh, 4:15
3. Bết-a-ven, 4:15 (Bê-tên)
4. Mít-ba, 5: 1
5. Núi Tha-bô, 5: 1
6. Ghi-bê-a, 5: 8
7. Ra-ma, 5: 8
8. A-đam, 6: 7
9. Ga-la-át, 6: 8
10. Ba-anh phê-rô, 9:10
11. Li-ban, 14: 6-7

### XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Ô-sê có kết hôn với gái điếm không?
2. Giao ước của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên có điều kiện hay không có điều kiện?
3. Ba-anh và Gô-me liên quan đến Đức Giê-hô-va và Y-sơ-ra-ên như thế nào?
4. Tại sao 6: 1-3 bị xem chỉ là sự ăn năn giả dối?
5. Đại từ "họ" liên quan đến ai trong 7: 4-6 và 8: 4?
6. Câu 8:13 có mâu thuẫn với 11: 5 không?

7. Y-sơ-ra-ên sẽ bị lưu đày sang Ai-cập hay A-sy-ri hay không? Hãy giải thích 11: 5 so sánh với 7:10, 8:13 và 9: 3.
8. Tại sao các liên minh chính trị đều bị lên án bởi tất cả Tiên tri Cựu ước?

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ GIÔ-ÊN

## I. TÊN SÁCH

- A. Được đặt tên theo vị tiên tri.
- B. Tên của ông là một sự kết hợp của hai tên cho Đức Chúa Trời:
  - 1. Đức Giê-hô-va - tên giao ước cho Đức Chúa Trời.
    - a. Bất kỳ tên tiếng Hê-bơ-rơ nào bắt đầu bằng "J" và nguyên âm thường là từ viết tắt của *YHWH*.
    - b. Bất kỳ tên tiếng Hê-bơ-rơ nào kết thúc bằng "iah" cũng là chữ viết tắt của *YHWH*, Đức Giê-hô-va (*Elijah*).
  - 2. El - tên chung cho Đức Chúa Trời.
  - 3. Giữa hai tên Hê-bơ-rơ này, một động từ phải được suy ra *YHWH* (là) *El*.
- C. Đây là một tên tiếng Hê-bơ-rơ rất phổ biến. Có hơn mười ba tên được đề cập trong các cuốn sách lịch sử.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của các bộ phận của kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các Vị Tiên Tri."
- B. Đó là một phần của một cuộn giấy gọi là "Mười hai." Họ được gọi là các vị tiểu tiên tri vì độ dài của các tác phẩm của họ.

## III. THỂ LOẠI

- A. Đây là một nửa văn xuôi và một nửa thơ ca Hê-bơ-rơ cổ điển.
- B. Giô-ên dường như ám chỉ một số vị tiên tri khác:
  - 1. Giô-ên 1: 15c - A-mốt 4: 9; Ê-sai 13: 6
  - 2. Giô-ên 2: 3 - Ê-sai. 51: 3 hoặc Ê-xê 36:35
  - 3. Giô-ên 2:10 - Ê-sai. 13:10
  - 4. Giô-ên 3:10 - Ê-sai. 2: 4; Mi-chê 4: 3
  - 5. Giô-ên 3:16 - A-mốt 1: 2
  - 6. Giô-ên 3:18 - A-mốt 9:13
- C. Hình ảnh thời kỳ cuối cùng của Giô-ên được thể hiện trong thuật ngữ khái huyền, "Ngày của Chúa".
- D. Các lý thuyết về cách giải thích dịch cào cào, 1: 4; 2:25.
  - 1. Tượng trưng / ngụ ngôn
    - a. Bản dịch Tar-gum- Hê-bơ-rơ 2: 25
      - 1) Các dân tộc
      - 2) Các ngôn ngữ
      - 3) Người cai trị
      - 4) Các vương quốc
    - b. Ghi chú bên lề MSS thế kỷ thứ 6 của LXX
      - 1) Người Ai cập
      - 2) Người Ba-by-lôn
      - 3) Người A-sy-ri
      - 4) Hy Lạp
      - 5) Người La mã
    - c. Nhà bình luận cơ đốc (thế kỷ 18)
      - 1) Người A-sy-ri
      - 2) Canh-đê
      - 3) Ma-xê-đoan
      - 4) La mã
  - 2. Lịch sử quá khứ:
    - a. Vị tiên tri sử dụng thì quá khứ của động từ tiếng Hê-bơ-rơ
    - b. Đây là một kỹ thuật tiên tri đặc trưng để thực hiện các sự kiện trong đời sống của vị tiên tri và chiếu chúng vào một khung cảnh tương lai. Tương lai của Y-sơ-ra-ên phụ thuộc vào sự lựa chọn niềm tin của nó trong hiện tại
  - 3. Lịch sử tương lai
    - a. Có một cuộc xâm lược thật sẽ đến vì tội lỗi của Y-sơ-ra-ên.

- b. Cào cào được sử dụng vì những ẩn dụ quân sự được sử dụng để mô tả chúng:
  1. Trông giống như ngựa
  2. Âm thanh như xe ngựa chiến.
  3. Diễu hành theo thứ tự
- c. Giô-ên có thể liên hệ đến sách Khải huyền 9: 3-11.
- 4. Khải huyền:
  - a. Đề cập đến "ngày của Chúa" báo hiệu loại thể loại này
  - b. Việc sử dụng màu sắc và động vật là đặc trưng của thể loại này

#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Không có gì, nhưng tên của vị tiên tri và tên của người cha được biết, Giô-ên, con của Phê-thu-ên, 1: 1.
- B. Có hai truyền thống về vị tiên tri:
  1. Từ chi phái Ru-bên (*Pseudo-Epiphanius*)
  2. Từ Giu-đa vì kiến thức của ông về thói quen ở đền thờ

#### V. NIÊN ĐẠI

- A. Không có cách nào để chính xác về niên đại cuốn sách (G. Camp-bell Mor-gan cho biết đó là một trong những cuốn sách sớm nhất hoặc một trong các tiên tri mới nhất):
  1. Từ bằng chứng nội bộ niên đại đã được đề nghị:
    - a. Một niên đại hậu lưu đây:
      - 1) Nó phải có liên quan đến sự đe dọa một cuộc xâm lược của Giu-đa trong ẩn dụ của một dịch họa cào cào.
      - 2) 3: 2 ngụ ý rằng Y-so-ra-ên đã bị lưu đây. Tên "Y-so-ra-ên" hiện được sử dụng cho Giu-đa, 2:27; 3: 1-2, 16.
      - 3) 3: 6 nói về một thương mại nô lệ Hy Lạp ám chỉ một niên đại hậu lưu đây.
      - 4) 3: 1, 17 ngụ ý rằng Giu-đa đã bị lưu đây và có nguy cơ bị xâm lược lần nữa nếu nó tiếp tục phạm tội.
      - 5) Không có đề cập đến một vị vua, ám chỉ một bối cảnh hậu lưu đây. Giô-ên trình bày sứ điệp của mình cho các trưởng lão và thầy tế lễ.
      - 6) Những kẻ xâm lược được gọi là "người miền bắc" ám chỉ một cuộc xâm lược của người Mê-sô-pô-ta-mi (A-sy-ri, Ba-by-lôn, Phơ-rơ-so), 2:20.
      - 7) Đặc điểm thờ phượng Ba-anh của thời kỳ tiền lưu đây không được nhắc tới.
    - b. Một niên đại tiền lưu đây:
      - 1) Đường như có liên quan đến Đền thờ, 1: 9, 13-14; 2:17.
      - 2) Kẻ thù được đề cập trong 3: 4, 6, 8 (Hy-lạp, Phi-li-tin, Ê-đôm, Sa-bê) là tiền lưu đây, không phải hậu lưu đây.
  2. Từ bằng chứng bên ngoài:
    - a. Vị trí của cuốn sách trong kinh điển tiếng Hê-bơ-rơ ngụ ý một niên đại tiền lưu đây.
    - b. Tuy nhiên nó có thể đã được đặt cạnh A-mốt vì cả hai đều nói về "Ngày của YHWH" và cuộc xâm lược của dịch cào cào như là biểu tượng của sự phán xét. Ngoài ra, nó là một thăm viếng tích cực phước lành, không phải phán xét. Điều này phù hợp với bối cảnh hậu lưu đây.
  3. Tác giả cho rằng một niên đại hậu lưu đây sớm phù hợp với bằng chứng tốt nhất.
- B. Lý thuyết cho niên đại dựa trên cuộc xâm lược của Pha-lê-tin:
  1. Trong thời gian trị vì của Giô-ách (837-800 TCN.)
  2. Trong triều đại của Ô-xia (783-742 TCN.)
  3. Trong thời trị vì của Sê-đê-kia (598-586 TCN.)
  4. Trong thời gian của Giê-ru-ba-bên (598 TCN.)
  5. Trong thời gian của Ma-la-chi (430 TCN.)
  6. Một cuộc xâm lược thời kỳ cuối cùng của dân sự Đức Chúa Trời

- C. Có một mối quan hệ văn học giữa:
  1. Giô-ên 2:32 và Áp-đi-a 17. Cả hai đều là hậu lưu đày sớm.
  2. Giô-ên 3:16 và A-môt 1: 2. Giô-ên trích dẫn rất nhiều tiên tri, có lẽ Giô-ên trích dẫn A-môt.
- D. John Cal-vin đã có một điểm tốt về niên đại Giô-ên, "Vì không có sự chắc chắn nên để lại thời gian mà ông dạy chưa quyết định; và như chúng ta sẽ thấy, điều này không có tầm quan trọng lớn. Không biết thời đại của Ô-sê sẽ khiến độc giả mất mát lớn, vì có nhiều phần không thể được giải thích mà không có kiến thức về lịch sử; nhưng đối với Giô-ên thì ít cần đến điều này, còn việc nhận biết học thuyết của ông là hiển nhiên, mặc dù thời gian của ông là mơ hồ và không chắc chắn."

VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ - Tạp chí Địa lý Quốc gia tháng 12 năm 1915 (XXVIII, Số 6) ghi lại một bệnh dịch cào cào ở Pha-lê-tin. Bài viết này rất hữu ích trong việc hiểu được sự ám chỉ của vị tiên tri.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Một khái niệm về một dịch cào cào khốc liệt tàn phá như là một biểu tượng tượng trưng của một đội quân xâm lược, 1: 1-2:27
- B. Ngày của Chúa sẽ là một phước lành, không phải là một sự rửa sạch cho một Dân sự của Đức Chúa Trời ăn năn, 2: 28 - 3: 21(Sô-phô-ni là ngược lại.)

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Vị tiên tri nhìn thấy các sự kiện trong thời kỳ của ông như một sự báo trước cho các sự kiện trong tương lai.
- B. Giô-ên kêu gọi một ngày quốc gia ăn năn, 1: 13-14; 2: 12-17.
- C. Nếu Dân sự của Đức Chúa Trời ăn năn, Đức Chúa Trời sẽ mang lại một ngày mới của sự thịnh vượng cả về thuộc thể lẫn thuộc linh (Phục truyền Luật lệ Ký 27-28.)
- D. Đức Chúa Trời sẽ phán xét các quốc gia lân cận! 3: 1-17
- E. Ngày mới của sự đổi mới thuộc linh này (xem 2: 28-29) sẽ ảnh hưởng:
  1. Đàn ông và đàn bà,
  2. Già và trẻ,
  3. Nô lệ và tự do. (xem Công vụ 2; Ga-la-ti 3:28)
- F. "Ngày của Chúa" là một cụm từ đặc trưng của A-môt, Giô-ên và Sô-phô-ni. Cách chúng ta đáp ứng với Đức Chúa Trời bây giờ, là xác định xem đó là một ngày phước lành hay phán xét.
- G. Tính cách của Đức Chúa Trời được mô tả trong 2:13 (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 34: 6; Thi thiên 103: 8-13 và Nê-hê-mi 9:17).
- H. Sự tuôn đổ Thánh Linh trong 2: 28-32 phản ánh thời kỳ Giao ước mới (xem Giê-rê-mi 31: 31-34 và Ê-xê-chi-ên 36: 26-27).

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ:
  1. "Nhánh của nó đã trở nên trắng," 1: 7 (NASB & NIV)
  2. "Ngày của Chúa đã gần," 1:15 (NASB & NIV)

3. "Hãy thôi kèn trong Si-ôn," 2: 1, 15 (NASB & NIV)
4. "Hãy xé lòng các ngươi, và đừng xé áo các ngươi" 2:13 (NASB & NIV)
5. Sự nhon từ (*hesed*), 2:1 3 (NIV, "vô cùng yêu thương")
6. "Ta sẽ đổ Thần ta trên các loài xác thịt," 2:28 (Công vụ 2: 16ff.) (NIV, "... trên tất cả mọi người")
7. "Bây giờ ai kêu danh Đức Giê-hô-va thì sẽ được cứu," 2:32 (Công-vụ 2:21; Rô-ma 10:13.) (NIV, "Vì ai kêu cầu Danh Chúa thì sẽ được cứu")
8. "và bắt thăm về dân ta," 3: 3 (NASB & NIV)
9. "Hãy lấy lưỡi cày mà rên grom ..." 3:10 (NASB & NIV)

B. Nhân vật:

1. Đấng Toàn Năng (*El Shaddai*), 1:15
2. Sa-bê, 3: 8

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

- |                    |  |
|--------------------|--|
| 1 Ty-rơ, 3: 4      | 5 Ê-đôm, 3:19  |
| 2 Si-đôn, 3: 4     | 6 Si-ôn, 2: 1  |
| 3 Pha-lê-tin       | 7 Thung lũng Si-tim. 3:18 (NIV, "... của <i>Acacias</i> ") |
| 4 Gia-van (Hy Lạp) |  |

XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Cào cào trong 1: 4 là loại cào cào khác nhau hay các giai đoạn khác nhau của chu kỳ sống của một loài cào cào?
2. Tại sao các thầy tế lễ được bảo phải than khóc?
3. Hãy định nghĩa danh của Đức Chúa Trời được sử dụng trong 1:15.
4. Hai câu trong chương 2 được sử dụng trong Tân Ước là gì? Và bởi ai?
5. Có phải là 3:15 là nghĩa đen hay nghĩa bóng và tại sao?



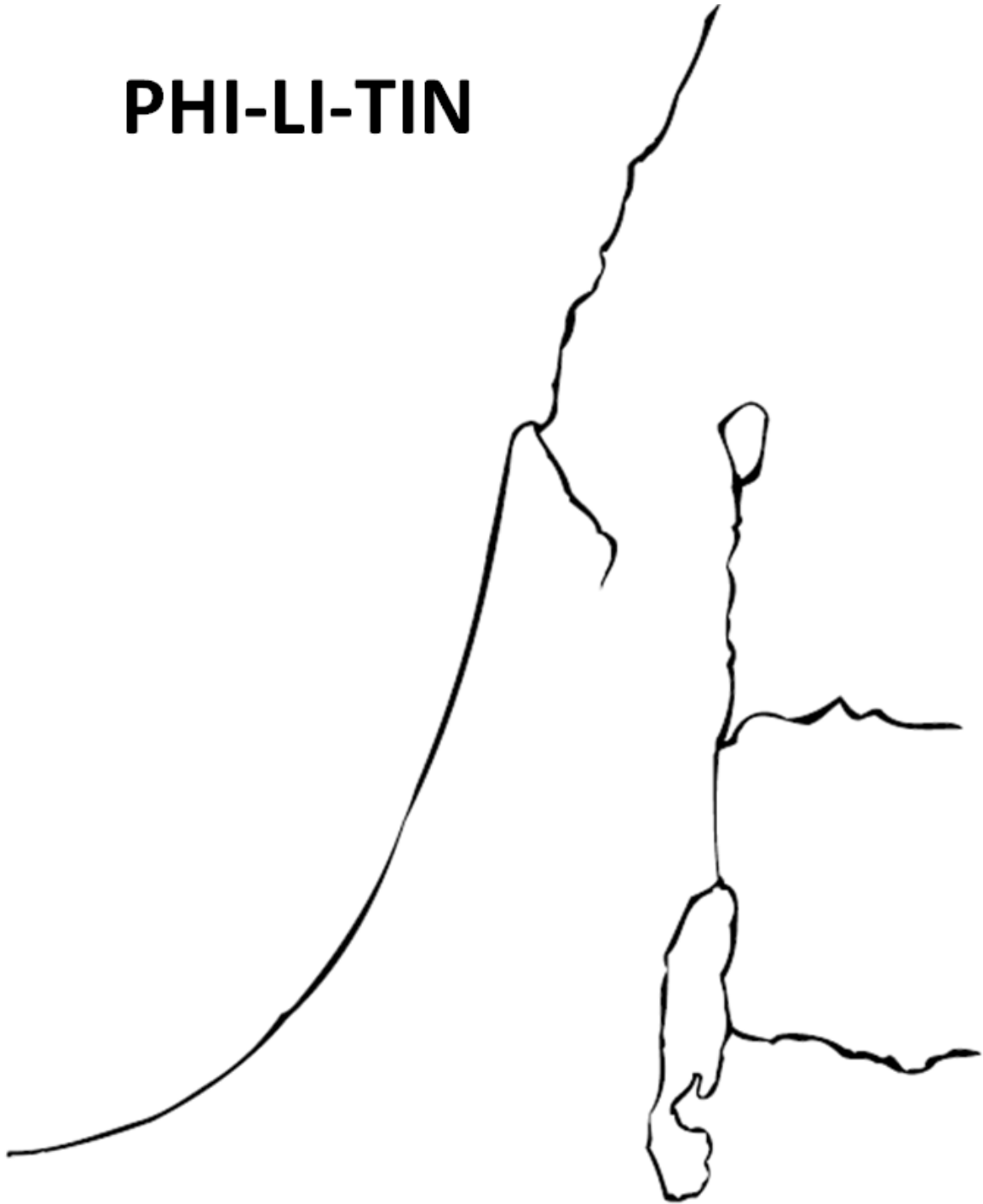


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ A-MỐT

## I. TÊN SÁCH

- A. Nó được đặt tên theo vị tiên tri.
- B. A-mốt có nghĩa là:
  1. "Là một gánh nặng."
  2. "Mang một gánh nặng."
  3. "Đề duy trì."
  4. Một truyền thống thầy thông giáo khẳng định rằng đó là một danh hiệu được đưa ra bởi những người phản đối thông điệp, ngụ ý rằng ông nói không rõ ràng hoặc nói lắp.
- C. Đây là sự xuất hiện duy nhất của tên này trong Cựu ước.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của "các vị tiên tri sau này".
- B. Đó là một trong "Mười hai," một danh sách các Vị Tiểu Tiên Tri.
- C. Nó được xếp hạng thứ ba trong các vị tiểu tiên tri của MT, mặc dù LXX đã liệt kê nó hạng thứ hai.

## III. THỂ LOẠI

- A. Đây là lần đầu tiên các vị tiên tri viết.
- B. Đây là lời tiên tri Hê-bơ-rơ cổ điển. Đây là một điển hình về thơ ca và hình ảnh Hê-bơ-rơ tuyệt vời.

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Truyền thống Hê-bơ-rơ đã luôn khẳng định tác giả là A-mốt của Thê-cô-a.
- B. Người đàn ông:
  1. Ông là một người Giu-đa từ Thê-cô-a, khoảng năm dặm phía đông nam của Bết-lê-hem.
  2. Ông không phải là một vị tiên tri hay là một phần của gia đình hay hội đoàn tiên tri (xem 7:14). Ban đầu các tiên tri sống trong cộng đồng với nhau. Sau đó một số đã được xác định với cung điện.
  3. Ông ấy rõ ràng là một con chiên "con cừu nhỏ" (xem 1: 1). Thuật ngữ được sử dụng để mô tả ông ta là hiếm nhưng được dùng để sở hữu cừu (xem II Các vua 3: 4).
  4. Ông là: (1) một chủ sở hữu cây ăn quả; hoặc (2) một "người trồng cây vã rừng" (xem 7:14). Điều này có thể đã tham gia di chuyển hàng năm đến các địa điểm khác. Những cây này được gọi là "cây vã dâu". Trái nó là giống như trái vã. Nó phải được xỏ riêng để chín đúng cách. Đây là một loại cây trồng rất quan trọng đối với người dân miền cận đông. Đa-vít thậm chí còn bổ nhiệm một người giám sát đặc biệt (xem I Sử ký 27:28).
  5. Truyền thống Hê-bơ-rơ nói rằng ông là một người làm kinh doanh tốt. Điều này hoàn toàn khác với cách nhìn chung ngày hôm nay rằng ông là một nông dân quê nghèo. Vì sự xuất sắc của thơ ca và chuyên môn văn học truyền thống Hê-bơ-rơ là đúng! Từ II Sa-mu-ên 14: 2ff chúng ta biết rằng Thê-cô-a dường như được biết đến với những công dân khôn ngoan. Ông là vị tiên tri đầu tiên của Y-sơ-ra-ên ghi lại sứ điệp của ông. Lưu ý đại từ số ít. Ngôi thứ nhất trong 5: 1; 7: 1-9; 8: 1 và 9: 1.
  6. Ông giảng cho vương quốc phương bắc Y-sơ-ra-ên. Chúng ta biết chắc chắn rằng Bê-tên là một địa điểm rao giảng nhưng có lẽ có nhiều địa điểm địa lý khác ở Y-sơ-ra-ên.

- C. Vấn đề về quyền tác giả có vấn đề vì:
1. Cuốn sách ngụ ý ông ta là một nông dân nghèo.
  2. Văn-phong và thơ ca là tuyệt vời, ngụ ý một người được giáo dục tốt.
  3. Bài giảng của ông được cho là đã được nói bằng miệng nhưng chúng có cấu trúc chặt chẽ và cân bằng ngụ ý là văn viết.
  4. Nhiều người cho rằng A-môt có sự giúp đỡ của người biên tập hay người chép.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Nó là tương đối dễ dàng để xác định lời tiên tri này khoảng 750 TCN. cộng / trừ 10 năm.
- B. Câu đầu tiên của A-môt là dài nhất và cố gắng xác định niên đại chính xác nhất trong bất kỳ cuốn sách Cựu Ước nào:
1. Ô-xia trị vì khoảng 783-742 TCN (Bright)
  2. Giê-rô-bô-am II trị vì khoảng 786-746 TCN (Bright)
  3. Trận động đất cũng là một nỗ lực để xác định niên đại cuốn sách (xem 1: 1; 8: 8; 9: 1,5). Jose-phus liên quan đến nó đến II Sử ký 26: 16-21 khi Ô-xia dâng hiến tế lễ. Nghiên cứu khảo cổ học tại Hát-so đề xuất khoảng 760 TCN (Yadin, 1964).
- C. Trong 5: 8 và 8: 9 nhật thực được đề cập. Đây có thể là cùng một đề cập trong tài liệu A-sy-ri như đã xảy ra vào ngày 15 tháng 6 năm 763 TCN, tuy nhiên, có một nhật thực toàn phần khác ngày 9 tháng 2 năm 784 TCN.
- D. Cuộc chạm trán giữa A-môt với A-ma-xia, thầy tế lễ cầm quyền tại Bê-tên, dưới quyền của Giê-rô-bô-am II, cũng có niên đại trong sách này (xem 7: 10-17).

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Tài liệu kinh thánh song song được tìm thấy trong:
- |   |                        |   |        |
|---|------------------------|---|--------|
| 1 | II Các vua 14: 3-17: 6 | 4 | Ê-sai  |
| 2 | II Sử ký 25-28         | 5 | Mi-chê |
| 3 | Ô-sê                   |   |        |
- B. Bản tóm tắt đơn giản nhất về trạng thái thờ thần tượng trong số những dân sự Đức Chúa Trời có thể được thấy trong Ô-sê:
1. 2:16, "sẽ không còn gọi Ta là: chủ tôi nữa "
  2. 4: 12-13, "... con gái chơi đàn hạc ..."
  3. 4:17, "Ép-ra-im mê thần tượng; Hãy để mặc nó"
  4. 13: 2, "người dâng của lễ hôn bò con!" (Nghỉ lễ)
- C. Bối cảnh xã hội:
1. Đó là thời kỳ thịnh vượng kinh tế và mở rộng quân sự cho cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Tuy nhiên, sự thịnh vượng này chỉ mang lại lợi ích cho tầng lớp giàu có. Người nghèo bị khai thác và lạm dụng. Nó gần như có vẻ là "đô-la và súng" đã trở thành thần tượng bổ sung!
  2. Sự ổn định xã hội và tài sản của cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa có liên quan đến một số nguyên nhân:
    - a. Sự cai trị lâu dài và thịnh vượng của Giê-rô-bô-am II (786-746 TCN) ở miền Bắc và Ô-xia (783-742 TCN) ở miền Nam.
    - b. Sự suy giảm tạm thời của Ai Cập và Mê-sô-pô-ta-mi
    - c. A-sy-ri đánh bại Sy-ri-a bởi A-dad-Ni-ra-ri III năm 802 TCN
    - d. Sự thiếu xung đột giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

- e. Việc đánh thuế và khai thác các tuyến thương mại từ bắc xuống nam qua cây cầu trên đất liền của Pa-les-tin gây ra tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, thậm chí lãng phí cho tầng lớp giàu có.
- 3. Bản dịch "Os-tra-ca của Sa-ma-ri" có niên đại trong triều đại của Giô-rô-bô-am II dường như chỉ ra một tổ chức hành chính giống như của Sô-lô-môn. Điều này dường như xác nhận việc mở rộng khoảng cách giữa "tầng lớp có của cải" và "tầng lớp không có của cải."
- 4. Sự không trung thực của người giàu được mô tả rõ ràng trong A-môt, người được gọi là "vị tiên tri của công bằng xã hội". Sự hối lộ của tư pháp và sự giả mạo về trọng lượng thương mại là hai ví dụ rõ ràng về sự ngược đãi thường thấy ở cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

#### D. Bối cảnh tôn giáo:

- 1. Đó là thời kỳ của nhiều hoạt động tôn giáo bên ngoài nhưng rất ít đức tin thực sự. Tà giáo sinh sản của Ca-na-an đã được hòa nhập vào tôn giáo của Y-sơ-ra-ên. Dân chúng là những người thờ thần tượng nhưng họ gọi đó là Đức Giê-hô-va. Khuynh hướng của dân sự Chúa đối với các liên minh chính trị làm họ tham dự trong sự thờ phượng và thực hành ngoại giáo.
- 2. Sự thờ thần tượng của Y-sơ-ra-ên được viết ra trong II Các Vua 17: 7-18.
  - a. Câu 8, họ tuân theo các thực hành thờ phượng của dân Ca-na-an.
    - 1) Thờ phượng sinh sản
      - (a) Địa điểm cao, c 9, 10, 11
      - (b) Các cột trụ thiêng liêng (Ba-anh), c 10, 16
      - (c) A-sê-ra, câu 16 là những biểu tượng bằng gỗ của nữ thần phối ngẫu Ba-anh. Chúng là một trong hai: gỗ được chạm khắc hoặc cây sống.
    - 2) Bói toán, câu 17 Điều này được thảo luận chi tiết trong Lê-vi-ký 19-20 và Phục truyền 18.
  - b. Câu 16, họ tiếp tục thờ phượng hai bò con vàng, tượng trưng cho Đức Giê-hô-va, đặt lên tại Đan và Bê-tên bởi Giô-rô-bô-am I (I Các Vua 12: 28-29).
  - c. Câu 16, họ tôn thờ các vị thần tinh tú của Ba-by-lôn: mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, và chòm sao.
  - d. Câu 18, họ thờ phượng thần lửa phượng hoàng Mo-lóc (xem Lê-vi Ký 18:21; 20: 2-5).
- 3. Tôn giáo Ba-anh (xem W. F. Albright's *Archaeology và Religion of Israel*, p. 82ff).
  - a. Nguồn tốt nhất của chúng tôi là "Sử thi Ba-anh của U-ga-rit".
    - 1) Mô tả Ba-anh là một vị thần sắp chết theo mùa và đang nổi lên cao. Ông ta đã bị đánh bại bởi thần Mot và bị giới hạn trong thế giới bên dưới. Tất cả cuộc sống trên trái đất đã chấm dứt. Nhưng, được giúp đỡ bởi nữ thần, ông ta trỗi dậy và đánh bại Mot mỗi mùa xuân. Ông là một vị thần sinh sản người được tôn thờ bởi ma thuật giả.
    - 2) Ông cũng được gọi là Ha-dad.
  - b. El là vị thần chính của thần Ca-na-an nhưng sự nổi tiếng của Ba-anh đã chiếm đoạt địa vị.
  - c. Y-sơ-ra-ên bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi thần Ba-anh Ty-rơ qua Giê-sa-bên, vua của Con gái của Ty-rơ. Cô được Ôm-ri chọn cho con trai A-háp.
  - d. Tại Y-sơ-ra-ên, Ba-anh được tôn thờ ở những nơi cao địa phương. Thần được tượng trưng bằng một tảng đá được nâng cao. Người phối ngẫu của ông là A-sê-ra, tượng trưng bởi một cây gỗ được chạm khắc tượng trưng cho cây của sự sống.
- 4. Một số nguồn và loại thần tượng được đề cập.
  - a. Những bò con vàng ở Bê-tên và Đan được Giô-rô-bô-am I dựng lên để thờ phượng Đức Giê-hô-va.
  - b. Sự thờ phượng của vị thần sinh sản của Ty-rơ và nữ thần ở những nơi cao địa phương.
  - c. Sự thờ thần tượng cần thiết liên quan đến các liên minh chính trị của thời kỳ đó.

#### E. Bối cảnh chính trị ở miền Bắc:

- 1. Giô-rô-bô-am II là vị vua mạnh mẽ cuối cùng ở Y-sơ-ra-ên. Ông là người thứ tư trong dòng Giê-hu và dự đoán cuối cùng để cai trị (xem II Các Vua 10:30). Ông đã có một triều đại thành công về chính trị và lâu dài (786-746 TCN).
- 2. Sau cái chết của Giô-rô-bô-am II, có sáu vị vua trong vòng 25 năm.
  - a. Xa-cha-ri (II Các vua 15: 8-12). Ông bị ám sát chỉ sau sáu tháng.
  - b. Sa-lum (II Các vua 15: 13-15). Ông bị ám sát chỉ sau một tháng.

- c. Mê-na-hem (II Các vua 15: 16-22). Ông trị vì mười năm nhưng đã tỏ lòng tôn kính Tiếc-la-Phi-lê-se III.
  - d. Phê-ca-hia (II Các vua 15: 23-26). Ông trị vì hai năm và bị ám sát.
  - e. Phê-ka (II Các vua 15: 27-21). Ông trị vì năm năm và bị ám sát. Ông ấy bị mất một số thành phố về A-sy-ri.
  - f. Ô-sê (II Các vua 15:30, 17: 1-6). Ông trị vì chín năm và bị lưu đày bởi A-sy-ri trong năm 722 TCN, khi Sa-ma-ri sụp đổ.
3. Tóm tắt về các cuộc xâm lược của A-sy-ri và Ba-by-lôn trong thế kỷ thứ tám đã ảnh hưởng Pa-les-tin:
- a. Bốn vị tiên tri thế kỷ thứ tám đã hoạt động trong thời kỳ nổi dậy của đế chế của A-sy-ri vùng sông Ti-gris - Ô-phơ-rát. Đức Chúa Trời sẽ sử dụng quốc gia độc ác này để phán xét Dân sự của Ngài, đặc biệt là Y-sơ-ra-ên. Sự cố cụ thể là sự hình thành của một liên minh quân sự chính trị xuyên Giô-đanh, được gọi là "Hiệp hội Sy-ro-Eph-ra-ma-tic" (735 TCN). Sy-ri-a và Y-sơ-ra-ên đã cố gắng buộc Giu-đa tham gia với họ chống lại A-sy-ri. Thay vào đó A-cha đã gửi một lá thư đến A-sy-ri để được giúp đỡ. Vị vua A-sy-ri mạnh mẽ đầu tiên, Tiếc-la-Phi-lê-se III (745 - 727 TCN), đã đáp lại thách thức quân sự và xâm chiếm Sy-ri-a. Ít lâu sau, Vua ngụy của A-sy-ri, Ô-sê (732-722 TCN), tại Y-sơ-ra-ên, cũng nổi loạn, hấp dẫn Ai Cập. Sanh-Ma-na-se V (727-722 TCN) xâm lược Y-sơ-ra-ên lần nữa. Ông ta chết trước khi Y-sơ-ra-ên bị chinh phục những người kế nhiệm ông, Sa-gôn II (722-705 TCN), chiếm được thủ đô của Y-sơ-ra-ên, Sa-ma-ri vào năm 722 TCN. A-sy-ri đã trục xuất hơn 27.000 người Y-sơ-ra-ên trong dịp này. Tiếc-la-Phi-lê-se đã lưu đày hàng ngàn người vào năm 732 TCN.
  - b. Sau cái chết của A-cha (735-715 TCN), một liên minh quân sự khác được thành lập bởi các quốc gia vùng xuyên Giô-đanh và Ai Cập chống lại A-sy-ri (714-711 TCN). Nó được gọi là "Cuộc nổi loạn Ash-dod." Nhiều thành phố Giu-đa đã bị phá hủy khi A-sy-ri xâm chiếm lần nữa. Ban đầu Ê-xê-chia ủng hộ liên minh này nhưng sau đó rút lại sự ủng hộ của ông.
  - c. Tuy nhiên, một lần nữa, một liên minh khác đã cố gắng tận dụng cái chết của A-sy-ri vị vua hùng mạnh, Sa-gôn II, vào năm 705 TCN cùng với nhiều cuộc nổi loạn khác xảy ra khắp đế quốc A-sy-ri. Ê-xê-chia hoàn toàn tham gia vào việc nổi loạn này. Trong ánh sáng của thử thách này, San-chê-ríp (705-681 TC) đã xâm lược (701 TC) Pa-les-tin và cắm trại gần thành phố Giê-ru-sa-lem (II Các vua 18-19; Ê-sai 36-39) nhưng quân đội của ông đã bị Đức Chúa Trời phá hủy một cách thần kỳ. Có một số câu hỏi trong số các học giả như bao nhiêu lần San-chê-ríp xâm lược Pa-les-tin (Ví dụ: John Bright có một cuộc xâm lược vào năm 701 TCN và một cái khác có thể vào năm 688 TCN cf. p. 270). Ê-xê-chia đã được tha thứ một sự tiếp quản từ A-sy-ri, nhưng vì sự kiêu ngạo của ông về triển lãm kho báu của Giu-đa cho phái đoàn Ba-by-lôn, Ê-sai dự đoán sự sụp đổ của Giu-đa về Ba-by-lôn (39: 1-8). Giê-ru-sa-lem rơi về tay Nê-bu-cát-nét-sa năm 587-586 TCN.
  - d. Ê-sai cũng dự đoán sự phục hồi của Dân sự Đức Chúa Trời dưới thời vua Si-ru II, người Mê-đô-Phơ-rơ-sơ (41: 2-4; 44:28; 45: 1; 56:11). Ni-ni-ve rơi vào năm 612 TCN về Ba-by-lôn, nhưng thành phố Ba-by-lôn rơi vào năm 539 TCN cho quân đội của Si-ru. Năm 538 TCN, Si-ru đã ban hành chiếu chỉ rằng tất cả những người lưu vong, kể cả người Hê-bơ-rơ, đều có thể trở về nhà. Ông ấy thậm chí cung cấp kinh phí từ kho bạc của mình để xây dựng lại các đền thờ quốc gia.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Các cáo buộc chống lại các quốc gia 1: 1-2: 3 (có thể qua 2:16)
  - 1. Sy-ri-a (Đa-mách), 1: 3-5
  - 2. Phi-li-tin (Ga-xa), 1: 6-8
  - 3. Phê-ni-si (Ty-rơ), 1: 9-10
  - 4. Ê-phê-sô, 1: 11-12
  - 5. Am-môn, 1: 13-15
  - 6. Mô-áp, 2: 1-3
- B. Những cáo buộc đặc biệt chống lại Dân sự Chúa, 2: 4-6: 14
  - 1. Giu-đa, 2: 4-5
  - 2. Y-sơ-ra-ên, 2: 6-6: 14 (bối cảnh phán xét về Y-sơ-ra-ên qua 6:14)

- C. Các khái tượng về sự phán Xét, 7: 1-9: 10
  - 1. Cào cào, 7: 1-3
  - 2. Lửa, 7: 4-6
  - 3. Một dây chuẩn mực, 7: 7-17
  - 4. Trái cây mùa hè, 8: 1-14
  - 5. Phá hủy nơi thiêng liêng, 9: 1-10

D. Niềm hy vọng Mê-si, 9: 11-15

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. A-mốt liên hệ đến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với việc Y-sơ-ra-ên vi phạm giao ước Mô-i-se. Chúng ta cần nhận ra mối quan hệ giữa trách nhiệm của tập thể và niềm tin cá nhân trong Cựu Ước. Chúng ta có một vấn đề về phạm tội xã hội như Y-sơ-ra-ên đã làm, tuy nhiên, thường trong tâm trí chúng ta có hai tiêu chuẩn tồn tại:
  - 1. Đòi sống và đức tin cá nhân của chúng ta;
  - 2. Đòi sống xã hội, công khai của tập thể chúng ta.
- B. Sự tể trị của Đức Chúa Trời trên khắp trái đất là nền tảng cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va với các quốc gia ngoài Giao ước của Y-sơ-ra-ên. Đây là nền tảng cho sự hiểu biết của Y-sơ-ra-ên về chủ nghĩa độc thân.
- C. Chương 2: 9-12, sự phán xét của Đức Chúa Trời chống lại Y-sơ-ra-ên phải được nhìn thấy trong ánh sáng của các hành động ân điển của Ngài trong lịch sử. Sự tuyển chọn và giao ước của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên đã đặt ra giai đoạn cho sự phán xét nghiêm khắc của Ngài. Chúng ta phải hãy nhớ rằng "ai được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều" (xem Lu-ca 12:48)
- D. Chương 5 liên kết đức tin và cuộc sống không thể tách rời! A-mốt tố cáo sự khai thác của người giàu có đối với người nghèo.
- E. Y-sơ-ra-ên đã tin tưởng sai lầm vào:
  - 1. Tôn giáo của nó (xem 4: 4-5; 5: 21-23).
  - 2. Sự thịnh vượng kinh tế của nó (xem 6: 1ff).
  - 3. Quyền lực quân sự của nó, (xem 2: 14-16; 6: 1b, 13).
- F. Ngay cả giữa sự vô tín của Y-sơ-ra-ên, thì luôn có niềm hy vọng trong giao ước của Đức Chúa Trời, Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời, 9: 8b-15.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc Cụm từ:
  - 1. "Trận động đất", 1: 1 (NASB & NIV)
  - 2. Đền đài, 1: 7 (NIV, "pháo đài")
  - 3. Vương trượng, 1: 8 (NASB & NIV)
  - 4. "Đốt hài cốt của các vua Ê-đôm ..." 2: 1 (NASB & NIV)
  - 5. "Người nghèo cho một đôi dép," 2: 6; 8: 6 (NASB & NIV)
  - 6. "Các sừng của bàn thờ," 3:14 (NASB & NIV)
  - 7. "Nhà bằng ngà voi," 3:15 (NIV, "nhà trang trí bằng ngà voi")
  - 8. "Ta ghét, ta từ chối lễ hội của các ngươi," 5:21 (NASB & NIV)
  - 9. Con thú mập, 5:22 (NIV, "sự lựa chọn những của lễ dâng")
  - 10. Dây chuẩn mực, 7: 7 (NASB & NIV)
  - 11. "Tội lỗi của Sa-ma-ri," 8:14 (NIV, "sự xấu hổ của Sa-ma-ri")

B. Nhân vật:

1. Na-xi-rê, 2:12
2. Bò cái Ba-san, 4: 1
3. Những kẻ than khóc chuyên nghiệp, 5:16 (NIV, "những người than khóc")
4. Đèn tạm (*Sikkuth*), 5:26 (NIV, "điện thờ")
5. Trụ đá (*Kiyyun*), 5:26 (NIV, "bệ")
6. A-môt, 7:10
7. Giô-rô-bô-am II, 7:10
8. Người tiên kiến, 7:12

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Thê-cô-a, 1: 1
2. Núi Cạt-mên, 1: 2
3. Ga-la-át, 1: 3
4. Ga-xa, 1: 6
5. Ách-đốt, 1: 8
6. Ách-ca-lôn, 1: 8
7. Éc-rôn, 1: 8
8. Thê-man, 1:12
9. Bôt-ra, 1:12
10. Ráp-ba, 1:14
11. Bê-tên, 4: 4
12. Ghinh-ganh, 4: 4
13. Sô-đôm, 4:11
14. Bê-ê-Sê-ba, 5: 5
15. Ha-mát, 6:14
16. Đan, 8:14

XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Có phải A-môt là một nông dân nghèo hay một người kinh doanh giàu có?
2. Chúng ta có chịu trách nhiệm cho tội lỗi cá nhân hay tội lỗi của tập thể trong xã hội chúng ta không?
3. Sự nhấn mạnh của 3: 2-8 là gì?
4. Tại sao Bê-tên và Ghinh-ganh bị lên án? Tại sao hoạt động tôn giáo của 4: 4-5 bị lên án?
5. Tại sao Đức Chúa Trời từ chối sự dâng của lễ của Y-sơ-ra-ên?
6. Tại sao 5: 25-26 quá khó để thông giải?
7. Có phải A-môt lên án hệ thống dâng của lễ không?
8. Đức Chúa Trời có thay đổi ý định của Ngài không?
9. Làm thế nào thì sự ăn năn liên quan đến sự tha thứ? (Chương 7)
10. Sự phán xét của Đức Chúa Trời có phải bây giờ hay ở thời kỳ cuối cùng?



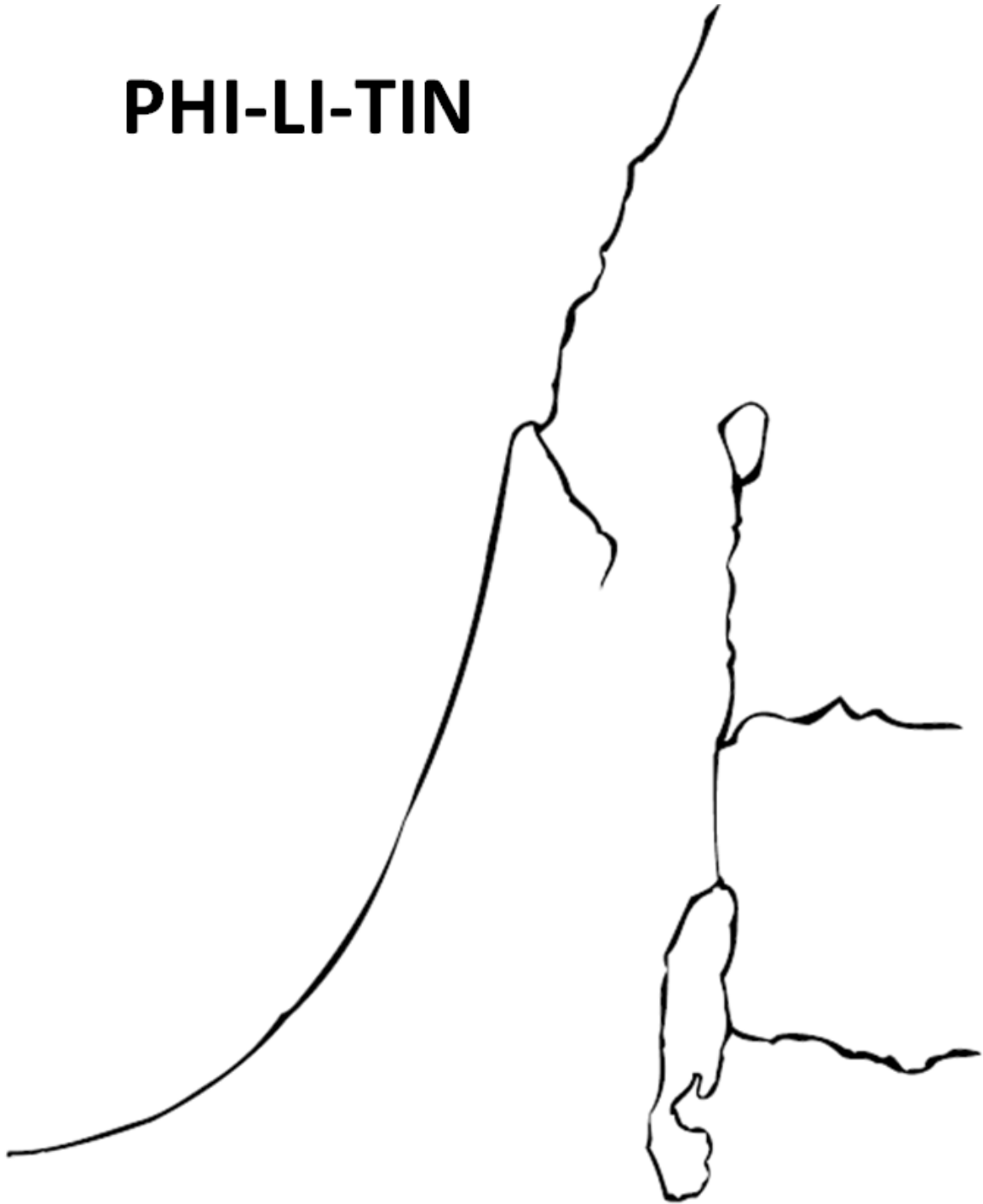


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ ĐẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ ÁP-ĐIÀ

## I. TÊN SÁCH

- A. Được đặt tên theo vị tiên tri.
- B. Tên có nghĩa là "đầy tớ của Đức Giê-hô-va".
- C. Đó là một tên tiếng Hê-bơ-rơ phổ biến (xem I Các vua 18: 3; I Sử ký 3:12; 7: 3; 8:38; 9: 16,44; 12: 9; 27:19; II Sử ký 17: 7; 34:12; Ê-xơ-ra 8: 9; Nê-hê-mi 10: 5; 12:25).

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của các vị hậu tiên tri (Ec-cle-si-as-ti-cus 49:10)
- B. Đó là trong "Mười hai," một nhóm các vị tiểu tiên tri (Ba-ba Bath-ra 14b)
  - 1. Như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp với một cuộn
  - 2. Đại diện cho mười hai chi phái, số biểu tượng của tổ chức
  - 3. Phản ánh quan điểm truyền thống về niên đại của sách.
- C. Thứ tự của "Mười Hai Vị Tiên Tri" hoặc các Vị Tiểu Tiên Tri đã được nhiều học giả liên kết với nhau trình tự thời gian. Tuy nhiên, có vấn đề với quan điểm này:
  - 1. Sáu cuốn sách đầu tiên khác nhau giữa MT và LXX.

<u>MT</u>	<u>LXX</u>
Ô-sê	Ô-sê
Giô-ên	A-môt
A-môt	Mi-chê
Áp-đià	Giô-ên
Giô-na	Áp-đià
Mi-chê	Giô-na
  - 2. Bảng chứng nội bộ đặt A-môt theo thứ tự thời gian trước Ô-sê
  - 3. Niên đại cho Giô-ên được tranh luận nhiều. Tôi liệt kê ông ta như một vị tiên tri thời hậu lưu đày sớm cùng với Áp-đià.

## III. THỂ LOẠI - Thơ tiên tri Hê-bơ-rơ cổ điển

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Không có gì được biết về Vị Tiên Tri
- B. Một số giả thuyết:
  - 1. San-hed-rin 39b (Tal-mud) cho biết ông là đầy tớ của Vua A-háp ở I Các Vua 18: 3-16
  - 2. Pseu-do-E-pip-ha-ni-us (hội thánh đầu tiên) trong "Cuộc sống của các nhà tiên tri" nói rằng ông là quan chức quân đội cấp cao của Vua A-cha-xia (842 TC) trong II Các Vua 1: 12ff
  - 3. John Cal-vin nói rằng ông là một người chứng kiến sự tàn phá của Giê-ru-sa-lem (586 TCN. Nê-bu-cát-nê-ta II hoặc Ba-by-lôn)
- C. Tên có thể là một tựa đề.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Cuốn sách này có liên hệ về ngôn ngữ với Giê-rê-mi 49: 7-12 (Áp-đĩa c 1-9) và Giô-ên 2:32 (Áp-đĩa c.10):
1. E. J. Young đặt chúng theo thứ tự này: Áp-đĩa, Giê-rê-mi.
  2. R. K Har-ri-son đặt chúng theo thứ tự sau: Giê-rê-mi, Áp-đĩa, (450 TCN) và Giô-ên (400TCN.) Điều này làm cho cuốn sách hậu lưu đầy sớm.
  3. Ke-il đặt chúng theo thứ tự này: Áp-đĩa, Giô-ên, Giê-rê-mi.
- B. Rõ ràng là cuốn sách liên quan đến một cuộc xâm lược của Giu-đa và quấy rối Giê-ru-sa-lem bởi Ê-đôm. Một số niên đại có thể là:
1. Giê-ru-sa-lem bị chiếm bởi Shi-shak, Pha-ra-ôn Ai Cập thực hiện vào năm thứ năm của Rô-bô-am, 922-915 TCN. (xem I Các vua 14: 25-28; II Sử ký 12: 2-10).
  2. Giê-ru-sa-lem bị chiếm bởi liên quân Ả Rập và Phi-li-tin dưới triều đại Giô-ram, 849-842 TCN. (cf. II Các Vua 8: 20ff; II Sử ký 21: 16-17; 22: 1).
  3. Giê-ru-sa-lem bị người Sy-ria chiếm giữ dưới triều đại của Giô-ách, 837-800 TCN. (xem II Sử ký 24: 23-24).
  4. Giê-ru-sa-lem được Y-sơ-ra-ên lấy lại (Giô-ách) sau khi đánh bại Ê-đôm dưới triều đại của A-ma-xia (xem II Các Vua 14: 7-14 (842 TCN.))
  5. Giu-đa bị tấn công bởi người Ê-đôm (xem II Sử ký 28:17; 19: 8-9; II Các vua 16: 1-20).
  6. Giê-ru-sa-lem bị chiếm bởi Nê-bu-cát-nê-ta nhiều lần, 605, 597, 586, 582 TCN.:
    - a. 605 TCN. Triều đại của Giê-hô-gia-kin (xem Đa-ni-ên 1: 1-2)
    - b. 597 TCN. Triều đại của Giê-hô-gia-kin (xem II Các vua 24: 8-17; II Sử ký 36: 9-10; Ê-xê-chi-ên
    - c. 586 TCN Triều đại của Sê-đê-kia (xem II Các vua 24: 18-25: 21; II Sử ký 36: 11-21; Ca-thương; Thi-thiên. 137: 7
    - d. 582 TCN Ghê-đa-lia, Thống đốc Ba-by-lôn (xem II Các vua 25: 22-26)
- C. Đã có niên đại ủng hộ bởi các học giả:
1. Một niên đại sớm trong triều đại của Giô-ram (849-842 TCN.) vì:
    - a. Vị trí của cuốn sách trong "Mười hai"
      - (1) Nhóm thế kỷ 8: A-môt, Ô-sê, Mí-chê, (Giô-ên?) và Áp-đĩa.
      - (2) Nhóm thế kỷ thứ 7: Na-hum, Ha-ba-cúc và Sô-phô-ni
      - (3) Nhóm hậu lưu đầy: A-ghê, Xa-cha-ri và Ma-la-chi.
    - b. Áp-đĩa không đề cập đến việc phá hủy Đền Thờ
    - c. Các quốc gia được đề cập trước đây là tiền lưu đầy, chứ không phải hậu lưu đầy.
    - d. Tội lỗi tương tự như tội được liệt kê bởi các tiên tri thế kỷ thứ 8
    - e. Không có từ ngữ, thành ngữ hay biểu thức của tiếng A-ram.
  2. Một niên đại trễ liên quan đến cuộc xâm lăng Giê-ru-sa-lem của Nê-bu-cát-nê-ta II.
    - a. 11-14 dường như phù hợp với sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem năm 586 TCN.
    - b. Ê-đôm đã tham gia vào cuộc xâm lược này
      - (1) Vui mừng khi Giu-đa sụp đổ.
        - (a) Thi-thiên. 137: 7
        - (b) Ca-thương 2: 15-17; 4:21
        - (c) Ê-xê-chi-ên 36: 2-6
        - (d) I Es-dras 4:45, 50
      - (2) Đã giúp đỡ trong sự sụp đổ của Giu-đa:
        - (a) Ê-xê-chi-ên 25: 12-14
        - (b) Ê-xê-chi-ên 35: 1-15

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Ê-đôm, đối tượng của lời tiên tri, cc. 1-9, 18, 21
1. Ê-đôm là quốc gia ở phía đông Biên Chết từ Ê-sau, anh trai của Gia-cốp (xem Sáng thế Ký 25-29; 32-33). Ê-đôm có nghĩa là "màu đỏ" trong khi Ê-sau có nghĩa là "có nhiều lông" (xem Sáng thế Ký 25:25, 30).

2. Y-sơ-ra-ên được lệnh phải tôn trọng Ê-đôm (xem Phục truyền Luật lệ Ký 23: 7)
3. Y-sơ-ra-ên và Ê-đôm đã tiếp tục gặp vấn đề:
  - a. Dân số ký 20: 14-21
  - b. Các quan xét 11: 16-17
  - c. I Sa-mu-ên 14: 47-48
  - d. II Sa-mu-ên 8:14
  - e. I Các Vua 11: 14-25
  - f. II Các Vua 14:22; 16: 5-6
  - g. II Sử ký 20: 10-30; 21: 8ff
  - h. A-môt 1: 6, 9
4. Những lời tiên tri khác chống lại Ê-đôm:
  - a. Ê-sai 34: 5ff; 63: 1ff
  - b. Giê-rê-mi 49: 7-22
  - c. Ca-thương 4: 21-22
  - d. Ê-xê-chi-ên 26: 12ff; 35: 1ff; 36: 2-6
  - e. A-môt 1: 11-12
5. Ê-đôm bị lên án vì:
  - a. Sự kiêu ngạo, cc. 3-4
    - (1) Trong an toàn địa lý
    - (2) Trong các liên minh chính trị và sức mạnh quân sự
    - (3) Trong sự giàu có thương mại
    - (4) Trong sự khôn ngoan truyền thống
  - b. Sự vi phạm của nó đối với Giu-đa, bà con của nó, cc. 10-14
    - (1) Vui mừng vì sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (Ca-thương 2: 15-17; 4:21)
    - (2) Từ chối giúp đỡ (câu 15)
    - (3) Hỗ trợ tích cực kẻ thù (câu 14)
    - (4) Lấy tài sản của Giu-đa (Giê-rê-mi 13:19)
  - c. Sự từ chối và khinh bỉ Đức Giê-hô-va (câu 16)

B. Ê-đôm là một biểu tượng cho tất cả các quốc gia đã nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài, cc. 15-21 (xem Thi-thiên 2).

C. Có thể hoàn thành lịch sử của lời tiên tri

1. Phá hủy Ê-đôm bởi Ba-by-lôn mới khoảng 5 năm sau khi Giê-ru-sa-lem sụp đổ, 580 TCN.
2. Sự dịch chuyển Ê-đôm từ Pet-ra của người Ả Rập Na-ba-tean khoảng 550-449 TCN. (xem Ma-la-chi 1: 2-5). Ê-đôm không được đề cập trong danh sách kẻ thù xung quanh của Nê-hê-mi nhưng được thay thế bằng các bộ tộc Ả-rập. Ê-đôm được chuyển đến phương Nam (Ne-gev).
3. Đánh bại Ê-đôm bởi tướng của A-le-xan-dre, An-ti-go-nus năm 312 TCN. (được ghi trong *Diodorus Seculus*)
4. Đánh bại Ê-đôm ở Phương Nam (Ne-gev) bởi Ju-dah Mac-ca-ba-eus vào khoảng 175 TCN. (xem I Mac-ca-bees 5: 3,15; II Mac-ca-bees 10:15; "Cổ vật của người Hê-bơ-ro" Josephus' *Antiquities of the Jews* 12:8:1; 13:9:1).
5. Ê-đôm buộc phải chấp nhận Do Thái giáo bởi John Hyr-ca-nus vào năm 125 TCN. Bây giờ họ được gọi là I-du-means.
6. Tướng quân La Mã, Tít, đã phá hủy hoàn toàn ảnh hưởng của I-du-means vào năm 70 SCN.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

Dàn bài ngắn gọn lấy từ loạt bình luận quốc tế mới về "Giô-ên. Áp-đĩa, Giô-na, và Mí-chê" của Allen, trang 142(*The New International Commentary series*)

- A. Sự hủy diệt của Ê-đôm (2-9)
  1. Sự sụp đổ của Ê-đôm (2-4)
  2. Việc lật đổ Ê-đôm hoàn toàn (5, 6)

3. Sự phản bội bởi các đồng minh của Ê-đôm (7)
4. Mất sự khôn ngoan và chiến binh của Ê-đôm (8, 9)

B. Sai lầm của Ê-đôm (10-14, 15b)

1. Tính không ổn định của Ê-đôm (10, 11)
2. Sự nhạo báng của Ê-đôm (12)
3. Sự phạm lỗi của Ê-đôm (13)
4. Sự hợp tác và sự trừng phạt sắp tới của Ê-đôm (14, 15b)

C. Ê-đôm vào Ngày của Đức Giê-hô-va (15a, 16-21)

1. Ngày của Đức Giê-hô-va (15a, 16)
2. Vai trò của dân sót (17, 21)
3. Lửa Giu-đa và gốc rễ Ê-đôm (18)
4. Đất đai lấy lại (19, 20)

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Kẻ thù của Chúa và kẻ thù của Dân sự Chúa sẽ bị trừng phạt. Ê-đôm như một kiểu nổi loạn, quốc gia không tin (xem câu 15).
- B. Đức Chúa Trời sẽ tôn vinh dân sự Ngài theo lời hứa giao ước của Ngài. Sự thánh khiết là mục tiêu của Đức Giê-hô-va cho dân sự của Ngài.
- C. Tình hình lịch sử sẽ bị đảo ngược. Ê-đôm sẽ bị phá hủy; Dân sự của Chúa sẽ được ban phước.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

A. Thuật ngữ và / hoặc Cụm từ:

1. "Người xây cao như đại bàng" 1: 4 (NIV, làm tổ của người giữa các vì sao)
2. "Vì có hung bạo người với anh em người là Gia-cốp ..." 1:10 (NASB & NIV)
3. "Bắt thăm trên thành Giê-ru-sa-lem" 1:11 (NASB & NIV)
4. "Ngày của Chúa đã gần" 1:15 (NASB & NIV)

B. Nhân vật:

1. Ê-sau, 1: 8

## X. VỊ TRÍ BẢN ĐỒ

1. Ê-đôm, 1: 1
2. Thê-man, 1: 9
3. Núi Si-ôn, 1:17
4. Phương nam /Ne-gev, 1:19, 20 (hoặc "Ne-geb")
5. Shep-he-lah, 1:19 (NIV, "chân đồi")
6. Ga-la-át, 1:19

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Chủ đề trung tâm của sách Áp-đia là gì?
2. Tại sao Ê-đôm bị phán xét quá nặng?
3. Tại sao Ê-đôm được sử dụng như một biểu tượng cho tất cả các quốc gia?
4. Áp-đia được có được trích dẫn hay ám chỉ trong Tân ước không?

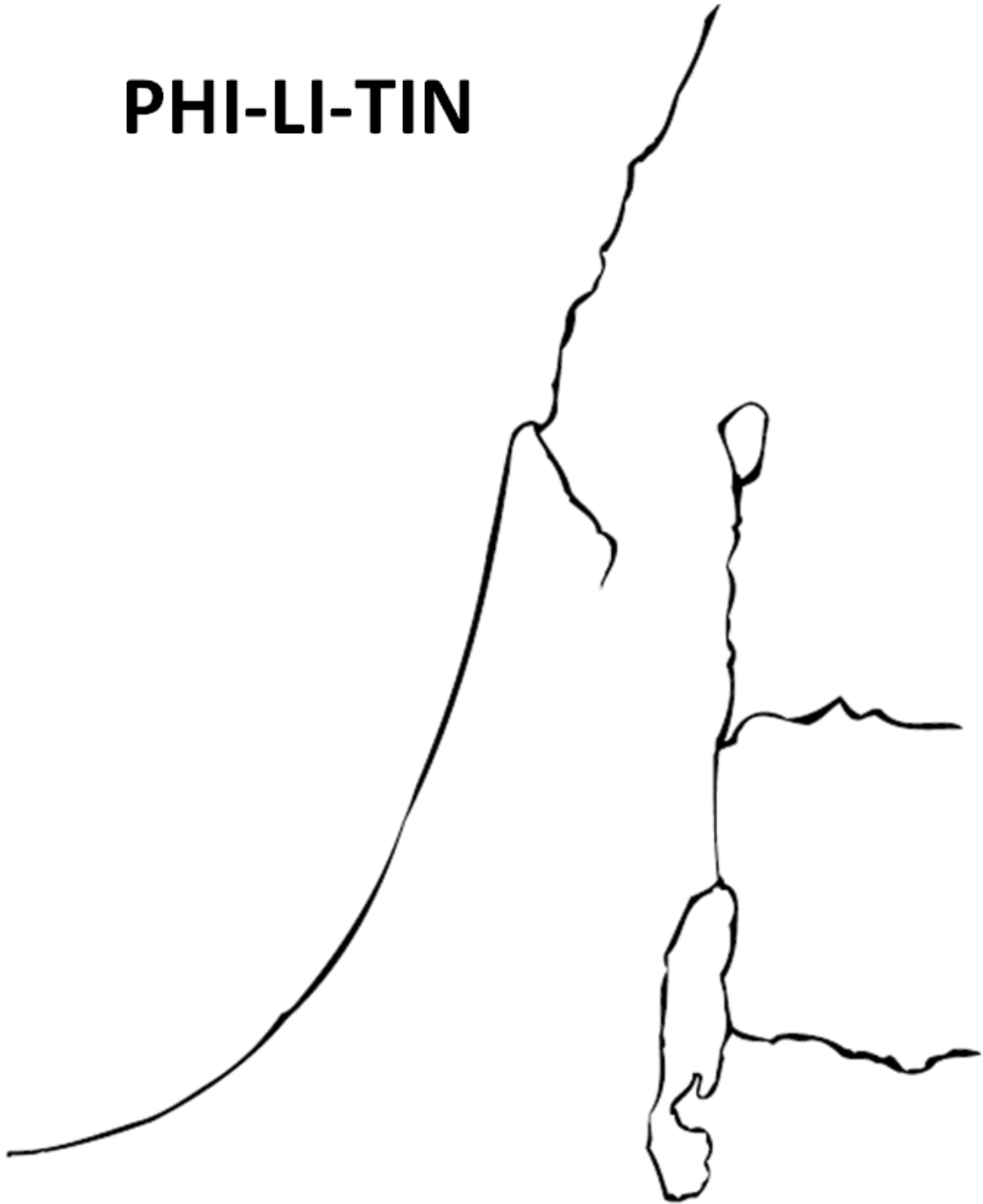


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM



# GIỚI THIỆU VỀ GIÔ-NA

## I. TÊN SÁCH

- A. Cuốn sách được đặt tên theo vị tiên tri.
- B. Tên có nghĩa là "chim bồ câu". Đây là biểu tượng của dân tộc Y-sơ-ra-ên:
  - 1. Được sử dụng bởi tác giả Thi-thiên như là tích cực, Thi-thiên 68:13; 74:19,
  - 2. Được Ô-sê sử dụng như là tiêu cực, 7:11,
  - 3. Được sử dụng bởi Nhã-ca như một phép ẩn dụ yêu mến, 2:14; 5: 2; 6: 9.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của "hậu tiên tri" (Ec-cle-si-as-ti-cus 49:10)
- B. Đây là sách đầu tiên trong số Mười hai, một nhóm các vị Tiểu tiên tri (Ba-ba Bath-ra 14b)
  - 1. Như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp với một cuộn sách.
  - 2. Đại diện cho mười hai chi phái hoặc số biểu tượng của tổ chức.
  - 3. Phản ánh quan điểm truyền thống về niên đại của cuốn sách.
- C. Thứ tự của "Mười Hai Vị Tiên Tri" hoặc các Vị Tiểu Tiên Tri đã được nhiều học giả liên kết với nhau trình tự thời gian. Tuy nhiên, có vấn đề với quan điểm này:
  - 1. Sáu cuốn sách đầu tiên khác nhau giữa MT và LXX.

<u>MT</u>	<u>LXX</u>
Ô-sê	Ô-sê
Giô-ên	A-môt
A-môt	Mi-chê
Áp-đi-a	Giô-ên
Giô-na	Áp-đi-a
Mi-chê	Giô-na
  - 2. Bảng chứng nội bộ đặt A-môt theo thứ tự thời gian trước Ô-sê.
  - 3. Niên đại cho Giô-ên được tranh luận rất nhiều. Tôi liệt kê ông ta như một vị tiên tri thời hậu lưu đày sớm cùng với Áp-đi-a.

## III. THỂ LOẠI

- A. Nó khác với phần còn lại của các vị Tiểu tiên tri. Nó là văn xuôi, ngoại trừ 2: 2-9.
- B. Thể loại của Giô-na đã được tranh luận nhiều. Nhiều học giả không thoải mái với các phương diện thần kỳ, tiên đoán và thần học của cuốn sách. Một số nhìn thấy nó như là:
  - 1. Câu chuyện ngụ ngôn
  - 2. Dụ ngôn (sử dụng hài hước)
  - 3. Các loại hình thể.
- C. Tên của Giô-na rất hiếm trong tiếng Hê-bơ-rơ như tên của cha ông. Một người đàn ông và cha bởi những cái tên này được đề cập trong II Các Vua 14:25. Ông sống trong thời trị vì của Giê-rô-bô-am II (783-743 TCN). Giê-su gọi Giô-na là một người lịch sử, Ma-thi-ơ 12: 39-40; 16: 4 và Lu-ca 11:29.
- D. Có thể là Giô-na, giống như Gióp, được viết và / hoặc mở rộng bởi một hiền nhân để dạy một lẽ thật thần học. Hầu hết các sách tiên tri ghi lại các thông điệp của vị tiên tri nhưng Giô-na là tiên tri duy nhất có thông điệp là năm chữ trong 3: 4.

#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Tác giả là vị tiên tri. Ông được giới thiệu trong 1: 1 giống như các vị tiên tri khác.
- B. Giô-na và cha ông, A-mi-tai, là những cái tên Hê-bơ-rơ hiếm có; cả hai xuất hiện trong II Các Vua 14:25. Ông ấy là một tiên tri cho Giô-rô-bô-am II từ Gát-Hê-phe gần Na-xa-rét.
- C. Có thể một nhà hiền triết Do Thái đã lấy đời sống của một nhân vật lịch sử, giống như Gióp, và mở rộng nó ra để trình bày lễ thật thần học. Có thể Giô-na đã được vua Y-sơ-ra-ên kêu gọi tự bảo vệ mình về việc rao giảng cho kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Giô-na là một nhà tiên tri ở hoàng gia miền bắc. Điều này có thể giải thích tại sao ông ta có vẻ phản đối trong cuốn sách. Một nhà hiền triết có thể đã nghe thấy sự bảo vệ của ông và nhìn thấy ý nghĩa phổ quát và ghi nhận kinh nghiệm của Giô-na (John Har-ris, ETBU, 1998).

#### V. NIÊN ĐẠI

- A. Nếu tác giả là Giô-na của II Các Vua 14:25, lúc đó một niên đại trước sự sụp đổ của Ni-ni-ve năm 612 TCN và trong thời gian trị vì của Giô-rô-bô-am II (783-743 TCN) phải được ủng hộ.
- B. Thường Giô-na được cho là đã được viết muộn nhưng điều này thường dựa trên:
  - 1. Sự từ chối lời tiên tri tiên đoán,
  - 2. Sự từ chối các yếu tố siêu nhiên của cuốn sách như lịch sử,
  - 3. Sự giả định rằng nó giải quyết niềm tự hào quốc gia hậu lưu đày và riêng biệt.

#### VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ - Có hai niên đại trong lịch sử của A-sy-ri có thể là dịp về sự hồi cải của Ni-ni-ve.

- 1. Xu hướng đối với chủ nghĩa độc thần trong triều đại A-dad-Ni-ra-ri III (810-783 TCN)
- 2. Bệnh dịch hạch lớn ở A-sy-ri dưới triều đại As-sur-dan III (771-754 TCN)

#### VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Các phân chia chương cho thấy sự tiến triển của các sự kiện:
- B. Dàn bài tóm tắt
  - 1. Chương 1 – Ý muốn của Đức Chúa Trời bị từ chối và được thay thế bởi ý muốn của Giô-na. Chúa thắng!
  - 2. Chương 2 - Giô-na ăn năn (bài thơ viết trong quá khứ và mô tả sự thờ phượng trong đền thờ ở Giê-ru-sa-lem)
  - 3. Chương 3 – Ý muốn của Đức Chúa Trời được nhận lãnh. Ni-ni-ve ăn năn.
  - 4. Chương 4 – Tính cách của Đức Chúa Trời được bày tỏ trái ngược với thái độ và hành động của Giô-na.

#### VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Trong cuốn sách này, người ngoại bang là sùng kính, trong khi vị tiên tri lại nổi loạn.
  - 1. Thủy thủ
  - 2. Người Ni-ni-ve.
- B. Tình yêu của Đức Chúa Trời cho người ngoại bang được nhìn thấy rõ ràng trong 3:10 và 4:11. Đức Chúa Trời không chỉ yêu con người mà còn yêu thú vật, 4:11
- C. Những người A-sy-ri bị ghét, độc ác được Đức Giê-hô-va chấp nhận trên cơ sở sự ăn năn và đức tin của họ, 3: 5-9. Họ không bắt buộc phải trở thành người Do Thái.

- D. Giô-na tượng trưng cho lời kêu gọi của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên là một vương quốc của các thầy tế lễ cho thế gian (xem Sáng-thế Ký 12: 3; 19: 4-6. Y-sơ-ra-ên trở nên mang tính dân tộc, độc quyền và kiêu ngạo thay vì truyền giáo và cứu chuộc.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

### A. Điều khoản và / hoặc cụm từ

1. "Chúa sắm sửa một con cá lớn" 1:17 (NIV, "... cung cấp một con vĩ đại")
2. Âm-phủ 2: 2 (NIV, "ngôi mộ")
3. Hàm hồ 2: 6 (NASB & NIV)
4. "Đức Chúa Trời động lòng thương ", 3:10 (NIV, "Ngài có lòng thương xót ")
5. "Sự nhơn từ (*hesed*), 4: 2 (NIV, "tình yêu to lớn")
6. "Chúa đã chỉ định một cây, 4: 6 ... một con sâu, 4: 7 ... một cơn gió, 4: 8 (NIV, "cung cấp")
7. "Những người không biết sự khác biệt giữa tay phải và tay trái", 4:11 (NASB & NIV)
8. "Cũng như nhiều loài động vật", 4:11 (NIV, "và nhiều gia súc")

### B. Nhân vật:

1. A-mi-tai 1: 1
2. "Đức Chúa Trời trên trời" 1: 9

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Ni-ni-ve, 1: 2
2. Ta-rê-si, 1: 3
3. Gia-phô, 1: 3

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Giô-na có phải là một người lịch sử không?
2. Tại sao Giô-na không muốn đi đến Ni-ni-ve?
3. Cá lớn là vấn đề giải thích chính của cuốn sách phải không? Tại sao phải và tại sao không?
4. Mô tả bản chất của Đức Chúa Trời (1: 9; 4: 2)
5. Nhân vật chính là Giô-na hay Thượng đế? Tại sao?
6. Cuốn sách này có sứ điệp gì cho Y-sơ-ra-ên? Giô-na có giống như Y-sơ-ra-ên không?
7. Chúa Giê-su sử dụng cuốn sách này như thế nào? (xem Ma-thi-ơ 12: 38-45)

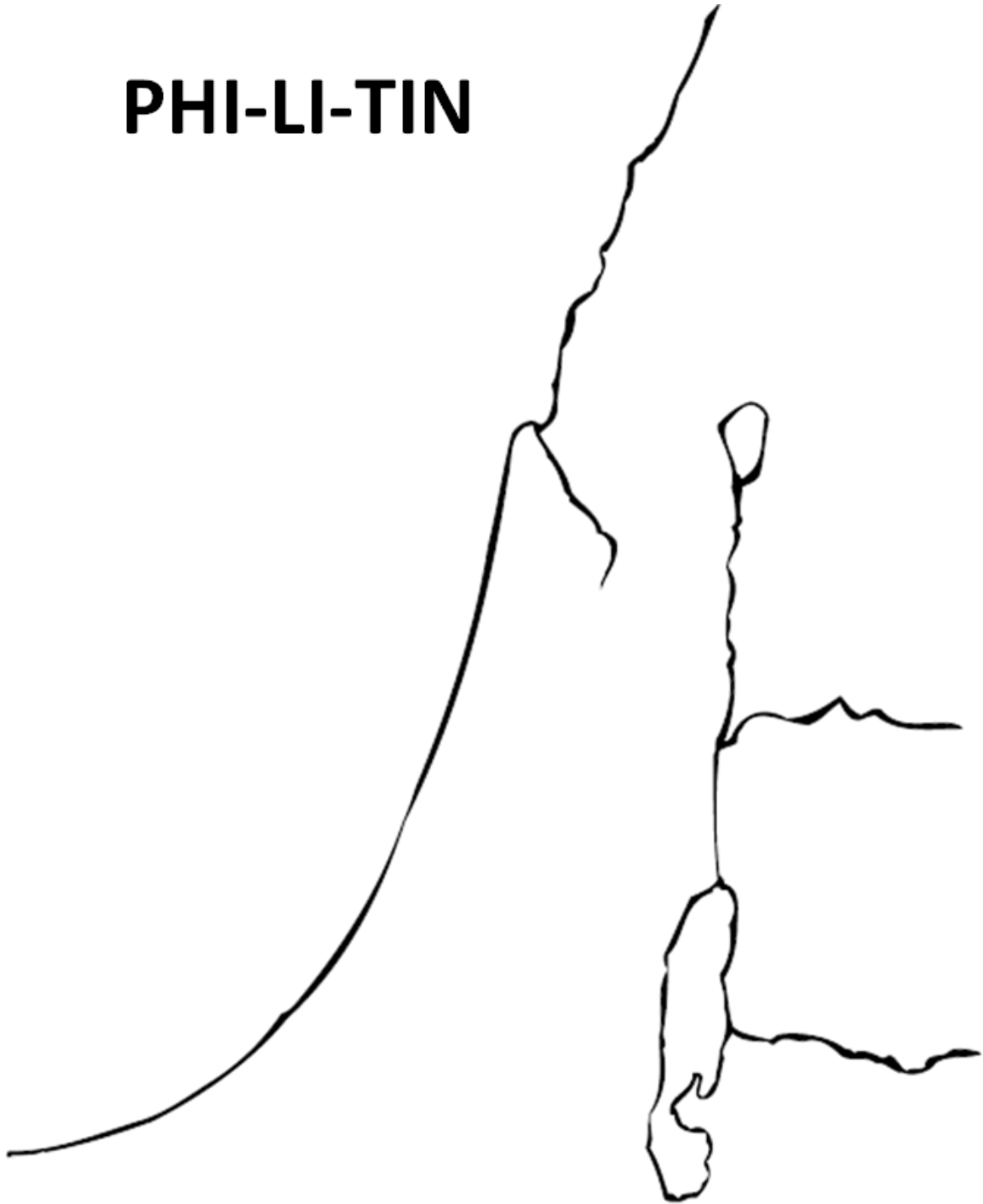


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ MI-CHÊ

## I. TÊN SÁCH

- A. Cuốn sách được đặt tên theo vị tiên tri.
- B. Tên của ông là một dạng rút ngắn của Mi-chê (*Micaiah*) (Các quan xét 17: 1,4; I Các vua 22:13) có nghĩa là "người giống như Đức Giê-hô-va (*YHWH*)"

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của "hậu tiên tri" (Ec-cle-si-as-ti-cus 49:10).
- B. Đây là sách đầu tiên trong nhóm "Mười hai," một nhóm các vị Tiểu tiên tri (Ba-ba Bath-ra 14b).
  - 1. Giống như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp trong một cuộn sách.
  - 2. Đại diện cho mười hai chi phái hoặc số biểu tượng của tổ chức.
  - 3. Phản ánh quan điểm truyền thống của cuốn sách theo thứ tự thời gian.
- C. Thứ tự của "Mười Hai Vị Tiên Tri" hoặc các Vị Tiểu Tiên Tri đã được nhiều học giả liên kết với nhau theo trình tự thời gian. Tuy nhiên, có vấn đề với quan điểm này:
  - 1. Sáu cuốn sách đầu tiên khác nhau giữa MT và LXX:

<u>MT</u>	<u>LXX</u>
Ô-sê	Ô-sê
Giô-ên	A-môt
A-môt	Mi-chê
Áp-đi-a	Giô-ên
Giô-na	Áp-đi-a
Mi-chê	Giô-na
  - 2. Bảng chứng nội bộ đặt A-môt theo thứ tự thời gian trước Ô-sê.
  - 3. Niên đại cho Giô-ên được tranh luận rất nhiều. Tôi liệt kê ông như là một vị tiên tri thời hậu lưu đày sớm cùng với Áp-đi-a.

## III. THỂ LOẠI

- A. Mặc dù nó giống như A-môt trong thần học, nhưng không giống theo văn phong. Mi-chê không phải là thơ ca phát triển đẹp như A-môt, nó có những phát biểu mạnh mẽ về lẽ thật.
- B. Nó được đặc trưng bởi các sứ điệp về sự phán xét và sự phục hồi được đặt cạnh nhau mà không có chuyển tiếp. Lẽ thật được sơn thành hai màu, đen / trắng!
- C. Vị tiên tri đã ban cho những sứ điệp mạnh mẽ, đầy nhiệt huyết, sâu sắc từ Đức Chúa Trời giao ước!
- D. Mi-chê là một tiên tri dự đoán:
  - 1. Sự sa ngã của Sa-ma-ri sang A-sy-ri, 1: 5-7; 6: 9-16
  - 2. Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem sang Ba-by-lôn, 1: 9-16; 3:12; 4: 10-12; 6: 9-16
  - 3. Sự trở lại của những người Do thái lưu vong, 2: 12-13; 5: 5b-9; 7: 7-20
  - 4. Nơi sinh của Đấng Mê-si-a, 5: 2 và vương quốc phổ quát của Ngài, 5: 4
  - 5. Đức tin sắp tới của các dân tộc ngoại bang, 4: 1-5

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Theo truyền thống Mi-chê, vị tiên tri từ Mô-rê-sét-Gát được xem là tác giả của toàn bộ lời tiên tri.

- B. Các học giả hiện đại đã cố gắng phân chia sách của Mi-chê trong một số tác giả vì họ có các tác phẩm của Môi-se. Tuy nhiên, có bằng chứng nội bộ rằng cuốn sách có sự thống nhất:
  1. Một số chương bắt đầu với chữ Hê-bơ-ơ "nghe" (*shema*, xem Phục truyền 6: 4), 1: 2; 3: 1; 6: 1.
  2. Ấn dụ "người chân chiên" / "con chiên" được sử dụng trong suốt 2:12, 3: 2-3; 4: 6; 5: 1ff; 7:14.
  3. Có sự ám chỉ trong suốt cuốn sách với những lời tiên tri của các vị tiên tri khác trong tám thế kỷ (xem 4: 1-3) với Ê-sai 1: 2-4).
- C. Mi-chê, theo nhiều cách, tương tự về nhân cách và sứ điệp với A-mốt. Quê nhà của họ chỉ cách nhau hai mươi dặm. Họ đều là đàn ông từ vùng thôn quê, không tham gia vào chính trị và sự đấu tranh quyền lực của các tòa án hoàng gia như Ê-sai.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Chương 1 câu 1 nêu rõ chiều dài và thời gian của chức vụ của Mi-chê: "Những ngày của Giô-than, A-háp và Ê-xê-chia.
- B. Giê-rê-mi 26:18 nói rằng ông đã tiên tri trong triều đại của Ê-xê-chia.
- C. Bởi vì 1: 1 đề cập đến Sa-ma-ri cũng như Giê-ru-sa-lem và 6: 1-16 là một cảnh tòa án dự đoán sự sụp đổ của Y-sơ-ra-ên, ông ắt phải có tiên tri trước sự sụp đổ của Sa-ma-ri vào năm 722 TCN.
- D. Chức vụ của ông cũng vượt ra ngoài sự sụp đổ của Sa-ma-ri. Cuốn sách dường như thu thập sứ điệp trong suốt chức vụ của ông.

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Mi-chê là một vị tiên tri thế kỷ thứ 8 đã thi hành trong vương quốc miền nam với Ê-sai.
- B. Đó là một thời kỳ thịnh vượng và mở rộng quân sự. Có nhiều hoạt động tôn giáo nhưng sự thờ phượng sinh sản Ca-na-an sử dụng tên của Đức Giê-hô-va.
- C. Đế chế A-sy-ri đang phát triển dưới sự lãnh đạo năng động của Tiếc-la-Phi-lê-se III đã sẵn sàng để tấn công.
- D. Đối với một bản tóm tắt lịch sử chi tiết đầy đủ, xem phần trong Ê-sai.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Cuốn sách này được đặc trưng bởi những thay đổi đột ngột: 2: 5,12; 3: 1; 6: 6-8; 7: 14-15. Tác giả chuyển nhanh từ phán xét đến những lời tiên tri cứu rỗi, so sánh 2: 10-11 với 2: 12-13.
- B. Dàn bài cơ bản
  1. Phán xét sắp đến trên dân sự của Đức Chúa Trời, 1: 1-16
    - a. Lưu vong của miền bắc, 1: 5-7
    - b. Lưu vong của miền nam, 1: 9-16 (3:12)
  2. Sự trừng phạt và phục hồi dân sự của Đức Chúa Trời, 2: 1-13
    - a. Tội lỗi xã hội của người giàu, 1-11
    - b. Hy vọng trong tương lai, 12-13
  3. Sự lãnh đạo dân sự của Đức Chúa Trời bị lên án, 3: 1-12
    - a. Lãnh đạo dân sự, 1-4, 9, 11
    - b. Các tiên tri, 5-7, (tiên tri thực sự, câu 8), 11
    - c. Thầy tế lễ, 11
    - d. Hậu quả, 12 (4:10)

4. Sự vinh hiển tương lai được phục hồi của dân sự Đức Chúa Trời, 4-5
  - a. Lời mời phổ quát cho tất cả các quốc gia, 4: 1-5
  - b. Lời mời đến người què, bị ruồng bỏ và yếu đuối, 4: 6-8
  - c. Cộng đồng người tin bị tấn công nhưng chiến thắng, 4: 9-13
  - d. Sự đến của Đấng Mê-si-a, 5: 1-5a
  - e. Chiến thắng tương lai trên A-sy-ri, 5: 5b-9
  - f. Sự phán xét hiện tại về dân sự của Đức Chúa Trời, 5: 1, 10-15
5. Đức Chúa Trời mang dân sự Ngài ra tòa, 6
  - a. Tiên tri nói thay cho Đức Chúa Trời, 1-5
  - b. Dân sự của Đức Chúa Trời đáp ứng, 6-7
  - c. Tiên tri trả lời thay cho Đức Chúa Trời, 8
  - d. Sự phán xét của Đức Chúa Trời sẽ trên thành phố của dân sự Ngài: Giê-ru-sa-lem và Sa-ma-ri, 9-16
6. Sự kết án của Đức Chúa Trời và sự ban phước được hứa cho dân sự Ngài tiếp tục, 7
  - a. Dân sự của Đức Chúa Trời về tội lỗi xã hội, 1-6
  - b. Dân sự lãnh đạo tương lai của Đức Chúa Trời sẽ giống như Đức Chúa Trời, 14-20

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Mi-chê, giống như A-mốt, lên án tội lỗi xã hội của người giàu và quyền lực.
- B. Mi-chê, giống như Ô-sê, lên án sự bội đạo tôn giáo của các tiên tri và thầy tế lễ (3:11).
- C. Mi-chê dự đoán sự sụp đổ và lưu đày của cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa vì sự thờ thần tượng và không trung tín với giao ước của họ.
- D. Đức Chúa Trời là công bình. Dân sự của Ngài sẽ bị trừng phạt. Đức Chúa Trời cũng ân điển và trung thành với giao ước của Ngài, Dân sự (dân sót) sẽ bị kết án và khôi phục.
- E. Đức Chúa Trời muốn dân sự Ngài phản ánh tính cách của Ngài, 6: 8 không phải là nghi thức vô tín (6: 6-7).
- F. Y-sơ-ra-ên, Giu-đa và những người ngoại đạo tin Chúa sẽ được ban phước qua Đấng Mê-si-a sắp tới, được sinh ra tại Bết-lê-hem (5: 2). Người lãnh đạo mới này sẽ giống như Đức Giê-hô-va (*YHWH*) (7: 18-20).

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ
  1. "Các ngọn núi sẽ tan chảy" 1: 4 (NASB & NIV)
  2. "Vết thương của nó không thể chữa được" 1: 9 (NASB & NIV)
  3. Chế nhạo 2: 4 (NASB & NIV)
  4. "Các người ăn thịt của dân ta" 3: 3 (NASB & NIV)
  5. Bói toán 3: 6 (NASB & NIV)
  6. "Si-ôn sẽ bị cày như ruộng" 3:12 (NASB & NIV)
  7. "Các dân... nhiều nước sẽ đến đó ..." 4: 1-2 (NASB & NIV)
  8. "Họ sẽ lấy grom rên lưỡi cày" 4: 3 (NASB & NIV)
  9. "Sự đi ra của Ngài từ lâu rồi, từ những ngày tháng đời đời" 5: 2 (NIV, "có nguồn gốc là từ xưa, từ thời cổ đại ")
  10. "Tôi sẽ trình dâng ... quả của thân thể tôi vì tội lỗi của linh hồn tôi?" 6: 7 (NASB & NIV)
  11. Trọng lượng lừa đảo 6:11 (NIV, "cân giả dối")
  12. "Sẽ ném tất cả tội lỗi của họ vào sâu trong biển" 7:19 (NIV, "ném tất cả sự gian ác của chúng ta vào độ sâu của biển ")



B. Nhân vật:

1. Nim-rôt 5: 6
2. Ba-lác, 6: 5
3. Ba-la-am, 6: 5
4. Ôm-ri, 6:16

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Sa-ma-ri, 1: 5
2. Giê-ru-sa-lem, 1: 5
3. La-ki, 1:13
4. Mô-rê-sét Gát, 1:14
5. Núi Si-ôn, 4: 7
6. Bết-lê-hem Ép-ra-ta, 5: 2
7. Đất Nim-rôt, 5: 6
8. Si-tim, 6: 5
9. Ghinh-ganh, 6: 5
10. Ba-san
11. Ga-la-át

XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Liệt kê các nghi thức tang lễ của 1: 8-16.
2. Tất cả ba hình thức tiên tri (lời hứa tiên tri, cảnh tòa án, và than thở / ai ca) được tìm thấy trong Mi-chê.  
Cho ví dụ.
3. Mi-chê giống như A-môt như thế nào?
4. Tại sao Mi-chê trích dẫn trong Giê-rê-mi 26:18?
5. Ai ở trong 5: 10-15 được đề cập đến?
6. Liệt kê những điều Đức Chúa Trời sẽ làm cho dân sự Ngài trong 7: 18-20.

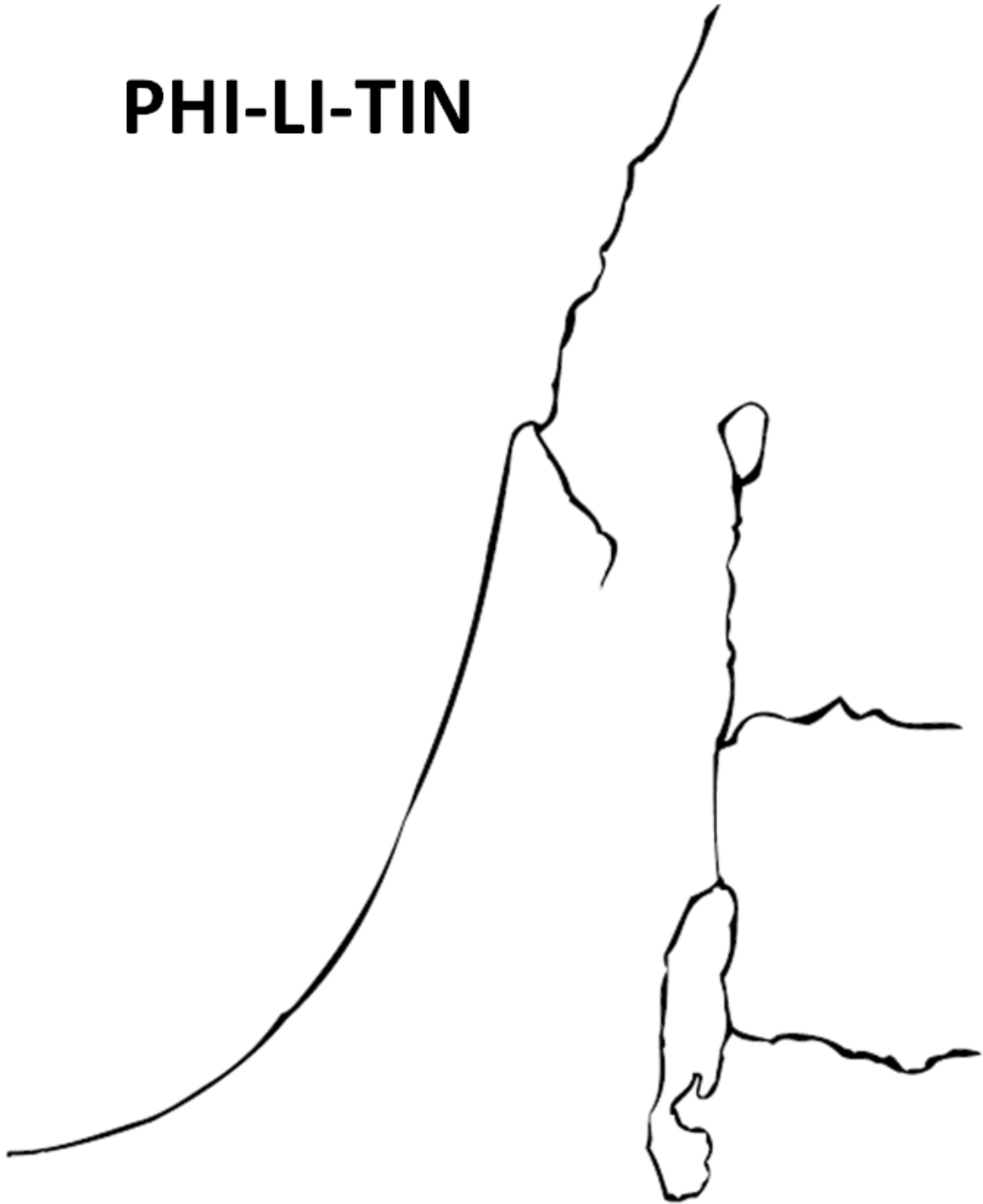


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ ĐẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ NA-HUM

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt tên theo vị tiên tri.
- B. Tên của ông có nghĩa là "sự an ủi" hoặc "lòng thương xót" (xem Ê-sai 57:18).

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của các Tiểu Tiên Tri vì chiều dài các tác phẩm của họ.
- B. Chúng được gọi là "Mười hai." Chúng có thể được sắp xếp lại với nhau vì chúng vừa với một cuộn sách.
- C. Chúng ở phần thứ hai của kinh điển Hê-bơ-rơ được gọi là "Các Tiên Tri."
- D. Người Do Thái muốn số lượng sách trong kinh điển của họ để phù hợp với số phụ âm trong bảng chữ cái của họ, do đó, họ kết hợp nhiều cuốn sách.

## III. THỂ LOẠI

- A. Đó là tiên tri Hê-bơ-rơ cổ điển (thơ ca). Đó là một trong những bài thơ mạnh mẽ nhất trong Cựu Ước.
- B. Na-hum là duy nhất và nghệ thuật trong sự lựa chọn của ông về từ và thành ngữ. Ông và Ê-sai được coi là những nhà thơ vĩ đại nhất của các Tiên Tri. Có một mối quan hệ văn chương giữa chúng:
  - 1. Na-hum 1: 4 và Ê-sai 33:19.
  - 2. Na-hum 1:15 và Ê-sai 52: 7.
- C. Na-hum 1: 2-8 là một bài Thi thiên. Mở đầu bằng một thi-thiên là duy nhất trong số các tiểu tiên tri.

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Có rất ít thông tin về vị tiên tri. Đây là sự xuất hiện duy nhất của tên ông trong Cựu Ước.
- B. Ông được gọi là một người En-cốt, mà có lẽ là một tên địa danh. Đã có nhiều giả thuyết:
  - 1. Je-rome và Eu-se-bi-us định vị nó ở Ga-li-lê, thành phố En-cốt.
  - 2. Những người khác khẳng định rằng Ca-bê-na-um, "nhà của Na-hum", là địa điểm nhưng không có bằng chứng xác nhận.
  - 3. Pseudo-E-pi-pha-ni-us đặt nó ở miền nam Giu-đa, Cuộc đời của các vị tiên tri, XVII, (*The Lives of the Prophets, XVII*) thành phố En-cốt gần nhà của Mi-chê.
  - 4. Một truyền thống Ả Rập của thế kỷ 16 SCN, đặt nó ở I-rắc (*con của cha mẹ lưu vong*). Thành phố En-cốt khoảng 24 dặm về phía bắc của Ni-ni-ve.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Nó phải được viết trước sự sụp đổ của Ni-ni-ve, 612 TCN.
- B. Nó được viết sau sự sụp đổ của The-bes (Nô-a-môn) của A-shur-ba-ni-pal vào năm 663 TCN. (xem 3: 8ff) bởi vì nó được sử dụng làm ví dụ về một thành phố được bảo vệ bởi sông nước đã bị bắt giữ.

- C. Nó có thể được viết ngay sau cái chết của A-shur-ba-ni-pal vào năm 627 TCN. Ông là vị vua mạnh mẽ cuối cùng của A-sy-ri và vào năm 626 TCN, Ba-by-lôn mới giành được độc lập dưới thời Na-bo-po-las-sar.

## VI. TÓM TẮT NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ CỦA A-SY-RI VÀ PHA-LÊ-TIN

- A. Na-hum giải quyết sự sụp đổ của A-sy-ri, mà thủ đô là Ni-ni-ve. Đức Chúa Trời đã sử dụng quốc gia độc ác này như một công cụ phán xét của Ngài về Y-sơ-ra-ên (xem Ê-sai 10: 5).
- B. Vụ việc được ghi nhận đầu tiên xảy ra vào thời trị vì của Giê-hu (842-815 TCN). Vào năm 841 TCN các Vua của A-sy-ri, Sanh-ma-na-sa III (858-824 TCN), buộc phải trả tiền cống nạp.
- C. Điều này tiếp tục dưới thời A-dad-ni-ra-ri III (810-782 TCN). Đa-mách bị chiếm giữ và Giô-ách bị buộc phải cống nạp.
- D. Cuộc xâm lược và trục xuất lớn đầu tiên xảy ra dưới triều đại Mê-na-hem (752-732 TCN) bởi Tiếc-la Phi-lê-se III (745-727 TCN) vào năm 732 TCN. Dường như ông đã thay thế Phê-ca (740-732 TCN) với Ô-sê (732-722 TCN) (xem II Các vua 15:29; I Sử ký 5: 6; II Sử ký 30: 6,10; Ê-sai 9: 1. Sự thống trị của Pha-lê-tin ảnh hưởng đến Giu-đa vì A-háp (735-715 TCN) cũng cống nạp.
- E. Ô-sê đã cố gắng đồng minh Y-sơ-ra-ên với Ai Cập và bị xâm chiếm bởi Sanh-ma-na-sa V (727-722 TCN) Sa-ma-ri, thủ đô, đã sụp đổ sau 3 năm vây hãm bởi Sa-gôn II (721-705 TCN). Y-sơ-ra-ên bị lưu đày đến Mê-đi (xem II Các vua 17: 3-20; 18: 20-21; Ê-sai 7: 8; 8: 4; 10:11; 36:20; Ô-sê 9: 3; 10: 6,14; 11: 5). Sa-gôn II đã xâm lược và ép buộc Giu-đa cống nạp vào năm 720 TCN. và 712 TCN.
- F. Ở Giu-đa, Ê-xê-chia (728-687 TCN) đã thừa kế A-háp. Ban đầu ông ta đã cống nạp cho Sa-gôn II. Sau đó ông đã từ chối cống nạp cho A-sy-ri (xem II Các vua 18). Giu-đa bị xâm chiếm bởi San-chê-ríp (704-681 TCN.) vào năm 701 TCN, nhưng bị buộc phải rút khỏi do một bệnh dịch hạch do thiên sứ của Chúa gây ra, đã giết chết 185.000 lính A-sy-ri (xem Thi thiên 10:16; 36: 1-37: 38; II Các vua 18: 13-19: 37; II Sử ký 32: 1-31).
- G. Sau đó, Ma-na-se bị buộc phải nộp cho Ê-sạt-ha-đôn (681-669 TCN) (xem II Sử ký 33: 1-11).
- H. Con trai của Ê-sạt-ha-đôn, A-shur-ba-ni-pal (638-633 TCN), là vị vua mạnh mẽ cuối cùng của A-sy-ri. Sau khi ông ta chết, đó là một giai đoạn suy giảm nhanh chóng:
1. Na-bo-po-las-sar (625-605 TCN) đã thiết lập một Ba-by-lôn mới độc lập.
  2. Psam-me-ti-hus I (664-609 TCN) đã phục hồi Ai Cập để giành độc lập.
  3. Giô-si-a (640-609 TCN) đã phục hồi Giu-đa thành độc lập.
  4. Cy-a-xa-xes (625-585 TCN) thiết lập một Mê-đi độc lập.
- I. Ni-ni-ve, thủ đô của A-sy-ri, rơi vào năm 612 TCN, vào tay Na-bo-po-las-sar và Cy-a-xa-xes. As-hur, thủ đô cũ, đã sụp đổ vào năm 614 TCN.
- J. Ni-ni-ve bao phủ 1.850 mẫu Anh và có 8 dặm tường thành vững chắc.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Mở đầu, 1: 1
- B. Một Thi-thiên về sự nghiêm khắc và ân điển của Đức Giê-hô-va, 1: 2-8 (một phần thơ chữ đầu).
- C. Thực tế về tính cách của Đức Chúa Trời, sự phán xét đối với Ni-ni-ve, sự giải thoát cho Giu-đa, 1: 9-2: 2.

D. Một đoạn thơ đầy hình ảnh về cuộc bao vây và sự sụp đổ của Ni-ni-ve, thành phố vĩ đại, 2: 3-3: 19.

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Trọng tâm của cuốn sách là sự hủy diệt của Ni-ni-ve, thủ đô của Đế quốc A-sy-ri độc ác. Nó đã được Sanchê-ríp chọn làm thủ đô khoảng năm 700 TCN. Nó nằm trên bờ phía đông của Sông Ti-gris và được củng cố rất tốt.
- B. Thành phố đã bị phá hủy hoàn toàn bởi người Ba-by-lôn và người Mê-đi vào năm 612 TCN, cũng như As-shur trong năm 614 TCN. Họ sử dụng dòng sông chảy quanh các bức tường. Họ chuyển hướng nước sông vào hồ chứa và sau đó xả ra tất cả cùng một lúc. Sức mạnh của nước đập xuống phá hủy một phần lớn của bức tường, 2: 6.
- C. Đức Chúa Trời đã dùng những người A-sy-ri tàn ác để phán xét dân sự của Ngài (Ê-sai 10: 5) nhưng bây giờ người A-sy-ri bị phán xét. Chúng ta gặt những gì chúng ta gieo, Ga-la-ti 6: 7.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ:
1. Lời tiên tri, 1: 1 (NASB & NIV)
  2. Khải tượng, 1: 1 (NASB & NIV)
  3. "CHÚA chậm giận," 1: 3 (NASB & NIV)
  4. "Một đôn lũy," 1: 7 (NIV, "ân náu")
  5. Cái khiên, 2: 5 (NIV, "lá chắn bảo vệ")
  6. "Cửa sông được mở ra, và cung điện bị phá hủy," 2: 6 (NIV, "cửa sông mở ra và cung điện sụp đổ")
  7. "Nâng váy người lên trên mặt người", 3: 5 (NASB & NIV)
  8. "Con cái nó cũng đã bị nghiền nát nơi ngã ba các đường phố," 3:10 (NASB & NIV)
- B. Nhân vật:
1. Ma-qui, 1:15 (NIV, "kẻ ác")
  2. Đức Giê-hô-va vạn quân, 2:13 (NIV, "Chúa toàn năng")

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Ba-san, 1: 4
2. Cạt-mên, 1: 4
3. Li-băng, 1: 4
4. Nô-a-môn (The-bes), 3: 8
5. Ni-ni-ve, 1: 1

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Mục đích chính của cuốn sách này là gì?
2. Người ta liên hệ 1: 3 với 7 như thế nào?
3. Người ta liên hệ Giê-na với Na-hum như thế nào?
4. Tại sao Na-hum được coi là một nhà thơ vĩ đại?
5. Câu 2: 6 liên quan đến sự sụp đổ lịch sử của Ni-ni-ve như thế nào?
6. Tại sao một thành phố Ai Cập được đề cập trong 3: 8-10?

7. Liệt kê các mệnh lệnh chấm biếm trong 3: 14-15.



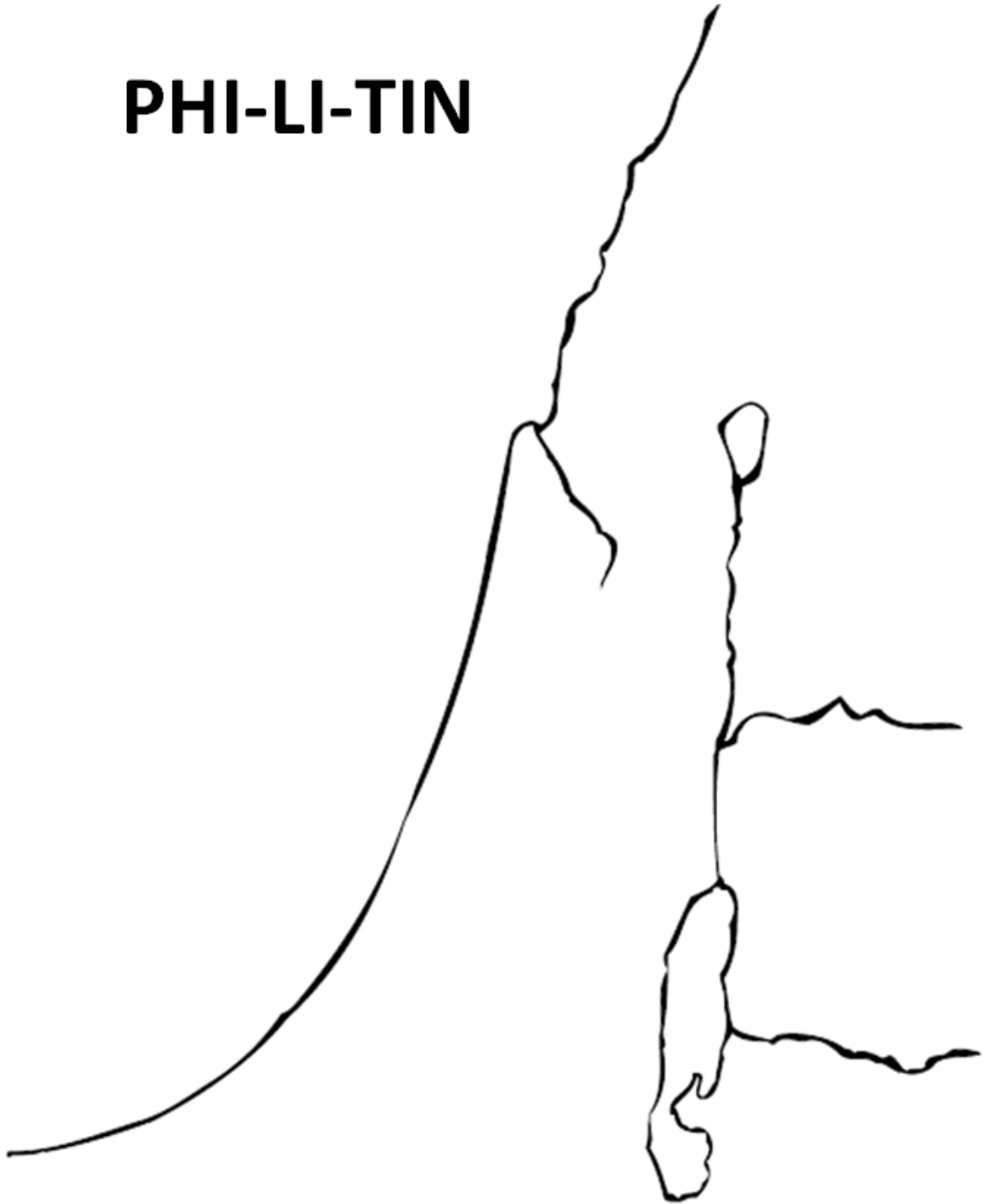
BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ ĐẠI**



# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ HA-BA-CÚC

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt theo tên của nhà tiên tri.
- B. Tên Ha-ba-cúc có nghĩa là "vuốt ve" hoặc "ôm hôn."
- C. Trong bản Sep-tua-gint, ông được gọi là "*Hambakoum*", một thuật ngữ của người A-sy-ri có nghĩa là "rau cải".

## II. KINH ĐIỂN HÓA:

- A. Cuốn sách này là một phần của "các hậu tiên tri" (Ec-cle-si-as-ti-cus 49:10).
- B. Đây là một trong "Mười hai", một nhóm các tiểu tiên tri (Ba-ba Bath-ra 14b)
  - 1. Giống như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp với một cuộn sách.
  - 2. Đại diện cho mười hai chi phái hoặc số biểu tượng của tổ chức.
  - 3. Phản ánh quan điểm truyền thống về niên đại của sách.
- C. Thứ tự của "Mười hai", hoặc các tiểu tiên tri, đã được nhiều học giả liên kết với một thứ tự thời gian. Rõ ràng là Na-hum, Ha-ba-cúc và Sô-phô-ni hợp thành một đơn vị.

III. THỂ LOẠI: - thật là bất thường khi một nhà tiên tri nói với Đức Chúa Trời thay mặt Dân sự. Chương đầu tiên là một chỉ trích hoặc một phương tiện truyền đạt lễ thật thông qua một cuộc được cho là cuộc đối thoại

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Tiên tri này nói với Đức Giê-hô-va về Giu-đa. Tất cả các tiên tri khác nói với mọi người cho Đức Chúa Trời.
- B. Tiên tri này phù hợp với thời kỳ chung như Đa-ni-ên, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, Na-hum và Sô-phô-ni. Chúng ta gọi những người này là các tiên tri thế kỷ thứ bảy.
- C. Ông có thể là một nhạc sĩ liên quan đến Ban hát đền thờ vì:
  - 1. 3: 1 có thuật ngữ *Shigionoth*. Chú thích của NASB gọi đó là "hình thức thơ có cảm xúc cao". Đây là một thuật ngữ âm nhạc không rõ nghĩa, có thể là một điểm dừng hoặc cao trào.
  - 2. Việc sử dụng một thuật ngữ có thể âm nhạc khác, *Selah* trong 3: 3, 9, 13.
  - 3. Sử dụng cụm từ trong 3:19, "cho nhạc trưởng ban hát, khảy đàn mà hát bài này."

## V. NIÊN ĐẠI: (Đã có hai lý thuyết chính)

- A. Triều đại của Ma-na-se (687-642 TCN). Điều này thường được liên kết với vị trí của Ha-ba-cúc trong Kinh điển và sự trỗi dậy của người Canh-đê, để chế Ba-by-lôn mới (xem Ha-ba-cúc 1: 5).
- B. Triều đại của Giê-hô-gia-kim (609-598 TCN). Điều này sẽ đặt nó trong thời kỳ Pha-ra-ôn Nê-cô II chiếm đóng thành phố và sau đó là Nê-bu-cát-nét-sa tiếp quản toàn bộ khu vực, sau sự thất bại của tàn dư quân đội A-sy-ri và người Ai Cập tại Cạt-kê-mít năm 605 TCN.
- C. Pseu-do-E-pi-pha-ni-us, trong "*Lives of the Prophets*", nói rằng ông đến từ chi phái Si-mê-ôn. Ông chạy trốn sự tấn công của Nê-bu-cát-nét-sa II năm 586 TCN và trở về sau khi thành phố sụp đổ và chết hai năm trước khi trở về từ lưu vong. Tuy nhiên, nguồn tin là muộn và không đáng tin cậy.

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Cuốn sách được chia ra hai phần chính:
  - 1. Chương 1 & 2 - cuộc đối thoại giữa nhà tiên tri và Đức Chúa Trời.
  - 2. Chương 3 - một bài thơ ngợi khen sự kiểm soát lịch sử của Chúa.
  
- B. Cuộc đối thoại giữa Đức Chúa Trời và tiên tri của Ngài, 1: 2-2: 20
  - 1. Phần nài của Ha-ba-cúc chống lại sự chậm chạp trừng phạt của Chúa, 1: 2-4
  - 2. Câu trả lời đầu tiên của Chúa, 1: 5-11
  - 3. Vấn đề đạo đức của Ha-ba-cúc với câu trả lời của Chúa, 1: 12-2: 1
  - 4. Câu trả lời thứ hai của Chúa, 2: 2-5
    - a. Kế hoạch của Chúa là chắc chắn, hãy viết nó ra, 2:20
      - 1) Ban phước trên đức tin, 2: 4, 14, 20
      - 2) Phán xét về tội ác, 2: 5, 6-20
    - b. Dân sự Chúa chịu trách nhiệm cho sự trung thành theo giao ước, 2: 4-5 (3: 16-19)
    - c. Chúa sẽ trừng phạt sự xâm lăng của người ngoại giáo và vô thần, 2: 6-20 (5 tai ương)
      - 1) 2: 6-8, xâm lược bạo lực
      - 2) 2: 9-11, xâm lược bạo lực
      - 3) 2: 12-14, xâm lược bạo lực
      - 4) 2: 15-17, xâm lược bạo lực
      - 5) 2: 18-20, thờ hình tượng
  
- C. Một Thi thiên phước lành vì những hành vi giải thoát thành tín trong quá khứ và hy vọng được giải thoát trong tương lai của Đức Chúa Trời, 3: 1-19
  - 1. Những hành động trong quá khứ giải thoát của Đức Chúa Trời được thể hiện dưới hình thức thơ rất cao, sử dụng phép ẩn dụ từ (3: 1-15):
    - a. Cuộc di cư
    - b. Sự sáng tạo
    - c. Chinh phục
  - 2. Đức tin và sự kiên nhẫn của Tiên tri trong sự giải thoát của Đức Chúa Trời, mặc dù không có dấu hiệu bên ngoài, (2: 4; 3: 16-19)

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Đây là một đạo đức phổ quát. Tội lỗi sẽ bị phán xét. Ngay cả những người được Chúa chọn cũng chịu trách nhiệm cho hành vi của họ (Ga-la-ti 6: 7).
  
- B. Ngay cả trong thế giới sa ngã này, Đức Chúa Trời vẫn kiểm soát các sự kiện. Ngài dùng điều ác cho mục đích của Ngài, nhưng điều ác rồi sẽ cũng bị phán xét!
  
- C. Có thể chấp nhận việc đặt câu hỏi với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, thường thì sự hiện diện của Chúa không phải là câu trả lời hợp lý mà thỏa mãn.
  
- D. Cuốn sách này là nguồn gốc của chủ đề thần học nổi tiếng của Phao-lô "Sự xưng công bình bởi đức tin" (xem 2: 4). Tà ác cuối cùng sẽ tự hủy diệt. Dân sự của Chúa phải thực hiện đức tin giữa những ngày gian ác! Đức tin không phải lúc nào cũng liên kết với hoàn cảnh hiện tại, 3: 17-19.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐỂ ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc Cụm từ

1. "Thảm quyền và công chính của họ bắt nguồn từ chính họ", 1: 7 (xem 1: 11c) (NIV, "chúng là một luật cho chính họ và phát huy danh dự của chính họ ")
2. "Hỡi Giê-hô-va, Đức Chúa Trời tôi ơi, Đấng Thánh của tôi" 1:12 (NASB & NIV)
3. "Hỡi vàng đá", 1:12 (NASB & NIV)
4. "Họ dâng tế cho lưới của họ", vv. 15-17 (NIV, "nó dâng tế cho lưới của nó")
5. "Song người công bình thì sống theo đức tin mình", 2: 4 (NASB & NIV)
6. Âm-phủ, 2: 5 (NIV, "ngôi mộ")
7. Hát chế nhạo, 2: 6 (NIV, "chế nhạo")
8. "Chén nằm trong tay phải của CHÚA", 2:16 (NASB & NIV)
9. Âm nhạc (*Shigionoth*), 3: 1 (NASB & NIV)
10. Điểm dừng,(*dấu lặng*) *Selah*, 3: 3,9,13 (NASB & NIV)
11. Đấng chịu xúc dầu của người, 3:13 (NIV, "Đấng được xúc dầu của người ")
12. "Đấng ấy đã làm cho bàn chân tôi giống như bàn chân con hươu", 3:19 (NIV, "Đấng ấy làm cho bàn chân của tôi giống như bàn chân của con nai")

B. Nhân vật - không có ai

## X. VỊ TRÍ BẢN ĐỒ

1. Canh-đê, 1: 6 (NIV, Người Ba-by-lôn)
2. Thê-man, 3: 3
3. Núi Pha-ran, 3: 3
4. Ma-đi-an 3: 7

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Cuốn sách này khác với các Tiểu tiên tri khác như thế nào?
2. Hãy làm dàn bài cuộc đối thoại giữa Đức Chúa Trời và nhà tiên tri trong chương 1-2.
3. Tại sao người ta nghĩ rằng Ha-ba-cúc là một nhạc sĩ?
4. Giải thích hình ảnh của 1:16-17.
5. 2: 4 có nghĩa là gì trong bối cảnh? Phao Lô sử dụng nó như thế nào trong Rô-ma 1:17 và Ga-la-ti 3:11?

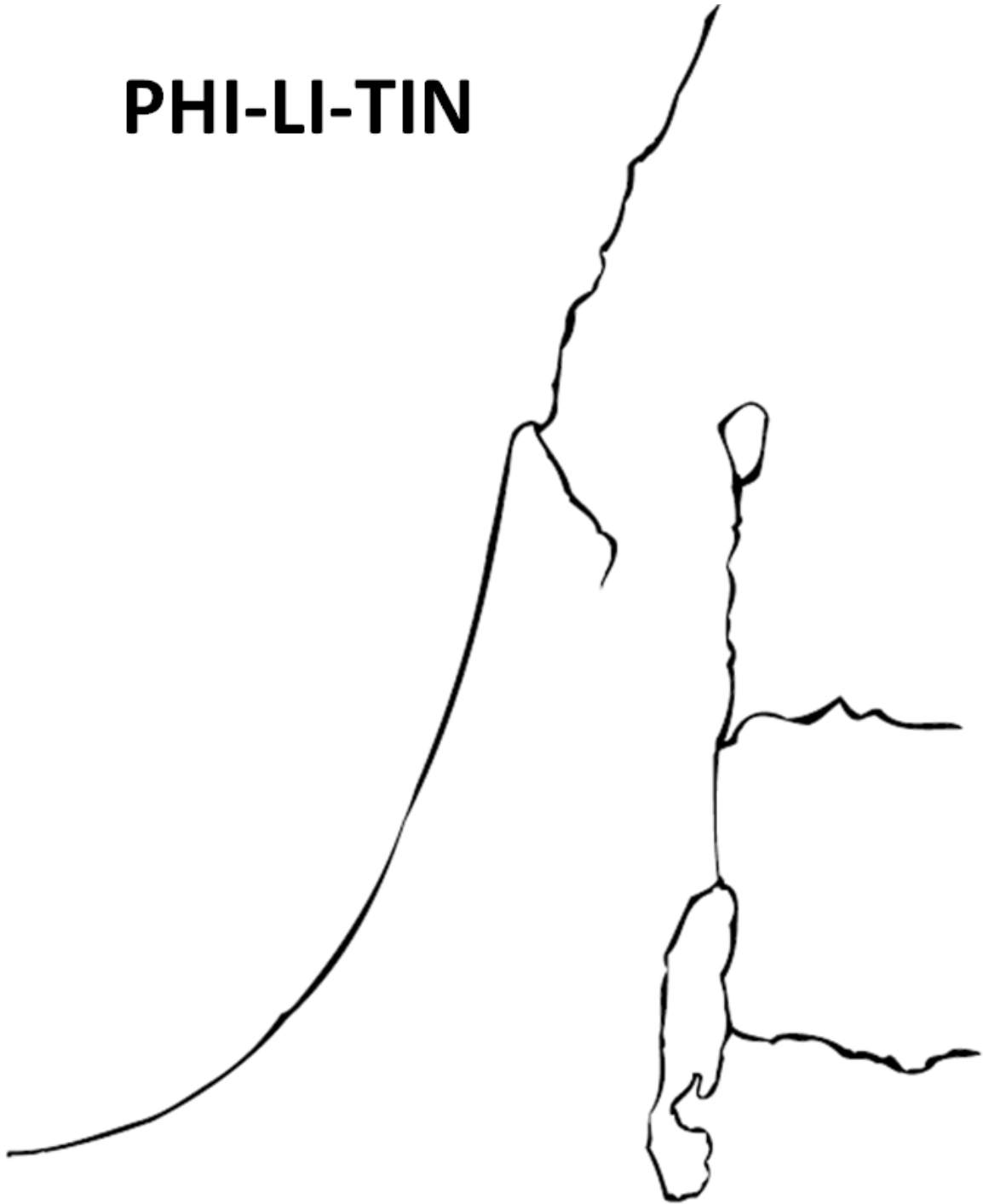


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ SÔ-PHÔ-NI

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt theo tên của nhà tiên tri.
- B. Tên của ông ấy có nghĩa là:
  1. “Đức Giê-hô-va đã ẩn” hoặc
  2. “Đức Giê-hô-va ngắm nhìn”

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của "các hậu tiên tri" (Ec-cle-si-as-ti-cus 49:10).
- B. Đây là một phần của "Mười hai", một nhóm các Tiểu tiên tri nhỏ (Ba-ba Bath-ra 14b):
  1. Như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp trong một cuộn sách.
  2. Đại diện cho mười hai chi phái hoặc số biểu tượng của tổ chức.
  3. Phản ánh quan điểm truyền thống về niên đại của sách.
- C. Thứ tự của "Mười hai" hoặc Tiểu Tiên tri đã được nhiều học giả liên kết với trình tự thời gian. Rõ ràng là Na-hum, Ha-ba-cúc và Sô-phô-ni tạo thành một đơn vị.

## III. THỂ LOẠI

- A. Đây là lời tiên tri tiếng Hê-bơ-rơ cổ điển (thơ) tập trung vào các chủ đề của tội lỗi, sự phán xét và sự phục hồi.
- B. 3: 14-20 có thể là một bài thánh ca cổ xưa.

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Cuốn sách có một gia phả dài bất thường: "... con trai của Cu-si, cháu của Ghê-đa-lia, chắt của A-ma-ri-a, chít của Ê-xê-chia, "1: 1.
  1. Điều này ngụ ý rằng ông thuộc dòng dõi hoàng gia của Giu-đa. Nếu Ê-xê-chia được liệt kê là vua của Giu-đa (715-687 TCN.) thì đây dường như là mục đích của gia phả dài.
  2. Có thể độ dài là để chứng minh gốc Do Thái của ông, vì tên của cha ông là *Cu-si* (Tiếng Ê-thi-ô-bi)
- B. Nhiều người tin rằng ông ấy là anh em họ với Giô-si-a và có thể được đào tạo bởi cùng các giáo sư như Vua tin kính.
- C. Ba người khác trong Cựu ước có cùng tên: I Sử-ký 6: 36-38; Giê-rê-mi 21: 1; II Các Vua 25: 18-21; 29:25; 37: 3; 52: 24-27; Xa-cha-ri 6: 10,14.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Sô-phô-ni đã giảng thuyết trong cuộc đời của Vua Giô-si-a (640-609 TCN)
- B. Vì những căng thẳng nội bộ trong Giu-đa được đề cập trong sách, 1: 4-6, 8-9, 12; 3: 1-3, có vẻ như rằng những người nhận là người Giu-đa trước khi cải cách của Giô-si-a được hình thành (621 TCN.)

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- A. Một số người coi công cụ xâm lược của Chúa là đám người Scy-thia (NIV, Francisco way 626 TCN) mà trước đó đã tấn công A-sy-ri. He-ro-di-tus (I: 103-106) nói rằng người Scy-thia đã xâm chiếm qua Pha-lê-tin đến tận Ai Cập, trước khi họ bị quay trở lại bởi Pha-ra-ôn Psam-me-ti-chus I (663-609 TCN) bằng cách trả hết.
- B. Mặc dù cuộc xâm lược của người Scy-thia là có thể, nhưng có lẽ chính Ba-by-lôn đã xâm chiếm Giu-đa. Phần lớn các học giả xem những kẻ xâm lược là Ba-by-lôn.

## VII. ĐƠN VỊ VĂN HỌC (trích từ *Introduction to the Old Testament* by R.K. Harrison, p. 939-940)

- A. Ngày của Chúa, 1: 1-2: 3
  - 1. Mối đe dọa của sự hoang tàn đối với những người thờ phượng Ba-anh, 1: 2-6.
  - 2. Sự ngụ ý của Ngày của Chúa, 1: 7-13.
  - 3. Phán quyết sau đó, 1: 14-18.
  - 4. Phương tiện tránh phán xét, 2: 1-3.
- B. Phán xét chống lại các quốc gia nước ngoài, 2: 4-15
  - 1. Phi-li-tin, 2: 4-7
  - 2. Mô-áp và Am-môn, 2: 8-11
  - 3. Ai Cập, 2:12
  - 4. A-sy-ri, 2: 13-15
- C. Tai ương và ơn phước, 3: 1-20
  - 1. Mối đe dọa trừng phạt cho Giê-ru-sa-lem, 3: 1-7
  - 2. Đảm bảo phước lành cho dân sót trung tín, 3: 8-20

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Tiên tri này cảnh báo về cuộc xâm lăng Giu-đa đang đến gần. Lý do cho hành động phán xét này là sự thờ hình tượng tràn lan ở Giê-ru-sa-lem được bắt đầu bởi Ma-na-se. Sô-phô-ni đã sử dụng khái niệm "Ngày của Chúa". Thông thường các tiên tri sử dụng một cuộc khủng hoảng trong thời đại của họ để báo trước sự kiện tương lai, trong thời kỳ cuối cùng.
- B. Có lời kêu gọi ăn năn trong 2: 3. Hy vọng duy nhất của Giu-đa là trong tình yêu của Đấng Mê-si-a (3:17) và sự hiện diện của Ngài (3:15 & 17)!
- C. Rõ ràng là Đức Chúa Trời đã sử dụng A-sy-ri để trừng phạt Y-sơ-ra-ên và để chế Lưỡi liềm màu mỡ này hiện cũng đang đứng phán xét như vậy, Giu-đa!

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc Cụm từ:
  - 1. "Các thầy tế lễ thờ thần tượng", 1: 4 (NASB & NIV)
  - 2. "Cơ binh trên trời", 1: 5 (NIV, "sao cơ binh")
  - 3. "Ngày của Chúa đã gần kề", 1: 7 (NASB & NIV)
  - 4. "Tất cả những kẻ nhảy qua ngạch cửa", 1: 9 (NIV, "tất cả những người tránh bước lên ngạch cửa")
  - 5. "Cái cối", 1:11 (NIV, "khu chợ")
  - 6. "Những bày thú vật sẽ nằm ở giữa nó, tất cả các quái thú nằm trong bày đàn", 2:14 (NASB & NIV)
  - 7. "Phàm kẻ đi qua sẽ khoa tay mà nhạo cười", 2:15 (NIV, "tất cả người đi ngang qua nó và rung nắm đấm của họ")
  - 8. "Núi thánh của tôi", 3:11 (NIV, "đồi thánh của tôi")



B. Nhân vật:

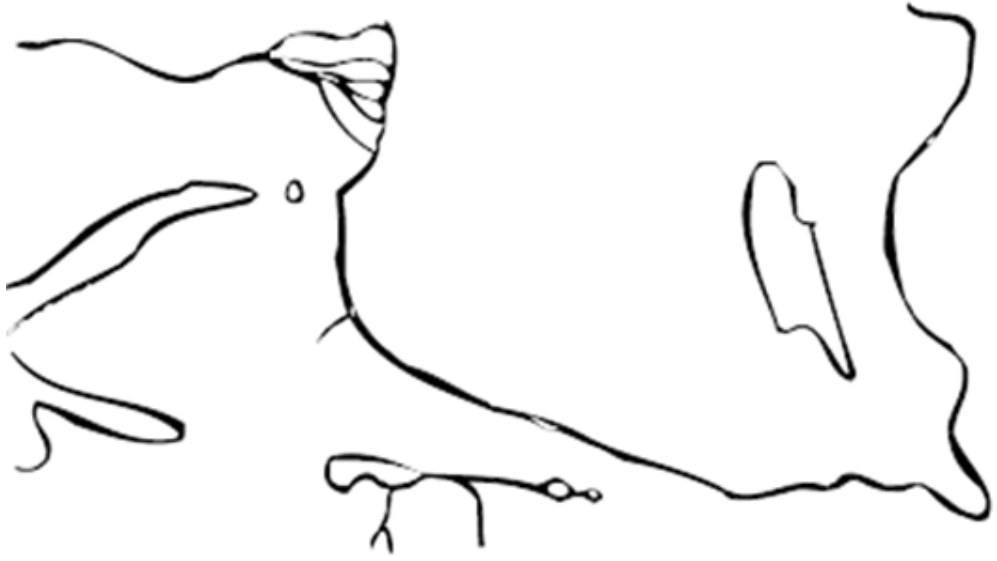
1. Cu-si, 1: 1
2. Vua, 1: 5 (NIV, "*molech*")
3. Miền biển, 2: 5 (NIV, "*kerethite*")

X. VỊ TRÍ BẢN ĐỒ

1. Ga-xa, 2: 4
2. Ách-ca-lôn, 2: 4
3. Ách-đốt, 2: 4
4. Éc-rôn, 2: 4
5. Sô-đôm và Gô-mô-rơ, 2: 9
6. Ê-thi-ô-bi, 2:12 (NIV, *Cushites*)

XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Tại sao Sô-phô-ni có gia phả dài nhất trong số các tiên tri trong Cựu ước?
2. Tại sao lời tiên tri của Sô-phô-ni về sự phán xét tội tệ hơn trận lụt của Nô-ê?
3. Xác định và giải thích khái niệm "Ngày của Chúa".
4. Tại sao Giu-đa thậm chí còn tội lỗi và tội lỗi hơn cả Y-sơ-ra-ên?
5. 3: 9 có yếu tố phổ quát liên quan đến người ngoại không? Tại sao?
6. Làm thế nào để 3:17 bày tỏ chúng ta thấy trái tim của Đức Chúa Trời?

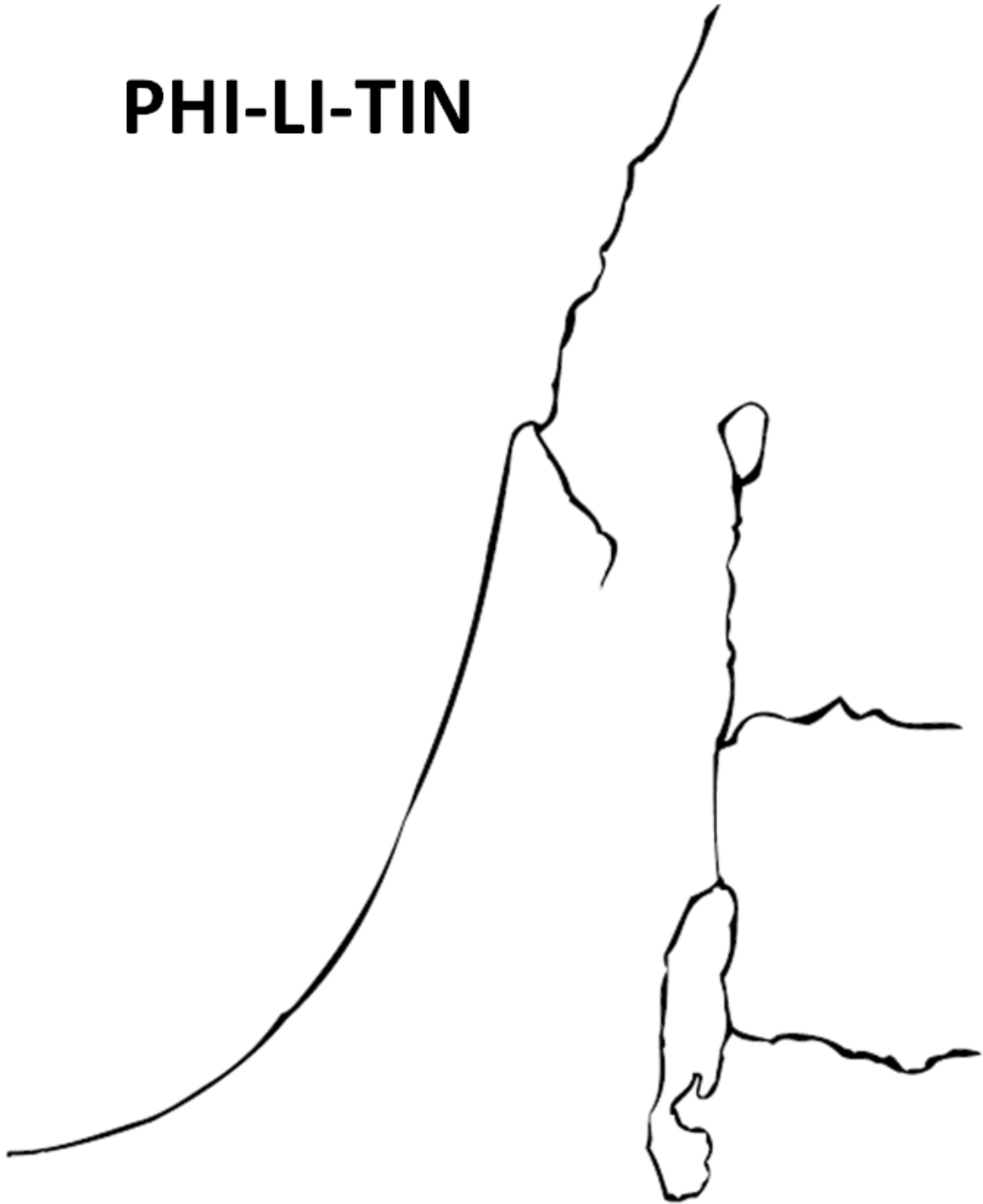


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ ĐẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ A-GHÊ

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt theo tên người giảng đạo của nó.
- B. Tên của ông có nghĩa là "Lễ hội". *Yod* Chữ cái thứ 10 trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ, hoặc "i" ở cuối có thể là viết tắt của *YHWH*, như vậy "Lễ hội của Đức Giê-hô-va" (xem I Sứ ký 6:30) hoặc đại từ "của tôi" cũng ám chỉ đến Đức Giê-hô-va.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của "hậu tiên tri" (E-cle-si-as-ti-cus 49:10).
- B. Nó là một phần của "Mười hai," một nhóm các tiểu tiên tri (Ba-ba Bath-ra 14b):
  - 1. Như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp với một cuộn sách.
  - 2. Đại diện cho mười hai chi phái hoặc số biểu tượng của tổ chức.
  - 3. Phản ánh quan điểm truyền thống của niên đại sách.
- C. Thứ tự của "Mười Hai Vị Tiên Tri" hoặc các Tiểu Tiên Tri đã được nhiều học giả liên kết với nhau theo trình tự thời gian. Rõ ràng là A-ghê và Xa-cha-ri được ghép đôi trong lịch sử.

## III. THỂ LOẠI

- A. Đây là một loạt bốn hay năm bài giảng (1:13).
- B. Nó không phải là thơ.

## IV. BẢN QUYỀN

- A. A-ghê được đề cập trong Ê-xơ-ra 5: 1; 6:14 và Xa-cha-ri 8: 9, nơi ông được liên kết với Xa-cha-ri. Ông ấy có lẽ là một người trở về từ lưu vong.
- B. Ông cũng được đề cập trong I Esd-ras 6: 1; 7: 3; II Esd-ras 1:40 và Ec-cle-si-as-ti-cus 49:11 là câu trích dẫn từ A-ghê 2:23.
- C. Je-rome nói rằng ông ta là một thầy tế lễ nhưng đây là một sự hiểu lầm bắt nguồn từ 2: 10-19.
- D. Ewald và Pusey gợi ý rằng 2: 3 ngụ ý rằng ông đã nhìn thấy Đền thờ của Sô-lô-môn mà sẽ làm cho ông ta 70 hay 80 tuổi.
- E. Cy-ri-l của A-le-xan-dri-a đề cập đến một ý kiến chung trong thời kỳ của ông rằng ông là một thiên sứ. Đây là từ một sự hiểu lầm trong tiếng Hê-bơ-rơ về chữ "sứ giả" trong 1:13.
- F. LXX phân bổ nhiều Thi thiên cho A-ghê và Xa-cha-ri: 112, 126, 127, 137, 146-149.
- G. Tất cả 4 bài giảng của A-ghê được ghi lại ở ngôi thứ ba ngụ ý:
  - 1. Một kỹ thuật văn học phổ biến,
  - 2. Một người ghi chép hoặc biên tập viên.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. A-ghê là một vị tiên tri sau thời kỳ lưu vong cùng với Xa-cha-ri, người đương thời với ông.
- B. Cuốn sách được ghi niên đại từ ngày đầu tiên của tháng thứ sáu (1: 1) cho đến ngày thứ hai mươi tư tháng thứ chín (2: 10, 20) của năm thứ hai của Đa-ri-út I Hy-stas-pes (521-486 TCN). Do đó, niên đại là 520 TCN. Đây là bốn năm trước khi Đền Thờ thứ hai được hoàn thành vào năm 516 TCN, và làm trọn lời tiên tri của Giê-rê-mi về bảy mươi năm lưu vong bắt đầu vào năm 586 TCN.

VI. SỬ KÝ CỦA THỜI KỲ (được trích từ các Tiểu Tiên tri của Tiến sĩ Theo Laetsch, xuất bản bởi Concordia, trang. 385.) *The Minor Prophets* by Dr. Theo Laetsch.

Năm trị vì của Đa-ri-út	Năm TCN	Tháng	Ngày	Văn bản	Nội dung	
2	520	6	1	A-ghê 1-11	A-ghê đánh thức mọi người vào hoạt động	
			24	A-ghê 1:12-25	Mọi người bắt đầu xây dựng	
		7	1	A-ghê 2:1-9	Sự vinh hiển của đền thờ Đức Chúa Trời sau đó	
			?	Xa-cha-ri 1:1-6	Xa-cha-ri bắt đầu nói tiên tri	
		9	24	A-ghê 2:10-19	Chúa sẽ bắt đầu ban phước	
			?	A-ghê 2:20-23	Vương quốc của Đấng Mê-si-a được thiết lập sau khi quyền lực thế gian bị đánh bại.	
		11	2 / 3	24	Xa-cha-ri 1:7-6:8	Những khái tượng ban đêm của Xa-cha-ri
				?	Xa-cha-ri 6:9-15	Sự lên ngôi của Giô-suê định hình trước chức tế lễ của Đấng Mê-si-a
		4	518	9	Xa-cha-ri 7-8	Sự ăn năn được khích lệ
				12/1		Phước lành được hứa
6	516	12	Ê-xơ-ra 6:15	Lễ cung hiến đền thờ		
		3/4				
		?	Xa-cha-ri 9-14	Sau lễ cung hiến đền thờ		

VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG - Nó được dàn bài theo các bài giảng của vị tiên tri.

- A. Bài giảng đầu tiên, 1: 1-11, xây dựng lại đền thờ!
- B. Các nhà lãnh đạo và người đáp ứng, 1: 12-15
- C. Bài giảng thứ hai, 2: 1-9, Kích thích đền thờ không phải là vấn đề!
- D. Bài giảng thứ ba, 2: 10-19, các phước lành của Đức Chúa Trời sẽ tuôn chảy nếu dân chúng vâng lời và xây dựng lại đền thờ.
- E. Bài giảng thứ tư, 2: 20-23, Triều đại thống trị của Đấng Mê-si-a được báo trước trong Xô-rô-ba-bên.

VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Cuốn sách tập trung vào việc xây dựng lại Đền Thờ thứ hai đã bị bỏ quên một số năm trước đó:
  - 1. cf. Ê-xơ-ra 5:16 (năm thứ nhất - dưới thời Sết-ba-sa)
  - 2. Ê-xơ-ra 3: 8-13 (Năm thứ 2 - dưới thời Xô-rô-ba-bên)
- B. Lời hứa của Đức Chúa Trời về các phước lành thuộc thể ngay lập tức và các phước lành của Đấng Mê-t-si-a trong tương lai được liên kết với việc xây dựng lại Đền Thờ (phục hồi Giao ước Môi-se).
- C. Kích thước và sự uy nghi của Đền thờ không phải là vấn đề, mà là sự hiện diện của nó. Sự hiện diện của Chúa mà nó tượng trưng là vinh hiển thật sự!

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ
  - 1. "Nhà có trần ván của ngươi," 1: 4 (NASB & NIV)
  - 2. "Xem xét đường lối của ngươi," 1: 5,7 (NIV, "hãy suy nghĩ cẩn thận để ...")
  - 3. "Ta cũng làm rúng động tất cả các quốc gia," 2: 7 (NASB & NIV)
  - 4. "Vinh hiển của ngôi nhà này sẽ lớn hơn nhà trước," 2: 9 (NASB & NIV)
  - 5. "Xô-rô-ba-bên ... Ta sẽ đặt ngươi như ấn tín," 2:23 (NASB & NIV)
- B. Nhân-vật:
  - 1. Đa-ri-út I, 1: 1
  - 2. Xô-rô-ba-bên, 1: 1
  - 3. Giê-hô-sua, 1: 1
  - 4. "Đức Giê-hô-va vạn quân," 1: 2 (NIV, "Đức Giê-hô-va toàn năng")

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ - KHÔNG!

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Vấn đề trọng tâm của cuốn sách là gì?
2. Tại sao những người Do Thái sau hậu lưu đày có thời gian khó khăn như vậy ở Giu-đa?
3. Những phần nào của chương 2 là về Đấng Mê-t-si-a? Tại sao?
4. Giải thích 2: 3.
5. Giải thích 2: 10-19.
6. Tại sao những điều tuyệt vời như vậy lại nói về Xô-rô-ba-bên trong khi lịch sử ghi lại quá ít thành tựu? (2: 20-23)

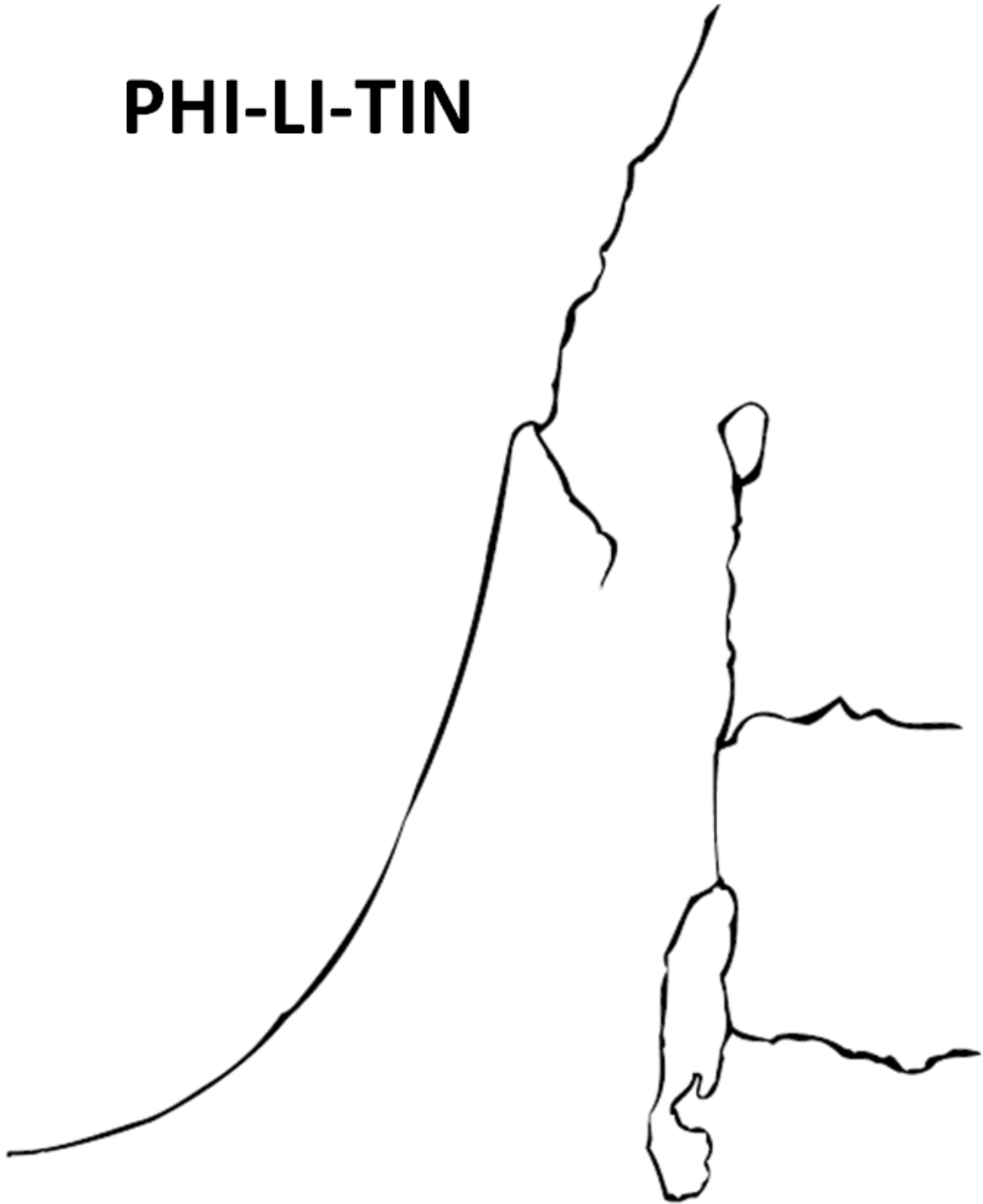


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ ĐẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM



# GIỚI THIỆU VỀ XA-CHA-RI

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt tên theo vị tiên tri.
- B. Tên của ông có nghĩa là "Đức Giê-hô-va nhớ lại", "được Đức Giê-hô-va nhớ lại" hoặc "Đức Giê-hô-va đã nhớ". Tên của ông ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va vẫn còn ở với người Do thái và đã phục hồi giao ước.

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của "các hậu tiên tri" (Ec-cle-si-as-ti-cus 49:10).
- B. Nó là một phần của "Mười hai," một nhóm các tiểu tiên tri (Ba-ba Bath-ra 14b):
  - 1. Như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp với một cuộn giấy.
  - 2. Đại diện cho mười hai chi phái hoặc số biểu tượng của tổ chức.
  - 3. Phản ánh quan điểm truyền thống của niên đại sách.
- C. Thứ tự của "Mười Hai Vị Tiên Tri" hoặc các Tiểu Tiên Tri đã được nhiều học giả liên kết đến một thời gian trình tự. Rõ ràng là A-gê và Xa-cha-ri tạo thành một cặp lịch sử.

## III. THỂ LOẠI

- A. Cuốn sách này là một ví dụ về văn chương Khải Huyền:
  - 1. Chương 1-8 về cơ bản là văn xuôi.
  - 2. Chương 9-14 về cơ bản là thơ ca.
- B. Thể loại này là đặc trưng nhất đối với người Do Thái. Nó thường được sử dụng trong những thời điểm đầy căng thẳng để thể hiện tin rằng Chúa đang kiểm soát lịch sử và sẽ mang lại sự giải thoát cho dân sự của Ngài.
- C. Sách được đặc trưng bởi:
  - 1. Một ý thức mạnh mẽ về sự tể trị phổ quát của Đức Chúa Trời,
  - 2. Một cuộc đấu tranh giữa thiện và ác trong thời đại này,
  - 3. Sử dụng các từ mã bí mật,
  - 4. Sử dụng màu sắc,
  - 5. Sử dụng các số,
  - 6. Sử dụng động vật, đôi khi động vật / con người,
  - 7. Đức Chúa Trời truyền đạt sự mặc Khải của Ngài bằng phương tiện của những giấc mơ hay Khải tượng thường qua thiên sứ.
  - 8. Chủ yếu tập trung vào tương lai.
- D. Một số ví dụ khác là:
  - 1. Cựu ước
    - a. Đa-ni-ên 7-12
    - b. Ê-xê-chi-ên 37-48 (?)
  - 2. Tân Ước
    - a. Ma-thi-ơ 24, Mác 13, Lu-ca 21, II Tê-sa-lô-ni-ca 2
    - b. Khải Huyền
  - 3. Không kinh điển
    - a. I Ê-noch

- b. IV Ê-xơ-ra (Es-dras)
  - c. II Ba-ruch
- E. Je-rome gọi Xa-cha-ri là cuốn sách tối nghĩa nhất trong Cựu ước. Tuy nhiên, nó được ám chỉ rộng rãi trong Tân ước:
- 1. Chương 1-8 trong sách Khải Huyền.
  - 2. Chương 9-14 trong các sách Phúc âm.
- F. Những khái tượng này rất khó để thông giải, nhưng nếu chúng ta giữ cho bối cảnh lịch sử trong tâm trí chúng phải liên hệ tới việc xây dựng lại đền thờ ở Giê-ru-sa-lem sau hậu lưu đày. Họ đang tập trung vào thời kỳ mới về sự tha thứ và sự đến của Đấng Mết-si-a.

#### IV. BẢN QUYỀN

- A. Xa-cha-ri là một tên tiếng Do Thái rất phổ biến. Nó được viết hai cách: *Zechariah* hoặc *Zachariah*. Có 27 người trong Cựu Ước đã đánh vần nó bằng chữ "e" và 2 người đánh vần nó bằng chữ "a".
- B. Chương 1: 1 nói rằng ông là một thầy tế lễ (xem Ê-xơ-ra 5: 1; 6:14; Nê-hê-mi 12: 4,16). Tại sao Ba-ra-chi, là người được đề cập trong 1: 1 và bị bỏ qua trong Ê-xơ-ra 5: 1 và 6:14 là không chắc chắn. Điều này sẽ làm cho Xa-cha-ri, một vị tiên tri thời kỳ hậu lưu đày sớm như A-ghê và Ma-la-chi và có thể là Áp-đi-a và Giô-ên.
- C. Nhiều học giả hiện đại phủ nhận sự hiệp nhất của Xa-cha-ri. Điều này là do các chương 1-8 rất khác nhau với chương 9-14. Trong các chương 1-8, vị tiên tri được đặt tên và những ngày lịch sử được đưa ra. Bối cảnh lịch sử rõ ràng là hậu lưu đày. Phần này được Giăng nhắc đến rộng rãi trong sách Khải Huyền của ông. Tuy nhiên, các chương 9-14 không có ghi ngày. Không có vị tiên tri nào được đặt tên. Bối cảnh lịch sử là thời kỳ cuối cùng. Phần này được ám chỉ thường xuyên nhất trong các sách Phúc âm.
- Trong Ma-thi-ơ 27: 9 Chúa Giê-su ghi một trích dẫn cho Giê-rê-ni là từ sách Xa-cha-ri 11: 12-13. Điều này là khởi đầu của xu hướng từ chối quyền tác giả của các chương 9-14 cho Xa-cha-ri. Tuy nhiên, ngay cả những Cuộn Biển Chết cổ Xa-cha-ri như một sự thống nhất. Có một số điểm nội bộ hướng đến một sự thống nhất:
- 1. Việc sử dụng số "hai" - 4: 3; 5: 9; 6: 1; 11: 7; 13: 8,
  - 2. Việc sử dụng CÁCH XUNG HỒ - 2: 7,10; 3: 2,8; 4: 7; 9: 9,13; 11: 1-2; 13: 7,
  - 3. Việc sử dụng cụm từ " đi qua và trở về" là đặc trưng trong Xa-cha-ri - 7:14; 9: 8,
  - 4. Việc sử dụng lặp đi lặp lại cụm từ " Chúa phán" - sử dụng 16 lần,
  - 5. Hình thức *qal* của "trú ngụ" - 2: 8; 7: 7; 12: 6; 14:10.
- (Trích ra từ R.K. Harrison's *Introduction to the Old Testament*, p.954.) Xem thảo luận sâu hơn về sự thống nhất của sách ở (cf. E.J. Young's *Introduction to the Old Testament*, p.280).
- D. Thực tế là Xa-cha-ri được tạo thành từ một phần lịch sử và tương lai là điều không nên ngạc nhiên. Chúng tôi đã thấy khuôn mẫu này trước đây:
- 1. Ê-sai 1-39 và 40-66
  - 2. Ê-xê-chi-ên 1-29 và 30-48
  - 3. Đa-ni-ên 1-6 và 7-12
- E. Một bài giới thiệu mới Cựu ước của And-rew Hill và John Wal-ton trên trang. 421 vạch ra cả hai phân chia bởi một loạt các giao thoa. Kỹ thuật văn học nhất quán này cung cấp bằng chứng tương lai của một tác giả.

#### V. NIÊN ĐẠI

- A. Xa-cha-ri 1: 1 nói rằng vị tiên tri bắt đầu chức vụ của mình vào tháng thứ 8, năm thứ hai của triều đại Đa-ri-út I (522-486 TCN). Hầu hết các học giả đều khẳng định rằng đây là Đa-ri-út I Hy-strap-es trên vương

quốc Phe-rơ-sơ sau khi Cam-by-ses II (530-522), con trai của Si-ru II, mất năm 522 TCN. Đa-ri-út là một vị tướng của Quân đội Phe-rơ-sơ.

- B. Điều này sẽ làm cho niên đại 519 hoặc 520 TCN. (2 tháng sau A-ghe). Ông đã rao giảng khoảng hai năm (xem 1: 1, 7; 7: 1).

## VI. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG (trích từ Giới thiệu về Cựu Ước của R.K. Harrison, trang 950.)

### A. Các lời tiên tri đã có niên đại, các chương 1-8

1. Giới thiệu và kêu gọi ăn năn, 1: 1-6.
2. Tám khái tượng liên quan đến việc xây dựng lại Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, 1: 7-6: 1
  - a. Bốn người cưỡi ngựa; lời hứa về sự phục hồi thiêng liêng, 1: 7-17
  - b. Bốn sừng bị phá hủy và bốn thợ rèn, 1: 18-21 (2: 1-4 Hê-bơ-rơ.)
  - c. Sự vĩ đại không đo lường được của Giê-ru-sa-lem, 2: 1-13 (2: 5-17 Hê-bơ-rơ).
  - d. Việc làm sạch của Giê-hô-sua, một lời tiên tri; với ông ta, 3: 1-10
  - e. Cột đèn bảy nhánh, 4: 1-14
  - f. Cuộn sách lớn bay, 5: 1-4
  - g. Người đàn bà ngồi giữa ê-pha được chuyển xuống Ba-by-lôn, 5: 5-11
  - h. Bốn cỗ xe ngựa kéo xuyên qua khắp đất, 6: 1-8
3. Phần lịch sử: Giê-hô-sua biểu tượng của Đấng Mê-si-a, 6: 9-15.
4. Một yêu cầu của Xa-cha-ri liên quan đến kiêng ăn, 7: 1-8: 23.

### B. Những lời tiên tri không có niên đại, 9-14

1. Phán quyết kẻ thù quốc gia; sự đến của hoàng tử bình an, 9: 1-17
2. Tập hợp dân chiên được lựa chọn bởi các nhà lãnh đạo Đức Chúa Trời, 10: 1-12
3. Người chăn chiên hiền lành và ngu xuẩn; sự đau khổ của đàn chiên, 11: 1-17
4. Lời tiên tri thời kỳ cuối cùng, 12: 1-13: 6
5. Sự phán xét thanh tẩy của vương quốc thánh, 13: 7-14: 21

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

A. Mục đích chính của cuốn sách là khích lệ của những người Do Thái trở về để xây dựng lại Đền Thờ. Điều này được bắt đầu bởi Sết-ba-xa, Ê-xơ-ra 1: 8; 5:16, nhưng đã không được tiếp tục dưới thời Xô-rô-ba-bên. Đền thờ đã bị bỏ quên trong sáu bảy năm. A-ghe khẳng định rằng điều này là do sự thờ ơ của người dân, trong khi Ê-xơ-ra ngụ ý rằng đó là diễn biến chính trị của các vùng lân cận, đặc biệt là Sa-ma-ri.

B. Cuốn sách này nói nhiều về Đấng Mê-si. Nhiều lời tiên tri về cuộc sống của Chúa Giê-su đến từ những chương 9-14:

1. Vị vua khiêm nhu và cưỡi trên lưng lừa con của con lừa cái, 9: 9,
2. Được bán cho ba mươi nén bạc, giá của một nô lệ và đất của thợ gốm như nơi chôn cất, 11:13,
3. Nhấn mạnh vào dòng dõi của Đa-vít, 12: 4-9,
4. "Chúng đã nhìn sẽ nhìn vào Ta là Đấng chúng nó đã đâm ..." 12:10.

C. Tình yêu phổ quát và sự tể trị của Đức Chúa Trời được thấy trong 2:11; 8: 20-23; 14: 9,16. Nhưng trong chương 9-14 cuộc nổi loạn của tất cả các dân tộc được nhấn mạnh, 12: 3 & 14: 2 (Thi thiên 2).

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

### A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ:

1. Trở lại, 1: 3 (NASB & NIV)
2. "Ta quá ghen tỵ với Giê-ru-sa-lem và Si-ôn," 1:14 (NASB & NIV)

3. "Một đường đo sẽ được trải dài trên Giê-ru-sa-lem," 1:16 (NASB & NIV)
4. Bốn sừng, 1: 18-21 (NASB & NIV)
5. "Ta sẽ là một bức tường lửa xung quanh nó," 2: 5 (NIV, "bản thân ta sẽ là một bức tường lửa xung quanh nó")
6. "Con người của mắt Ngài," 2: 8 (NASB & NIV)
7. "Giê-hô-sua mặc quân áo bản," 3: 3 (NASB & NIV)
8. Cuộn sách bay, 5: 1 (NASB & NIV)
9. *Teraphim*, 10: 2 (NIV, "thần tượng")
10. Hai cây gậy: "Tốt đẹp và Dây buộc," 11: 7, 14 (NASB & NIV)
11. "Ta sẽ khiến Giê-ru-sa-lem thành một chén ... một hòn đá nặng," 12: 2-3 (NIV, "... đá không thể di chuyển ")
12. "Nước hằng sông sẽ chảy ra từ Giê-ru-sa-lem," 14: 8 (NASB & NIV)

B. Nhân vật:

1. Ba-ra-chi, 1: 1,7
2. Thiên sứ của Chúa, 1:11; 3: 1
3. Sa-tan, 3: 1-2
4. Một Chôi, 3: 8; 6:12
5. "Hai người được xúc dầu," 4:14
6. Ha-đát Rim-môn, 12:11 (NIV, "*Hadad Rimmon*")

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Si-ôn, 1:14
2. Si-nê-a, 5:11 (NIV, "Ba-by-lôn")
3. Bê-tên
4. Ha-mát, 9: 2
5. Đồng bằng Mê-ghi-đô, 12:11
6. Núi Ô-li-ve, 14: 4

XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

1. Xa-cha-ri liên quan đến A-ghê như thế nào?
2. Các khái tượng của 1: 7-6: 8 được liên hệ như thế nào?
3. Liệt kê các Danh xưng cho Đấng Mê-si-a được tìm thấy trong sách.
4. Hai cây ô-liu của chương 4 là ai?
5. Có bao nhiêu ngày kiêng ăn được liệt kê trong chương 7-8?
6. Liệt kê các lời tiên tri trong các chương 9-14 liên quan đến cuộc đời của Đấng Christ.

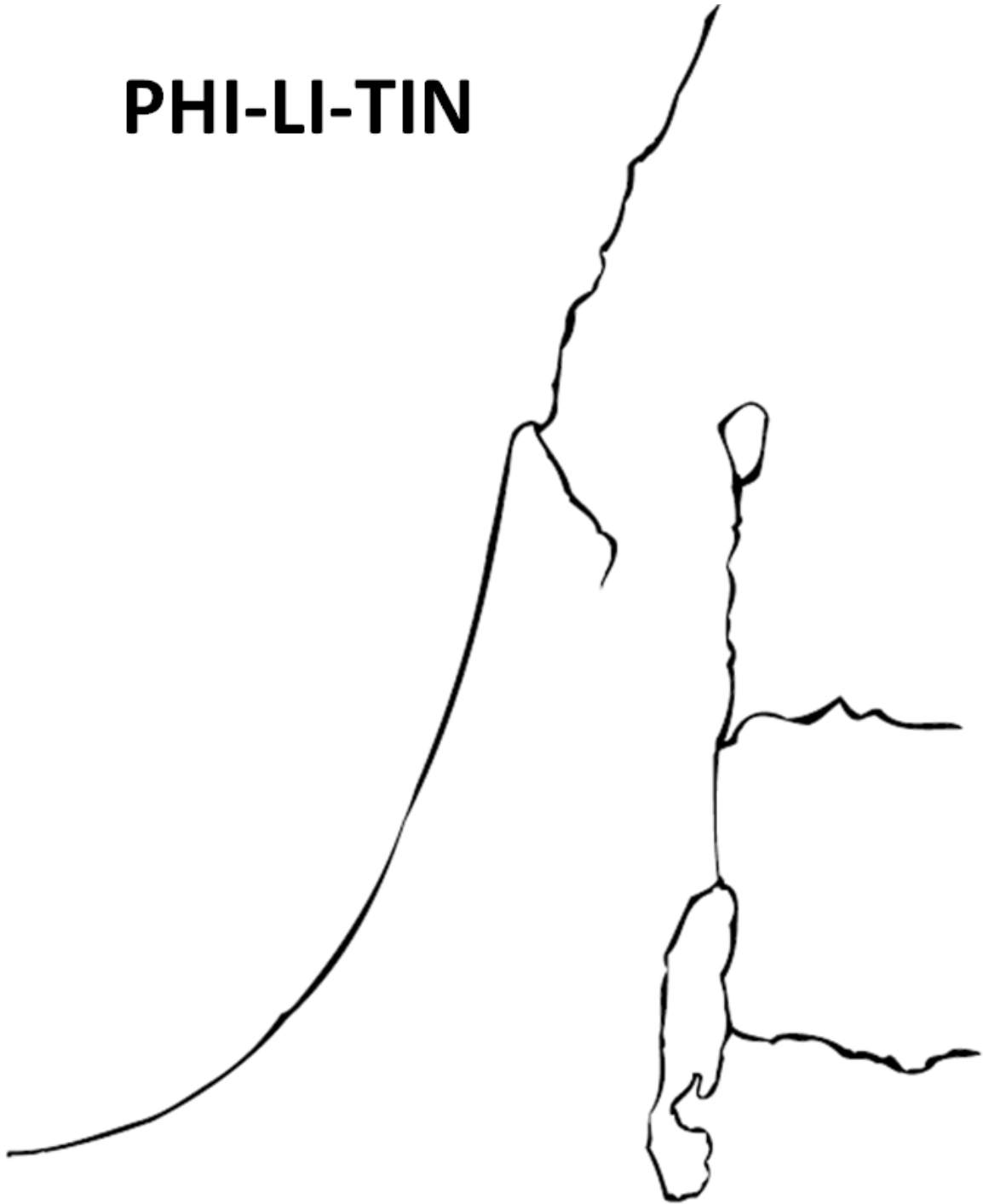


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM

# GIỚI THIỆU VỀ MA-LA-CHI

## I. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt tên theo vị tiên tri.
- B. Tên của ông có nghĩa là "sứ giả của tôi".
  - 1. Nó có thể là một tựa đề, "sứ giả của tôi," 3: 1.
  - 2. Nó có thể là "Thiên sứ của tôi."
  - 3. Nó có thể là một cái tên riêng

## II. KINH ĐIỂN HÓA

- A. Cuốn sách này là một phần của "hậu tiên tri" (Ec-cle-si-as-ti-cus 49:10).
- B. Nó là một phần của "Mười hai," một nhóm các Tiểu tiên tri (Ba-ba Bath-ra 14b):
  - 1. Như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, chúng phù hợp với một cuộn sách.
  - 2. Đại diện cho mười hai chi-phái hoặc Dân số biểu tượng của tổ chức.
  - 3. Phản ánh quan điểm truyền thống của niên đại sách.
- C. Thứ tự của "Mười Hai Vị Tiên Tri" hoặc các Tiểu Tiên Tri đã được nhiều học giả liên kết với nhau theo trình tự thời gian. Ma-la-chi rõ ràng là vị tiên tri trẻ cuối cùng.

## III. THỂ LOẠI

- A. Sách sử dụng sự chỉ trích để truyền đạt lẽ thật. Đây là một dạng câu hỏi và câu trả lời. Một lẽ thật được trình bày và sau đó một kẻ phản đối giả định đặt câu hỏi hoặc đưa ra nhận xét rồi diễn giả trả lời.
- B. Ma-la-chi được gọi là "Xô-crát Hê-bơ-rơ."
- C. Cả Phaolô và Gia-cơ đều sử dụng phương pháp này để trình bày lẽ thật.
- D. Cấu trúc này có thể được thấy trong, "Nhưng bạn nói ...", 1: 2, 6, 7 (hai lần), 12, 13; 2:14, 17 (hai lần); 3: 7, 8, 13, 14.
- E. Nó không phải là thơ ca Hê-bơ-rơ.

## IV. BẢN QUYỀN

- A. Chữ Hê-bơ-rơ "Ma-la-chi" được dùng trong 1: 1 có nghĩa là "thiên sứ" hoặc "sứ giả".
  - 1. Hầu hết lấy nó như một cái tên riêng.
  - 2. Bản LXX lấy nó như một danh hiệu (xem 3: 1).
  - 3. O-ri-gen nghĩ rằng nó được gọi là một thiên sứ.
- B. Bản Tal-mud (Me-cil-lah 15a) cho biết Mạc-đô-chê đã viết cuốn sách.
- C. Bản Tar-gum tiếng A-ram của Giô-na-than nói rằng đó là một danh hiệu cho Ê-xơ-ra. Cách giải thích này được ủng hộ bởi: Je-rome, Ra-shi và Cal-vin.
- D. Jose-phas trong "*Antiquities of the Jews*" Thời cổ đại của người Do Thái, 11: 4-5 đề cập đến tất cả những người sau thời kỳ lưu đày theo tên, ngoại trừ Ma-la-chi.

- E. Tên ông không xuất hiện cùng với bất kỳ trích dẫn nào của Tân-ước từ sách này.
- F. II Es-dras liệt kê các vị tiên tri thời kỳ hậu lưu đầy như A-ghê, Xa-cha-ri và Ma-la-chi.
- G. Vì không có cuốn sách tiên tri nào khác là vô danh, Ma-la-chi phải là một cái tên thích hợp. Hãy nhớ rằng, tác giả không ảnh hưởng đến sự soi dẫn.

## V. NIÊN ĐẠI

- A. Có sự tương đồng lớn giữa bối cảnh lịch sử của Nê-hê-mi và Ma-la-chi:
  1. Căng thẳng trên việc dâng phần mười, Ma-la-chi 3: 8; Nê-hê-mi 10: 32-39,
  2. Người nghèo bị áp bức, Ma-la-chi 3: 5; Nê-hê-mi 5: 1-5,
  3. Hôn nhân hỗn hợp tôn giáo, Ma-la-chi 2: 10, 11; Nê-hê-mi 13: 1-3, 23-24 (Ê-xơ-ra 9: 1-2).
- B. Niên đại tốt nhất có vẻ là từ 450-430 TCN, sau khi Nê-hê-mi trở lại tòa án Át-ta-xét-xe I, Nê-hê-mi 13: 6.

## VI. QUAN HỆ LỊCH SỬ GIỮA HÊ-BƠ-RƠ VÀ Ê-ĐÔM, 1: 2-5

- A. Họ được yêu cầu để tôn trọng họ là người thân:
  1. Dân số ký 20:14
  2. Phục truyền luật lệ ký 2: 4-6
- B. Họ có nhiều cuộc đối đầu với họ:
  1. Dân số 20: 14-21
  2. Các quan xét 11: 16ff
  3. I Sa-mu-ên 14: 47-48
- C. Lời tiên tri chống lại họ:
  1. Dân số ký 24:18
  2. Ê-sai 34: 5ff; 63: 1ff
  3. Giê-rê-mi 49: 7ff
  4. Ca thương 4: 21-22
  5. Ê-xê-chi-ên 26: 12ff; 35: 13ff; 36: 2-6
  6. A-mốt 1: 11-12

## VII. ĐƠN VỊ VĂN CHƯƠNG

- A. Dàn bài sách Ma-la-chi theo sáu tranh chấp của ông hoặc lời chỉ trích. Ma-la-chi nói thay Chúa, mọi người trả lời và Ma-la-chi lại nói thay Chúa một lần nữa.
- B. Dàn bài:
  1. Tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho những người Do thái trở về, 1: 2-5
  2. Sự kết án của Đức Chúa Trời đối với các thầy tế lễ, 1: 6-2: 9
  3. Sự kết án của Chúa về ly hôn và hôn nhân hỗn hợp tôn giáo, 2: 10-16
  4. Đức Chúa Trời kết án thái độ xấu của họ (Đức Chúa Trời của công bình ở đâu?), 2: 17-3: 6
  5. Sự kết án của Đức Chúa Trời về sự ủng hộ của họ đối với Đền Thờ, 3: 7-12
  6. Đức Chúa Trời kết án thái độ xấu của họ (Thật là vô ích để phục vụ Đức Chúa Trời!), 3: 13-4: 3
  7. Lời khuyên và lời hứa cuối cùng, 4: 4-6

## VIII. LỄ THẬT CHÍNH

- A. Ma-la-chi ghi lại tội lỗi của sự thờ ơ và vỡ mộng của những người Do thái trở về.



- B. Cuốn sách này có một sự tuyên bố phổ quát. Đức Chúa Trời sẽ dùng Y-sơ-ra-ên để đến với thế gian, 1: 5, 11, 14;
- C. Dân sự của Đức Chúa Trời đang xúc phạm tính cách của Ngài:
  - 1. 2:17 - Đức Chúa Trời không hành động trong công bình.
  - 2. 3: 6 – Tính chất không thay đổi của Đức Chúa Trời là lý do duy nhất mà Y-sơ-ra-ên vẫn tồn tại.
  - 3. 3:14 - Thật vô ích để phục vụ Đức Chúa Trời.
- D. Cuốn sách này có một hy vọng về Đấng Mê-ti-a, 3: 1; 4: 5.

## IX. THUẬT NGỮ VÀ / HOẶC CỤM TỪ VÀ NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TÓM LƯỢC

- A. Thuật ngữ và / hoặc cụm từ:
  - 1. Lời tiên tri, 1: 1 (NASB & NIV)
  - 2. "nhưng các người nói rằng ..." 1: 2 (NIV, "Nhưng các người hỏi ...")
  - 3. "Khi các người dâng một con vật què, đau," 1: 8 (NIV, "động vật bị tê liệt hoặc bệnh tật")
  - 4. "các người khinh dể nó," 1:13 (NIV, "các người nghĩ nó một cách khinh miệt")
  - 5. "khiến trách con cái của người," 2: 3 (NIV, "khiến trách dòng dõi các người")
  - 6. "đã cưới con gái của một thần ngoại," 2:11 (NASB & NIV)
  - 7. "Chúa các người đang tìm kiếm, sẽ thỉnh linh vào trong đền thờ của Ngài," 3: 1 (NASB & NIV)
  - 8. "Cuốn sách tưởng nhớ," 3:16 (NIV, "cuốn sách tưởng nhớ")
  - 9. "Mặt trời của sự công bình sẽ mọc lên cho, trong cánh nó có sự chữa lành," 4: 2 (NASB & NIV)
- B. Nhân vật:
  - 1. Ê-sau, 1: 2-3
  - 2. Gia-cốp, 1: 2
  - 3. Lê-vi, 2: 4
  - 4. Phù thủy, đồng bóng 3: 5
  - 5. Người khách lạ, 3: 5
  - 6. Tiên tri Ê-li, 4: 5

## X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

- 1. Ê-đôm, 1: 4
- 2. Giu-đa, 2:11
- 3. Y-sơ-ra-ên, 2:11
- 4. Hô-rép, 4: 4

## XI. CÂU HỎI NỘI DUNG CHO SINH VIÊN

- 1. Ma-la-chi được cấu trúc như thế nào?
- 2. Tại sao Ê-sau được đề cập trong 1: 2?
- 3. Các thầy tế lễ và dân sự thể hiện sự thiếu tôn trọng của họ về Đức Giê-hô-va như thế nào?
- 4. Lời nguyện rửa được đề cập trong 2: 2; 3: 9 đến từ đâu trong Kinh thánh? Nó liên quan đến điều gì?
- 5. Tại sao Đức Chúa Trời lại nói Ngài ghét sự ly dị? 2:16
- 6. Đấng Mê-si bỗng nhiên đến đền thờ như thế nào?

7. Tại sao 3: 6 lại quá quan trọng như vậy?
8. Đức Chúa Trời có hứa hẹn sự thịnh vượng cho sự dâng phần mười không?
9. Ê-li có đến trước mặt Chúa Giê-su không?

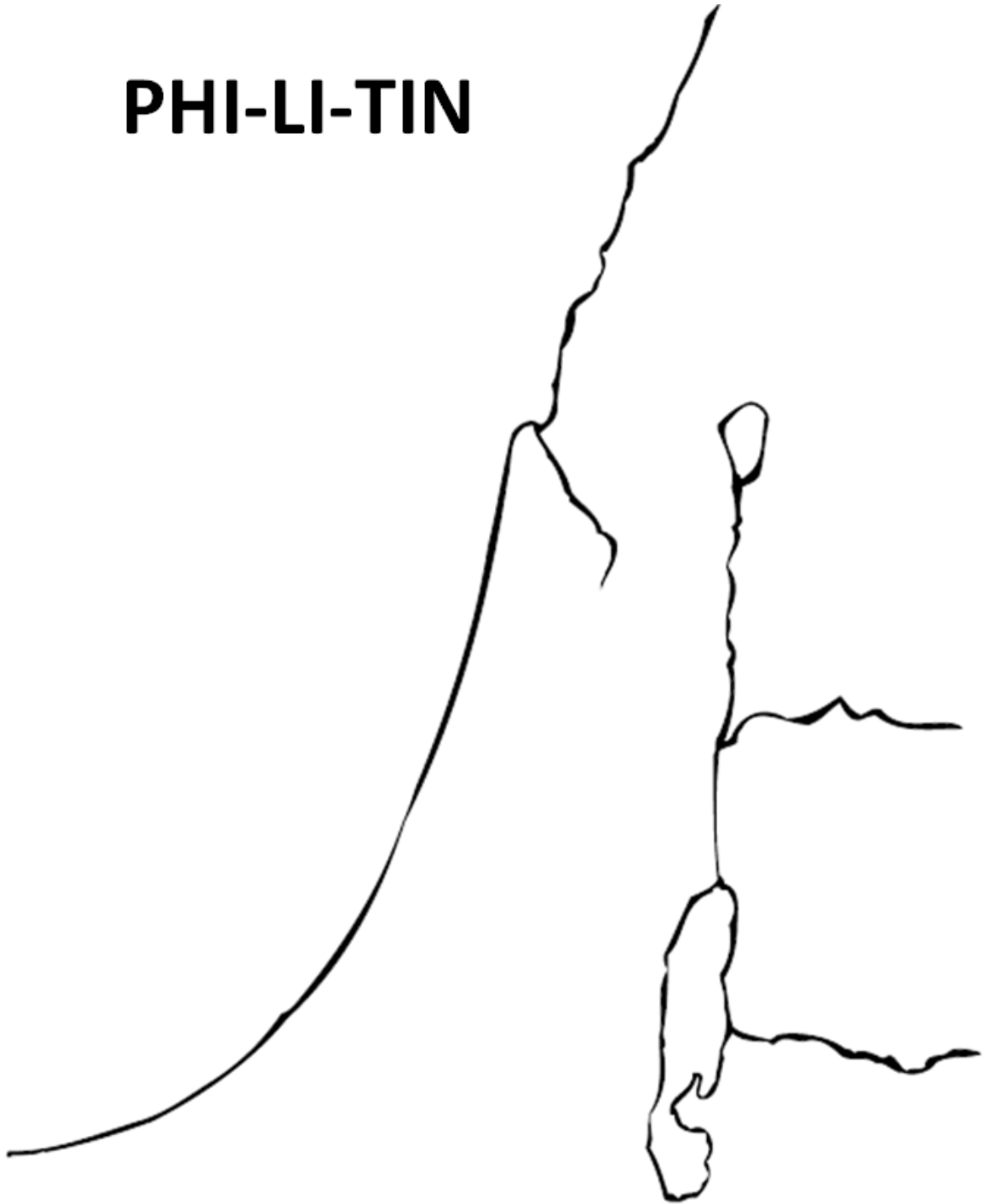


BẮC  
TÂY — ĐÔNG  
NAM

**THỜI CẬN ĐÔNG**

**CỔ DẠI**

# PHI-LI-TIN



0 10 20 30 40

TỈ LỆ THEO DẶM